

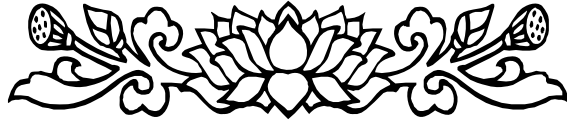


TRÍ TÌNH TOÀN TẬP

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Hán dịch: Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

TRỌN BỘ 9 QUYỂN - QUYỂN 1



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

BAN CHỨNG MINH

Hòa thượng Thích Từ Nhơn

Hòa thượng Thích Thanh Từ

Hòa thượng Thích Tác An

Hòa thượng Thích Hiền Tu

Hòa thượng Thích Viên Giác

Hòa thượng Thích Trí Quảng

Hòa thượng Thích Như Niệm

Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh

Hòa thượng Thích Giác Toàn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*Chùa Ân Quang - Q. 10*).

BAN CỐ VẤN

Hòa thượng Thích Chơn Lạc

Hòa thượng Thích Thiện Nhơn

Hòa thượng Thích Nhật Quang (*TV. Thường Chiếu*)

Hòa thượng Thích Minh Cảnh

Hòa thượng Thích Minh Thông

Hòa thượng Thích Thiện Pháp

Hòa thượng Thích Hoàng Đức

Hòa thượng Thích Tấn Lãnh

Hòa thượng Thích Hoàng Thông

Hòa thượng Thích Minh Tùy

Thượng tọa Thích Chân Tính

Thượng tọa Thích Đồng Bản

Thượng tọa Thích Minh Duyên

Thượng tọa Thích Hoàng Kiên.

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: Thượng tọa Thích Hoằng Tri

Phó ban: Thượng tọa Thích Hoằng Chí

Phó ban: Đại đức Thích Hoằng Thạnh.

BAN THỰC HIỆN

Đại đức Thích Pháp Đăng (*Trưởng ban*)

Thượng tọa Thích Thiện Xuân

Thượng tọa Thích Hoằng Vi

Đại đức Thích Hoằng Tín

Đại đức Thích Hoằng Đạt

Đại đức Thích Hoằng Xung

Đại đức Thích Hoằng Thường

Đại đức Thích Minh Thành

Đại đức Thích Hoằng Hiễn

Đại đức Thích Hoằng Nhiệm

Đại đức Thích Hoằng Phước

Đại đức Thích Hoằng Lập

Đại đức Thích Tâm Chánh

Phật tử Hoằng Ân

Phật tử Hoằng Tôn

Phật tử Thanh Tiên

Phật tử Thanh Tựu

Phật tử Diệu Tịnh.

TÁN DƯƠNG CÔNG ĐỨC

Hôm nay, chúng ta có phúc duyên chiêm ngưỡng bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, một tuyển tập kinh, luật, luận trong Tam Tạng giáo điển của Phật giáo, được HT. Thích Trí Tịnh gia tâm nghiên cứu và diễn dịch ra chữ Việt để cho tăng, ni, Phật tử dễ dàng trong việc tu học và đọc tụng.

Lần đầu tiên, chúng ta có được một toàn tập kinh, luật, luận lớn lao và quan trọng của Phật giáo Việt Nam. *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự diễn dịch chuẩn mực với thâm tâm và ngòi bút linh hoạt, Hòa thượng Trí Tịnh đem đến cho chúng ta một sự hiểu biết sâu rộng đối với Phật pháp, mà *Trí Tịnh Toàn Tập* là sự hướng dẫn quan trọng cho tứ chúng trên bước đường tu hành.

Kinh giáo là kim chỉ nam cho người con Phật, nên sự diễn dịch giáo điển phải là bậc cao tăng thạc học thì mới đem lại sự kính ngưỡng tiếp nhận, và càng được thêm lợi ích với công đức và đạo hạnh của dịch giả, nên *Trí Tịnh Toàn Tập* là phúc duyên của Phật giáo Việt Nam và cho tăng, ni, Phật tử.

Sự hiện diện của *Trí Tịnh Toàn Tập* là sắc đẹp và hương thơm trong vườn hoa đạo, làm cho giáo lý của Phật pháp càng thêm rực rỡ và ngào ngạt, khiến cho tăng, ni và Phật tử tha thiết muốn phổ biến rộng rãi các kinh, luật, luận của Hòa thượng đã diễn dịch, nên câu hội và đề xuất *Trí Tịnh Toàn Tập* để huân triêm lợi lạc cho đại chúng hiện tại và lâu mãi về sau, nên bộ *Trí Tịnh Toàn Tập* xuất hiện.

Tôi trân trọng tán dương công đức *Trí Tịnh Toàn Tập* với tứ chúng và mong tăng, ni, Phật tử được ân triêm lợi lạc rộng lớn trên bước đường tu hành.

*Việt Nam Quốc Tự
HT. Thích Từ Nhơn*

LỜI KHẢI BẠCH

Kính bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni!

Kính thưa Phật tử trong và ngoài nước!

Suốt cuộc đời hành đạo của Hòa thượng Tôn Sư là một sự nghiệp vĩ đại: dịch kinh, giảng kinh và tụng kinh. Kinh của Ngài dịch là những bộ kinh lớn quan trọng của Phật giáo Đại thừa, cương yếu lập tông của các Tông phái. Về giảng kinh thì phần đông chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư qua các trường lớp Phật học ngày trước đều thọ nhận sự giáo dưỡng của Ngài. Về tụng kinh thì Ngài dạy phải thuộc lòng kinh thì mới gọi là tụng kinh. Khi mới vào chùa, Ngài rất siêng năng tụng niệm. Ngoài các thời khóa quy định, Ngài còn tụng thêm ở thất riêng. Thích kinh nào là học thuộc lòng kinh đó và tụng niệm thường xuyên. Khi về Trường Phật Học Liên Hải, mỗi sáng sớm Ngài đều trì kinh *Pháp Hoa* trọn bộ, trì xong mới dùng sáng. Về sau, Ngài giữ thời khóa nhất định: mỗi ngày đều tụng kinh *Phổ Hiền*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Kim Cang*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-di-đà* và cuối cùng là niệm Phật hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Bây giờ, sức yếu, Ngài chỉ tụng thầm. Tụng thầm mà vẫn thuộc thì sự nhiếp tâm rất cao.

Trước tấm gương vĩ đại đó, chúng con thật lầy làm hổ thẹn. Về ba phương diện trên, chúng con chưa có phần nào tương ứng. Nay Hòa thượng Tôn Sư tuổi hạc đã cao, sức khỏe mỗi ngày một yếu, thế mà chúng con chưa làm được gì để gọi là “tri ân báo ân” đối với sự nghiệp của Ngài.

Chúng con từng nghe:

*Nhạn bay ngang trời
Bóng chìm đầm lạnh
Nhạn không có ý để lại dấu tích
Nước không có ý lưu giữ bóng hình.*

Dù biết phù sinh hư ảo, vạn vật vô thường, song trước ân đức vô bờ của Hòa thượng Tôn Sư, chúng con cũng muốn lưu lại chút dư âm trong một đời tu học và hành đạo của Ngài, nhằm lợi lạc quần sanh. Thế nên, chúng con bèn họp đại chúng, cùng nhau thỉnh chư Tôn túc chỉ dạy để chúng con thực hiện bộ *Trí Tịnh Toàn Tập*, hầu ghi lại dấu ấn vàng son trong một đời hoằng hóa của Ngài, tuy muộn màng nhưng vẫn còn kịp lúc. Thâm nguyện Ngài từ bi trụ thế, gia trì trí lực cho chúng con để chúng con có thể sớm hoàn thành mỹ mãn công trình Phật sự quan trọng này. Rất mong, bộ *Toàn Tập* sẽ đem lại lợi ích lớn cho Phật giáo Việt Nam, cũng như cho Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài nước.

Nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho Hòa thượng Tôn Sư trụ thế dài lâu để chúng con còn nhờ ân giáo dưỡng và cũng mong ân Tam Bảo gia hộ cho chúng con được đầy đủ thắng duyên thực hiện hoàn mãn bộ *Toàn Tập* này, để tỏ lòng tri ân báo ân Hòa thượng Tôn Sư trước khi Ngài về Phật.

Chúng con xin tri ân chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa đã sách tấn, động viên, cố vấn, hướng dẫn chúng con trong quá trình thực hiện.

Chúng tôi cũng xin tri ân đến tất cả huynh đệ Tăng Ni, Phật tử trong Ban Biên tập đã dốc lòng, dốc sức làm việc để sớm hoàn chỉnh từng bộ, đưa vào in ấn.

Chúng tôi cũng không quên ghi nhận công đức của chư Tôn đức Tăng Ni, Phật tử đã cúng dường tịnh tài để chúng tôi đầy đủ phương tiện thực hiện công trình.

Xin nhất tâm tùy hỉ trước mọi tấm lòng hướng về việc làm đầy ý nghĩa này. Trong lúc thực hiện không tránh khỏi những sơ sót, kính mong chư Tôn đức khắp mười phương niệm tình chỉ dạy cho.

Chùa Vạn Đức, ngày 19/02 Tân Mão (28/03/2011)

TM. Ban Biên tập

Tỳ-kheo Thích Hoàng Tri

*

TIỂU SỬ ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ TỊNH (1917 – 2014)

I. Thời thơ ấu:

Hòa thượng pháp danh Thiện Chánh, tự Trí Tịnh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41, là đệ tử của Hòa thượng *thượng* Thiện *hạ* Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cẩm, Châu Đốc. Hòa thượng thế danh là Nguyễn Văn Bình, sanh ngày 17 tháng 10 năm 1917 (02 tháng 09 năm Đinh Tỵ), tại xã Mỹ An Hưng (Cái Tàu Thượng), quận Lấp Vò, tỉnh Sa Đéc (*nay là huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp*). Là con út trong gia đình có sáu anh chị em. Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cân, một nông dân chon chất. Cụ ông qua đời lúc Hòa thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba là ông Nguyễn Văn Đặng, nay đã qua đời. Hòa thượng có ba chị gái: thứ hai, thứ năm và thứ sáu. Người thứ tư mất sớm.

Đến năm 10 tuổi, Hòa thượng mới vào học lớp năm (*thời đó lớp năm là lớp một hiện nay*). Hòa thượng rất thông minh, vừa học vừa dạy lại các cháu, ban đêm còn đọc truyện Tàu cho mọi người nghe. Một ngày nọ nhân thấy người hàng xóm đi bắt chim dòng dọc còn đang sống đem về nhổ lông rồi nướng ăn. Nhìn sự đau đớn của con vật trước khi chết, trong lòng Hòa thượng xót thương vô cùng, từ đó bèn phát tâm ăn chay trường. Trong nhà có người hỏi thì chỉ trả lời là không ăn mặn được vậy thôi. Lúc chơi đùa với chúng bạn cùng trang lứa trong xóm, khi thấy các bạn lấy giàn ná để bắn chim, Hòa

thượng đuổi cho nó bay đi, dù cho chúng bạn có chê cười trách mắng cũng không bận lòng.

Năm 14 tuổi, nhân đọc quyển *Tây Phương Trúc Chi*, từ đó Hòa thượng âm thầm tập niệm Phật, gọi lòng mình về cõi Tây phương. Thấy trong sách dạy niệm Phật 300 ngàn câu sẽ được sanh về Cực Lạc, thế nên mỗi ngày Hòa thượng giữ quyển sách Đông y của người anh, xem như đang đọc, nhưng thật ra Hòa thượng đang âm thầm tập niệm Phật, hễ niệm đủ 100 câu Phật hiệu thì lật qua một trang.

Đúng 15 tuổi, Hòa thượng học đến lớp đệ thất (tức lớp 6 hiện nay), rồi sang học chữ Nho với người chú và học Đông y với người anh họ.

Hòa thượng thấy cảnh lục đục của gia đình anh chị nên có ý xuất ly thế tục. Từ đây, Hòa thượng bắt đầu tìm hiểu đến các tôn giáo như Thiên Chúa, Cao Đài, Thông Thiên Học v.v... và đặc biệt quan tâm đến Phật giáo. Tuy vậy, khi đến các chùa, Hòa thượng thấy phần đông quý thầy chú trọng về việc làm đồ mã, cúng bái, đi đám; trên bàn thờ thì tối om, thờ nhiều tượng, tượng nào cũng đội khăn đỏ trông phát sợ nên không có cảm tình lắm. Hòa thượng cho rằng các vị cao Tăng có lẽ ẩn dật nơi non cao núi thẳm, nên có khát vọng được tu ở các chùa trên núi.

Năm 18 tuổi, Hòa thượng nằm mộng thấy một ông già đến bảo rằng: “Con có căn tu, phải cần tìm thầy học đạo thì sẽ được như trong sách ước”. Ông già còn bảo thêm: “Chùng nào cọp chết, rắn mới về non” (*Hòa thượng tuổi Tý*).

II. Lập chí xuất trần:

Năm 1937, lúc Hòa thượng 21 tuổi, cùng người bạn lên Sài Gòn lập nghiệp, ở chung nhà trọ. Căn nhà ấy có một người đi chơi ở Tây Ninh về mua được một con cọp con, nuôi được chín, mười ngày thì nó chết. Ứng điềm chiêm bao, Hòa

thượng liền thu xếp tìm đường xuất gia. Trước đó, tuy đã có ý định xuất thế cho sớm nhưng còn người chị thứ sáu chưa lập gia đình nên không nỡ bỏ đi. Nay bà chị đã yên bề gia thất, Hòa thượng yên tâm ra đi, để lại cho các anh chị mỗi người một lá thư và một tấm hình.

Hòa thượng đi thẳng lên núi Cẩm, vì trước đã nghe có nhiều vị chơn tu trên núi ấy. Vừa đến chân núi, vì quá vui mừng nên quăng cả đôi dép, Hòa thượng nhảy từ tầng đá này qua tầng đá khác và nguyện ghé lại ngôi chùa nào trước thì sẽ xuất gia ở đó, dù chưa biết chùa đó tên gì, trụ trì là ai. Nhân duyên đưa Ngài đến ngôi chùa Vạn Linh, là một ngôi chùa ở xa và cao nhất. Hòa thượng vào chùa xin xuất gia, lúc đó Hòa thượng trụ trì không ở trong chùa mà ở thất riêng ngoài bìa rừng, chỉ khi nào có việc thì sau giờ Tịnh độ mới vào dạy bảo Tăng chúng ít lời. Hôm ấy là tối 14 tháng 02 năm Đinh Sửu, ngày Sám hối giữa tháng. Sau giờ Sám hối, chúng ra thưa, Hòa thượng trụ trì vào, nhìn sững Hòa thượng hồi lâu, rồi mới nói với đại chúng: “Bây đừng khinh thường tăng này. Đời trước nó đã làm Hòa thượng, đời nay nó cũng làm Hòa thượng. Nhưng vì có tội hay nhìn con gái nên đời này bị bệnh mắt suốt đời”. Thế là hôm sau, Hòa thượng được thế phát vào ngày vía Phật nhập Niết-bàn.

Sau khi xuất gia, Hòa thượng lãnh việc viết sớ điệp nên đã xin Hòa thượng trụ trì cho Ngài được ở ngôi thất nhỏ (ngang 1,5m dài 2,5m), làm bằng tranh tre trong vườn chùa. Do vậy, ngoài các công việc và thời khóa trong chùa, Hòa thượng còn ra thất tụng kinh thêm và làm bốn phận hết sức cần mẫn. Ngài hành khổ hạnh như nhịn ăn, ít ngủ, đến đổi Hòa thượng trụ trì phải cảnh cáo. Lúc ấy, có bà Phật tử cúng dường bốn thước vải nâu, yêu quý thầy tụng 60 biến kinh *Phổ Môn* hồi hướng cho gia đình bà. Hòa thượng không có áo tràng mặc lúc tụng kinh nên đã hứa nhận việc này, đây là nhân duyên Hòa thượng thuộc lòng kinh *Phổ Môn* đầu tiên.

Nhân đọc được tạp chí *Từ Bi Âm*, Hòa thượng phát khởi ý nguyện học rộng Phật pháp. Cuối năm 1939, Hòa thượng xin phép Hòa thượng trụ trì xuống núi về Sài Gòn để tìm học kinh luật.

Đầu tiên Hòa thượng cùng với sư huynh là Thiện Phước cất am ở núi Thị Vải gần chùa Tổ (hiện nay là Linh Sơn Bửu Thiền) ở tu. Nhưng vì sơn lam chướng khí, Hòa thượng và thầy Thiện Phước đều bị sốt rét nặng. Thế nên, hai thầy quyết định xuống núi. Thầy Thiện Phước thì tá túc nơi am của bà năm, còn Hòa thượng tá túc nơi hang đá của bà bảy. Vài hôm sau, thầy Thiện Phước qua đời. Hòa thượng phải về Sài Gòn ở tại chùa Tịnh Độ, Gò Vấp, do ông tư Lành làm xếp ga xây dựng lên. Hòa thượng đến bệnh viện Sài Gòn để điều trị nhưng cũng chẳng thuyên giảm, thấy vậy Ngài tự nguyện với lòng: “Có chết như huynh Thiện Phước cũng chẳng sao!”. Thế nên, không quan tâm đến việc trị bệnh nữa mà phát tâm biên chép kinh *Pháp Hoa*. Có một Phật tử biết tâm nguyện của Hòa thượng, giúp tìm mua giấy mực. Đến ngày 14 tháng 10 việc chép kinh xong. Duyên may, gặp thầy gặp thuốc, Hòa thượng được trị dứt bệnh sốt rét sau đó ít lâu.

III. Phát tâm tu học:

Sau khi hết bệnh, Hòa thượng ở tại chùa đó một thời gian ngắn nữa. Về sau, có người em gái họ đã xuất gia, pháp danh Diệu Trí ghé thăm. Cô ấy có khoe với Hòa thượng là được học kinh luật rất hay và khuyên Hòa thượng nên tìm học. Lúc bấy giờ, chỉ có trường An Nam Phật Học mở ở chùa Báo Quốc tại Huế. Trong tâm Hòa thượng khởi ý đi Huế từ đó.

Đầu năm 1940, Hòa thượng về lại Cái Tàu để xin giấy ra Huế học. Nhưng chính quyền không cho, bảo Hòa thượng phải ở lại năm bảy tháng mới cấp giấy. Hòa thượng không chờ được nên lên Sài Gòn tìm cơ hội để đi. Khi đi, được một thí chủ là bà ba Hộ (chủ đất chùa Vạn Đức) cúng dường 15 đồng

làm lộ phí. Đúng ra, đi tàu suốt đến Huế thì khỏe hơn. Nhưng bây giờ, Huế thuộc vùng bảo hộ của Pháp, còn miền Nam là thuộc địa nên ra đây phải có giấy như xin Passport ra nước ngoài vậy. Vì thế, Hòa thượng phải đi từng chặng. Hòa thượng lên tàu đi Phan Thiết. Đến nơi thì đã trưa, Hòa thượng kêu xe kéo đến chùa nào gần cũng được vì thật sự cũng không biết chùa nào mà đến. Xe kéo Hòa thượng đến chùa Bình Quang. Hòa thượng vào chùa xin cơm. Chùa dọn cơm xong. Lúc sắp ăn thì vị Ni trụ trì nói: “Huynh à! Chư Tăng ở đây đi đường hay ăn cơm là phải mặc áo dài, sao huynh không mặc?”. Hòa thượng làm thình, trong bụng thâm nghĩ: “Cũng muốn mặc lắm nhưng có đâu mà mặc!”.

Sau khi ăn cơm xong, Hòa thượng lại tiếp tục ra bên xe để đi Bình Định. Vì trước khi đi, Hòa thượng có đến tòa soạn báo Từ Bi Âm gặp Hòa thượng trụ trì chùa Liên Tôn ở Bình Định, lúc đó là Phó chủ bút, còn Hòa thượng Bích Liên làm chủ bút. Ra đến Bình Định, Hòa thượng tìm lại chùa Liên Tôn. Hôm đó, Hòa thượng trụ trì còn ở Thành phố chưa về. Trong chùa chỉ có một vị thầy trông coi gọi là thầy Khố. Ít hôm sau, Hòa thượng trụ trì về. Hòa thượng bèn xin tạm ở đây tu học. Hòa thượng trụ trì nhờ Hòa thượng viết lại Bát-nhã Tâm Kinh mà Hòa thượng đã giảng và in từng kỳ trong báo Từ Bi Âm, ghép lại thành tập để in ra phổ biến. Hòa thượng ở đó được ba tháng và học được bộ *Cảnh Sách Cú Thích Ký*. Do sự khuyến khích của người em họ là cô Diệu Trí, Hòa thượng tiếp tục ra Huế tìm học. Đó là khoảng tháng 08 năm 1940.

Ra đến Huế, Hòa thượng đến chùa Tây Thiên, nơi đó đang giảng kinh *Lãng-nghiêm*. Hòa thượng gặp các vị học Tăng miền Nam ra trước ở đó, như HT. Thiện Hòa, HT. Thiện Hoa, HT. Giác Tâm. Nhờ sự giúp đỡ của HT. Giác Tâm, Hòa thượng được ở trường Báo Quốc - Huế với học bổng toàn phần.

Nhờ sẵn có vốn liếng Nho học, và sự cố gắng vượt bậc, chỉ sau vài tháng học tập, Hòa thượng đã vượt qua kỳ thi cuối cấp của bậc tiểu học.

Đầu năm 1941, Hòa thượng thọ giới Sa-di tại chùa Quốc Ân - Huế với Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ, được ban tặng pháp tự là Trí Tịnh.

Sau đó, Hòa thượng tiếp tục học lên Trung đẳng và tốt nghiệp vào cuối năm 1942. Đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao đẳng. Cũng năm này, trường An Nam Phật Học dời vào Tông Lâm Kim Sơn, Hòa thượng được Hội và Ban Giám đốc cử làm Giám viện Quản đốc trường. Kế đó, vì nạn đói ở Huế cũng như cả miền Bắc, nhà trường quyết định chuyển học Tăng Sơ đẳng và Trung đẳng khoảng 40 vị vào Nam và giao toàn chúng cho Hòa thượng quản lý. Hòa thượng Thiện Hoa và Hòa thượng Chí Quang lo chỗ nơi, mục tiêu hướng đến là Lương Xuyên Phật Học. Vào đến Nam, đoàn học Tăng tạm ở lại chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho do thầy Trí Long trụ trì. Thầy Trí Long cũng là một học Tăng trong đoàn. Hòa thượng Thiện Hoa và Chí Quang trở về Lương Xuyên lo sắp xếp. Còn Hòa thượng về chùa Kim Huê, Sa Đéc tạm ở và lo nhập thất. Trong lần nhập thất 49 ngày này, sáng Hòa thượng xem tạng luật, tụng tụng kinh *Hoa Nghiêm* và trì niệm Thánh hiệu Phật A-mi-đà. Suốt thời gian nhập thất, Hòa thượng tụng được bốn bộ kinh *Hoa Nghiêm*. Khi tụng đến phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*, trong lòng Hòa thượng hoan hỷ như viển khách về đến cố hương, như người gặp được món đồ của mình đã quên mất từ lâu. Và cũng từ ngày đó, Hòa thượng dùng phẩm này làm kinh tụng trong thời khóa tu mỗi ngày.

Ngày 19 tháng 06 năm 1945, Hòa thượng được thọ Đại giới tại Đại Giới đàn tổ chức ở chùa Long An, Sa Đéc do Đại lão Hòa thượng Thích Chánh Quả (chùa Kim Huê) làm Hòa thượng Đàn đầu.

IV. Thời kỳ hành đạo:

Cách mạng tháng 08 năm 1945 phát động, các học Tăng từ Huế vào theo tiếng gọi của Tổ quốc cởi áo ca-sa mặc chiến bào rất nhiều, Lương Xuyên Phật Học bị phân tán. Hòa thượng và HT. Thiện Hoa cùng tập hợp một số học Tăng còn lại và một số mới lập nên Phật học đường Phật Quang ở Trà Ôn.

Cuối năm 1946, tình hình địa phương không được ổn định. Hòa thượng dời một số học Tăng về tạm ở chùa Vạn Phước, Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, Hòa thượng cùng HT. Huyền Dung thành lập trường Phật Học Liên Hải, quy tụ số học Tăng khoảng 70 vị từ khắp các nơi về. Trong đó có Hòa thượng Đạt Từ ở chùa Thiên Tôn (Thủ Đức) đến giúp và giữ chức Giám trường. Hòa thượng Quảng Minh cũng về hợp tác. Ngày 30/03 âm (dl 1947), Hòa thượng chột nghỉ, mừng 08/04 âm mừng Phật Đản phải lấy gì để dâng lên cúng dường Phật. Với tấm lòng chí thành, Hòa thượng phát nguyện học thuộc kinh *Kim Cang* để cúng dường. Đến ngày mừng 07/04 âm, Hòa thượng nhờ HT. Tác Phước (hiện nay trụ trì chùa Phước Huệ ở Úc đã viên tịch) cầm bản kinh dò giúp. Cuối cùng, Hòa thượng đã hoàn thành tâm nguyện và đưa kinh *Kim Cang* vào thời khóa tụng mỗi ngày.

Hòa thượng từng nhắc nhở Tăng Ni: “*Sự nghiệp của người xuất gia là trí huệ, thiện căn công đức, còn đuổi theo quyền lợi là mê lầm. Người tu được gọi là tăng tài không phải ở bằng cấp, mà ở nơi giữ giới trang nghiêm, siêng năng vững bền ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh để tâm được thanh tịnh sáng suốt. Đó mới đúng nghĩa tăng tài*”.

V. Thời kỳ hoằng hóa:

Đến năm 1950, Hòa thượng có bệnh phải đi dưỡng bệnh ở chùa Linh Sơn Cổ Tự (Vũng Tàu) nên giao toàn trường cho Hòa thượng Thiện Hòa vừa ở Bắc về quản lý. Năm 1951, Hội

chùa Linh Sơn tỉnh Hòa thượng làm trụ trì và giao toàn quyền quản lý. Cũng trong năm này, Hòa thượng cùng Hòa thượng Thích Thiện Hòa sáp nhập 03 Phật học đường Liên Hải, Mai Sơn, Sùng Đức thành Phật học đường Nam Việt, trụ sở đặt tại chùa Ân Quang, quận 10, tỉnh Chợ Lớn (nay là quận 10, Tp. Hồ Chí Minh). Từ năm 1951 - 1956, Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn và giảng dạy cho Lớp Cao Đẳng Phật học.

Năm 1952, Giáo hội Tăng già Nam Việt được thành lập ở Sài Gòn. Hòa thượng được mời giữ chức Trưởng ban giáo dục và Trưởng ban giám luật. Kế đó, Giáo hội Tăng già toàn quốc được thành lập. Hòa thượng được cử vào các chức vụ Trưởng ban giáo dục, Ủy viên phiên dịch Tam tạng và Phó Trị sự trưởng. Vì có nhiều trọng trách trong Giáo hội nên tháng 04 năm 1954, Hòa thượng trao quyền trụ trì chùa Linh Sơn lại cho Thượng tọa Tịnh Viên để rảnh rang lo việc Giáo hội.

Năm 1957, Hòa thượng được Đại hội Giáo hội Tăng già Nam Việt cử làm Trị sự phó và kiêm Trưởng ban Giáo dục Giáo hội Tăng già Nam Việt. Đồng thời, hợp tác với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Hòa thượng Thích Thiện Hòa mở các khóa Như Lai Sư Giả tại chùa Pháp Hội, chùa Tuyên Lâm, chùa Dược Sư... để đào tạo Trụ trì và Giảng sư cho Giáo hội.

Năm 1959, trong Đại hội Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam kỳ II, vào 02 ngày 10, 11/9/1959 tại chùa Ân Quang, Hòa thượng được Đại hội suy cử làm Trị sự Phó Giáo hội Tăng già toàn quốc Việt Nam.

Năm 1960 - 1962, Hòa thượng làm Giới Luật sư trong các Đại Giới đàn, tổ chức tại chùa Ân Quang, Pháp Hội... để truyền trao giới pháp cụ túc cho chư Tăng.

Năm 1962, Hòa thượng được Giáo hội Phật giáo Trung phần cung thỉnh vào cương vị Phó Viện trưởng Phật học Viện Trung phần Hải Đức - Nha Trang.

Năm 1964, Hòa thượng làm Trưởng đoàn Đại biểu Giáo hội Tăng già Nam Việt tham dự Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam, được tổ chức tại chùa Xá Lợi trong những ngày 30, 31/12/1963 và 01/01/1964 để thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Tại Đại hội này, Hòa thượng được suy cử vào cương vị Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Tăng sự.

Năm 1964, Hòa thượng đảm nhiệm cương vị làm Tuyên Luật sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Việt Nam Quốc Tự - Sài Gòn.

Năm 1965, Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Yết ma Tiểu giới đàn Quảng Đức tại Phật học viện Huệ Nghiêm - Gia Định và Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Từ Hiếu - Thừa Thiên Huế.

Năm 1966, Hòa thượng là Tuyên Luật sư Đại Giới đàn Quảng Đức, tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1966 - 1968, tại Đại hội kỳ II Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hòa thượng được suy cử vào cương vị Chánh Thư ký Viện Tăng Thống.

Năm 1968 - 1971, Hòa thượng tham gia Ban Giảng huấn Phật học viện Huệ Nghiêm và giảng dạy Phật pháp cho lớp Chuyên khoa Phật học trong ba năm.

Năm 1969, Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Tuyên Luật Sư trong Đại Giới đàn Quảng Đức, tổ chức tại Phật học viện Huệ Nghiêm.

Năm 1970, Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Khoa trưởng Phân Khoa Phật học tại Đại học Vạn Hạnh - Sài Gòn đến năm 1975.

Năm 1971, sau khi Giáo hội thành lập Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm - Gia Định, Hòa thượng được cử làm Viện trưởng từ năm 1971 đến năm 1991.

Năm 1973, trong phiên họp của Hội đồng Giáo phẩm Trung ương, Hòa thượng được cử làm Thành viên Hội đồng

Giáo phẩm Trung ương. Vào ngày 05/07/1973, Hòa thượng được cử làm Chủ tịch Hội đồng phiên dịch Tam tạng thuộc Viện Tăng Thống, GHPGVNTN.

Cũng trong năm 1973, tại Đại hội Giáo hội Trung ương kỳ IV, Hòa thượng được suy cử đảm nhiệm cương vị Phó Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Cuối năm 1974, Hòa thượng được cử Hòa thượng Thích Thiện Hòa cử làm Cố vấn Hội đồng Quản trị Tổ đình Ấn Quang và các cơ sở trực thuộc Tổ đình.

Năm 1975, Hòa thượng được Hội đồng Giáo phẩm Trung ương cử làm Trưởng ban Kiến thiết Pháp Bảo Viện tại xã Linh Xuân Thôn, Thủ Đức - Gia Định.

Năm 1978, Hòa thượng được Hòa thượng Tăng thống tấn phong giáo phẩm cùng ba vị là: Hòa thượng Trí Nghiêm ở Nha Trang, Hòa thượng Giác Tánh ở chùa Nguyên Thiều, Bình Định và Hòa thượng Minh Tâm ở Phan Rang.

Năm 1980, Đại lão Hòa thượng được cử làm Tuyên Luật Sư và Chánh Chủ khảo trong Đại Giới đàn Thiện Hòa, tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Năm 1981, GHPGVN thành lập, Hòa thượng được suy tôn ngôi vị Thành viên Hội đồng Chứng minh, suy cử cương vị Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự kiêm Trưởng Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1982, tại Đại hội Đại biểu Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ I, Hòa thượng được cử làm Trưởng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh đến năm 1987.

Năm 1984, sau khi Hòa thượng Trí Thủ - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN viên tịch vào tháng 4/1984, Hòa thượng được suy cử Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự, rồi Chủ

tịch Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ II và những nhiệm kỳ tiếp theo cho đến ngày về cõi Phật.

Từ năm 1984 đến năm 2013, Đại lão Hòa thượng được cung thỉnh làm Đàn Đầu Hòa thượng Đại Giới đàn đầu tiên và những Giới đàn tiếp theo của Thành hội Phật giáo Tp. Hồ Chí Minh được tổ chức tại chùa Ấn Quang.

Năm 1987, Hòa thượng kiêm thêm Trưởng ban Tăng sự Trung ương và giao chức Trưởng ban Trị sự Thành hội cho Hòa thượng Thiện Hòa.

Năm 1992, Hòa thượng kiêm thêm Đệ nhất Phó Pháp chủ kiêm Giám luật đến bây giờ.

Năm 2004, Hòa thượng đảm nhiệm cương vị Đàn đầu Hòa thượng Đại giới đàn Trí Tấn do Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương tổ chức.

Đặc biệt, Đại lão Hòa thượng đã được Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo Bà Rịa - Vũng Tàu cung thỉnh đảm nhiệm cương vị Hòa thượng Đàn đầu truyền giới Tỳ kheo tại các Đại giới đàn Thiện Hòa I (1993), Thiện Hòa III (2000), Thiện Hòa IV (2003), Thiện Hòa V (2006), Thiện Hòa VII (2013).

VI. Khai sơn Tổ đình Vạn Đức

Năm 1954, với hoài bão truyền đăng tục diệm, hoằng dương chánh pháp, kiến tạo già lam. Hòa thượng được Phật tử cung thỉnh về ngôi nhà xưa cổ kính không người thừa kế trên một vùng đất hoang vu vắng vẻ ít người đi lại, tọa lạc tại ấp Bình Đức, xã Tam Bình, quận Thủ Đức, tỉnh Gia Định, nay thuộc khu phố 5, phường Tam Phú, quận Thủ Đức TP. HCM. Nơi đây, Hòa thượng khai sơn tạo dựng Già-lam lấy tên là Vạn Đức. Lần lần, do uy tín và đạo đức của Hòa thượng, Tăng Ni quy tụ về cất chùa am chung quanh, biến nơi này thành một đạo tràng lớn mà hiện nay nói đến đạo tràng Vạn Đức ai ai cũng đều biết.

Nhân ngày khánh đản đức Phật A-mi-đà, năm 1955, với chí nguyện hoằng dương Tịnh độ, hướng dẫn chúng sanh đời mạt pháp, Hòa thượng thành lập Cục Lạc Liên Hữu, biên soạn Kệ Niệm Phật, chỉ rõ phương pháp tu hành, khuyến tấn người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh độ, đợc chư Tăng Ni và Phật tử tham dự đông đảo. Hòa thượng đợc suy cử làm Liên trưởng, Hòa thượng Huệ Hưng làm Liên phó, thầy Tịnh Đức làm Thư ký... Cục Lạc Liên Hữu đợc Hòa thượng khai hóa đã khơi dậy phong trào tu tập, khuyến tấn hành giả tín hướng chỉ quy Tịnh độ. Ngài là vị Tổ sư đương thời chấn hưng Tịnh tông trong tòa nhà Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng từng chỉ dạy: *“Pháp môn niệm Phật rất đơn giản, dễ thực hành, chắc chắn thành công. Một câu A-mi-đà Phật, mọi tầng lớp trong xã hội đều có thể niệm, không trở ngại mọi ngành nghề, ai nấy đều có thể tu đợc”*.

Năm 1995, Hòa thượng đã khởi công xây dựng lại chùa Vạn Linh và Tháp Tổ Hồng Xứng - núi Cẩm, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Năm 2004, Hòa thượng khởi công xây dựng lại Chánh điện, Nhà Tổ chùa Vạn Đức với quy mô lớn, trang nghiêm tú lệ, đã thành tựu viên mãn, xứng đáng là cơ sở Giáo hội tại địa phương.

VII. Công trình dịch thuật:

Ngài rất quán triệt Thánh điển, kiến thức đa văn, quảng bác Nho học, tinh tường y dược Đông phương. Tăng Ni, Phật tử Việt Nam thấm nhuần đợc kinh điển Đại thừa, phần lớn do công trình dịch thuật của Ngài.

Năm 1947, Hòa thượng dịch kinh *Pháp Hoa*, *Pháp Hoa Cương Yếu*, *Pháp Hoa Trì Nghiệm* ở trường Phật học Liên Hải. Sau đó là kinh *Tam Bảo*, kinh *Địa Tạng*, kinh *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*.

Năm 1951, do yêu cầu của Giáo hội Tăng già Nam Việt dịch kinh *Phạm Võng Bồ-tát Giới* để tụng trong ngày bố tát.

Năm 1952, soạn dịch bộ *Đường Về Cực Lạc* tại chùa Linh Sơn, Vũng Tàu.

Năm 1964, dịch kinh *Hoa Nghiêm* ở chùa Vạn Đức. Rồi tiếp tục kinh *Đại Bát Niết-bàn*, *Đại Bát-nhã*.

Năm 1972, dịch kinh *Đại Bảo Tích*, Hán bộ 01-120.

Năm 1973, dịch *Ngộ Tánh Luận*, lúc phân đoạn Hòa thượng sững sốt với số đoạn 32 ngẫu nhiên trùng với con số 32 chương của quyển kinh *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* mà thái tử Chiêu Minh nhà Lương phân định từ ngàn xưa.

Năm 1978, được phép in *Đại Bảo Tích* nên Hòa thượng dịch thêm kinh *Đại Tập*, Hán bộ từ 121-150.

Văn-thù Vấn Bát-nhã, Hán bộ từ 151-155

Vô Tận Ý Bồ-tát, Hán bộ từ 156-159.

Thập Lục Quán Kinh, Hán bộ 160.

Tất cả ghép chung thành bộ *Đại Bảo Tích* 160 quyển để tiện việc xin phép.

Dịch phẩm của Hòa thượng rất có giá trị. Ngài quý chuộng điều căn bản là chính xác, rõ ràng chơn chất, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi. Người đọc tụng lưu thông, thâm nhận được nghĩa thú rất rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chỉ của kinh. Cứ mỗi sáng sớm, đúng 8 giờ, Hòa thượng mặc áo hậu trang nghiêm, dâng hương trầm lễ Phật, ngồi tịnh tọa niệm Phật ít lâu, sau đó bắt đầu công việc phiên dịch kinh điển. Trong lúc ấy, nếu có ai đến thăm, Hòa thượng đều không tiếp. Nhiều lúc miệt mài dịch kinh đến quên cả giờ cơm trưa, thị giả phải vào thưa thỉnh, ngài mới tạm dừng bút. Do sự tận tâm tận lực, quên thân vì Phật pháp, Hòa thượng đã để lại

một sự nghiệp phiên dịch kinh điển Đại thừa to lớn cho Phật giáo Việt Nam.

Hòa thượng cả đời tận tụy vì Phật pháp, luôn lấy việc học kinh, tụng kinh, niệm Phật, giảng dạy và phiên dịch kinh điển từ Hán tạng ra Việt văn làm chánh hạnh của đời mình. Lúc tuổi đã ngoài 90, nhưng Hòa thượng tinh thần vẫn sáng suốt, càng thêm tinh cần, dộc sức tu Tịnh nghiệp. Mỗi ngày, Hòa thượng giữ tròn hai thời khóa tu, mỗi thời thâm tụng thuộc lòng năm bộ kinh: kinh *Phổ Hiền Hạnh Nguyện*, kinh *Kim Cang*, bài kệ phẩm *Phương Tiện* trong kinh *Pháp Hoa*, kinh *Phổ Môn*, kinh *A-mi-đà* và sau đó niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Hòa thượng thường nhắc nhở Tăng Ni, Phật tử phải luôn nhớ vô thường để tiến tu, lấy sự ăn chay, phóng sanh làm nền tảng để nuôi dưỡng tâm từ bi thêm lớn, làm việc lành để đem lại lợi ích cho mọi người, và nhất là luôn niệm Phật đều đặn để chế phục phiền não, lấy thế giới Cực Lạc làm chỗ trở về. Vì sự lợi tha, cứ vào nửa tháng, Hòa thượng lại truyền giới Bát quan trai cho hàng Phật tử tại gia đến tu học tại chùa Vạn Đức.

Hòa thượng thật là một tấm gương sáng, một bậc chân tu sáng ngời đạo hạnh trong lòng Tăng Ni, Phật tử Việt Nam, là bậc thầy mẫu mực của Tịnh tông để các liên hữu cùng noi bước.

VIII. Những ngày cuối cùng:

Sau ngày vía Bồ-tát Quán Thế Âm 19/02 năm Giáp Ngọ (2014), sức khỏe Hòa thượng yếu hẳn. Hàng đệ tử thỉnh Ngài nên đi bệnh viện, Hòa thượng không đồng ý. Đến ngày 24/02, nhận thấy Ngài quá yếu nên quý Thầy đã đưa Hòa thượng đi bệnh viện Chợ Rẫy một cách miễn cưỡng.

Được sự quan tâm của Giáo hội và Nhà nước cũng như tập thể y bác sĩ đã tận tình chữa trị, nhưng đến sáng ngày 28/02 âm (28/3/2014), nhận thấy không khả quan, quý Thầy đã

quyết định đưa Hòa thượng về chùa Vạn Đức. Lúc 09 giờ 15 phút, Hòa thượng đã an nhiên thị tịch trong tiếng niệm Phật vang rền của đại chúng. Hòa thượng hưởng thượng thọ 98, hạ lạp 69.

*



HT. Thích Trí Tịnh

*Giới, Định, Huệ thoát Ta-bà
Tín, Nguyện, Hạnh sanh Cực Lạc*

LỜI NÓI ĐẦU CỦA DỊCH GIẢ

Trong *Khế Kinh*, đức Phật nói, chỉ vì đại sự nhơn duyên duy nhất mà đức Phật xuất hiện thế gian, đó là muốn mọi người, mọi chúng sanh đều thành Phật đồng như đức Phật.

Lời đức Phật thật đơn giản, mà ý nghĩa lại tốt cùng sâu rộng. Trong lời đó có nghĩa cứu cánh bình đẳng, Phật và chúng sanh không có sai khác. Còn có nghĩa là hiện tại mỗi chúng sanh đều có đủ tánh đức đồng như Phật. Cũng có nghĩa là nếu chúng sanh có lòng tin thanh tịnh, y giáo phụng hành thì quyết sẽ thành Phật, như trong Đại thừa kinh thường có câu, chính đức Phật dạy: "Các người là Phật sẽ thành, còn chư Phật là Phật đã thành".

Vì thấy rõ tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật nên đức Phật ra đời, dùng thân khẩu truyền cho đời những phương cách, những pháp môn làm điều kiện cụ thể để bước lên đường Phật, để rồi đến quả Phật. Những phương pháp cụ thể đó là Phật Pháp.

Vì các chúng sanh căn trí không đồng nhau, tánh không đồng nhau, ý thích cùng sự mong muốn v.v... cũng không đồng nhau, nên đức Phật phải theo cơ mà dạy rất nhiều pháp môn, nhiều nên phải dùng từ "vô lượng pháp môn". Dầu là vô lượng nhưng nếu mỗi chúng sanh y theo một pháp môn, đúng với tâm tánh thích nghi của chính mình, rồi quyết tâm học hiểu, hành trì thật đúng, thật bền, thật sâu, thì như sét đánh trúng đầu thành đạo quả.

Như trên nói, mọi chúng sanh đều có đủ đức tính đồng

như Phật, chỉ vì điên đảo vọng tưởng hư vọng phân biệt, dục tham phiền não che chướng nên những tánh đức trong sáng sẵn có ấy không hiện thật.

Tất cả pháp môn của đức Phật dạy, những phương pháp mà đức Phật lúc hành đạo, đã thật hành, đã hiểu rõ, đã kinh nghiệm và do đó đã đạt kết quả cứu cánh, nay đem truyền dạy lại cho mọi người, đều nhằm vào việc phải trừ những đảo tưởng phân biệt, dục tham phiền não, để cho tánh đức sẵn có phát hiện tác dụng. Vì đó là sẵn có nên đức Phật tự nói: “Ta không có một chút pháp gì để thành Vô thượng Bồ-đề cả”. Phật pháp là phương tiện đưa người vào đạo, liều thuốc chữa trị bệnh hư vọng phiền não, là cách thức rửa lau những đảo tưởng như lau bụi trên mặt gương, mà tuyệt đối không có chút gì là có, là được, vì đạo là tánh đức sẵn đủ vậy.

Phật pháp vô lượng môn, cô đọng lại trong ba môn vô lậu: giới, định và huệ. Vô lậu giới để phòng ngừa, để ngăn đảo vọng. Vô lậu định để chận đứng, để đối trị đảo vọng. Vô lậu huệ dứt sạch đảo vọng. Và tùy theo giai đoạn mà đảo vọng từng phần được dứt trừ, thì tánh đức sẵn có của hành giả cũng từng phần thể hiện, đó là các bậc Hiền, các bậc Thánh, các bậc Bồ-tát. Cho đến lúc tất cả đảo vọng sạch trọn vẹn thì tánh đức thể hiện trọn vẹn, đó là quả Phật, là thành Phật.

Trong bộ kinh *Đại Bửu Tích* này, nội dung không ngoài những điều đã nêu ở trên, dầu là rất nhiều, rất rộng.

Trong thập niên năm mươi, tôi được đọc tụng bộ kinh này từ bản phương sách của Bắc bộ Việt Nam ta, bản Hán văn, tôi đã có hoài bão phiên dịch ra Việt văn để được thông dụng theo thời đại. Mãi đến năm 1979 mới hoàn thành bộ Việt văn và đến nay ngót mười năm mới có đủ duyên để được đem ra ấn hành lần đầu tiên. Mong rằng sự ấn loát và lưu hành đều tốt đẹp như ý muốn.

Cầu nguyện tất cả mọi người, mọi thí chủ, hoặc thiện chí hoặc công sức hoặc tịnh tài, đều tròn đầy phước lạc.

*Viết tại chùa Vạn Đức, Thủ Đức
Mùa An Cư, ngày 12-07-1987
Phật Lịch 2531
Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh*

*

PHỤ CHÚ

Bộ kinh *Đại Bửu Tích* này, vào những năm 1987-1988-1989 được ấn hành lần đầu tiên. Vì sự sơ sót của ban ấn loát nên có rất nhiều sai sót, chẳng những chữ đọc giả không hài lòng mà những khi nhớ đến lòng tôi luôn ray rứt.

May mắn thay vào đầu năm nay có nữ cư sĩ Bảo Đăng phát tâm Bồ-đề khởi xướng tái bản, đem nguyên bản thảo chụp ảnh giao cho ban ấn loát để mong khỏi sai sót trong lần in lại này.

Tôi mò mẫm với đôi mắt đã bị lòa chép lại lời nói đầu và thêm phần phụ chú đây trong niềm vui mừng vô hạn với lần tái bản đúng y bản thảo mà tôi đã mấy năm mong muốn.

Cầu nguyện cho người phát khởi cũng như toàn ban ấn loát, tất cả thí chủ được vô lượng công đức pháp thí.

*Chùa Vạn Đức,
ngày Rằm tháng sáu năm Quý Dậu (1993)
Hòa thượng Thích Trí Tịnh*

*



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

PHÁP HỘI TAM TỤ LUẬT NGHI THỨ NHỨT

* Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ đức Phật ở núi Kỳ Xà Quật nơi thành Vương Xá. Núi đó cao đẹp, cỏ cây hoa quả đều xanh tốt sum sê. Hàng Thiên, Long, Dạ xoa, Tỳ xá xá, Khẩn na la v.v... thường ở nơi đó.

Trong núi lại có các loài muông thú: sư tử, cọp, sói, kỳ lân, voi, ngựa, gấu v.v... Núi này có đủ các loài chim: chim công, chim két, nhồng, sáo, le le, chim nhạn, chim uyên ương, chim cộng mạng v.v... Các loài chim muông trong núi nhờ oai thần của Phật nên tất cả đều hiền lành chẳng

* Hán bộ quyển thứ 1.

giết hại ăn thịt nhau, thương yêu nhau như tình mẫu tử.

Những cây mộc hương, cây am la, cây chân thúc ca, cây ni câu đà, cây chiên đàn trầm thủy mộc rậm thành rừng. Khắp núi đầy những hoa đẹp. Trên đất có những hoa: a đề, chiêm bà, ba tra, bà sư, tô mạn, do đề. Dưới nước có những hoa sen xanh, hoa sen đỏ, hoa sen vàng, hoa sen trắng, hoa ca la. Màu hoa hương hoa xen nhau làm cho núi Kỳ Xà Quật vừa đẹp vừa thơm.

Trên núi này, nửa đêm thường có mây bao phủ, văng vẳng tiếng sấm, láy pháy mưa bay, nước bát công đức chảy thấm khắp núi. Khoảng thời gian vắt sữa, mây mưa đều tan. Kế đó gió mát thoang thoảng làm vui thích thân tâm mọi người.

Trong núi này có loài cỏ dịu mềm đủ cả sắc lẫn hương, xanh mượt bóng láng như lông ức chim công, thơm như hoa bà sư ca, chạm đến mịn nhuyễn như bông dâu la. Do đây mặt đất mềm dịu, làm êm chân người đi không bao giờ đau rát. Trong núi có nhiều ao, hồ, suối chảy. Giữa nước trong mát đủ các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía mọc lên. Hương sen ngào ngạt khắp núi.

Đảnh núi có tòa sen báu lớn tốt đẹp: kim cang xanh làm cọng, lưu ly làm tua, vàng diêm phù đàn làm cánh rộng lớn, chiêm đàn làm gương, ngọc mã não làm nhụy. Tòa sen báu này to rộng mênh mông. Mười ức A tu la vương thường cầm mười ức lưới báu ma ni giăng che phía trên bửu tòa. Mười ức Long vương rưới mưa thơm. Mười ức Kim sí điều vương miệng ngậm dải lụa màu. Mười ức Khẩn na la vương chí thành chiêm ngưỡng. Mười ức Ma hầu la già vương cung kính cúi nhìn. Mười ức Càn thất bà vương ca ngâm khen ngợi. Mười ức Thiên Đế bủa mây lành, rải các thứ hương, các thứ hoa, cùng tràng phan bửu cái. Mười ức Phạm Vương cúi mình kính ngưỡng. Mười ức trời Tịnh Cư chấp tay đảnh lễ. Mười ức Chuyển Luân Vương mang theo thất bửu. Mười ức Hải Thần đến kính lễ bửu tòa.

Tòa sen báu này lại có vô số bửu châu Như ý kết hợp trang nghiêm: mười ức bửu châu Quang minh ma ni chiếu sáng, mười ức bửu châu Tịnh phước ma ni xinh đẹp, mười ức bửu châu Biến chiếu ma ni trong sạch, mười ức bửu châu Diệu quang ma ni chói rõ, mười ức bửu châu Tạp sắc ma ni chiếu khắp, mười ức bửu châu Diêm phù tràng ma ni vững vàng, mười ức bửu châu Kim cang sư tử ma ni trang nghiêm, mười ức bửu châu

Nhứt tạng ma ni rộng lớn, mười ức bửu châu Bất tư nghị ma ni ánh đủ màu, mười ức bửu châu Như ý trang nghiêm vô tận.

Bửu tòa Liên hoa này có ra là từ nơi thiện căn vô thượng của đức Như Lai. Là chỗ mà chí ý của Bồ tát ái mộ khắp hiện các nơi. Bửu tòa này cũng là từ pháp như huyễn mà có, cũng là từ thiện nghiệp, từ pháp tánh vô tránh, pháp tánh như mộng mà có. Pháp vô hành dùng để ẩn. Thuận với lý không chấp trước, nên cùng khắp mười phương tất cả pháp giới. Do công đức thuận với cảnh giới Phật mà tạo nên. Giả sử trong vô lượng a tăng kỳ kiếp cũng không thể ca ngợi hết sắc tướng xinh đẹp và công đức trang nghiêm của tòa sen báu này được.

Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn ngự kiết già trên bửu tòa này. Bên bửu tòa có tám ngàn vị đại Tỳ kheo câu hội: Tôn giả Kiều Trần Như, Tôn giả A Thấp Bà, Tôn giả Ma Sử Ba và các Tôn giả: Ma Ha Nam, Ưu Đà Di, Da Xá, Phú Na, Vô Cấu Thiện Tý, Kiều Phạm Ba Đề, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Na Luật, Tu Bồ Đề, Ly Bà Đa, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Ưu Ba Ly, La Hầu La, Nan Đà v.v... Các vị thượng thủ Tỳ kheo này đều đã giác ngộ để lý

tự tánh, hiện chứng thật tế, chứng nhập bốn tánh các pháp qua khỏi biên Tam giới. Các Ngài đi trong hạnh hư không của Như Lai, đều dứt hẳn phiền não, đều trụ nơi vô trụ, dứt hết nghi hoặc đối với đức Như Lai. Các Ngài đã vào trong biên trí huệ của Phật, là bạn bất thỉnh cầu đem lợi ích cho thế gian. Các Ngài luôn vệ hộ tất cả chúng sanh mà làm bạn đi sát theo họ. Các Ngài đã thông đạt cảnh giới Phật pháp. Các Ngài thệ nguyện thủ hộ thọ trì chánh pháp của chư Phật, hiện tiền đặng sanh chủng tánh Như Lai có thể hướng đến Nhứt thiết chủng trí.

Tám ngàn vị đại Bồ tát câu hội. Thượng thủ là các ngài Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Tối Thượng Trí Trí Bồ tát, Tối Thượng Bửu Trí Bồ tát, Nhứt Thiết Ngữ Ngôn Trí Bồ tát, Vô Trước Trí Bồ tát, Hoa Thượng Trí Bồ tát, Nhứt Thượng Trí Bồ tát, Nguyệt Thượng Trí Bồ tát, Vô Cấu Thượng Trí Bồ tát, Kim Cang Trí Bồ tát, Viên Trần Trí Bồ tát, Quang Tràng Bồ tát, Diệu Cao Tràng Bồ tát, Bửu Tràng Bồ tát, Vô Ngại Tràng Bồ tát, Hoa Tràng Bồ tát, Tịnh Tràng Bồ tát, Nhứt Tràng Bồ tát, Đoan Nghiêm Tràng Bồ tát, Ly Cấu Tràng Bồ tát, Biến Chiếu Tràng Bồ tát, Đà La Ni Oai Đức Bồ tát, Bửu Oai Đức Bồ tát, Đại Oai Đức Bồ tát, Kim Cang Trí Oai Đức

Bồ tát, Vô Cấu Oai Đức Bồ tát, Nhứt Oai Đức Bồ
 tát, Nguyệt Oai Đức Bồ tát, Phước Sơn Oai Đức
 Bồ tát, Trí Chiếu Oai Đức Bồ tát, Phổ Thắng Oai
 Đức Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ
 tát, Liên Hoa Tạng Bồ tát, Bửu Tạng Bồ tát, Nhứt
 Tạng Bồ tát, Thanh Tịnh Công Đức Tạng Bồ tát,
 Pháp Hải Tạng Bồ tát, Biến Chiếu Tạng Bồ tát,
 Tề Tạng Bồ tát, Thắng Liên Hoa Tạng Bồ tát,
 Nhứt Nhãn Bồ tát, Tịnh Nhãn Bồ tát, Vô Cấu
 Nhãn Bồ tát, Vô Ngại Nhãn Bồ tát, Phổ Minh
 Nhãn Bồ tát, Thiện Lợi Trí Nhãn Bồ tát, Kim
 Cang Nhãn Bồ tát, Bửu Nhãn Bồ tát, Hư Không
 Nhãn Bồ tát, Phổ Nhãn Bồ tát, Thiên Quan Bồ
 tát, Chiếu Pháp Giới Ma Ni Quan Bồ tát, Diệu Bồ
 Đề Ma Ni Quan Bồ tát, Chiếu Thập Phương Quan
 Bồ tát, Xuất Hiện Nhứt Thiết Phật Tạng Quan Bồ
 tát, Siêu Nhứt Thiết Thế Gian Quan Bồ tát, Phổ
 Chiếu Quan Bồ tát, Vô Ánh Tế Quan Bồ tát,
 Cháp Trì Nhứt thiết Như Lai Sư Tử Tòa Quan Bồ
 tát, Phổ Chiếu Pháp Giới Hư Không Quan Bồ tát,
 Phạm Vương Kế Bồ tát, Long Vương Kế Bồ tát,
 Nhứt thiết Phật Biến Hóa Ảnh Tượng Kế Bồ tát,
 Diệu Bồ Đề Kế Bồ tát, Nhứt thiết Nguyệt Hải
 Âm Thanh Ma Ni Vương Kế Bồ tát, Phóng Nhứt
 thiết Như Lai Viên Quang Ma Ni Bửu Lô Thanh
 Kế Bồ tát, Nhứt thiết Hư Không Biểu Thị Ma Ni

Bửu Vãng Phú Kế Bồ tát, Nhứt thiết Như Lai Pháp Luân Thanh Kế Bồ tát, Nhứt thiết Tam Thế Danh Luân Thanh Kế Bồ tát, Đại Quang Bồ tát, Vô Cấu Quang Bồ tát, Bửu Quang Bồ tát, Ly Trần Quang Bồ tát, Chiêu Quang Bồ tát, Pháp Quang Bồ tát, Tịch Tĩnh Quang Bồ tát, Nhứt Quang Bồ tát, Thần Biến Quang Bồ tát, Thiên Quang Bồ tát, Phước Quang Bồ tát, Trí Quang Bồ tát, Pháp Quang Minh Bồ tát, Thần Thông Quang Bồ tát, Quang Chiêu Bồ tát, Hoa Quang Bồ tát, Bửu Quang Bồ tát, Giác Quang Minh Bồ tát, Phạm Quang Bồ tát, Phổ Chiêu Quang Bồ tát, Phạm Âm Bồ tát, Hải Âm Bồ tát, Địa Hống Âm Bồ tát, Thế Gian Vương Âm Bồ tát, Sơn Vương Âm Bồ tát, Sơn Vương Tướng Kích Âm Bồ tát, Biến Pháp Giới Âm Bồ tát, Nhứt thiết Pháp Hải Lô Âm Bồ tát, Tội Phục Chư Ma Âm Bồ tát, Đại Bi Lý Thú Vân Lô Âm Bồ tát, Biến Tức Nhứt Thiết Thế Gian Khổ Nảo Âm Bồ tát, Pháp Thắng Dũng Bồ tát, Thù Thắng Dũng Bồ tát, Trí Thắng Dũng Bồ tát, Phước Tu Di Thắng Dũng Bồ tát, Công Đức Tối Thắng Dũng Bồ tát, Danh Văn Thắng Dũng Bồ tát, Phổ Quang Thắng Dũng Bồ tát, Đại Từ Thắng Dũng Bồ tát, Trí Chiêu Thắng Dũng Bồ tát, Như Lai Chủng Tánh Thắng Dũng Bồ tát, Quang Đức Bồ tát, Thắng Đức Bồ tát,

Pháp Dũng Đức Bồ tát, Biến Chiếu Đức Bồ tát, Pháp Đức Bồ tát, Nguyệt Đức Bồ tát, Hư Không Đức Bồ tát, Bửu Đức Bồ tát, Thật Đức Bồ tát, Quang Đức Bồ tát, Trí Đức Bồ tát, Bà La Đề Vương Bồ tát, Pháp Đế vương Bồ tát, Tượng Đế Vương Bồ tát, Phạm Đế Vương Bồ tát, Sơn Đế vương Bồ tát, Chúng Đế Vương Bồ tát, Thiên Đế Vương Bồ tát, Tịch Tĩnh Đế Vương Bồ tát, Bất Động Đế Vương Bồ tát, Tối Thắng Đế Vương Bồ tát, Bồ Đề Tịch Tĩnh Thanh Bồ tát, Vô Trước Thanh Bồ tát, Địa Thanh Bồ tát, Đại Hải Thanh Bồ tát, Âm Thanh Bồ tát, Chiếu Pháp Thanh Bồ tát, Hư Không Thanh Bồ tát, Nhứt Thiết Thanh Bồ tát, Thiện Căn Lôì Thanh Bồ tát, Phát Ngộ Bốn Nguyên Thanh Bồ tát, Tồi Nhứt Thiết Ma Quân Thanh Bồ tát, Trí Tu Di Giác Bồ tát, Hư Không Giác Bồ tát, Thanh Tịnh Giác Bồ tát, Vô Ngại Giác Bồ tát, Khai Ngộ Giác Bồ tát, Chiếu Tam Thế Giác Bồ tát, Bửu Giác Bồ tát, Quảng Đại Giác Bồ tát, Phổ Quang Giác Bồ tát, Pháp Giới Lý Thú Chiếu Giác Bồ tát v.v... Các vị đại Bồ tát này đều an trụ nguyện hạnh Phổ Hiền, chỗ làm không trụ trước, vì khắp tất cả cõi Phật. Các Ngài biến hiện vô biên thân, vì gần gũi tất cả chư Phật. Các Ngài duyên cảnh thanh tịnh vô hạn, vì rõ biết tất cả thân biến của chư Phật. Các Ngài

đến đi vô lượng, vì không ngớt qua đến chỗ chư Phật hiện thành Chánh Đẳng Giác. Các Ngài quang minh vô biên, vì trong biển thật tướng được trí quang vô biên. Các Ngài nói vô tận công đức trong vô biên kiếp, vì biện tài thanh tịnh. Các Ngài đồng hư không, vì trí thanh tịnh. Các Ngài không chỗ nương tựa, vì tùy ý lạc thế gian mà hiện sắc thân. Các Ngài lìa được sự che lòa, vì rõ biết không có chúng sanh giới. Các Ngài trí huệ như hư không, vì phóng lưới quang minh khắp pháp giới. Các Ngài rốt ráo tịch tịnh, vì tâm rất tịch tịnh. Các Ngài trụ cảnh giới tánh trí tất cả tông trì. Các Ngài dững mãnh vô úy nơi chánh định. Các Ngài mắt thấy suốt ngần mé pháp giới. Các Ngài trụ vô sở đắc đối với tất cả pháp, đi nơi biển trí vô biên, đã qua đến bờ trí huệ Bát nhã ba la mật, đến ba la mật của tất cả thế gian, được tự tại nơi chánh định ba la mật.

Năm trăm vị Tỳ kheo ni đồng câu hội: Ma Ha Ba Xà Ba Đề Tỳ kheo ni, Cù Đàm Di Tỳ kheo ni, An Ổn Tỳ kheo ni, Ưu Bát La Hoa Tỳ kheo ni, Dũ Cù Đàm Di Tỳ kheo ni, Da Du Đà La Tỳ kheo ni v.v...

Năm trăm vị Ưu bà tắc câu hội, hàng thượng thủ là các Ưu bà tắc: Thiện Oai Đức, Huệ Quang, Thiên Oai Đức, Danh Xung Oai Đức, Siêu Danh

Xung Oai Đức, Thiện Huệ, Nguyệt Đức, Nguyệt Hoan Hỷ, Đại Hoan Hỷ, La Hầu Hiền, Đại Hiền v.v...

Năm trăm vị Ưu bà di câu hội, dẫn đầu là các vị Ưu bà di: Đại Quang, Thiện Quang, Thiện Thân, Khả Lạc Thân, Hiền Đức, Nguyệt Quang, Quang Minh, Thắng Quang, Thiện Nhân v.v... Và có vô lượng Thiên, Long, Bát bộ cung kính hầu quanh đức Phật.

Đức Phật vì Đại chúng mà nói ba luật nghi, luật tạng của tất cả Như Lai, hiện bày công hạnh của tất cả Bồ tát, chiếu rõ pháp giới có thể trang nghiêm tất cả cõi Phật, dẹp các tà hạnh, hàng phục ma oán, làm cho chúng sanh vui mừng được tỏ ngộ.

Lúc đó, Tôn giả Đại Ca Diếp đứng dậy trích y vai hữu, quỳ chấp tay bạch rằng:

Thế Tôn! Nếu chúng sanh cầu được thập trí lực vô sở úy của Phật, thì phải thọ trì và tu hành pháp gì? Thọ trì pháp gì để được thành tựu đạo hạnh của Như Lai? Thọ trì pháp gì để được viên mãn công đức chứng Vô thượng Chánh giác?

Phật bảo Đại Ca Diếp:

Lành thay! Lành thay! Này Ca Diếp! Lời ông

hỏi sẽ đem lại nhiều sự an ổn lợi ích cho người cho trời. Ông lắng nghe kỹ và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Này Đại Ca Diếp! Nếu chúng sanh cầu được trí lực vô sở úy của Phật, những chúng sanh này, thật ra không có chút pháp gì để được, cũng không chỗ nương dựa để gieo căn lành.

Này Đại Ca Diếp! Lúc Bồ tát cầu Vô thượng Chánh giác, nếu có chỗ được thì là chấp trước. Nếu chấp trước thì là chấp lấy hữu vi ngoài Phật pháp, ngoài hữu vi chấp lấy vô vi. Như thế là đối với Phật pháp sanh sự chấp trước mà cho là giải thoát. Lúc chấp lấy giải thoát thì nắm cứng lấy Phật pháp chẳng bỏ rời. Nên biết người như vậy chẳng gọi là hướng đến đạo Vô thượng. Vì người này ở trong Phật pháp chấp có ngã chuyên cần tu tập, đó là luôn tương ưng với ngã chấp mà không lìa bỏ được, do đây có năng phân biệt cùng sở phân biệt, bị phân biệt này sai sử. Nếu theo phân biệt để duyên cảnh thì có lưu chuyển. Đã có lưu chuyển thì có quán xuyên. Đã có quán xuyên thì có vọng tưởng. Có vọng tưởng thì có phân biệt, do phân biệt càng thêm vọng tưởng. Đã thêm vọng tưởng thì nhiều chấp trước mà lìa xa tịch tịnh. Đã lìa tịch tịnh thì chạy theo cảnh duyên. Đã chạy theo cảnh duyên thì mất sự an ổn. Sự an ổn đây là vô phân biệt. Đã mất an ổn thì thường vào

cảnh duyên. Đã thường vào thì thân cận. Đã thân cận thì có phiền ão. Đã có phiền ão thì có tương tục, có thêm lớn tương tục, có cùng khắp tương tục. Do đây lời nói tất cuồng loạn, tất sai lầm, bèn có ưu não, có hối hận. Đã có hối hận thì nương tựa vô minh mà bị ưu não làm tổn hại. Nhưng thực ra trong đây không có chút pháp gì có thể nương tựa được. Dầu vậy, từ vọng tưởng sanh lưu chú mà bị vọng tưởng ràng buộc. Do sự ràng buộc này mà vọng tưởng tương tục, do đây nên gọi là vọng tưởng ràng buộc không có chơn thật. Tất cả chỗ tham, sân, si đều hư vọng, là thêm phân biệt, là khắp phân biệt, là thêm chấp trước, là khắp chấp trước. Do đây không thể sớm đặt Vô thượng Bồ đề.

Này Ca Diếp! Như trên đó gọi là ái kiến. Dầu vậy, nhưng không có pháp nhứt định gọi đó là ái, chỉ do chấp trước quá bền chắc mà có ái. Nếu đã là chấp trước thì ái này vẫn trống rỗng. Nếu đã trống rỗng mà sanh chấp trước thì là nhưn ái chấp trước, là ngã ái chấp trước, là chúng sanh ái chấp trước, là thiện bất thiện ái chấp trước.

Này Ca Diếp! Người như vậy, đối với tất cả pháp Không, mà phân biệt là chẳng phải Không, đối với chẳng phải vật mà tưởng là vật. Vật nói đây chính là Bồ đề. Nếu cho Bồ đề là vật, người

đó do ngã chấp bèn chẳng phải Bồ tát. Sự chấp trong đây nếu là bất khả đắc, thì sự chấp trong kia cũng là bất khả đắc, đây gọi là ngã chấp không chơn thật, chỉ có danh từ ngã mà thôi.

Nếu có thể viên mãn hữu tình thì viên mãn Bồ đề. Thế nào gọi là viên mãn Bồ đề? Chính là như huyễn. Như huyễn đây là nói đại ngã, đại mạn. Nếu đem tướng nương nơi tướng, thì khác nào chẳng phải tướng nương nơi chẳng phải tướng. Nếu đem chẳng phải tướng nương với chẳng phải tướng thì như cuồng như say. Nếu cuồng say thì là đem khổ chạy theo khổ. Nếu đem khổ chạy theo khổ thì chư Phật đều nói là kẻ ở trong vòng cuồng ngôn rảo chạy, vì kẻ này nhiều tác ý. Đã nhiều tác ý thì có công cao. Đã có công cao thì có ngôn thuyết. Đã có ngôn thuyết thì càng thêm ngôn thuyết. Vì thêm nhiều ngôn thuyết, nên Phật gọi là kẻ ngôn thuyết, kẻ giáo thọ, kẻ thọ trì. Do đây nên các pháp đều từ tác ý mà được sanh trưởng.

Này Đại Ca Diếp! Như trong hư không có mây nhóm giăng, mây này chẳng từ mười phương đến. Biết rõ mây nhóm như vậy chẳng phải từ mười phương. Đức Như Lai nói đúng sự thật, nói đúng nghĩa, nói đúng lý. Vì nói đúng lý chơn thật, nên đức Như Lai gọi là đáng Thật ngữ.

Này Đại Ca Diếp! Nói rằng mây nhóm, chính là chẳng phải nhóm mà gọi là mây nhóm. Do đâu gọi là mây nhóm? Vì mây kia kết thành tướng trạng riêng biệt. Tướng trạng này do sự mê lầm thấy là rộng lớn, thật ra trong đó không có tướng nhỏ tướng lớn thật. Ông nhìn xem mây nhóm thành tướng rộng lớn kia, chính là chẳng phải tướng. Đã chẳng phải tướng thì chẳng thật có mây nhóm.

Này Đại Ca Diếp! Như có kẻ bảo người khác rằng: “Nên cùng nhau qua chỗ râm mát mà ngồi”. Người trí bảo: “Tôi chẳng qua ngồi”. Kẻ kia nói: “Nay tôi chẳng nói như vậy, tôi chỉ nói là bóng râm mát”. Người trí lại bảo: “Anh nói râm mát chính nơi đó chẳng phải râm mát!”.

Này Đại Ca Diếp! Ông xem người trí kia thuận theo thế tục mà còn có thể tỏ ngộ như vậy như vậy.

Này Đại Ca Diếp! Đức Như Lai đúng như thật biết rõ lý tánh chơn thật của các pháp, rồi ở trong Đại chúng tự tại tuyên thuyết.

Này Đại Ca Diếp! Đức Như Lai thích ở trong pháp tùy thuận mà trụ nơi chẳng tùy thuận. Nơi ngã chấp của chúng sanh, ở Như Lai là đệ Nhứt nghĩa. Vì nay đức Như Lai đã biết rõ ngã chấp

kia: biết rõ sự chấp của chúng sanh là chẳng phải chấp. Đây là lời bí mật tối thắng của Phật.

Hoặc có kẻ ngu sanh lòng ngang trái tranh cãi với Như Lai, do đây Phật nói thế gian tranh cãi với Phật, Phật chẳng bao giờ tranh cãi với thế gian. Thế nào là thế gian? Chính là chúng sanh. Tại sao chúng sanh gọi là thế gian? Đức Như Lai biết rõ thế gian như vậy nên gọi chúng sanh là thế gian. Như kẻ ngu kia chỗ hiểu biết sai lầm, bị sự biết sai này làm tổn hại. Những kẻ này thường tin và ở mãi trong thế gian, theo mãi nơi thế tục, đây gọi là vô minh, vì họ ở trong sự tối tăm lớn nên gọi là ở thế gian. Nếu ở thế gian thì có tham. Nếu đã có tham thì có sân. Nếu đã có sân thì có si. Nếu đã có si thì là bất tịnh. Đã bất tịnh thì trái ngược. Trái ngược với ai? Trái với Như Lai và hàng Thanh văn. Đã trái ngược thì chống trả. Đã chống trả thì thêm trái ngược. Thêm trái ngược thì thích hữu lậu. Đã thích hữu lậu thì tâm mong cầu. Đã mong cầu hữu lậu bèn khắp mong cầu. Đã khắp mong cầu thì chẳng biết đủ. Đã chẳng biết đủ thì nhiều gây tạo. Đã nhiều gây tạo thì nhiều tham dục. Đã nhiều tham dục thì kẻ đó chìm ngập trong ba cõi. Đã tự chìm ngập trong ba cõi thì làm cho người khác cũng chìm ngập. Đã làm người khác chìm ngập thì họ theo dòng và

cũng trôi theo dòng. Nếu theo dòng và trôi theo dòng thì thẳng đến chỗ chết. Nếu thẳng đến chỗ chết thì chẳng đến được Niết bàn. Đã chẳng đến Niết bàn thì đến chỗ lỗi quấy. Đã đến chỗ lỗi quấy thì thẳng đến địa ngục.

Này Đại Ca Diếp! Do tương ưng với pháp chẳng lành như vậy nên tâm trở thành giận hờn độc hại và chẳng biết đậy che. Chẳng đậy che đây là nói chẳng quán ngã chấp. Vì chẳng quán sát nên chấp làm một hiệp tướng, do đây không thể tiêu diệt được ngã và ngã sở.

Thế nào gọi là ngã? Vì chấp trước chẳng đúng thật, ở nơi các thứ vọng tưởng tạo những nghiệp thế gian. Nơi đây họ chấp ngã tướng cho là ngã.

Thế nào là ngã sở? Chính do tham dục gọi là ngã sở. Do các cảnh dục hòa hiệp với thân mà có tâm tham. Đã có tâm tham thì hư hoại giới tự. Do đây sanh tâm chẳng lành đối với sở hữu của người khác. Do giận hờn mà khinh khi hủy báng lẫn nhau. Thân lấy tài vật làm sở hữu của mình rồi ôm ấp giữ gìn, chính đây gọi là ngã sở.

Người có ngã sở thì có lưu chuyển. Đã có lưu chuyển thì có mê lầm. Đã có mê lầm thì có phỉ báng. Đã có phỉ báng thì có giận hờn. Đã có giận hờn thì có giết hại. Đã có hại nhau thì bị sự hại này đốt cháy. Đã bị đốt cháy thì có khắp đốt cháy.

Những lỗi trên đây đều do lòng tham dục nơi sở hữu, nên gọi là ngã sở. Do những nghĩa trên đây nên nói ngã sở thì đã là mắng nhiếc thân mình. Kẻ ngu kia vì chấp ngã mà thành ngu phu, cho nên gọi đó là ngã sở.

Này Đại Ca Diếp! Nếu có chúng sanh chẳng nghe pháp này mà nói Bồ đề và Bồ tát hạnh, thì là phi hạnh. Nên biết Bồ tát hạnh thật không có chỗ thực hành mới chính là Bồ tát hạnh.

Này Đại Ca Diếp! Nếu Bồ tát công hạnh viên mãn không kém không thiếu, thanh tịnh, rất thanh tịnh, khắp thanh tịnh, thì có thể gọi là tuyên thuyết đại pháp này, gọi là bực có thể lực, bực dũng mãnh tinh tấn. Chỗ thuyết pháp của Bồ tát này đồng với hư không, chẳng chứa đựng, chẳng trệ ngại. Người làm đúng lý, người có công đức, người khéo tu hành, trọn chẳng bao giờ làm điều phi lý, không công đức, chẳng tu hành.

Các ông phải thọ trì pháp này. Ở trong pháp này chớ sanh lòng chấp trước. Vì pháp của Như Lai nói rất là đệ nhất. Vì là bực căn tánh tối thượng thừa hởi, nên Ta đem thắng pháp mà giải thuyết. Thế nào là thắng pháp? Chính là không pháp chấp.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát như vậy hộ trì đầy đủ tịnh giới ban đầu, tâm chẳng cống cao, chẳng

tạo nghiệp vô gián, chẳng phạm Tỳ kheo ni, chẳng gần gũi nhà người tục, không sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và lia bỏ tham dục, sân hận, tà kiến. Bồ tát này chẳng tự ão hại cũng chẳng ão hại người khác, chẳng chung cùng với cảnh dục, cũng chẳng thọ dục, chẳng bài bạc cũng chẳng bảo người. Bồ tát này trọn chẳng gần gũi kẻ lai căn, chẳng đến nhà dâm nữ, đàn bà góa, người nữ chưa chồng; chẳng gần gũi vợ người, cũng chẳng gần gũi kẻ lưới chim bắt cá, kẻ săn bắn và Chiên đà la, chẳng đấu tranh và chẳng nắm tay người uống rượu. Bồ tát lia xa những việc trên đây như tránh chó điên cùng kẻ sát nhân. Do có lòng từ nên đối với tất cả chỗ xa lia trên, Bồ tát không bao giờ sanh một niệm ác.

Có hai mươi chỗ Bồ tát phải xa lia. Bồ tát xa lia người nữ, cũng chẳng cùng họ ðua cọt nói thô nói tục, chẳng cùng họ luận bàn cãi cọt. Đối với cha mẹ và Tam Bảo, Bồ tát tránh lỗi chẳng cung kính. Chẳng thuyết pháp cho nhóm người nữ dưới số hai mươi, trừ khi có người nam. Trọn chẳng đến hội thuyết pháp của chúng Tỳ kheo ni, cũng chẳng nên thăm hỏi các Tỳ kheo ni. Chẳng viết thơ từ cho người nữ. Nếu vì người khác ðem thơ cho người nữ thì phải giao cho người chồng chớ

trao cho vợ. Thân tộc thỉnh mời riêng trọn chẳng nhận không luận lúc nào. Chẳng bao giờ có dục tâm ở trước người nữ dẫu trong giây lát. Lại cũng chẳng nên rời chỗ ở của mình đến chỗ khuất chuyện vãn với người nữ. Chẳng cùng Tỳ kheo ni đi chung đường. Chẳng lãnh y phục của Tỳ kheo ni bố thí, trừ lúc vì Tứ chúng thuyết pháp, lúc được thí y, nên có quan niệm như mặt đất hứng chịu đồ vật rồi sau sẽ lãnh lấy y phục, chẳng nên nhìn riêng mặt của người bố thí. Nếu nghe có Tỳ kheo ni khuyên người thí y phục thì chẳng nên thọ. Nếu Tỳ kheo ni mời thỉnh ăn uống; dẫu có bệnh cũng chẳng thọ hưởng là lúc không bệnh. Nếu có đàn bà góa đến mời ăn, Tăng số chẳng đủ thì cũng chẳng thọ. Cũng chẳng nên vào trong chúng Tỳ kheo ni. Chẳng nên kêu Tỳ kheo ni đến. Nếu Tỳ kheo ni đến kêu Bồ tát, thì phải vòng tay ngược đầu xây lưng lại bỏ đi. Lúc Bồ tát thuyết pháp nếu có Tỳ kheo ni đến đánh lễ dưới chân, thì chớ động chân, mắt nên nhìn ngay hai bàn tay.

Bồ tát chẳng nên chỉ nơi thân tu tập tinh tấn, mà tâm cũng phải siêng cần chánh niệm. Đối với tất cả cảnh duyên chớ sanh lòng tham sân. Nên phát thệ nguyện vững chắc để cầu Nhứt thiết chủng trí. Khi được nghe pháp này rồi phải có lòng tin và nên siêng tu học.

Này Đại Ca Diếp! Nếu có thiện nam hay thiện nữ muốn hướng đến Bồ tát thừa, vừa nghe được pháp này nếu không có lòng tin thiết thật sâu chắc, thì trọn chẳng thể được Vô thượng Chánh giác. Vì do tu học mới chứng được quả Bồ đề, chẳng phải không tu học mà có thể chứng được. Nếu không tu tập mà chứng được Bồ đề, thì những loài mèo, thỏ v.v... lẽ ra cũng được chứng. Phải có chánh hạnh mới chứng được Bồ đề. Nếu không chánh hạnh mà vẫn được Bồ đề, thì ngôn thuyết tiếng tăm lẽ ra cũng chứng được Bồ đề. Giả sử tất cả chúng sanh trong Đại thiên thế giới đồng vì một chúng sanh trải qua trăm ngàn kiếp mà bảo rằng: “Người nên làm Phật! Người phải làm Phật!”. Rồi đồng vây quanh liền tiếng xưng rằng: “Sẽ được thành Phật! Sẽ được thành Phật!”. Bảo và xưng luôn như vậy không xen hở còn không thể thuần thục được tâm Bồ đề ban đầu, huống là có thể chứng quả Phật vô thượng.

Này Đại Ca Diếp! Chúng sanh nào tu học được hạnh này thì đáng gọi là hy hữu. Đức Như Lai xuất hiện ra đời là việc rất khó. Trong thời kỳ mật pháp, sau khi Ta diệt độ, các ông cũng đã nhập Niết bàn, chư Thiên lại chẳng tin, chẳng hộ trợ. Lúc đó, có nhiều chúng sanh nghe công đức của Phật mà phát tâm Bồ đề. Hoặc có hàng Tỳ

kheo dầu đã phát tâm Bồ đề nhưng vẫn phạm hai mươi lỗi trên.

Này Đại Ca Diếp! Như hiện nay hàng đa văn Tỳ kheo ở chỗ tịch tịnh, hoặc ở xóm làng, siêng tu chánh pháp, thì đời mạt pháp sau này các Tỳ kheo ở chỗ tịch tịnh, hoặc ở xóm làng trái lại phạm lỗi: họ cùng các Tỳ kheo ni hội họp luận bàn vấn đáp pháp nghĩa. Các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni này phần nhiều sanh nhiễm tâm, ít có người sanh pháp tâm.

Này Đại Ca Diếp! Ông quan sát hạng người đó được tên Bồ tát mà sa vào chỗ rất nguy hiểm thẳng đến ác thú. Trong thời kỳ mạt pháp đó, ban đầu họ vì pháp duyên mà gần gũi nhau, do thường thấy nhau nên lửa dục nhen nhúm trong lòng, động nơi môi miệng để nêu bày niệm dục. Ban đầu họ gần nhau lấy lễ đệ tử cung kính A xà lê. Từ đó về sau họ sai người hỏi han thăm viếng, rồi lần lần hẹn gặp nhau ngoài đường ngoài ngõ, kế đến trong chùa đứng xa liếc ngó nhau. Trong lúc ra vào họ hỏi thăm nhau, kết làm anh em, chị em. Vì họ thường gặp nhau bèn sanh nhiễm tâm, đã có nhiễm tâm bèn cùng nhau làm sự ô uế. Đã làm sự ô uế bèn dùng danh từ chẳng phải Phạm hạnh để kêu gọi nhau. Do đây họ thôi thất tâm Bồ đề, mất quả lành, xa Niết bàn, bỏ Phật, trái Pháp,

nhàm Tăng. Những người này ở chỗ khuất sanh những tướng niệm tham dục, sân hận, não hại. Những người này không có thắng nghiệp của Bồ tát và bốn hạnh thanh tịnh.

Như hiện nay, các Bồ tát chuyên cần tu Phạm hạnh, trái lại, đời mạt pháp sau này phần nhiều sanh lòng tham dục, sân khuể, não hại, trụ trong chủng loại hạnh ác, hạnh giặc, hạnh dối trá.

Này Đại Ca Diếp! Ông quan sát đời vị lai những người phá hủy cấm giới nghe Kinh này liền sanh lòng phỉ báng. Nếu có người đã trụ nơi giới thực hành bố thí, phát Bồ đề tâm, lúc sau nghe Kinh này trở lại sanh lòng hủy báng.

Này Đại Ca Diếp! Đời vị lai sau này, nếu có người trí tu hành tịnh giới thọ trì chánh pháp, biết Tỳ kheo chẳng thực hành đúng pháp như trong Kinh này đã nói, phải liền lánh xa. Vì hạng Tỳ kheo này không có lòng mến ưa và kính trọng chánh pháp.

* Này Đại Ca Diếp! Đời mạt pháp sau này, có người dối hiện tu hạnh Bồ tát, tự khoe khoang rằng hơn bậc Độc giác và A la hán. Những người này phi pháp, phi lý, không thể sửa trị được, họ sẽ đọa ác thú.

* Hán bộ quyển thứ 2.

Này Đại Ca Diếp! Đòi mạt pháp sau này, có người thực hành tà nghiệp, vì thuyết pháp mà đi khắp nơi. Họ chỉ thực hành những hạnh tương tự với sáu môn ba la mạt. Nếu có người đứng như thật giảng nói Kinh này thì bị họ ganh ghét bỏ rơi. Đối với Kinh này, họ sanh tà kiến hủy báng. Những người ngu si này chẳng rõ biết trong Kinh đây quả trách sự phá giới.

Này Đại Ca Diếp! Đòi mạt pháp sau này đều bị tặc hạnh làm ô uế, nên những người ngu si đây chẳng suy nghĩ lỗi quấy của mình, có thể phá hoại Vô thượng Bồ đề. Do ôm áp tội lỗi nên họ thẹn mà hủy báng Phật quả Vô thượng.

Này Đại Ca Diếp! Đòi vị lai sau này nhiều Tỳ kheo chẳng tùy thuận Tăng chúng, chẳng biết báo ân, thường dùng lời khôn khéo dối làm mọi người để được cúng dường. Họ chẳng gìn lời nói, chê trách giới Biệt giải thoát của Như Lai. Họ chẳng nhiếp oai nghi, ở chỗ bất tịnh, rồi vì những người ở chỗ bất tịnh mà giảng nói những pháp môn.

Này Đại Ca Diếp! Ta quan sát vào thời kỳ đó những pháp môn sai quấy có đến số năm trăm. Những người chẳng tu hành sẽ thường tùy thuận theo. Do đây, năm trăm phiền não của họ không một mảy giảm bớt. Những việc làm của họ không

khác nhà người tục. Lần lần hàng phụ nữ có nhiều người bỏ chồng vào chùa để nghe pháp. Các Tỳ kheo vì họ mà giảng nói tương tợ Niết bàn. Thời kỳ đó có những sự rất đáng sợ như vậy, mà họ lại ở trong đó mong cầu được lợi ích.

Vì những có trên đây, nên người cầu đạo Bồ đề chẳng nên gàn gũi các Tỳ kheo ni, cũng chẳng nên làm những hạnh như vậy. Phải tránh tất cả sự giao du. Bỏ các lợi dưỡng mà đi khát thực. Bỏ y phục ưa thích mà mặc y phẩn tảo. Bỏ lầu đài phòng nhà giường nệm chăn gối, mà ở bên khe suối, trong hang hóc, dưới bóng cây. Xa y sĩ thuốc men, mà dùng thuốc cũ, thuốc thối nát.

Rõ biết tất cả chúng sanh là thân thuộc đời trước của mình nên thực hành tâm đại từ bi. Thường phải cam chịu sự đánh đập mắng nhiếc, không bao giờ đánh đập mắng nhiếc người khác. Tránh xa nhà quyền thuộc, nhà thí chủ thân hữu. Phải tùy thuận trí hạnh xuất gia, chẳng nên đồng với người tục tại gia. Thường phải tùy thuận phụng trì giáo pháp Ba la đề mộc xoa.

Này Đại Ca Diếp! Trong thế gian nếu có người sanh quan niệm trái với giới Biệt giải thoát, thì chính là móng lòng trái với trí lực vô sở úy của Phật. Đã sanh lòng trái với trí lực vô sở úy thì

là sanh lòng trái với tam thể chư Phật. Do đây đời vị lai họ sẽ mang lấy quả báo khổ sở vô lượng. Khổ báo của họ trăm ngàn muôn ức lần nhân đến ưu ba ni sa đà lần hơn sự đau khổ của chúng sanh địa ngục.

Nếu muốn khỏi sự khổ não như vậy, thì phải tránh xa những hạng ác hạnh Tỳ kheo ấy. Giả sử đã cách xa họ ngàn do tuần cũng còn phải tránh xa thêm, huống là gần họ. Nếu nghe tên của họ còn phải quên bỏ, huống là thấy mặt nghe tiếng mà chẳng tránh xa.

Phải nên quen gần một pháp, chính là tất cả pháp đều không chỗ có. Nếu được trí nhân các pháp không chỗ có, tất chẳng gần gũi, tôn thờ cúng dường những Tỳ kheo ác như vậy.

Lại phải gần gũi hai pháp: Một là cầu ngộ chứng các pháp vốn không chỗ có. Hai là cầu ngộ chứng pháp tánh, nhưng cũng chẳng nên sanh tâm mong cầu. Phải cầu thể nào? Như chỗ mong cầu đều bất khả đắc. Trong bất khả đắc chẳng nên sanh tâm bất khả đắc, giống như là chẳng sanh tà kiến. Được như vậy thì lia được tất cả tâm trong Tam giới mà thuận Bồ đề hạnh, lia được tất cả tâm hữu tướng mà thuận Bồ tát hạnh. Chính những điều đã nói trước kia là Bồ tát hạnh. Do

đây nên khi được nghe pháp này rồi cần phải xa lìa tà hạnh. Được như vậy thì sẽ được gần gũi phụng thờ đức Phật Di Lạc vị lai. Người này tâm chẳng cống cao, cũng chẳng ty liệt, tự thấy sung sướng an vui được ra khỏi lưới ma và ác đạo.

Này Đại Ca Diếp! Đời sau nếu có người nghe Kinh điển này mà chẳng sợ hãi, và thấy thân mình tùy thuận theo những điều đã dạy trong đó, lại có thể phát tâm thọ trì, Phật thấy rõ người này quyết định sẽ hộ trì chánh pháp.

Này Đại Ca Diếp! Như ông trưởng giả giàu có lớn, con trai ông thấy những đồ vật trong nhà nhân đến chậu đựng nước đều nghĩ là của cha mình. Lúc sau trưởng giả chết, tài sản hư hao, con trai ông tình cờ thấy chậu đựng nước, liền nhớ là vật của cha mình, bèn lấy cất hoặc đem theo.

Này Đại Ca Diếp! Đời sau này các Tỳ kheo cũng như vậy. Họ được nghe Kinh này, liền nghĩ rằng: Đây là những lời từ Phạm âm nhu nhuyễn vi diệu của đức Như Lai nói ra. Họ sẽ đánh chánh với hàng Tỳ kheo hủy báng rằng: Kinh này chính thật là của Đức Như Lai nói. Tỳ kheo trì pháp này, chúng ít yếu thế, đem Kinh điển này cất giữ ngày đêm, bị nhiều người bài bác.

Này Đại Ca Diếp! Hạng Tỳ kheo trì pháp đời sau này, Ta thấy và biết rõ họ, Ta đem họ giao

phó cho Phật Di Lặc, họ sẽ là những người bảo vệ chánh pháp của Như Lai trong thời kỳ cuối cùng, sau đó họ sẽ là bậc đại thí chủ vô ngại.

Này Đại Ca Diếp! Nếu người nào được nghe pháp này, tùy theo trí huệ của mình mà tu hành, làm cho chúng sanh có chánh kiến và chánh tín, thì đời vị lai sẽ được gặp Phật Di Lặc, trong pháp hội ban đầu đầy đủ Phạm hạnh và cũng sẽ bảo vệ chánh pháp trong thời kỳ cuối cùng.

Này Đại Ca Diếp! Ta quan sát khắp tất cả không có người nào chẳng được gần gũi Ta trong năm mươi năm đời tương lai, sau khi được nghe kinh điển này lại có thể chẳng hủy báng và có thể thọ trì đọc tụng thì không có lẽ ấy. Nếu hiện nay người nào được gặp Ta và kính thờ cúng dường, trong năm mươi năm ở đời sau này, sẽ thọ trì đọc được Kinh điển đây. Những người này chẳng đợi Ta tán thán công đức, họ sẽ tự thành Nhứt thiết chủng trí. Lúc đó, những người này sẽ nhớ đến Ta, lòng họ vui mừng tự nói rằng: “Rất kỳ đặc, rất hy hữu! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khéo nhiếp thọ hộ niệm chúng tôi”.

Này Đại Ca Diếp! Vì lẽ trên đây, các ông và mọi người phải học pháp này. Người học pháp này thì sự chứng được tất cả công đức theo chỗ nguyện cầu đều không khó đối với họ.

Đại Ca Diếp bạch rằng:

Thế Tôn! Việc làm của tôi đã trọn đã xong, không còn cầu mong gì khác. Đối với pháp này tôi thôi thất đạo Vô thượng Bồ đề. Tôi rất biết đủ, trọn không thể thành Nhứt thiết chủng trí.

Bạch Thế Tôn! Vô thượng Bồ đề là sự quá hy hữu, hàng Thanh văn chúng tôi khó chứng được.

Phật bảo Đại Ca Diếp:

Ta chẳng phải vì ông mà nói pháp này. Nhưng nay do ông hỏi nên Ta vì người khác và giảng nói. Đối với pháp này ông chớ sanh lòng nghi. Các ông cũng sẽ sớm chứng được Vô thượng Bồ đề.

Này Đại Ca Diếp! Nếu có chúng sanh khao khát pháp này, mong cầu pháp này, lần lần đều sẽ chứng Vô thượng Bồ đề. Khi đã chứng được bèn vì dứt tất cả tâm mong cầu nên tuyên nói chánh pháp cho chúng sanh.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát phải trọn nên bốn pháp và phát tâm tinh tấn. Những gì là bốn pháp? Tinh tấn như thế nào? Nghĩa là chẳng cầu sắc thọ tướng hành thức mà cầu pháp vô lậu; chính là không địa thủy hỏa phong, chẳng nói địa thủy hỏa phong. Bao nhiêu ngôn thuyết đều gọi là phương tiện biểu thị. Những pháp biểu thị này đều chẳng

phải có thật. Bồ tát chẳng nên cho pháp biểu thị là chơn thật.

Đại Ca Diếp bạch rằng:

Thế Tôn! Đối với Như Lai chúng tôi thật không nghi ngờ. Nếu có người hỏi rằng: “Pháp biểu thị đây nếu chẳng phải chơn thật, thì âm thanh ngôn thuyết biểu thị của Phật cũng là hư vọng ư?”.

Bạch Thế Tôn! Nếu có người hỏi như vậy, thì phải đáp thế nào?

Đức Phật dạy:

Này Đại Ca Diếp! Đời vị lai có hàng Tỳ kheo chẳng tu thân, giới, tâm huệ, nhiều sân hận, lời nói thô xẵng, không thể thọ trì đọc tụng Kinh điển này. Vì họ ở nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sanh tâm.

Lại có một hạng Tỳ kheo trụ nơi pháp tại gia, không cầu mong thắng nghĩa. Như người sanh manh lấy tràng hoa bằng vàng đội lên đầu để trang sức, mà họ chẳng tự thấy được. Đời sau đây, hàng Tỳ kheo này cũng như vậy. Họ nghe Kinh điển đây còn chẳng thọ trì được văn tự ngôn thuyết, huống là có thể tu và chứng nhập thắng nghĩa!

Như bọn trẻ thơ bị người lớn quở rầy, lúc sau nghe đến tên người lớn, bọn trẻ thơ này đều sợ

hãi. Hàng Tỳ kheo sau này cũng như vậy, nghe trong Kinh này cứ theo sự thật mà nói những điều lỗi lầm, họ đã chẳng ăn năn mà trở lại sợ hãi đối với Kinh này.

Như cột con ẽnh ương nơi tay khi, mà con khi này chẳng xây mặt ngó đến. Hàng Tỳ kheo đời sau này cũng như vậy. Họ nghe Kinh điển đây bèn chống trái chẳng đoái đến, cũng chẳng chịu đứng ở trước.

Như chồn cáo bị chó rượt bèn chạy đến gò mả, trong hang, xuống hầm sâu. Hàng Tỳ kheo đời sau này cũng như vậy, họ nghe Kinh điển đây bèn trốn lánh.

Trên đây nói chồn cáo chạy là nói phạm giới cấm rồi hủy báng Kinh này. Họ đã nghe Kinh này bèn bỏ đạo về nhà chạy theo cảnh dục, theo phụ nữ, theo đấu tranh, theo y thuật, theo xử đoán, rồi ở trong đó phạm nhiều cấm giới. Ta nói những người này như chồn chạy vào gò mả. Những người này sau khi chết đọa ác đạo, như chồn chui xuống hang. Những người này sẽ sa địa ngục, như chồn rớt xuống hầm sâu. Những người này trọn nên pháp tắc của chồn cáo, không thể ngộ nhập Kinh điển này, chỉ có thể hủy báng và ca ngợi những lỗi lầm. Sau khi chết họ sẽ đọa đại địa ngục.

Này Đại Ca Diếp! Như có người hỏi: “Nếu phương pháp biểu thị không phải chơn thật, thì ngôn thuyết của Như Lai cũng chẳng chơn thật. Còn nếu pháp biểu thị của Phật là chơn thật, thì các pháp biểu thị cũng phải đều chơn thật?”. Người trí nên gạn lại họ rằng: “Nay Đại đức chấp lấy sự gì? Là chấp lấy Không, hay chấp lấy pháp biểu thị?”.

Nếu họ nói là họ “chấp lấy pháp biểu thị”, thì nên bảo họ rằng: “Đại đức là Phật. Vì Đại đức có ngôn thuyết biểu thị pháp”.

Nếu họ nói là họ “chấp lấy Không”, thì nên bảo họ chỉ rõ chấp lấy những Không gì? Vì không thể lời nói gọi là Không.

Nếu họ chấp lấy biểu thị cho là Không, hoặc nơi ngã, ngã sở, chúng sanh, thọ giả, chẳng phải Không mà chấp là Không, thì hỏi họ có thích tất cả pháp Không chẳng? Nếu họ nói là chẳng thích, thì nên bảo họ rằng: “Từ lâu ông đã quên mất bốn phạm Sa môn Thích tử, vì đức Phật dạy tất cả là Không, là vô ngã. Đức Phật chẳng nói có ngã, chúng sanh, thọ giả, hữu tình”.

Nếu họ nói rằng họ thích tất cả pháp Không, thì nên bảo họ rằng: Lòng ông còn thích tất cả

pháp Không, huống là đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác!

Lại này Đại đức! Nhãn là Như Lai hay nhĩ, tử, thiệt, thân, ý là Như Lai? Nếu họ nói rằng nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân ý là Như Lai, thì nên bảo họ rằng: Nay Đại đức cũng là Như Lai.

Nếu họ nói nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý chẳng phải Như Lai, thì nên bảo họ rằng: Đại đức nói nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý biểu thị chẳng phải Như Lai, thế thì chẳng phải biểu thị chính là Như Lai vậy.

Nếu họ nói nhãn, nhĩ v.v... chẳng phải Như Lai, cũng chẳng phải rời nhãn, nhĩ v.v... có Như Lai. Thì nên bảo họ rằng: Đức Như Lai nói thập nhị xứ: nhãn, nhĩ v.v... sắc, thanh v.v... đây chính là chúng sanh và là danh tự chúng sanh. Nay Đại đức cho nhãn là Như Lai hay chẳng phải là Như Lai? Nhãn đến pháp là Như Lai hay chẳng phải là Như Lai?

Nếu họ nói nhãn là Như Lai, nhãn đến pháp là Như Lai. Thì nên bảo họ rằng: Cứ như lời Đại đức nói thì tất cả chúng sanh và núi, rừng, cây, đất lẽ ra là Như Lai cả!

Nếu họ nói nhãn chẳng phải là Như Lai, nhãn đến ý chẳng phải là Như Lai. Thì nên bảo họ

rằng: Cứ như lời Đại đức thì Như Lai chính là pháp và phi pháp?

Nếu họ lại nói sắc chẳng phải là Như Lai, nhãn đến pháp chẳng là Như Lai. Thì nên bảo họ rằng: Nếu như vậy có lẽ cho phi pháp là Như Lai chẳng?

Nếu họ nói cho phi pháp là Như Lai. Thì nên bảo họ rằng: Nếu như vậy thì những chúng sanh chẳng hiếu thảo với cha mẹ, chẳng kính trọng bực Sa môn, Bà la môn và Sư trưởng, những kẻ sát sanh, trộm cướp nhãn đến tà kiến v.v... lẽ ra là Như Lai cả.

Nếu họ nói phi phi pháp là Như Lai, thì nên bảo họ rằng: Nếu phi phi pháp là Như Lai thì không có biểu thị. Đại đức cho không biểu thị là Như Lai ư?

Này Đại Ca Diếp! Nên vấn đáp như vậy để chiết phục kẻ ngu si. Ta không thấy trong loài người hay trên trời có ai đối luận được với người nói đúng pháp như vậy. Chỉ trừ hạng ngu si, sân hận không nhận lấy pháp đúng thật. Dầu có vì họ mà khai thị, họ vẫn không có lòng tin, họ chê bai pháp Không mà bỏ đi.

Này Đại Ca Diếp! Các ông phải thọ trì Kinh này. Đời vị lai sau này, các Tỳ kheo thọ trì Kinh

điền đây sẽ có ba danh từ để biểu thị chính là nói đoạn diệt: không vật, không uẩn và không cung kính. Kinh điền này sẽ bị họ hủy báng.

Các ông xem vào thời kỳ đó, họ chẳng kính Phật, chẳng kính Pháp. Họ chỉ theo danh tự biểu thị. Họ luôn mang danh từ là Tăng mà không có thật đức. Dầu họ xưng niệm danh hiệu của Phật, có người khai thị, họ cũng chẳng hiểu được. Như thế thì làm sao phụng trì Như Lai được! Dầu họ thuyết pháp, mà họ chẳng biết được ý thú của Như Lai. Như thế thì làm sao được gọi là thuyết pháp giỏi. Cả bốn đôi tám chúng Thanh văn đệ tử Phật chỉ biết danh từ kia, mà chẳng biết thật nghĩa đối với công đức kia. Họ vì tứ sự cúng dường mà hủy báng chánh pháp. Chư Bồ tát phải tinh tấn thọ trì đọc tụng Kinh điền này, hết lòng mến ưa tôn trọng, để làm người bảo hộ thành trì chánh pháp sau này.

Này Đại Ca Diếp! Ta nhớ thuở quá khứ cả chín mươi một kiếp, thời kỳ không có chánh pháp, Kinh điền này không có lưu hành. Ta lại nhớ thuở quá khứ có đức Phật Hưu Tức Nhiệt Não trụ thế tám muôn bốn ngàn kiếp giáo hóa Bồ tát, lợi ích chúng sanh. Ta lại nhớ thuở quá khứ có Vô Biên Lực Như Lai trụ thế hai mươi ức

kiếp, thực hành Bồ tát đạo hai mươi ức kiếp, rồi sau mới chứng Vô thượng Bồ đề!

Này Đại Ca Diếp! Ông xem chư Phật tu tập biết bao nhiêu là công hạnh khó làm để lợi ích cho chúng sanh!

Này Đại Ca Diếp! Đời trước ác mạt thế này, chúng ta không nên khinh tiện thân mình. Vì trong đời trước ác, nhân đến có một người hơn nơi Ta mà tin hiểu pháp này thì là rất hy hữu. Tất cả chúng sanh không làm tổn hại Ta cũng là hy hữu. Vì pháp này là pháp lành của bậc trượng phu. Nghĩa là đối với các hành pháp mà không chấp lấy hành pháp, đây là khó hiểu khó biết.

Nếu có ngã kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, hữu tình kiến, nếu thấy là có: có giới, có đa văn, có Phật, có Pháp, có Niết bàn, nếu chấp có Niết bàn, thì Phật gọi đó là tà kiến. Vì chính đức Phật đối với Niết bàn vẫn vô phân biệt và vô sở đắc. Do đây nên nếu có phân biệt cùng có sở đắc đối với Niết bàn, đức Phật đều gọi là tà kiến.

Đã là tà kiến thì gọi là vô trí. Đã là vô trí thì tổn hại. Đã là tổn hại thì gọi là ngu phu. Đã là ngu phu thì không ưa thích đại Bồ đề và cũng xa lìa thắng đạo nhân đến xa lìa quả báo cõi trời.

Này Đại Ca Diếp! Đời vị lai, sẽ có các Tỳ kheo vì già yếu mà trang nghiêm y phục. Dầu họ cạo bỏ râu tóc, mà hủy hoại oai nghi, không có oai quang, xu hướng tà pháp. Do ý tội che chướng nên hoặc dối hiện oai nghi, hoặc dối hiện tu trì Phạm hạnh, hoặc tự xưng không ai bằng ta. Họ dùng ba điều trên để tỏ rằng họ đã có chứng đắc. Họ sa vào lỗi tăng thượng mạn. Lúc lâm chung họ nghĩ gẫm những lỗi mà họ đã phạm, tự biết giải đãi không siêng tu hành, lòng họ ăn năn đau khổ. Sau khi chết họ phải đọa địa ngục.

Này Đại Ca Diếp! Nay Phật tuyên bố rõ ràng với các ông Phật là chơn thiện tri thức của các ông, luôn thương mến muốn làm lợi ích cho các ông, không để các ông sau này phải chịu khổ nơi ba ác đạo.

Này Đại Ca Diếp! Phật không bao giờ cho những kẻ chấp lấy ngã kiến, chúng sanh kiến, thọ mạng kiến, hữu tình kiến được xuất gia trong chánh pháp của Phật. Phật đã không cho mà vẫn cố xuất gia thì đều là kẻ giặc ăn nhờ tín thí và cũng không thành được Tỳ kheo chơn thật.

Này Đại Ca Diếp! Thà tuyệt thực, chớ không nên đã được xuất gia trong chánh pháp ăn nhờ tín thí mà chấp lấy ngã, chúng sanh, thọ mạng, hữu

tình nhân đến chấp lấy Niết bàn. Do đây nên chư Bồ tát phải phát tâm tinh tấn, chẳng nên có kiến chấp ngã, chúng sanh, thọ giả, hữu tình cùng chấp lấy Niết bàn. Phải thuyết pháp để dứt trừ tất cả kiến chấp.

Này Đại Ca Diếp! Kinh điển này, nay Phật giao phó cho chư Bồ tát. Vì ý chí của chư Bồ tát đồng với Phật, là bạn lữ của Phật, có thể lãnh được sự giao phó của Phật.

Lúc đó, đức Phật nói kệ rằng:

Sự đau khổ quần sanh bị bức
 Không có ai cứu hộ vẹn toàn
 Chỉ có nhờ bậc đại Đạo Sư
 Chính là đáng không còn hý luận.
 Những chúng sanh chìm trôi khổ não
 Tu học theo tà đạo kém hèn
 Lần lần thêm dục nhiễm tham sân
 Do đây phải vào ba ác đạo.
 Không ai dắt cũng không người cứu
 Ở mãi nơi nguy hiểm xa xôi
 Thẳng đến trong mê chấp đạo tà
 Trọn không chỗ an vui yên ổn.
 Ví như người đi buôn cầm vốn
 Muốn lợi nhiều dong ruổi đường xa

Nơi giữa đường gặp giặc xông ra
Cướp tiền hết, hóa hàng cũng hết.
Mất của cải tay không trở lại
Tiếc của tiền, đau xót nơi lòng
Mất hết luôn cả vốn mượn vay
Bị đòi nợ càng thêm sâu khổ.
Những chúng sanh đời sau cũng vậy
Vì pháp nên dốc chí xuất gia
Bao nhiêu pháp đã thọ đã trì
Cùng thiện nghiệp đều tiêu tan sạch.
Chỉ cạo được sạch râu cùng tóc
Mà ngu si vào giữa đạo tà
Chấp lấy ngã, thọ giả, chúng sanh
Cũng chấp lấy hữu tình là thật.
Vớ Tỳ kheo đúng theo chánh pháp
Giảng pháp không chẳng chấp ngã hơn
Họ không tin hủy báng chê bai
Do tà kiến sa vào địa ngục.
Lại thêm vì giận hờn ganh ghét
Nên kiếm điều bài bác lẫn nhau
Tự phạm lỗi vì sợ người biết
Nên họ vu khống người phạm tội.
Thân đã ác, miệng càng thêm ác
Ý nghiệp nhiều tưởng niệm chẳng lành

Mãi đảo điên theo kiến chấp tà
Hạng người này tấp vào ác đạo.
Đã gây tạo rất nhiều nghiệp ác
Tất mau qua đến cửa Tam đồ
Biết bao nhiêu đau đớn đốt thiêu
Rất khổ sở không ai cứu được.
Đời vị lai có Tỳ kheo chúng
Lòng vội vàng nhiều giận, nhiều hờn
Bức não người chơn chánh xuất gia
Đã phát tâm Bồ đề Vô thượng.
Đây là hạng đáng kính đáng sợ
Đã bác bài kinh điển Đại thừa
Lại không lòng lãnh thọ kính tin
Giáo pháp của Thích Ca Văn Phật.
Họ giận hờn lẫn nhau ganh ghét
Nên lẫn nhau làm khổ làm nản
Lại rêu rao bày lỗi lẫn nhau
Tiếng xấu xa truyền lan khắp chỗ.
Đem việc xấu vu khống người khác
Lỗi của mình thì thẹn dấu che,
Người nhu hòa yếu thế ít người
Kẻ tà ác chúng đông thế mạnh,
Thấy như thế biết chánh pháp suy
Nên người ác thêm nhiều thế lực.

Những đệ tử đáng thương của Phật
 Chính chỉ cho các thiện Tỳ kheo
 Phải dắt nhau tìm chỗ tìm nơi
 Lánh kẻ ác, ở nơi an ổn
 Khỏi tai nạn sanh lòng bi mẫn
 Người nhu hòa khó được chung cùng
 Phải gẫm suy giáo nghĩa trong kinh
 Cố thực hành theo lời Phật dạy.
 Nếu người bảo đây là xứ ác
 Chớ nên ở phải gấp lìa xa
 Nên mau qua đến Thánh đạo tràng
 Là nơi Phật thành Vô thượng giác.
 Hoặc có người hảo tâm chỉ bảo
 Chính các ngài khéo nói lời lành
 Kinh hành quanh tháp để cầu chơn
 Đúng thật là Thế Tôn giáo pháp.
 Thiện Tỳ kheo phải cùng nhau đến
 Chốn đạo tràng an ổn tu hành
 Chớ chẳng nên thường ở nơi đây
 Phải mang lấy ác tà bút ngặt.
 Đến đạo tràng thấy di tích Phật
 Nhớ xưa kia đức Phật kinh hành
 Chính chỗ này Phật ngự tu hành
 Thành đạo chuyên pháp luân vô thượng.

Pháp hữu vi vô thường biến hoại
Giờ đâu còn thấy được cảnh xưa
Thiên, Long, bát bộ, nhơn, phi nhơn
Bồ tát, Thanh văn đồng nghe pháp.
Thiện Tỳ kheo đã đồng vân tập
Phải nhiếp tâm đúng lý nghĩ suy
Chính chỗ này đức Phật đạo thành
Bồ ma quân dẹp trừ tà ngoại.
Sau khi quán Bồ đề giác thọ
Vì năm người A Nhã Trần Như
Chuyên pháp luân tứ đế ba vòng
Nên Phật ngự đến vườn Lộc Uyển.
Và kia là Ta La Song Thọ
Nơi cuối cùng Phật nhập Niết bàn
Kim thân thành Xá lợi Kim cang
Đề lợi ích quần sanh mãi mãi.
Kính mến thay! Thế Tôn Đại Thánh
Đau lòng thay! Phật nhập Niết bàn
Nay chỉ còn nghe được Phật danh
Chẳng gặp Phật thật là đáng tiếc.
Vì trí Phật đã thấy xa biết rộng
Giờ cuối cùng lại độ Thiện Hiền
Đây là lần giáo hóa rốt sau
Duyên đã mãn hiện bày tịch diệt.

Đời còn Phật người tu chơn chánh
Đương tu chết hoặc lúc phát tâm
Hoặc tu rồi thân chết mạng vong
Đều được sanh cõi lành tất cả.
Đời mạt pháp còn đâu chánh pháp
Được cúng dường không luận phạm trì
Của thí kia thọ dụng quá nhiều
Sau khi chết tấp vào ác đạo.
Này Ca Diếp! Ông nên quan sát
Hàng Tỳ kheo thiện ác phân hai
Người chơn tu dầu ở đời sau
Vẫn được hưởng quả lành phước huệ.
Chư Bồ tát những người đại trí
Có lòng từ lợi ích chúng sanh
Phải chuyên cần tu học Kinh này
Tâm an ổn vui mừng hơn hởi.
Được như thế sau đây thành Phật
Ngày gần đây gặp đức Từ Tôn
Nghe pháp lành cung kính cúng dường
Được Di Lặc xoa đầu thọ ký.
Này Ca Diếp! Nay Ta thành thật
Thốt ra lời an ủi người lành
Đời sau này dầu chẳng thấy Ta
Nhưng không khác hiện tiền gặp Phật.

Ta cũng nhắc đời sau phụ nữ
Nếu phát tâm Vô thượng Bồ đề
Ta sẽ cùng chư Phật mười phương
Hộ niệm họ ban lời an ủi.
Họ sẽ sớm rời thân phụ nữ
Được thân nam gặp đức Từ Tôn
Hầu Di Lặc cung kính cúng dường
Lòng sở nguyện thảy đều như ý.
Ta nhắc nhở đời sau đệ tử
Phải học đòi người trí xuất gia
Tín tâm sâu chí nguyện vững bền
Thông chánh pháp kiên trì giới luật
Để sau này dự hội Long Hoa
Được Di Lặc xoa đầu thọ ký.
Hàng đệ tử đã nghe lợi ích
Sanh tín tâm tu hạnh thiện hiền
Tâm vững bền chí nguyện cao xa
Tận vị lai nhiếp quần sanh loại.
Này Ca Diếp! Nơi đây ai được?
Ông lắng nghe Ta sẽ nói đây
Người tinh cần có huệ siêng tu
Quả Vô thượng chứng liền không khó.
Siêng tu tập từ bi rộng lớn
Xa hẳn lòng đua bợ vạy vò

Nên thích ưa vắng vẻ rảnh rang
Chính đó là Bồ đề đạo cả.
Chánh pháp đây nếu không tin thọ
Luống nói suông không thể thực hành
Được mọi người lễ kính cúng dường
Đây là kẻ giặc loạn đáng sợ.
Nếu lại có người vì ăn mặc
Cầu mong nhiều lợi lộc cúng dường
Mà thọ trì chánh pháp kinh đây
Truyền lẫn nhau luận bàn giảng thuyết.
Đây là kẻ ác tà hoạt mạng
Cũng gọi là luống sống qua ngày
Sau khi rời bỏ mất thân người
Tất phải đọa tam đồ thọ khổ.
Hoặc có kẻ vào trong Phật pháp
Giả danh làm Đại đức Tỳ kheo
Họ không tin hủy báng khế kinh
Khéo rành rẽ giảng bày giới cấm.
Rằng ta đây hoằng tuyên đầy đủ
Ba la đề giới pháp Mộc xoa
Hạng này dầu có tướng Tỳ kheo
Trộn sa đọa mất thân thiện đạo.
Nếu có kẻ chê bai thiện đạo
Hủy báng luôn Nhứt thiết trí lành

Đây là người báng chánh pháp luân
Tội này lại nặng hơn tội trước.
Nếu người nào khéo gìn thân ý
Cũng gìn lời không lỗi không lầm
Ác nghiệp xa thêm lớn hạnh lành
Tất sẽ được Niết bàn quả tốt.

Đức Phật bảo Đại Ca Diếp:

Sau khi Như Lai diệt độ, các Tỳ kheo ở nơi Phật trông căn lành sâu cũng đã nhập Niết bàn, những chúng sanh đủ thắng ý lạc cũng qua đời cả. Lúc thời kỳ chánh pháp dứt, năm trăm năm sau, sẽ có hàng Tỳ kheo lòng đầy tham dục mê chấp, thích lời ly gián não hại người khác, nói năng cộc cằn hung ác, thường ở trong ba điều: nghề nghiệp thuốc men, buôn bán và gần phụ nữ. Do ở trong ba điều trên nên thối thất bốn điều: mất giới hạnh, thiện đạo, quả chứng và như thật thấy Phật.

Vì thối thất bốn điều trên nên sanh ra bốn điều hừng thạnh: Tật đồ hiềm ghét hừng thạnh, giận dữ ác tâm hừng thạnh, tham đắm giòng họ hừng thạnh và tham đắm uống ăn chứa cất các thực phẩm, ưa thích y phục cất để đầy rương. Vì bốn điều hừng thạnh trên đây nên họ không được pháp Sa môn, cũng chẳng phát sanh quả chứng của Sa môn. Họ nghe Kinh này sẽ sa vào bốn điều: Một

là hủy báng chánh pháp. Hai là những điều Phật không cho phép họ lại đem giảng nói. Ba là riêng vì hàng phụ nữ mà nói pháp yếu. Bốn là hủy báng giới Biệt giải thoát của Như Lai. Hàng Tỳ kheo này nghe Kinh điển đây càng thêm sanh lòng phá hoại chánh pháp, thêm lớn nghiệp ác.

Này Đại Ca Diếp! Như lấy mật đắng nhỏ vào mũi chó dữ, con chó đó sẽ thế nào, nó có hung dữ thêm chăng?

- Bạch Thế Tôn! Chó dữ nó càng thêm hung dữ.

- Này Đại Ca Diếp! Những người ác đã nói trên kia cũng như chó dữ cùng quý Tỳ xá xá. Họ thấy có Tỳ kheo chơn tu giới hạnh thanh tịnh, thọ trì Kinh pháp này, giảng thuyết Kinh pháp này, thiêu dục tri túc và ca ngợi thiêu dục tri túc, họ liền ganh ghét hờn giận cho là bị khinh hủy. Do đây nên khi nghe nói Kinh pháp này, họ liền hủy báng cho là không phải của Phật nói.

Này Đại Ca Diếp! Phật dùng nhiều từ ngữ để tán thán người thiêu dục tri túc, là người dễ nuôi, người dễ đầy, người sạch sẽ, người có hạnh đầu đà, người rất đ đoan nghiêm. Phật cũng tán thán người ở a lan nhã, người phát tâm tinh tấn, người sanh hoạt thanh tịnh.

Các ông chớ nên chứa đễ nhiều rương nhiều tử, mà phải tu tập hạnh thiếu dục. Các ông chớ nên như chụp chĩa đồng, chỉ luống có tiếng kêu, mà phải tùy thuận tu tập pháp của Như Lai dạy đây, cũng chẳng nên thêm lớn lòng sân hận cùng tham chấp sự vật, phải trụ nơi vô sự vô vật. Các ông chớ trụ trước nơi chỗ ở, mà phải vô sở trụ. Các ông chớ tự khoe, chớ nuôi loài bò, lừa v.v... Các ông chớ sanh lòng biếng nhác trễ lười, mà phải phát tâm tinh tấn xa lìa pháp ác, tu tập pháp lành.

Này Đại Ca Diếp! Phật thường khen ngợi sự tịch tịnh ở a lan nhã xa lìa ồn náo. Nay Phật nói rõ hạnh dứt trừ rất thanh tịnh. Những kẻ không thực hành hạnh dứt trừ rất thanh tịnh, kẻ nhiều tham dục, kẻ tạo tội ác, tất sẽ hủy báng người có hạnh dứt trừ rất thanh tịnh.

Này Đại Ca Diếp! Như kẻ ngu kia, giữa tháng Tư uống chát tô sanh khát bèn đến người xin nước uống. Người bảo: “Anh vừa uống chát tô chớ uống nước, vì sẽ có thể nguy đến tánh mạng”. Kẻ ngu giận dữ mắng nhiếc, không nghe lời khuyên của người, nó uống nước rồi chết.

Này Đại Ca Diếp! Cũng thế, đời vị lai, các Tỷ kheo ưa chấp có, thích việc ác. Nếu có người thọ trì chánh pháp bảo họ: “Đây là việc nên làm, đây

là việc chẳng nên làm”. Họ sẽ giận dữ trách mắng và hủy báng Kinh điển này.

Hiện tại đây còn có nhiều người cạnh tranh với Như Lai, huông là đời vị lai! Như Hiền Hộ Tỳ kheo chẳng hạn. Phật chế giới khiến các Tỳ kheo thọ pháp “một lần ngồi ăn”, Hiền Hộ vì giận hờn che tâm nên trọn ba tháng hạ không chịu đến chỗ Phật.

Này Đại Ca Diếp! Hiện nay ở trước Phật còn có người khinh hủy Phạm hạnh, huông là sau khi Phật diệt độ, những kẻ tham ăn, tham mặc, thuốc men, ngủ nghỉ, thêm nhiều giận hờn! Những kẻ này nghe Kinh pháp đây còn chẳng kính trọng đức Như Lai Đại Sư, huông là đối với các Tỳ kheo trì giới!

Này Đại Ca Diếp! Những người ấy gọi là bất thiện, cũng gọi là rất ác. Pháp bảo này sẽ ẩn mất.

Trong đời ác trước sau này, thời kỳ mà người lành rất khó có, nếu thiện nam hay thiện nữ nào muốn được sự lợi ích lớn, tin giáo pháp của Phật, nghe kinh pháp rất sâu này rồi, nên vì người đúng lý, người có lòng tin mà giảng nói, chớ chẳng nói với người không đúng lý không tin. Hiện nay, Phật cũng chỉ giảng nói với những người đúng lý với những người có lòng tin mà thôi.

Này Đại Ca Diếp! Như ngựa ác dở chẳng chịu mặc giáp, nếu bắt nó mặc giáp như ngựa hay, thì tất nó sẽ kinh sợ, huống là nghe tiếng loa, tiếng trống mà có thể chịu được.

Này Đại Ca Diếp! Tỳ kheo phá giới không có lúc nào ưa thích pháp lành. Nhân đến họ nghe nói các pháp không ngã chấp, không ngã tưởng, họ liền sợ hãi bài bác, huống là nghe đến pháp lành! Nếu thực hành pháp lành thì có thể hàng phục trăm ức quân ma và trọn không có sự đấu tranh.

Các thiện Tỳ kheo nên mặc giáp tinh tấn, chẳng hư công đức đầu đà, dứt sạch căn bản tham sân si, không tật đố, ly dục, thích nhàn tịnh, thường thức tỉnh, nơi vật dụng không mong cầu, phát tâm Bồ đề Vô thượng, không chấp pháp, không chấp ngã, chúng sanh, thọ giả, hữu tình, không kiến chấp nam, nữ, địa, thủy, hỏa, phong, Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, trì giới, phá giới, tánh Không v.v... Tóm lại, không nên có tất cả chấp, tất cả tưởng. Vì tất cả tưởng đều vô sở đắc.

Này Đại Ca Diếp! Nếu có tham, Tỳ kheo phải biết rõ và liền dứt trừ tâm tham ái, chẳng phải cứ trụ một chỗ mà được vô trụ! Chỉ trừ kẻ vọng ngữ. Do đây nên Như Lai hiệu là đấng Thật Ngữ. Như Lai nói bao nhiêu tham ái đều là chẳng phải ngã.

Các pháp như vậy là Sa môn pháp. Các Sa môn pháp đều vô sở đắc.

Nếu người nào còn có tướng chấp lấy pháp, thì là chấp ngã, chúng sanh v.v... như núi Tu Di, mà thôi thất Thánh giáo. Nơi người này pháp Sa môn không có được, cũng không thể trụ nơi Sa môn pháp. Pháp quảng đại tối thắng này chẳng nên giảng nói với những kẻ ngu si kia, dầu chỉ một ít. Vì nếu họ chấp trước thì tất sẽ phải chịu khổ ở địa ngục trọn một kiếp.

Này Đại Ca Diếp! Ông xem các Tỳ kheo: Câu Ca Lợi, Đề Bà Đạt Đa, Khiên Đồ Đạt La, Ca Lô Đề Luân, Mẫu Đạt Đa La, A Thập Phiền, Bồ Na Bà Tô, Tô Khí Đạt La, các Tỳ kheo trên đây là những người thường ở gần bên Phật, nghe Phật thuyết pháp, thấy Phật kinh hành, thấy Phật đoan tọa, thấy Phật hiện thân thông đi đứng trên không gian, thấy Phật hàng phục hàng ngàn ngoại đạo, giữa Đại chúng thấy Phật trừ dẹp tà pháp, mà họ còn chẳng có lòng tin mến đối với Phật. Vì họ luôn muốn hủy báng Phật nên càng ngày họ thêm lớn ác nghiệp.

Nếu có người nghe danh hiệu Phật có lòng tin chắc là thật, thì mọi người nên đem hoa hương như núi Tu Di, phan lọng trùm cả Đại thiên để

cúng dường, vì người này tin Phật vậy. Huống là người đã tin Phật rồi bỏ đục lặc xuất gia, không kiến chấp, tu các môn tịnh lự!

Này Đại Ca Diếp! Người nào tin ưa Kinh pháp này thì đáng gọi là hy hữu. Người này có thể khéo hộ trì giới cấm của Phật chế, có thể rõ biết pháp cam lồ này.

Ví như trong Đại chúng dùng da thú cùng những vật hôi nhơ cùng nhau chế làm hình người, hoặc làm các thứ mặt nạ, rồi sơn vẽ trau tria rất mực xinh đẹp. Có người lấy những thứ ấy mang lên mặt, hoặc gói lại xách đi. Như thế há lại vì tướng mạo mà gọi là tốt ư! Biết rõ là vật hôi nhơ thì sẽ nhàm bỏ.

Cũng vậy, với các ác Tỳ kheo, phải dùng oai đức dung nghi của Như Lai để thẩm xét mới biết họ là cực ác. Do họ chấp ngã nhờn mà sanh lòng tham ái. Nếu người rõ biết ngã chấp không thật, thì khi nghe Kinh này tất ưa thích vui mừng. Nếu kẻ nào chấp trước thì là tà kiến. Đã có tà kiến thì không tin ưa lời dạy chơn chánh nơi Kinh này. Vì người chấp ngã thì có giận hờn.

Nếu hàng Tứ chúng nghe Kinh pháp này mà giận ghét hủy báng thì không phải là Sa môn. Dầu họ có danh hiệu Sa môn, nhưng không phải đệ tử

Phật. Ta cũng không phải thầy của họ. Vì đệ tử Phật thì không vọng ngữ. Phật không phải thầy của kẻ vọng ngữ. Nên biết rằng Phật là đấng Thật Ngữ, có thể nói đúng thật tất cả pháp Không.

Này Đại Ca Diếp! Nếu kẻ nào tranh cãi Như Lai thì gọi là ác ma. Như Lai không cho ma chúng xuất gia thọ giới Cụ túc. Ý ông nghĩ thế nào? Như có người nói chim thanh tước đẻ rồng lớn. Lời này có đáng tin và có đồng loại chăng?

- Bạch Thế Tôn! Lời đó không đáng tin, cũng không phải đồng loại.

- Như có người nói kim sí điều đẻ loài phi điều. Ông nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Lời đó không đáng tin, cũng không phải đồng loại.

- Như có người nói con đom đóm mang núi Tu Di bay lên không gian. Ông nghĩ thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Lời đó không đáng tin, cũng không phải đồng loại.

- Này Đại Ca Diếp! Những kẻ ác trên kia chấp ngã nhân đến chấp Niết bàn kêu Phật bằng thầy lại càng chẳng phải đồng loại.

Này Đại Ca Diếp! Như có đế vương ở nước mình lãnh đạo nhơn dân an lạc vô cực. Cảnh vua

có các thị thần tuân hành chánh hóa của vua. Lúc đó, có người không ai quen biết, người này vì danh lợi mà học cách làm quan, không lãnh lĩnh vua, tự ý ở giữa bá quan đối tuyên lệnh vua, bảo mọi người rằng các ngài phải ở nơi đây, làm như vậy.

Cũng vậy, đức Như Lai Pháp Vương quản trị cả Đại thiên thế giới, nhiếp hóa tất cả Tam thừa chúng sanh, đầy đủ mười trí lực, viên mãn tất cả công đức, thực hành Phật sự vô biên an lạc. Có một hạng người Đại chúng chưa từng quen biết, vì sanh sống mà nói tướng ngã, chúng sanh v.v... nhân đến Niết bàn, chẳng tuân theo Thánh giáo vô ngã của Như Lai, vọng nói rằng: “Phật bảo việc này nên làm, việc này chẳng nên làm”. Trong Đại chúng có những người tin thuận Phật pháp, nghe lời nói trên đây nhận là bực phước điền thanh tịnh, bèn đem của cải cung kính dâng cúng mãi trong thời gian chưa rõ họ là sai quấy!

Kẻ ác này đồng với kẻ dối lệnh vua trong ví dụ kia. Sau khi ăn uống xong, họ ở chỗ đông người thường luận bàn việc vua, việc giặc, việc ăn mặc, việc dâm dật, việc phụ nữ, việc thuốc men, việc rượu trà, việc nhứt thực nguyệt thực, việc nhà vua đi về, việc dòng họ, việc ngày tốt xấu v.v... Ngày đêm họ luôn suy tính luận bàn những việc như

vậy, không có chánh niệm chánh huệ, hư mất oai nghi, ngủ mê lẫn lộn miệng chảy nhớt dãi. Lúc thức tưởng nghĩ gì, lúc ngủ họ mơ thấy việc ấy. Đến lúc thức dậy, họ tụ nhau luận bàn chiêm bao tốt xấu. Họ đi đứng hành động không khác người thế tục. Họ nói không nhằm lúc, tâm niệm buông lung, thích đến xóm đông, đến nhà giàu sang. Họ không giữ được giới cấm của Phật. Họ riêng nói pháp cho phụ nữ. Lúc nói pháp họ sanh nhiễm tâm, được cúng dường nhiều, tham trước luyện ái, chẳng biết hồi hận.

Họ được cúng thí tốt thì ca ngợi, trái lại thì chê trách. Lúc họ gặp nhau bèn xem đồ được cúng của nhau. Họ hỏi nhau hôm nay thí chủ cúng món chi? Cho ai? Tiền bạc đồ dùng nhiều hay ít? Đây gọi là hạng chẳng tu hành, cũng gồm cả lỗi hủy báng chánh pháp.

Này Đại Ca Diếp! Với hạng người ngu ác trên đây, các ông phải có lòng xót thương họ. Vì họ sẽ phải bị quả báo rất khổ não.

* Tôn giả Đại Ca Diếp bạch rằng:

Thế Tôn! Rất lạ thay, những người ấy được nghe Kinh pháp này, mà họ không có lòng yếm ly!

* Hán bộ quyển thứ 3.

- Nay Đại Ca Diếp! Nếu là kẻ có bốn điều sau đây, thì dầu được nghe Kinh pháp này, nhưng họ vẫn không yểm ly. Đây là bốn điều: nhiều phóng dật, không tin chắc nghiệp quả, không tin chắc đại địa ngục, không tin chắc mình sẽ chết. Lại có kẻ vì có bốn điều dưới đây nên không yểm ly: lúc tráng niên khỏe mạnh tự cậy sức mạnh, mê say dục lạc, ham uống rượu, không suy gẫm quan sát để hiểu biết.

Nếu Tỳ kheo có bốn điều dưới đây thì hủy báng Vô thượng Bồ đề: Trước tạo ác nghiệp đã thành thực. Hủy hoại chánh pháp chẳng biết phát lồ chẳng rành nghiệp quả ác. Làm ướ dục với Tỳ kheo ni. Cậy có Hòa thượng A xà lê được nhiều người kính mến, theo thầy học tập vì tật đồ mà khinh chê thầy là ít học.

Nay Đại Ca Diếp! Nếu có người được một pháp sau đây thì trọn nên bực Sa môn, Bà la môn đó là đối với tất cả pháp tâm vô sở trụ.

Nay Đại Ca Diếp! Ví như có người rơi trên chót núi, bèn cho rằng không có mặt đất cây cối rừng rậm, chỉ tưởng trống không mà dứt hơi thở. Những kẻ chấp pháp cũng như vậy. Nếu chấp có nhãn, nhĩ v.v... cùng chấp có tướng nhãn, nhĩ v.v... hoặc chấp sắc, thọ v.v... hoặc khởi tưởng

chấp trì giới, đa văn, tầm quý, kinh hành qua lại, được Bồ đề v.v... Đây đều là không phải pháp của Sa môn, Bà la môn. Nếu có tướng chấp thì bị làm hại. Những gì làm hại? Chính là tham, sân, si vậy.

Nếu chấp tướng nhãn, nhĩ v.v... thì thấy có sắc, thanh v.v... khả ái hay không khả ái, tất bị nhãn, nhĩ v.v... làm hại. Đã bị hại thì rất bị hại nơi trong vòng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Nhơn và Thiên.

Do đâu mà bị hại? Do tướng chấp. Sao gọi là tướng chấp? Chính là chấp ngã và ngã sở, chấp nam nữ, địa thủy hỏa phong, chấp thân chết xanh bầm, tan rã, xương trắng, chấp thắng giải thoát, chấp kia có phần ít giải thoát, đây không phần ít giải thoát, chấp hiện chứng, ta tùy niệm khác với quá khứ, khác với hiện tại, ta là quá khứ, ta là hiện tại, nhãn đến chấp Niết bàn, thấy ta được Niết bàn, với các pháp sanh tướng chấp.

Này Đại Ca Diếp! Tóm lại, kẻ chấp trước thì với chỗ nào cũng sanh niệm tướng, nhãn đến trong tánh Không, họ vẫn có tất cả tướng niệm. Đây đều chẳng phải pháp Sa môn, Bà la môn, đều chẳng phải hạnh Sa môn, hạnh Bà la môn.

Này Đại Ca Diếp! Như Lai nói pháp Sa môn, Bà la môn như hư không cùng với mặt đất. Vì hư

không tròn không nghĩ rằng ta là hư không. Cũng vậy, bực Sa môn, Bà la môn tròn không tự nói ta là Sa môn, Bà la môn. Các pháp cũng chẳng tự nói là pháp Sa môn, Bà la môn. Chẳng tạo tác chẳng trừ bỏ, đây gọi là Sa môn, là Bà la môn.

Này Đại Ca Diếp! Như có kẻ giữa đêm tối múa tay chân, động đầu mặt, rồi nói rằng ta đùa cột thế gian! Ta đùa cột thế gian! Ý ông thế nào, họ đùa cột ai?

- Bạch Thế Tôn! Kẻ đó tự đùa cột lấy họ, vì giữa đêm tối không có ai để họ đùa cột cả.

- Này Đại Ca Diếp! Cũng vậy, nếu có Tỳ kheo đến a lan nhã, hoặc đến dưới tàng cây, nhà vắng, đất trống, quán tưởng rằng: nhãn, nhĩ v.v... đều là vô thường; sắc, thanh v.v... cũng đều vô thường. Ta thẳng đến Niết bàn. Các Tỳ kheo ấy tự luống khổ nhọc không phải thật hạnh của Sa môn. Vì họ có rất nhiều tà chấp, họ biết tướng nhãn, nhĩ v.v... rồi vì muốn diệt nhãn, nhĩ v.v... mà tu tập nhọc nhằn. Nếu ở nơi căn, trần, thức, ba chỗ đó mà biết rành thì sanh niệm phân biệt đối với ba chỗ ấy. Nếu đã ở nơi chỗ thấy biết mà sanh niệm phân biệt thì làm thế nào được tâm như tánh cảnh.

Này Đại Ca Diếp! Thậm thâm Bồ đề rất khó đến khó vào, khó có đủ tư lương.

Thế nào gọi là tâm nhưt tánh cảnh? Suy tìm cùng khắp hẳn đến một pháp cũng là bất khả đắc. Nghĩa là nhãn, nhĩ v.v... đều chẳng thể có thật. Tất cả pháp đều chẳng có thật. Vì bốn tánh như vậy. Tâm tánh vốn bất sanh, tất cả các pháp đều không có thật nên tâm đó bất khả đắc. Vì nếu quá khứ, hiện, tại, vị lai là vô sở đắc thì là vô sở tác. Thế nào gọi là vô sở tác? Hoặc cũ hoặc mới đều chẳng thể tạo tác nên gọi là vô sở tác. Trong đây, quá khứ tâm không giải thoát, hiện tại tâm không giải thoát, vị lai tâm không giải thoát, tùy chỗ có tâm đều vô sở đắc, đây là tâm nhưt tánh cảnh, chính đây gọi là nhập vào số của tâm vậy.

Này Đại Ca Diếp! Sẽ có hàng Tứ chúng chấp cho rằng nhãn, nhĩ v.v... là diệt hoại. Đối với các uẩn chấp là vật có thật. Như Lai nói các uẩn dường như cảnh chiêm bao. Nhưng họ lại bảo chiêm bao là thật có, vì thế gian nói có chiêm bao; nếu không chiêm bao, lẽ ra mọi người không có sự mộng tưởng để biểu thị. Do đây chúng ta trong lúc ngủ mơ sanh mộng tưởng. Thật vậy, vì các uẩn có sở nhưn nên gọi là như chiêm bao. Nếu uẩn đã không, thì chẳng nên nói các uẩn dường như cảnh chiêm bao!

Những kẻ ngu si kia cho chiêm bao là thật có. Họ nghe Kinh pháp này bèn hủy báng. Trong

hạng này lại có Tỳ kheo ni đối với các nhà thí chủ, vọng xưng rằng ta là bực A la hán. Hoặc vì y cứ nơi trí thô cạn, họ nói hiện chứng được. Hoặc có Ưu bà tắc, Ưu bà di nghe kệ tụng trong kinh luật rồi nói tôi hiện chứng.

Này Đại Ca Diếp! Lúc đó, hoặc có Tỳ kheo đã thường ở a lan nhã trải qua hai ba mươi năm tinh tấn tu tập, vì Phật pháp mà họ đến nơi Ưu bà tắc mới có lòng tin vừa được một ngày, rồi chỉ dùng lời Không mà xướng thuyết lẫn nhau. Họ bảo rằng: vì Không Không nên ta biết khắp tất cả, ta biết khắp tất cả!

Hoặc có Tỳ kheo nghe Kinh pháp này rồi luận nói với nhau. Có người nghe sanh lòng hãi sợ, lại nói những người tại gia cùng xuất gia chẳng nên gần gũi các vị ấy, phải xa lìa, vì chẳng phải giáo sư. Hoặc có người giảng nói pháp lý thậm thâm lại bị hàng tại gia xuất gia khinh tiện bỏ rơi. Tại sao vậy?

Vì hiện nay đây Phật nói Phạm hạnh thắng diệu còn ít người biết, huống là đời vị lai đến cả người biết chút ít cũng đã qua đời. Lúc đó, một ngàn, hai ngàn vị Tỳ kheo thuyết pháp khó có được một người hiểu biết đúng thật tin nhập diệu pháp. Trong số đó, hoặc có Tỳ kheo hoặc đến đời không nói được sông câu huống là hiểu rõ.

Này Đại Ca Diếp! Lúc đó, hàng tại gia, xuất gia chung nhau khinh hủy giáo pháp này. Nếu có Tỳ kheo tinh tấn vì thêm lành dứt ác, nên bớt ngủ nghỉ, đầu hôm cuối đêm tinh tấn tu học. Các vị này tất bị kẻ khác ganh ghét chê bai hoặc giết chết. Những Kinh pháp như đây sẽ diệt mất. Hàng Tỳ kheo đúng pháp cũng đều tiêu diệt. Trong lúc đó, người có trí thanh tịnh vô nhiễm hiểu rõ diệu pháp, phải tôn trọng Kinh pháp này, tin sâu cung kính, cùng nhau họp ở nơi a lan nhã.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Pháp lành của Phật dạy
 Hiệp với đệ Nhứt nghĩa
 Rằng uẩn không chắc thật
 Nên xem nó như mộng.
 Đời sau, các Tỳ kheo
 Lòng ganh đua lãng xãng
 Không phân biệt tôn ti
 Chỉ luống có danh tục.
 Lời Tỳ kheo nói ra
 Tại gia cũng nói vậy
 Giáo pháp lúc bấy giờ
 Đạo tục đồng cùng nói.
 Tỳ kheo bảo kẻ tục
 Ông hiểu pháp hy hữu

Chính là Phật Bồ đề
Đã phát quả Sơ địa!
Lòng tự cho thấy pháp
Gần gũi người tại gia
Đây dâng cúng Tỳ kheo
Đồ cúng dường tối thượng.
Các Tỳ kheo này nói
Tất cả lời đều thật
Cùng tại gia thân nhau
Rằng ta đã thấy pháp.
Người ở đời vị lai
Vì lợi dưỡng xuất gia
Chẳng tuân theo chánh pháp
Hủy hoại Bồ đề đạo.
Ta đem đạo dạy cho
Gần ta chớ theo ai
Ít lâu người sẽ được.
Như chỗ ta đã được.
Đây là ngôi tịch tịnh
Ta nói rõ cho người
Trong Đại chúng hòa hiệp
Làm hư giáo pháp Phật.
Ví như bọn giặc cướp
Lòng hung dữ hiểm độc

Đánh phá thành xóm làng
Cũng cướp tỵ lạc lớn.
Tỳ kheo này cũng vậy
Vô trí, nhiều ngu si
Huệ ít hay phạm lỗi
Chấp ngã chấp thọ mạng.
Rời xa giáo pháp Phật
An trụ trong kiến chấp
Tự xưng A la hán
Đầy lòng tăng thượng mạn.
Họ ở giữa đại hội
Đối trước chúng Tỳ kheo
Khoe mình nhiều trí huệ
Danh tiếng ít người có.
Lúc đó có Tỳ kheo
Hoặc thực hành đúng pháp
Bị họ ghét chê bai
Bác không phải Phật tử.
Chư Phật đại Bồ đề
Lúc đó bị hủy báng
Chư Thiên lòng buồn lo
Thường hướng nhau than thở.
Chư Thiên tin chánh pháp
Thấy mất chánh pháp luân

Của Thích Ca Văn Phật
Đau lòng lặn trên đất.
Chư Thiên ca ngợi Phật
Cùng tán thán pháp môn
Khen ngợi phước điền Tăng
Con yêu của chư Phật.
Chúng ta chẳng còn nghe
Pháp nhiệm màu của Phật
Thích Ca đã diệt độ
Không hiểu ôm lòng mê.
Tứ Thiên, Đạo Lợi Thiên
Vang lên tiếng tăm lớn
Phổ cáo cùng chư Thiên
Đuốc pháp nay sắp tắt.
Các ngài được nghe Phật
Nếu chẳng gần Như Lai
Hàng Thiên, Long sau này
Sẽ ôm lòng hối hận.
Trải qua vô số kiếp
Vì mình cũng vì người
Chịu đủ điều khốn khổ
Rồi sau mới thành Phật.
Đây là lời chư Phật
Vì giáo hóa chúng sanh

Giảng nói thiện pháp môn
Nay đây sẽ ẩn mất.
Kẻ giả dối ra đời
Gây nhiều tội đáng sợ
Là ma sứ, ác ma
Tha hồ nói lời ác.
Dua dối nhiều ngu si
Phỉnh gạt người khờ dại
Hoặc giận hoặc chẳng hờn
Chê thầy, chê chánh pháp.
Nghe tiếng trời truyền xướng
Các cõi trên đều buồn
Tứ Vương Thiên, loài người
Cũng đều cư sâu khổ.
Thần Dạ xoa nhóm họp
A Tra Phiệt Đế thành
Kêu lên tiếng hãi hùng
Đôi mắt đồng rơi lệ.
Đền đài châu báu đẹp
Nghiêm lệ của chư Thiên
Thảy đều mất quang huy
Đen tối như đồng đất.
Cung điện xưa xinh đẹp
Rất đáng mến đáng ưa

Nay mất cả oai quang
Nhìn xem không còn thích
Chư Thiên cùng nhau đến
Xưa kia chỗ Phật sanh
Lăn trên đất kêu gào
Càng thêm sâu thêm khổ.
Ta từ trời xuống đất
Đi qua các quốc thành
Phật pháp đều trầm luân
Nhìn khắp chẳng còn thấy.
Khắp cả Diêm Phù Đề
Chánh pháp đã suy tàn
Bức não người xuất gia
Nên chư Thiên than khóc.
Cung trời bảy ngày trọn
Nơi nơi mất oai quang
Chư Thiên cũng bảy ngày
Thường buồn rầu than khóc:
Than ôi đáng Đại Hùng!
Xưa tôi từng gặp Ngài
Nào ngờ nay chẳng thấy
Lời Ngài cũng thành không.
Phật thường ở Xá Vệ
Chúng tôi đến kính lễ

Nay thấy chỗ nhớ Người
Càng thêm buồn than khóc.
Và đây là rừng Lộc
Phật xưa ở nơi đây
Chuyên Tứ Đế pháp luân
Chúng tôi thân nghe thấy!
Nay thế gian tăm tối
Chẳng kính mến lẫn nhau
Đã gây tạo tội nhờn
Tất sanh ba ác đạo.
Trên trời nhiều cung điện
Nay đều trống vắng người
Chúng sanh Diêm Phù Đề
Không chủ, không ai cứu.
Chỗ kinh hành của Phật
Nay hủy hoại hoang vu
Pháp Vương đã Niết bàn
Thế gian mất an lạc
Giữa chúng trời Đạo Lợi
Thiên Chủ Thích Đề Hoàn
Lòng khổ não ưu sầu
To tiếng than thở khóc.
Như vậy hàng Thiên chúng
Thường tán thán Như Lai

Tự hận xa Thế Tôn
Từng là Thầy thuyết pháp.
Không ăn cam lồ được
Cũng tuyệt tiếng đờn ca
Hàng chư Thiên như đây
Lòng sâu cả sáu tháng.
A tu la nghe nói
Chánh pháp đã trống hư
Bèn kêu gọi lẫn nhau
Đem binh đánh Đao Lợi.
Diêm Phù các vua chúa
Hủy hoại Phật luật nghi
Chính trong thời kỳ này
Trời cùng Tu la chiến.
Sanh vào trong ác đạo
Có rất đông Tỳ kheo
Cũng nhiều Tỳ kheo ni
Chịu đủ mọi sự khổ.
Tại gia phạm các tội
Cư sĩ phá Thi-la
Tranh bài bác lẫn nhau
Do đây đọa ác đạo.
Phụ nữ làm việc ác
Đều cũng vào tam đồ

Lúc hưng thịnh việc này
Thế gian chẳng an tịnh.
Có lúc qua tỵ lạc
Hoặc trốn vào núi rừng
Vì lo sợ nhọc nhằn
Mọi người thọ ngắn yếu.
Khắp nơi nhiều trộm cướp
Sự đói khát lan tràn
Lúa má lại mất mùa
Thêm sâu keo phá hại.
Đời nhiều nghèo đói khổ
Loài người lúc chết rồi
Ngạ quỷ nhiều sanh vào
Chịu biết bao khổ sở.
Những đồ cúng chùa tháp
Vật dâng tứ phương Tăng
Lúc đó các Tỳ kheo
Cùng nhau chia lấy hết.
Sau khi Phật diệt độ
Khổ như thế đầy đây
Phải sớm cố siêng năng
Chớ nhìn lui trở lại.
Bao nhiêu kẻ ngu dại
Người không huệ, không căn

Do nghiệp ngu đã thành
Sớm đọa vào ác đạo.
Phải thích giảng, đọc, tụng
Trí huệ do đây sanh
Người tu huệ tu tâm
Mau sanh cõi lành tốt.
Thường dùng trí quán sát
Học đúng theo lời Phật
Lìa hẳn những buộc ràng
Sớm được Niết bàn đạo.
Chánh pháp chẳng còn lâu
Phải gắng tinh tấn tu
Phật nói đã cạn lời
Gấp gẫm suy chơn chánh.
Khi kiếp này đã qua
Cả sáu mươi đại kiếp
Hiệu Phật chẳng được nghe
Làm sao có ưa thích.
Đến thời kỳ cơ cần
Sự đói khổ không cùng
Dầu cho đến mẹ con
Cũng giết nhau ăn thịt.
Lúc đó đến con đê
Kinh hãi đi chẳng yên

Dầu ở trong nhà mình
Vẫn lòng lo sợ sệt.
Thấy nghe những việc này
Rõ kia sanh tử khổ
Ai là người có trí
Mà lại thích lại ưa.
Vô minh là gốc sanh
Phụ nữ là gốc dục
Thân là cội gốc khổ
Do đây phải xa lìa.
Trong đời chúng sanh ngu
Say đắm nơi nữ dục
Người lìa được ngu si
Sẽ được Niết bàn đạo.
Lúc giảng nói pháp này
Chẳng bị quả báo ác
Vì bác không nhờn quả
Nên phải sa ác đạo.
Pháp công đức vô lậu
Không Không vô sở đắc
Tịch tịnh vốn không bèn
Nên phải mau hiểu rõ.
Phật bảo Đại Ca Diếp:

Nếu có Tỳ kheo hoặc người nào có thể trọn nên pháp đệ Nhứt này mà cầu pháp vô lậu, thì nên bảo rằng: “Đối với tất cả pháp, tâm không chỗ trụ”.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát phải kiên cố tu tập. Thế nào là kiên cố? Thế nào là tu tập? Kiên cố là tâm kiên cố và tinh tấn kiên cố.

Thế nào gọi là tâm kiên cố? Bồ tát nghĩ rằng: Cúng dường một đức Phật nhân đến cúng dường cả hằng hà sa số chư Phật rồi sau mới phát một niệm cầu Phật đạo, sau đó lại trải qua hằng hà sa số kiếp có một đức Phật hiện ra đời, vì phát hằng hà sa số tâm nguyện nên một lần được thọ thân người, nhân đến thọ hằng hà sa số thân người nghe pháp một câu phát trí huệ sáng suốt, được lợi ích lớn nơi đạo Vô thượng Bồ đề. Bồ tát nên phát tâm kiên cố như vậy. Bồ tát lại dùng nhiều phương tiện để nhiếp lấy trí huệ của Phật, dùng nhiều khổ hạnh để trồng cầu, nhiều khổ hạnh để nhiếp thọ Phật trí. Bồ tát phải có tâm kiên cố như vậy.

Này Đại Ca Diếp! Nay Phật vì ông mà nói ví dụ. Những người trí do ví dụ mà được hiểu. Nghĩa đã nói về sự nhờ nhiều khổ hạnh mà có thể được Vô thượng Bồ đề, trải qua hằng hà sa số kiếp không nên thôi nghỉ. Nếu hằng hà sa số kiếp học tập mãi không thôi nghỉ, thì có thể hiện

chúng Vô thượng Bồ đề. Bồ tát nên phát tâm kiên cố như vậy, dùng đây làm thế lực, sách tấn, siêng năng nên vĩnh viễn không rời bỏ đạo Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát đã phát tâm như vậy, đối với phải chỗ, không phải chỗ chẳng nên chấp lấy. Vì chấp lấy thì trở ngại đạo Vô thượng. Nếu Bồ tát không chấp lấy phải chỗ, không phải chỗ thì sớm được Vô thượng Bồ đề.

Này Đại Ca Diếp! Ví như có người đem của báu đầy cả Đại thiên thế giới dùng bố thí. Nếu có người tin và thọ trì kinh điển của Phật nói, tùy thuận Bồ đề thì phước của người này hơn người bố thí kia.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát lại có tâm kiên cố, nhân đến tâm kiên cố này cũng bất khả đắc. Do đây sự tu hành của Bồ tát chẳng nên thôi nghỉ. Bồ tát phải tu tập nhiều đến bao nhiêu?

Tùy có bao nhiêu pháp tu tập, nếu còn có một niệm không thể thấu rõ thì đều phải tu tập. Vì những pháp tu tập đó không biểu thị được, dầu vậy nhưng là pháp tu tập tối thắng, nghĩa là tâm tánh kiên cố vậy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Vô tâm, khởi tâm tưởng
Sẽ có bổ úy lớn,
Ta sẽ thành, chẳng thành
Việc này sẽ thế nào?
Do thường suy thường nghĩ
Kẹt ở nơi một bên
Hủy báng đạo chánh pháp
Nên chẳng được Bồ đề.
Đây là tâm giải đãi
Chẳng phải tướng Bồ đề
Người này nghi tất cả
Nghi Phật đến Thanh văn.
Chẳng tu mà mong cầu
Thánh hiền các Phật pháp,
Chẳng phải do ngôn thuyết
Thành được quả an lạc.
Cần phải có tin ưa
Mới thành được đại pháp,
Chẳng phải chỉ tâm lường
Mà được pháp thắng diệu.
Do một pháp thành được
Tất cả hạnh đã tu,
Biết thắng pháp kia rồi
Vì Phật nên siêng tu.

Này Đại Ca Diếp! Do có thể thành tựu pháp này, Bồ tát không gằn gỏi cúng dường chư Phật, tự biết chắc rằng tôi sẽ thành Vô thượng Chánh giác.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia có ba pháp tu tập có thể lợi ích đạo Bồ đề: Vì Nhứt thiết trí nên tin sâu phát nguyện, chẳng đắm trước nghiệp tại gia và giữ chắc năm giới.

Bồ tát tại gia có đủ ba điều trên thì có thể thành sáu pháp: Được quả báo Hiền Thánh; chẳng câm, chẳng ngọng, chẳng điếc, nghe pháp mau hiểu; đi đứng đoan nghiêm, lòng tin sâu chắc; nơi pháp thậm thâm chẳng kinh sợ; khi nghe pháp dễ hiểu dễ ngộ và mau được bực Bất thối. Đối với sáu pháp trên đây, phải khéo biết có năm điều chướng: Lời ly gián, vọng ngữ, không có chí nguyện, tật đố và đắm trước ngũ dục.

Bồ tát tại gia lại có ba pháp cần tu hành: Thường có lòng muốn xuất gia; nên phải cung kính tôn trọng các bực Sa môn, Bà la môn; nếu người thuyết pháp chẳng phải đồng loại thì nên lánh xa, vì chẳng nên học tập theo những pháp tà ngoại chẳng phải Phật đạo.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát lại phải tu học ba pháp: Thường tùy thuận chư Phật; vì giảng dạy

người khác nên tự mình siêng tu hành; tập rèn lòng từ đối với chúng sanh. Bồ tát lại phải gần gũi ba pháp: Lìa hẳn sự đánh đập; chẳng màng nhieếc người và ban sự vô úy cho người đương kinh sợ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Chẳng gần người hạ liệt
 Thấy người chẳng chánh trực
 Liền phải gấp lánh xa
 Như lánh xa rắn độc.
 Chẳng theo học đạo khác
 Phi lễ phải xa lìa
 Dường như thấy chó điên
 Vì phải đọa ác đạo.
 Nếu chấp trước theo người
 Đồng họ đi đường ác,
 Nghe pháp Không thắng diệu
 Phải có lòng thích ưa.
 Với Tỳ kheo Không tịch
 Nên cung kính tôn thờ
 Thêm lớn sự đa văn
 Mà được sanh trí huệ.
 Bực gần gũi Bồ đề
 Mọi người phải kính lễ
 Gặp qua để học hỏi

Sớm sanh những căn lành.
Muốn trí huệ thêm lên
Như hoa sen trong nước
Phải nghe nhiều chánh pháp
Căn lành lớn càng thêm.
Do trí huệ thêm nhiều
Có thể dứt hữu lậu
Thành oai đức vô úy
Đại trí rất tinh cần
Vì lợi ích mọi người
Tự mình nhiều lợi ích,
Người tại gia phải bỏ
Đừng đánh đập chúng sanh.
Phát tâm cầu Bồ đề
Nơi pháp không thối chuyển,
Thân không bệnh, xinh đẹp
Mọi người đều kính ưa.
Nếu tu tập lòng từ
Thoát khỏi ba ác đạo,
Cõi trời Đạo Lợi kia
Hưởng quả vui sung sướng.
Thân trời nếu đã chết
Chẳng sa đọa Tam đồ
Sẽ sanh trong loài người

Nơi nhà sang tôn quý,
Thân đoan nghiêm xinh đẹp
Chẳng bị người khinh chê,
Thiên, Long theo hộ trì
Tu hành đúng chánh pháp,
Thọ hưởng nơi thắng diệu
Người kính trọng mến thương,
Giác ngủ được an lành
Lúc thức lòng an ổn.
Vì chư Thiên ủng hộ
Nên chẳng sợ chẳng kinh,
Pháp rộng lớn trên đây
Nhiều lợi ích như vậy.
Hàng tại gia xuất gia
Lại có lợi ích lớn
Làm nấy nở trí huệ
Căn lành cho mọi người.
Người sợ làm cho an
Đưa đến Vô thượng quả.
Chỉ cầu Nhứt thiết trí
Chẳng mong mỗi cõi trời.
Người này được tương ưng
Chánh đạo cùng chánh huệ,
Vì có căn lành này

Chẳng còn sa ác đạo.
 Được trí được tam minh
 Khéo học ba vô lậu
 Trọn nên những công đức
 Như chư Phật đã thành.
 Đáng tôn quý trong đời
 Mọi người cung kính lễ
 Người lễ kính Như Lai
 Là bực nhứt trong chúng.
 Nếu người còn tại gia
 Phát được tâm vô thượng
 Vì họ nói pháp yếu
 Ông nên lắng nghe đây.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia phải có ba điều: Xa lìa những sự buông lung chơi bời theo thế gian, cho tặng lẫn nhau cùng lựa chọn ngày lành giờ tốt; nên thanh khiết tránh nhận lãnh nhiều và phải nên tinh tấn siêng học chánh pháp.

Hàng tại gia lại phải làm ba điều: Chẳng trở ngại người thuyết pháp; phải khuyến thỉnh người thuyết pháp và thường thắp đèn đuốc. Và trọn chẳng được làm ba điều này, nếu làm thì sẽ mang thân phụ nữ: Chẳng được ngăn trở mẹ đến nghe chánh pháp và ra mắt Tỳ kheo; chẳng được ngăn

trở vợ ra mắt Tỳ kheo và đi nghe chánh pháp;
chẳng được phạm chỗ phi đạo của vợ.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Nên thường có lòng tin
Thắp sáng đèn với đuốc
Bèn được đôi mắt Phật
Thanh tịnh không cấu nhơ.
Do nơi mắt thanh tịnh
Rõ các pháp sở tri
Vì rõ được sở tri
Nên biết pháp quá khứ,
Biết hiện tại cũng vậy
Chẳng phân biệt vị lai
Không có ba thứ tướng.
Có ba thứ tướng này
Bỏ lìa tướng thứ ba.
Tướng gọi là vô tướng
Đều đồng là một nghĩa.
Phật dẫu nói chur căn
Nhưng pháp không căn bản
Nơi đây sanh phân biệt
Thì mất đạo Bồ đề.
Tịnh tu Phật nhãn rồi
Hiện chứng tất cả pháp

Câu đây là Bồ đề
Như vừa rồi khai thị.
Pháp không khai thị được
Cũng không hủy hoại được
Các pháp như hư không
Nên nói là khai thị.
Phật tuyên nói nghĩa này
Để dạy chúng tại gia
Thường thấp sáng đèn đuốc
Được Phật nhãn rõ ràng.
Chẳng chướng người thuyết pháp
Giáo pháp của Thích Ca
Trọn chẳng vào tam đồ
Chẳng mắc sanh manh báo.
Thường hay cầu thỉnh người
Tuyên dương pháp tối thắng
Do sức căn lành này
Chuyên pháp luân vô thượng.
Nếu có người với mẹ
Ngăn trở nghe pháp lành
Thọ thân nữ xấu xa
Đui mù nhiều tội lỗi,
Chẳng thấy được màu sắc
Cũng chẳng nghe tiếng tăm

Ở nơi chỗ tối tăm
 Không khác loài dơi chuột.
 Với vợ sanh đố kỵ
 Ngăn trở việc tu hành
 Mãn thọ sau khi chết
 Sẽ mang thân gái xấu:
 Tóc vàng, tròng mắt xanh
 Đen điu mắt mù lòa
 Chân què, lòng độc ác
 Tai điếc, miệng nhiều lời.
 Nhiều tội lỗi như đây
 Sớm có thân xấu ác
 Do dục nhiễm nhân duyên
 Mà bị chồng ghen ghét.

Đây Đại Ca Diếp! Tại gia Bồ tát không nên làm ba điều này: Những đồ vật bố thí của người khác không luận nhiều ít tốt xấu, nếu người chủ chẳng mời thỉnh thì chẳng nên đem bố thí. Người khác muốn xuất gia chẳng được làm trở ngại, còn người chưa xuất gia nên khuyên bảo xuất gia. Thấy người xây dựng chùa tháp nên trợ giúp, chẳng được nhưn việc xây cất mà lạm lấy tiền của hay đồ vật.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Của cải người bố thí
Không phải chỗ chẳng cho
Chỗ thí chẳng được ngăn
Lạm dụng thì mắc tội.
Nên ở trước thí chủ
Vòng tay đứng thẳng ngay,
Trong đây nếu thiếu người
Cung cấp cho Tăng chúng.
Phải theo lời thí chủ
Đem công giúp cho người,
Đồ uống cùng món ăn
Nhẫn đến thứ rẻ mọn
Đúng theo lòng thí chủ
Chớ để họ oán hờn.
Nếu ai muốn xuất gia
Hoặc con hoặc quyến thuộc
Bồ tát nên thuận theo
Chẳng nên làm trở ngại.
Nguyện chúng sanh an lạc
Nguyện đặng chứng Niết bàn
Bổn nguyện tôi được tròn
Nguyện thuyết pháp vô thượng.
Lúc biết mình có lỗi
Chớ để thân tâm nhớ

Chớ mãi mãi lo rầu
Mà bị phiền não nhiễm.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia lại chẳng nên làm ba điều này: Chẳng nên buôn bán người nam người nữ; chẳng nên đem thuốc độc cho người; chẳng nên gán gủi những người làm các việc trên.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Chớ buôn bán người nam
Chẳng buôn bán người nữ
Thuốc độc chớ cho người
Người làm phải tránh xa.
Vì làm khổ chúng sanh
Chư Thiên thường quở trách,
Không luận đến xứ nào
Lòng lo sợ bị hại.
Hằng ngày thêm buồn lo
Nạn khổ bức thân thể
Chết yếu tự diệt vong
Do đây chẳng nên phạm.
Lỗi này và tội khác
Phật biết rõ nguyên nhơn
Lược nói một ít phần
Dạy răn chư Bồ tát.

Này Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia lại chẳng nên làm ba điều dưới đây: Chẳng nên đến nhà dâm nữ; chẳng nên gàn gỏi những người mai mối; chẳng ở chỗ hàng thịt sát sanh.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Chẳng đến nhà dâm nữ

Nơi nhớ uế buồng lung

Người đời sẽ chê bai

Vì gàn gỏi tệ dục.

Đến đó, người trí biết

Ắt quả trách rầy la

Chiêu họa hại thân mình

Do đây thường chết sớm.

Lại chẳng nên gàn gỏi

Kẻ mai mối gái trai

Người cưới vợ lấy chồng

Gàn họ bị khi dễ.

Nhà sát sanh hàng thịt

Cũng phải tránh chớ qua

Nơi đó người khôn ngoan

Không bao giờ ca ngợi.

Những tội lỗi sâu nặng

Như Lai biết rõ ràng

Vì những người lỗi lầm
Nay Phật nói như thật.
Giáo pháp của Phật dạy
Đệ tử Phật phải rành
Đúng theo pháp thọ trì
Chỗ tu hành kết quả.
Chúng sanh tu Thánh đạo
Mau đến quả Niết bàn
Phật giảng cho hạng này
Chẳng phải vì người ác.

Này Đại Ca Diếp! Có ba điều Bồ tát tại gia phải thực hành: Ở nhà nên quan sát thân mạng của mình giả tạm như khách; với của cải đã bố thí có quan niệm như đượ chứa cất; với của cải chưa bố thí xem như xa lìa ta cả trăm do tuần, chẳng có quan niệm chứa của để cho vợ con.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:
Thường quán sát sự chết
Mạng tôi chẳng còn lâu
Sản nghiệp cùng của tiền
Nên thí gieo phước đức.
Của chẳng để vợ con
Cũng chẳng vì thân mình
Đem bố thí cho người

Được phước đức bền chắc.
 Ân cần cầu Phật đạo
 Chẳng sanh lòng cống cao
 Nếu rời các pháp lành
 Thường mang lấy tổn hại.
 Như trẻ thơ đùa giỡn
 Ăn chút ít chẳng no
 Pháp vị còn mỏng manh
 Dầu tin nhưng khó vững.
 Nếu tu chẳng đồng mãnh
 Cách đạo thật xa vời,
 Hoảng pháp nếu chẳng thôi
 Gọi là pháp rốt ráo.
 Nay Phật vì Đại chúng
 Nói những pháp môn này
 Nếu ai hiểu rõ ràng
 Là bậc Nhứt thiết trí.
 Dùng trí khéo quan sát
 Lòng nhàm lìa nơi thân
 Thường chánh niệm tư duy
 Thì như đối trước Phật.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia thành tựu
 được ba pháp dưới đây thì chẳng thối chuyển đạo
 Vô thượng Bồ đề:

Cha mẹ chẳng tin Tam Bảo thì làm cho cha mẹ có lòng tin. Cha mẹ hủy phạm giới pháp thì khuyên cha mẹ giữ giới. Cha mẹ tham lam bòn xén thì khuyên cha mẹ bố thí. Khen ngợi đạo Vô thượng Bồ đề mà vì người khác thuyết pháp, đây là pháp thứ nhất được chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát tại gia biết rõ đáng cúng dường cùng chẳng đáng cúng dường; cúng dường cho người đáng cúng, chẳng cúng dường cho người không đáng cúng; dầu chẳng cúng nhưng vẫn có lòng từ đối với họ, đây là pháp thứ hai được chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát tại gia nhọc nhằn làm ra của cải, chẳng phung phí, chẳng để thất phát, chẳng đem cho bừa bãi, phải nên cất giữ kỹ lưỡng. Dầu vậy, nhưng đối với các bậc Sa môn, Bà la môn thanh tịnh cùng các chúng sanh, vẫn bình đẳng bố thí cúng dường và không làm chướng ngại những người đồng bố thí. Đây là pháp thứ ba được chẳng thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Hàng tại gia Bồ tát
Cầu Vô thượng Bồ đề
Trọn nên ba căn lành

Thẳng lên Vô thượng giác.
Cha mẹ đời Tam Bảo
Tà kiến không lòng tin
Khuyên cho phát tín tâm
Khiến trụ nơi thẳng pháp.
Cha mẹ tham bòn xẻn
Khuyên bố thí làm lành
Phạm giới khuyên giữ gìn
Cũng khuyên tu trí huệ.
Bốn phương nên đi khắp
Thỉnh cầu các pháp sư
Thuyết pháp để độ người
Do đây thêm trí huệ.
Phạm giới khiến giữ giới
Chưa tin khiến được tin
Không huệ khiến chuyên tu
Do đây được bất thối.
Gặp Tỳ kheo trí huệ
Giữ giới học rộng nhiều
Nên cung kính theo gần
Để thường thường học hỏi,
Do đây hàng cư sĩ
Được bất thối Bồ đề.
Gặp người đức sâu dày

Hiểu đạo nhiều trí huệ,
Bực này đáng tôn trọng
Thân, của đem cúng dường.
Tiêu biểu lòng kính tin
Trước kia Phật từng nói:
Không tin thì không được
Phát đại Bồ đề tâm.
Trí huệ thấy pháp mau
Mau nên lợi ích lớn,
Ở nơi các pháp diệu
Chứng nhập chẳng khó khăn.
Biết mình cũng biết người
Nơi đây được lợi lớn,
Tương ưng pháp xuất thế
Nên trí huệ càng thêm.
Bao nhiêu những của tiền
Xưa nay thường chứa nhóm
Không phải gìn giữ mãi
Đem bố thí người tu.
Tiền của được sau này
Cũng mang ra bố thí
Bố thí thường tinh tấn
Phật quả ắt mau thành.
Trì giới cùng chúng sanh

Từ tâm đồng bố thí
 Bố thí lòng trong sạch
 Trọn không chút mong cầu,
 Bạc tiền đến ngọc vàng
 Đều vui lòng thí cả
 Đồng mãnh thí tất cả
 Những công hạnh đã làm
 Hồi hướng Vô thượng thừa
 Bồ đề đại giác đạo.
 Cúng dường nếu phi pháp
 Dầu bố thí Nhơn, Thiên
 Chẳng bằng thuận pháp lành
 Cho một người hèn khó.
 Tinh tấn vì cầu pháp
 Nhờ pháp được tỏ thông
 Thắng đạo sanh trí mầu
 Chứng Bồ đề Vô thượng.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia sau khi phát
 Bồ đề tâm nếu có ba điều dưới đây thì sẽ ở nơi
 Thanh văn thừa mà nhập Niết bàn:

Có một hạng người sợ ba ác đạo, xem đạo vô
 thượng quá nặng quá khó, không chuyên tu tập
 những thiện căn đã từng tu tập, chẳng thích cầu
 pháp lành, nản lòng cho là khổ, đây là điều thứ

nhứt. Nếu có điều này thì thối thất Bồ đề tâm mà ở nơi Thanh văn thừa nhập Niết bàn.

Có một hạng người lúc làm việc bố thí lòng không hoan hỷ, đã bố thí rồi lại hối hận, cũng chẳng hồi hướng cầu trí huệ Phật. Nếu người có điều thứ hai đây thì thối thất tâm Bồ đề, sớm ở nơi Thanh văn thừa mà nhập Niết bàn.

Lại có hạng người chẳng chuyên cần tinh tấn thực hành hạnh Đại thừa, chỉ thích cầu học rộng, do thiện căn hạ liệt mau nhập Niết bàn. Đây là hạng thứ ba thối thất Bồ đề tâm, sớm đến Thanh văn thừa mà nhập Niết bàn.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đã phát Bồ đề tâm

Chẳng tùy thuận chánh hạnh

Thối thất nơi Phật thừa

Vào nơi Thanh văn đạo.

Vẫn tin đại Bồ đề

Cũng không lòng giải đãi

Do vô trí xan tham

Nên phải bị trở ngại.

Cảm ơn Phật trì giới

Bố thí lòng siêng năng

Ba la mật được thành

Chúng Bồ đề không khó.
 Do tâm tạo những ác
 Tâm cũng thích cúng dường
 Tâm chúng sanh nếu bền
 Sẽ là thế gian quả.
 Nếu lià được ba lỗi
 Hồi hướng đại Bồ đề
 Sẽ là bực Thế Tôn
 Chúng Bồ đề Vô thượng.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia nếu có ba điều dưới đây, thì thôi thất đạo Bồ đề, mà Bát Niết bàn nơi Độc giác thừa: Có hạng người dầu đã phát tâm đại Bồ đề nhưng bỏn xẻn chánh pháp. Có hạng người ham coi hạn coi sao và đoán việc cát hung thế gian. Lại có hạng người vì giải đãi mà không thể tu học khắp các pháp trợ Bồ đề. Những hàng tại gia đã phát tâm đại Bồ đề, nếu có ba lỗi trên thì sẽ thôi thất Đại thừa mà vào Độc giác thừa Bát Niết bàn.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:
 Người bỏn xẻn chánh pháp
 Chẳng chịu dạy bảo người
 Sẽ qua Độc giác thừa
 Thôi thất đạo vô thượng.
 Do hai thứ tướng này

Mất lợi, sanh các khổ
 Gân gửi mà tu hành
 Nghi hoặc đạo Bồ đề
 Đã tu Đại thừa pháp
 Lại bói quẻ tốt xấu
 Chẳng phải chánh tín tâm
 Tất phải xa Phật đạo.
 Có thể chuyên tín nhạo
 Kiên cố đạo Bồ đề
 Trọn không lễ trời thần
 Chỉ phụng thờ đức Phật.
 Nếu có lòng tịnh tín
 Chẳng cầu muôn quả trời
 Có thể được Phật thừa
 Hiệu là đáng Vô Thượng
 Nếu lòng thích Bồ đề
 Chẳng thờ cúng trời thần
 Không luận sanh chôn nào
 Thân đẹp xinh tráng kiện.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia vì có ba điều
 mà thọ lấy thân thể đen xấu: Lấy đèn sáng nơi
 tháp của Như Lai; đối với người tranh cãi kiện
 tụng mà tỏ vẻ giận dữ; với người đen xấu không
 can dự đến mình mà lại chê mắng.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Lấy đèn sáng nơi tháp
 Hoặc làm tắt đèn thờ
 Thọ lấy thân đen đui
 Như lông đen chim quạ.
 Khinh chê người đen xấu
 Tôi trắng trẻ anh đen
 Do khinh chê nơi người
 Thọ lấy thân đen xấu.
 Phải khéo gìn lời nói
 Lỗi họa từ miệng ra
 Tùy theo nghiệp đã làm
 Sẽ thọ lấy nghiệp báo.

Này Đại Ca Diếp! Bỏ tát tại gia vì có ba điều sau đây mà phải sanh vào nhà làm công:

Tự đã giữ được năm giới, hoặc bị tân khách ép mời mà uống rượu, hoặc tự mời người khác uống, thì sẽ thọ sanh vào nhà làm công, đây là điều thứ nhất.

Tự đã giữ được Phạm hạnh, lại hòa hiệp người khác khiến họ làm việc ướm dục, nên sẽ thọ sanh vào nhà làm công. Đây là điều thứ hai.

Thấy người siêng năng đọc tụng kinh pháp mà nhà mình lại khởi công rồi bảo kia rằng: “Anh

nên nghỉ đọc tụng để làm tiếp công việc cho tôi”, do đây nên sẽ thọ sanh vào nhà làm công. Đây là điều thứ ba.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Đem rượu mời người uống
Uống rượu với bà con
Vì uống rượu say sưa
Bèn sanh vào nhà thợ.
Làm kim dao chẳng biết
Nghề khéo khác chẳng rành
Chỉ được ngồi động tay
Trước lò thụt ống bễ.
Tự mình tu Phạm hạnh
Bảo người làm nghiệp dâm
Mãn báo đã chết rồi
Sẽ sanh vào nhà thợ.
Làm kim dao chẳng biết
Ống bễ chẳng được làm
Chỉ biết quơ búa to
Đập xuống đe rèn sắt.
Bảo người bỏ đọc tụng
Sau khi đã chết rồi
Thọ sanh nhà làm công
Đầu óc thường ngu tối.

Chẳng biết thụt ống bễ
 Cũng chẳng biết đập rền
 Do nghiệp báo khiến nên
 Làm hư hại đồ đạc.
 Phật có lời khuyên dạy
 Nói năng phải gìn lời
 Vĩnh viễn chớ dạy người
 Làm tất cả việc ác.
 Luân hồi sanh tử khổ,
 Do tham ái mà ra
 Pháp lành phải siêng tu
 Lánh xa những pháp ác.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia nếu có ba điều dưới đây thì sẽ thọ sanh vào nhà vua chúa sang giàu, thân thể đoan nghiêm xinh đẹp, được mọi người kính yêu, thông minh khéo léo siêng năng chẳng biếng trễ:

Người tại gia vừa mới gặp bực Sa môn, Bà la môn lần đầu, liền kính tin cúng dường những vật thực y phục thuốc men đồ nằm cùng những vật cần dùng khác. Đây là điều thứ nhất.

Người tại gia giữ vững bốn nguyện tu hành đúng như lời nói trọn chẳng vọng ngữ. Đây là điều thứ hai.

Người tại gia đối với bực Sa môn, Bà la môn đầy đủ giới hạnh, kính tin cúng dường các bực ấy mà lại có thể thọ học chánh pháp. Đây là điều thứ ba.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Những người có trí huệ
Thấy bực giới học cao
Phải sanh lòng vui mừng
Thường đi theo học hỏi.
Đã được lời dạy dỗ
Nên đúng pháp cúng dường
Bồ thí đồ cần dùng
Trọn không lòng hối hận.
Đây là pháp bền chắc
Cần phải tùy thuận làm
Phật trí được tương ưng
Khó được mà mau được.
Do lòng tin sâu chắc
Thẳng đến đại Bồ đề
Đường trí huệ tu hành
Phật đạo chứng chẳng khó.
Sống trong pháp vô thượng
Mong được pháp diệu mầu
Phải thọ thất Thánh tài

Quả Niết bàn được chứng.
 Sẽ sanh nhà tôn quý
 Thân xinh đẹp đoan nghiêm
 Ăn mặc đều cao sang
 Chứng Niết bàn Vô thượng.
 Như chỗ Phật khen ngợi
 Tu hành tối thượng thừa
 Thanh tịnh diệu Niết bàn
 Đây là quả tối thắng.
 Đã tạo nên công hạnh
 Quả Đẳng lưu chẳng dừng
 Trăm ức kiếp trải qua
 Nghiệp này cũng chẳng mất.

Đây Đại Ca Diếp! Bồ tát tại gia thành tựu ba pháp vun trồng các căn lành thì nhận đến khi chứng được Vô thượng Bồ đề trọn chẳng thọ vui ngũ dục thế gian:

Người tại gia thọ trì năm giới, không ca ngợi vui ngũ dục với người khác, siêng năng tu tập nghiệp hạnh của mình. Lại phát nguyện rằng: “Tôi thôi gần gũi tất cả phụ nữ. Từ nay đến khi chứng Vô thượng Bồ đề, nguyện tôi chẳng gặp sự vui ngũ dục thế gian”. Đây là điều thứ nhứt.

Người tại gia nghe Kinh điển này, sanh lòng tin cầu quả đại Niết bàn dầu thọ trì giáo pháp này

nhưng vẫn để yên chẳng thực hành. Được người khác giảng giải và phát khởi, liền phải lìa bỏ các việc xấu mà cố gắng thực hành. Do căn lành này mà được biện tài vô ngại, vô trước. Người này đời hiện tại hoặc lúc lâm chung sẽ được thấy Phật. Sau khi chết sanh lên cõi trời, không bao lâu sẽ chứng được Vô thượng Bồ đề. Đây là điều thứ hai.

Bồ tát tại gia đem những căn lành mà mình đã có đều hồi hướng Vô thượng Bồ đề, chẳng ưa thích cảnh lục trần, của cải, chức tước, chẳng trù mến quyến thuộc. Do tâm vô vi và quả vô vi nên mau chứng Vô thượng Bồ đề. Đây là điều thứ ba.

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Tại gia tu năm giới
Khéo giữ khéo hộ trì
Chẳng gần gũi nữ nhơn
Trong đây sanh nhàm chán.
Những pháp môn vô thượng
Siêng tu chẳng mới nhàm
Nếu có lỗi chẳng lành
Mau ăn năn chừa bỏ.
Những căn lành tu tập
Đều hồi hướng Bồ đề
Do công đức lành này

Sớm lìa vui ngũ dục.
 Thường được học biết rộng
 Dem chánh pháp dạy người
 Sanh lòng đại từ bi
 Cầu Bồ đề Vô thượng.
 Đã nghe những lợi ích
 Phải sanh niệm hiền lành
 Các dục nhiễm nên xa
 Sớm được thành Phật đạo.

Đại Ca Diếp bạch rằng:

Thế Tôn! Kinh pháp này tên là gì? Nay chúng
 tôi phải phụng trì thế nào?

Phật bảo Đại Ca Diếp:

Kinh này tên là Thuyết Tam Luật Nghi. Cũng
 tên là Tuyên Thuyết Bồ Tát Cấm Giới. Cũng tên
 là Đồng Nhập Nhưt Thiết Pháp.

Phật nói Kinh này rồi, Tôn giả Đại Ca Diếp,
 tất cả Đại chúng, Thiên, Long, Bát bộ v.v... nghe
 lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

*



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

PHÁP HỘI
VÔ BIÊN TRANG NGHIÊM
THỨ HAI

PHẨM VÔ THƯỢNG ĐÀ LA NI
THỨ NHỨT

* Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở thành Vương Xá Ca Lan Đà Trúc Lâm, chúng đại Tỳ kheo và vô lượng đại Bồ tát câu hội. Chư đại Bồ tát này đều là bực Nhứt sanh bổ xứ từ các Phật độ khác vân tập đến đây.

Lúc bấy giờ, Đại chúng vây quanh cung kính cúng dường đức Thế Tôn. Vô Biên Trang Nghiêm

* Hán bộ quyển thứ 4.

Bồ tát rời chỗ ngồi trích y vai bên hữu, quỳ gối mặt, chấp tay hướng lên Phật mà bạch rằng:

Thế Tôn! Tôi có chút ít nghi nay muốn thưa hỏi. Xin đức Như Lai thương xót cho phép.

Phật bảo Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát:

Này thiện nam tử! Như Lai cho phép ông hỏi. Như Lai sẽ giải thích chỗ nghi cho ông được vui mừng.

Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát bạch rằng:

Thế Tôn! Tôi vì chư Bồ tát muốn trang nghiêm vô biên trí huệ mặc áo giáp tinh tấn, vì người cầu phương tiện thiện xảo, vì người cầu trí huệ thiện xảo, vì người sơ phát tâm quyết định đại trí, vì người đã an trụ đạo Bồ đề, nên nay tôi thưa hỏi đức Như Lai. Tôi cũng vì chư Bồ tát muốn làm lợi ích chúng sanh, muốn chúng sanh đều phát đại tâm tu hành đại trí, đồng mãnh tinh tấn được chẳng thôi chuyển Vô thượng Bồ đề, nên nay thưa hỏi đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Có chư Bồ tát vì loài hữu tình mà nguyện đến bờ kia. Lại có Bồ tát quyết chí cầu vô ngại vô úy, phương tiện theo cơ khéo phân biệt diễn thuyết pháp nghĩa và tuyên dương bốn tánh tự tánh của các pháp đúng như thật. Lại có Bồ tát được tâm vô đẳng, tâm tối thắng, tâm vô

thượng được tự tại. Tôi vì chư Bồ tát trên đây mà thưa hỏi đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sanh cầu Tự nhiên trí, Vô sư trí, phá vô vô minh, vượt hơn tất cả Nhơn Thiên, làm lợi lạc tất cả thế gian. Tôi cũng vì những Bồ tát này mà thưa hỏi Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát đã an trụ nơi bực này mau được viên mãn Phật quả, có thể chứng những môn ba la mật bất khả tư nghì, dùng chút ít công dụng thành thực chúng sanh, khiến chúng sanh lìa ác thêm thiện, chỉ bày chủng tánh Phật, có thể an lập vô lượng chúng sanh chẳng thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề. Nay tôi vì hạng này mà thưa hỏi Như Lai.

Bạch Thế Tôn! Đại chúng đây đều đã vân tập, ngưỡng mong đức Như Lai diễn thuyết pháp môn vi diệu truyền dạy chư Bồ tát khiến họ được viên mãn đại nguyện và được trọn nên căn lành Nhứt sanh bồ xứ.

Bạch Thế Tôn! Môn đà la ni vi diệu như vậy, đức Như Lai nên tùy thời truyền dạy khiến chư Bồ tát có thể thọ trì vô lượng pháp môn, an trụ vô biên đại thần thông, thành thực vô lượng vô số chúng sanh đều được nhiếp thọ Phật trí. Xin đức Như Lai khai thị pháp môn như vậy, chúng sanh sẽ được chứng đạo Bồ đề.

Bạch Thế Tôn! Từ xưa, đức Phật đã từng trải qua thời gian lâu xa phát nguyện rộng lớn làm cho vô số chúng sanh được Phật trí và Tự nhiên trí. Nay Phật nên diễn nói môn đà la ni này cho các Bồ tát được trọn nên thiện căn của mình và cũng nhờ sức oai thần của Phật gia hộ để giữ gìn đại nguyện bất tư nghi của chư Bồ tát.

Bạch Thế Tôn! Đại chúng đây chiêm ngưỡng đức Như Lai không tạm rời. Tất cả đều một lòng mong cầu Nhứt thiết trí và các pháp tạng, muốn được nghe diệu nghĩa quyết định của Như Lai. Đức Thế Tôn an trụ trong cảnh Nhứt thiết trí, đã biết tâm nguyện của chư Bồ tát này. Thế Tôn nên nói cú nghĩa viên mãn của môn đà la ni, làm cho chư Bồ tát chưa thành thực đều được thành thực, người đã thành thực thì mau được thần thông và được giải thoát tri kiến.

Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát trụ bực bất định nếu được dự nghe diệu pháp thì được thành tựu cảnh giới Nhứt thiết trí. Bạch Thế Tôn! Do những duyên có trên đây nên tôi dám thưa hỏi việc lớn. Xin đức Đại Từ giảng thuyết diệu pháp, dùng oai thần gia hộ nhiếp thọ chư Bồ tát.

Bạch Thế Tôn! Đời mạt thế sau này, trong thời kỳ đấu tranh, chúng sanh nhiều chấp trước

làm hại lẫn nhau, thêm lớn tham sân si, hoại loạn chánh pháp. Khiến chư Bồ tát ở trong thời kỳ đó, dùng đức đại từ bi chịu đựng mọi sự khổ để lưu hành diệu pháp này, không tranh không đấu. Do không tranh đấu nên có thể nhiếp thọ đại từ đại bi và sẽ chứa nhóm những căn lành.

Bạch Thế Tôn! Do nghĩa trên đây nên nay tôi dám thưa hỏi đức Như Lai về pháp môn vô ngại và diệu nghĩa quyết định.

Bạch Thế Tôn! Phương tiện gì để chư Bồ tát phát khởi vô lượng pháp môn? Lại xin đức Như Lai nói pháp môn tịch tịnh chẳng diệt hoại, gồm diễn nói pháp tạng vi mật, thành tựu chánh niệm để hàng phục ma oán và ngoại đạo, mà chẳng bị họ xô phá.

Xin đức Như Lai diễn nói chánh pháp cho chúng sanh chứa nhóm căn lành, cũng khiến họ chứa nhóm vô biên phương tiện thiện xảo, thẳng đến Nhứt thiết trí, kết tập vô lượng pháp yếu, được biện tài vô ngại, cũng khiến họ chứng được vô lượng pháp môn và đà la ni, lại khiến họ phát tâm vô trụ. Cũng làm cho chư Bồ tát rõ biết bản sự của chư Phật, dùng thần thông vô úy khắp các thế giới truyền pháp nhãn thanh tịnh cho chúng sanh, cũng khai thị diệu pháp bất tư nghì trọn nên Phật trí.

Do những nghĩa này tôi dám thưa hỏi, xin đức Thế Tôn nói diệu pháp rộng lớn rất sâu của Phật, làm cho chư Bồ tát được viên mãn bốn nguyện. Chư Bồ tát này dự nghe diệu pháp rồi đều sẽ được chứng trí huệ thiện xảo đại Bồ đề và những hoằng thế đều được viên mãn.

Phật bảo Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát:

Lành thay! Lành thay! Nay Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông vì chư Bồ tát trụ nguyện thanh tịnh phương tiện thiện xảo, cũng vì thương xót chúng sanh, nên dùng trí huệ quyết định khéo thưa hỏi Như Lai. Công đức của ông không có hạn lượng. Ông lắng nghe và khéo suy nghĩ, Phật sẽ giải thuyết cho. Khiến chư Bồ tát đối với cảnh giới trí huệ của Như Lai, được sanh vô lượng công đức.

Này thiện nam tử! Nếu các Bồ tát vì cầu vô biên thiện xảo phương tiện, thì phải rõ biết ngữ ngôn bí mật của chư Phật, rồi thọ trì tư duy quan sát đúng lý. Quan sát như thế nào?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trí của Như Lai nhiếp các phương tiện, những điều diễn thuyết đều thanh tịnh cả. Chư Bồ tát cần phải tiến tu pháp yếu này. Lời của chư Phật đều từ nơi đại bi, đều bình đẳng khắp với quần sanh. Quyết định

thành thực các loài hữu tình. Hoặ có hạng trụ nơi hạ thừa cầu đợc giải thoát trong đạo Thanh văn. Có hạng phát thệ rộng lớn viên mãn chơn thật Niết bàn thành Nhứt thiết chủng trí.

Nay Phật an trụ giải thoát vô thượng, xa hẳn pháp hạ liệt của các thừa khác, đã khéo vào ngữ ngôn bí mật của chư Phật, nói câu lời vô tỷ rộng lớn thanh tịnh nhiếp thọ các pháp của Như Lai, khiến các hàng hữu tình theo căn tánh của họ mà đợc giải thoát thành thực. Dầu vậy, nhưng nơi pháp yếu này thấy đều bình đẳng, chẳng thêm chẳng bớt, không thiếu sót, nhĩn đến vô biên tế, tự tánh thanh tịnh. Lời diễn thuyết của chư Phật đều thấu rõ như thật bốn tánh tự tánh, nhưng trọn không có pháp rõ thấu cùng chẳng rõ thấu. Vì tất cả pháp môn đều là Như Lai dùng giả danh mà tuyên thuyết.

Nếu các pháp kia đã là giả danh, thì chẳng thể dùng pháp để thi thiết, cũng không hiện bày. Vì không hiện bày, nên những điều Phật nói đều là thắng nghĩa chơn thật. Tùy theo pháp mà đồng vào tất cả pháp. Với tất cả pháp chẳng trụ nơi phân biệt, cũng chẳng phải chẳng trụ. Do pháp phân biệt cùng chẳng phân biệt bình đẳng như thật mà chứng tất cả pháp vô sai biệt.

Pháp vốn không có sanh, vì sanh pháp vô sở hữu. Pháp vốn không có pháp mà vì vọng phân biệt chấp trước. Pháp vốn không có khởi, vì không tự tại. Pháp không có quán đãi vì hoàn toàn xả. Pháp không có tác dụng vì không có khứ lai. Pháp không có tự tánh vì siêu quá tất cả tự tánh. Pháp vốn bình đẳng không sai khác vì không hý luận. Tùy thực hành pháp gì, phát nguyện thù thắng đều thành tựu cả, nhưng trong đây không có tác giả nhĩn đến không có chút pháp bị được, vì đều quy về nơi Không.

Do những nghĩa trên đây, nên Như Lai nói tất cả pháp như huyễn, như mộng, không có cao hạ. Chính đương lúc Phật dùng hoàng thế để nhiếp hóa chúng sanh đây, cũng thật không có chút pháp gì có thể chấp lấy được cả.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là pháp môn quang minh của chư Bồ tát. Do pháp môn này nên được tăng trưởng bốn nguyện thù thắng. Như mặt trời mọc lên thì tỏa ánh sáng khắp nơi. Người tin hiểu được pháp môn này thì làm pháp quang minh cho tất cả chúng sanh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát, trong có chánh tư duy, ngoài không tán loạn, dứt được các chướng ngại, niệm Phổ quang tam muội

và tin hiểu được pháp thậm thâm, thì cần nên quan sát các pháp môn này.

Như Lai biết rõ tất cả pháp, dùng môn duyên khởi mà tuyên thuyết khai thị. Duyên khởi như vậy là hư vọng không thật, tự tánh bản tánh thấy đều Không tịch. Tánh duyên khởi này cũng chẳng chơn thật, dầu nó có thể làm cho chúng sanh hết tạp nhiễm được thanh tịnh, nhưng tìm khắp mười phương đều bất khả đắc. Vì là bất khả đắc nên không nhiếp thọ. Vì không nhiếp thọ nên với giáo thuyết của Phật còn nên xả ly huống là những phi pháp. Nói xả ly là vì nó chẳng phải có, là vô sở thủ, không có công dụng, bản tánh vốn thanh tịnh. Tất cả pháp không sai khác, vì rõ biết phân biệt bản tánh như thật. Tất cả pháp không có chỗ trụ, cũng không thể thấy, vì không có tánh riêng khác. Do đây nên tất cả pháp vốn không có chỗ trụ, không có chỗ nương gá, chỉ do danh tự giả lập mà có. Tất cả pháp đều Không tịch, chẳng có tự tánh, vô trụ mà trụ. Vì vậy nên các pháp không có trụ xứ. Vì không nơi chỗ nên là tận, là diệt, là biến dịch.

Như Lai chỉ dùng giả danh tuyên thuyết, mật ý như vậy cần phải rõ biết, chẳng nên chấp trước là thiện cùng bất thiện. Nếu chấp thiện pháp thì cũng sẽ chấp pháp bất thiện. Vì chấp pháp bất

thiện nên sanh những khổ não. Phật dùng giả danh ở nơi đây nói là KHỔ Thánh đế.

Do chẳng chấp trước pháp thiện và bất thiện nên những ái nhiễm kia dứt diệt. Như Lai ở nơi thiện pháp bị đoạn dứt đây mà giả nói là TẬP Thánh đế.

Vì rõ biết được Thánh đế thứ hai, vì diệt, vì tận, vì không ức tướng, vì nhàm lìa, vì quan sát vô sở hữu, vì không tướng, không thọ, không phân biệt, Như Lai nơi đây giả nói là KHỔ DIỆT Thánh đế.

Vì rõ biết Thánh đế thứ ba, là đạo quả chỗ mong cầu, như thật ngộ nhập tất cả pháp địa, vượt khỏi tất cả cảnh ức tướng phân biệt hý luận, tương ưng bát Thánh đạo, tu tập chánh kiến nhân đến chánh định, rõ biết Thánh đế là con đường diệt khổ. Phật dùng giả danh nói đây là Đạo diệt khổ, Thánh đế thứ tư.

Chư Phật ở nơi đây lập ra: Biết KHỔ, dứt TẬP, chứng DIỆT và tu ĐẠO. Đây là KHỔ, KHỔ TẬP, KHỔ DIỆT và KHỔ DIỆT ĐẠO. Khổ này vốn không có, vì theo thế tục giả danh lập ra. Những vô minh này tất cả đều là phan duyên phân biệt, trong đây vốn vô trí. Vì vô trí nên cũng không có một chút phan duyên có thể chấp lấy

được. Không có chỗ chứng, không có quang minh, không thể rõ biết, cũng bất khả đắc. Như vậy thì trong đây sẽ có vật gì. Tất cả đều là những pháp hư vọng bại hoại không thật không chắc. Trong đây nếu lập ra có vật chắc thật, thì có chấp thường. Nếu cho là không thì thành chấp đoạn. Do đây chẳng nên phân biệt đối với pháp khổ.

Do trí huệ nên rõ biết tự tánh của vô trí là tự tánh của khổ, vì tương ưng với vô minh. Vô minh kia cũng chẳng cùng với vật tương ưng, đã chẳng tương ưng thì nó cũng không có. Vì chẳng tương ưng, nên vô minh chẳng phải là phân biệt cũng chẳng phải là chẳng phân biệt, chẳng tạo tác, chẳng hư hoại, cũng không tác giả, vì không thể tìm ra tác giả.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là chư Bồ tát ngộ nhập tự tánh của vô minh mà thuận với minh pháp môn. Do pháp môn này có thể bỏ rời tất cả vô minh đến tối, hiện tiền chứng được tùy thuận minh pháp, có thể khéo tu tập Bồ đề phần, khéo rõ biết các Thánh đế. Chư Bồ tát đây có thể được thanh tịnh nơi pháp môn này, nghĩa là: Do vì bất sanh nên KHỔ được thanh tịnh. Vì chẳng phan duyên nên TẬP được thanh tịnh. Vì diệt tận nên DIỆT được thanh tịnh. Do tu tập nên ĐẠO

được thanh tịnh. Vì tín tâm bình đẳng nên đạo liền bình đẳng.

Những pháp giả danh sai khác như vậy cần phải rõ biết. Đã rõ biết rồi thì phải dứt, phải chứng, phải tu. Đối với lời dạy của Như Lai, nếu hiểu rõ được, người đó liền biết khắp, liền dứt, liền chứng, liền tu tập. Do đây nên bậc Thánh rõ biết như vậy rồi, đối với tất cả pháp chẳng lấy chẳng bỏ, bèn được an trụ nơi pháp môn Tứ đế.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp không có phân biệt, không có tăng trưởng, cũng chẳng tích tập. Vì bậc Thánh khéo rõ biết đúng như thật, nên chẳng phân biệt, chẳng hý luận, chẳng bỏ, chẳng lấy, mà thấy được như thật. Do Đạo đế đoạn trừ, nên đối với những thiện pháp còn chẳng phân biệt, không hý luận, huống là pháp bất thiện. Do tương ưng với vô phân biệt nên cũng chẳng trụ nơi dứt pháp và dứt phi pháp. Đã hoàn toàn dứt thì không còn chấp pháp và phi pháp. Bậc này có thể rõ biết pháp chấp là hư vọng, pháp hư vọng đây trống rỗng vô sở hữu.

Như trên đây là môn đế lý chứng nhập của những bậc ấy. Do môn này, nên chẳng tham ái, chẳng sân hận. Chứng được viên mãn đức xả, dứt được những kiết sử, an trụ chánh đạo đến bờ kia, chứng pháp tánh nhưng không xuất không nhập.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông phải quan sát bốn tánh của tất cả pháp đều Không, tự tánh tịch tịnh không có tác giả. Tất cả pháp đều chẳng thật, tương ưng với kiết sử. Trong pháp không tự tánh đó chẳng nên chấp trước, lại cũng chẳng nên rời ngoài tự tánh cùng chẳng phải tự tánh mà có niệm phân biệt. Đã rõ biết được như duyên thanh tịnh, thì với tất cả pháp duyên sanh chẳng nên hý luận. Duyên sanh kia vốn Không, tự tánh rốt ráo thanh tịnh, như duyên đó chẳng tương ưng lẫn nhau. Các pháp xoay vần, trong đó không có sở tác, không có sở hành, không có sự nghiệp. Vì tất cả pháp đối với nhau là Không, nên không có tự tánh, không sở y, không sở trụ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trong diệu pháp này ông cần phải ngộ nhập. Được như vậy thì có thể tăng trưởng không bị tổn hoại, được pháp môn Thanh tịnh phổ biến quang minh. Do nhiếp thọ nên được thanh tịnh; vì không hý luận nên thành quang minh; vì lìa kiết sử không chỗ chấp trước nên được xuất ly.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp chỉ có danh tướng để khai thị tuyên thuyết. Danh là tất cả uẩn chẳng phải sắc. Tướng là những sắc pháp do tứ đại tạo thành. Danh tướng như vậy, tất cả đều là hư vọng chẳng chơn thật. Vì chúng sanh

điên đảo nên có chấp trước: hoặc chấp sắc là ngã, sắc là ngã sở. Vì phân biệt nơi tướng mà có tên gọi, có chỉ bày, có tuyên thuyết. Hai thứ danh sắc như vậy đều chẳng thật. Tất cả đều là những pháp biến hoại hư vọng, như huyễn, như mộng. Thể của sắc chẳng bền chắc như cảnh chiêm bao, nhân đến bốn uẩn cũng đều chẳng thật. Tất cả chỉ là văn tự thi thiết của thế tục thôi.

Quan sát như vậy, khi đã biết rõ, thì chẳng thấy có khổ. Vì tương ứng với Thật đế nên không phan duyên. Vì không phan duyên nên tâm vô sở hữu. Vì vô sở hữu nên đâu có gì tương ứng với phan duyên kia. Do đây nên đối với cảnh giới Niết bàn được bật tướng và dứt sở tri.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tam giới do tướng và tác ý sanh ra, nên gọi rằng Tam giới hư vọng. Tướng và tác ý cũng chẳng phải chơn thật. Tướng đây tức là chấp trước sắc. Bao nhiêu tác ý đều tương ứng với thọ, tưởng, hành, thức. Bốn tánh của các pháp cũng chẳng tương ứng, chẳng phải chẳng tương ứng, nhân đến chẳng phải tướng cũng chẳng phải tác ý. Tướng và tác ý bốn tánh đều Không. Những ngôn thuyết cũng đều hư vọng, chỉ nhờ ngôn thuyết để làm cho tánh tịch tịnh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Bồn tánh của các pháp vì là giả danh, nên chỗ nói ra cũng đều bình đẳng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Thật đé trong pháp này, chư Bồ tát cần phải rõ biết. Nghĩa là chư Phật Như Lai vì đã dứt rời tất cả kiết sử, nên những điều diễn thuyết ra trọn chẳng luống hư. Nơi đây các ông phải khéo suy nghĩ chớ có quan niệm chấp trước. Đối với tất cả pháp chớ phân biệt, chớ hý luận. Rõ tất cả pháp không có tự tánh, sanh lòng từ bi đối với chúng sanh, tư duy ngộ nhập pháp môn như vậy, khai thị diễn thuyết để lợi ích tất cả.

Pháp môn ấy thế nào? Nghĩa là thấu rõ vô minh các pháp hữu vi; tỏ ngộ, trí, kiến v.v... các pháp vô vi. Phải chứng nhập trí thanh tịnh không hý luận với tất cả pháp hữu vi, pháp vô vi. Chẳng phải số lượng mà vào số lượng, mà trụ số lượng, vì tùy thuận pháp chẳng phải số như vậy nên chứng nhập pháp môn vô vi thanh tịnh, chứng được trí huệ quang minh chiếu khắp, nhiếp thọ các pháp làm cho chẳng mất chẳng hoại. Có thể dùng giác huệ phương tiện thiện xảo rộng vì chúng sanh diễn thuyết các pháp.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là chư Bồ tát chứng nhập môn đà la ni. Do môn này, mà

sanh ra giác huệ sai biệt rộng lớn và có thể phát khởi trí thiện xảo diễn thuyết những pháp nghĩa.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trong đây gì là môn đà la ni? Bực Bồ tát này đối với các pháp có thể được tông trì phương tiện thiện xảo. Bồ tát này an trụ nơi trí thiện xảo thanh tịnh mà thực hành biện tài thuyết pháp. Do giác huệ nghĩa vô ngại mà quán sát bốn tánh tự tánh của các pháp. Nhưng tất cả pháp tự tánh vốn vô trụ, vô danh, vô tướng, không chỗ kiến lập, chẳng thể tuyên bày, chỉ dùng ngôn từ của thế tục để diễn thuyết. Tất cả pháp, bốn tánh tự tánh đều bất khả thuyết, không đến không đi, không có văn tự, văn tự vốn thanh tịnh không có công dụng. Vì bốn tánh của tất cả pháp đồng như hư không, thanh tịnh không tạo tác, không sanh khởi, vô tướng. Dùng hư không để khai thị diễn thuyết, thì các pháp môn này là không có pháp môn, vì pháp môn thanh tịnh, rốt ráo không nhiệm cũng chẳng theo nơi nhiệm. Vì các pháp rốt ráo chẳng sanh khởi, tự tánh của pháp cũng chẳng sanh khởi. Do đây nên biết rằng, tất cả pháp nói ra trong ba đời, tự tánh là vô tánh, nhưng cũng chẳng nên chấp các pháp là vô tánh. Đây là môn đà la ni Vô sở trước của chư Bồ tát, vì pháp môn của chư Bồ tát đều thanh tịnh.

Khai thị diễn thuyết tất cả pháp có hình tướng như vậy, hình tướng đó chính là chẳng phải hình tướng, chẳng tạo tác, chẳng hư hoại, chẳng tham ái, chẳng sân hận. Do đây nên biết môn hình tướng này là chẳng phải môn. Vì môn thanh tịnh nên được vào nơi pháp môn thanh tịnh không hình tướng. Vì muốn rõ biết môn hình tướng này là vô sở hữu. Chẳng dùng nghĩa CÓ mà tuyên thuyết như vậy, vì vô sở tác nên vào nơi pháp môn không hình tướng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn không hình tướng đã nói như vậy là vì đà la ni thanh tịnh mà nói.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn đã nói đó đồng như hư không, tất cả pháp nương nơi hư không mà có sanh diệt. Pháp sanh diệt kia tánh đều bình đẳng, không có sanh diệt, không chỗ nhiếp thọ. Với tất cả pháp phải biết như vậy. Tất cả pháp cũng chẳng phải nhiếp thọ, chẳng phải không nhiếp thọ; chẳng phải đồng, chẳng phải không đồng... nhân đến không có chút pháp gì mà có thể được. Do đây có thể rõ được môn hình tướng này, vì được môn vô tướng thanh tịnh mà khai thị diễn nói.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nói rằng vô tướng đó chính là không thân, không thân thi

thiết, không danh, không cú, cũng không thị hiện. Nơi giáo nghĩa này phải nên rõ biết môn không hình tướng kia đồng với hư không.

Nói rằng hư không, cũng chẳng có hư không và thị thuyết hư không. Đây là pháp môn Vô Minh Tùy Thuận Minh Trí Lực. Bồ tát có thể chứng nhập lý thú phương tiện của môn đà la ni. Do chứng nhập nên không có tranh luận cũng không quên mất. Liên chứng nhập môn đà la ni Vô Đoạn Bí Mật Ngũ Ngôn. Như rồng Vô Nhiệt Não làm trận mưa to không ngớt hột.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nói đà la ni trên đây là cú nghĩa gì?

Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát nói:

Bạch Thế Tôn! Đà la ni là giả danh phương tiện tùy thuận các pháp bí mật; là nghiệp dụng liên ghi nhớ khắp các pháp; là những câu ngữ ngôn thuyết pháp. Do trí lực được vào số đà la ni như vậy. Do thiện giác huệ cần phải thọ trì công lực Bồ đề vô lượng vô biên. Bạch Thế Tôn! Như chỗ tôi hiểu phương tiện diễn thuyết trí vô biên này, là vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sanh nên khai thị lưu bố làm cho chánh pháp chẳng đoạn tuyệt.

Bạch Thế Tôn! Đà la ni này là đại hư không, là đại phương quảng. Do nghĩa đây nên có thể

tuyên thuyết rộng khắp. Do tuyên thuyết bình đẳng có thể nhiếp thọ nên gọi là tùy thuận giáo pháp thiện xảo khai thị lưu bố rộng lớn. Vì văn tự sai biệt viên mãn mà được thành tựu biện tài vô ngại. Do quan sát nghĩa thiện xảo ngôn thuyết nên được nghĩa vô ngại biện tài. Vì quyết định các pháp thiện xảo khai thị nên được viên mãn pháp vô ngại biện tài. Thương xót chúng sanh dùng tâm đại từ bi nên có thể nhiếp thọ. Do nhiếp thọ, nên tuân tự điều phục làm cho được thanh tịnh, không hý luận, có thể diễn thuyết pháp xả bình đẳng.

Bạch Thế Tôn! Lúc diễn nói pháp môn phương tiện bí mật đà la ni này, vô lượng vô biên nghĩa thiện xảo xuất ra từ kim khẩu của Phật.

Phật bảo Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát:

Nói MÔN chính là từ ngữ Nhứt thiết trí môn của Như Lai. Trong môn này, do ngữ ngôn mà diễn thuyết được tất cả pháp. Như Lai an trụ nơi tự nhiên trí vô biên thanh tịnh rất ráo thanh tịnh, từ nơi vô sở trụ, vô sở lập mà diễn ra pháp môn rộng lớn rất sâu.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai từng nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Vì đối với các pháp có thể khéo rõ biết nên gọi là Phật pháp.

Bốn tánh của các pháp đồng với Phật pháp nên các pháp đều là Phật pháp. Do có thể rõ biết các pháp và phi pháp nên nói rằng có thể rõ biết tất cả pháp. Người có thể rõ biết các pháp, thì có thể rõ biết môn đà la ni. Môn đà la ni này có thể vào khắp tất cả pháp, nghĩa là có thể nói năng diễn thuyết đàm luận. Tất cả những sự nói năng diễn thuyết đàm luận đều do nơi văn tự mà tuyên thị. Trong văn tự này, đầu là chữ "A", rốt sau là chữ "HÀ". Giống như lúc nhập thai, thọ thai, trụ thai, thì lấy mẹ làm trước. Lại như chủng tử và nuôi lớn thì dùng cha làm trước. Tất cả văn tự hòa hiệp sai biệt dùng mẫu tự như vậy làm trước. Phát sanh văn tự thì trước là chữ "A", rốt sau là chữ "HÀ", những văn tự khác ở chặng giữa, tùy theo sự tương ưng, các văn tự hòa hiệp có ra. Đây chính là có thể vào môn Ngũ Ngôn Đà la ni.

Lại phải rõ biết tất cả những hành pháp thấy đều hoại diệt. Như văn tự kia, đã viết học thành rồi liền sẽ trừ diệt. Tất cả nghiệp dụng lập ra đều sẽ hoại diệt. Như những hành pháp kia vì hòa hiệp mà sanh, nó chẳng hòa hiệp thì hoại diệt. Hai thứ tương ưng hòa hiệp như vậy lập thành tất cả ái kiết trong ba cõi, cũng do hai thứ hòa hiệp như vậy lập thành tất cả pháp hữu vi.

Quan sát như vậy, lần lần có thể thành tựu pháp môn Vô Tác, do đây có thể diễn thuyết môn đà la ni Sanh Diệt, làm cho chư Bồ tát mau được viên mãn phương tiện thiện xảo. Như mẫu tự, trước là chữ "A", sau là chữ "HÀ". Được như vậy rồi, nên dùng lời nói diễn thuyết đàm luận, khéo vào tất cả ngôn từ bí mật, lại phải rõ biết pháp vô ngại để khai thị tuyên thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như mẫu tự, chữ "A" làm đầu, bao nhiêu văn tự theo đó lập thành, do tác ý mà có biên chép. Sau chữ "HÀ", không còn văn tự nào có thể kiến lập được nữa. Do hai thứ tác ý này có thể sanh tất cả hành pháp hữu vi. Hai thứ phân biệt đó đều không chơn thật, vì nơi chơn thật không có bốn tánh tự tánh của văn tự, cũng không có phân biệt và chẳng phân biệt, mà trong đó cũng không có chút phần gì làm ra.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả các pháp do trí nhận biết. Trí này đều từ nơi văn tự mà được sanh khởi. Vì văn tự này chẳng thành tựu, nên trí kia cũng lại không hình tướng có thể được. Vì nơi chơn thật vốn không có hình tướng. Do vào nơi không hình tướng như vậy nên rời bỏ tất cả sự nghiệp tạo tác. Vì vô tác nên rời bỏ tất cả sự hữu vi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là pháp môn thanh tịnh thiện xảo đà la ni. Nếu chư Bồ tát lúc học pháp môn này, thì có thể phát khởi tất cả sự nghiệp vô ngại, vì chúng sanh tuyên thuyết chánh pháp không thiếu sót, chẳng trụ nơi chấp trước và có thể xa lìa những tướng cùng tác ý, vì đã có thể vào nơi pháp Vô ngại trí, chứng Vô biên trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát khi đã khắp dùng tất cả danh tự, mà rõ biết tất cả pháp chỉ có ngôn thuyết mà không chơn thật. Biết như vậy rồi Bồ tát cần phải vào phương tiện đà la ni môn. Thế nào là nên vào môn phương tiện đà la ni?

Rõ biết tất cả danh ngôn vốn không chỗ trụ, nên chẳng trụ nơi các pháp, chẳng trụ trong ngoài chặng giữa. Tất cả chỗ đều là bất khả đắc, chỉ nương ngôn thuyết mà lập ra danh tự. Với danh tự lập ra liền rõ biết như thật, là như thật. Do như thật này cần phải rõ biết tất cả pháp vốn không danh tự, không ngôn thuyết, đây là chỗ trí lực vô sở úy của chư Phật. Với tất cả pháp, Bồ tát nên dùng pháp môn này để khai thị diễn thuyết.

Như Lai nói tất cả pháp chẳng phải một tánh, chẳng phải khác tánh, vì các pháp không có NHẤT tánh DỊ tánh. Tất cả pháp này chẳng phải

SANH, chẳng phải HỮU. Những pháp tuyên thị như vậy cũng KHÔNG. Pháp đã rỗng không thì chính nó là vô tướng. Đã vô tướng thì không nguyện cầu. Nếu các pháp đã là Không, là Vô Tướng, là Vô Nguyện, thì là bất khả tri, bất khả biến tri. Do đây chẳng nên nói các pháp là Hữu, là Vô. Nói Hữu nói Vô chỉ là ngôn thuyết, trong đó chẳng nên chấp trước. Vì Phật thường nói nếu người chẳng chấp trước tất cả pháp thì là chơn thật thắng nghĩa. Nếu người có chấp trước, thì với pháp nào cũng đều sanh chấp trước. Chấp trước như vậy đều là pháp bại hoại, là Không, chỉ có hư vọng, hý luận phân biệt.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông cần phải quan sát diễn thuyết các pháp, nhưng những pháp đó thật ra không thị không thuyết, há lại ở trong đó mà có người năng thuyết vì người khác mà diễn thuyết. Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp thanh tịnh đây do Như Lai diễn bày ra. Người nào có thể rõ biết được thì đáng gọi là rất hy hữu.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay các ông ở trước Ta được nghe pháp như vậy, dầu đa số có thể khéo rõ biết, sanh thắng giải, trụ nơi tín tâm thanh tịnh, nhưng chúng sanh đời sau đối với pháp này ít người hiểu biết. Chỉ trừ những người hiện nay gần gũi bên Phật phát hoằng thệ nguyện đời vị

lai đem sự an lạc lợi ích cho chúng sanh, mà sẽ thọ trì giáo pháp của Như Lai. Những người hiện tiền thừa sự cúng dường Như Lai, tin sâu hiểu chắc mới có thể chứng được môn đà la ni này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Do ngày trước cúng dường chư Phật, lại được tin hiểu giáo pháp thậm thâm, nên chư Bồ tát nguyện cầu Đại thừa hướng đến công hạnh sâu rộng. Hàng Thanh văn thừa nhàm lìa ba cõi nên siêng năng tu hành giáo pháp thậm thâm, những người này chưa từng được nghe giáo pháp thâm diệu này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đức Như Lai vì muốn lợi ích cho hạng hữu tình này, khiến họ chứng chủng trí rộng lớn vô lượng, nên lại nói giáo pháp thậm thâm. Giáo pháp này chẳng phải kẻ ngu phu nhiều chấp trước chẳng mong cầu diệu pháp mà có thể hiểu, có thể làm được. Diệu pháp này là chỗ nương dựa của những người tu hành đúng lý đầy đủ căn lành, biết sợ tội mà cầu giải thoát.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Phật vì các ông và tất cả Đại chúng luôn thuyết pháp chẳng bỏ mọi nhàm. Do xưa kia lúc Phật còn thực hành đạo Bồ tát, trong vô lượng kiếp tinh tấn tu học diệu pháp thậm thâm này. Đã tu học rồi bèn hồi hướng tất cả chúng sanh: Làm thế nào sẽ vì các loài hữu

tình mà chuyên được pháp luân vô thượng và vì các hữu tình thị hiện được trí huệ vô thượng khiến cho Phật chúng chẳng dứt?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là do nguyện lực thưở xưa của đức Như Lai vì muốn Phật chúng chẳng dứt và dùng oai lực gia hộ môn đà la ni này, khai thị diễn thuyết pháp thậm thâm đây cho được lưu bố rộng khắp, khiến chúng sanh sẽ được ngộ nhập trong Phật pháp. Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay các ông nếu muốn học theo Phật, thì có chúng sanh nào mong cầu chánh pháp, các ông phải khai thị diễn thuyết chớ sanh lòng nhàm mỏi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Bồ tát ở trong Đại chúng, đem pháp của mình đã được nghe mà diễn thuyết khai thị. Do đây sẽ được gần Phật trí, mau chứng được môn đà la ni. Vì chúng đà la ni nên dùng công lực ít mà có thể thọ trì pháp môn thanh tịnh sáng suốt.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp bốn tánh thanh tịnh. Bốn tánh của các pháp nếu đã là chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, chẳng phải hòa hiệp, chẳng phải không hòa hiệp, thì trong các pháp vẫn không có pháp. Nếu pháp đã không có thì không chỗ nào có thể thị thuyết được, chỉ trừ khi đề dứt tập nơn, vì dứt

tập nhọn nên được xa lìa, vì được xa lìa nên được tịch diệt. Như Lai vì muốn chúng sanh hiểu rõ nên tuyên thuyết. Tất cả pháp bốn tánh tự tánh vốn là vô nhọn, thì là vô nhọn dứt. Vì vô nhọn dứt nên không lìa không diệt.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem chỗ thuyết pháp của Phật thanh tịnh như vậy. Nếu người dùng pháp để quan sát Như Lai, người đó nơi Như Lai thấy chẳng thanh tịnh. Vì Như Lai chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Như Lai còn chẳng an trụ chút pháp gì hướng là phi pháp. Như Lai vượt khỏi các pháp biểu thị, không thể tuyên thuyết, vì tất cả ngữ ngôn đều thanh tịnh. Do đây nên Như Lai rất là rộng sâu vô lượng. Như Lai chẳng phải sắc biểu thị, chẳng phải thọ tướng hành thức biểu thị, cũng chẳng phải sắc diệt tận giải thoát, chẳng phải thọ tướng hành thức diệt tận giải thoát. Do đây nên Như Lai tuyệt những pháp biểu thị cùng sắc, thọ v.v... với các pháp chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng, nhưng ở nơi tất cả pháp hữu vi, vô vi đều có thể khắp giải thoát, chẳng phân biệt, không hý luận. Như Lai chẳng tương ưng với sự chấp trước nơi sắc, cũng chẳng tương ưng với sự chấp trước nơi thọ tướng hành thức, đã dứt hẳn tất cả cội gốc chấp trước và cũng xa lìa cội gốc của

các pháp. Nghĩa là Như Lai không hý luận, chẳng nhập chẳng xuất, vượt khỏi các dòng, chẳng trụ cảnh giới Phật vô thượng, cũng chẳng phải không trụ. Nên nói rằng Như Lai chẳng trụ nơi chút pháp gì, chẳng lấy chẳng bỏ.

Lúc thuyết pháp cũng phải diễn thuyết như đã nói về vấn đề Như Lai. Vì Như Lai chẳng tương ưng nên pháp của Như Lai cũng chẳng tương ưng. Như pháp của Như Lai, tất cả pháp cũng vậy. Cứ nơi lý như thật thì các pháp đều Như. Do đây nên Phật nói tất cả pháp đều là chơn như. Tất cả pháp chơn như cùng Phật chơn như không sai không khác, chẳng phải nhứt chẳng phải dị. Vì Như Lai an trụ nơi pháp vô phân biệt chẳng phải là biến kế chấp.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai thuyết pháp trọn chẳng siêu quá tất cả pháp, vì không có chút pháp nào có thể siêu quá.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Lúc đức Như Lai chứng được Vô thượng Bồ đề, nhưng thật ra lúc đó không có pháp gì được, vì tất cả pháp đều bất khả đắc, chẳng phân biệt, chẳng thấy có pháp cùng phi pháp, cũng không tác ý, nơi pháp tánh thanh tịnh chẳng an trụ, chẳng kiến lập. Lúc giản trạch rõ biết các pháp như vậy, cũng không có người rõ biết và giản trạch.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Văn cú đệ nhưt nghĩa đã diễn thuyết đây là văn cú chẳng phải văn cú của Như Lai, vì văn cú vốn thanh tịnh. Do nghĩa này nên chư Bồ tát chứng được trí tất cả văn cú thanh tịnh. Do đây có thể nhập môn đà la ni lý nghĩa vô biên, nhưng cũng không chút pháp gì có thể chứng nhập, vì không có khứ lai.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Văn cú đã nói đó, vốn không văn cú có thể được, vì văn cú vốn chẳng phải văn cú. Đối với tất cả văn cú cần phải rõ biết như vậy. Những văn cú như vậy là nhằm lìa văn cú, đã nhằm lìa văn cú thì là văn cú hư vọng. Nếu văn cú hư vọng thì là nhằm lìa văn cú. Tất cả văn cú đó là văn cú diệt tận, nếu văn cú diệt tận thì là văn cú chơn như. Nếu văn cú chơn như thì là văn cú rốt ráo. Nếu văn cú rốt ráo thì là văn cú tận diệt. Nếu văn cú tận diệt thì là văn cú Niết bàn. Nếu văn cú Niết bàn thì chẳng phải thế tục, không văn cú đặt ra cũng không thị thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nói một câu được bình đẳng vào trong tất cả pháp. Thế nào là một câu? Chính là câu yêm ly. Trong yêm ly vốn không có câu. Tất cả câu đây còn là yêm ly, thì câu cũng chẳng phải câu vì câu thanh tịnh. Nếu câu thanh tịnh thì Niết bàn thanh tịnh. Nếu Niết bàn thanh tịnh thì câu thanh tịnh. Những văn cú

như vậy đều bất khả thuyết. Dầu dùng lời nói để tuyên thị văn cú, nhưng lời nói đó tìm khắp mười phương vẫn không tìm được ai vì ai mà nói. Nên tất cả ngôn thuyết đều Không. Ngôn thuyết đã Không thì không có nghĩa. Chẳng nên ở trong đó phân biệt hý luận đặt ra những cú nghĩa như vậy. Tất cả đều là cú nghĩa vô phân biệt, là cú nghĩa không hý luận. Do đây nên người tu quán hạnh, lúc tìm cầu quan sát tất cả cú nghĩa, phải biết đều là tịch diệt Niết bàn. Những văn cú như vậy chẳng khác với Niết bàn, cũng là bất khả thuyết. Nhưng chẳng phải là không khác vì ngôn thuyết và văn cú đều là hư vọng. Vì văn cú thanh tịnh nên phương tiện tuyên thuyết để biểu thị các cú nghĩa, chẳng phải biểu thị chơn thật. Nếu là chẳng phải biểu thị cũng chẳng phải không biểu thị, thì là ở Trung đạo. Nếu ở Trung đạo thì là vô phân biệt, vì trong đây đã dứt phân biệt. Lúc chứng nhập pháp tánh bình đẳng đây, không còn có chỗ nào thực hành chút ít ác hạnh, vì là vô sở đắc.

Chư Phật nói người tu Bồ tát thừa, lúc không có chút pháp gì để có thể thực hành, đây chính là thực hành Bồ tát hạnh, vì an trụ môn đà la ni thanh tịnh vô thượng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Phật sẽ nói câu đà la ni. Do câu này mà chư Bồ tát được đà la

ni có thể khai thị vô biên pháp tạng. Chư Bồ tát này trụ bực Vô tránh, vì có thể phá trừ những ngoại luận, vì rất tịch tịnh, vì thuyết pháp rộng. Đây là câu đà la ni của pháp môn đó:

Đát điệt tha nhã duệ - vi nhã duệ - ô kê - ô ca phiệt đễ - a lộ kế - a lộ ca phiệt đễ - bát ra bệ - bát ra bà phiệt đễ - na rị thiết nãnh - ã na rị thiết đàm phiệt đễ - yết thế - yết tha phiệt đễ - thú thát nãnh - bệ thú thát nãnh - bát rị thú thát nãnh - cật rị gia - cật rị gia phiệt đễ - ôn đát ra ni - san đát ra ni - ma ha tỳ xã duệ - ma ha tỳ xã gia phiệt đễ - a nô san địa - a bát ra đễ - san địa - du già ma nại đà - tát địa - tát đà yết thế - tát đà yết tha phiệt đễ - ma đễ - ma đễ bát ra bệ - ôn đát rị - ôn đát ra phiệt đễ - nhĩ ma rị - di ma ra nô tán địa - tát lê - tát ra phiệt đễ - tát ra nô già đễ - ta minh - ta ma lam bà nhĩ già đễ - yết đễ - a ã già đễ - a bát ra đễ ã phiệt đễ - di thế sái - di thế sái phiệt đễ - a ma hê ã - ã ma hê ã - bát ra ma hê ã - ô hà ô đát ra nãnh - ma ra bát na duệ - a thế sát - a nô ba thế sát - a nô già mê - a bát ra đễ già mê - a già đễ - a na già đễ - già đễ nhĩ thú đà ã - bát rị thú đệ - cương kiệt sai chế na ã dạ đễ - ma đễ bát ra tị đễ - ma đễ tỳ thú đà ã - tam mạn đa nô yết đễ - mạn đa bát rị phược lê - tam mạn đa tỳ thú đà - ã a nô ba ngật ra hứ - a ã ngật ra hứ đễ - hứ na ra thế - a ra tha tỳ

thú địa bát ra minh - hê đô nễ địa san ninh bát ra tị
 đề - bát ra tị đa phiệt đề - tỳ nễ thiết giả duệ - tị nễ
 thuyết giả gia nộ yết đế - a nan đa ra thê - a nan đa
 bí ngật ra hê - ma xã tỳ thú địa a nộ kiệt ra hê - bát
 ra kiệt ra hà tỳ thú đà nễ - a địa da đa ma tỳ kiệt đế
 - ma hứ ra đà tỳ thú đà nễ - bí địa da nộ kiệt đế - bí
 địa da nộ tán địa - bát rị thú đà nễ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là câu đà la ni. Chư Bồ tát do câu này có thể nhớ rõ các pháp tạng của vô lượng Như Lai, cũng có thể khai thị diễn thuyết làm cho chúng sanh trụ bực Vô tránh, lại có thể được phương tiện vào tất cả nghĩa lý, có thể rõ biết trí sai biệt rộng lớn vô lượng, tất cả hạnh nguyện đều được viên mãn.

* Cũng làm cho chư Bồ tát được phương tiện thiện xảo đà la ni. Do được đà la ni này sẽ có thể rõ biết nghĩa lý bí mật của các pháp: nơi nhãn căn thấy sắc đà la ni, nhãn đến ý căn biết pháp đà la ni.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Thế nào là môn đà la ni sáu căn thấy biết sáu trần? Chư Bồ tát do nhãn căn thấy sắc trần rồi, vì trí lực và niệm lực biết rõ sắc là vô thường sanh diệt chẳng dừng, do đây chẳng chấp ngã và chẳng phải ngã, chẳng phan duyên nơi sắc nên nhãn căn thanh tịnh,

* Hán bộ quyển thứ 5.

không hý luận, không vọng niệm, không huân tập, không hệ phược nơi nhãn căn và nhãn thức, không phân biệt đối với các pháp. Vì thấy biết thanh tịnh như thật nên rõ biết các pháp như huyễn, được trí rộng lớn không đồng với thế gian.

Nói lược như vậy, nhãn đến chư Bồ tát dùng ý căn rõ biết pháp trần rồi, do trí lực và niệm lực biết rõ các pháp là vô thường sanh diệt chẳng dừng, chẳng chấp ngã và chẳng phải ngã, ý căn thanh tịnh chẳng chấp lấy pháp trần, chẳng phân biệt, chẳng hý luận, chẳng vọng niệm, chẳng huân tập, chẳng hệ phược nơi ý thức và pháp trần, vì ý căn thanh tịnh như thật rõ biết nên rõ biết các pháp như huyễn được phược huệ thù thắng chẳng đồng với thế gian.

Bồ tát này lại có thể đối với tất cả pháp không có kiến chấp là vô nhơn, cũng chẳng ở nơi nhơn thấy có duyên, chẳng ở nơi duyên thấy có nhơn, rõ biết tất cả pháp đều chẳng tương ưng nhau mà chứng nhập bốn tánh thanh tịnh tịch diệt, chẳng sanh chẳng khởi, chẳng lưu chuyển, cũng chẳng phải dùng ngôn thuyết mà nói đến được. Tất cả pháp nghĩa chẳng phải đồng phạm, chẳng phải tương ưng, chẳng phải không tương ưng. Vì tất cả pháp không có tác giả. Vì không tác giả nên không thọ giả, không chúng sanh, không ngã.

Những pháp cú đã nói đây chẳng phải như thật, chẳng phải không như thật. Vì với tất cả pháp chẳng thọ, chẳng chấp, đồng với Niết bàn là hẳn sự chấp trước.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là chư Bồ tát diễn nói môn đà la ni phương tiện sai khác. Với tất cả pháp cần phải rõ biết. Lúc diễn thuyết như vậy, chư Bồ tát xa lìa nơi trong, cũng chẳng duyên lấy nơi ngoài, lại có thể quan sát không có thí chung. Nương theo xe sanh tử vào trong thế gian ở nhà vô minh mà trôi lăn cùng khắp. Dầu luân chuyển sanh tử như vậy, nhưng vẫn không sanh tử có thể được, cũng không có thật xe sanh tử.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát có thể hiểu rõ pháp này thì mau được trí huệ sáng suốt thuyết pháp thanh tịnh, tu tập nhẫn nhục, có thể tinh tấn, sanh lòng đại từ bi, chí nguyện vững chắc, có thể thành tựu phương tiện diễn thuyết, làm cho chúng sanh trụ bực Vô tránh, có thể phá hoại tất cả tà luận của ngoại đạo, để trừ sự tối tăm cho chúng sanh.

Lúc Bồ tát này thuyết pháp, được vô lượng chư Phật ở mười phương khen ngợi. Bồ tát này phóng ánh sáng pháp chẳng thể nghĩ bàn, là pháp

thí chủ, có thể khai thị không mê lầm pháp tạng của chư Phật, có thể trọn nên hạnh nguyện thù thắng, có phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, làm cho chúng sanh được mở mang tâm ý.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trong pháp này, chư Bồ tát phải siêng tu tập phát khởi môn tam ma địa. Tu tập rồi thì chúng nhập được môn đà la ni. Được tự tại nơi môn đà la ni rồi thì có thể diễn thuyết những danh từ sai khác rộng lớn bí mật, có thể chúng nhập trí Từ ngữ vô ngại, có thể thuận nhập nghĩa lý thậm thâm, khéo rõ biết được ý nghĩa của ngôn thuyết không mảy may nghi hoặc. Tự mình có thể trụ bực Nhân địa, không phải nhờ người chỉ dạy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát có thể phát nguyện dũng mãnh tinh tấn vì muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, mà cầu được các pháp trí, thông đạt tất cả thừa, được Phật trí rốt ráo thanh tịnh thì chẳng khó khăn lắm.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nơi đây diễn thuyết các pháp môn đà la ni phương tiện thậm thâm, chính là Phật vì muốn nhiếp thủ chư Bồ tát mà khai thị. Nay Phật sẽ tuyên nói cho chư Bồ tát đều được khai ngộ, khéo nhiếp thủ được ngôn giáo bí mật. Phạm có chỗ làm đều có thể rõ biết

nghĩa của tất cả ngữ ngôn âm thanh. Lại có thể chứng nhập trí Sai biệt thiện xảo.

Đó là những pháp môn gì?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Bồ tát đủ giới đức thanh tịnh, an trụ nơi sức gia trì thật đế, thì có thể thêm lớn được phương tiện bố thí, không ngã sở, không nhiếp thọ, tu tập phương tiện chứng lý nghĩa chơn thật của tất cả pháp, được pháp bất thối và khéo trụ bực Bất thối, mau được trí huệ biện tài vô ngại rộng lớn như biển cả.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đời sau đây ít người có thể cung kính thọ trì pháp này, chỉ trừ chư Bồ tát mong cầu pháp như thật thậm thâm vào pháp tạng của Như Lai. Chư Bồ tát này tinh tấn tu học pháp thậm thâm này ngộ nhập lý nghĩa thì có thể được trí vô ngại, cũng có thể rõ biết tự tánh bản tánh của tất cả pháp.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Giả sử Như Lai dùng các thứ danh từ để diễn thuyết các pháp, nhưng đối với bản tánh tự tánh của các pháp cũng chẳng trái. Chỗ diễn thuyết của Như Lai không có sở thuyết, không có năng thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai đã được viên mãn phương tiện diễn thuyết ba la mật. Như Lai cũng không có chút pháp gì là được.

Như Lai chẳng vì được pháp cùng không được mà thuyết pháp. Như Lai chẳng hành động cũng chẳng phải chẳng hành động, chỗ hành động của Như Lai là vô sở đắc. Chẳng nên cho rằng chư Phật làm công hạnh như thật, vì không có chút pháp nào gọi là Như Lai. Chính đây là Như Lai an trụ chỗ trụ như vậy, thực hành chỗ làm như vậy. Nếu dùng danh tự để gọi hiệu Như Lai, thì Như Lai cùng danh tự chẳng phải khác chẳng phải không khác. Vì chẳng khác chẳng phải không khác nên chẳng được cho Như Lai là có lai có khứ. Như Lai chẳng phải hý luận, đã siêu quá hý luận, cũng không có siêu quá. Như Lai cùng Như Lai tánh chẳng phải Tức chẳng phải Ly, là tánh chẳng hư vọng, là tánh chẳng biến dị, không có chút pháp gì để khai thị diễn thuyết, cũng không có thị hiện.

Như Lai chứng được bốn tánh như thật của tất cả pháp. Nhưng bốn tánh của tất cả pháp chẳng thể tuyên thuyết, vì tất cả pháp là vô sở hữu. Do đây Như Lai nói tất cả pháp là vô sở tác, cũng không biến dị, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng xuất chẳng ly, vì tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh. Với tất cả pháp không có chỗ được, vì không chỗ được nên không có chỗ chứng, như vậy là không có chút pháp gì có thể được. Nếu pháp là có thể

được thì trong các pháp lẽ ra có thọ giả. Đã không thọ giả, nên biết rằng tất cả pháp do chẳng sanh khởi mà không có chỗ được.

Danh hiệu của Như Lai cũng do Thánh giáo dùng giả danh đặt ra, ngôn thuyết như vậy, bốn tánh vốn thanh tịnh. Bực Thánh ở trong đó không có chút pháp gì là được, cũng không có pháp và phi pháp. Cũng không có pháp gì gọi là Thánh và chẳng phải Thánh, không có pháp gì tương ưng với Thánh hay chẳng tương ưng.

Với chỗ diễn thuyết của Như Lai đây, đều phải rõ biết như vậy, lại cũng chẳng nên phân biệt theo thế tục. Như Lai có thể diễn nói các pháp và phi pháp, cũng chẳng kiến lập có pháp và phi pháp. Như Lai có thể diễn thuyết pháp lành và pháp chẳng lành, cũng chẳng kiến lập có pháp lành và pháp chẳng lành. Như Lai có thể diễn thuyết pháp tất cả pháp, nhưng cũng chẳng kiến lập có tất cả pháp. Như Lai có thể diễn thuyết không biểu thị, nhưng cũng chẳng kiến lập không biểu thị.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp thậm thâm của Như Lai nói đây, người không có nghiệp thanh tịnh thì không thể rõ biết. Nếu người nào mong cầu Vô thượng Bồ đề, cầu giải thoát sanh

tử, cần phải hiểu rõ những pháp của Như Lai diễn thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát hiểu rõ được pháp này, cần phải không dục dục, chẳng lấy chẳng bỏ, cũng chẳng thấy có chút pháp sanh diệt, không có hý luận chẳng phải không hý luận. Được vậy thì chư Bồ tát có thể diễn thuyết pháp chơn thật này, cũng chẳng chấp trước pháp chơn thật này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như núi Tu Di là chỗ y chỉ cho những cung điện của các chúng sanh có thiện căn phước đức, nơi đó chúng sanh hưởng thọ sự vui sướng. Cũng vậy, chư Bồ tát vun trồng căn lành thì được nghe và thọ trì pháp bửu thậm thâm này, do đây Bồ tát được Nhứt thiết chủng trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Kinh pháp này có thể tùy thuận chúng nhập pháp trí vô thượng, vì muốn khai thị pháp tạng đà la ni của Như Lai, nên lưu bố như vậy. Đà la ni này có thể nhiếp tất cả pháp chơn thật rộng lớn, những pháp của chư Phật Như Lai diễn thuyết đều từ môn vô biên đà la ni này. Vì muốn thanh tịnh tất cả pháp môn nên Như Lai khai thị diễn thuyết môn đà la ni này. Môn này có thể nhiếp tất cả pháp trong khế kinh

làm cho không thành không hoại, không trước sau chặng giữa. Như Lai hộ niệm môn đà la ni này, có thể làm vô lượng vô biên Phật sự khắp mười phương thế giới.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Bồ tát nếu muốn hiểu rõ giáo pháp này, muốn lưu bố chánh pháp, muốn nhập pháp ấn vô trụ, muốn hiểu rõ môn bí mật vô ngại, muốn phát khởi gia hạnh đại tinh tấn, muốn hiểu rõ tánh tướng của các pháp để diễn thuyết, thì phải thọ trì giáo pháp của Như Lai diễn thuyết. Đã thọ trì rồi sẽ rõ biết tất cả ngôn từ bí mật, được trí diễn thuyết văn tự và hiểu rõ lý nghĩa sai khác của các pháp. Vì muốn lợi ích an vui tất cả chúng sanh nên chư Bồ tát này lập ra thẳng nghĩa khéo tùy theo căn cơ mà truyền dạy cho chúng sanh được lợi ích. Hoặc tán dương giáo pháp, hoặc lưu truyền giáo pháp, hoặc diễn thuyết giáo pháp, vì thương xót muốn làm lợi ích chúng sanh mà cầu Phật trí, chẳng chấp trước, vì không chấp trước nên không chỗ lấy, cũng chẳng thị hiện nội trí ngoại trí. Chẳng sanh lòng nhàm đủ nơi chút ít pháp, chẳng dùng sức tinh tấn hạ liệt mà mong cầu trí vô thượng, phải siêng tu tất cả pháp thậm thâm. Có ai gạn hỏi thì tùy nghĩa mà giải thuyết. Trụ nơi hạnh tự lợi và lợi tha, khéo quan sát tự tha tất cả pháp đều vô ngã. Ngã

đã thanh tịnh, liền chứng nhập tất cả pháp thanh tịnh, thích diễn thuyết giáo pháp để khai thị, chẳng bỏn sẻn nơi chánh pháp.

Chư Bồ tát nên thực hành bốn tâm vô lượng như vậy: Tôi vì lợi ích tất cả chúng sanh, ban cho họ pháp bửu vô thượng thù thắng. Nay tôi sẽ làm cho tất cả chúng sanh tương ưng với pháp bửu vô thượng; dầu chúng sanh tạo nghiệp ác nặng, tôi cũng chẳng có quan niệm bỏn sẻn chánh pháp đối với họ. Nay tôi sẽ làm pháp sự của Như Lai, làm pháp sự Nhưất thiết trí, làm cho chúng sanh thoát khỏi sự khổ, tôi sẽ dùng pháp thuyền đưa chúng sanh qua khỏi dòng sanh tử, cho chúng sanh được tất cả sự an vui.

Chư Bồ tát phải phát tâm đại bi như vậy. Do đây mau chứng được pháp thù thắng, sẽ được thành tựu môn đà la ni thuyết pháp vô ngại của kinh này, thoát hẳn sanh tử, không bị ngoại luận chiết phục, mà có thể chiết phục tất cả luận điệu của ngoại đạo và hàng phục quân ma. Chư Bồ tát vì muốn trừ diệt pháp tránh luận mà phải an trụ như vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả Như Lai đều nhiếp thọ và khéo ghi nhớ môn đà la ni này.

Như thân sau của Bồ Tát trụ cung trời Đâu Suất, chư Thiên đều cúng dường, chúng sanh đều

mến kính. Thiện căn và phước đức của Bồ Tát này đã thành thực thù thắng. Chỉ còn một đời thì tất cả công đức bố thí, trì giới, trí huệ đều viên mãn đầy đủ. Là bậc chí tôn trong cõi Đại thiên. Là bậc phước đức thiện căn vô thượng, được tất cả loài hữu tình cung kính ca ngợi. Khi Bồ Tát này rời cung trời Đâu Suất xuống Diêm Phù Đề, thì sanh trong cung điện của dòng tôn quý nhất ở đô thành của đại quốc, được mọi người, mọi loài mến kính cúng dường.

Cũng vậy, môn đà la ni này an trụ trong tất cả pháp. Chính từ nơi môn này mà các pháp sanh và diệt. Chư Bồ tát đã an trụ nơi môn này thì thành thực tăng trưởng tất cả pháp, tự tại đối với tất cả pháp, làm chủ tất cả pháp.

Thân sau của Bồ Tát giảng sanh trong loài người dùng sức chánh định vô quán thị mà quan sát tất cả chúng sanh và quan sát toàn cõi Đại thiên. Vì đã được môn đà la ni vô thượng, dùng tâm rộng lớn trụ cảnh trí quảng đại, nên trọn chẳng tham luyến tất cả cảnh dục, cũng chẳng mong cầu những pháp xinh đẹp nhiễm ái. Vì trụ nơi trí Không tam ma địa, khéo quan sát được phương tiện vô tướng của tất cả pháp, nên đối với tất cả đều không chấp trước; rõ biết các pháp hữu vi trong ba cõi đều là lỗi là họa, đâu nên tham,

đâu nên lấy, phải mau xuất ly cầu cảnh giới tịch tịnh giải thoát thù thắng.

Dầu Bồ Tát quan sát như vậy, nhưng không trụ trước nơi quan niệm ấy. Phát sanh lòng đại bi đại từ đối với loài hữu tình, vì thành thực họ mà muốn xuất ly, dùng phương tiện thuận nhập trí huệ thù thắng, được tự tại đối với các hữu tình, được môn phương tiện đà la ni vô ngại đối với các pháp. Dùng trí phương tiện khéo quan sát tất cả hữu tình và khéo quan sát nghĩa lý quyết định bất tư nghi.

Dầu đương tuổi thanh xuân tươi đẹp mà trọn không ưa thích các cảnh dục lạc, chỉ mong cầu tịch tịnh. Rồi xa lìa quyến thuộc thân thích mà xuất gia, trọn nên phương tiện thậm thâm bất tư nghi. Dem tất cả phước huệ đã từng chứa nhóm mà thẳng đến đạo tràng Vô thượng Bồ đề, chứng được môn đà la ni vô thượng thậm thâm, thành tựu Tự nhiên trí, Vô ngại trí, an trụ Nhứt thiết chủng trí, chuyển pháp luân thanh tịnh vô thượng, Phạm âm thâm diệu khai thị tri kiến cho tất cả trời, người, tất cả chúng sanh như mặt trời giữa trưa tỏa ánh sáng khắp nơi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Bồ Tát trụ nơi đà la ni Nhứt thiết chủng trí chứng Vô thượng Bồ

đề, cú nghĩa sai biệt của môn đà la ni đó chừ Bồ tát khác không thể biết được. Nếu là bực Bồ tát Nhứt sanh bổ xứ ngồi nơi đạo tràng, do trí thanh tịnh, không thầy mà tự được giác ngộ, thì chúng được môn đà la ni trên đây. Cũng như bực Bồ Tát vì đạo Bồ đề, nên trong vô lượng kiếp vun trồng căn lành, tu tập Phạm hạnh được pháp nhẫn thậm thâm, vì thương xót tất cả chúng sanh nên do tâm đại từ bi mà được chúng môn đà la ni này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Bồ tát do môn đà la ni này ngồi nơi đạo tràng sẽ chúng Vô thượng Bồ đề. Nay Phật không thể thị thuyết cho ông được. Tự ông sẽ chúng được pháp môn đó khi mà ông đã đủ trí huệ phải có của bực Bồ tát. Pháp môn đó không thể chỉ bày, cũng không thể tuyên thuyết. Đây là pháp môn mà Bồ tát tự mình phải hiểu rõ, là pháp môn vô biên, vô lượng, vô thí dụ. Pháp môn này siêu quá tất cả thế gian, không cùng chung với trời, người, ma, Phạm, Sa môn, Bà la môn v.v... thẳng đến pháp thanh tịnh vô thượng Nhứt thiết chủng trí và Tự nhiên trí.

Do trí thanh tịnh tự nhiên vô thượng này mà Bồ Tát có thể chuyển pháp luân thanh tịnh vô thượng, lần lượt nhiếp thủ chúng sanh đến trí Vô thượng Nhứt thiết chủng. Vì nơi các pháp môn và Niết bàn đều được thanh tịnh, nên Bồ Tát khai thị

diễn thuyết vô lượng pháp nghĩa: những uẩn, xứ, giới, duyên khởi v.v... Đồng thời cũng thị hiện trí thanh tịnh thiện xảo đối với uẩn, xứ v.v...

Bồ Tát lại làm cho chúng sanh phát khởi tâm hướng vào môn Thánh đế, đồng thời cũng thị hiện trí thanh tịnh thiện xảo nơi Thánh đế. Phát sanh ba mươi bảy phẩm Bồ đề phần và thị hiện trí thanh tịnh thiện xảo Bồ đề phần. Phát khởi chỉ quán thiền thanh tịnh thiện xảo và thị hiện trí nhiếp trì chỉ quán thiền thanh tịnh thiện xảo. Phát khởi và thị hiện trí Vô sanh thanh tịnh, trí Minh giải thoát thiện xảo, mà có thể diễn thuyết đại Niết bàn. Nơi các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, thế gian, xuất thế gian, dùng vô lượng danh nghĩa để khai thị tuyên thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai nói phương tiện nhiếp trì khắp tất cả pháp của môn đà la ni này. Đây là chỗ an trụ của tất cả công lực thiện xảo của Nhứt thiết trí đà la ni. Tùy theo bốn nguyện của tất cả chúng sanh mà rưới pháp vũ, cho tất cả hữu tình khô khan đều được thấm nhuần đầy đủ diệu pháp. Các ông, hàng Bồ tát, phải theo Như Lai học pháp môn thậm thâm này, không được trái nghịch. Nơi đà la ni Nhứt thiết chủng trí này, không bao lâu các ông sẽ được nhiếp trì tự tại, làm cho chúng sanh được vô

lượng lợi ích như Phật hôm nay. Các ông nên dùng vô lượng danh từ sai khác để khai thị tuyên thuyết môn đà la ni trí huệ thậm thâm này. Các ông phải mong cầu thắng giải nơi pháp này, chẳng được xa lìa tư lương Bồ đề.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Thế nào là mong cầu thắng giải?

Chư Bồ tát phải hiểu rõ tất cả các pháp vốn chẳng sanh chẳng diệt, không động không dừng, chẳng đến chẳng đi, tự tánh rỗng rang vắng lặng. Nơi tánh Không đây cũng không chấp trước, huống là nơi tướng mà lại chấp trước! Trong tánh Không đó, không có tướng tướng. Nếu ở nơi tánh Không đó mà được không có tướng tướng, thì có thể vào được pháp hữu vi Không, chẳng có ngã, ngã sở, chẳng có tất cả ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Không tánh như vậy: Chẳng phải nhiễm trước, chẳng phải không nhiễm trước; chẳng phải nhớ, chẳng phải không nhớ; chẳng phải mê hoặc, chẳng phải không mê hoặc; chẳng phải tham ái, chẳng phải không tham ái; chẳng trụ nơi Không cũng chẳng trụ chỗ nào, cũng chẳng kiến lập. Với Không, nếu yểm ly thì Không liền tịch diệt, không có phân biệt, không khắp phân biệt, không thắng phân biệt, không có công dụng, nhần đến

không có chút pháp gì có thể lấy. Tự tánh vốn thanh tịnh, Không tánh đó chính là bốn tánh tự tánh của các pháp. Tất cả pháp hữu vi bốn tánh đều Không, cho đến pháp thiện pháp ác, hữu vi vô vi, pháp thế gian, xuất thế gian, bốn tánh cũng đều Không như vậy cả.

Chư Bồ tát nhiếp thọ được thắng giải như vậy, thì được vào nơi giải thoát và tri kiến giải thoát, cũng có thể nhiếp thọ vô cầu giải thoát và tư lương Bồ đề. Thế nào là tư lương Bồ đề?

Chính là Giới thanh tịnh, Định thanh tịnh, Huệ thanh tịnh, Giải thoát thanh tịnh, Giải thoát tri kiến thanh tịnh, sáu môn ba la mật thanh tịnh. Nếu các pháp trên đều thanh tịnh thì là khắp thanh tịnh. Nếu khắp thanh tịnh thì là vô cầu pháp môn: tâm tánh thanh tịnh chiếu sáng không có phiền não. Tâm đó thường trụ, bốn tánh Không tịch. Cũng không bị tri kiến, khách trần, phiền não ba thứ này làm nhiễm ô. Ba thứ này đều chẳng thật, rỗng không vô sở hữu. Tâm tánh đây chẳng tương ưng với phiền não và thanh tịnh. Vì tâm này bốn tánh tự thanh tịnh không hai, cũng không hai phần.

Nếu có thể rõ biết tâm tánh như vậy, chẳng phải phiền não nhiễm ô mà làm ô nhiễm được,

chẳng phải trong ngoài chặng giữa, tất cả đều bất khả đắc. Chỉ trừ ra vọng tưởng như duyên hòa hiệp thì có tâm niệm sanh khởi, dầu có tâm sanh nhưng cũng chẳng thể thấy, tìm cầu khắp mười phương cũng trọn bất khả đắc. Cũng không có tâm thấy được nơi tâm, phan duyên như vậy chẳng phải hòa hiệp với tâm, tâm cũng chẳng hòa hiệp với phan duyên, như duyên cũng chẳng phải tương ưng với tâm, tâm cũng chẳng tương ưng với như duyên, chỉ do nơi tâm mà tất cả pháp kia tương ưng với tâm. Bao nhiêu pháp tương ưng với tâm, chẳng biết lẫn nhau cũng chẳng thấy được, huống là những pháp chẳng tương ưng với tâm.

Dùng đệ Nhứt nghĩa tư duy quan sát không có vật gì có thể tương ưng và chẳng tương ưng. Vì không có chút pháp nào tương ưng và chẳng tương ưng với chút pháp nào. Tất cả pháp tự tánh tịch tịnh. Tự tánh này cũng chẳng tương ưng với chút vật nào. Tự tánh của tất cả pháp tức là bản tánh. Nếu là bản tánh thì tất cả pháp kia đều không có tự tánh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên biết rằng nếu dùng ngôn thuyết mà nói lên được bản tánh tự tánh của tất cả pháp, thì quyết không đúng lý. Trong các pháp không có chút pháp nào

gọi là bốn tánh tự tánh. Tất cả pháp bốn tánh đều Không. Tất cả pháp tự tánh vốn vô tánh. Nếu đã là Không, là vô tánh thì kia là một tướng. Một tướng đây chính là không có tướng. Vì không có tướng nên bốn tánh tự tánh được thanh tịnh. Nếu đã là Không, là vô tánh, thì bốn tánh tự tánh kia chẳng thể dùng tướng để biểu thị, nhãn đến tất cả pháp cũng như vậy.

Không, vô tánh đây chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh, nhưng là bốn tánh của tất cả pháp. Nếu là bốn tánh của tất cả pháp, thì chẳng phải do nhiễm tịnh kiến lập lên, mà là không trụ không khởi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông nên quan sát tất cả pháp không trụ không khởi, không chỗ kiến lập, bốn tánh thanh tịnh. Đã là bốn tánh thanh tịnh tại sao chúng sanh lại ở trong đó mà mê lầm? Đây là do chúng sanh trong thế gian ngồi trên xe hư vọng nên bị xe hư vọng làm mê lầm. Nói là ngồi xe, thật ra không có ngồi cũng chẳng phải không ngồi. Mà thế gian ngồi trên xe hư không rồi bị xe hư không ràng buộc. Nhưng thật ra xe hư không cũng là vô sở hữu. Những chúng sanh đây vì quá ngu si mà mê lầm. Nhưng thật ra không có ngu si cũng không có mê lầm.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông quan sát chúng sanh vì do ngu si nên ở trong pháp này chẳng rõ biết được mà ở mãi nơi tranh luận. Ở nơi tranh luận chính là chẳng phải trụ. Nhưng thế gian vì mê lầm chẳng rõ biết được kia chính là thanh tịnh. Nếu chẳng trụ thì đó gọi là trụ, chính đây là căn lành thanh tịnh chẳng trụ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn bí mật của Như Lai đây khó hiểu khó vào. Chỉ trừ các ông từ lâu đã tu hành pháp lành nên được rõ biết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai từng nói trụ nơi tranh luận thì chẳng phải là trụ, vì là bất thiện. Nhưng bất thiện vẫn là vô sở hữu. Nếu ở trong vô sở hữu này chẳng rõ biết được trụ cùng chẳng trụ không sai khác, đây thì gọi là trụ nơi tranh luận.

Nếu được trụ nơi căn lành thanh tịnh thì chẳng gọi là trụ. Nếu chẳng trụ thì không lỗi lầm. Vì không lỗi lầm có thể rõ biết pháp môn như vậy. Đã rõ biết, nếu chẳng thanh tịnh, thì không đúng lý.

Những chúng sanh không có trí huệ bị nhiều phiền não che đậy, giả sử nói chút ít pháp thuận rõ ràng, họ còn chẳng hiểu được, huống là pháp bí mật chẳng phải tùy thuận.

Nếu không trụ, thì là thanh tịnh, nghĩa là chẳng trụ nơi pháp lành và cảnh giới xuất ly. Vì không có cảnh giới xuất ly và cảnh giới thi thiết. Nơi cảnh giới Niết bàn, nếu chẳng trụ thì gọi là được Niết bàn. Danh từ Niết bàn đây cũng chỉ là giả thiết. Niết bàn đây, không chỗ chứng được, cũng không có người chứng được. Nếu có chứng được, thì lẽ ra sau khi diệt độ lại có Như Lai. Nếu không được, lẽ ra sau khi diệt độ không có Như Lai. Sau khi diệt độ, đều không thể nói rằng có Như Lai hay không Như Lai. Câu “không thể nói” đây cũng là câu giả thiết của Như Lai thôi.

Có những chúng sanh đối với pháp thậm thâm, chẳng chuyên cần tu hành mà lại sanh nghi lầm, hoặc cho rằng Như Lai có sắc, sau khi diệt độ có Như Lai. Hoặc cho rằng Như Lai không sắc, sau khi diệt độ không Như Lai. Nhẫn đến hoặc cho rằng sau khi diệt độ chẳng phải có Như Lai chẳng phải không Như Lai. Nếu pháp đã là chẳng sanh chẳng diệt, sau khi pháp đó diệt, chẳng nên nói có nói không.

Như Lai đây chẳng sanh chẳng diệt, sau khi diệt độ cũng chẳng nên nói có nói không nhẫn đến cũng chẳng nên nói hữu biên vô biên v.v... tất cả đều chẳng thể nói. Nếu nói hữu biên thì không có chính giữa, nếu nói có chính giữa thì không

hữu biên. Chính giữa trên đây là phi hữu, phi vô. Nếu ở trong đây cho rằng thật có thật không, thì trái với duyên khởi.

Nếu có pháp nào chẳng phải từ nơi duyên khởi và chẳng phải duyên khởi, thì pháp đó chẳng diệt, chẳng trái với hữu với vô. Tất cả pháp từ nơi duyên khởi và pháp duyên khởi, đều không có biên không có chặng giữa, chẳng phải có chẳng phải không. Nếu đã chẳng phải có chẳng phải không, thì đâu có thể nói được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai dùng đại phương tiện an trụ trong đó, vì phá vô vô minh cho chúng sanh mà khai thị diễn thuyết chẳng trái với duyên khởi. Tất cả các pháp đều vào duyên khởi. Nếu đã vào duyên khởi thì không có thuyết trung hay biên. Nếu lìa ngôn thuyết thì không có chút pháp gì có thể được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên quan sát pháp vô sở hữu, pháp không hữu biên gọi đó là Trung đạo. Do nơi phương tiện mà nói có giác huệ có thể nhiếp trì các pháp. Nhưng pháp nhiếp trì cũng bất khả đắc, vì bất khả đắc nên không có ngôn thuyết.

Các ông là bực trí giả nên biết tướng chơn thật của tất cả pháp như vậy: Chẳng đến chẳng đi,

không có phần không có đoạn, chẳng một tánh chẳng khác tánh, đến bờ rớt ráo kia, không có chút pháp nào chẳng đến bờ kia. Đến bờ kia chính là Niết bàn. Tất cả pháp đều là tướng Niết bàn. Do đây nên biết rằng chẳng thể tuyên thuyết được, chỉ tùy theo thể tục nói là Trung đạo. Trung đạo đây chính là thẳng đến đường đại Niết bàn, nhưng cũng không có Niết bàn là chỗ để đến. Nếu có Niết bàn là chỗ để đến, thì nơi các pháp lẽ ra có đi có đến. Nhưng tất cả pháp bốn tánh đều bình đẳng, nên Niết bàn gọi là không chỗ đến.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây gọi là Trung đạo, nhưng Trung đạo đây tức chẳng phải là Trung đạo, vì không tăng không giảm, vì không có biên giới không có chấp thủ. Nếu pháp đã vô biên thì đâu phải là hữu biên. Chính không có chỗ nơi là pháp vô biên. Hàng phàm phu đối với không chỗ nơi chấp là có biên có chỗ. Vì chấp có biên có chỗ nên chẳng được giải thoát. Tại sao không được giải thoát? Vì nơi chơn thật vốn là không chỗ nơi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem Như Lai dùng giác huệ quyết định thiện xảo mới có thể diễn thuyết Trung đạo như vậy. Đối với tất cả pháp, chư Phật Như Lai không có nghi lầm, cũng không quên sót. Chư Phật Thế Tôn thường ở

trong chánh định vô ngại tự tại, thường khéo quan sát, trụ nơi chánh định tối thắng, dùng vô lượng tri kiến mà diễn thuyết. Chẳng ở nơi phi xứ để nói pháp thanh tịnh, nói pháp rốt ráo, nói pháp tịch tịnh. Chỗ nói của Như Lai không dư không sót.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như có bửu châu tên là Chủng Chủng Sắc ở trong đại hải, dầu có vô lượng dòng nước chảy vào đại hải, do hỏa lực của bửu châu làm cho nước biển chẳng đầy tràn. Đức Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác dùng hỏa lực trí huệ có thể làm tiêu diệt phiền não của chúng sanh cũng như vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu có người trong mỗi ngày xưng niệm danh hiệu công đức của Như Lai, người này có thể lìa khỏi sự tối tăm, lần lần sẽ đốt tiêu những phiền não. Người xưng hiệu Nam mô Phật thì ngữ nghiệp chẳng luống không. Ngữ nghiệp này gọi là cầm đuốc lửa có thể đốt tiêu phiền não. Nếu có người nào được nghe danh hiệu của chư Phật Như Lai, thì lìa khỏi các sự tối tăm, cùng với người xưng niệm kia đồng là nhơn của Niết bàn.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Phật vì những chúng sanh kính tin nơi Như Lai mà diệt trừ phiền não cho họ, nên rưới pháp vũ. Đây là

pháp chơn thật của Như Lai nói. Vì chơn thật nên không có chút pháp gì để khai thị diễn thuyết, mà nơi pháp này không thật không hư.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai là đấng Chơn Thật ngữ trụ nơi pháp chơn thật, có thể diễn thuyết môn đà la ni này. Pháp chơn thật đây, ai sẽ có thể hiểu rõ được? Chính là chư Bồ tát, những bậc đã thấy biết như thật, thấy biết đầy đủ, thực hành những điều lành. Ngoài những bậc này, người khác không hiểu rõ được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Phải nên tùy thuận nơi nghĩa này, tự phải chuyên niệm nơi pháp này, chẳng tin ưa nơi trí huệ phát sanh do người khác. Vì muốn đem sự lợi ích an vui cho chúng sanh, nên cần tùy thuận nơi pháp này. Nếu có trí nhãn tùy thuận pháp này, thì là chẳng an trụ trong tùy thuận. Những chúng sanh không học rộng, không có trí nhãn tùy thuận, thì chẳng rõ biết được giáo pháp này. Những người thực hành theo kiến chấp của ngoại đạo, đi trên con đường khác thẳng đến ác đạo, chẳng làm điều lành, gần gũi với những người thực hành hạnh nghiệp tà ngoại, thì không thể vào được pháp môn này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên quan sát: Nếu lúc có người diễn thuyết pháp tạng

quang minh vô ngại này, tất cả chúng sanh không học rộng chưa điều phục tâm phàm phu, thì cách xa giáo pháp này. Còn những chúng sanh có thể tu tập lấy tự thân, dầu chưa có trí nhãn tùy thuận, nhưng chẳng cách xa giáo pháp này. Huống là những người có trí nhãn vô lậu, không chấp trước, có thể chuyển pháp luân vô ngại. Vì những người này đều trụ bực vô ngại.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Phật vì thành tựu những chúng sanh có thiện căn, vì giá trị cho chúng sanh được tri kiến thanh tịnh đối với pháp vô ngại, cũng vì muốn đem sự lợi ích an vui cho tất cả, nên Phật diễn nói môn đà la ni này. Nếu người nào ngộ nhập được pháp môn này, nên biết người đó đã trụ bực Bồ tát, có thể mau chóng được Vô sanh pháp nhãn, sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Các ông phải có thắng giải đối với pháp môn thậm thâm này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên biết pháp môn này là chỗ ở của người không chấp trước, của trí Vô sở đắc. Những người ngày trước đã từng cúng dường chư Phật, chuyên cần tu tập thân khẩu ý, có trí huệ bình đẳng không trụ trước, khéo thọ trì pháp này chẳng tiếc thân mạng, thì có thể lưu truyền kinh điển này. Đời sau, nếu có chúng sanh vì muốn được nghe pháp này nên

chuyên cần tu tập, những người đây còn là khó có được, huống là những người có thể biên chép thọ trì, đọc tụng thông thuộc, khai thị tuyên thuyết. Những người đây chẳng bao lâu sẽ được môn thanh tịnh đà la ni, sớm được trí huệ thanh tịnh, sẽ được chứng nhập Như thuyết chủng trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem đức Như Lai vì chư Bồ tát cầu được Như thuyết chủng trí mà khai thị diễn thuyết pháp tạng này, nhưng trong đó không có chút pháp gì là chẳng diễn thuyết. Thuyết pháp như vậy là không thuyết mà thuyết, có thể sanh và có thể khai thị pháp môn thanh tịnh.

Tất cả pháp đồng như tướng hư không. Thế nào là đồng? Bởi tất cả pháp đồng với hư không, mà hư không này chẳng phải đồng chẳng phải không đồng; tất cả pháp cũng vậy, chẳng phải đồng chẳng phải không đồng. Như hư không vô biên, các pháp cũng vô biên. Biên bờ của tất cả pháp là bất khả đắc, vì bất khả đắc nên là vô biên. Nếu ở trong pháp đây trụ được như vậy thì gọi là trụ Như Lai pháp.

Trụ Như Lai pháp thì là vô sở thuyết. Nếu đã là vô sở thuyết, thì đối với tất cả pháp dùng danh tướng giả theo đó để rõ biết, chẳng nên sanh lòng

chấp trước. Nếu chẳng chấp trước thì chẳng đọa nơi biên. Nếu chẳng đọa nơi biên thì chẳng đọa nơi trung. Nếu đọa nơi biên thì tất đọa nơi trung. Do đây cần phải xa lìa nơi trung và biên. Nếu đã xa lìa được trung và biên, thì là xa lìa tất cả. Nếu xa lìa tất cả thì là vô sở thuyết. Do đây được trí huệ thanh tịnh, không thủ trước tất cả pháp; không sở thủ, không năng thủ. Vì các pháp là vô ngã, vì ngã vốn vô sở đắc, vì ngã tánh vốn không có tự tánh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Phật từng nói các hành pháp vô thường. Diễn thuyết như vậy là nghĩa không biến dị, là nghĩa chẳng tương ưng. Như Phật đã nói nghĩa khổ của các cõi. Diễn thuyết như vậy là nghĩa yếm ly, là nghĩa Niết bàn. Như Phật đã nói Niết bàn tịch tịnh. Diễn thuyết như vậy là nghĩa bỏ lìa tất cả pháp hữu vi. Hoặc vô thường, hoặc các khổ, hoặc vô ngã, hoặc Niết bàn, đây là những pháp môn của Như Lai diễn thuyết. Đây cũng là Như Lai khai thị bốn tánh tự tánh của tất cả pháp.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai dùng các thứ danh từ, các thứ ngữ ngôn, các thứ phương tiện mà tuyên thuyết các pháp. Như Lai cũng chẳng lập ra khác với bốn tánh của các pháp. Tánh chẳng phải một, tánh chẳng phải

khác, tất cả pháp cũng chẳng phải một chẳng phải khác, vì chẳng thể thấy, nên mau chứng vào tự tánh hư không thẳng đến tất cả pháp vô tướng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai vì chư Bồ tát bốn tánh thanh tịnh, tự tánh điều phục, nên phát khởi môn đà la ni này. Trên đây nói điều phục là nói điều phục tham sân si, điều phục vô minh, để được thẳng vào pháp tánh bình đẳng. Tham, sân, si cùng người điều phục đều bất khả đắc. Nếu là bất khả đắc chính đó là điều phục.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tham, sân, si đúng như lý tìm cầu cũng là bất khả đắc, bởi tham sân si rộng không, hư vọng chẳng thật; nó phỉnh lừa hàng ngu phu, chính nó không chỗ an trụ, cũng là bất khả đắc; nó từ hư vọng sanh, từ hư vọng diệt, bốn tánh Không tịch, cần phải biết như vậy.

Phải biết thế nào? Như nó chẳng sanh, thì là chẳng thật, cũng chẳng điên đảo. Tham, sân, si đây đều do vô minh hắc ám làm nguyên thủ, theo nơi đó mà sanh. Do theo nơi đó sanh nên tất cả đều là hư vọng chẳng thật. Tham, sân, si đây bốn tánh thanh tịnh. Người thấy biết như vậy thì có thể được môn thanh tịnh bất tư nghi và được môn đà la ni.

Người nào có thể ở trong pháp này khéo tư duy quán sát, thì gọi là được công hạnh đà la ni và được công hạnh trí huệ. Đây gọi là trí rõ biết bình đẳng, gọi là tư lương Bồ đề thanh tịnh, gọi là bực tinh tấn chẳng phóng dật, gọi là bực điều phục kiên mạn phóng dật, gọi là chẳng hư hoại giới hạnh oai nghi, gọi là thân ngữ ý thanh tịnh, gọi là tùy thuận trí vô ngã, gọi là hay dứt hay lìa tướng, gọi là xuất sanh vô lượng vô biên phương tiện thiện xảo.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên quan sát trong pháp tin hiểu xuất ly này có thể khai thị diễn thuyết bốn tánh tự tướng của tất cả pháp, có thể khai thị các pháp môn đây, có thể diễn thuyết tất cả pháp đồng tánh hư không. Người năng thuyết cũng là bất khả thuyết, người được vì thuyết pháp cũng là bất khả đắc.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Phật nói pháp môn ngộ nhập của chư Bồ tát đây. Nếu chư Bồ tát đã học pháp môn này rồi, thì có thể được trí huệ rất sâu như biển, tất cả ngoại luận không đê bẹp được, liền được công hạnh hướng đến Nhất thiết chủng trí, khéo diễn thuyết pháp yếu, được trí huệ bình đẳng bất tư nghi không do người khác. Do trí huệ nên không chấp trước, có thể diễn nói tất cả pháp môn không danh không

tướng này. Có thể được gần gũi Phật trí và Tự nhiên trí. Chỗ có danh hiệu đều được tất cả danh tướng thanh tịnh, mau chứng được âm thanh phổ biến, âm thanh duyệt ý, âm thanh thắng diệu, âm thanh thanh tịnh. Được các chúng sanh kính tin gần gũi thưa hỏi. Bồ tát này dùng trí huệ quyết định khéo giải đáp, lời nói phải thời, lời nói đúng lý, lời nói lợi ích, lời nói dịu dàng, lời nói nghĩa quyết định, dùng một nghĩa để diễn thuyết, có thể làm cho chúng sanh rõ biết nhiều nghĩa.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông nay nên quan sát chư Bồ tát đây, do tu hành pháp này mà có thể hiểu rõ Phật trí, được vô lượng công đức như vậy, dứt những tham ái sân nã ngu si, có thể làm xong những công hạnh nên làm được trí sai biệt, với tất cả chỗ đã khéo tu học, được trí nhẫn đầy đủ, chẳng thối thất ý chí thanh tịnh, đứng vững nơi đại nguyện, đối với chúng sanh dùng lời lành thăm hỏi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát ở trong pháp này đã chẳng siêng tu, hiện tại chẳng siêng tu, sau này cũng chẳng siêng tu, thì không dự được phần ít nào nơi công đức thù thắng của Như Lai. Nếu chư Bồ tát ở trong pháp này có thể siêng năng tu tập, có chí cầu tất cả, thì đúng như chỗ nguyện cầu, đúng như chỗ thực hành, đúng

như chỗ hướng đến, đúng như chỗ ưa thích, sẽ được đầy đủ. Nếu có Bồ tát ở trong pháp thậm thâm này có thể an trụ, có thể nhẫn thọ, khéo quan sát giản trạch, thì sẽ chứng được thần thông vô tận và trí đại thần thông, siêu quá tất cả trí thế gian, được Tự nhiên trí, Vô biên trí, Vô lượng trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn Xuất ly đà la ni này, nếu có người nào siêng tu học, thì sẽ được gần đạo tràng Bồ đề vì tất cả chúng sanh mà phát khởi tâm đại từ đại bi thực hành những Phật sự.

*

PHẨM XUẤT LY ĐÀ LA NI THỨ HAI

* Lúc bấy giờ, Vô Biên Trang Nghiêm bạch rằng: “Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp môn xuất ly đà la ni?”.

Phật nói:

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là pháp ấn xuất ly tất cả văn tự. Tất cả pháp đều nhiếp vào trong đây. Thế nào gọi là nhiếp vào? Vì là bình đẳng. Tất cả đều vào nơi bình đẳng, cũng chẳng thấy pháp nào vào nơi bình đẳng, chẳng thể rõ biết, vì là bất khả đắc.

Nơi tự tánh như thật của tất cả pháp, lúc chẳng phân biệt, thì tất cả pháp đều nhiếp vào trong đó, vì rời hữu tác và vô tác. Do các văn tự và ngữ nghiệp mà diễn thuyết các pháp. Hai thứ trên đây vì chẳng như thật, vì tánh bình đẳng nên tất cả văn tự và ngữ nghiệp thảy đều bình đẳng.

Ở trong các pháp, bao nhiêu ngôn thuyết đều chẳng phải như thật. Đây là cú nghĩa như thật của các pháp: Bao nhiêu văn từ và ngữ nghiệp đều là không có. Vì không có, nên không có chơn thật

* Hán bộ quyển thứ 6.

khai thị diễn thuyết. Văn tự và ngữ nghiệp không chơn thật đã nói đó, chính là câu vô sai biệt của các pháp, câu vô tăng thặng, câu vô kiến lập của các pháp.

Nơi pháp thậm thâm này, không thể tuyên thuyết. Tất cả pháp đều chẳng phải chơn thật, chẳng phải không chơn thật. Vì bốn tánh của tất cả pháp, chẳng phải dùng văn tự ngữ nghiệp tuyên thuyết mà có thể thấy, có thể được. Tất cả pháp đều không bốn tánh. Các pháp như vậy, chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác; chẳng phải đồng, chẳng phải không đồng; chẳng phải tịch tịnh, chẳng phải không tịch tịnh. Dầu vậy, nhưng các pháp cũng trụ nơi tịch tịnh và không tịch tịnh. Trong đây nói là trụ, cũng vẫn không chỗ trụ, cũng chẳng biến dị, lại cũng chẳng trụ nơi pháp chẳng biến dị. Vì sao vậy? Vì pháp vốn vô trụ, chẳng vào nơi toán số. Chẳng phải do toán số kiến lập ngôn giáo mà có thể làm cho các pháp vào nơi toán số.

Tất cả văn tự ngữ nghiệp diễn thuyết đều bất khả đắc, chẳng trụ nơi chỗ nào và tất cả chỗ nào. Văn tự và ngữ nghiệp như vậy, không từ đâu lại, đi không chỗ đến, chẳng trụ ở giữa, chẳng trụ một bên. Vì tất cả văn tự và ngữ nghiệp là nghiệp mà chẳng phải nghiệp, vì chẳng phải công dụng. Vì

nơi tất cả văn tự ngữ nghiệp, tự tánh là Không, nên văn tự ngữ nghiệp cũng đều là Không. Tự tánh đã Không, nên tha tánh cùng tự tha tánh cũng đều Không. Vì tự tha Không, nên nó tịch tịnh. Vì tịch tịnh nên nó tịch diệt. Nếu là tịch diệt, thì tất cả pháp chính là môn tịch diệt. Do đây nên được nói danh từ các pháp, hoặc nói văn tự, hoặc nói ngữ nghiệp. Tất cả môn đó cũng bất khả đắc, vì môn thanh tịnh, vì vô sở hữu.

Do các môn đó mà diễn thuyết các pháp, mà trong môn này rốt ráo thanh tịnh, có thể bình đẳng vào tất cả pháp. Đây là yêm ly. Thế nào là yêm ly? Chính là tham bốn tánh. Tham bốn tánh thì là thanh tịnh, đã thanh tịnh thì là cứu cánh, đã cứu cánh thì đâu được có tham, đâu được có ngôn thuyết!

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trên đây là lược nói môn thanh tịnh đà la ni, là pháp môn vô phân biệt, không hý luận. Vào môn này rồi, có thể phá chướng nặng vô minh hắc ám, có thể tùy thuận giác minh. Nơi tất cả pháp, được vào môn quang minh thanh tịnh pháp nhãn đà la ni. Và có thể chứng được pháp môn văn tự sai biệt diễn thuyết. Do môn này bèn được vào Nhứt thiết chủng trí và được gần chư Phật. Ở trong các pháp, là bực Dũng kiện có thể phá dẹp ngoại đạo, hàng phục

quân ma, có thể làm cho chúng sanh thêm lớn căn lành vào nơi pháp tạng bí mật của Như Lai, liền được các pháp môn, đà la ni môn. Do pháp môn này, ở trong mười trí lực, được pháp quang lớn, mau thành tựu trí lực của Như Lai.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Phật dùng mười trí lực làm sức mạnh, làm sức vô thượng siêu quá tất cả sức thế gian, có thể làm sư tử rống giữa Đại chúng. Những gì gọi là mười trí lực?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai dùng trí Vô thượng Nhứt thiết chủng nơi thị xứ phi xứ, rõ biết như thật thị xứ phi xứ. Đây là trí lực thứ nhứt của Như Lai. Do trí vô thượng này, Như Lai ở bậc Đại tiên vì chúng sanh diễn thuyết chánh pháp và vì họ chuyển pháp luân vô thượng.

Đức Như Lai lại dùng trí vô phân biệt rõ biết như thật các nghiệp quá khứ, hiện tại, vị lai và vô lượng hành tướng thiện bất thiện của nhơn mà nghiệp nhiếp thủ, không chướng ngại. Đây là trí lực thứ hai của Như Lai.

Đức Như Lai dùng trí Vô phân biệt Nhứt thiết chủng vô trước vô ngại, có thể khéo rõ biết vô lượng hành nghiệp của các loài hữu tình. Đây là trí lực thứ ba của Như Lai.

Đức Như Lai dùng trí Vô thượng Nhưt thiết chủng biết rõ như thật tất cả vô lượng thắng giải phân biệt và vọng phân biệt. Đây là trí lực thứ tư của Như Lai.

Đức Như Lai rõ biết như thật tất cả vô lượng nhơn, tất cả vô lượng duyên, chỗ y trụ của thế gian. Đây là trí lực thứ năm của Như Lai.

Đức Như Lai rõ biết như thật, hoặc nhơn, hoặc duyên, tri kiến thẳng đến đạo. Đây là trí lực thứ sáu của Như Lai.

Đức Như Lai dùng Thiên nhãn vô ngại rõ biết như thật sự sanh tử của hữu tình. Đây là trí lực thứ bảy của Như Lai.

Đức Như Lai rõ biết như thật tất cả tịnh lự, giải thoát, đấng trì, đấng chí, ly nhiễm thanh tịnh, hoặc xuất hoặc nhập. Đây là trí lực thứ tám của Như Lai.

Đức Như Lai rõ biết như thật tất cả đời trước. Đây là trí lực thứ chín của Như Lai.

Đức Như Lai rõ biết như thật lậu tận. Đây là trí lực thứ mười của Như Lai.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trí lực Nhưt thiết chủng vô lượng vô thượng như vậy, Như Lai đều thành tựu. Vì muốn cho chư Bồ tát và tất cả chúng sanh được nhiếp thọ nơi Phật trí và chúng

pháp trí thanh tịnh, nên Như Lai tuyên thị vô biên pháp tạng.

Này thiện nam tử! Nay ông nên quan sát Như Lai nói trí lực thậm thâm thanh tịnh khó hiểu như vậy. Tất cả các pháp gọi là Như Lai và trí lực của Như Lai. Nhưng nơi các pháp đó cũng là bất khả kiến và bất khả thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trí lực đã nói trên đây là pháp môn vô thượng cứu cánh kiên cố của Như Lai. An trụ nơi đó mà Như Lai tuyên thị lý thú của pháp này. Do lý thú đây mà kiến lập trí lực, nên có thể diễn thuyết tánh không kiến lập của tất cả pháp đây, dùng đó làm trí lực. Những trí lực như vậy không tánh sanh khởi, không tự tánh, lìa tự tánh. Mười trí lực của Như Lai viên mãn như vậy, có thể khai thị vô lượng vô biên nghĩa lý rất sâu.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là pháp môn vô thượng của chư Phật. Trụ pháp môn này thì có thể diễn thuyết mười trí lực của Như Lai và có thể diễn thuyết môn thanh tịnh, môn khắp thanh tịnh của trí lực này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Phật lại vì chư Bồ tát nói đà la ni, cho họ được thanh tịnh nơi pháp môn này. Ông nên lắng nghe và lãnh thọ.

Đức Phật liền nói đà la ni rằng: Đát điệt tha bát ra mâu chiết ninh - nễ mâu chiết ninh - mâu chiết ninh - tùy bát ra muộn chiết nễ - a chiết lê - a tỳ gia trạch nễ - bát ra bà nộ yết đế - đế thệ - ma ha đế thệ - a bát ra đễ gia - mạt ra ni - a na mạt ra ni - a mạt ra noa tỳ thú đạt nễ - nễ đà na bát ra phệ thiết nễ - đột ra a nễ khát tủng bát nễ - mạt ngu - mạt ngu tát phược lê - tát phược ra vĩ thú đàn nễ - mầu đạt ra - mầu đạt ra vĩ thú đàn nễ - tát bát rị phược lê - tam mạn đa bát lê phược lê - a yết ra nễ ma đễ - yết tha ta đàn nễ - tăng yết ra ni ma chế đàn nễ - thú lê - thú ra mị rị duệ - a cát ra ni - ô ba na mạt đễ - nễ na lê thiết nễ - tam mạn đa ba lê phỏ lý dã yết đế - đà la nễ yết đế - a nễ mê thiết nễ - a tán nễ mê thiết nễ - đà la ni yết đế - nễ đà na bát rị thú đàn nễ - a nễ đạt ra tỳ bà tử nễ - bạt trí lệ - bạt đạt ra phiệt đế - mạc di - mạc xí phiệt đễ - san đà ra ni - ô phiệt đà rị ni - a nan đa bát ra bá phệ - bát ra bộ đa bát rị phược lê - thiết nễ - bát rị ta thiết nễ - ma ha phược ca thế - a ca xả ta mâu tát ra ni - nhĩ đễ di ra ca ra ni - tát bà nhĩ bát thả tỳ thâm đạt nễ - niết bàn na bát thả san na rị thiết nễ - ta bà ha.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là pháp ấn đà la ni, tất cả pháp đều vào trong đó. Chư Bồ tát tu hành đúng theo đây thì được trí huệ biện

tài vô ngại, có thể khéo biết rõ câu xuất ly đà la ni tối thắng. Thế nào gọi là câu xuất ly đà la ni tối thắng?

Đức Phật liền nói đà la ni rằng: Tá yết ra á bát diển đa - tô mế rô ra đát na ta yết ra san nễ chiết gia - a tỳ đát nễ - a tam tỳ đát nễ - a tỳ mạt lê - bát chiết ra san nễ - niết bệ thiết nễ - a khát sô tỳ nễ - a tăng khát sô tỳ nễ - a khát sa gia - a tị dạ dĩ - khát sa gia a bát diển đế - a khát sử na khát sa diển đa tát điệt lý thế - a bát rị khát sa duệ - a tỳ khát sớ tị nễ - a tỳ yết lê - a tỳ yết la nhã na yết ra ni - ta bà ha.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là câu xuất ly đà la ni tối thắng. Chư Bồ tát tinh tấn tu tập pháp này, thì có thể thêm lớn trí huệ như biển, có thể dùng tâm đại từ an ủi chúng sanh rằng: Ta truyền thọ pháp được rộng lớn cho các người, phá trừ vô minh hắc ám của các người, dứt trừ phiền não sanh tử vô thủy vô chung của các người, cũng làm cho các người thoát khỏi tham ái, qua khỏi tất cả dòng sanh tử. Bồ tát làm pháp quang rộng lớn, làm cho căn lành của chúng sanh được sanh trưởng có thể rốt ráo giải thoát. Bồ tát này làm bậc đạo thủ khéo có thể vào nơi Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng để có một chúng sanh nào thối thất nơi trí vô thượng này. Bồ tát đây có thể dùng

tâm đại từ làm cho tất cả chúng sanh được tương ứng với pháp nghĩa mà từ trước chưa từng nghe và lãnh thọ, làm cho họ được trí vô sanh tịch diệt, được biện tài vô ngại.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát lúc muốn thuyết pháp, thì nên nhiếp niệm nơi câu đà la ni này làm cho pháp nghĩa chẳng gián đoạn. Nghĩa là chư Bồ tát ngồi tòa sư tử, dùng biện tài vô ngại suy gẫm vô lượng công đức của Như Lai, do đây trí huệ được rộng lớn thanh tịnh.

Lúc chúng sanh vân tập đến pháp hội để nghe pháp, Bồ tát đối với họ nên có lòng đại bi, dùng trí huệ rộng lớn khai thị nghĩa lý quyết định đúng như thật chẳng thêm chẳng bớt. Bồ tát biết rõ căn tánh của thính giả, dùng ngữ nghiệp rõ ràng quyết định lành tốt và câu văn từ ngữ vì họ mà diễn thuyết rộng rãi. Do sự diễn thuyết này có thể làm cho thiện căn của Bồ tát được tăng trưởng. Như Lai có thể dùng vô lượng thí dụ tuyên thị môn đà la ni như vậy. Các ông nếu có thể tuyên thuyết chánh pháp vô thượng như vậy, thì là an trụ nơi việc làm của Phật, các ông sẽ mau viên mãn bốn pháp vô úy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Bồ tát này dùng trí huệ phương tiện thanh tịnh rộng lớn có thể khéo tu tập những công hạnh phát khởi thần

thông, có thể nhiếp thọ trí huệ rộng lớn. Những gì là công hạnh phát khởi thần thông?

Chư Bồ tát an trụ trong thần thông không có tướng niệm nương gá, dường như hư không, khéo phân tích các đại chủng, biết rõ đức Như Lai thành tựu trí huệ vô ngại vô biên. Do sức trí huệ này, nơi tất cả pháp, đức Như Lai quyết định biết rõ không có chút pháp nào là có thể rõ biết, trụ nơi vô sở đắc, trụ nơi vô đẳng đẳng, cũng chẳng thấy có vô sở đắc vô đẳng đẳng, trụ a lan nhã, trụ không chấp trước, trụ trí huệ thanh tịnh, không có chút pháp nào mà chẳng biết rõ chẳng thấy rõ, xa lìa vô minh hắc ám, không bị chướng ngại, khéo an trụ nơi trí huệ vô lượng vô biên. Do đây đức Như Lai bình đẳng thấy biết tất cả pháp như huyền, như mộng và có thể khai thị pháp quán tướng vô minh. Vì thế nên Bồ tát các ông cần phải theo học trí huệ vô ngại của Như Lai. Trí huệ này có thể khéo rõ biết căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh, làm cho chư Bồ tát an trụ công hạnh bình đẳng phát khởi thần thông. Do đây được thành tựu thần thông. Do sức thần thông này gia trì nên khéo an trụ được nơi giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến cùng sáu môn ba la mật. Do được chơn thật gia trì nhiếp thọ nên có thể được vô lượng thần biến sai khác, được tự tại

nơi thế gian, ngồi tòa sư tử đánh trống pháp lớn, làm cho Đại chúng trong các pháp hội thấy đều hoan hỷ và làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sanh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ví như vòng núi Đại Thiết Vi do nghiệp lực tăng thượng của chúng sanh, nên bao quanh thế giới này. Nhờ vòng núi này che, nên chúng sanh không ngửi mùi địa ngục, không nghe tiếng địa ngục, không thấy địa ngục. Cũng vậy, chư Bồ tát khéo tu tập nơi pháp này rồi, vì chúng sanh mà trừ diệt tất cả pháp chướng ngại, trao cho tất cả pháp vô ngại. Chư Bồ tát đây dùng trí kim cương khéo nhiếp thọ, ngộ nhập rất sâu nơi pháp này, trụ nơi vô sở đắc được cam lồ rưới nhuần.

Thế nào gọi là cam lồ rưới nhuần?

Chư Bồ tát này không bị ma phiền não, ma ngũ uẩn và Thiên ma làm tổn hại. Dầu lúc chết có tử ma, nhưng cũng được tự tại chẳng có quan niệm là chết. Do Bồ tát này an trụ nơi Không, vô tướng, vô nguyện, vô phân biệt, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng trụ chẳng khởi, chẳng nhiễm chẳng tịnh, cũng chẳng khiếm nhược, vô ngại vô đắc, bỏ kiêu mạn, tâm thường khiêm hạ, trong lìa mê lầm, ngoài khéo rõ biết, không nhiếp thuộc nơi kiến văn giác tri, biết rõ

các pháp đều bình đẳng, chứng nhập như thật trong pháp của Như Lai, an trụ nơi chơn như chẳng hư vọng không biến dị. Chính đây gọi là chư Bồ tát chứng nhập Bát nhã ba la mật.

Bồ tát an trụ nơi đây thì thành tựu được vô biên trí huệ. Do sức trí huệ này có thể chứng nhập trí bất tư nghì và ngôn thuyết bí mật của Như Lai. Do đây có thể khéo rõ biết tất cả pháp, chỗ thấy biết chẳng thể nghĩ bàn, không phân biệt, không sở đắc, đồng như Bồ đề chẳng thể nghĩ bàn vô phân biệt, vô sở đắc. Bồ tát này cũng chẳng phân biệt, chẳng tưởng niệm đồng với Bồ đề. Trong nghĩa Bồ đề thường trụ, chẳng thành chẳng hoại, chẳng nhóm chẳng tan, mà có thể làm ra tất cả Phật sự. Nơi pháp môn tịch tịnh đã nói đây, Bồ tát chẳng chấp trước, cũng chẳng phân biệt những nghiệp quả báo, khéo rõ biết được nghiệp quả bình đẳng, vì bình đẳng nên chẳng thấy nghiệp quả, cũng chẳng phân biệt chấp trước. Vì chư Bồ tát này đã được nhẹ nhàng nơi phiền não và nghiệp chướng, đã xa lìa kiết sử, đã rõ thấu các pháp môn và thấy biết đà la ni này. Vì đã an trụ pháp môn thanh tịnh, nên chư Bồ tát này có thể đi giáo hóa mười phương thế giới, đủ hạnh thanh tịnh không trụ trước, chẳng bị thế pháp làm nhiễm

ô, đáng là phước điền cho trời, người, các thế gian gần gũi cúng dường.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai nói cúng dường bực Bát địa Bồ tát được vô lượng công đức, huống là Bồ tát tu hành chứng nhập nơi pháp này. Nếu chư Bồ tát đối với Bồ đề, với chúng sanh, với pháp chúng sanh, với pháp thế gian, mà không chỗ được, không phân biệt, không hý luận, thì có thể rõ biết pháp này và tu hành đúng thật, có thể tiêu được sự cúng dường rộng lớn của thế gian. Tất cả chúng sanh nên đem sự cúng dường Phật mà cúng dường chư Bồ tát này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát tu học pháp này, thì được đầy đủ tất cả sự cúng dường, lìa khỏi những sự bố úy nhân đến có thể rời bỏ tất cả thân mạng. Chư Bồ tát này nơi các pháp không chỗ nhiếp thọ mà có thể nhiếp thọ pháp rộng lớn, ngôi tòa vô úy, như sư tử rống hàng phục ngoại đạo và pháp của ngoại đạo, trừ dẹp ma vương Ba tuần và ma quân, có thể diệt trừ tất cả sự ngăn che cho chúng sanh, sẽ dùng pháp thuyền độ chúng sanh, sẽ chỉ bày con đường Nhưt thiết chủng trí cho chúng sanh, sẽ có thể đặt tất cả chúng sanh trên con đường tùy thuận Thánh đế, sẽ khai thị tất cả pháp Bồ đề phần cho chúng

sanh, sẽ dùng pháp thí dạy bảo chúng sanh, sẽ làm cho chúng sanh được pháp hỷ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát có thể tín thọ môn đà la ni này, thì không khác gì những bực đã được thọ ký Vô thượng Bồ đề. Chư Bồ tát này sẽ tự thọ ký cho mình: “N hư Lai là đấng Pháp Vương khai thị pháp tạng này, có thể an lành ấn đà la ni này, có thể kiến lập những pháp môn này. Đức Như Lai nhiếp thọ chúng tôi, là cha của chúng tôi, là người thương xót chúng tôi”.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu Bồ tát có thể ở nơi Như Lai có tâm quyết định tương là cha lành, thì sẽ được vào số chư Phật, như Phật không khác.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trong pháp phẩm đà la ni môn, đây là môn xuất ly đà la ni thứ hai, diễn thuyết pháp tạng của Như Lai.

*

PHẨM THANH TỊNH ĐÀ LA NI THỨ BA

Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn quan sát bốn phương hiện các thứ thần thông, dùng sức thần thông làm cho chư Bồ tát trong pháp hội được thấy vô lượng chư Phật ở mười phương và nghe chư Phật thuyết pháp. Phật bảo Vô Biên Trang Nghiêm Bồ tát rằng:

Ông xem nơi tất cả pháp, Như Lai vô tác vô vi tịch tịnh, mà làm được thần thông tự tại như vậy, trí lực vô úy như vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai tánh chẳng một chẳng khác, chẳng phải chẳng một chẳng khác, vì là vô sở hữu nên chẳng phải có chẳng phải không, không tự tánh chẳng phải không tự tánh, nên biết rằng Như Lai tánh nhân đến không có chút pháp gì là có thể được. Thấy biết như vậy lại cũng không có chút pháp gì là có thể thấy biết. Đã chẳng thể thấy thì là không chỗ có cũng không chỗ chấp lấy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai tánh không chơn thật không chẳng chơn thật. Nếu là chơn thật và chẳng chơn thật thì là có Như Lai tánh, không Như Lai tánh. Như Lai tánh là CÓ là KHÔNG, nhưng cũng chẳng từng là.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả các pháp, tự tánh bỗng tánh như hư không. Chư Phật Như Lai lúc chưa xuất thế, pháp môn như vậy chưa từng được diễn nói trong đời. Nơi pháp này, nếu chư Bồ tát hiểu rõ như vậy, thì có thể phát sanh vô lượng biện tài, có thể diễn thuyết các pháp, thấu rõ đức vô úy của Phật.

Đức vô úy nói trên, nghĩa là được đức vô úy tối thượng của Như Lai, vì có thể đối với các pháp chẳng nhiếp thọ, chẳng tăng trưởng, chẳng thể được, chẳng khắp được, chẳng theo được. Dầu đức Như Lai ra đời hay chẳng ra đời, pháp vẫn chẳng tăng giảm, chẳng khắp tăng giảm. Tự tánh bỗng tánh của các pháp vẫn thường trụ, là trụ nơi định tánh của pháp giới.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp trụ nơi định tánh của các pháp, vì bất khả đắc như vậy, nên tất cả pháp đều là hư vọng phân biệt, chẳng phải do nghiệp báo mà được thành, do đây nên có thể vào nơi môn Tất cả pháp không nghiệp báo. Vì các pháp không tự tánh như vậy, chẳng thật như vậy, nên các nghiệp đối với quả chẳng phải là như sanh diệt, nơi sự dứt trừ các thú các đạo cũng chẳng phải là như.

Đức Như Lai chỉ tùy theo thế tục, nói tất cả pháp có như có chẳng phải như, vì như tự tại,

vì không có nhọn, đây là đức vô úy của Như Lai. Vì Như Lai đầy đủ vô lượng biện tài nên được vào bực Đại Vô úy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Thế nào là vô úy? Chính là bốn pháp vô sở úy của Như Lai. Bốn pháp vô sở úy này, hàng Duyên giác còn không có được, huống là hàng Thanh văn cùng các thế gian. Những gì là bốn?

Một là, đức Như Lai xưng rằng: “Ta là Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, là bực biết tất cả, thấy tất cả”. Hoặ trời hoặ người, tất cả thế gian không ai có thể lập luận nói rằng: “Như Lai chẳng rõ biết được các pháp”. Do đây nên Như Lai được tối thượng vô úy, ở giữa Đại chúng như sư tử rống, Như Lai có thể diễn thuyết giáo pháp vô thượng rộng lớn rất sâu.

Hai là, Như Lai xưng rằng: “Ta là bực dứt sạch tất cả lậu phiền não”. Hoặ trời hoặ người, tất cả thế gian không ai có thể lập luận được rằng: “Như Lai chưa sạch hết các lậu”. Vì sạch hết các lậu, nên Như Lai có thể trụ nơi rốt ráo an lạc, khai thị pháp tạng vô thượng đã chứa nhóm từ vô lượng ức kiếp.

Ba là, Như Lai diễn thuyết đạo xuất ly, tu tập nơi đó, dứt hẳn tất cả khổ. Hoặ trời hoặ người,

tất cả thế gian không ai có thể lập luận được rằng: Nơi đạo diệt khổ của Như Lai nói, tu tập theo đó chẳng được xuất ly. Như Lai chẳng thấy tướng xuất ly nên được rốt ráo an lạc, rồi vì chúng sanh thị hiện pháp này, nên ở giữa chúng hội như sư tử rống.

Bốn là, Như Lai tuyên nói những pháp chương đạo. Hoặc trời hoặc người, tất cả thế gian không ai có thể lập luận được rằng: Pháp chương đạo của Như Lai nói là không chương. Vì chẳng thấy có pháp chương đạo nên Như Lai trụ nơi an lạc tăng thượng, Như Lai ở giữa Đại chúng như sư tử rống. Như Lai có thể chuyển pháp luân vô thượng này, tất cả thế gian, hoặc trời hoặc người đều không chuyển được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là bốn pháp vô sở úy của Như Lai. Chư Bồ tát tinh tấn tu học pháp này thì mau chứng được bậc vô úy, là bậc tối thắng trong người, trong trời.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Bồ tát vì khéo tu tập pháp Không, nên có thể phát sanh môn Biến thanh tịnh bất tư nghi. Do môn này, nơi tất cả pháp, chư Bồ tát tối sơ thấy rõ tất cả pháp đồng với tướng hư không, không hai không khác, tất cả pháp đều như vậy cả; nhưng với hư

không, chẳng phân biệt cũng chẳng hý luận. Chư Bồ tát này được nghĩa thiện xảo: không có chút pháp nào bị đem từ đâu lại, cũng chẳng đem đi đâu, cũng chẳng chứa nhóm. Do đây, Bồ tát bèn có thể quan sát tất cả pháp không chứa nhóm, không đến không đi; nơi tất cả pháp, làm mà không chỗ làm, thấp đước đại pháp, làm trí pháp cho các chúng sanh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem pháp này đem lại bao nhiêu là lợi ích, bao nhiêu là sự nghiệp cho chư Bồ tát! Chính là mười trí lực và bốn vô sở úy của Phật. Lại cũng không có chút pháp gì có thể được, cũng chẳng phải không được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp đồng với tướng hư không. Vì để được lợi ích nên Như Lai khai thị diễn thuyết những quả báo cùng nghiệp nhơn, trong đó cũng không có nghĩa lợi có thể được.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp thậm thâm này rất là khó tin đối với tất cả thế gian. Vì thế gian là diệt hoại, là hư vọng kiến lập, nên không thể tin thọ được pháp này và cũng chẳng biết được. Thế gian đều là phi pháp, do chấp trước nên nói có thế gian và chỗ an trụ. Giả sử nhĩn đến có quan niệm chấp nơi pháp, cũng không có pháp

để có thể chấp được. Do chấp trước nơi phi pháp, nên sanh ra sự tranh luận với Như Lai và pháp của Như Lai đã nói. Lại họ chẳng thể rõ tự tánh bản tánh của tất cả pháp, lại trái với các pháp vô sanh. Vì thế nên họ không hiểu được giáo pháp thậm thâm này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai vì tất cả trời, người, những hàng tin lời như thật, lời không hý luận mà khai thị diễn thuyết giáo pháp như vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trong đây đều không pháp thiện pháp bất thiện. Những pháp thiện, bất thiện thấy đều tịch tịnh. Pháp thiện, pháp bất thiện đều chẳng biết nhau. Pháp thiện pháp, bất thiện chẳng chối che nhau. Vì nhơn duyên chấp trước pháp thiện, pháp bất thiện nên Như Lai nói tất cả pháp thấy đều vô ký; vì không thể được pháp thiện pháp bất thiện chơn thật vậy. Nếu đã bất khả đắc thì là vô ký, vì trong đó không có nhơn, không thấy được nhơn.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay ông nên quan sát tất cả pháp thấy đều vô ký. Nếu có chư Bồ tát giác ngộ như vậy rồi thì đối với tất cả pháp, ngôn thuyết “vô ký” cũng là bất khả đắc.

Pháp môn như vậy là vì chư Bồ tát như thật thấy pháp bất thiện, được xả viên mãn, chẳng trụ

nơi pháp, do môn vô ký mà chúng nhập các pháp. Môn vô ký này vẫn là chẳng phải môn. Nếu là phi môn thì là bất khả đắc. Nếu đã bất khả đắc thì đó là thanh tịnh. Đây là chỗ chư Bồ tát vào pháp môn thanh tịnh đà la ni. Do môn này, chư Bồ tát được trí huệ chiếu suốt tất cả pháp, không còn ngu ám mê hoặc dụ dục đối với tất cả pháp và có thể được pháp trí vô ngại, huệ nhãn thanh tịnh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nơi trong pháp này phải nên cầu thích.

Thế nào là cầu thích? Nghĩa là với tất cả pháp, không lấy, không chấp, rốt ráo lìa bỏ, siêu quá nhiếp tàng, không mong cầu. Chẳng quán đãi tất cả pháp hữu vi thế gian thiện, bất thiện. Đây là bực bất phóng dật vô thượng, bực lìa phan duyên. Trong tất cả pháp, không đến không đi, không trụ, không kiến lập. Đây gọi là huệ nhãn thanh tịnh, vì rốt ráo bỏ lìa không chỗ chấp lấy. Khéo có thể quan sát bỏ lìa tất cả bốn tánh tự tánh thì gọi là huệ nhãn. Huệ nhãn trên đây là trí tánh yêm ly diệt tận. Trí tánh này vốn vô sanh, vô tác, bốn tánh tịch tịnh, lại cũng chẳng tương ưng với tịch tịnh, vì đã dứt tương ưng, lại cũng chẳng phải đoạn dứt, chẳng phải không đoạn dứt, không thiếu không giảm. Đây gọi là huệ nhãn thanh tịnh, là đạo không hý luận. Do thành tựu huệ nhãn này,

dùng từ bi nhiếp thọ chúng sanh, khiến họ phát tâm. Duyên nơi chúng sanh mà phát khởi vô lượng diệu hạnh và có thể hiểu rõ tất cả pháp không có ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Bồ tát này lúc chúng được Vô thượng Bồ đề, quyết định có thể khai thị diễn thuyết pháp tạng vô thượng và có thể thanh tịnh môn đà la ni, vì làm cho giáo pháp theo chủng tánh của chúng sanh không đoạn dứt nên thiết lập pháp ấn.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn thanh tịnh đà la ni này, chư Phật luôn nhiếp thọ khai thị diễn thuyết. Thập phương tam thế chư Phật cũng đều tuyên nói pháp môn này, vì chư Bồ tát mà khai thị pháp tạng tam thế bình đẳng. Do đây đối với các pháp trong ba đời có thể ngộ nhập pháp môn này, vì thành tựu huệ tổng trì tam thế thanh tịnh.

Chư Bồ tát này không có quan niệm thế gian, nơi pháp lành cùng pháp chẳng lành biết rõ không hai, không khác, các thiện căn được sanh trưởng, thân ngữ ý ba nghiệp thấy đều thanh tịnh. Có thể khắp thanh tịnh vô lượng pháp môn, vì để được huệ thanh tịnh tổng trì. Cũng có thể khai diễn giáo pháp thanh tịnh vô khởi vô tác. Lại có thể khai thị tất cả pháp rốt ráo Không tịch như hư không. Lại có thể thị hiện trí huệ rộng lớn mà vì

người khai thị trí thanh tịnh. Cũng có thể khai thị tất cả pháp và Bồ đề như tánh hư không, mà vì người thị hiện đạo Nhứt thiết chủng trí thanh tịnh. Lại có thể khai thị đạo pháp thanh tịnh, tức là tùy sở nguyện được viên mãn Bồ đề. Có thể rõ biết chơn chánh, diễn thuyết thật đế phương tiện thiện xảo, mà có thể tuyên thuyết đế lý vô phân biệt. Có thể khai thị trí huệ của chư Phật, vì tùy thuận giác ngộ tất cả nghĩa.

Nếu chư Bồ tát khéo tu học pháp này thì có thể mau thanh tịnh tư lương Bồ đề, được trụ nơi Bồ đề không có xa gần, chẳng trái với chút pháp gì. Với các pháp hiện nói đây, cũng chẳng thấy xa gần, chẳng dùng pháp và phi pháp để thấy Bồ đề. Đã thông đạt Bồ đề dứt tuyệt các sự hiển thị, có thể dùng nghĩa bình đẳng không hiển thị để biết rõ Bồ đề. Đến lúc quán nghĩa tịch tịnh của các pháp thì với Bồ đề chẳng phân biệt, cũng chẳng thấy nghĩa tịch tịnh, nghĩa chẳng tịch tịnh, chẳng phải ngoài tịch tịnh mà thấy chẳng tịch tịnh. Không có chút tưởng niệm là có năng quán năng kiến, có thể thấy thanh tịnh với tất cả chỗ, cũng không có chút gì có thể thanh tịnh. Đây là trí môn thanh tịnh của chư Bồ tát.

Do trí môn này, mà chư Bồ tát có thể tùy niệm môn đà la ni vô biên pháp tạng của chư Phật Như

Lai. Khấp biết được bốn tánh tự tánh của các loài hữu tình, khai thị diễn thuyết các pháp tạng cho hữu tình, có thể khấp thanh tịnh các nghiệp trí huệ, các nguyện cầu nơi Vô thượng Bồ đề, hiện bực Đẳng giác không thối chuyển, mau được tự tại đối với tất cả pháp, có thể tu tập đức đại từ đại bi của chư Phật. Pháp tạng thiện xảo của tất cả Như Lai đều hiện ra trước và có thể thị hiện vô lượng vô biên pháp quang rộng lớn, thân thường an trụ nơi trí cảnh của chư Phật.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Pháp môn vô lượng vô biên này chỉ cho những pháp nào?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Tất cả pháp: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Hư không, Thức giới đều vô lượng. Các hữu tình cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc đều vô lượng. Nhưng không có một chút hữu tình nào là khả đắc, khả tri, vì hữu tình là không. Thật vậy, hữu tình giới này là bất khả đắc, bất khả tri, vì giới là không. Vì thế nên các pháp đồng Niết bàn giới, thú nhập Niết bàn. Tất cả các pháp đồng hướng vào chỗ bất khả thuyết, vì nơi Niết bàn giới, không có chút phần nào là khả thuyết. Trong Niết bàn giới không chướng ngại, không che đậy, vì đã vĩnh viễn thanh tịnh chướng che vậy. Nên Niết bàn giới là thanh tịnh, là rất thanh tịnh. Niết bàn giới này, cũng chẳng phải giới, vì

xa lìa giới, vì không có giới, vì siêu quá giới, nhưng dùng tương tự mà phương tiện nói là giới.

Giới đã nói đó là an trụ phi giới và chẳng phải phi giới. Trong ngôn thuyết cũng không có giới, chỉ dùng ngữ ngôn để nói bày các pháp. Ngôn thuyết cùng người nói đều bất khả đắc, bất khả tri. Tất cả ngôn thuyết đều là chẳng phải ngôn thuyết. Tất cả ngôn thuyết như vậy, như tánh hư không, đồng vào hư không. Do đây nên địa giới, thủy giới nhãn đến hư không giới đều không thể ngôn thuyết, không lực dụng năng thuyết.

Thức giới đã nói đó, chỉ là dùng ngữ ngôn để thuyết bày các pháp, nhưng Thức giới đó, giới cũng chẳng phải giới, chẳng vào các giới, chẳng tương ưng với giới cũng chẳng phải chẳng tương ưng, từ hư không sanh vào nơi hư không. Thức giới như vậy chẳng ở trong, ngoài, chặng giữa. Tùy nhiếp thọ nơi phần hư không của nó mà hướng vào hư không, chẳng thể thi thiết, chẳng thể xem thấy. Nếu nó đã là chẳng thể thi thiết thì nó không chỗ làm, trừ có duyên tương ưng nói là có Thức giới.

Đây là pháp môn của Bồ tát chứng nhập. Tất cả pháp bốn tánh tự tánh như hư không. Bởi y nơi pháp giới mà khai thị diễn thuyết, nhưng cũng không có giới của các pháp, vì giới mà chẳng phải

giới, nên tất cả pháp như hư không. Do đây Như Lai nói tất cả pháp đều là hư không, vì khó được số lượng. Hiện bày tất cả pháp đều hư không tánh, vì bốn tánh của các pháp như hư không, chỉ là dùng ngữ ngôn khai thị diễn thuyết thôi!

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem chỗ diễn thuyết từ nơi trí Như Lai thanh tịnh dường ấy. Giáo pháp thanh tịnh như vậy, không pháp có thể sanh, cũng không pháp truyền thọ. Đây là trí không điên đảo của chư Bồ tát. Vì thế nên các ông cần phải cầu thích trí huệ không do người khác làm duyên, được vô phân biệt, chẳng thêm phân biệt và có thể thanh tịnh được pháp môn lý nghĩa bất khả thuyết, vì do pháp trí thanh tịnh vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Các loài phi điều đi nơi đâu?

- Bạch Thế Tôn! Loài phi điều bay đi nơi hư không.

- Này Vô Biên Trang Nghiêm! Hư không đi nơi đâu?

- Bạch Thế Tôn! Hư không chẳng đi đâu cả.

- Này Vô Biên Trang Nghiêm! Phải lắm! Tất cả pháp như hư không, không có chỗ đi. Pháp đi không chỗ đi đều bất khả đắc. Vì thế nên các

pháp không có chỗ đi, lại cũng chẳng đi. Bỏ tánh của các pháp không có đi, không có nói.

Vì muốn chư Bồ tát được trí hu không thanh tịnh, nên Như Lai chuyển pháp môn này. Đây là pháp môn vô biên quang minh, soi sáng cùng khắp vô lượng vô biên đường như hư không. Quang minh chiếu khắp đó cũng bất khả kiến. Chư Bồ tát được pháp môn này rồi thì có thể quan sát khắp mười phương thế giới và có thể liền thấy tất cả thế gian.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là cảnh giới sở tri của trí huệ Bồ tát, cảnh giới thông đạt của trí Bồ tát, chẳng phải cảnh giới của ngoại luận khác, vì họ không thể nói đến được.

Lý nghĩa của pháp này là bất khả thuyết, vì pháp ấn ngữ ngôn không thể hiển thị được. Vì thế nên tất cả pháp không ấn, cũng chẳng tăng ấn, vì rõ biết chẳng ấn mà khéo léo tu tập. Dùng ấn Hư không mà ấn tất cả pháp. Dùng ấn vô tướng có thể thị hiện hư không vô tướng kia không tướng hữu vi, không tướng ngữ ngôn. Do vì KHÔNG-VÔ nên gọi là hư không. Gọi là hư không vì hư không đã nói đó không có thật thể nên nói là Không. Cứ nơi chơn thắng nghĩa, nên biết các pháp rốt ráo là vô ngôn thuyết.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay đây Như Lai sẽ nói đà la ni ân: Những câu hay thanh tịnh, là những câu hư không. Vì trí thanh tịnh, nên như hư không không có câu, không có câu nên thanh tịnh. Nên phải rõ không có các câu như vậy.

Đức Phật liền nói chú rằng: Tỳ phiệt lê - tỳ phiệt ra nồ ta hê đế - bát ra nồ nễ - nễ san nã vĩ phiệt ra ni - a tỳ dạ phiệt ca san nại thiết nễ - bát ra bá lê - bát ra bá ra nhĩ thân đạt nễ - niết tỳ yết bệ - a cá xa tam ma phiệt bà ra ni - nễ tỉnh nghê - tỉnh giả ba yết đễ - tỉnh giá tỳ mâu chiết nễ - a nã đà nễ - a đá năng tỳ yết đế - cương khát sa xiết na bát rị yết ma - át chế nê - a nồ bát xiết nê - a tam minh - a ta ma ta mê - địa tỳ da nhĩ năng a ha la ninh - bát ra nhương chước sô tỳ thân đà nễ - thiết lê da bá na da nễ - địa dụng kỳ ô đất ra ni - a dụ kê - a tỳ dụ kê - a tam bát ra dụ kê - a tỳ bát ra dụ kê - a hột ra bát đà niết hạ lê - niết đề xa bát đà tỳ thân đạt nễ - a đễ đa na yết đa bát ra đễ du bát na tỳ thân đạt nễ - ngật rị đa bát rị yết ma tỳ nễ đế - năng đa ra tha nồ yết đế - a tăng yết ra minh - a ngật ra bát đà tỳ thân đạt nễ - bát đà bát ra bệ đà nhương na tỳ thân đạt nễ - niết bá tư - á bá ta tỳ thân đạt nễ - tam mạn đa nại xa địa xa tỳ da phiệt lư yết ninh - nhĩ ra ngược bát đà niết ha lê - bát ra nhĩ nhĩ thân địa - ô bá ta a bát ra minh ca ra ni - a

cự la ba đạt ma nại rị thiết na nhĩ thân đạt nễ - bộ đá át ra tha san nại rị thiết nễ - a nô mạo đà át tha nhĩ thân đản nễ - ta kiệt ra chất đa nô bát ra phệ thể - mé rô bát rị tăng tát tha ninh - ra thấp nhĩ bát ra đa bát nễ - tát bà lộ ca địa bát đế đa nương nang vĩ thân đản nễ - a bát ra đế cát đa - a tăng già nương na nại rị thiết ninh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là ấn đà la ni, những câu hay thanh tịnh diễn thuyết hư không. Những câu phần đoạn đều không có phần đoạn. Vì không phần đoạn, nên trong đó không có câu, không có câu thanh tịnh, vì tất cả pháp vẫn là thanh tịnh. Vì người phát tâm Đại thừa mong cầu pháp thanh tịnh thậm thâm, do vì thần lực Như Lai gia trì, nên những câu chú này được lưu bố.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu người phát tâm muốn hiện tiền chứng đại Bồ đề, muốn làm lợi ích cho chúng sanh, thì nơi những câu thần chú này, dầu chưa từng nghe nhưng cũng hiểu rõ được, hoặc có trời Tịnh Cư, hoặc chư Thiên thần thọ trì thần chú này, sẽ đem truyền thọ cho người đó. Nếu có người phát tâm Vô thượng Bồ đề, chư Thiên thọ trì thần chú này cũng đem truyền dạy lại người đó.

Đức Như Lai liền nói thần chú rằng: Ô ba tăng hà lê - ta hà lê - hột rị - thất rị địa rị đế nhĩ thân

đản nễ - yết lượng năng át tha niết đê siểm bát ra
 đê bá đê - chất đa mặt nỗ nhĩ nhưng na nhĩ thân
 đản nễ - a địa da đát ma ma tứ át đà bát rị thân
 đản nễ - yết đê tử mặt lý đê mặt đê - a cát ra nễ
 cấp đa - cấp đa bát đê - tát lê - tát ra phiệt đê.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Các vị Thiên thần ở trong núi Tuyết, nếu được thần lực của Như Lai gia trì, họ có thể truyền thọ pháp quang cho những người thuyết pháp.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Mặt đê nhĩ thân đản nễ - tô dục đa mị rị duệ- a kiệt ra tứ đa bát đà niết hà rị - a chỉ lã tử nễ - a nhĩ lã tử nễ - uất tha năng tam bán ninh - nhĩ nễ đa tam ma na bát nễ - mặt đê a yết la nô nghịệt đê.

* Này Vô Biên Trang Nghiêm! Chư Thiên thần ở núi Kê La Ta, có thể làm cho người thuyết pháp được sáu căn thanh tịnh, giúp ngữ nghiệp người thuyết pháp được tương tục không gián đoạn.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Bát ra đa bát đát đê - phệ rô chiết na phiệt đê - một đà mặt đê - phược tô mặt đê - đạt ma mặt đê - át tam bát ra mưu sa phiệt đê - việt bá san nại rị thiết năng phiệt đê - ô ba tăng hà ra niết đê xa phiệt đê.

* Hán bộ quyển thứ 7.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Các vị Thiên thần ở rừng Ta La, có thể làm cho thân ngữ ý nghiệp của những người thuyết pháp đều thanh tịnh, làm cho tiếng tăm trong suốt, thanh tao, khả ái và có thể truyền cho lời ái ngữ, lời hòa thuận.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Niết ra lam ba a nghiệt ra yết lê - khát sái ma tỳ chế duệ - niết bá ta phiệt đễ - niết hà ra phiệt đễ - ô xà phiệt đễ - ô ba năng danh đễ - ô ba tăng hà ra yết ra ni - a vĩ xả tha - y hà đà ra ni mục khô - đạt ma mục khô - đạt ma ba tra lê.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Có các vị Thiên thần ở phía Nam núi Tuyết trợ thêm sức lực cho những người thuyết pháp, những người siêng tu hành pháp này, những người mong cầu pháp này, những người ưa thích pháp này.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Yết rị da năng át tha vi tác nhã nễ - kiêu xa rị da nô nghiệt đế - ô bá da tăng ngật rị tứ đế - vi ninh mục đế - phiến đa bát na vi tác ra nễ - ô bá ta da xa phiệt đễ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Có các vị thiên thần ở bờ đại hải, vì nghe pháp nên làm cho các pháp sư được an lạc. Đức Như Lai vì muốn lợi ích cho họ nên nói câu thần chú này. Thiên Đế Thích cũng có thể truyền cho họ những câu thần

chú này. Thần chú đây là những câu có thể nhiếp
Đế Thích v.v...

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Ma khí bát
đề - ma tô mãng đề - nê bả a ra nhã - xá chí bát đề
- tát bà a tô ra năng - niết ra già đa nễ - mặt nhi
sái dã - tố bát ra đề sắc sĩ đa - bát ra mãng a ra na
nỗ tử - a tố ra nãm - nê phược nãm a địa bát thâm -
tát nã - bố ra tất ngật rị đồ tứ niết - nê vi tứ thử bả
tê - phược ta phược tát na - bố lãng nại ra - đô -
đa bệ tứ - a tố ra tát na - đọa nặc a khát lâm - đa
phược bát thi chủy - vi đồ dụng tứ đa - ma ha tố
ra - a tố lệ na ra bát ra diễn đề - tị đa đa ra tát đa -
na la địa thâm địa xa - na mãng bột đà tứ dã - dĩ át
đề sử duệ - năng ma ngúc đa ra - ma ha dã xá - nê
phược a tố ra tứ danh - tăng nghiệt ra danh - bột
đà nhiếp đà - a nậu đa la - thất ra mặt tư - nê
phược vi thệ da - na ma bột đà đề năng mãng tư -
tán yết ra ma xiển na tư mặt nãm - bột đà nang
danh năng phược tứ đa - vi thệ duệ tố - đa đa nê
phược - a tố ra thất giả - vi ninh đa phạm - ngật lý
đa đế - ra khát sa nê phược nãm - ma nỗ sa nãm -
ra khát sa vĩ na - duệ ế ha - đạt ma nễ nê thế - ô
đa lang đề - tô bát ra đề sắc sĩ đa - ninh ngật lý tứ
đa - đa phược dạ a tố ra - a ra khứ sái ta dục xoa
khẩn na ra - năng già curu bàn tra bộ đa đa nễ - tỳ
xá giá na năng ra đa tha - a giả la tất thả năng -

bát ra bát đô tứ - ấn na ra ấn na ra - bố ra tất ngật
 lý đa - a để nghiêm tỳ ra - phiến thể giả - a nghiệt
 ra bố lộ sa - tế vĩ nang - bát ra nương mạn đô tứ
 - nê mặt na ra - bột địa ma đa tha vi thứ lộ đa - a
 mặt xả ê ha - tô đa ra tứ thị - a ra khát sa mặt na
 tứ đa - ta ha tát ra nê đa ra - tổ mục khô am bá ta
 lệ - bát rị phược lý đa - ô ba muộn nương tát
 phược cam yết nang - bố ra mê tứ đồ tứ danh - giả
 ngật rị đảm - a để bát thi giá - a nỗ bát ra một đa -
 a giả ra tổ bát rị để sắc sĩ đa - ngật lý chiêm tứ -
 cứ xá lam bố ra mê - ma nộ thế số - mang tứ bát
 để - bố ra phược hư mâu tứ - nê phược năm - bố
 thế ấn để - đáp phược mang nộ sá - bột đà tứ dã
 ngật rị đặc phược - tát đặc ca lam - bố xà bệ sát để
 - để mạc hô - ma ha phược mãng ninh - vi giả lam
 bá phược nam giả - tổ thứ bá để - nê phược lai dã
 tứ - mãng địa dã tứ thị - dã khứ số tứ bá lý phược
 lý đồ - bát ra lam ma - ha rị ma hồng giả - đa
 phược tứ ca - vi xá na a ngật ra phược tứ - ta đa
 để ma để - tổ ra đa bát ra để - ta ra đa ta đa tha -
 bát ra bộ tát kiến đà - a nỗ ra giả mãng ra giả - ma
 ha ma nghê - ma ha tát kiến đà - ma ha kê đô - tổ
 bát ra địa giả - ma ha ma ra - ế để dục xoa - ma
 ha để nặc - a ra khát sần để bá phược nam đa
 phược - ma hộ dục xoa bát rị phược lộ - duệ na
 thân bá tứ phược ta phược - ma tổ tát phược

phược tổ đễ nặc - ma ha đế nặc ma ha ngưỡng nễ
 - ma ha bát ra ha ra nộ chế phược - a vĩ tứ ta na
 gia đa thế phược giả - tổ danh rô mộ ra đà nễ - đa
 phược phược ta phược - tát phược nê phược - bố
 ra tất ngật rị đễ - thứ bà đễ - bà phược nẳng ô bà
 ta - bát ra ma muộn giả tứ - đễ nặc ta.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Thần chú này là những câu có thể nhiếp Thiên Đế v.v... Nếu chư Bồ tát hướng đến Bồ đề, sau đó vì nhiếp thọ chúng sanh mà an trụ trong nhiếp pháp, do thần chú trên đây nên sẽ được Thiên Đế Thích v.v... truyền thọ các câu thần chú.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Gì là những câu có thể nhiếp lấy Tứ Thiên Vương và các quyền thuộc?

Đức Phật liền nói kệ rằng:

Dạ xoa không giận nảo

Người tu tập pháp này

Đa Văn vương, thái tử

Cha con đều cung kính.

San xà da, Dạ xoa

Các đoàn quân lữ mạnh

Thường ủng hộ những người

Nơi pháp này ưa thích.

Trì Quốc đại thần vương
Hằng đem quyền thuộc theo
Thường ủng hộ những người
Khéo diễn thuyết pháp này.
Quyền thuộc thần Xú Mục
Tự mình và quân chúng
Tất cả sẽ ủng hộ
Người tu tập Kinh này.
Tăng Trưởng Đại Thiên vương
Quyền thuộc và quân lữ
Đều thường theo vệ hộ
Người ưa thích pháp này.
Thần La sát Tràng Phan,
La sát Đại Tràng Lục
Đều ở tại phương Đông
Nhiếp vào câu chú này
Tự mình và quyền thuộc
Thường gần gũi thủ hộ
Người đọc tụng thọ trì
Pháp môn thậm thâm này.
Thần Hề Ly Mạt Đễ
Lam Bà, Tỳ Yết Giá
Và thần Tất Đà Đa

Đồng ở tại phương Nam
 Hầu hạ Thiên Đế Thích
 Đều nhiếp trong chú này
 Thường giúp thêm tinh lực
 Cho người trí thuyết pháp.
 Và các thần La sát
 Kiếm Ly Tam Mật Đa
 Cùng Già La Hộ Sí
 Với thần Mật Thất Đa
 Đồng ở tại phương Tây
 Thần chú này nhiếp đến
 Tất cả thường ủng hộ
 Người thuyết pháp rõ nghĩa.
 Và các thần La sát
 Thật Đế, Hữu Thật Đế
 Tin sâu nơi pháp này
 Đồng ở tại Bắc phương,
 Vì muốn họ ủng hộ
 Phật nhiếp họ vào đây,
 Do oai lực Như Lai
 Đều chấp tay mà đứng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là những câu có thể nhiếp Tứ Thiên Vương, các quyền thuộc và hàng thị tòng.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Tán ninh vi xá nễ - ma ha tát lê - ma ha yết nễ - ma ha yết nhã nễ - bát ra bộ đa vi thệ duệ - đà phược xả a nghiệt ra - ô bá phược tác nễ - a nễ lã tế năng đô ta ha - năng năng phiệt nang nại xa nễ xá - chiết đỏa rị lộ ca bá ra nễ - đồ tứ minh ra nhã năng ô chiết tha - a phê thiết na - y ha tát mạn phược ha ra thá - vật ra thệ ninh tiết ra ha - tát mê chiết đột địa xá.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Những câu gì có thể hàng phục ma Ba Tuần? Ông nên lắng nghe nghĩ kỹ.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Mật đề lệ - mật đa ra phược đề - ca lộ ninh - ca lộ năng phược đề - vi bộ đề - vi bộ đa phược đề - bát ra mâu chiết nễ - bát ra mâu chiết năng phược đề - ngật rị đa ngật rị đa phược đề - a nô nghinh danh - a nô nghinh mãng phược đề - ô bá đa xiết na nễ - già ma vi phược nhượng nễ - đế rị sắc năng ta mâu châu sát nễ - nễ tiết rị tứ đa mang ra phược lam - ôn đa ra nang phược đề - bát ra đề dữ đa ra phược đề - ô bế khứ sa nô ta tứ đế a lam ma nang vi thâm đà nễ - ninh na ra xá năng - a tam mộ ha nễ - nễ sắc tra bát ra bán giả ninh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là những câu chú hàng phục ma Ba Tuần. Do những câu chú này, Thiên ma và ma quân không được dịp dễ.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Gì là những câu có thể nhiếp Đại Phạm Thiên? Ông lắng nghe và nghĩ kỹ.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: A địa bát đề - ma ha tát tha năng phiệt đề - ta phược viêm ngật rị đa - tát tha năng danh đề - năng năng ma hộ vi vĩ đà - bát ra đề dữ bá tát tha năng già la năng - a địa già tát tha năng bát đề - thứ đà tát tha năng tiết đồ - ta hàm bát đề - a địa yết lãng đa - vi thứ đà năng - thứ bà bát rị - bát ra thứ bá địa mục đa - bát ra bột đa thất rị đa - nễ phược ta nang - bát ra bộ đa - bát ra bá - nễ tiết ra khê đa giá ma - ta phược tát đề già ma - bát ra đề dữ bá tát tha năng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là những câu có thể nhiếp Đại Phạm Thiên. Do thần chú này, Đại Phạm Thiên có thể truyền thọ cho những người thuyết pháp các văn cú Phạm hạnh thanh tịnh viên mãn.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Gì là những câu pháp quang của Tịnh Cư Thiên? Ông lắng nghe và nghĩ nhớ kỹ.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Vi thân đà năng phược đề - án đề ma già rô nễ - già ma ma phược - ô ta đả nễ - bát ra niết danh đa nễ - bát rị diển đa - bát ra đề dữ ba tát tha năng bát gia -

phược ta năng - a lại da vi thân đà nễ - a nương
bát diễn đa già ra nễ - án để ma nễ xá - bát ra để
dữ bá tất tha ninh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Do thần chú
này, chư Thiên cõi trời Tịnh Cư có thể truyền thọ
những pháp tạng của Như Lai cho chư Bồ tát.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Với các vị Thiên
vương, Nhơn vương, A tu la vương, Ca lâu la
vương, Long vương, hoặc những hàng quý thần
oai đức lớn, hoặc oai đức nhỏ, không luận tin hay
chẳng tin, Như Lai đều truyền thọ câu đà la ni,
làm cho những người đã tin được thêm lớn lòng
tin đối với pháp này, những kẻ không tin thì mặc
nhiên bỏ đó, chẳng cho họ nói năng cãi cọ. Lúc
diễn thuyết pháp này, nếu có ai đến làm chướng
nạn, do thần chú này thì đều hàng phục. Trong
đây gì là những câu thần chú có thể nhiếp thủ
người có lòng tin?

Đức Phật liền nói chú rằng: Ngu rô nã lê - a
giả bát lệ - ta phược tỳ niết ha ra - cú mặt nê - niết
nương năng bát ra để vi rô dị ninh - chỉ đa san
giả năng nễ - chỉ đa bát rị yết danh - chỉ đa tam
bát ra ta nã nễ - ma năng tứ dã - ha rị sái già ra nễ
- vi nương năng tứ dã - a nô ta phược để - a nô
đạt ma nô bế khứ sái ninh - tứ đô san na rị xá nễ -

đa tha a khứ sát ra bát na - niết nê xá - thân địa đa
 phược đê - dã tha tiết đa - dã tha nỗ cú lộ bá ma -
 ô bá mãng niết nê hiệp - vi thứ địa đa - đất đa ra
 già lệ - năng giả yết đáp vi diêm - tam bát ra ta na
 át tha đồ ta ma - dã tha nỗ cú lại giả mục khô - ô
 ba tăng hạ ra dụ nễ xá - a xá da tứ dã - vi thứ địa
 gia - dã tha thứ địa đê - la khứ sái năng la khứ sái
 nễ - la khứ sái năng phược đê - la khứ sái nang vi
 thân đà nễ - bát ra đê phệ đà át tha - san na rị xá
 nễ - cú xá ra mạo tha tác mê ha - bát ra vi giả duệ
 - ta ma ta ra nễ - ngật rị đa nỗ a ra khứ sử - tát đê
 dã át thế - tát đê dã năm - tổ vi thân địa đế.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Trên đây là những câu nhiếp thủ người có lòng tin thanh tịnh và cũng có thể truyền trao nghĩa lành cho pháp sư diễn thuyết pháp này. Như Lai lại nói những câu nhiếp phục người chẳng tin.

Đức Phật liền nói thân chú rằng: Khứ sái mê -
 khứ sái ma phược đê - mê đa ra bát rị yết ma - bát
 ra đê giữ ba ta tha ninh - già lộ nang bát ra đê lã ta
 - tứ đa nỗ kiêm ba - tán nặc năng nễ - tăng yết ra
 ha phược tát đồ - tứ đa phược tát đồ - tán na ra xá
 nễ - bát rị phược nặc nễ gia - phược nặc nễ - ky
 ba dương đa ra - tế phược nễ - năng đất đa ra nê
 thế tát tha đáp vi gia - dã đa ra vĩ yết ra ha phược
 đê nỗ - tát ma tiết lãng đà - bát ra na lã nễ - ô ba

giá ra san na rị xá nễ - nễ xá ra dạ vi thứ đà nễ - a
đà ma nô già danh - bát ra ô ba tăng ha la nễ - niết
danh đa nễ - a nô ra khứ sa - bát ra để giữ ba ta
tha ninh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là những
câu điều phục người bất tín, chẳng cho họ tạo
những lỗi ác, bằng không họ còn ganh ghét pháp
lành, hưởng là đối với pháp vô thượng này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai thấy
chúng sanh, những kẻ không có lòng tin thanh
tịnh, hoặc muốn tranh đấu, hoặc muốn tổn hại,
hoặc muốn náo loạn, mà họ đến gần Như Lai.
Như Lai liền biết tâm niệm của họ, theo cơ của
mỗi người, Như Lai dùng các pháp môn làm cho
họ được giác ngộ, cho họ hết những ý nghĩ chẳng
lành mà phát khởi các căn lành.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai an trụ
trong mười tám pháp bất cộng, có thể khéo rõ biết
tâm hạnh của chúng sanh và rõ biết những
phương pháp để nhiếp độ. Những gì là mười tám
pháp bất cộng của Phật?

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Từ lúc thị hiện
chúng Vô thượng Bồ đề nhân đến nhập vô dư
Niết bàn, trong thời gian đó đức Như Lai trọn
không lầm lỗi, không lời sớt bạo, không quên

mất, không có chẳng trạch xả, không các thứ tướng, không tâm chẳng định, tinh tấn bất thối, niệm bất thối, chí nguyện bất thối, đẳng trì bất thối, huệ bất thối, giải thoát bất thối, giải thoát tri kiến bất thối, tất cả thân nghiệp hành động theo trí huệ, tất cả ngữ nghiệp nói năng theo trí huệ, tất cả ý nghiệp là trí huệ, tri kiến về quá khứ, hiện tại và vị lai đều không trụ trước, không chướng ngại.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Vì Như Lai thành tựu mười tám pháp bất cộng này nên vô lượng tri kiến thấy đều thành tựu, có thể khai thị diễn thuyết pháp môn thanh tịnh đà la ni này. Làm cho những hữu tình bất tín sanh lòng tin thanh tịnh. Làm cho người đã tin được trí thanh tịnh nơi pháp môn này.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Theo chỗ ưa thích, Như Lai dùng các thứ ngôn ngữ để phân biệt giải thuyết môn đà la ni này, nhưng chẳng thể nói được một phần trăm về lý nghĩa dứt nghi của môn đà la ni này, nhân đến trăm ngàn muôn ức phần cũng chẳng nói được một. Vì pháp môn này là môn vô lượng, là môn bất tư nghi, vì môn này có thể được Nhứt thiết chủng trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nay Như Lai dùng vô lượng danh ngôn vì các ông mà khai thị

diễn thuyết pháp môn này, muốn cho các ông rõ biết khắp vô lượng pháp môn, được đà la ni.

Đức Phật liền nói thần chú rằng: Đát điệt tha a rị duệ - a rị gia phược đề - a rị gia nỗ yết đề - nỗ đà ninh - nỗ đà năng phược đề - phược đồ bát đa danh - phược ra đồ ky xiết nã già la nỗ - a già xá vi thâm đà nỗ - a nỗ khứ sát ky nỗ - a ninh khứ sát ky nỗ - a vi tiết đa bát ra danh - a nỗ bá tiết đề nỗ - niết bạn năng bát tha vi thâm đà nỗ - vi gia ba nỗ khứ sử bát đề - a nỗ bá na - ninh lộ đà bá ra danh - tát phược nhưng niết bạn năng - ninh ba ra xá ninh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là ấn đà la ni, câu có thể thanh tịnh, câu danh thuyết đặc dị. Do thọ trì pháp môn đà la ni này, dùng công dụng ít mà có thể chứng Bồ tát vị, được sai biệt diệu trí và gần đại bi. Do rõ biết nghĩa nên chứng ngộ được Nhứt thiết pháp trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Câu đà la ni này là đại lương dược vì có thể phá trừ được các trọng bệnh. Lại có thể trừ diệt vô minh vô trí, những chướng rất tối tăm. Thuận với minh pháp mà chuyển viên mãn.

Thuận minh pháp gì mà chuyển viên mãn? Nghĩa là vì thuận với minh pháp nên trí viên mãn, mà có thể hiện tiền chứng được trí Túc

mạng mình. Vì thuận với mình pháp nên trí thiện xảo, mà được trí Thiên nhãn mình. Vì tùy thuận mình pháp nên xa lìa các phiền não, mà hiện tiền chứng được trí Lưu tận mình. Do đây lại có thể thành tựu tất cả môn ba la mật nhân đến Nhất thiết chủng trí.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Ông xem Như Lai có thể khéo thuyết pháp rộng lớn như vậy, khéo viên mãn những phương tiện thiện xảo như vậy.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Như Lai thành tựu đại trí như vậy có thể khéo trụ nơi Nhất thiết chủng trí, thập lực, tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng. Đây là bảo tạng vô thượng kết tinh của những căn lành đã tu từ vô lượng vô số ức kiếp. Do đó nên khéo an trụ được nơi những pháp môn này. Nay Như Lai vì các ông khai thị diễn thuyết pháp môn thanh tịnh đà la ni này, để được thành thực Phật Pháp.

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn những người phát tâm cầu đến đại Bồ đề, mà muốn tu học theo Phật, muốn ủng hộ Phật pháp, muốn thọ trì vô lượng pháp tạng của Phật, đối với pháp này phải siêng tu tập chẳng phóng dật, chẳng tham trước nơi ba cõi, phải khéo gia trì Nhất thiết trí,

khéo tu tập những phương tiện thanh tịnh nơi sắc thọ tướng hành thức, với Thật đế, siêng tu tập thanh tịnh, trong các pháp, phải thích cầu trí huệ thanh tịnh.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Vì nội tâm thanh tịnh nên tất cả pháp thanh tịnh, vì nội tâm thanh tịnh nên tất cả pháp tịch tịnh, vì nội tâm tịch diệt nên tất cả pháp tịch diệt, vì nội tâm vô sở thủ nên tất cả pháp vô sở thủ, vì nội tâm bất trụ nên các pháp bất trụ, vì nội tâm diệt nên tất cả pháp diệt, vì nội tâm vô sở tác nên tất cả pháp vô sở tác, vì nội tâm không đến không đi nên tất cả pháp cũng không đến không đi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Những pháp môn đây làm cho chư Bồ tát nội tâm được thanh tịnh. Vì bốn tánh tất cả pháp là vô phân biệt nên nội tâm cũng chẳng khởi phân biệt. Nhưng có thể thọ trì môn thanh tịnh đà la ni, rời bỏ tham lam, sân khuê, cống cao. Được chư Phật khen ngợi, làm pháp chủ vô thượng tối thắng của chúng sanh. Sẽ có thể chứng đặng trí thanh tịnh vô ngại biện tài và có thể chứng được Vô sanh pháp nhẫn, có thể thanh tịnh các nguyện hạnh, có thể khắp thọ trì tất cả pháp bất cộng, lời nói ra Đại chúng đều tín thọ, sẽ có thể chuyển đại pháp luân.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Do được đà la ni nên chư Bồ tát quyết định sẽ chứng Vô sanh pháp nhẫn, được pháp trí thanh tịnh, nghĩa là tất cả pháp bất sanh bất diệt. Tất cả pháp đây đều ở trong môn diệt hoại, môn diệt hoại này đồng là tướng vô sanh, đã là vô sanh thì là vô diệt. Quán sát như thật vậy rồi, Bồ tát đối với tất cả pháp xa lìa tất cả tướng. Đã lìa tướng thì chẳng chấp trước, chẳng hý luận.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là chư Bồ tát dùng trí vô sanh khéo quan sát mà có thể chứng nhập các môn đà la ni này, do đây mau chứng được Vô sanh pháp nhẫn biện tài vô ngại.

Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Nếu pháp hư vọng sanh
 Sanh xong tất diệt hoại
 Các pháp chẳng phải có
 Năm lấy được cái gì?
 Các pháp chẳng phải có
 Không có, không thể lấy
 Pháp đã bất khả đắc
 Thì năm lấy nơi đâu?
 Nếu chẳng rõ các pháp
 Tự tánh bất khả đắc

Người này duyên theo tướng
Chẳng được đà la ni.
Các pháp như hư không
Nên diễn thuyết khai thị
Hư không và khai thị
Cả hai vô sở hữu.
Hai thứ này đã không
Các pháp cũng là không
Hiểu pháp được như vậy
Người này được tổng trì.
Rõ biết không sơ thi
Chẳng phân biệt trung hậu
Các pháp rời phân biệt
Tất cả đều là không.
Nếu đã không cứng thật
Chẳng thật chẳng phải có
Nương chơn lý các pháp
Thế nào nắm giữ được!
Rõ các pháp như vậy
Tự tánh vô sở hữu
Nay Phật lược nói họ
Được tổng trì thanh tịnh.
Các pháp như hư không
Cũng rỗng đồng hư không

Dùng huệ thường quan sát
Người này được tổng trì.
Các pháp vô sở hữu
Chẳng sanh cũng chẳng khởi
Không có, không thể lấy
Thế nào nắm lấy được.
Tất cả pháp vô tướng
Tự tánh không hý luận
Tất cả đều ly tướng
Thuyết pháp vô sở hữu.
Nếu hiểu được như vậy
Đúng thật lý các pháp
Người này vô phân biệt
Mà là nắm lấy được.
Tự tánh của các pháp
Vì không nên bắt đặc
Rõ nghĩa vô sở hữu
Người này được tổng trì.
Nếu quán sát như vậy
Không nhiễm tất cả pháp
Trí Không vô phân biệt
Người này nắm được pháp.
Nghĩa Không, nghĩa vô thường
Nghĩa yêm ly, nghĩa khô

Nếu dùng huệ hiểu rõ
Người này trí thêm lớn.
Thị thuyết vô sở thủ
Nghĩa Niết bàn như lý
Gìn tâm vô phân biệt
Cũng chẳng phân biệt pháp.
Do đây nhận rõ được
Các pháp chẳng bền chắc
Là không, vô sở thủ
Tịch tịnh, Không, khó thấy.
Hiểu pháp xong diễn thuyết
Diễn thuyết vô phân biệt
Vô trước vô phân biệt
Trì được pháp môn này.
Nếu hiểu pháp tướng rồi
Rõ được là vô tướng
Người này nơi các pháp
Chẳng có tướng xả ly.
Người này rõ được nghĩa
Pháp của Phật đã nói
Nghĩa lý rất bí mật
Người này hiểu theo Phật.
Nếu quán sát đúng lý
Tất cả pháp vô lượng

Xa lìa các số lượng
Hiểu được nghĩa lý này.
Nếu quán sát các pháp
Không danh và không tướng
Rõ thấu được nghĩa này
Trí người này thêm lớn.
Rõ nghĩa pháp môn này
Quán sát được đúng lý
Trong nghĩa lý các pháp
Người này không nghi hoặc.
Nếu dùng huệ quán sát
Tướng của tất cả pháp
Quyết định hiểu rõ đó
Người này chứng vô tướng.
Đối với nghĩa lý này
Hiểu rõ khéo an trụ
Được vô úy như vậy
Mau chứng được Phật pháp.
Chẳng hý luận nơi pháp
Bình đẳng vô phân biệt
Tương ưng hiểu pháp rồi
Không làm nghĩa yếm ly.
Tịch diệt vô phân biệt
Tịch tịnh dứt các uẩn

Bình đẳng với các pháp
Được biện tài đúng lý.
Tu tập được từ bi
Lợi ích các chúng sanh
Khéo tương ưng an trụ
Hiểu được đạo vô thượng.
Nếu rời tướng chúng sanh
Hiểu được pháp vô ngã
Cùng nghĩa không hý luận
Thật lý chẳng hý luận.
Nếu nghe pháp này rồi
Được lòng tin thanh tịnh
Người này sẽ gặp Phật
Di Lạc Lương Túc Tôn.
Họ làm Ta vui mừng
Ở trong chúng hội này
Nghe hiểu được pháp đây
Làm được bậc hiền thiện.
Người kính mến Như Lai
Thì tất không phá hoại
Do nghe được pháp này
Được bậc hiền thiện mến.
Nếu ở trong hiền kiếp
Muôn được thấy chư Phật

Tu học pháp môn này
Chư Phật đều hoan hỷ.
Muốn thấy Vô Lượng Thọ
Cùng Phật A Súc Bệ
Oai quang đại danh xưng
Phải học pháp môn này.
Nếu muốn thành Bồ đề
Pháp tịch tịnh tối thắng
Hoặc cầu ngôi Chuyển luân
Phải học pháp môn này.
Nếu muốn cầu vô thượng
Môn thiện xảo tổng trì
Phải học pháp môn này
Tinh tấn chớ phóng dật.
Nếu muốn thành nguyện lớn
Rộng tối thượng thù thắng
Cầu chứng được Bồ đề
Pháp môn này phải học.
Pháp môn Đà la ni
Phật nói trong Kinh này
Là ấn pháp vô thượng
Khai thị được các pháp.
Thật nghĩa trong các pháp
Dùng tổng trì khai thị

Pháp môn hư không này
Giải quyết nghĩa vô biên.
Pháp này khai thị được
Những thiện pháp đã nói
Nghĩa tổng trì thiện xảo
Do sức đà la ni.
Tổng trì là trí huệ
Trì được tất cả pháp
Nghĩa tổng trì thiện xảo
Dùng huệ rõ biết được.
Nơi đây giải thích nhiều
Đã nói rõ Phật pháp
Dùng nghĩa để khai thị
Đạo Bồ đề Vô thượng.
Trí sai biệt thiện xảo
Chánh khai thị pháp này
Nếu học tập pháp này
Chúng Bồ đề Vô thượng.
Khai thị văn pháp này
Pháp môn lành vô thượng
Được trí phương tiện rồi
Nên diễn thuyết pháp này.
Chưa từng nói chúng tánh
Vô thượng của các pháp

Nơi nghĩa này phải học
Khai thị pháp cam lồ.
Người trí nếu muốn cầu
Trí vô ngại của Phật
Nếu học tập nghĩa này
Sẽ được trí vô thượng.
Thuở quá khứ xa xưa
Vô lượng vô số kiếp
Nếu chẳng học pháp này
Ta chẳng chứng tịch diệt.
Do Ta từng cúng dường
Vô lượng trăm ngàn Phật
Do đây rõ biết được
Diễn thuyết pháp vô thượng.
Ta vì các chúng sanh
Làm vô biên lợi ích
Các ông cũng nên làm
Sẽ được tổng trì này.
Nếu có thể rõ biết
Pháp ấn đà la ni
Người trí do một câu
Vào được pháp môn này.
Phật trí huệ vô thượng
Cũng không có số lượng

Do Phật đủ trí huệ
Khai thị được pháp này.
Người trí cầu nơi đây
Liên rã nghĩa Bồ đề
Nghĩa của pháp môn này
Nên học pháp vô úy.
Người trí nếu muốn cầu
Tánh trí huệ rộng lớn
Tôn trọng cung kính Phật
Phải học pháp môn này.
Nếu muốn chuyên pháp luân
Và thôi pháp loa lớn
Người trí đúng chơn lý
Cần học pháp môn này.
Nếu muốn phóng quang minh
Soi khắp vô biên tế
Lúc mong cầu Phật Pháp
Phải học đúng pháp này.
Với trời, người, thế gian
Nếu muốn làm thượng thủ
Phải cầu học Kinh này
Quyết định tất cả pháp.
Muốn cầu trí rộng lớn
Phát khởi các công đức

Thích cầu trí huệ Phật
Phải học theo pháp này.
Muốn khai thị pháp môn
Thích cầu trí huệ Phật
Vô thượng không hý luận
Phải học nghĩa lý này.
Nếu muốn thích khai thị
Vô ngại trí thuyết pháp
Tu học pháp này rồi
Sẽ nói pháp cam lộ.
Nếu muốn soi muôn ức
Vô lượng vô biên cõi
Người này phải khéo tu
Giáo pháp của Kinh này.
Pháp môn vô thượng đây
Sạch trừ được các pháp
Trong Kinh này đã nói
Tất cả pháp thanh tịnh.
Đấng Chủ trì Thế Tôn
Diễn thuyết pháp rộng lớn
Vì Bồ tát mà nói
Kinh này là vô thượng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Do đây nên Bồ
tát sau khi ưa thích giáo pháp này rồi, vì nhiếp thọ

pháp này cho được còn lâu, lại vì thương xót chúng sanh, thì nên biên chép, thọ trì, đọc tụng.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu có người được nghe pháp này, thường có quan niệm kính mến Như Lai, những người này sẽ được vô biên pháp tạng của Như Lai, sẽ được các môn đà la ni và đầy đủ biện tài, mau được tự tại đối với tất cả pháp, sẽ nhiếp thọ đầy đủ Phật độ trang nghiêm bất tư nghi, chúng Bồ tát và chúng Thanh văn cũng bất tư nghi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Nếu chư Bồ tát an trụ nơi tất cả pháp không hý luận do môn thanh tịnh đà la ni, nên các pháp môn thường được hiện tiền, nhiếp thọ được công đức thù thắng bất tư nghi.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Đây là môn thanh tịnh đà la ni thứ ba. Thời kỳ sau đây, nếu chư Bồ tát muốn theo Phật để học pháp môn đà la ni này, thì phải gần gũi thiện hữu, xa lìa ác hữu, ủng hộ các pháp môn này, trọn đời thọ trì pháp ấn thanh tịnh đà la ni, dầu phải bỏ thân mạng.

Ví như trăng tròn đêm rằm tháng Tám chiếu sáng rực rỡ hơn tất cả tinh tú. Ba pháp ấn đà la ni này, quang minh rất sáng suốt trong tất cả khế kinh cũng như vậy. Chư Bồ tát do tôn trọng pháp

môn này nên được vô lượng biện tài. Vô lượng biện tài đây chính là bực bất phóng dật. Những gì là bực bất phóng dật? Nghĩa là nơi những pháp này tư duy quán sát đúng như lý, chẳng sanh vọng niệm, do đây có thể làm cho trí nhãn được thanh tịnh. Chư Bồ tát tinh tấn cầu bực bất phóng dật thì phải khéo tu tập pháp môn này. Vì muốn cho pháp này được còn lâu, nên tâm thường khiêm hạ tôn trọng chánh pháp, biên chép quyển kinh chẳng rời nơi tay. Thấy người có chí mong cầu pháp này, phát tâm hướng đến đại Bồ đề, thì phải vì họ khai thị diễn thuyết, bảo họ đọc tụng biên chép, đúng theo nghĩa mà giải thích cho họ, chẳng nên ẩn giấu pháp môn của mình đã thọ trì. Phải nguyện cho chúng sanh được Phật pháp vô thượng này, phải làm cho tất cả chúng sanh thường chẳng khuyết giảm các Phật pháp. Chư Bồ tát này chẳng tiếc pháp, thường thích đem ban bố cho người, nơi nghĩa lý chẳng giấu giếm, đều vì người diễn giải, không có chút pháp gì mà chẳng khai thị.

Này Vô Biên Trang Nghiêm! Vì an lạc lợi ích các chúng sanh, các ông phải thọ trì pháp môn thanh tịnh đà la ni này.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Tôn giả A Nan Đà rằng:

Ông nên thọ trì pháp môn này. Hàng đệ tử kính thờ Ta, cũng phải thọ trì Kinh điển này.

A Nan bạch Phật rằng:

Thế Tôn! Do thần lực của Phật, tôi đã thọ trì. Do tôi thành tựu pháp môn này nên vô lượng pháp môn đều được hiện tiền.

Phật nói:

Đúng như lời ông. Nay A Nan! Do oai lực của Phật và vì pháp môn này khắp thanh tịnh, nên những người thọ trì pháp môn này, những người gần gũi Ta thọ trì được pháp này, thì vô lượng pháp môn đều được hiện tiền. Do đây nên ông phải thọ trì vô lượng pháp tạng của Như Lai.

Lúc Phật nói pháp này rồi, trong pháp hội, vô lượng Bồ tát chứng được Đại pháp quang minh. Do được pháp quang nên vô lượng pháp môn của chư Phật nói đều được hiện tiền, được gần Như Thích chủng trí, được thành tựu những nguyện cầu thù thắng trang nghiêm. Phật bảo A Nan:

Ông xem bốn tánh của các pháp rất sâu như vậy. Như Lai có thể ở nơi pháp không danh tướng mà diễn thuyết danh tướng, lại có thể khai thị bốn tánh của các pháp, lại cũng trừ sạch làm cho được thấy thanh tịnh. Dầu rằng nói các pháp nhưng không pháp gì là có thể nói và cũng không người

hay nói. Này A Nan! Nếu có thể quan sát pháp tánh như vậy thì có thể phát sanh được vô lượng trí huệ.

Lúc Phật nói pháp này, vô số Bồ tát chúng Vô sanh pháp nhẫn. Vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn gia trì môn đà la ni này, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng vô biên thế giới của chư Phật. Do ánh sáng này, chư Bồ tát ở các thế giới kia đều được nghe môn đà la ni này, được thành thực pháp phân Bồ đề. Trong những thế giới đó lại có vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Lúc đó, tất cả chúng sanh đều được an lạc. Chư Thiên rưới hoa trời, ở giữa đại hội xưng lên rằng: “Nguyện tất cả chúng sanh đồng được Phật huệ”.

Chư Bồ tát bạch Phật:

Thế Tôn! Pháp môn này tên gọi là gì? Chúng tôi phải phụng trì thế nào?

Phật nói:

Pháp môn này hiệu là Đà La Ni Vương, gọi là Đà La Ni Ấn, cũng gọi là Tam Phẩm Nhiếp Trì Thiện Xảo. Các ông phải phụng trì. Đây là pháp môn thiện xảo vô biên biện tài nhiếp tất cả nghĩa. Do pháp môn này mà chiếu rõ được tất cả pháp,

dứt tất cả nghi. Do đây nên chư Bồ tát phải phụng trì pháp môn này.

Lúc bấy giờ, vì cúng dường pháp nên tất cả Đại chúng dùng hoa ngũ sắc rải lên Phật. Phật nói Kinh này rồi, chư đại Bồ tát, toàn thể chúng hội và Trời, Người, Bát bộ, nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

*



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

PHÁP HỘI MẬT TÍCH KIM CANG LỰC SĨ THỨ BA

* Tôi nghe như vậy: Một lúc Phật đến thành Vương Xá, tại núi Linh Thứu cùng chúng đại Tỳ kheo câu hội, bốn muôn hai ngàn Bồ tát, tám muôn bốn ngàn đại Thánh thần thông tự tại từ những Phật độ mười phương vân tập đến đây. Các vị này đã được pháp nhãn bất thối chuyển, là bực Nhứt sanh bổ xứ đã được tổng trì biện tài vô ngại, đi khắp vô số Phật độ mười phương dùng thần

* Hán bộ quyển thứ 8.

thông để tự vui, với chúng sanh một lòng bình đẳng, tiêu oán địch, phục ma ngoại, rõ thấu cội gốc của chúng sanh trong ba cõi, khắp vào tất cả môn ba la mật, phương tiện khôn khéo, thường ở yên lặng thông thả, được chư Phật ca ngợi tuyên dương công đức. Từ vô số kiếp các Ngài phụng hành Bồ tát hạnh, tâm bình đẳng như mặt đất, đã trừ những âm cái, rời các chướng ngại, thân thể mạnh mẽ, chí ý như kim cang, oai đức như sư tử được vô sở úy, quang minh hơn cả mặt nhật mặt nguyệt, chứng nhập tất cả tam muội chánh định, rộng truyền chánh pháp hưng thịnh ngôi Tam Bảo, từ bi vô tận bốn ân được nhờ, qua lại ba cõi như mặt nhật mặt nguyệt, đi đến bốn châu như Chuyển Luân Vương. Các Ngài dùng trí huệ dững mãnh độ sanh lão bệnh tử, vào trong lục đạo như đuốc sáng soi tối tăm. Tâm các Ngài không trụ trước như hoa sen mọc trong bùn. Công hạnh của các Ngài không tăng giảm, không thương ghét dường như hư không. Phụng trì tam tạng như thọ đại ân của quốc vương. Các Ngài vào trong tám nạn giáo hóa chúng sanh bị nguy ách, dùng trí huệ chuyển pháp luân bất thối dù dặt chúng ngu mê ra khỏi ba độc.

Danh hiệu của các Ngài là: Nguyệt Thích Bồ tát, Nguyệt Anh Bồ tát, Tịch Anh Bồ tát, Thủ Anh Bồ

tát, Quang Anh Bồ tát, Quang Thủ Bồ tát, Thủ Tích Bồ tát, Thủ Tịch Bồ tát, Câu Tỏa Bồ tát, Long Hân Bồ tát, Long Thí Bồ tát, Chấp Tượng Bồ tát, Mật Thiên Bồ tát, Duyên Thắng Bồ tát, Duyên Thủ Bồ tát, Thường Cử Thủ Bồ tát, Thường Hạ Thủ Bồ tát, Bửu Ấn Thủ Bồ tát, Bửu Chương Bồ tát, Phổ Thế Bồ tát, Tú Vương Bồ tát, Kim Cang Ý Bồ tát, Kim Cang Bộ Bồ tát, Bất Động Hành Tích Bồ tát, Quá Tam Thế Độ Bồ tát, Độ Vô Lượng Tích Bồ tát, Vô Lượng Ý Bồ tát, Hải Ý Bồ tát, Kiên Ý Bồ tát, Thượng Ý Bồ tát, Trì Ý Bồ tát, Tăng Ý Bồ tát, Thường Thâm Bồ tát, Thường Tiểu Bồ tát, Thiện Căn Bồ tát, Thiện Chiếu Oai Bồ tát, Ly Cấu Bồ tát, Khí Ác Thú Bồ tát, Khử Chúng Cái Bồ tát, Cực Tinh Tấn Bồ tát, Trí Tích Bồ tát, Thường Quán Quang Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Sơn Đảnh Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ tát, Bất Thuần Bồ tát, Bất Mộ Bồ tát, Lạc Bửu Bồ tát, Thượng Bửu Bồ tát, Tâm Thiện Bồ tát, Tư Thiện Bồ tát, Tư Nghĩa Bồ tát, Châu Kết Bồ tát, Tổng Hào Vương Bồ tát, Tịnh Vương Bồ tát, Nghiêm Độ Bồ tát, Bửu Sự Bồ tát, Ân Thí Bồ tát, Đế Thiên Bồ tát, Thủy Thiên Bồ tát, Đế Võng Bồ tát, Minh Võng Bồ tát, Dụ Thiên Bồ tát, Tích Khoái Tý Bồ tát, Thiện Bạch Tượng Bồ tát, Hương Thủ Bồ tát,

Chúng Hương Thủ Bồ tát, Sư Tử Anh Bồ tát, Phổ Lợi Ý Bồ tát, Diệu Ngự Bồ tát, Đại Ngự Bồ tát, Tịch Ý Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Phổ Thủ Bồ tát, Đồng Chơn Bồ tát... như vậy có tám muôn bốn ngàn đại Bồ tát câu hội.

Lúc bấy giờ, Đại thiên thế giới cao lớn nguy nga, Đế Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương, chư Thiên, Long thần, Bát bộ cùng quyền thuộc đều đến hội họp. A Nậu Đạt Trì Long vương cùng các Long vương và quyền thuộc đều hội đến. Nhân Cư A tu la vương, Tỳ Ma Chát Đa A tu la vương cùng các A tu la vương và quyền thuộc đồng hội đến. Ma Kiệt Đà quốc vương Tần Bà Ta La và cung nhơn quyền thuộc đều hội đến. Các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín sĩ, tín nữ đồng hội đến. Chư thiên thần cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc nhĩn đến Tịnh Cư Thiên đều hội đến.

Khi ấy, đức Thế Tôn vì vô lượng vô số Đại chúng mà thuyết pháp, tuyên nói công hạnh của chư Bồ tát Đại sĩ. Pháp của Phật nói đây tên là Tịnh Tế.

Những gì gọi là Bồ tát hạnh? Dùng hạnh bố thí giáo hóa chúng sanh cứu tế nguy hiểm ách nạn. Tu hạnh giới cấm viên mãn mười điều lành. Thực hành nhẫn nhục đầy đủ tướng tốt vẻ đẹp

trang nghiêm nơi thân. Cần hành tinh tấn đầy đủ tất cả công đức. Thực hành thiền định chí ý an hòa tịch tịnh bất tư nghi. Thực hành trí huệ dứt những trần lao thành trí huệ Thánh, giáo hóa những người chưa thông đạt. Thực hành học rộng được vô ngại biện tài diễn thuyết trôi chảy, người nghe liền tin thọ. Thực hành công đức khuyến chúng sanh làm vô lượng phước. Thực hành Thánh minh được vô lượng biện tài. Thực hành tịch tịnh phát khởi chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Thực hành chánh quán trừ bỏ tà hạnh những việc vô ích. Thực hành từ tâm thương như hòa chẳng tổn hại. Thực hành bi tâm muốn cứu giúp chúng sanh trước sau chẳng nhàm. Thực hành hỷ tâm dùng pháp lạc để tự vui, cũng giáo hóa chúng sanh khiến họ mộ đạo. Thực hành hộ tâm khai thị tội phước đem chánh pháp lợi mình lợi người. Thực hành xuất gia rời bỏ tâm ân ái mến luyến cùng những thói quen thế tục. Thực hành nhàn cư thành lập yếu nghĩa chẳng thôi thất nhứt tâm. Thực hành chí nguyện được tông trì chẳng quên chánh pháp đem giáo hóa chúng sanh. Thực hành tư niệm hiểu rõ thông đạt tất cả. Thực hành du bộ hiểu rõ nghĩa lý có lợi ích không tổn hại. Thực hành ngăn nghiệp, quán sát như tạo lỗi nơi thân và tâm ý. Thực hành ý nghiệp, đoạn dứt hết tất cả

tội ác, tu tất cả diệp hạnh. Thực hành thần túc, thân tâm nhẹ nhàng, đến nơi nguy ách cứu nạn chúng sanh. Thực hành chur căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý đều tịch tịnh chẳng tán loạn. Thực hành luật hạnh tiêu trừ trần lao những lỗi quấy, thường kèm chế được lấy mình và cũng giáo hóa chúng sanh. Thực hành giác ý để đạt chánh kỷ. Thực hành đạo nghiệp vượt khỏi những đường tà của chín mươi sáu phái ngoại đạo. Thực hành chơn chánh, thành tựu nhơn nghĩa không mừng không giận. Thực hành giải biện, thấy rõ tâm của chúng sanh mà vì khai thị. Thực hành tự quy, thân mình tự đạt chẳng mong nhờ người. Thực hành thiện hữu, dùng đức huệ để tế độ. Thực hành thuận tánh, luôn luôn hòa thuận không khi dối. Thực hành đúng thời, vượt khỏi tất cả nạn. Thực hành Thánh hiền, hành động đặc biệt khác hơn mọi người. Thực hành ngồi yên, thường phụng hành những pháp đã được nghe. Thực hành tứ ân, nhóm họp Đại chúng để diễn thuyết kinh pháp. Thực hành chánh pháp, thuận theo giáo pháp của Tam Bảo làm cho chẳng đoạn tuyệt. Giáo hóa chúng sanh, nghiêm tịnh Phật độ, đầy đủ tất cả bi trí.

Đức Thế Tôn rộng tuyên tất cả nghiệp hạnh thanh tịnh của Bồ tát như vậy. Lúc bảy giờ, Kim Cang Lực Sĩ hiệu là Mật Tích, cầm kim Cang xử

đứng hầu bên hữu đức Thế Tôn, đến trước Phật bạch rằng:

Đức Như Lai Chí Chơn nói pháp yếu về những hạnh nghiệp thanh tịnh của Bồ tát. Bạch Thế Tôn! Những hạnh nghiệp công đức ấy đều là chỗ vui thích của chư Bồ tát, dùng đó để nhiếp độ chúng sanh. Nếu chư Bồ tát hiểu rõ công đức tu hành huệ hạnh, là thực hành chơn thật chí thành đệ nhất. Vì những công đức huệ hạnh là phương tiện thiện xảo ba la mật đầy đủ phước huệ, huệ nghiệp này là trí ba la mật của Bồ tát, trong đây đầy đủ tất cả công hạnh. Công đức và trí huệ khắp đầy đủ tất cả đạo hạnh của chư Bồ tát mà ân đức khắp cứu độ chúng sanh, vượt khỏi cảnh ma đến bậc Bất thối chuyển sẽ thành bậc Vô thượng Bồ đề.

Lúc đó, Tịch Ý Bồ tát nói với Mật Tích Kim Cang rằng:

Mật Tích vừa nói hai sự nghiệp gần trí huệ của Như Lai. Ông có thể thích an trụ tuyên dương nghiệp bí mật của Như Lai. Đây thời chẳng phải bậc Thanh văn, Duyên giác biết được huống là những hàng phàm phu!

Lúc đó, Mật Tích Kim Cang yên lặng chẳng đáp. Tịch Ý Bồ tát bạch Phật:

Thế Tôn! Mật Tích Lực Sĩ phải chăng có thể chiếu cố đến Chúng hội này mà diễn bày pháp bí mật của Như Lai. Toàn thể Chúng hội đều khát ngưỡng muốn được nghe đó. Nếu được nghe diễn thuyết pháp này thì trong tâm của chúng hội tất sẽ rất vui mừng phụng hành Bồ tát hạnh, sẽ thành tựu đầy đủ những sự mật yếu, tâm tánh sẽ điều hòa vào nơi vô thượng đại từ.

Phật bảo Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Ông có thể lãnh trọng nhiệm vì Đại hội mà diễn thuyết mật hạnh của Bồ tát và bí yếu của Như Lai. Chư Phật đồng khuyến tán. Đại hội sẽ thích nghe.

Kim Cang Lực Sĩ bạch:

Thế Tôn! Tôi có thể kham nhiệm chút ít vì Đại hội mà tuyên thuyết mật hạnh của Bồ tát và bí yếu của Như Lai. Mong Như Lai giúp oai thần, nhờ Như Lai trợ huệ quang, tôi mới dám vâng Thánh chỉ của Phật để tuyên bày. Như lúc trời tối phải nhờ ánh sáng của ngọn đèn mới có thể thấy rõ hình sắc và đến đi qua lại.

Phật nói:

Lành thay! Đã phải lúc cho ông tuyên thuyết.

Mật Tích Lực Sĩ nói với Tịch Ý Bồ tát:

Xin Ngài lắng nghe và cũng xin Đại hội nghe mật hạnh của Bồ tát cùng bí yếu của Như Lai chớ kinh chớ sợ.

Tịch Ý Bồ tát bố cáo giữa đại hội:

Đức Như Lai tuyên bố bốn pháp bất tư nghi, do đây được thành đạo Chánh giác Vô thượng. Những gì là bốn? Tạo lập công nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, chí nguyện chẳng thể nghĩ bàn, thiên định chẳng thể nghĩ bàn, chỗ làm của chư Phật không có ngăn mé. Các Ngài nên biết trên đây là bốn điều chẳng thể nghĩ bàn. Các Ngài nếu nghe những điều chẳng thể nghĩ bàn của chư Bồ tát và của chư Phật, thì chẳng nên có lòng sợ sệt, phải vui mừng hơn hờ, hết lòng kính tin mới có thể đạt được đại đạo.

Tịch Ý Bồ tát liền nhập chánh định làm cho tất cả đại hội đều có quan niệm kính tin giáo pháp của Như Lai, đều vui mừng hơn hờ. Trời rưới các thứ hoa đúng theo ý muốn của Đại chúng để rải cúng dường Phật, cũng rải khắp đại hội. Mật Tích Lực Sĩ nói với Tịch Ý Bồ tát:

Xin lắng nghe khéo nghĩ nhớ. Nay tôi sẽ tuyên bố mật hạnh của Bồ tát và bí yếu của Như Lai. Lời nói của Phật và Bồ tát rất thành thật, không quan niệm phân biệt để truyền đạo riêng khác, luôn thuận theo năm hạnh của Bồ tát.

Bồ tát không dua vạy, chẳng khi dối, chẳng cống cao, lúc thị hiện tương ưng thì biến hóa tự tại, do tâm tự tại chẳng phân biệt hạnh nghiệp tà nịnh phi pháp, cẩn thận việc làm nơi thân, dùng oai nghi lễ tiết giáo hóa chúng sanh, miệng không nói những lời hư vọng. Oai nghi của Bồ tát không thể hạn lượng. Theo hạnh nghiệp của chúng sanh dùng tất cả oai nghi lễ tiết để có thể khai hóa. Chỗ làm cũng như học vấn, tư duy, thiền quán, âm thanh, ngôn từ đều làm cho được rành rẽ. Chỗ làm của nam của nữ hành động đi đứng oai nghi lễ tiết đều đúng theo lớn nhỏ. Đến trẻ nít còn bú mà đáng được giáo hóa, Bồ tát cũng đều cẩn thận oai nghi. Với những hàng lão thành, trung niên, thiếu niên, đáng được giáo hóa đúng theo oai nghi lễ tiết, tôn ti, sang hèn, trí ngu, làm cho kẻ bít láp được khai thông, người đần độn được tỏ thấu, việc làm nhiều ít đều đúng oai nghi lễ tiết. Với người đáng được độ thì dạy dỗ khai hóa. Với các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Thiên, Long, Bát bộ, Nhơn và phi Nhơn, thì dìu dắt những kẻ đáng giáo hóa. Với hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, tín nam, tín nữ, Đê Thích, Phạm Thiên, Tứ Thiên Vương, chư Thiên thần, ai đáng nên giáo hóa thì dạy bảo đó.

Bồ tát đều biết rõ chúng sanh sâu, cạn, dày, mỏng, khó độ, dễ độ. Đúng theo bệnh cho thuốc

mà vì họ thuyết pháp, khiến người tham dâm chẳng tham của cải, kiến lập oai nghi theo lễ tiết của họ. Bồ tát ở nơi đó, thường tịch nhiên vô vi, đem thân tu hành chẳng rời tịch mặc, hiển bày oai nghi nơi thân. Nếu có người tham lam ganh ghét, đều vì họ tùy thời cứu tế chẳng tiếc thân mạng. Những chúng sanh khổ não nơi địa ngục, ngựa quý, súc sanh, cứu tế họ khỏi nạn khổ, đặt họ ở nơi an ổn.

Nếu có chúng sanh nhiều bòn xén tham lam, Bồ tát theo sở thích của họ mà hiện những thứ trân bửu của cải làm cho họ trụ nơi nghiệp lành. Nhân đến theo sở thích của họ mà tự bố thí cho những đầu, mắt, da, thịt, gân, xương, tủy, não, vợ, con, ngựa, xe, tôi tớ, áo cơm. Nếu họ đòi món ngon vật lạ, áo mền tốt đẹp, Bồ tát cũng đều làm cho họ vừa ý để họ phát tâm lành. Bồ tát vì chúng sanh mà hiện vô số thân ở vô lượng thế giới mười phương, hơn duyên phương tiện của Bồ tát cũng không thể cùng tận. Theo cơ cảm hiện vô lượng thân khai hóa chúng sanh đưa họ vào chánh pháp.

Nếu có chúng sanh nhiều tham dục mê tình sắc, Bồ tát hiện thân phụ nữ xinh đẹp tuyệt trần, làm cho người đó thích mến xem như bửu châu, rồi hiện hôi dơ xấu xa đáng nhàm, kể hiện chết mất, dùng đó để diễn những pháp Vô thường,

Khô, Không, như huyễn, như hóa, không chút gì chơn thật, làm cho người nghe tâm ý tỏ thông bèn phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Bồ tát kia dùng một lọng báu che khắp cõi Đại thiên, lại có thể đem nhét vào trong hột cải. Nếu lúc hỏa tai đốt khắp thế giới, Bồ tát có thể để tất cả trên bàn tay mình, thân Bồ tát cũng chẳng lớn thêm. Bồ tát có thể đồng thời cúng dường tất cả chư Phật ở mười phương, trước mỗi đức Phật đồng thời đều có thân Bồ tát. Bồ tát có thể biến những hoa đẹp nhiều như núi Tu Di bọc trong vạt áo hóa thành lọng hoa dâng cúng Như Lai.

Bồ tát có thể biến một lư hương lớn bằng ngàn Phật độ, biến một ngọn đèn bằng núi Tu Di ánh sáng chiếu hằng hà sa quốc độ để cúng dường Phật. Bồ tát dùng vải lụa vấn thân mình, rưới dầu làm ngọn đèn, tự đốt thân mình, ánh sáng chiếu khắp cõi Đại thiên, làm cho chúng sanh người thấy kẻ nghe đều tưởng niệm đến cảnh giới Bồ tát mà phát đạo tâm vô thượng.

Bồ tát mặc giáp hoàng thế hiện thế lực lớn tay cầm kim cang xử đứng hầu bên Phật, mọi người sợ hãi phải quy y đánh lễ. Bồ tát thị hiện lực sĩ thân chết thân sinh vất bỏ trong gò mả, chim muông đến ăn thịt, những cầm thú này sau khi chết đều được sanh lên cõi trời. Vì bốn nguyện

của Bồ tát tự thệ rằng: Giả sử có loài người, hoặc muông thú cầm điểu, lúc ăn da thịt thầy chết của tôi đều thêm lớn căn lành, họ sẽ được sanh lên cõi trời sau khi báo thân họ đã mãn.

Thưa ngài Tịch Ý Bồ tát! Nên phải quan sát công hạnh tùy nghi hóa độ của Bồ tát như vậy.

Thuở quá khứ lâu xa, cõi Diêm Phù Đề này rộng lớn, có tám muôn bốn ngàn nước, hơn dân đông nhiều không tính đếm được. Thời kỳ đó loài người ăn mặc tự nhiên giàu có đầy đủ, châu báu vô số, nhà cửa tốt đẹp, hoa thơm trái ngọt sum sê khắp nơi. Lúc đó, có nhiều chúng sanh mang lấy bệnh khổ, đau nhức ngứa ngáy, trăm ngàn lương y không trị được. Lúc đó, Bồ tát hiện làm lương y trị lành bệnh cho mọi người, dùng từ tâm theo săn sóc người bệnh như tôi tớ.

Lại thuở quá khứ lâu xa, có Thiên Đế Thích hiệu Thiện Tự Tại, ở trên trời nhìn xuống thấy hơn loại bị nhiều bệnh khổ, Thiên nhĩ nghe tiếng rên rỉ kêu khóc của mọi người, động lòng từ bi liền hiện làm thân thú tên Nhơn Lương ở gần nước Cự Lưu trong Diêm Phù Đề, rồi hiện ra tiếng rao truyền giữa hư không để phổ cáo tất cả người trong Diêm Phù Đề:

Cách nước Cự Lưu này chẳng xa

Có một thú lớn tên Nhơn Lương
Ai ăn được thịt của thú này
Thì thoát khỏi được tất cả khổ.
Các người chớ nghi ngờ sợ sệt
An lòng đến lấy thịt mà ăn
Thú không hung dữ, thịt sạch ngon
Chính là thuốc hay trị các bệnh.

Lúc đó, tất cả người bệnh hoạn trong Diêm Phù Đề đồng dắt nhau đến nước Cự Lưu theo lấy thịt thú Nhơn Lương mang về ăn, tất cả đều được lành bệnh. Thân thể của thú Nhơn Lương thịt huồn lại như cũ. Tiếng đồn truyền ra, lần lượt những người bệnh ở các nước xa đua nhau đến lấy thịt thú Nhơn Lương để ăn. Theo xong, thịt huồn lại như cũ, thân thú Nhơn Lương không hề tổn giảm. Chỉ trong bảy ngày mà thiên hạ đều khỏi nạn bệnh tật. Dầu mọi người được hết thân bệnh, nhưng những tâm bệnh như tham, sân, si v.v... vẫn chưa tiêu.

Sau khi được khỏe mạnh an vui, mọi người nghĩ rằng chúng ta biết lấy gì để báo đáp ơn nghĩa của thú Nhơn Lương. Thiên hạ rủ nhau đến nước Cự Lưu, ở trước thú Nhơn Lương đồng cung kính nói kệ rằng:

Hỡi này thú Nhơn Lương

Nhờ thịt người điều trị
Thiên hạ khỏi bệnh khổ
Lấy gì báo ơn người?

Liên lúc đó, thân thú Nhơn Lương ăn mất, hiện trở lại thân Thiên Đế Thích bảo đại chúng rằng:

Thân tôi ngày hôm nay
Chẳng cần nhà cửa ở
Chẳng dùng đồ uống ăn
Vàng bạc cùng trân bửu
Chẳng dùng xe voi đẹp
Chẳng màng xe ngựa hay.
Hàng gái trai già trẻ
Nên đồng tâm hòa thuận
Nên theo chánh bỏ tà
Cùng làm mười nghiệp lành
Từ tâm đối với nhau
Mến thương và giúp đỡ
Xem nhau như ruột thịt
Đối nhau như mẹ con
Chớ làm tổn hại nhau
Là báo ơn Nhơn Lương.

Lúc đó, đại chúng nghe lời dạy của Thiên Đế, đều cảm động phụng hành mười nghiệp lành. Sau

khi chết họ được sanh lên cõi trời Đao Lợi, lại được Thiên Đế khai thị thuyết pháp, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Thưa ngài Tịch Ý Bồ tát! Thiên Đế hóa thân làm thú Nhơn Lương thuở quá khứ đó, chính là tiền thân của đức Như Lai hiện nay. Bồ Tát tu mật hạnh, chẳng tiếc thân mạng đem bố thí cứu khổ chúng sanh, sau đó khai hóa khiến họ hướng đến đạo vô thượng.

Phật bảo Tịch Ý Bồ tát:

Này Tịch Ý! Chư Bồ tát thực hành các mật hạnh bền vững chắc chắn không ai phá hoại được dường như kim cang. Giáo pháp của Bồ tát này tuyên thuyết, lửa chẳng cháy được, dao chẳng chặt được. Thân Bồ tát mạnh mẽ không ai hủy hại được.

Này Tịch Ý! Thân của Bồ tát thuận theo pháp luật dù dặt chúng sanh. Tâm của Bồ tát chẳng vắng bặt cũng chẳng vọng tưởng. Thân của tất cả chúng sanh bốn tánh đều không, thân của Bồ tát cũng vậy. Rõ biết thân mình bốn tánh là không, bốn tánh của tất cả pháp cũng là không. Các pháp bốn tánh không, biết thân mình quy về nơi bốn không, tất cả pháp cũng bốn không. Các pháp đã bốn không, thân mình tự nhiên cũng quy về nơi

bỏn không. Thân mình đã bỏn không thì các pháp quá khứ, vị lai cùng hiện tại cũng bỏn không. Đã rõ các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại là bỏn không, thân mình cũng bỏn không, chẳng làm, chẳng loạn, chẳng trái nhau. Vì tất cả đều bỏn không nên những hành pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, các đại chủng đều chẳng trái nhau, nhân đến sanh tử cùng vô vi cũng tự nhiên bỏn không, vì sanh tử vốn không chỗ sanh, vì vô sanh nên là bỏn không.

Này Tịch Ý! Đã là bỏn không thì là bình đẳng không khác, vốn không tránh tụng, vì vốn không trái nhau. Do đây, nên gọi rằng Như Lai bỏn không. Như Lai không hình tượng toàn quy về bỏn không, chính đây gọi là hình tượng của Như Lai, vì khắp thị hiện tất cả sắc tượng, hình tượng Như Lai tất cả bỏn không, chính đây gọi là hình tượng Như Lai.

Do đây, nên Bồ tát thị hiện tất cả sắc tượng, nhân đến hiện tướng Như Lai, nhưng chưa từng tạo hiện hình tượng. Vì không hình tượng, không chống trái nên mới khắp hiện tất cả hình tượng.

Tự quan sát thân mình bỏn vô, tất cả thân cũng bỏn vô. Tự quán sát pháp thân, tất cả các thân đều không có thân. Quán thân Như Lai hiểu rõ tất cả

thân đều từ như duyên sanh. Vì rõ pháp thân bốn lai không thân, như duyên cùng pháp thân bèn thành pháp thân. Không âm, nhập, giới, đại chúng thì gọi là pháp thân. Thực hành bình đẳng tiêu trừ cảnh duyên của chúng sanh duyên lấy.

Lại này Tịch Ý! Như thần y Kỳ Bà hiệp các thứ cỏ thuốc bện thành hình đồng tử trẻ đẹp, cũng đi đứng nằm ngồi. Hoặc có vua, quan, hào tộc, trưởng giả đến nhà Kỳ Bà để xem đồng tử do cỏ thuốc bện thành, rồi cùng nó ca hát đùa giỡn, bệnh tật của mọi người đều tiêu trừ được an lành.

Này Tịch Ý! Ông xem thần y Kỳ Bà trị bệnh cho thế gian, những y sư khác không thể làm được. Chư Bồ tát phụng hành pháp thân, nếu những chúng sanh nhiều tham sân si, không luận già trẻ nam nữ, cùng Bồ tát gần gũi mến vui, thì phiền não trần lao thấy đều tiêu dứt. Sự lợi ích này đều do bốn nguyện đầy đủ của Bồ tát.

Này Tịch Ý! Chư Bồ tát khéo tu pháp thân, thì chư Bồ tát này là pháp thân, không còn phải dùng ăn uống, nhưng vì thương xót chúng sanh mà hiện ăn hiện uống, vì pháp thân của Bồ tát chẳng tăng chẳng giảm, chẳng sanh chẳng diệt, vô chung vô thỉ, nhưng thuận theo tập tục mà hiện có sanh tử. Dầu hiện sanh tử, nhưng hiểu rõ tất cả pháp đều

là vô sanh. Thị hiện có sanh để tuyên thị tất cả pháp là vô vi là không hội hiệp, dầu có sanh nhưng đều là vô sanh. Bồ tát hoặc tự thị hiện thân căn tàn tật, nhưng pháp thân chẳng hư tổn, dùng pháp tự vui, hiểu rõ Phật thân.

Này Tịch Ý! Nếu người muốn hiểu biết Phật thân, nên hiểu rằng chính là thân hư không, không gì ngang hàng, là chí tôn trong Tam giới, thí cho chúng sanh thân vô sở quy, chẳng thể thí dụ, không gì sánh kê, thân thanh tịnh rời trần cấu.

Phật thân vốn thanh tịnh, vốn không nhiễm ô, tự nhiên sáng sạch trọn không trần lụy tối tăm, bản tánh như hòa đều là vô sanh. Thân đó vắng lặng không hệ thuộc nơi tâm ý thức. Thân đó tự nhiên, như huyễn, như hóa, như dương diệm, như thủy nguyệt. Thân đó đã rốt ráo Không, Vô tướng, Vô nguyện. Thân đó cùng khắp mười phương hư không, tâm đều bình đẳng rõ thấu bản nguyên của Tam giới, không có ngô ngã với tất cả chúng sanh. Thân đó không hạn lượng, không tạo tác, không tưởng niệm, không trụ trước, trụ nơi Chơn đế không biến đổi. Thân đó không sắc tượng mà tự nhiên hiện sắc tượng, không đau đớn mà hiện đau đớn, tự nhiên không tưởng niệm mà hiện có tưởng niệm, không tình thức mà tự nhiên hiện các tình thức, không địa thủy hỏa

phong mà hiện thân địa thủy hỏa phong, thấu rõ tất cả pháp thế gian đều hư vọng chẳng thật, mắt không chỗ thấy, tai không chỗ nghe, mũi không ngửi mùi, lưỡi không nếm vị, thân không cảm xúc, tiêu hẳn tình thức, ý không phan duyên, tâm chẳng chuyển dời, không tâm ý thức, hiểu rõ Chơn đế không có tán thối.

Này Tịch Ý! Như Lai pháp thân, nếu có Bồ tát đến được thân này thì không công hạnh Bồ tát nào chẳng đầy đủ, hóa hiện thân mình khắp cả thành ấp xóm làng trong cõi Đại thiên. Tất cả chúng ma đều không biết được việc làm của Bồ tát, hiện hay chẳng hiện. Bồ tát hiểu rõ cả những nghiệp vi diệu. Dầu không chỗ hiện mà hiện khắp tất cả, cũng chưa từng có quan niệm ra làm, cùng thấy nghe hay biết. Có tu hành điều chi là để khai hóa chúng sanh. Chẳng do sự hành động nơi thân mà mất bốn như ý túc. Vì lợi ích chúng sanh mà Bồ tát hiện thân mình để hiển bày nghĩa Vô thường, Khổ, Không và chẳng phải thân, thấu rõ các thân bốn tánh tịch tịnh, mà vì chúng sanh hiện thân hoại hư. Thị hiện báo ứng thọ thân, thuận theo bốn pháp điên đảo, rõ biết thân mình như cỏ cây tường vách ngói đá, vì chúng sanh mà hiện thân thanh tịnh.

Này Tịch Ý! Ta từng làm Bồ Tát, từ khi được Phật Nhiên Đăng thọ ký đến nay, dùng mật hạnh ẩn thân thanh tịnh, dầu miệng có tuyên thị nhưng đều không ngôn thuyết.

Này Tịch Ý! Như Lai thuyết pháp thuận theo thời nghi. Do được tự tại nên thân Bồ tát bí mật, chỉ lược nói những điều cốt yếu để tuyên bày sự tịch tịnh bí mật của thân mình. Giả sử muốn thuyết minh đầy đủ, trải qua hằng sa kiếp cũng không thể trình bày hết.

Lúc đó, Mật Tích Kim Cang bảo Tịch Ý Bồ tát rằng:

Thế nào gọi là bí mật? Bồ tát dùng lời nói thanh tịnh, thuận theo mỗi loài chúng sanh nhân đến trong tất cả loài cầm súc, Bồ tát cũng hiện ra bao nhiêu ngôn ngữ, bao nhiêu lời, bao nhiêu tiếng, thuận theo chỗ hiểu biết của mỗi loài mà diễn giải giáo pháp, cùng mọi loài chuyện vãn nhau, nói những việc khổ vui thiện ác. Tiếng nói của Bồ tát không chỗ nào chẳng suốt chẳng đến. Hoặc ca hát, hoặc giận mừng đều thuận theo tiếng nói của mỗi chúng sanh mà tùy nghi dạy dỗ. Bồ tát biết rõ tâm ý của mỗi loài có thể tin pháp gì, ưa thích hạnh gì, rồi thuận theo đó mà làm cho họ được vào đạo.

Tịch Ý Bồ tát hỏi Mật Tích Kim Cang:

Âm thanh của Bồ tát giáo hóa như thế nào?

Mật Tích nói:

Tùy theo tất cả âm thanh của chúng sanh, lại chỗ tùy thuận của Bồ tát không có hạn lượng. Chúng sanh trong các loài tâm niệm đều riêng khác, tiếng nói cũng chẳng đồng không thể tính kể xiết, Bồ tát đều thuận theo tâm niệm và tiếng nói của mỗi loài, dầu vậy nhưng Bồ tát vẫn không nói năng. Chính đây gọi là suốt đến tất cả âm thanh của tất cả chúng sanh, đồng thời hiểu rõ là vô sở hữu. Đây là Bồ tát tùy thời nghi giáo hóa không thể lấy gì để ví dụ được, là bất tư nghi, là vô cùng vô tận, tự tại tuyên thuyết vô số ngữ ngôn: hoặc nói tiếng Đế Thích, tiếng Phạm Thiên, tiếng Tứ Thiên vương, tiếng Thiên, Long, Thần, tiếng A tu la, nhân đến tiếng người cùng tiếng của tất cả loài, đều làm cho tất cả được vui mừng kính tin chánh pháp.

Mật Tích Kim Cang liền nói kệ rằng:

Dùng ngôn ngữ như vậy
 Giải quyết nhiều điều nghi
 Thuyết vô lượng vô số
 Giáo pháp độ chúng sanh.
 Chữa bệnh dùng từ tâm

Cứu khổ do bi lực
Rộng giảng thuyết tuyên bố
Lòng người đều vui thích.
Giữa đại hội Thiên Đê
Dùng tiếng nói dịu dàng
Tiếng này rất điều hòa
Hơn tất cả thanh âm.
Hòa theo tiếng kỹ nhạc
Giọng buồn động lòng người
Nhơn dịp này diễn nói
Lời kinh điển dạy răn.
Tiếng lãnh lót dịu dàng
Như tiếng thần Na La
Người tham nghe hết tham
Sân hận nghe hết hận.
Tất cả các sơn thần
Đều ưa thích âm nhạc,
Thanh âm của chư Thiên
Thật đáng ưa đáng thích.
Tiếng pháp âm vang lên
Theo thời nghi phương tiện
Hoặc ca hoặc tụng kệ
Tiêu trừ tham, sân, si.
Lòng kiêu căng ngạo mạn

Những hành vi tự đại
Nghe được tiếng đạo mâu
Đều rời bỏ kiêu căng.
Các Thiên vương cõi Sắc
Lắng nghe được pháp âm
Lòng vui đẹp phát tâm
Nguyện sẽ thành Phật đạo.
Thiên, Long, Thần, Dạ xoa,
A tu la, Bát bộ
Nghe tiếng pháp vi diệu
Đều hớn hở vui mừng
Thiên hạ cõi Diêm Phù
Nhiều nước, nhiều giống dân
Tiếng Bồ tát khắp vào
Mọi người nghe đều hiểu.
Bồ tát khéo tùy thuận
Vừa lòng đẹp ý người
Ai nghe được pháp âm
Đều sẽ được độ thoát.
Chư Thiên thần hư không
Thần kỳ ở đại địa
Tiếng Bồ tát suốt đến
Thần kỳ hội lại nghe.
Tiếng pháp rót vào tai

Lòng chư thần vui đẹp
Chỗ nghi được giải quyết
Hớn hở đều kính tin.
Chim loan, chim hồng hộc,
Chim cưu, nhạn, uyên ương
Tiếng diều, quạ, chim công
Các loài chim trên núi,
Chim dưới nước, trên bờ,
Bồ tát đều tùy theo
Chim nghe hiểu được pháp
Lòng chúng đều vui đẹp.
Sư tử, voi, hổ, lang
Gấu, beo, cùng khỉ, vượn
Hươu, nai với chồn, cáo
Lừa ngựa với chó heo
Trừu dê với trâu bò
Bốn chân hoặc hai chân
Muông thú nghe pháp âm
Vui mừng bỏ nghiệp ác.
Trong Đại thiên thế giới
Thiên thượng đến nhơn gian
Ngạ quỷ cùng súc sanh
Suốt đến A tỳ ngục
Nhờ pháp âm Bồ tát

Bỏ tà kiến vọng tâm
Chỉ tướng niệm chí chơn
Gìn lòng nơi chánh đạo.
Các quốc độ mười phương
Những nơi có ma chúng
Nghe Bồ tát thuyết pháp
Đều kính lễ hộ trì.
Trăm ngàn ức chúng sanh
Hoài bảo nhiều chí niệm
Nghe Bồ tát giải thích
Đều cởi mở suốt thông.
Kẻ nằm ngủ điếc câm
Miệng nói chẳng ra lời
Kẻ không chân què thọt
Người bệnh tật nặng nề
Thanh âm của Bồ tát
Vi diệu khó nghĩ bàn
Người nghe lòng hòa vui
Khổ tật nguyên đều hết.
Những trần lao phiền não
Muôn ức kiếp sâu dày
Nghe thanh tịnh pháp âm
Như sương mai gặp nắng.
Không luận chư Thiên thần

Nhon loại hay quý súc
 Chăm điều hoặc thú muông
 Nghe thanh âm vi diệu
 Lòng vui hòa mát mẻ
 Nghe nói pháp nhiệm mầu
 Hiểu được nghĩa khế kinh
 Đồng quy y Phật pháp.
 Tiến lên vào dòng Thánh
 Bồ thí tu hạnh từ
 Trì giới tập đa văn
 Tinh tấn rèn nhẫn nhục.
 Nhứt tâm thêm trí huệ
 Phước trí đồng trang nghiêm
 Viên mãn hạnh Bồ đề
 Rốt ráo quả vô thượng.
 Thanh âm của Bồ tát
 Vi diệu bất tư nghì
 Ngàn ức kiếp tuyên bày
 Cũng khó thể cùng tận.

* Mật Tích Kim Cang nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Miệng Bồ tát chưa từng nói ra những lời nhiệm ô, lời bất nhon, lời sân hận

* Hán bộ quyển thứ 9.

ngu si, cũng chẳng nói lời dua nịnh, lời kết oán, lời cợt đùa chế giễu. Lúc nói, Bồ tát chẳng cười vô lối, chẳng thốt ra lời châm chọc, lời thô bạo. Lòng Bồ tát không hề có quan niệm nào hại, chấp trước, tranh đấu, bực tức, ỷ thị, công cao, buông lung, trái lý. Không lúc nào Bồ tát để mất nghi tiết, lỗi thời, không tham dục, độc ác. Thân thể Bồ tát toàn vẹn, thanh âm viên diệu. Tâm không thiên đảng, không che giấu, chẳng oán hiềm, chẳng tà kiến, chẳng chấp ngô ngã, chẳng khuấy rối người. Bồ tát không truyền rao lỗi của người, chẳng thất ngôn, thường nhẫn nhịn, luôn hòa thuận, bỏ hành vi phi pháp, không coi rẻ chánh pháp, chẳng ca ngợi người của mình, chẳng phá hoại bạn của người. Mình được điều tốt điều hay chẳng lấy đó làm vui thích. Thấy người khác được khen tặng chẳng ganh hờn. Chẳng hủy báng người trí, chẳng khinh khi người hiền, chẳng buộc tội người, chẳng tìm chỗ dở của người, siêng dạy bảo người chí nguyện cầu đạo Vô thượng.

Thưa ngài Tịch Ý! Đây là Bồ tát ngôn hạnh tương ưng, tinh thần đồng kiên, công đức báo ứng chỗ làm chắc chắn, lời nói chí thành, thực hành đúng như lời. Giả sử có người đến dưới cây to đứng quan sát rồi hỏi người khác rằng: Anh biết cây này có bao nhiêu lá chẳng? Người đại trí

chẳng nhìn cây cũng chẳng đếm số, mà có thể nói đúng số lá như người đã đếm. Đối với đạo đức, người trí chẳng suy lường liền biết số lượng ở giữa Đại chúng tuyên thị rành rẽ, lời nói của người này cùng người đại trí trước kia đồng nhau không khác.

Nếu có người hỏi cát trong sông lớn có bao nhiêu hột? Nước trong sông lớn có bao nhiêu thăng? Về việc này chỉ bậc Đại Thánh mới biết. Chư Thiên nhĩn đến Long thần, Bát bộ, loài người, đến bậc Thanh văn, Duyên giác đều không thể biết rõ. Duy Phật Thế Tôn mới biết rõ được. Cứ theo đây để quán sát, đức Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, trí huệ không thể tính lường, tuyên thuyết vạn ức thanh âm, chúng sanh đều được nghe, đều được hiểu.

Thưa ngài Tịch Ý! Thuở quá khứ có một vị Thần tiên hiệu là Lâu Di thường ở dưới cội cây Nhon hiên, trọn mười hai năm vừa quan sát vừa đếm lá cây. Sau đó có Phạm chí tên Tịch Nhiên đến dưới cây Nhon hiên, thấy Đại tiên ngày đêm quan sát cùng đếm lá cây. Phạm chí hỏi có. Đại tiên bảo rằng tôi đếm lá cây để biết có bao nhiêu lá.

Lúc đó, Phạm chí Tịch Nhiên chẳng nhìn cây, chẳng đếm lá mà nói kệ rằng:

Có tám ngàn cai
Tám ngàn ức lá,
Chín ngàn sáu trăm
Lẻ hai mươi lóng
Gốc có hai trăm
Năm mươi lẻ năm
Nụ có sáu ngàn
Sáu trăm sáu mươi.
Theo tôi rõ biết
Cây này như vậy
Đại tiên nếu nghi
Xin đếm lại đó.

Đại tiên Lô Di khen rằng:

Lành thay! Lành thay! Ông nói thật đúng số. Ông không tính đếm mà biết rõ số lá cây đúng như của tôi đã từ mười hai năm tính đếm. Xin Phạm chí vui lòng cho tôi biết duyên cớ vì sao chẳng xem chẳng đếm mà lại biết như tôi đã tính đếm?

Phạm chí nói:

Thưa Đại tiên! Chẳng phải người cũng chẳng phải trời giúp tôi. Do tôi chí thành tu tập chánh hạnh, đúng theo đế lý chơn thật không phân biệt đấu tranh.

Thưa ngài Tịch Ý! Thần tiên Lô Di thuở xưa chính là Tôn giả Xá Lợi Phất. Phạm chí Tịch Nhiên là đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn hiện nay.

Thưa ngài Tịch Ý! Nghiệp hạnh Bồ tát rất vi mật, trí huệ vô cực vô lượng vô hạn, thuận theo thời nghi mà thị hiện, không thể nói, không thể nghĩ lường đến được.

Thưa ngài Tịch Ý! Những gì là tâm mật? Tâm niệm thanh tịnh chẳng mất thần thông, dùng trí huệ thần thông để tự vui, lúc thị hiện luôn trụ nơi thần thông, thực hành đại bi dùng thần thông biến hóa vô số vô lượng khắp hiển bày tất cả, ở trong nhà trí huệ trụ để lý thần thông, mắt thấy rõ tất cả pháp. Đây là trí huệ thần thông vô cực chánh chơn hiện khắp tất cả của Bồ tát. Trí huệ thần thông này hiển hiện các hình tượng, các sắc thân, vẫn không có sắc. Bồ tát dùng trí huệ thần thông hiển hiện những thanh âm. Bồ tát có thể quan sát tất cả tâm niệm tư tưởng của tất cả chúng sanh, theo căn lành của họ mà tùy thời khai hóa, không bao giờ quên sót. Bồ tát không quan niệm khứ lai mà hiện thân tức vô ngại đi khắp ba cõi chẳng chướng chẳng trệ, không thủ trước, không tạo lập. Trí huệ thần thông của Bồ tát dứt tất cả hữu lậu. Chỗ thấy biết sâu xa huyền diệu, thị hiện vào sanh tử để độ đời. Trí huệ thần thông của Bồ

tát siêu việt tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác. Ngồi dưới cội Bồ đề, hàng phục quân ma, thấu hiểu tất cả Phật pháp, thuận theo thời nghi chuyên chánh pháp luân, khai hóa tất cả chúng sanh đưa họ vào luật pháp đến bực Nhứt sanh bất tử.

Thưa ngài Tịch Ý! Đây là tâm hạnh thanh tịnh bí mật của Bồ tát. Nếu tâm chơn thật thanh tịnh thì trọn vô trụ vô quy, thường hỷ lạc, an thích điều hòa rớt ráo lành tốt, nhập Phổ huệ tam muội, chẳng diệt độ hẳn, chẳng nhằm cõi Dục. Giả sử Bồ tát sanh trong cõi Dục, vẫn không đắm trước, chẳng bị ràng buộc, chẳng có kiết sử. Vì Bồ tát đã khỏi hẳn tất cả vọng tưởng, sạch trần cấu, không điên đảo, không chấp trước, đã thoát sanh lão bệnh tử. Dầu Bồ tát hiện có sanh mà vẫn vô sanh. Bồ tát trụ nơi Đại thừa để thành tựu tất cả Phật pháp, dùng đây cứu hộ tất cả chúng sanh, mà vẫn là bất khả đắc, không cứu không hộ, rõ tất cả pháp đều là tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp là tất cả pháp, chẳng phải pháp cũng chẳng phải phi pháp, vì tất cả pháp bản lai bất khả đắc, không xứ sở, không số, không lượng.

Rõ biết tất cả pháp vốn không tất cả pháp, không cầu không được. Bồ tát thấy có được, vẫn không có tâm mừng lo, vì không tâm mừng lo nên không chướng ngại, không trụ trước. Vì không trụ

trước nên không ngô ngã, vì không ngô ngã thì không lãnh thọ, vì không lãnh thọ thì không tránh tụng, vì không tránh tụng thì không loạn động. Không loạn động chính là pháp của bực Sa môn. Tâm Bồ tát bình đẳng như hư không, chẳng đọa Dục giới, chẳng ở Sắc giới, chẳng trụ Vô sắc giới. Tất cả đều không trụ trước, không khen không chê, vì tất cả pháp đều bất khả đắc. Đây là tâm mật của Bồ tát.

Thưa ngài Tịch Ý! Tâm mật của Bồ tát thực hành đại từ vì không chấp ngô ngã, thực hành đại bi vì không có chúng sanh, thực hành hoan hỷ vì không có mạng sống, bởi tế độ nên rõ thấu không thọ mạng, thực hành bốn cách bố thí vì tâm không xan lẫn, phụng hành cấm giới vì tâm điều hòa, thực hành nhân nhục vì tâm bất động, tu hành tinh tấn vì tư duy tịch tịnh, nhứt tâm chánh định vì tâm vô trụ, biết rõ Thánh tâm vì không chỗ làm, tu tứ niệm xứ vì không ý không niệm, thực hành tứ chánh cần vì tâm hiểu rõ chẳng sanh chẳng diệt, thần túc bay đi vì tâm rộng rãi không ngăn mé, dốc lòng chánh tín vì tâm không trở ngại, nếu tu tinh tấn thì tâm hành vắng lặng, trụ nơi chánh niệm vì tâm hành được tự tại, trụ nơi chánh định vì tâm bình đẳng vô phân biệt, trụ nơi trí huệ vì tâm không vọng tưởng, thế lực tự tại vì thuận theo

nguồn tâm, dùng ý giác sát vì có huệ phân biệt, phụng hành đạo nghiệp vì tâm không chỗ tưởng, tâm ý vắng bật vì đăm bực không suy tư, quan sát nội tâm vì chỗ thấy biết không chấp trước, tu hành Hiền Thánh vì hiểu tâm rốt ráo, tâm thường niệm Phật vì trí huệ sáng suốt không có vọng tưởng, tâm gãm suy đại đạo vì chí nguyện vô lượng, thường niệm chánh pháp vì tâm bình đẳng, thường niệm Thánh chúng vì tâm vô trụ dạy dỗ chúng sanh, tâm thường thanh tịnh vì hộ chánh pháp, thuận theo pháp giới vì tâm không biến hoại, thanh tịnh Phật độ vì tâm đồng hư không, đầy đủ tướng tốt vì tâm không phân biệt hình tướng, thường trụ nhẫn nhục vì tâm không điên đảo, trụ bực Bất thối vì tâm không thối chuyển, trang nghiêm đạo tràng vì ở trong Tam giới mà tâm chẳng nhiễm ô, hàng phục nghiệp ma vì tâm nhiếp thọ chúng sanh, đem đạo pháp truyền dạy vì tâm bình đẳng hiểu biết tất cả pháp, thường chuyển pháp luân vì pháp không chuyển, tâm không thối chuyển hiện đại Niết bàn, giải thích nguồn sanh tử vì tâm bình đẳng tự nhiên.

Thưa ngài Tịch Ý! Nếu Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn thì tâm rất vi mật, rất thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh thì hiểu rõ và đi vào tâm thanh tịnh của tất cả chúng sanh. Tâm của chúng sanh vào

nơi đạo tâm mà bị chiếu sáng. Như hư không bình đẳng vào khắp tất cả những pháp hữu hình vô hình, đạo tâm vào khắp tâm hành của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Lúc Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ diễn thuyết thân khẩu tâm mật bất tư nghi của Bồ tát, có bảy muôn hai ngàn chư Thiên và Nhơn chúng phát tâm Vô thượng Chánh chơn, ba muôn hai ngàn Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn, mười bốn ngàn người xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, tám ngàn Tỳ kheo tâm ý vô lậu.

Liền đó, cả Đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ánh sáng lớn chiếu khắp mười phương, giữa hư không mưa các thứ hoa, các thứ nhạc khí tự nhiên hòa tấu. Trong tiếng âm nhạc diễn ra những lời như vậy: “Những ai nghe được pháp của Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ này diễn nói, nếu có lòng ưa thích kính tin, thì sẽ được thọ ký, sẽ mến thích kinh điển và thọ trì đọc tụng vì người giảng nói, chẳng thôi thất đạo tâm, sẽ vun trồng những công đức lành. Những người này đã từng cúng dường vô số chư Phật lợi ích chúng sanh”.

Đức Thế Tôn bảo Tịch Ý Bồ tát:

Chùng ông có nghe những lời diễn nói của âm nhạc đó chăng?

- Bạch Thế Tôn! Tôi nghe rõ. Do oai thần của ai mà có tiếng nhạc như vậy?

- Này Tịch Ý! Đó là Lôi Âm Bồ tát từ nước Vũ Thị của Phật Lôi Âm Vương, đến Ta Bà thế giới này để ra mắt đánh lễ Ta, muốn hỏi pháp yếu và muốn nghe giáo pháp bí mật của Như Lai, nên ẩn thân trên hư không rải hoa cúng dường Phật và kinh pháp, cùng làm tiếng âm nhạc nói ra những lời như vậy.

Đức Phật dạy vừa dứt tiếng, Lôi Âm Bồ tát từ hư không hiện thân xuống cúi đầu lễ chân Phật, đi nhiễu Phật bảy vòng ở trước Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Lôi Âm Vương Như Lai kính lời viếng thăm vô lượng, đi đứng an lành, ngồi nằm khỏe khoắn”.

Đức Phật bảo Lôi Âm Bồ tát:

Lành thay Chánh Sĩ! Ông cố ý đến thăm viếng Như Lai, muốn được nghe kinh pháp bí mật. Hiện nay Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ thừa oai thần của Phật mà tuyên thuyết pháp yếu.

Lúc đó, trong Đại hội có chư Bồ tát tự nghĩ rằng: Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ này chứa nhóm công đức từ đời nào? Phát đạo tâm tại chỗ đức Phật nào? Phát nguyện như thế nào? Mà hiện nay được biện tài rộng lớn như vậy?

Đức Phật biết tâm niệm của đại hội liền bảo Tịch Ý Bồ tát:

Về thời quá khứ vô số bất tư nghì kiếp, có đức Phật hiệu là Vô Lượng Huân Bửu Cẩm Tịnh Vương Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác Thế Tôn, hiện ra nơi thế giới Trang Nghiêm trong kiếp Thiện Kiến. Cõi đó như dân đông nhiều giàu có an lạc. Mặt đất bằng phẳng, không có cát đá gai góc, thuần là ngọc báu: lưu ly, thủy tinh, minh châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Mặt đất mềm nhuyễn như y phục của chư Thiên, hương thơm ngào ngạt thêm ánh sáng màu rất đẹp. Cỏ mọc tươi tốt mềm dẻo, đi trên đó êm mát như bước thảm cõi trời. Khí hậu ôn hòa không quá lạnh quá nóng. Người nước đó tánh tình như từ hòa nhã, thân khẩu tâm đều tịch tịnh, phiền não mỏng nhẹ, tất cả đều có oai lực tự tại. Pháp hội của đức Phật đó có mười hai cai đại Tỳ kheo, ba mươi hai ức đại Bồ tát. Đức Phật đó trụ thế ba mươi sáu ức tuổi.

Trong nước Trang Nghiêm có bốn thành lớn tên Khoái Kiến. Mỗi thành vuông rộng tám mươi muôn dặm, cách nhau bốn trăm dặm. Trong mỗi thành có cả ngàn quận huyện. Như dân thân cao bốn dặm. Nơi đại thành Khoái Kiến lại có nội thành tên Thanh Tịnh, ngang rộng hai ngàn năm

trăm sáu mươi dặm, trong thành có vua Chuyển Luân vương hiệu Dũng Quận đầy đủ thất bửu: kim luân, bạch tượng, ngựa xanh biếc, minh nguyệt thần châu, vợ ngọc nữ, chủ tạng thần, chủ binh đại tướng. Vua cai trị cả bốn châu thiên hạ. Vua đã từng cúng dường quá khứ chư Phật, phát tâm Vô thượng Bồ đề. Chánh hậu Ngọc Nữ cùng bảy muôn sáu ngàn thể nữ trong cung đều phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vua có ngàn thái tử đều xinh đẹp, đủ hai mươi tám tướng tốt, sức lực mạnh mẽ, tánh nét nhơn hòa, cũng đều phát Bồ đề tâm.

Thuở đó, đức Phật Vô Lượng Huân Bửu Cẩm Tịnh Vương đi đến thành Thanh Tịnh. Vua Dũng Quận cúng dường Phật và Đại chúng Bồ tát Thanh văn những y phục, đồ uống ăn, thuốc men, đồ nằm, nhà cửa, giảng đường, tinh xá, cùng vườn tược suối ao. Mỗi vị Tỳ kheo, vua sai hai người theo hầu hạ. Nhà vua cúng dường như thế trọn một ức năm. Ngàn vị vương tử thường chí tâm cúng dường Phật và thích nghe kinh pháp, chẳng ưa ái dục, bỏ việc chơi đùa, vì chí tâm chẳng phóng dật, không bao lâu đều được năm thứ thần thông. Khi được thần thông rồi, ngàn vương tử bay vọt lên hư không tự tại vô ngại, bay khắp tất cả quận huyện, các thành các nước, nhân

đến bốn châu thiên hạ. Đến đâu các vương tử cũng đều vì Đại chúng mà tuyên thuyết kệ rằng:

Chư Phật hiện ra đời
Lâu xa khó gặp gỡ
Sanh làm người thế gian
Cũng là rất khó được.
Mọi người nên đồng chí
Đều tin thích nghe kinh
Trong trăm ngàn ức kiếp
Lại càng khó gặp gỡ.
Nay Như Lai Thế Tôn
Đã hiện ra trong đời
Muôn mọi người được độ
Nên nói những kinh pháp.
Chúng tôi gần bên Phật
Thưa thỉnh được dạy dỗ
Cầu trí huệ sáng suốt
Phụng hành lời Phật dạy.
Do thọ trì kinh pháp
Thoát khỏi các ác thú
Được thêm lớn căn lành
Ở nơi chỗ rất an.
Vì được nghe chánh pháp
Tiêu trừ các trần lao

Do được huệ đa văn
Nên được chơn chánh pháp.
Đem pháp đã được nghe
Tuyên dương vị cam lồ
Do đây hiện điềm lành
Đất chấn động sáu cách.
Bồ cáo cùng trời người
Chư Thiên đồng ca ngợi
Đồng thời rải hoa trời
Hoa kia đủ các loại.
Chúng sanh đều hợp đến
Số đông chẳng thể lường
Đấng Chí Tôn khai hóa
Đều được vào Thánh đạo.
Đại chúng cúi đầu lạy
Nơi chân đức Thế Tôn
Rồi đều đứng chấp tay
Cung kính hầu bên Phật.
Như Lai Thiên Nhơn Sư
Thấy rõ lòng Đại chúng
Tùy thời nghi căn tánh
Đem kinh pháp dạy truyền.
Tất cả Đại chúng kia
Được nghe pháp Phật dạy

Ba mươi sáu ức người
Đồng phát tâm vô thượng.
Lại có ba trăm ức
Người nghe chánh pháp âm
Thấy rõ tất cả pháp
Được pháp nhãn thanh tịnh.
Những người đó đều nhằm
Gia nghiệp cùng tục duyên
Ở trong pháp hội kia
Xuất gia tu học đạo.
Lại có vô số chúng
Ức tỷ triệu muôn người
Đến pháp hội nghe kinh
Quy y làm Tín sĩ
Sau khi nghe kinh pháp
Cúi đầu lạy chân Phật
Đồng chấp tay từ biệt
Lễ Phật trở về nhà.

Này Tịch Ý! Các vị vương tử đó cùng Chuyển Luân Vương xây dựng lầu đài bằng gỗ chiên đàn, cửa nẻo đều bằng châu báu. Vì muốn đến nghe pháp với đức Phật Vô Lượng Huân Bửu Cẩm Tịnh Vương, nên vua Dũng Quận khuyên bảo quyền thuộc trong cung cùng đại thần bá quan và nhơn dân già trẻ: Mọi người nên biết rằng thân

người khó được, gặp Phật ra đời lại càng khó, nay chúng ta nên đến lễ kính đức Phật để được nghe kinh pháp.

Nhà vua cùng các vương tử, phu nhơn, thể nữ, các quan và nhơn dân vào ngồi trong lầu hương, trỗi nhạc đờn ca, đồng đem theo nhiều thứ hoa hương, y phục, tràng phan, bửu cái để cúng dường Phật. Lầu hương như chim phụng hoàng bay lên hư không đến chỗ Phật ngự. Lầu hương bay nhiều Phật bảy vòng rồi dừng lại một phía. Vua Dũng Quận cùng đại chúng ra khỏi lầu hương đến lễ chân Phật và lễ Thánh chúng, nhiều Phật bảy vòng, rồi ở trước Phật bạch rằng:

Thế Tôn! Từ lâu chúng tôi đã được nghe tiếng Phật, nhưng vì việc nước quá nhiều dần dà đến ngày nay mới được vào pháp hội thấy dung nhan Phật. Lòng chúng tôi không xiết hổ thẹn tự trách lấy mình. Ngưỡng mong đức đại từ lượng tình thương xót.

Đức Phật Vô Lượng Huân Bửu Cẩm Tịnh Vương thấy vua cùng quyến thuộc đều có lòng thành thật muốn nghe pháp liền thuận theo tâm bệnh của họ mà ban tuyên chánh pháp.

Này Đại vương! Muốn học Đại thừa chẳng trái Thánh đạo phải thực hành bốn điều: Một là

hết lòng tin Tam Bảo, phụng thờ các bực Hiền Thánh, những điều chẳng nên làm phải tránh xa. Hai là chí tâm nghe kinh pháp, nghe rồi thọ trì. Ba là bỏ tánh kiêu căng ngạo mạn nhứt tâm cung kính các bực Hiền Thánh. Bốn là tinh tấn nhiếp thân khẩu ý thực hành hạnh lành. Nếu Đại vương thuận theo bốn điều trên thì có thể tu học Đại thừa chẳng trái Thánh đạo.

Này Đại vương! Lại có bốn điều cần phải giữ gìn chớ phóng dật: Giữ gìn sáu căn thấy họa hại của ái dục, hiểu tất cả thọ và tướng, biết rõ vô thường, do nghiệp nhơn mà có mạng căn.

Này Đại vương! Bồ tát lại có bốn việc mà đạo pháp được sanh: Một là chẳng bỏ đạo tâm. Hai là cũng khuyên người khác phát tâm. Ba là chứa nhóm cội công đức để giúp đạo tâm, những pháp được nghe hiểu thấu nghĩa lý. Bốn là với tất cả Đế Thích, Phạm vương, Tứ Thiên vương, nhân đến bực Thanh văn, Duyên giác đều đem giáo pháp Đại thừa rộng lớn khuyên hóa tất cả.

Này Đại vương! Do đây nên phải thường không phóng dật, kính tin Tam Bảo, ưa thích vô lượng đạo pháp, vui nơi chánh pháp. Nếu được tinh tấn tìm cầu đạo pháp, thì Đại vương chẳng còn tham ưa những trần cảnh. Đại vương nên biết

rằng tham dục không có thời gian nhàm đủ, như người uống nước mặn càng uống càng khát. Gặp được bực Hiền Thánh khai thị mới biết hạn chế tham dục, mạng người rất ngắn vui ít khổ nhiều, có sanh tất có tử phải biết lo đời sau.

Nay Đại vương cúng dường Như Lai, do công đức này được bốn điều lợi ích: Đời đời giàu có đầy đủ, công đức phước báo không cùng không tận, được huệ sáng suốt vô lượng, biện tài vô ngại.

Lại sẽ được bốn điều lợi ích: Nơi thân thực hành những điều công đức thanh tịnh, lời nói thanh tịnh đúng cấm giới, tâm niệm thanh tịnh học rộng không nhàm, được trí huệ sáng suốt thanh tịnh.

Lại có bốn điều lợi ích: Đầy đủ phương tiện tu hạnh thanh tịnh dạy bảo chúng sanh vào nơi trí huệ, dùng nghiệp thanh tịnh hàng phục quân ma, thệ nguyện thanh tịnh việc làm tương ưng với lời nói, chứa nhóm công đức được gặp chư Phật.

Vua Dũng Quận sau khi nghe đức Phật dùng pháp nghĩa khai thị, lòng vua vui đẹp liền cởi chuỗi ngọc đang đeo nơi cổ dâng lên cúng dường Phật. Vua thọ ngũ giới trọn đời tu tập Phạm hạnh. Phu nơn và thể nữ nghe Phật thuyết pháp cũng đều vui vẻ, tâm ý nhu hòa, đồng cởi chuỗi ngọc

châu báu đeo trên thân để cúng dường Phật. Phu nhon và thể nữ xin vua cho được xuất gia làm Sa môn tu Phạm hạnh. Vua liền cho phép.

Lúc đó, vua Dũng Quận lạy chân Phật đi nhiễu bảy vòng, rồi cùng các thể nữ, bá quan vào lầu hương trong giây lát bay về nước Thanh Tịnh. Đến ngày rằm trăng tròn, nhà vua cùng quyến thuộc trong cung vào vườn hoa trời nhạc đờn ca. Hai bà chánh phu nhon, một bà hiệu Bất Hành Bộ, một bà hiệu Vô Hư Tôn, sau khi tắm gội dùng hương thơm xông ướp y phục ngồi trên giường báu. Tự nhiên có hai hài đồng hiện ra ngồi kiết già trên gối của mỗi phu nhon. Hai hài đồng này dung nhan xinh đẹp đủ hai mươi tám tướng tốt. Đồng thời trên hư không có trăm ngàn chư Thiên cất tiếng khen rằng: “Hai vị hài đồng này một tên Pháp Ý, một tên Pháp Niệm, đều sẽ tu hành Thánh pháp”.

Pháp Niệm hài đồng ngồi trên gối của phu nhon Bất Hành Bộ. Pháp Ý hài đồng ngồi trên gối của phu nhon Vô Hư Tôn. Hai vị hài đồng đồng cất tiếng nói kệ rằng:

Nếu ai giữ thân mình
Phát được tâm Bồ đề
Những bậc Học sĩ này

Tạo nên phước đức lành.
 Những người này từng gặp
 Đức Như Lai ra đời
 Thường có lòng vui mừng
 Nhứt tâm cúng dường Phật.
 Vì sự nghiệp thần thông
 Sớm được Phật cứu độ
 Tiêu hết vòng sanh tử
 Chứng tịch diệt vô sanh.
 Nếu phát tâm Bồ đề
 Giữ bền không quên mất
 Vì cứu độ chúng sanh
 Phá hoại vòng sanh tử.
 Ở thế giới thượng phương
 Cách đây vô lượng cõi
 Thế giới kia có Phật
 Hồng danh là Thời Tiết.
 Chúng tôi từ cõi kia
 Muốn nghe pháp đến đây
 Muốn thấy Phật Công Huân
 Cùng quốc độ của Phật.

Lúc đó, hai hài đồng rời khỏi gôi của mẹ, thẳng đường đến chỗ Phật, đầu mặt lạy chân Phật rồi chấp tay đứng qua một bên. Nhà vua cùng thái

tử, các phu nhon và thể nữ đi trên hư không đến chỗ Phật đánh lễ rồi chấp tay đứng qua một bên.

Lúc đó, Pháp Ý bạch rằng:

Ngưỡng mong Thế Tôn vì chúng tôi mà giảng thuyết đạo pháp.

Đức Phật Công Huân biết rõ tâm niệm của mọi người, đem phép nghĩa thâm diệu để khai thị: Tất cả pháp đều từ nhon duyên hòa hợp mà sanh khởi, vốn không chủ thể, không tác giả, không tự tánh, cũng không nhon duyên, tất cả pháp đều trống rỗng như hư không, không thể chấp lấy.

Đức Phật Công Huân dùng vô số phương tiện tuyên thị pháp nghĩa thâm diệu, làm cho bảy mươi sáu cai hai ức tỷ người chứng được Nhu thuận pháp nhẫn. Lúc đó, vua Dũng Quận cùng các thái tử và quyền thuộc trọn bảy ngày đêm nhiều Phật cúng dường, lễ tạ Phật đồng trở về cung.

Một hôm, vua Dũng Quận ngồi yên tự nghĩ rằng: Các con của ta đều phát tâm Bồ đề. Nay nên thử xem vương tử nào sẽ chứng đạo vô thượng trước nhất. Nhà vua bèn bảo thợ làm bình bằng thất bửu để trên đài cao bốn mươi chín thước. Nhà vua truyền ngàn thái tử mỗi người biên danh hiệu mình trên thẻ bằng thất bửu để vào bình. Mọi người trọn bảy ngày đêm dùng các hương hoa

cúng dường bình thất bửu. Qua bảy ngày, nhà vua đem bình thất bửu để trên án vàng bảo ngàn thái tử rút thẻ. Lúc đó, thái tử Tịnh Ý được thẻ đệ nhất, cùng lúc ấy cả Đại thiên thế giới chấn động sáu cách, tất cả kỹ nhạc tự nhiên hòa tấu.

Đến đây, đức Phật bảo Tịch Ý Bồ tát:

Này thiện nam tử! Thái tử Tịnh Ý, con của nhà vua Dũng Quận thuở quá khứ kia chính là đức Câu Lưu Tôn Như Lai. Thái tử kế hiệu Ly Danh chính là đức Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai. Thái tử thứ ba tên Tịch Căn chính là Ca Diếp Như Lai. Thái tử thứ tư tên Nhất Thiết Khổ Lợi chính là thân của ta Thích Ca Mâu Ni Phật hiện nay. Thái tử thứ năm tên Vũ Thất chính là Di Lạc Như Lai. Thái tử thứ sáu tên Minh Nguyệt Châu Phục sẽ là Phật Sư Tử. Thái tử thứ bảy sẽ là Phật Diệu Anh. Tuần tự như vậy lần lần đến vị thái tử rút được thẻ thứ chín trăm chín mươi chín, sau đây sẽ thành Phật hiệu là Vô Lượng Đức Bửu Xung. Thái tử tên Ý Vô Lượng rút được thẻ cuối cùng sẽ thành Phật thứ một ngàn trong một ngàn đức Phật ở Hiền kiếp này hiệu là Lô Chí Như Lai.

Này Tịch Ý! Sau khi rút thẻ, ngàn thái tử cùng nhau vui cười và nói rằng sau này tôi sẽ thành Phật, sẽ hàng phục quân ma chuyên đại pháp luân cứu độ vô lượng chúng sanh.

Lúc đó, thái tử Ý Vô Lượng thấy mình rút được thẻ sau rốt, sẽ thành Phật cuối cùng, trong lòng sâu nảo tự gieo mình xuống đất lập thệ rằng: Đạo pháp của chư Phật chẳng thể nghĩ lường, chúng sanh giới cũng là vô hạn, chí nguyện của tôi cũng bất tư nghì. Tôi nguyện khi các anh tôi thành Phật giáo hóa đệ tử, thọ mạng dài ngắn, Thánh chúng nhiều ít, lúc tôi thành Phật cũng đồng như vậy. Nếu lời nguyện của tôi trên đây sau này được đúng như vậy, xin cõi Đại thiên vì tôi mà hiện điềm lành.

Thái tử Ý Vô Lượng vừa lập thệ xong, Đại thiên thế giới liền chấn động sáu cách, trời rưới các thứ hoa, tất cả nhạc khí tự nhiên hòa tấu. Giữa hư không có tiếng khen rằng: Sẽ được như nguyện, sau này thành Phật hiệu là Lô Lô Chí Như Lai Đẳng Chánh Giác.

Thái tử Ý Vô Lượng sau khi phát nguyện, được thấy điềm lành cùng nghe tiếng ca ngợi giữa hư không, liền nói kệ rằng:

Đạo pháp của chư Phật
Đồng như cõi hư không
Ý giác dường như huyền
Chúng sanh giới vô tận.
Phát nguyện hiện điềm lành

Giới cấm thành thanh tịnh
Các Ngài nên lắng nghe
Lời thệ nguyện của tôi.

Này Tịch Ý! Vương tử Ý Vô Lượng sẽ là vị Phật cuối cùng trong Hiền kiếp hiệu Lâu Chí Như Lai. Có sao hiệu là Lâu Chí? Vì lúc Vương tử rút nhằm thệ thứ một ngàn tự cảm thương buồn khóc, gieo mình xuống đất chí thành phát nguyện do đó nên khi thành Phật hiệu là Lâu Chí.

Này Tịch Ý! Ông xem chư Bồ tát thiện quyền phương tiện, thành tựu giới hạnh, phát nguyện rộng lớn đi khắp trong Tam giới không lúc nào ngừng nghỉ. Lâu Chí Như Lai riêng một mình giáo hóa chúng sanh cùng ngàn Phật ra đời chỗ độ chúng sanh đồng nhau không khác.

Này Tịch Ý! Hai vị vương tử nhỏ hơn hết trong ngàn vị vương tử tự lập thệ nguyện. Vương tử Pháp Ý nguyện rằng: “Lúc các Vương huynh thành Phật, tôi sẽ làm Kim Cang Lực Sĩ hộ trì chánh pháp bí yếu của Như Lai”. Vương tử Pháp Niệm phát nguyện rằng: “Lúc các vương huynh thành Phật, tôi sẽ là người thỉnh mời và hộ trợ chư Phật chuyển pháp luân”.

Này Tịch Ý! Vua Dũng Quận là tiền thân của Định Quang Như Lai. Ngàn vương tử là tiền thân

của ngàn đức Phật trong Hiền kiếp, Từ Phật Câu Lưu Tôn thứ nhất đến Phật Lô Lô Chí thứ một ngàn. Vương tử Pháp Ý chính là Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ đây. Vương tử Pháp Niệm hiện nay là Thức Kỳ Phạm Thiên. Phu nhơn thể nữ trong cung vua thuở trước là những người đến dự pháp hội hôm nay. Những người ngày trước được các Vương tử khuyên xuất gia làm Sa môn và những người được các Vương tử giáo hóa, trong Hiền kiếp này họ sẽ được lần lượt thọ ký thành Phật.

Này Tịch Ý! Ông xem chư Bồ tát chí thành phát tâm công đức không bao giờ mất. Chư Bồ tát sẽ được đầy đủ mười trí lực viên mãn hạnh nguyện của mình. Do đây nên có Bồ tát nào muốn được sớm thành Phật phải học đòi theo hạnh nguyện của ngàn Vương tử Bồ tát, siêng năng phụng hành Phật đạo.

Những gì là Phật đạo? Chẳng nên có tâm tổn hại chúng sanh, thêm lớn lòng từ thực hành lục độ, thường tu Phạm hạnh, tu tập bốn ân, thực hành các phẩm trợ đạo đầy đủ thần thông phương tiện quyền xảo để trọn nên cội công đức. Các hạnh trên đây chính là Phật đạo.

Này Tịch Ý! Đạo đó tâm thanh tịnh thì thấu đạt bốn tánh. Đạo đó hòa nhã chí ý an ổn. Đạo đó

chất phác mà không dua nịnh. Đạo đó rộng khắp không chỗ chướng ngại. Đạo đó bình đẳng không lòng bè đảng thiên lệch. Đạo đó vô úy chẳng phạm các điều ác. Đạo đó giàu có Bồ thí ba la mật. Đạo đó đầy đủ Giới ba la mật. Đạo đó chẳng tranh luận được Nhân ba la mật. Đạo đó lìa chấp trước thành Tinh tấn ba la mật. Đạo đó không tán loạn là Thiên định ba la mật. Đạo đó khéo quyết trạch là Bát nhã ba la mật. Đạo quy về nơi trí huệ của mình, phụng hành đức đại từ. Đạo đó chẳng có ý vạy vò đến nơi đại bi. Đạo đó cảm thọ vui vẻ thực hành lòng đại hỷ. Đạo đó trụ nơi vi diệu đến bậc đại xả. Đạo đó trừ các khổ não, diệt bỏ những vọng tưởng tham hại sân hận. Đạo đó đến chỗ an lành không có lòng nguy hại. Đạo đó giáo hóa kẻ khó điều phục, dứt trừ sự đắm mê nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đạo đó hàng phục ma vương cùng quyến thuộc của ma khiến họ bỏ tâm ngạo mạn và trừ dẹp những giặc oán thù. Đạo đó tiêu trừ các ám các nhập, không chỗ chấp trước. Đạo đó bỏ việc ma, ở trong trần lao mà được tự tại. Đạo đó đem tâm hướng về vô thượng, lìa tâm niệm Nhị thừa. Đạo đó huân tập các công hạnh thành trí giác bình đẳng. Đạo đó ngự nơi đại bửu tòa thuận Nhứt thiết trí. Đạo đó thường phân biệt trí huệ sáng suốt vô ngại. Đạo đó tuyên thị hạnh lành

nhiep các thiện hữu. Đạo đó bỏ hãm hồ tiêu các kiết sử. Đạo đó bỏ trần lao vượt khỏi sự sân hận tranh đấu. Đạo đó về nơi an ổn hết những điều quấy ác. Đạo đó về nơi cát tường hướng đến nghiệp Niết bàn.

Trên đây là Bồ tát thực hành ba mươi hai điều Phật đạo. Trụ nơi Phật đạo này, Bồ tát sẽ được mau thành quả Vô thượng Bồ đề.

* Lúc bấy giờ, Tịch Ý Bồ tát lại hỏi Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Đức Như Lai có bao nhiêu sự bí yếu? Những bí yếu của Như Lai, tất cả hàng Thanh văn và bậc Duyên giác chẳng thể bằng được, nói gì đến kẻ phàm phu là hạng mê tối. Lành thay, ngài Mật Tích! Xin Ngài vui lòng ban tuyên những bí yếu của Như Lai. Tất cả chúng hội đều muốn được nghe.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Lắng nghe cho kỹ và khéo suy nghĩ ghi nhớ. Nay tôi sẽ trình bày bí yếu của Như Lai có ba sự: Một là thân bí mật, hai là khẩu bí mật và ba là ý bí mật.

Sao gọi là thân bí mật?

* Hán bộ quyển thứ 10.

Ở nơi thân, đức Như Lai không tưởng nghĩ cũng không nhớ đến mà hiện đủ tất cả oai nghi lễ tiết. Nếu có hàng trời hay người tự thích kinh hành, lúc họ thấy đức Như Lai kinh hành, họ tự nghĩ rằng đức Như Lai Thế Tôn là trên hết. Những người và trời ấy liền thấy thân mật của Như Lai. Tâm đức Phật không hề suy nghĩ mong mỏi mà tất cả chúng sanh nhìn thấy oai nghi kinh hành diệu đức của Như Lai Chí Chơn.

Nếu có hàng trời hay người thích ngồi, thì họ thấy đức Như Lai ngồi. Nếu có hàng trời hay người thích nằm, thì họ thấy đức Như Lai nằm. Nếu thích nghe kinh, thì họ thấy đức Như Lai thuyết kinh. Nếu thích yên lặng, thì họ thấy đức Như Lai nín lặng. Nếu thích thiên định, thì họ thấy đức Như Lai nhập tam muội. Nếu có hàng trời hay người mắt nhìn chẳng nháy, thì hoặc là họ thấy mắt của Như Lai chưa lúc nào nháy. Hoặc hạng ý tự tại có người thích ánh sáng, thì họ thấy đức Như Lai có ánh sáng vô ngại; có người thích màu tử kim, thì họ thấy màu vàng tử kim.

Nếu có hàng trời hay người thích màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly, màu mã não, màu xa cừ, màu hoàng kim, màu chơn châu, các màu trắng, đỏ, vàng, hồng, tía, màu trắng sáng, màu châu ngọc, màu lửa, màu sáng mặt trời, màu Tứ

Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương, A tu la tạp loạn, hoặc màu trung phần, màu hoa Tu di; hoặc có người nghĩ tưởng màu vi diệu, màu dược hình, màu bích ngọc, màu hoa Vô ưu, màu hoa Chiêm bạch, màu hoa Tư di, màu hoa sen xanh, màu hoa sen vàng, màu hoa sen hồng, màu hoa sen trắng; hoặc có người rõ biết màu trời Đao Lợi, thân hình Tứ Thiên Vương, các vị thủ tạng: Thanh đế, Hoàng đế, Xích đế, Bạch đế; hoặc hàng trời hay người tâm chí vô lượng, phẩm sắc đều riêng khác, thì họ cũng thấy đức Như Lai có bao nhiêu những màu sắc phẩm lượng công đức.

Thưa ngài Tịch Ý! Như vậy, giả sử tất cả chúng sanh đầy trong hằng sa thế giới, những loài có mạng sống luyến ái lẫn nhau, sanh sản lẫn nhau, đều hết tội ác được có thân người từ tư tưởng mà sanh. Giả sử một người trong số đó chỗ sanh ra cũng như tất cả chúng sanh kia, đức Như Lai cũng thấy họ có bao nhiêu phẩm sắc oai nghi lễ tiết và chỗ ưa thích nơi lòng họ chẳng thể hạn lượng, đều muốn xét biết hết ngôn hành bốn mặt của họ và do nhơn duyên này, đức Như Lai Chí Chơn đều riêng hiện hình tượng Phật oai nghi lễ tiết ngôn hành ở nơi chúng sanh ấy.

Giống như một người tâm được giải thoát, chẳng cùng người thứ hai chung đồng, mà muốn

tuyên bày chí thật tâm được giải thoát hẳn đến nơi đạo. Đức Như Lai Chí Chơn mới có thể làm vui đẹp lòng tất cả chúng sanh. Vì vui đẹp lòng chúng sanh mà đức Như Lai hiển thị sắc tượng oai nghi lễ tiết, về ngôn hành cũng như vậy.

Thưa ngài Tịch Ý! Ví như tấm gương sáng, tùy đem hình sắc gì đến soi, thì hiện hình sắc ấy chẳng mất, chẳng sai, chẳng biến đổi. Gương sáng soi hình vẫn không có tướng niệm. Cũng như vậy, đức Như Lai dầu đem chánh pháp cứu tế tất cả chúng sanh mà không có tướng niệm, không tâm lợi dưỡng, có thể làm cho lòng chúng sanh vui đẹp. Tùy theo pháp cạn sâu cao thấp để khai hóa độ thoát ba cõi mê hoặc. Đây là thân hành bí yếu của đức Như Lai.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại bảo ngài Tịch Ý:

Bí yếu của đức Như Lai cũng chẳng phân biệt các ấm các nhập, chẳng thuộc tội phước, chẳng sanh trần lao, chẳng thành cha mẹ, không bào thai, cũng không xương thịt, đều không chỗ có, chẳng thuộc nơi sắc, không thở ra hít vào, thọ mạng diệt hết. Muốn biết thân Phật, thì chính là pháp thân; thân không hình sắc, không các vọng tưởng. Thân sắc tướng Phật được hiện ra đó, là vì

chúng sanh ham ưa xinh đẹp, cầu ngôi tôn sang mà hiện hình tướng ấy ra cho mắt họ được thấy. Pháp tướng vốn vắng bật, vì khiến tất cả chúng sanh kính mộ trí huệ xu hướng Thiên nhân nên đức Phật hiện tướng.

Thưa ngài Tịch Ý! Nếu có các chúng sanh ở chung một pháp hội đều riêng thấy thân Phật.

Có người do ý duyên nên họ thấy Phật ở xa, ngó lại chỗ cũ họ chẳng thấy Phật ở chỗ cũ. Thấy Phật ở xa mà chẳng thấy ở chỗ cũ ấy là vì không có ý duyên vậy.

Người ngó dưng loạn ý để duyên thì chẳng thấy. Nếu đem thân mình để suy xét sự thấy ấy thì: Vì bạn thấy người khác nên chẳng thấy thân mình. Người ngủ chiêm bao thấy cảnh vật, sau khi thức thì không còn thấy. Những cảnh thấy trong định, lúc xuất định không còn thấy. Những cảnh thấy lúc thường, lúc nhập định không còn thấy. Những cảnh thấy nơi rỗng không yên tĩnh, lúc chẳng yên tĩnh thì chẳng thấy. Ở nơi rỗng không yên tĩnh thì không gì chẳng thấy.

Sự thấy ấy không tạo tác, rời nơi không tạo tác thì không chỗ thấy. Nếu rời nơi không tạo tác mới có chỗ thấy, thì là không thấy tất cả vậy.

Thưa ngài Tịch Ý! Thân Phật ấy từ vô số sự đều theo duyên mà hiển hiện thấy khác. Thân Phật ấy không có ngăn mé, cũng là vô hạn vô ngại, không vọng tưởng, chẳng thể tưởng được, chẳng thể hạn định được. Thân Phật ấy không có ngàn ấy hình tượng, không có chỗ nào chẳng khắp.

Ví như hư không chẳng có vọng tưởng. Cũng vậy, thân Phật vĩnh viễn không tư tưởng. Ví như hư không vào khắp tất cả hình sắc. Cũng vậy, thân Phật khắp soi tất cả chúng sanh. Ví như hư không khắp vào các sắc, cùng khắp trong ấy. Cũng vậy, thân Phật soi khắp chúng sanh, không chỗ nào chẳng khắp. Ví như hư không, trường dưỡng tất cả cỏ cây trăm giống lúa. Cũng vậy, thân Phật chí chơn trường dưỡng tất cả cội công đức. Ví như hư không chẳng kể là thường hay vô thường, cũng không có ngày đêm. Cũng vậy, thân Phật chẳng thường chẳng vô thường, chẳng ai thấy được đỉnh đầu Phật.

Thưa ngài Tịch Ý! Đức Phật Thế Tôn hiện khắp trên cõi trời và trong thế gian. Ma vương và Phạm Thiên không ai dám đương diện với Phật để xem đỉnh đầu Ngài. Chư Thiên, Long thần, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người và phi nhơn, cho đến bực Thanh văn,

bực Duyên giác cùng chư Bồ tát không ai kham nhiệm thấy được đỉnh đầu Phật.

Do đâu biết được như vậy?

Sau khi thành đạo, đức Phật đến thành Ba La Nại chuyển pháp luân. Lúc ấy, ở phương Đông cách đây rất xa có thế giới tên Hoài Điều, Phật cõi ấy hiệu Tư Di Hoa. Trong thế giới Hoài Điều ấy có một vị Bồ tát tên là Ứng Trì đến cõi Ta Bà này để kính cẩn cúng dường đức Phật và thưa hỏi. Bồ tát Ứng Trì lễ chân đức Phật rồi đi nhiễu bảy vòng, xong Ngài đứng lại trước đức Phật.

Lúc ấy, Bồ tát Ứng Trì nghĩ rằng: Tôi muốn đo biết thân lượng của Như Lai. Bồ tát Ứng Trì liền tự biến thân mình cao ba trăm ba mươi sáu muôn dặm, nhìn lên thân đức Phật thấy cao năm trăm bốn mươi ba muôn triệu cai hai muôn ức dặm. Ngài tự nghĩ: Tôi đã được thân tức thông tự tại, tôi lại đo lường thân đức Phật cao lớn thế nào? Nương oai đức của Phật, Bồ tát Ứng Trì dùng thân tức bay lên phương trên cách đây trăm ức hằng hà sa quốc độ, đến thế giới Liên Hoa Nghiêm, cõi ấy có Phật hiệu Liên Hoa Thượng, là đấng Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác hiện dương thuyết pháp. Ứng Trì Bồ tát dừng lại nơi ấy nhìn ra xa vẫn không thấy được đỉnh đầu của

đức Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng biết được thân Phật cao lớn rộng xa bao nhiêu.

Lúc ấy, Ung Trì Bồ tát đến đánh lễ Phật Liên Hoa Thượng đi nhiều ba vòng, ở trước Phật bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi từ cõi Ta Bà đến đây, chẳng rõ xa gần bao nhiêu?

Đức Phật Liên Hoa Thượng nói:

Cõi Ta Bà cách đây trăm ức hằng hà sa thế giới, ông từ cõi ấy mà đến đây.

Ung Trì Bồ tát thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi bay lên trên đến ngàn ấy thế giới mà vẫn chẳng thấy được đỉnh đầu của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chẳng rõ thân đức Phật ấy cao lớn bao nhiêu trăm ngàn ức hằng hà sa thế giới?

Đức Phật Liên Hoa Thượng nói:

Này thiện nam tử! Ông dùng sức thần túc từ đây lại bay lên trên trải qua hằng hà sa kiếp vẫn còn chẳng thấy được đỉnh đầu đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng chẳng biết được ngần mé của thân Phật ấy.

Này thiện nam tử! Phải biết thân Phật vô hạn vòi vọi như vậy chẳng ví dụ được. Chư Phật Thế

Tôn chẳng thể ghi chép hay nói lên được. Vì không có gì so sánh nên nói là chẳng thể ví dụ được. Cẩm giới của Như Lai cũng không thể ví dụ được. Tam muội chánh định, trí huệ, giải thoát, tri kiến giải thoát, thân khẩu và ý ba nghiệp cùng các tướng hảo của Như Lai đều chẳng ví dụ được.

Tất cả chúng sanh dùng bao nhiêu phẩm loại ví dụ ca ngợi cẩm giới, chánh định, trí huệ, giải thoát, tri kiến giải thoát, thân khẩu và ý cùng các tướng hảo của Như Lai thì cũng như là hư không, chẳng đến ngần mé được. Thân của đức Như Lai vô hạn tế dường ấy.

Lúc ấy, Ứng Trì Bồ tát nghe lời phán dạy của đức Liên Hoa Thượng Như Lai rất đổi vui mừng được sự chưa từng có, liền đánh lễ chân Phật đi nhiều bảy vòng, nương oai đức của Phật, dùng thần lực của mình, trong khoảng phát ý niệm, mất nơi cõi nước Liên Hoa Nghiêm kia mà hiện đến cõi Ta Bà này, qua chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đánh lễ chân Phật, đi nhiều bảy vòng, rồi ở trước Phật nói kệ ca ngợi rằng:

Muốn biết rõ thân Phật
Ngần mé là dường bao
Tôi bay lên phương trên
Vô lượng hằng sa cõi.

Muốn thấy đỉnh đầu Phật
Bay mãi lên phương trên
Đến thế giới Liên Hoa
Vẫn chẳng thấy được đỉnh.
Thế giới kia có Phật
Hiệu là Liên Hoa Thượng
Biết ý muốn của tôi
Nên vì tôi giảng nói.
Nếu dẫn những ví dụ
Đề luận Phật Thế Tôn
Thì chẳng thuận Phật giáo
Là hủy báng Như Lai.
Nếu muốn biết ví dụ
Như hư không vô hạn
Chư Phật pháp bình đẳng
Thật không có ngăn mé.
Giới, định, huệ của Phật
Giải thoát, trí giải thoát
Nghịch sắc thân cũng vậy
Như hư không vô hạn.
Muốn xem đỉnh đầu Phật
Đồng như xem hư không
Như hư không trùm khắp
Thân Phật khắp cũng vậy.

Như hư không trùm khắp
Phật quang chiếu khắp nơi
Phật quang chiếu chỗ nào
Có ngôn từ cũng vậy.
Ngôn từ đến chỗ nào
Tâm Phật khắp cũng vậy
Như tâm Phật khắp đến
Lòng từ ban khắp chốn.
Như lòng từ khắp ban
Trí huệ cũng cùng khắp
Như trí huệ soi khắp
Thân Phật khắp dường ấy.
Công đức cũng như vậy
Đạo tâm cũng chẳng khác
Như công đức đạo tâm
Biết sắc thân cũng vậy.
Như tất cả chúng sanh
Hưởng thọ phước đức phẩm
Một người phát đạo tâm
Phước đức cũng ngàn ấy.
Như người phát tâm kia
Có công đức danh xưng
Nếu ai thọ chánh pháp
Công đức hơn phát tâm.

Dầu tất cả chư Phật
 Trăm ức kiếp giảng nói
 Chẳng hết được ngần mé
 Công đức trì chánh pháp.
 Có ai phát đạo tâm
 Mà hộ trì chánh pháp
 Người thích hiểu Không, Vô
 Công đức hơn người trên.
 Vì thích hiểu Không, Vô
 Thì chẳng mất đạo tâm
 Chấp trì pháp tôn thượng
 Huệ này mới hòa đồng.
 Đến được pháp lý này
 Bồ tát dũng mãnh tu
 Được đến công đức Phật
 Phụng tu Phật đạo hạnh.

Lúc Ứng Trì Bồ tát nói kệ, cả ức thế giới chấn
 động, trăm ngàn ức chư Thiên trời ngàn ức kỹ
 nhạc. Vô số ức ngàn người phát tâm Vô thượng
 Bồ đề.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Về thân Như Lai bí yếu ấy,
 nếu các chúng sanh đều họp chung một pháp hội,
 hoặc có người thấy được thân Như Lai, hoặc có

người chẳng thấy được. Người thấy được thì vui mừng nhìn xem thân Như Lai. Người chẳng được thấy thì nín lặng mà quán xét. Như Lai chẳng ăn mà chúng sanh đều thấy đức Như Lai uống ăn.

Thưa ngài Tịch Ý! Như có Thiên tử tên Tinh Lực mới được thọ đạo. Thiên tử ấy lấy bát đựng cơm của Như Lai đem cấp cho những kẻ đói thiếu. Mọi người đều đến ra mắt đức Như Lai mà ăn, thấy đức Như Lai cầm cơm lên đưa cơm vào trong miệng, cơm tự nhiên lại trở vào bát.

Thuở xa xưa, đức Như Lai gieo trồng những cội công đức, sanh ở chỗ nào cũng bố thí cho những kẻ đói thiếu. Những người đói khổ không được ăn, đức Như Lai xót thương đem đồ ăn đến cho. Ăn xong những thức ăn ấy, họ đều được thân thể khỏe mạnh, tiêu trừ trần lao hết vọng tưởng, tâm họ nhơn hòa, phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vì thế nên phải biết rằng đức Như Lai chẳng ăn. Đức Như Lai Chí Chơn lấy pháp làm món ăn.

Tại sao vậy? Vì thân của đức Như Lai là thân kim cang chẳng phá hoại được. Thân của Như Lai không có sanh tạng cũng không có thực tạng, không có đại tiện tiểu tiện bất tịnh, cũng không có đàm dãi nhơ ứ. Thân của Như Lai như màu vàng tử kim, không khiếp không nhục, chẳng có kinh sợ.

Ngài Tịch Ý thử xem xét thân của Như Lai không gì sánh bằng, rất đẹp lạ bền vững như chất kim cương, mà lại dịu mềm như Thiên y mịn nhuyễn. Có lúc thân của Như Lai hiển hiện sự vi diệu vô thượng. Chư Thiên ngọc nữ đánh lễ chân đức Phật, chạm chân đức Phật cảm thấy tốt mịn tốt mềm không gì ví dụ được, họ đều phát tâm Vô thượng Bồ đề xa rời trần cấu.

Hoặc có người tham dâm, người sân hận, người ngu si, người đả đốn thân của Như Lai. Mắt của họ vừa thấy thì những phiền não tham sân si và đả đốn của họ đều được tiêu trừ, không còn trần cấu.

Hoặc có những người tham lam, phạm giới, sân hận, lừa dối, loạn tâm, ngu si được thấy thân của Như Lai thì khiến họ trở thành những người bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhứt tâm, trí huệ.

Tóm lại, những người xa rời pháp lành mà thấy thân của Như Lai thì bỏ được tâm bất thiện mà tu công đức. Lấy tâm chẳng vọng tưởng để nhìn xem nơi đức Như Lai mới gọi là chơn đạo.

Thưa ngài Tịch Ý! Đó là thân đức Như Lai bí yếu vậy. Đức Như Lai ứng hiện biến hóa tự tại, dùng pháp khai hóa hiểu biết tâm ý của chúng

sinh mà thuyết pháp cho họ được giải thoát. Đối với chúng sanh kia, đức Như Lai vốn không tác không hành, chưa bao giờ đức Như Lai Chí Chơn nghĩ rằng tôi sẽ hóa hiện thân hình.

Những chúng sanh được hóa độ tâm họ tự quan niệm rằng: Đức Như Lai Chí Chơn ở trước chúng tôi. Từ vô số thế giới, đức Như Lai đến thế giới này. Từ thân Như Lai phóng quang minh vô lượng màu sáng. Quang minh ấy chiếu suốt hằng hà sa quốc độ. Chúng sanh do quang minh ấy mà được khai hóa. Vì thế nên ở Như Lai không có tác nghiệp, không có công hạnh.

Thưa ngài Tịch Ý! Thân của Như Lai bí yếu, bao nhiêu là tâm niệm, bao nhiêu là sự ban bố tuyên thuyết, bao nhiêu là thành tựu chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Chẳng thể tính kể được sự bí yếu của thân Như Lai.

Lúc nói thân hành bí yếu của Như Lai, có mười ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ đề, tám ngàn Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn. Chư Thiên, A tu la, người thế gian khen Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ: “Lành thay! Lành thay!”. Nhạc trời chẳng trôi tự kêu. Hư không mưa hoa trời. Đức Thế Tôn đặt tay mặt lên đỉnh đầu Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ mà khen rằng:

Lành thay! Lành thay! Khéo nói thân của Như Lai bí yếu như vậy. Lời Mật Tích tuyên nói ấy như lời Phật dạy không khác.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với ngài Tịch Ý Bồ tát:

Thế nào là khẩu bí yếu của đức Như Lai?

Thưa ngài Tịch Ý! Từ đêm đức Như Lai thành tối Chánh giác đến lúc nhập Vô dư Niết bàn, khoảng thời gian ấy đức Như Lai thi thố một văn tự bèn có thể ban bố tuyên thuyết phân biệt tất cả vô hạn nghĩa lý, vô số ức năm giảng diễn khắp các pháp.

Tại sao vậy?

Đức Như Lai thường định. Đức Như Lai Chí Chơn không thở ra hít vào, không tư niệm, không chỗ làm, không tư tưởng. Dầu miệng tuyên thuyết, nhưng đức Như Lai vẫn không tưởng niệm không chỗ làm. Chỗ làm của đức Như Lai không làm không chẳng làm, không lời không nói, chẳng nghĩ tưởng có người.

Đức Thế Tôn chỗ nói tất cả tam muội chánh thọ siêu việt đều dùng văn tự mà phân biệt diễn thuyết. Tất cả chúng sanh đều riêng cho rằng: Đức Như Lai vì tôi mà giảng nói kinh pháp.

Đức Như Lai ban một âm thanh đều khắp tất cả chỗ tướng chỗ niệm của tất cả chúng sanh, không ai là chẳng vui đẹp. Ngôn từ của Như Lai phát ra sáu mươi phẩm âm thanh sai khác. Những là âm thanh cát tường, âm thanh êm dịu, âm thanh đáng ưa, âm thanh thanh tịnh đẹp ý, âm thanh rời cấu nhơ, âm thanh rõ sáng, âm thanh vi diệu, âm thanh nghe rõ, âm thanh không rối loạn, âm thanh không huyên náo, âm thanh bực thầy, âm thanh không cứng rắn, âm thanh không thô xẵng, âm thanh thiện thuận, âm thanh an trọng, âm thanh hòa lành, âm thanh theo tâm đúng lúc, âm thanh vui vẻ, âm thanh gợi lòng yêu an ổn, âm thanh không nhiệt nảo, âm thanh đứng đắn, âm thanh thức đạt, âm thanh thân cận, âm thanh ý thích, âm thanh mừng rỡ, âm thanh dạy dỗ hiền hòa, âm thanh rõ ràng, âm thanh siêng cần, âm thanh nhẫn nại, âm thanh lớn rõ, âm thanh vang trù ô uế, âm thanh như sư tử rống, âm thanh như rồng gầm, âm thanh như mưa tốt, âm thanh như sấm dậy, âm thanh chơn đà la nữ, âm thanh như chim loan hót, âm thanh như chim ưng kêu, âm thanh chim hạc ré, âm thanh kỳ vức, âm thanh như tiếng chim anh vũ, âm thanh như sét nổ, âm thanh chẳng mất, âm thanh chẳng bạo, âm thanh vào trong tất cả tiếng vang, âm thanh chẳng phi thời, âm thanh

không thiếu, âm thanh không khiếp, âm thanh sung sướng, âm thanh thông suốt, âm thanh giới cấm, âm thanh ngon ngọt, âm thanh tiến hành, âm thanh rộng khắp, âm thanh đầy đủ, âm thanh các căn không sút mẻ, âm thanh chẳng nhẹ mau, âm thanh vô trụ, âm thanh vang vào khắp các chúng hội, âm thanh tuyên bày các công đức. Đó là sáu mươi phẩm âm thanh của đức Như Lai.

Âm thanh của đức Như Lai thông khắp mười phương thế giới của chư Phật làm vui đẹp lòng tất cả chúng sanh. Đức Như Lai không có tâm tưởng niệm rằng tôi sẽ vì chúng sanh mà miệng tuyên nói kinh Trường hàng, kinh Trùng tụng, kinh Kệ tụng, kinh Bốn sanh, kinh Bốn sự, kinh Tự thuyết, kinh Nhơn duyên, kinh Phương quảng, kinh Vị tăng hữu, kinh Thí dụ, kinh Luận nghị, kinh Thọ ký, ban bố xa gần cho họ hiểu biết, tuyên thuyết pháp nghĩa để khai hóa họ.

Lại ở trong các chúng hội, đức Như Lai Chí Chơn tuyên thuyết pháp nghĩa. Thân cận bên đức Phật có các chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, chư Thiên, Long thần, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn phi nhơn. Chúng hội ấy, tùy theo căn tánh, chỗ tu tinh tấn, tùy pháp sở thích mà làm cho họ được nhập đạo. Do thuận nhập đạo nên tìm cầu

chúng sanh bèn rõ biết không có nhơn duyên mà giáo hóa họ. Các chúng sanh ấy tự nghĩ rằng âm thanh từ miệng đức Như Lai phát ra.

Đức Như Lai chẳng riêng rẽ thuyết pháp cho họ, mà tùy theo tâm họ sai khác, ngôn ngữ đúng lúc mỗi mỗi đều nghe pháp mà được tỏ ngộ. Đây gọi là khẩu bí mật của đức Như Lai.

Thưa ngài Tịch Ý! Vô số chúng sanh tâm hành chẳng kể được. Ngôn ngữ của họ có đến tám muôn bốn ngàn. Dù dặt hạng chúng sanh hạ liệt vô minh tối tăm ấy vào chánh pháp của Như Lai cho họ được khai ngộ.

Lại tâm hành của chúng sanh chẳng hạn lượng được. Nếu có chúng sanh hoặc tham dâm, hoặc sân hận, hoặc ngu si, hoặc đẳng phần, đức Như Lai tùy theo cơ nghi vào trong đó để cứu tế cho họ được vô sở trụ. Nhưng đức Như Lai không có tâm niệm vào trong chúng sanh vì họ phân biệt hành nghiệp tội phước, dùng quyền phương tiện đều vì họ nói pháp riêng khác. Chúng sanh vô hạn chẳng thể đếm kể tính lượng được chỗ làm của họ chẳng đồng, đức Như Lai thiện quyền phương tiện ban tuyên bao nhiêu phẩm pháp.

Lời dạy của đức Như Lai đều khắp vào tâm họ, tùy theo bốn hạnh của họ mà tuyên bố đạo

nghiệp cho họ đều được hiểu biết nhập đạo. Đây thì gọi là sự bí yếu của đức Như Lai.

Hoặc có vị Bồ tát vào trong bí yếu của đức Như Lai, những vị ấy chẳng biết mà cho rằng đức Như Lai Chí Chơn diễn nói môn hữu vi. Nhưng thật thì pháp của đức Như Lai đều là vô vi.

Lại đức Như Lai tuyên một âm thanh. Chúng sanh tưởng là có ngôn thuyết bèn chỉ tưởng nhớ ưa thích âm thanh của đức Như Lai mà hư vọng tưởng nhớ chỗ được nói. Chẳng nên có quan niệm như vậy. Mà phải biết rằng miệng của đức Như Lai vĩnh viễn không có nói năng. Tại sao vậy?

Hoặc có chúng sanh nghe âm thanh của Như Lai phát ra từ tướng bạch hào giữa chạng hai chân mày lại cho là ở đỉnh đầu, hoặc có người tưởng là tóc, biết là màu xanh biếc, đứng nơi giữa trời, mắt rất sáng đẹp. Mọi người chẳng kham nhìn kỹ đức Như Lai được. Sở dĩ hiện ra cho họ thấy, là để tiêu trừ các điều sai quấy, bỏ những tâm ganh hại. Nếu thấy cổ, vai, cánh tay thì trừ các họa ngầm. Nếu thấy ngón tay, hoặc hông, hoặc có ngợi khen từ lưng đến chân, hoặc là bụng, rún, âm tàng, gối, bắp chân thì hết sân hận, hoặc do đó mà được có những tướng tốt hơn hẳn thế gian.

Hoặc có người tưởng niệm đức Như Lai Chí Chơn nghe âm thanh của đức Như Lai, tùy theo

căn tánh lợi độn và sở thích của họ chỗ đáng được độ mà khai hóa. Đức Như Lai khai diễn âm thanh giáo hóa chúng sanh đều làm cho họ vào đạo. Dầu vậy nhưng đức Như Lai cũng không có tướng niệm.

Thưa ngài Tịch Ý! Ví như nhạc khí, điều chỉnh âm giai, lấy tay đánh đó phát ra tiếng nhạc du dương thanh thoát. Không phải tại nơi nhạc khí làm ra âm thanh ấy. Đều do nơi các duyên hòa hiệp mà có tiếng hay.

Cũng vậy, ngôn từ của đức Như Lai khai hóa tâm chúng sanh, do họ mà thuyết giáo. Với những chúng sanh ấy, đức Như Lai diễn thuyết không có riêng tư, đều do túc duyên đã tạo lập công hạnh mà có thành quả đặc biệt lạ lùng. Ở nơi chúng sanh, đức Như Lai siêu tuyệt nguy nguy là do sự đặc biệt lạ lùng sẵn từ trước.

Thưa ngài Tịch Ý! Ví như tiếng kêu to có âm vang đến xa. Âm vang ấy chẳng ở tại trong, chẳng ở tại ngoài, chẳng ở chạng giữa.

Cũng vậy, đức Như Lai phát âm khai hóa tâm chúng sanh. Lời lẽ ngôn giáo ấy chẳng từ nơi thân phát ra, cũng chẳng phải từ nơi tâm, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng từ chạng giữa.

Ví như trong đại hải có minh châu như ý phát ánh sáng làm vừa ý tất cả mọi người. Nếu đặt minh châu ấy trên đầu ngọn phướn chiếu khắp thành thị, tùy theo lòng cầu muốn của mọi người, minh châu ấy hiện ra bửu vật đồ dùng vừa theo ý muốn của mọi người. Minh châu ấy vẫn không có tướng niệm.

Cũng vậy, đức Như Lai bửu tâm thanh tịnh nắm tràng đại bi, theo căn tánh của chúng sanh không đâu là chẳng ứng, đều làm cho họ được khai ngộ. Dầu hiển thị giáo hóa như vậy nhưng cũng không có tướng niệm. Đây là sự tuyên giáo bí yếu của đức Như Lai.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại nói với ngài Tịch Ý Bồ tát:

Tôi xem khắp trên trời và trong thế gian, các Ma vương, Phạm Thiên, Sa môn, Phạm chí, chư Thiên và nhơn dân đều chẳng thể hạn lượng được âm thanh văn từ của đức Như Lai tuyên ra. Tại sao vậy?

Như chính tôi nhớ lại ngày trước đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đây ở tại núi Linh Thứu, có chư Bồ tát quyến thuộc vây quanh. Có hội thuyết pháp tên là Tràng Tịnh Âm do Di Lạc Bồ tát kiến lập. Đức Thế tôn rộng vì chúng hội mà ban bố pháp âm.

Lúc ấy, ngài Đại Mục Kiền Liên nghĩ rằng: Tôi muốn thử biết coi âm vang của đức Như Lai đến bao xa. Liên đó, ngài Đại Mục Kiền Liên từ chỗ Ngài ngồi bỗng biến mất, Ngài hiện đứng trên đỉnh núi Tu Di vẫn nghe âm thanh của Như Lai như ở gần trước mắt. Ngài bèn dùng thần lực bay đi đến cuối mé ngoài Tam thiên Đại thiên thế giới, đứng trên đỉnh núi Đại Thiết Vi tột mé ngoài, vẫn còn nghe tiếng nói của Như Lai như cũ không khác, vẫn như gần bên chớ chẳng phải xa.

Lúc ấy, đức Như Lai nghĩ rằng: Ông Đại Mục Kiền Liên muốn thử âm thanh thanh tịnh của Như Lai. Ta nên trợ hiển thần túc cho ông ấy.

Ngài Đại Mục Kiền Liên nương oai thần của đức Như Lai, dùng thần túc của Ngài bay qua thế giới phương Tây xa đến qua khỏi chín mươi chín hằng hà sa thế giới của chư Phật. Nơi ấy, có thế giới tên Quang Minh Phan, đức Phật ở thế giới ấy hiệu Quang Minh Vương Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác hiện đương thuyết pháp.

Ngài Đại Mục Kiền Liên đến thế giới Quang Minh Phan ấy mà vẫn nghe âm thanh của đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni như tiếng nói của người đối diện. Đức Quang Minh Vương ấy thân hình cao bốn mươi dặm. Chư Bồ tát thân hình cao

hai mươi dặm. Bát đựng đồ ăn của chư Bồ tát cao một dặm.

Lúc ấy, ngài Đại Mục Kiền Liên đi vòng trên vành bát. Chư Bồ tát bạch đức Phật Quang Minh Vương:

Bạch đức Thế Tôn! Con trùng này từ đâu đến, mình nó mặc y phục Sa môn đang đi trên vành bát.

Đức Phật Quang Minh Vương Như Lai bảo chư Bồ tát ấy:

Các thiện nam tử! Cần thận chớ sanh lòng khinh mạn hiền giả ấy. Ngài tên Đại Mục Kiền Liên, là vị đại đệ tử thân thông đệ nhất trong hàng Thanh văn tại pháp hội của đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở Ta Bà thế giới.

Đức Quang Minh Vương Phật bảo ngài Đại Mục Kiền Liên:

Chư Bồ tát ở cõi nước Ta và các Thanh văn thấy thân ông nhỏ thấp nên có lòng khinh mạn. Ông nên tự hiển thân thông và nương oai đức của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Ngài Đại Mục Kiền Liên rời vành bát đến trước đức Phật Quang Minh Vương đánh lễ dưới chân, đi quanh bảy vòng rồi bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nay tôi muốn thân này kiết già ngồi tại đây được chăng?

Đức Phật nói:

Tùy ý ông muốn.

Ngài Đại Mục Kiền Liên liền bay vọt lên hư không cao trăm ức trượng, hiện làm một chiếc giường báu, tự ngồi kiết già trên giường ấy. Từ giường báu ấy rủ thòng ức trăm ngàn triệu râu chuỗi bửu châu. Mỗi viên bửu châu trên mỗi chuỗi phóng trăm ngàn tia sáng. Mỗi tia sáng đều có hoa sen báu. Trên tất cả hoa sen báu đều hiện có Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi tuyên thuyết pháp âm thanh tịnh đồng như đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hiện thân thông xong, ngài Đại Mục Kiền Liên trở lại trước đức Phật Quang Minh Vương.

Chư Bồ tát bên ấy được chưa từng có, bạch đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Ngài Đại Mục Kiền Liên do việc gì mà đến thế giới Quang Minh Phan này?

Đức Phật nói với chư Bồ tát bên ấy:

Vì muốn biết âm vang của đức Thích Ca Mâu Ni Phật xa bao nhiêu nên ông ấy bay đến đây.

Đức Phật Quang Minh Vương bảo ngài Đại Mục Kiên Liên:

Ông chẳng nên thử âm vang của đức Như Lai Chí Chơn. Âm vang của Như Lai vô hạn, không có xa gần, mà ông muốn biết chừng hạn thì rất lắm. Dầu cho ông có dùng thần túc đi qua phương Tây mãi không ngừng quá hằng hà sa kiếp, cũng chẳng biết được chừng hạn âm vang của Như Lai. Âm vang của chư Phật Thế Tôn rộng xa vô hạn, siêu tuyệt vô lượng chẳng gì ví dụ được.

Ngài Đại Mục Kiên Liên sụp lạy sám hối rằng:

Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, tôi thật kém sáng suốt. Âm thanh của Phật vô lượng, mà tôi lại ngang bướng sanh lòng muốn biết chừng hạn xa gần.

Đức Phật Quang Minh Vương bảo ngài Đại Mục Kiên Liên:

Ông đi quá xa, vượt qua khỏi chín mươi chín hằng hà sa thế giới mà đến cõi này.

Ngài Đại Mục Kiên Liên bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Rất xa rất xa. Nay thân tôi quá nhọc mệt chẳng thể trở về được.

Đức Phật nói:

Ý ông nghĩ thế nào, phải chăng ông tự dùng thần lực mà đến được đây? Ông chớ quan niệm như vậy. Phải biết đó là do oai đức của Phật Thích Ca Mâu Ni nên ông mới có thể đến đây được. Ông phải cúi đánh lễ Phật Thích Ca Mâu Ni, oai thần của đức Phật ấy sẽ đem ông về đến bốn quốc. Giả sử ông tự dùng thần lực, dầu đi suốt một kiếp cũng về không đến. Lúc ông về đến sẽ không kịp thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt. Ông nghĩ thế nào, ông có biết phải từ hướng nào để trở về chăng? Bốn quốc Ta Bà ở hướng nào chăng?

Ngài Đại Mục Kiền Liên thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi quên mất phương hướng, thật chẳng biết bốn quốc ở chỗ nào, ở hướng nào.

Đức Phật dạy:

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở về hướng Đông.

Liền lúc ấy, ngài Đại Mục Kiền Liên hướng về phương Đông, cúi kính lễ đức Thích Ca Mâu Ni Phật, rồi quỳ chắp tay nói kệ rằng:

Đấng Tôn quý của trời người

Oai đức vòi vọi rất lớn

Trời và người đều cung kính

Xin rũ lòng thương xót tôi.
Âm vang Phật suốt vô lượng
Trí huệ Phật không ngần mé
Xin hiển hiện cõi Ta Bà
Tôi muốn về đến bốn quốc.

Lúc ấy, tại núi Linh Thứu, các ngài Xá Lợi Phất v.v... nghe tiếng xưng kệ của ngài Đại Mục Kiền Liên đều rất ngạc nhiên. Ngài A Nan bước lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Ai tuyên kệ quy lễ đức Thế Tôn như vậy?

Đức Phật nói:

Này A Nan! Đó là Đại Mục Kiền Liên ở tại thế giới Quang Minh Phan của đức Phật Quang Minh Vương Như Lai Chí Chơn cách cõi này chín mươi chín hằng hà sa thế giới về phương Tây. Ông ấy muốn trở về đây nên tuyên kệ kính lễ.

Ngài A Nan lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Duyên có gì mà ngài Đại Mục Kiền Liên đến thế giới Quang Minh Phan ấy?

Đức Phật nói:

Này A Nan! Chờ Đại Mục Kiền Liên về tới, ông sẽ hỏi ý ấy.

Đại chúng đều bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi muốn được thấy thế giới Quang Minh Phan và đức Phật Quang Minh Vương Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Cũng muốn được thấy ngài Đại Mục Kiền Liên đi nơi cõi ấy.

Đức Phật biết lòng khao khát của chúng hội, liền từ tướng bạch hào giữa chạng mày phóng ra tia sáng lớn tên Câu Thọ, chiếu suốt qua chín mươi chín hằng hà sa thế giới đến cõi Quang Minh Phan. Chúng hội đều thấy thế giới Quang Minh Phan và đức Phật Quang Minh Vương Như Lai Chí Chơn.

Ngài Đại Mục Kiền Liên thấy tia sáng của đức Phật liền gieo mình kính lễ. Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni vói bảo ngài Đại Mục Kiền Liên nương tia sáng ấy để trở về bản quốc. Ngài Đại Mục Kiền Liên nương theo tia sáng của đức Phật, trong khoảnh khắc về đến núi Linh Thứu, đánh lễ chân đức Phật, đi quanh bảy vòng, quỳ chấp tay ăn năn tự trách:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi tự mê lầm. Âm vang của đức Như Lai chẳng thể hạn lượng mà tôi lại muốn thử. Tôi đi mãi quá xa. Đến đâu cũng vẫn nghe âm thanh của đức Như Lai y như ở gần bên

như nhau không khác. Âm vang của đức Như Lai thật là vòi vọi không ngăn mé.

Đức Phật nói:

Đúng như lời ông nói. Thanh âm của đức Như Lai suốt đến xa không lấy gì ví dụ được. Muốn biết thanh âm của đức Như Lai vang đến xa gần, cũng như là đo hư không muốn biết ngăn mé. Như hư không cùng khắp vô biên, tiếng nói của đức Như Lai vang suốt không ngăn mé.

Thưa ngài Tịch Ý! Đương lúc nói phẩm Đại Mục Kiền Liên đi và về, ở trong pháp hội ấy có một vạn người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đây là ngôn từ bí mật của đức Như Lai.

Thưa ngài Tịch Ý! Ngài nghĩ thế nào? Tâm niệm của tất cả chúng sanh có thể biết được chăng?

Ngài Tịch Ý Bồ tát nói:

Tâm niệm của một người, tư tưởng khó hạn định. Giả sử tất cả chúng sanh trong Tam thiên Đại thiên thế giới suốt cả một kiếp cùng tính đếm nhiều ít cũng chẳng biết được. Huống là tâm niệm tư tưởng của tất cả chúng sanh!

Thưa ngài Tịch Ý! Tâm tưởng của tất cả chúng sanh vô hạn ngàn ấy, huống lại tâm tánh

của chúng sanh không có hình tướng chẳng thể ví dụ được.

Khi ấy Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ nói kệ rằng:

Chúng sanh cõi Đại thiên
Đều khiến thành Duyên giác
Một người trong một kiếp
Tâm niệm chẳng biết được.
Tất cả tâm tướng niệm
Đức Phật biết rõ cả
Phật dùng tâm vô tướng
Đều biết tất cả niệm.
Tùy chúng sanh tưởng niệm
Phật tuyên giảng kinh điển
Thanh âm ấy tại tâm
Mà diễn nên đạo pháp.
Như tất cả chúng sanh
Nghĩ tưởng các danh sắc
Một chân lông của Phật
Phóng quang minh cũng vậy.
Như danh sắc và tâm niệm
Của tất cả chúng sanh
Thanh âm của Phật diễn
Hơn số tướng của chúng.

Phật ban tuyên tất cả
Dẫn dụ kẻ tướng niệm
Tiếng kia chẳng thối nghi
Lời Phật không hạn mé.
Ai có thể mền lời
Không sắc nói không nói,
Không sắc không có nói
Tiêu diệt không sắc trần.
Giả sử trần không sắc
Tất cả chẳng thể được
Do vì không sắc trần
Rốt ráo chẳng thể được.
Dầu nói nhưng chẳng thật
Không trong cũng không ngoài
Trần lao đồng hư không
Nên gọi không trong ngoài.
Lời nói chẳng thể được
Phật nói suốt mười phương
Trần lao cũng vô hạn
Đây kiến lập nơi chỗ.
Lời nói thượng trung hạ
Của tất cả chúng sanh
Không thân khẩu ý nghiệp
Chẳng bỏ cũng chẳng lấy.

Dường như xưởng kỹ kia
Âm nhạc của chư Thiên
Cũng không thân khẩu nghiệp
Mà âm thanh hòa khắp.
Tâm chúng sanh cũng vậy
Vốn thanh tịnh như thế
Phật đều ban lời dạy
Tâm Phật không tướng niệm.
Ví như vang theo tiếng
Không trong cũng không ngoài.
Lời Phật nói cũng vậy
Không trong, không ở ngoài.
Vô niệm như điệu bửu
Lời Phật đẹp chúng sanh
Lời Phật không vọng tưởng
Lợi ích cho mọi loài.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với Tịch Ý Bồ tát rằng:

Đó là khẩu ngôn bí yếu của đức Như Lai. Lại khẩu bí yếu của đức Như Lai, tùy theo âm thanh ấy mà vì chúng sanh thuyết pháp khai hóa. Cõi Đại thiên này giả sử có bao nhiêu loài, đức Như Lai Chí Chơn tuyên bố dạy dỗ, theo tiếng nói của họ, dùng những danh hiệu chẳng thể kể hết chí

thành giáo hóa. Đây gọi là Khổ Tập Diệt Đạo. Gọi là địa thần ủng hộ. Tâm Phật kiên cố, bốn ý ở nơi đây. Thần chú rằng: A bì a bà mâu lê, gia hà ha na di, kha ca ưu đầu. Thần chú này hộ trì tất cả, thế nên gọi là Khổ Tập Diệt Đạo.

Trong hư không, tất cả chư Thiên đều khen lời nói ấy, đồng tuyên chú rằng: Huọt tri, a huọt tri, a huọt tra ca di, a hòa ni nê lê. Thần chú này cứu hộ tất cả, thế nên gọi là Khổ Tập Diệt Đạo.

Chư Thiên ở trời Tứ Vương lại nói chú rằng: Y nê di nê, đa bết đa đa bết, duy lô. Thần chú này cứu tất cả chúng sanh, thế nên gọi là Khổ Tập Diệt Đạo pháp.

Chư Thiên ở trời Đạo Lợi nói chú rằng: Kỳ hồi chuyển, quán tập, chủ diệt tận, vi tận bất tương cử yếu. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên ở trời Dạ Ma nói chú rằng: Thủ lê đạo la tư, hòa lê đạo la tê tuy tà, đạo tê tuy tà bị hòa ni. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên trời Đâu Suất nói chú rằng: Độc phạm diện xúc, hồi chuyển tích súc nghiệp. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên ở trời Hóa Lạc nói chú rằng: Sở độ câu sở độ, hộ sở độ, chủ độ nữ. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên ở trời Tha Hóa Tự Tại nói chú rằng: A hô sự nghiệp hô, hòa nê di, a la ni hàm. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Phạm Thiên nói chú rằng: Hữu sự nghiệp, sự nghiệp chủng, nhưn duyên thọ dĩ nhưn duyên độ. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Phạm Thân nói chú rằng: Thanh minh, tạo thanh tịnh, thanh tịnh phong, động thanh tịnh. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Phạm Mãn nói chú rằng: Vô cực đề, câu tương khứ, đạo ngự chủ, niệm kiên yếu. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Phạm Độ nói chú rằng: Hòa na hòa na tán đề, hòa na ha ha na, hòa na câu ma na. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Đại Phạm nói chú rằng: Mộc mật, mộc mật tiên bỉ diệt tiên, ấn thị. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Quang Diệu nói chú rằng: Y hài hài, tương hài khứ thân cận. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Thiểu Quang nói chú rằng: Thị thủ khứ, bất tương khứ, bất sử khứ, vô sở chí. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Vô Lượng Quang nói chú rằng: Quán tập, câu cung tập tập diệt tận, tập vô lượng. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Quang Âm nói chú rằng: Dĩ đoạn chung, tự tại đoạn thuận từng hòa, thường thanh tịnh. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Ước Tịnh nói chú rằng: Sở chí thu, sở khả quy, cận sở đáo, dĩ cận sở đáo. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Thiểu Tịnh nói chú rằng: Thanh tịnh, thanh tịnh thị, tịnh phục tịnh, quy thanh tịnh. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Vô Lượng Tịnh nói chú rằng: Vô ngã thị, vô ngô ngã thị, phi công cao quy tự đại. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Tịnh Nan Đệ nói chú rằng: Giải thoát dĩ độ, tích giải độ, bốn cận giải. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Chư Thiên Quảng Quả, chư Thiên Ngự Từ nói chú rằng: Dĩ vô tác, vô sở tác, trừ sở tác, sở tác cứu cánh. Thần chú này cứu hộ tất cả.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Đây gọi là Khổ Tập Diệt Đạo nên phải phụng hành, nên phải khai hóa mà theo luật giáo hiển hiện nghiệp vi diệu vô cực.

Chư Thiên Ly Từ, chư Thiên Giả Sử, chư Thiên Thiện Kiến, chư Thiên Cứu Cánh, cõi Tịnh Cư có bốn trời, đó là chư Thiên Phụng Hành Quyết Liễu Nhứt Xứ Cứu Cánh, chư Thiên Chơn Cứu Cánh, chư Thiên Vô Sân Khuể và chư Thiên Bất Thân Cận.

Thưa ngài Tịch Ý! Chư Thiên ấy lập thế chí thành lợi ích chúng sanh như vậy.

Chư quý thần Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già và quý thần Trì Hoa, những ngôn từ tuyên dạy của họ đều riêng khác nhau.

Những đại quốc ở Diêm Phù Đề này có một ngàn, mỗi đại quốc đều riêng có đại quận, tất cả loài người và các hàng phi nhơn, ngôn ngữ của họ đều khác nhau, âm thanh chẳng đồng, lời có khinh trọng; nhân đến trong biển các loài thủy tộc và chư thủy thần, ngôn ngữ đều khác nhau, chí tháo của họ chẳng đồng, âm thanh cũng sai khác.

Đức Như Lai Chí Chơn tùy theo ngôn ngữ âm thanh của họ mà nhập vào trong ấy rồi khai thị giáo hóa họ, xây dựng họ nơi chánh chơn.

Thưa ngài Tịch Ý! Cõi Đại thiên này có tám mươi bốn ức trăm ngàn triệu loài chúng sanh. Ngôn ngữ của họ đều khác nhau. Tính kể tất cả

đều quy về một nghĩa, trí huệ chí chơn, chí thành không phần nộ. Đây là ngôn từ bí yếu của đức Như Lai.

Thưa ngài Tịch Ý! Ngôn từ của đức Như Lai giải quyết lưới nghi của tất cả chúng sanh làm cho họ không còn kiết sử. Tất cả chúng sanh mười phương, chủng loại nhiều hơn đất đại địa, gây nghiệp riêng khác, đức Như Lai đều làm cho hết tội đến được thân loài người. Do thân người từ tư tưởng phát sanh trí huệ biện tài dũng mãnh như ngài Xá Lợi Phất. Ngôn từ của đức Như Lai chẳng thể hạn lượng được, không gì ví dụ được.

Lúc nói ngôn từ bí yếu của đức Như Lai có hai vạn hai ngàn chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tất cả chúng hội được chưa từng có, tất cả đều vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy đánh lễ tin thọ.

* Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại nói với Tịch Ý Bồ tát rằng:

Thế nào là tâm bí yếu của đức Như Lai? Tâm Như Lai thanh tịnh. Do đâu mà biết như vậy?

Tất cả chư Thiên sanh ra do một thức huệ mà sống tám muôn bốn ngàn kiếp. Lại thần thức của chư Thiên chẳng cải biến làm thức khác, nhân

* Hán bộ quyển thứ 11.

đến tâm được định lại được thọ mạng nữa. Từ thân đó chết mất, như nơi hành nghiệp của họ thọ sanh thân khác.

Như vậy, thưa ngài Tịch Ý! Đức Như Lai từ lúc mới thành Phật đạo đến ngày diệt độ, khoảng thời gian ấy, đức Như Lai không nghi, cũng không xoay chuyển lại, tâm không suy nghĩ, không duyên đi, tâm không có chẳng vững chắc, tâm không hiệp nơi đâu, tâm không tán, không loạn, không dời, không đi, không gìn, không lạng, không lỗi thời, không mê, không cầu lý, không tối, không sanh, không mừng, không khiếp, không dừng, không qua, không tưởng, không trông, không cầu tưởng, không tiêu diệt, tâm không xem, không biết, không chỗ trụ, tâm không xem tâm kẻ khác, mắt không thấy, tai không nghe, mũi không ngửi, lưỡi không nếm, thân không chạm, tâm không tưởng niệm, ý chẳng dựa nơi sắc thanh hương vị xúc đẹp tốt thơm ngon mịn trơn, tâm chẳng nương theo pháp, tâm không chỗ vui, tâm chẳng phải chẳng vui, tâm chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, tâm chẳng vào nơi pháp, tâm chẳng vượt trí huệ, tâm chẳng xem quá khứ, chẳng xem tương lai, chẳng xem hiện tại. Tâm của Như Lai là tâm Thánh thanh tịnh vời vọi. Tâm Như Lai chẳng tạo nghiệp tội phước. Với tất

cả pháp, trí huệ không chướng ngại mà thị hiện khắp. Tâm Phật thanh tịnh chẳng thấy tâm kẻ khác chẳng thanh tịnh. Chỗ được thấy ấy cũng không chỗ xem. Nếu là chỗ xem cũng không có vọng tưởng, không phóng dật, thấy chỗ được nhìn xem cũng không chạy theo, xem có được thấy trọn không có chỗ thấy.

Chỗ thấy của đức Như Lai, chẳng phải nhục nhãn thấy, chẳng phải Thiên nhãn thấy, chẳng phải huệ nhãn thấy, chẳng phải pháp nhãn thấy, chẳng phải Phật nhãn thấy, chẳng phải Thiên nhĩ nghe, chẳng phải xem tâm kẻ khác, chẳng tạp niệm nhớ biết sự quá khứ, chẳng nương thần thông mà làm biến hóa, chẳng nương nơi sở hữu. Các phiền não đã hết, với tất cả pháp đều không hội hiệp, không chỗ chướng ngại, không cát tường, không các nghiệp, vĩnh viễn không phan duyên.

Trí huệ Như Lai chiếu sáng mà cũng như không có, đều biết rõ tất cả tâm hành của chúng sanh, mười thứ trí lực, bốn món huệ vô úy, mười tám pháp bất cộng, đây cũng như vậy tiến thoái không có làm, xả bỏ tâm ý thức, không xa rời Như Lai tam muội chánh định, làm tất cả Phật sự đều không chấp trước dường như hư không.

Thưa ngài Tịch Ý! Đức Như Lai Chí Chơn hóa làm tượng Như Lai. Hóa Như Lai ấy không có tâm ý thức thân khẩu ý nghiệp, hành động thị hiện đều chí chơn, tùy thời có thể làm Phật sự. Hóa Như Lai không có suy tưởng, cũng không cầu nhớ.

Thưa ngài Tịch Ý! Đạo tâm cũng vậy, như hóa Như Lai không khác. Hóa ấy chỗ tướng niệm không tướng niệm, không thân khẩu ý, như duyên tiến thoái, mắt nhìn thấy đó đều làm Phật sự, cũng không chỗ có.

Gọi là biến hóa ấy thì đều không chỗ làm, các pháp như biến hóa. Đức Như Lai biết được như biến hóa mà thành bực tối Chánh giác. Đã thành bực Chánh giác rồi, trí huệ của đức Như Lai chẳng dừng ở năm ấm, mười hai nhập, cũng không mười tám giới, chẳng dừng ở trong ở ngoài, không thiện không bất thiện, không hiện thể, không độ thể, không có phiền não, không có chẳng phiền não, không chán trần lao tranh cãi, chẳng ở vô vi, có số không có số, không có ba thuở quá khứ vị lai hiện tại, xoay quanh qua lại chẳng ở hữu vi có chỗ quan sát, chẳng ở vô vi. Trí huệ Như Lai không có chỗ dừng ở như vậy.

Đức Như Lai Chí Chơn đối với chí tánh của tất cả chúng sanh hiển hiện trí huệ như từ, không

có tồn hại mà cứu tế nguy ách. Ngài Tịch Ý phải biết, đức Như Lai bí yếu nếu có chỗ vào ban tuyên giáo hóa không đâu chẳng khắp thấu. Lại bí yếu của đức Như Lai không có hạn lượng, tuyên giáo bí mật không thể cùng tận.

Lúc Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói phẩm Như Lai bí yếu, vô ương số thế giới rung động sáu cách, ánh sáng lớn chiếu đến mười phương thấy mười phương vô lượng cõi Phật. Trời mưa các thứ hoa, các nhạc khí chẳng đánh tự kêu. Vô ương số người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vô số Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn. Vô hạn người được nhu thuận pháp nhẫn. Vô số Bồ tát được Nhứt sanh bồ xứ. Chư Bồ tát ấy vì cúng dường pháp nên đồng tung hoa dâng Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ. Hoa được tung lên ấy hóa thành lọng hoa. Thừa oai thần của đức Phật, tất cả lọng hoa ấy đều đến chỗ đức Phật, bay vòng quanh đức Phật và Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ ba vòng, che khắp chúng hội. Các lọng hoa báu ấy lại dừng ở hư không ngay trên đức Phật. Từ các lọng báu ấy vang ra âm thanh vô tỷ rằng:

Kính thưa đức Thế Tôn! Chư Bồ tát ở Hiền kiếp sai chúng tôi đến cúng dường Đại Thánh và Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, dâng pháp cúng dường đã ban tuyên chỗ nói bí yếu chẳng thể nghĩ

bàn của đức Như Lai Chí Chơn. Đều là oai thần của đức Như Lai làm ra cả vậy.

Lúc ấy, cả chúng hội nghe những lời trên đều rất vui mừng vòng tay đánh lễ Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ rồi cung kính nói rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi được lợi lành, được rất vui mừng thấy Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, được nghe ngôn giáo bí yếu chẳng thể nghĩ bàn của đức Như Lai. Nếu có chúng sanh nghe yếu nghĩa của Kinh điển này mà tin ưa, bởi gần đạo nghiệp nên chẳng hồ nghi, chưa từng do dự vào lời huân thị của đức Như Lai. Phải xem những người ấy là chẳng thối chuyển, sẽ đến đạo Vô thượng chánh chơn.

Lúc ấy, đức Phật khen Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Lành thay! Lành thay! Giới nói những lời ấy.

Đức Phật lại bảo ngài Tịch Ý Bồ tát:

Công huân của Như Lai rất lạ chí chơn đủ bốn huệ vô sở úy, đúng như Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ đã ca ngợi. Ai được nghe pháp này chẳng kinh chẳng sợ, hiểu được ý nghĩa, nếu có thể thọ trì học tập đọc tụng, vì người rộng giảng thuyết, thì chẳng lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Bấy giờ, nơi đất ở giữa chúng hội đạo tràng ấy, trước mặt đức Thế Tôn liền nứt ra sáu sáu mươi tám trăm ngàn do tuần, tự nhiên có vòi nước to bằng vành xe phun cao lên hư không đến trời Phạm Thiên rưới khắp cõi Đại thiên.

Đức Phật bảo ngài Tịch Ý Bồ tát:

Ông có thấy vòi nước lớn phun lên hư không rưới khắp cõi Đại thiên chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Tôi đã thấy. Xin đáng Trời trong trời thương xót dạy cho biết là điềm lành gì?

- Nay Tịch Ý! Ông nên biết vòi nước ấy, đất không có tư tưởng, không có ý nứt rã, nước tự nhiên phun lên. Các vị pháp sư cũng vậy. Nếu thọ trì kinh pháp này, phụng hành đúng theo đây, thì đều sẽ làm nứt rã sáu mươi hai thứ tà kiến, sẽ được trí huệ biện tài. Các vị Chánh sĩ ấy vì chúng sanh mà giỏi nói chánh pháp, làm vui đẹp lòng đại chúng.

Lại này Tịch Ý! Người biết Kinh điển như vậy đều thoát khỏi nạn tam đồ các ác đạo.

Lúc ấy, ngài Xá Lợi Phất tiến lên bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Nay các chúng Bồ tát trong Hiền kiếp ở tại thế giới chư Phật mười

phương thanh tịnh tu Phạm hạnh, sau khi chư Bồ tát ấy thành Phật, có phải vị Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ này sẽ đều tay cầm kim cang xử hầu hạ phía sau chăng?

Đức Phật nói:

Thôi đi, này Xá Lợi Phất! Việc ấy chẳng thể nghĩ bàn được. Chư Thiên và người đời nghe được lời ấy hoặc sẽ mê làm việc làm của Bồ tát, hoặc có thể chẳng tin.

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu người hữu học gieo trồng những gốc lành sẽ tin ưa đó. Chúng tôi đều sẽ lãnh thọ lời giảng dạy của đức Như Lai.

Đức Phật phán:

Này Xá Lợi Phất! Chừng ông có thấy Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ ấy đứng hầu phía sau đức Phật chăng?

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Vâng! Tôi đã thấy.

Đức Phật dạy:

Đó là do thần thông lực bốn nguyện nên ông ấy đứng hầu như vậy. Các chúng Bồ tát trong Hiền kiếp thành Phật, Mật Tích Lực Sĩ thường sẽ

đứng hầu cũng như đứng hầu Ta vậy. Đó là do thế nguyện từ trước nên ông ấy có sức thần thông tự tại như vậy.

Này Xá Lợi Phất! Giả sử tất cả chúng sanh trong cõi Đại thiên tương lai thành Phật, đều sẽ cần hầu hạ; lúc được thành Phật ông ấy cũng cầm kim Cang xử, tự mình thị hiện đều đứng hầu phía sau. Dầu biến hóa như vậy, nhưng oai đức thần thông của Chánh sĩ ấy chưa có tổn hao.

Này Xá Lợi Phất! Ông có thấy nay Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ thường đứng hầu phía sau Di Lặc Bồ tát chăng?

Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi đã thấy. Nhờ thánh chỉ của đức Phật mà tôi được nghe việc từ nào tới giờ chưa được nghe.

Đức Phật nói:

Này Xá Lợi Phất! Ông ấy thường hầu Di Lặc Bồ tát mà các ông chẳng thấy thôi. Chư Bồ tát ở phương khác đến cùng Đế Thích, Phạm Thiên và Tứ Thiên vương thấy Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ đứng hầu phía sau Di Lặc Bồ tát và hầu chư Bồ tát ở Hiền kiếp. Di Lặc Bồ tát và chư Bồ tát trong Hiền kiếp hóa làm ức trăm ngàn triệu chúng Bồ

tát khai thị cứu độ chúng sanh. Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ đều đứng hầu phía sau các hóa Bồ tát ấy. Chánh sĩ Mật Tích này có oai đức chẳng thể nghĩ bàn, thần thông biến hóa vòi vọi dường ấy, lực thông trí huệ chẳng có hạn lượng.

Lúc ấy, ngài Tịch Ý Bồ tát nói với Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ rằng:

Có thể nào Ngài vui lòng nói cho biết đức Như Lai cần tu khổ hạnh, trang nghiêm đạo thọ hàng phục quân ma mà chuyên pháp luân gây dựng Thánh đế.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Công đức của Như Lai chẳng thể hạn lượng. Giả sử sống lâu một kiếp nói công đức ấy cũng không thể nói hết. Nay tôi thừa oai thần của đức Phật mà nói sơ lược những điều cốt yếu.

Thưa ngài Tịch Ý! Chỗ làm của Bồ Tát chẳng vì một sự việc mà cần tu khổ hạnh. Vì muốn cứu tế hàng dị học ngoại tà, từ nơi thân hành tùy nghi hiển thị oai nghi, nhưn đó mà hóa độ được những chúng sanh tà kiến ngoại học.

Bồ Tát hiện thân tôi thẳng tôn quý đệ nhất, siêng làm khổ hạnh không ai bằng được, thị hiện

oai nghi lễ tiết mà tất cả hàng ngoại học tà dị không theo kịp được. Với hàng tà ngoại ấy, Bồ Tát ở một chương cú giảng giải vô lượng nghĩa. Hoặc hiện lên phương trên, hoặc hiện đi quanh qua lại mặt trời mặt trăng, hoặc hiện thân thông bay đến chỗ ở ẩn của các tiên nơn, hoặc hiện làm quốc sư, cư sĩ, hoặc hiện làm Thánh đế, Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân khổ hạnh nằm trên gai góc, hoặc hiện nằm trên cỏ, trên trấu, trên đất, hoặc hiện chỗ nằm đáng sợ, không đáng sợ, hoặc hiện ăn trái, mặc áo rách, hoặc nằm trên nước lầy, hoặc hiện mặc áo đỏ, hoặc hiện cùng ở cùng đi với nhóm lửa thê, hoặc hiện ăn cục, ăn đậu, ăn mè, ăn củ cải, ăn khoai, ăn rau, ăn gai, ăn lá bông trái, ăn táo, hoặc ngày ăn một lần, hoặc ăn hai lần, hoặc hiện thường ăn, hoặc hiện bảy ngày ăn một lần, hoặc mười lăm ngày ăn một lần, hoặc một tháng ăn một lần, hoặc ăn một giọt bơ, một giọt dầu, một giọt mật, hoặc uống một giọt nước, một giọt sữa, hoặc hiện chẳng ăn, hoặc hiện thường đứng, hoặc hiện thường ngồi, hoặc hiện nhiều cử chỉ khác không thể kể hết... Đây là những khổ hạnh mà Bồ Tát thị hiện.

Bồ Tát hiện làm khổ hạnh đủ sáu năm, chẳng phải chỉ một hạnh khổ, mà thị hiện đầy đủ ngàn

ấy thứ, lại còn siêng tu tinh tấn vượt hơn cả khổ hạnh ấy. Các chúng sanh chẳng thấy hết được oai nghi cử chỉ của đức Như Lai, cũng chẳng biết được hành vi của Bồ Tát. Nếu có chúng sanh có thể hành đạo đáng được hóa độ mới có thể thấy được oai nghi cử chỉ của Bồ Tát. Bồ Tát hành động không có hư luống. Đây là Bồ Tát siêng tu đầy đủ khổ hạnh khai hóa sáu mươi triệu người, ba trăm vạn chư Thiên và Nhơn dân đều được nhập đạo.

Lúc ấy, Bồ Tát hành sự vi diệu, ngồi đài cao lâu báu mà thị hiện sanh. Không có các hoạn nạn trọn được an ổn, thường ở trong tam muội chánh định, mà trái lại thị hiện khổ hạnh sáu năm. Rồi lại thấy Bồ Tát đứng dậy đi.

Lúc ấy, chư Thiên cầu pháp lạc chẳng mền thể tục, ở bên Bồ Tát chẳng mong gì khác chỉ mong được nghe pháp Đại thừa. Khi ấy, có Bồ tát tên là Pháp Chúng ưa thích Đại thừa nhập vào đại bi. Lại có pháp điển tên là Nhập bất khả tư nghị pháp môn, lại gọi là Phổ nhiếp, hàng phục các tà tất cả chúng ma, vào trong khổ nạn trọn được an lành.

Thưa ngài Tịch Ý! Bồ Tát siêng tu khổ hạnh đủ sáu năm rồi thị hiện oai nghi tinh tấn. Bồ Tát rời chỗ ngồi đi đến bên bờ sông Ni Liên Thiên. Vì

thuận theo thế gian nên Bồ Tát cố ý đến sông Ni Liên Thiên tắm rửa sạch sẽ rồi rời sông đến đứng một mình ở chỗ khác.

Bấy giờ, có nàng Di Ca tên là Thiện Âm vắt sữa ngàn con bò cho trăm con bò uống. Vắt sữa trăm con bò này cho mười con bò uống. Vắt sữa mười con bò này cho một con bò uống. Nàng vắt lấy sữa con bò sau cùng này để nấu cháo sữa. Cháo sữa ấy sôi bắn lên cao vài mươi trượng. Nàng Di Ca lấy làm lạ. Có vị Phạm chí bàn rằng: Người sắp thành Phật mới đáng ăn cháo sữa này.

Nàng Di Ca mang cháo sữa đến chỗ Bồ Tát. Cũng có sáu vạn chư Thiên, Long thần, Càn thát bà v.v... đều mang thức ăn kỳ dị ngọt ngon đồng đến chỗ Bồ Tát. Tất cả đại chúng đều thưa bạch Bồ Tát:

Xin Ngài xót thương nhận đồ cúng dường.

Lúc ấy, Bồ Tát nhận cháo sữa của nàng Di Ca Thiện Âm rồi ăn. Bồ Tát cũng nhận lấy thức ăn của sáu vạn chúng chư Thiên chư thần và đều thị hiện ăn. Những người dâng cúng thức ăn lên Bồ Tát, đều tự thấy Bồ Tát chỉ riêng nhận ăn đồ cúng dường của mình mà không thấy nhận của người khác. Mỗi mỗi người đều tự nghĩ rằng: Bồ Tát riêng nghĩ tưởng nhận ăn đồ của tôi dâng cúng,

Ngài sẽ thành tựu Vô thượng Bồ đề, thành bực Đẳng Chánh Giác. Họ đều rất vui mừng và đều phát đạo tâm, được bất thối chuyển. Đây gọi là nhận lấy thức ăn dâng cúng. Vì khai hóa chúng sanh nên thị hiện sáu năm siêng tu khổ hạnh.

Thưa ngài Tịch Ý! Đó là Bồ Tát tùy theo thể tục nhận đồ cúng dường mà ăn khiến thân thể khí lực đầy đủ an hòa rồi đi đến dưới cây. Có địa thần tên Thiện Địa Thiên tử bảo chư Thiên tử khác và chư địa hành thiên thần giữ đất chẳng cho rúng động.

Sau khi đến dưới cây, Bồ Tát dọn dẹp sạch sẽ. Cõi Đại thiên lúc ấy bỗng nhiên thanh tịnh, rưới hoa, thiêu hương, nước thơm tưới đất. Trời Ca Lưu Tích cầm hoa rời thiên cung ở trong hư không thấy Bồ Tát thì vui mừng mưa các thứ hoa. Bốn vị Thiên vương cùng quyến thuộc bay đến bốn phương dùng màng lưới vàng tử kim che khắp cõi Đại thiên để cúng dường.

Trong cõi Đại thiên, chư Thiên vương cùng chư Thiên quyến thuộc trời Đao Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự Tại giăng màn báu cùng chơn châu minh châu cúng dường. Chư Thiên, Long thần, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già đều dùng thần thông sửa sang trang nghiêm tất cả cõi Dục.

Lúc ấy, có vị Đại Phạm Thiên vương tên là Oai Thần Tự Tại, là chủ cõi Đại thiên qua đến Bồ đề thọ. Đại Phạm Thiên vương ấy bảo chư Phạm Thiên rằng:

Các Ngài phải biết Bồ Tát Đại Sĩ đây ở chỗ chư Phật quá khứ tu hành chánh hạnh, trồng các cội công đức, đánh lễ quy mạng vô số chư Phật, nguyện lớn chí ý vững mạnh, đầy đủ Bồ tát hạnh, phụng tu các ba la mật, vào hết căn tánh của tất cả chúng sanh, thông đạt tất cả bí yếu của Như Lai, kiến lập đạo pháp vô thượng, là đại Đạo Sư cứu tế chúng sanh ban tuyên kinh điển, là đại Y Vương chữa lành bệnh chúng sanh, đội mũ giải thoát làm Đại Pháp Vương trí huệ sáng suốt diễn Thánh đế vô thượng, chẳng bị tám pháp thế tục câu phục, như hoa sen chẳng vậy bùn, nắm giữ các pháp chẳng sót quên như sông biển, trí chẳng hạn lượng như núi Tu Di chẳng động lay, rửa sạch tâm mình như nước rửa bụi. Không hề tự cao đại mà thường khiêm hạ, như châu minh nguyệt trừ tối và các thứ như trước, với tất cả pháp được tự tại, chứa các cội công đức, dường như Phạm Thiên là đệ nhất trên trời, Ngài đến dưới cây hàng phục quân ma, sẽ được đạo Vô thượng chánh chơn thành bậc tối Chánh giác, đầy đủ mười thứ trí lực của chư Phật, bốn vô sở úy, mười tám pháp

bất cộng, chuyển đại pháp luân, làm sư tử hồng sung mãn tất cả, ban pháp thí đượm nhuần muốn làm thanh tịnh đạo nhân cho tất cả chúng sanh, nhiếp lấy các pháp, dẹp trừ chín mươi sáu thứ ngoại tà, bốn nguyện đầy đủ, thấy rõ cảnh giới chư Phật mười phương. Đại Thánh oai đức tự tại. Chư Phạm Thiên! Các Ngài phải khiêm hạ cung kính Bồ Tát.

Lúc ấy, Đại Phạm Thiên vương ở trước chúng Phạm Thiên nói kệ rằng:

Hạnh chơn chánh thanh tịnh
Quyết pháp diệu vô thượng
Thương xót nơi thế gian
Cũng thương đến chư Thiên.
Đấng Trời trong các trời
Tôn quý trong trời người
Bực Đại Thánh nay ở
Dưới cội cây Bồ đề.
Sẽ hàng phục ma vương
Cùng các quyền thuộc ma
Được Vô thượng Chánh giác
Thành Nhứt thiết chủng trí.
Đầy đủ tối Chánh giác
Lại chuyển chánh pháp luân

Như đại sư tử hồng
Vui đẹp lòng chúng sanh.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với ngài Tịch Ý Bồ tát rằng:

Lúc Bồ Tát sắp đến ngồi dưới cội cây, từ lòng bàn chân nơi tướng thiên bức luân phóng ra ánh sáng chiếu khắp cả cõi Đại thiên. Tất cả chúng sanh nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh ngừng dứt sự khổ não.

Ánh sáng ấy chiếu đến địa ngục Hắc Nhĩ. Được ánh sáng của Bồ Tát chiếu đến, chúng sanh ở đại địa ngục Hắc Nhĩ vui mừng hơn hở, vua và cung thuộc nơi ấy đều cầm hoa hương, phan lọng, kỹ nhạc bay lên hư không hóa làm mây báu, mưa châu minh nguyệt, hương chiên đàn, rồi thừa thần thông biến hóa đến chỗ Bồ Tát cúi đầu đánh lễ đi quanh bên hữu ba vòng, đồng đem đồ cúng dường dâng lên Bồ Tát. Ánh sáng của Bồ Tát chiếu đến chỗ ở của Ca Lân Long vương. Long vương mừng rỡ rời cung điện đến dưới cây Bồ đề đứng bên mé hữu của Bồ Tát.

Bấy giờ, có một người tên là Kiết An ở xa thấy Bồ Tát, liền tìm cỏ tốt thơm tho mềm nhuyễn như Thiên y cầm đến dâng cho Bồ Tát, cúi đầu đánh lễ đi vòng bên hữu bảy vòng. Kiết An đem

cỏ dâng cho Bồ Tát sẽ phát tâm Vô thượng Bồ đề. Tại sao vậy? Vì bốn nguyện của ông ấy khiến được như vậy.

Thưa ngài Tịch Ý! Tôi nhớ thuở quá khứ trải qua chín mươi một kiếp, lúc đức Phật Duy Vệ xuất thế đủ mười đức hiệu, có ngàn vị Tỳ kheo tu hạnh thanh tịnh được Phật Duy Vệ thọ ký sẽ thành bậc Tối Chánh giác ở Hiền kiếp. Trong pháp hội ấy, có ông trưởng giả tên Hữu Chí nghe sự thọ ký ấy mới tự nghĩ rằng: Ở Hiền kiếp lúc chư Bồ tát sắp thành Phật, tôi sẽ cúng dường cỏ tốt để trải tòa sư tử trang nghiêm thanh tịnh an hòa nhu nhuyễn. Nhờ đó tôi được phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Thưa ngài Tịch Ý! Trưởng giả Hữu Chí thuở trước đó, nay là ông Kiết An vậy. Vì bốn nguyện mà ông ấy dâng cỏ tốt và phát đạo tâm. Sau này ông ấy thành Phật hiệu là Bửu Tịnh Sư Tử Như Lai Chí Chơn. Lúc Bồ Tát nhận lấy cỏ trải dưới cội cây Bồ đề, Thọ thân và một vạn Thiên nữ đều đem những túi đựng hoa trời, hương trời, cùng phan lọng đến lễ lạy cúng dường nghinh tiếp Bồ Tát.

Thưa ngài Tịch Ý! Lúc Bồ Tát trải tòa vừa xong, liền có tám vạn bốn ngàn Thiên tử thấy Bồ

Tát trải chỗ ngồi, trong lòng vui mừng trần thiết tám vạn bốn ngàn tòa sư tử. Các tòa sư tử ấy rất trang nghiêm tốt đẹp cao lớn, do các châu báu hiệp thành, trên tòa trải Thiên y. Chư Thiên tử đồng thỉnh Bồ Tát ngồi lên tòa sư tử của mình trần thiết.

Lúc ấy, Bồ Tát tự biến thân mình đều ngồi cả trên tám vạn bốn ngàn tòa sư tử ấy. Chư Thiên tử chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau, chỉ tự thấy biết là Bồ Tát ngồi lên tòa sư tử của mình để thành tối Chánh giác, nên họ rất vui mừng phát tâm Vô thượng Bồ đề đến bực Bất thối chuyển.

Thưa ngài Tịch Ý! Lúc bấy giờ, Bồ Tát dùng oai thần làm cho ma vương hay biết. Ma vương liền cùng quyến thuộc vô số ức trăm ngàn triệu quý thần đều mặc giáp, cầm vũ khí, hiện thần thông thế lực đến chỗ Bồ Tát bao vây khắp ba trăm ba mươi sáu vạn dặm. Ma vương Ba Tuần cùng quyến thuộc quý thần ấy, dung mạo của họ đều khác nhau, đầu mặt chẳng đồng, tiếng kêu nói của họ đều sai khác, họ hiện chẳng biết bao nhiêu là hình tượng, binh khí nghiêm chỉnh, cảnh huống rất đáng sợ. Họ chẳng thuận như nghĩa, làm chuyện rất quái, chẳng theo đạo đức, chuyên việc tàn bạo, gầm thét kêu la vang động cả ba cõi. Giả sử người phạm chưa ly dục mà nghe âm thanh ấy,

thì máu sẽ theo mũi miệng mà trào ra, hoặc kinh sợ mà chết.

Lúc ấy, Bồ Tát không chút sợ sệt cũng không e ngại, lại phát lòng từ bi. Những âm thanh hãi hùng ấy tự nhiên tiêu diệt, chẳng rõ về đâu. Tại sao vậy? Vì tâm Bồ Tát thanh tịnh, dầu nghe âm thanh ấy mà thấu rõ vốn là hư trống, vốn là không có. Thấy ma chúng đến, ánh sáng từ nơi thân Bồ Tát càng chiếu ra rục rỡ. Bồ Tát bảo Ma vương Ba Tuần rằng:

Thôi đi Ba Tuần, chớ có hiện ra cảnh tượng vô ích ấy. Chớ có sanh lòng sân độc rồi tự chuốc lấy tai họa vào thân mà phải mãi mãi chẳng an. Hôm nay Ba Tuần sanh tâm muốn hại Bồ Tát, nhưng Bồ Tát có đức từ rộng, có dũng mãnh lớn, đại bi vô tận, đại từ vô cực, hàng phục kẻ ác nghịch. Ba Tuần muốn làm loạn Bồ Tát, nhưng tâm Bồ Tát vốn thanh tịnh, trần lao cấu trược đã tiêu trừ, Ba Tuần chẳng những không hại được Bồ Tát, trái lại làm nên cho Bồ Tát. Ba Tuần muốn đem lửa đom đóm sánh hơn ánh sáng mặt trời, trùng thú nhỏ làm kinh sợ sư tử, chân bé gậy đập ngã cổ thụ to, nước vũng chân trâu so với biển cả. Ba Tuần nên bỏ tâm oán hận mê lầm, chuyên quyền thuộc hung tàn thành bạn đạo pháp, bỏ phi pháp về Thánh đạo.

Ma vương Ba Tuần thấy Bồ Tát oai đức vòi vọi, nghe tiếng từ bi, lòng ma vui mừng kính ngưỡng hướng về chánh đạo.

Thưa ngài Tịch Ý! Lúc ấy, Bồ Tát tự nghĩ rằng: Từ số kiếp chẳng thể tính kể được, tôi chứa công đức, nhen hạnh thành tựu, đời đời phụng pháp tu hành, vì thương tưởng chúng sanh bị tai khổ trong ba cõi mà tu tập trí huệ nhen từ, ai dám hủy hoại được, chỉ có đại địa chứng minh.

Từ trong y ca sa, Bồ Tát thò tay sắc vàng tử kim rờ khắp thân mình. Chẳng bỏ đại bi, muốn cứu độ chúng sanh, Bồ Tát cất tay hữu lên hướng về mười phương. Liền đó, toàn cõi Đại thiên chấn động sáu cách, có âm thanh tự nhiên phát ra. Âm thanh tự nhiên ấy vang suốt đến các cõi Phật mười phương. Ma vương Ba Tuần cùng ma quyền thuộc ở trên hư không, nghe âm thanh ấy đều tự trách mình sai quấy mà ưa thích pháp lành.

Lúc ấy, Bồ Tát ban bố vô úy đại bi thương xót. Ma và quỷ thần hướng đến Bồ Tát, tự nhiên từ hư không rơi xuống, tâm họ quy y phát tâm ủng hộ rồi ẩn mất không còn. Đó là Bồ Tát thương xót chúng ma quỷ thần mà phóng đại quang minh. Họ đều được rời khỏi bố úy mà đều trở về Thiên cung.

Lúc Bồ Tát thị hiện hàng phục ma vương và ma quyến thuộc, có tám ngàn ức triệu quý thần phát tâm Vô thượng Bồ đề, chín mươi hai ức tải người được bất thối chuyển, tám muôn bốn ngàn Thiên tử vì đã trồng cội công đức nên được Vô sanh pháp nhẫn.

Thưa ngài Tịch Ý! Hiện tượng hàng phục chúng ma ấy, vô số trời người được lợi lành lớn. Dầu vậy, nhưng tâm Bồ Tát không có phân biệt, cũng không có nạn ma, vì đã bỏ hẳn các tội hại. Chư Thiên và thế gian tùy theo căn lành của chính mình, đều được thấy Bồ Tát. Hoặc có người thấy Bồ Tát ngồi trên tòa sư tử bửu liên hoa, hoặc thấy ở dưới đất, hoặc thấy ở hư không, hoặc thấy ở dưới cội cây, hoặc thấy ở cung trời Đao Lợi ngồi dưới cây báu, hoặc thấy ngồi trên tòa sư tử cao bảy nhẫn, hoặc thấy ngồi trên tòa sư tử cao mười dặm, hoặc hai mươi dặm, hoặc bốn mươi dặm, hoặc có chư Thiên như thấy Bồ Tát ngồi trên tòa sư tử cao bốn vạn hai ngàn do tuần dưới cội cây Bồ đề cao tám vạn bốn ngàn do tuần.

Thưa ngài Tịch Ý! Cảnh giới của Bồ Tát chẳng có hạn lượng, chẳng thể nghĩ bàn, vì thế nên đạo tràng rất là thù đặc. Nếu có chúng sanh nào căn tánh thuần thực thì được thấy công hạnh

của Bồ Tát, còn người căn tánh loạn động thì chẳng hay chẳng biết.

Bồ Tát lúc vừa mới thành tựu viên mãn Phật đạo, bảy ngày đêm an trụ trong pháp lạc nhìn cây Bồ đề mắt chẳng nháy. Bảy giờ, có trăm ngàn ức chư Thiên đến ca ngợi cúng dường, đặt bàn ngọc, dâng thức ăn, thấy đức Như Lai đã thành Phật đạo, đều phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Tứ Đại Thiên vương đều cầm bát đến dâng lên đức Như Lai. Như thế giới Đại thiên này có trăm ức phương vực, mỗi phương vực có Tứ Đại Thiên vương. Tất cả trăm ức Tứ Đại Thiên vương đều cầm bát đến dâng lên, đức Như Lai đều nhận lấy cả. Do oai thần của đức Như Lai làm cho chư vị Đại Thiên vương đều chẳng thấy nhau, đều tự nghĩ rằng: Đức Phật nhận lấy bát của mình sẽ dùng đựng thức ăn. Do đó chư Đại Thiên vương trong tâm vui mừng đều phát tâm Vô thượng Bồ đề, đến chẳng thôi chuyển.

Trưởng giả Đề Vị Ba Lợi cùng năm trăm thương gia ngồi xe đi ngang qua đạo tràng. Đức Phật muốn độ họ nên thị hiện oai thần, ngựa xe của đoàn thương gia ấy tự nhiên đứng dừng lại không tiến lên được. Trưởng giả cùng các thương gia đều lấy làm lạ chẳng rõ có. Chư Thiên ở hư

không bảo họ rằng: “Đức Phật đã xuất hiện thế gian, các người nên đến cúng dường”.

Nghe tiếng chỉ bảo trên hư không, trưởng giả và đoàn thương gia mừng rỡ, đều mang mật búng đề hồ đến dâng lên đức Phật. Đồng thời tám muôn bốn ngàn chư Thiên cũng dâng thức ăn lên đức Phật. Đức Phật đều nhận lãnh.

Những người và chư Thiên ấy, đời trước đã từng phát nguyện, lúc đức Như Lai thành đạo, tôi sẽ là người dâng cúng thức ăn đầu tiên. Muốn cho họ toại bốn nguyện, nên oai thần của đức Phật làm cho họ chẳng thấy nhau, chẳng biết nhau, mỗi người đều tự thấy chỉ có riêng mình cúng dường, do đó họ đều rất vui mừng được chẳng thối chuyển Vô thượng Bồ đề.

* Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ nói với ngài Tịch Ý Bồ tát:

Bồ Tát đến dưới cội Bồ đề để thành Phật đạo. Đức Như Lai Chí Chơn chưa chuyển pháp luân khai đạo chúng sanh, mà đã hóa độ vô lượng chúng sanh nhiều hơn số chúng sanh được tế độ từ lúc sơ phát đạo tâm đến khi ngồi dưới cội Bồ đề.

* Hán bộ quyển thứ 12.

Đức Như Lai Chí Chơn vừa thành Phật đạo, bảy giờ Diệu Thức Phạm Thiên vương cùng sáu mươi tám vạn ức triệu trăm ngàn chư Phạm Thiên quyên thuộc đến chỗ đức Phật, đánh lễ dưới chân, đi quanh bên hữu bảy vòng, trụ ở trước đức Phật cung kính bạch rằng:

Xin đấng Đại Bi chuyển pháp luân tuyên bố đạo hóa. Có nhiều chúng sanh đáng được độ, nghe đức Phật thuyết pháp có thể hiểu biết vâng làm.

Thưa ngài Tịch Ý! Như Diệu Thức Phạm Thiên vương ân cần khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân, mười ức Phạm Thiên, mười ức Thiên Đế và mười ức trăm ngàn triệu chư Bồ tát cũng khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân.

Lúc đức Thế Tôn sắp chuyển pháp luân, Diệu Thức Phạm Thiên vương đến vườn Lộc Uyển ở Ba La Nại trần thiết tòa sư tử báu đẹp trang nghiêm cao ba ngàn hai trăm tám mươi dặm. Mười ức Phạm Thiên, mười ức Thiên Đế, mười ức trăm ngàn triệu chư Bồ tát cũng vì đức Thế Tôn mà trần thiết tòa sư tử cao rộng đều đồng nhau, ai cũng tự nghĩ rằng: Đức Như Lai sẽ ngồi trên tòa sư tử của tôi để chuyển pháp luân.

Đức Như Lai đến vườn Lộc Uyển ở Ba La Nại ngồi trên tòa sư tử. Chư Phạm Thích và Bồ

tát đều tự nghĩ rằng đức Như Lai riêng ngồi trên tòa sư tử của mình. Lúc đức Như Lai vừa ngồi xong, mười phương vô hạn Phật độ chấn động sáu cách.

Đức Như Lai nhập Vô cực giới tam muội. Tức thời toàn cõi Đại thiên đều bằng phẳng như bàn tay. Tất cả chúng sanh ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, trên trời, trong loài người đều được an ổn, không dâm nộ si, tiêu bệnh tam độc, lòng họ thanh tịnh thương yêu nhau như cha, như mẹ, như con cái, như anh em, chị em.

Vô số chư Bồ tát từ vô hạn Phật độ ở mười phương đến nghe đức Phật thuyết pháp. Trong cõi Đại thiên, vô cực chư Thiên, Long thần, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, nhơn phi nhơn đồng đến chỗ đức Phật muốn nghe kinh pháp. Đại chúng đến dự hội đông đầy khắp cả cõi Đại thiên không còn chỗ nào trống chùng sợi lông sợi tóc. Tất cả thính chúng đều nhứt tâm khát khao đạo pháp.

Đức Thế Tôn thấy đại chúng đã tập họp đông đủ liền chuyển pháp luân. Vì các hàng Sa môn, Bà la môn, chư Thiên, Ma vương, Đại Phạm Thiên vương và người thế tục mà tuyên bố chánh pháp, tùy thời nghi, theo tâm chúng sanh, đều làm cho họ đều được hiểu biết tỏ ngộ tuân hành đạo pháp:

Nhãn căn vô thường, biết rõ nhãn căn vô thường thì theo luật giáo. Nhãn căn độc khổ, không có ngô ngã, nhãn căn như huyễn, như hóa, như dã mã, như bóng trăng, như mộng, như ảnh, như vang, theo luật giáo này mới chịu phụng hành Không, vô tướng, vô nguyện. Nhãn căn vốn trống không vắng lặng đạm bạc theo duyên mà khởi. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn cũng vậy. Tất cả đều vô thường. Do nghe nói vô thường thì hiểu là khổ, không có ngô ngã, vắng lặng đạm bạc, Không, vô tướng, vô nguyện. Vì chẳng thấu tỏ nên theo duyên mà khởi.

Ngũ âm vô thường, dầu nói năm thứ nhưng đều vô thường, nghe nói ngũ âm vô thường thì hiểu là rỗng không vậy. Lục trần và tứ đại chủng cũng vậy. Bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo hạnh. Do được nghe ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà hiểu vô thường, rỗng không, bèn theo luật giáo.

Người thích Thanh văn thì chẳng ưa Duyên giác. Người thích Duyên giác thì chẳng muốn Thanh văn. Nếu mộ hai thừa thì chẳng nói Đại thừa. Nếu tuyên Đại thừa, được nghe nghĩa thú ấy thì chẳng ham nghe lời nói về Thanh văn và Duyên giác.

Thưa ngài Tịch Ý! Đức Như Lai tùy theo tâm sở thích của chúng sanh mà chuyển pháp luân đều làm cho họ được độ. Dầu cho trí huệ như ngài Xá Lợi Phất trải qua trăm ngàn năm suy nghĩ chỗ sở nhập của bốn hạnh đạo nghĩa cũng chẳng lường biết được, huống là người khác. Lúc nói về Bồ Tát đến ngồi dưới cội Bồ đề, hàng ma thành đạo và chuyển pháp luân, có tám muôn bốn ngàn người trong đại hội phát tâm Vô thượng Bồ đề.

Lúc bảy giờ, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tiên lên bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Vừa rồi tôi tuyên nói bí yếu của đức Như Lai phải chẳng không sai trái hủy báng đức Như Lai. Bí yếu của đức Như Lai rất là huyền diệu rộng lớn không ngăn mé, thế gian khó tin được. Dầu nói bí yếu của đức Như Lai mà tâm tôi tự nhớ là trí huệ của đức Như Lai nhập trong thân tôi, chớ chẳng phải là sức của tôi.

Đức Phật phán:

Đúng như vậy. Như lời của Mật Tích đã nói. Đạo huệ của đức Như Lai nhập vào chỗ nào thì không ai là chẳng được an ổn. Hàng đệ tử Phật ban tuyên kinh điển, đều nương nhờ oai thần của đức Như Lai. Vì nhập vào thân Không pháp đạo huệ huyền diệu của đức Như Lai nên không ai là

chẳng thông đạt. Nếu muốn bảo chúng sanh tự kiến lập Như Lai chánh pháp, tuyên nghĩa nhu thuận, thì chưa bao giờ có.

Nay ông suy gẫm chơn đế, nương đạo huệ của đức Như Lai mà được sức vô úy diễn nói pháp ấy. Nói rằng chơn đế chánh là pháp ấy.

Tại sao vậy?

Chơn đế ấy, là đạo Vô thượng chánh chơn mà chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, chư Phật hiện tại đều tuân hành. Giả sử có ai ban tuyên kinh điển bí yếu này đúng pháp không sai thì đều sẽ thành Phật. Nếu có người nghe nói kinh này mà tin ưa, thì được tất cả thế gian đều kính mến tin tưởng.

Giả sử có người dùng đầu hoặc vai mang núi Tu Di đứng giữa hư không, việc này còn có thể được. Người không có đức thì chẳng kham nhiệm được nghe Kinh điển này. Hoặc đã được nghe cũng khó tin. Hoặc đã tin nhưng chẳng thể mến thích. Huống lại là thọ trì đọc tụng giảng thuyết.

Nếu có người nghe Kinh này mà tin ưa thọ trì đọc tụng vì người khác giảng thuyết, người này đời trước đã từng cúng dường vô số ức trăm ngàn triệu tải chư Phật Thế Tôn. Đây là bực Chánh sĩ vun trồng cội công đức chí gìn Đại thừa, quyết

định được thọ ký. Huống là người chí thành hay phụng hành!

Lúc ấy ngài Tịch Ý Bồ tát tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là nghĩa vắng lặng đạ**đ**am b**ạ**c?

Đức Phật bảo ngài Tịch Ý Bồ tát:

Nầy thiện nam tử! Nghĩa vắng lặng đạ**đ**am b**ạ**c là tiêu diệt trần lao và đạ**đ**am b**ạ**c những ô nhiễm. Do tiêu trần lao nên mới gọi là trừ các tham dục vọng tưởng. Do trừ dục tưởng thì không tư lự. Do không tư lự thì chẳng chấp trước. Do chẳng chấp trước thì không hành nghiệp nhơn duyên. Do không hành nghiệp nhơn duyên thì không vô minh chỗ có ân ái. Do không vô minh chỗ có ân ái thì tiêu ngô ngã. Do tiêu ngô ngã thì không danh sắc. Do không danh sắc thì tiêu nghiệp chấp đoạn, chấp thường. Do không nghiệp đoạn diệt chấp thường thì tiêu tham thân.

Nầy thiện nam tử! Các nhân duyên quả báo tùy theo các nghiệp chấp kiến điên đảo mà thành trần lao, đều do tham thân mà thành họa hoạn ấy. Do không tham thân thì bỏ cả sáu mươi hai thứ chấp kiến. Do không tham thân thì vắng bặt các duyên. Do không tham thân thì tất cả tham dục tự

nhiên đạm bạc. Do không tham thân thì các hy vọng vắng lặng tiêu diệt.

Ví như nhỏ cây thì rễ gốc thân nhánh lá hoa trái đồng thời đều trừ, cây ấy vĩnh viễn không còn có. Hành giả cũng vậy. Do tiêu tham thân thì không còn có những sáu mươi hai thứ kiến chấp. Do tiêu tham thân nên đều trừ tất cả các pháp sở thọ, họa hoạn trần lao năm ấm sáu nhập. Do không tham thân nên không có các họa hoạn trần lao năm ấm.

Ngài Tịch Ý thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Vì chẳng dứt trừ tham thân nên có ngô ngã?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Vì còn có ngô ngã nên chẳng dứt trừ tham thân. Vì còn có nhơn, thọ mạng nên chẳng dứt tham trước. Cái được thấy ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, không có nơi chỗ. Suy tìm tất cả chỗ đều không có cái được thấy. Vì không có cái được thấy nên không có phân biệt. Đây thì gọi là dứt được kiến chấp tham thân, tham thân đều rỗng không. Do trí nhu thuận pháp nhĩn hay hiểu biết pháp Không nên không còn các chấp kiến kia, thân mình không có tướng đều không có chỗ làm, không có sanh không có khởi.

Đây mới gọi là nhu thuận pháp nhẫn chẳng còn các kiến chấp, là dứt tham thân.

Này thiện nam tử! Nếu chẳng tham thân thì giải thoát thân không có thân. Sao gọi là không có thân? Thân do bốn đại chủng hiệp thành vốn không có tên. Do biết như vậy nên hiểu là hư ngụy, nên gọi là chẳng chơn thật, là chẳng có được, đều do vọng tưởng mà có. Nếu không cầu mong, chẳng vọng tưởng, chẳng mê chẳng làm, chẳng làm chẳng ở, thì không tham thân. Vì không tham thân nên gọi là vắng lặng, là đạm bạc.

Tiêu diệt những gì mà gọi là vắng lặng? Tiêu các nhơn duyên gọi là vắng lặng. Tại sao vậy? Vì từ các nhơn duyên ấy mà làm cho tâm hưng hỷ. Do không nhơn duyên thì tâm chẳng hưng hỷ. Ví như do nhơn duyên hai khúc gỗ cọ nhau nên có lửa hỷ hưng. Không gỗ không lửa thì không hỷ hưng. Cũng vậy, do duyên đối kia làm cho tâm hưng hỷ. Do không duyên đối thì không hưng hỷ.

Lại này thiện nam tử! Bồ tát Đại sĩ dùng sức phương tiện tùy thời tiêu diệt nhơn duyên mà chẳng tiêu diệt những cội gốc công đức. Chẳng hưng khởi nhơn duyên trần lao. Hưng phát các công hạnh, các ba la mật. Vứt bỏ các sự ma, các

ngiệp tà mà chẳng bỏ đạo hạnh nghiệp duyên của chư Phật. Bỏ nhơn Niết bàn mà chẳng bỏ ba mươi bảy phẩm đạo nghiệp. Tâm chẳng luyến ưa Thanh văn, Duyên giác. Chẳng bỏ đạo tâm chí chơn của Bồ tát. Vì quán Không, vô mà khởi đại bi. Xét các nhơn duyên để không duyên theo tướng. Tuyên giảng chí đức, chẳng vì vọng tưởng mà mất đạo tâm. Vì không mong cầu nên nhàm các nhơn đối đãi, các nạn trong ba cõi. Chỉ không có sanh duyên mà chẳng bỏ sở sanh. Không ngờ vực, tu các công đức, làm các đạo hạnh.

Đây là Bồ tát quyền trí nhập định mà được tự tại.

Duyên vô thường ư? Chẳng nhàm sanh tử mà được tự do, vì không chỗ sợ vậy.

Duyên có khổ ư? Kiến lập chúng sanh nơi Niết bàn an ổn.

Duyên vô ngã ư? Thương xót làm cho chúng sanh được an lạc, vì thi hành đại bi vậy.

Duyên hư vô ư? Vì tâm được Như Lai tám phần chánh đạo vậy.

Duyên dục hành ư? Vì làm thuốc thanh tịnh cho những bệnh tham ái vậy.

Ban tuyên chánh pháp ư? Vì làm cho tâm họ an trụ vững chắc vậy.

Duyên sân hận ư? Vì tuyên thuốc từ tâm để chúng hết sân hận vậy.

Duyên ngu si ư? Vì chúng ngu si mà ban cho thuốc thập nhị nhơn duyên để trị tâm bệnh cho họ chẳng di động vậy.

Duyên đẳng phân ư? Với những chúng sanh đồng đều ba sự tham sân si, đem ba pháp giáo hóa trị tâm bệnh họ, giảng thuốc vô thường vậy.

Duyên vô dục ư? Vì muốn khai hóa hàng Thanh văn vậy.

Rời sân hận ư? Vì làm cho tâm họ được đứng vững nơi Duyên giác thừa vậy.

Rời ngu si ư? Vì khai hóa tâm họ an lập nơi Đại thừa vậy.

Duyên sắc tượng ư? Vì tâm ấy khắp an trụ đến được thân tượng của Như Lai vậy.

Duyên âm thanh ư? Vì tâm được an trụ thanh âm của Như lai vậy.

Duyên các hơi hương ư? Vì tâm an lập giới hương của Như Lai vậy.

Duyên các mùi vị ư? Vì tâm được an trụ đạo vị của Như Lai vậy.

Duyên đại nhơn tướng ư? Vì tâm an trụ được tướng hảo trang nghiêm vậy.

Duyên mịn trơn ư? Vì tâm an trụ được tay chân nhu nhuyễn của Như Lai vậy.

Duyên kinh pháp ư? Vì tâm an trụ đến được ý vô sanh của Như Lai vậy.

Duyên bố thí ư? Vì tâm an trụ tại đầy đủ những tướng hảo vậy.

Duyên trì giới ư? Vì tâm an trụ tại Phật độ nghiêm tịnh vậy.

Duyên nhân nhục ư? Vì tâm an trụ tại Phạm âm của Như Lai vậy.

Duyên tinh tấn ư? Vì tâm an trụ ở hóa độ chúng sanh vậy.

Duyên thiên tư ư? Vì tâm an trụ ở hưng khởi thần thông vậy.

Duyên trí huệ ư? Vì tâm an trụ ở dứt các tà kiến, dứt lưới sáu mươi hai điều nghi chấp vậy.

Duyên từ tâm ư? Vì với tất cả chúng sanh tâm bình đẳng chẳng cứu lòng tổn hại vậy.

Duyên xót thương ư? Vì lập tâm cứu tế chúng sanh vậy.

Duyên hỷ duyệt ư? Vì tâm an trụ tại ưa thích nghe pháp vậy.

Duyên xả ly ư? Vì lập tâm vứt bỏ các họa nguy ách của kiết sử vậy.

Duyên tứ ân ư? Vì gìn tâm khai hóa đìu dặt chúng sanh vậy.

Duyên tham sân ư? Vì gây dựng tất cả sở hữu để ban bố cho chúng sanh vậy.

Duyên phạm ác ư? Vì tôn tâm an lập giới hạnh thanh tịnh của Như Lai vậy.

Duyên tranh luận ư? Vì tâm an trụ tại trí biện của Như Lai vậy.

Duyên oán hại ư? Vì tôn tâm an lập mười trí lực và bốn vô sở úy của Như Lai vậy.

Duyên loạn động ư? Vì tâm an trụ đến tam muội của Như Lai vậy.

Duyên tà trí ư? Vì tâm an lập trí ba la mật vô ngại đầy đủ cho chúng sanh vậy.

Duyên hạ thừa ư? Vì tâm an trụ tại tích công chứa đức chí ở Đại thừa vậy.

Duyên thuận ứng ư? Vì tôn tâm an hòa chẳng phạm các điều ác phi pháp vậy.

Duyên ác thú ư? Vì tâm an trụ tại cứu hộ tất cả chúng sanh ác thú đọa bát nạn vậy.

Duyên chur Thiên ư? Vì tôn tâm hiểu thị những hội hiệp đều sẽ biệt ly vậy.

Duyên chúng nhơn ư? Vì tâm an trụ tại tất cả diệu thiện vậy.

Duyên niệm Phật ư? Vì tập thấy chư Phật vậy.

Duyên niệm Pháp ư? Vì tôn tâm phụng hành đạo pháp mà bỏ sự vô ích vậy.

Duyên niệm Tăng ư? Vì gây dựng pháp bất thối chuyển vậy.

Duyên thí cho ư? Vì tâm an trụ chẳng rời bỏ chúng sanh vậy.

Duyên cấm giới ư? Vì đầy đủ sở nguyện vậy.

Duyên niệm thiên ư? Vì tôn tâm an lập đủ trọn công đức Nhưt sanh bồ xứ vậy.

Duyên thân hành ư? Vì đến được Phật thân vậy.

Duyên khẩu ngôn ư? Vì tâm an trụ các ngôn giáo kinh điển của Phật vậy.

Duyên tâm ý ư? Vì tôn tâm được Phật ý vậy.

Duyên hữu vi ư? Vì tâm an trụ tại tích công chứa đức tự được đầy đủ vậy.

Duyên vô vi ư? Vì tâm an trụ tại đầy đủ Thánh huệ vậy.

Này thiện nam tử! Chẳng phải từ nơi không duyên không hóa độ mà đến được đạo Đại thừa. Đều do duyên tâm mà được đến Phật đạo, được đến Nhưt thiết trí. Nếu có Bồ tát đều do nơi duyên

hóa mà dẫn đến Nhứt thiết trí. Đây là thiện quyền phương tiện của Bồ tát, đều do thấy các Pháp, đều cứu lòng dẫn đến Nhứt thiết trí. Như cõi Đại thiên chứa nhận tất cả đất đai, chúng sanh, cỏ cây, sông biển, không thứ gì chẳng bao gồm. Tất cả đều mong nhờ nơi đó mà được sanh hoạt.

Này thiện nam tử! Cũng vậy, tất cả các duyên đều do Bồ tát thiện quyền phương tiện thực hành những công hạnh thù thắng đệ nhứt đến Nhứt thiết trí. Như các hình sắc đều có bốn đại chủng. Cũng vậy, Bồ tát thiện quyền phương tiện tạo lập các duyên đều đến Phật đạo. Tại sao vậy?

Các chúng sanh hưng khởi tội vạ, đối với Bồ tát, chẳng những không báo đền mà Bồ tát duyên nơi đây thực hành Bồ thí ba la mật liền có thể thành tựu đầy đủ Giới ba la mật. Nếu có người giận thù cứu lòng độc hại, bấy giờ Bồ tát thực hành Nhẫn ba la mật liền đó sung mãn Tinh tấn ba la mật. Nếu thấy chúng sanh ở nơi ồn ào náo nhiệt, tâm họ không an ổn, duyên đây mà Bồ tát hành Thiền ba la mật, bỗng nhiên thành tựu Trí ba la mật. Nếu có chúng sanh che chướng tối tăm, Bồ tát vì họ mà dứt trừ lưới kiết phược chướng ngại. Nếu có chúng sanh siêng tu tập, Bồ tát bèn vì họ tiêu trừ tất cả chướng chấp trước, cúi đầu khen ngợi chỉ thị cho họ tự quy. Với kẻ ưa chê bai hủy

báng, Bồ tát cũng tùy thuận ý của họ, làm cho họ chẳng sanh tâm hủy báng. Nếu thấy người cần khổ bị vô số khổ não, Bồ tát liền khởi đại bi cứu họ khỏi khổ. Nếu thấy người an lạc, Bồ tát rất vui mừng mà nhiếp thọ họ. Nếu thấy những loài cang cường khó hóa độ, Bồ tát tùy thời dìu dắt huấn thị cho họ phát đạo tâm. Thấy người nhờn hòa, Bồ tát ở nơi họ tu tập chí hạnh phát khởi đạo tâm cho họ. Nếu có lực sĩ báo ứng nghiệp hạnh, Bồ tát liền thuận nhiếp thủ dạy dỗ hiển khởi đạo tâm.

Đây gọi là tùy duyên mà được tự tại, Bồ tát tùy thuận thiện quyền phương tiện biết rõ chúng sanh đúng thời mà thuyết pháp. Ở tại báo ứng chí nguyện ái mộ, giáo hóa khai thị phân giải, đều làm cho chúng sanh thân nhiên tinh tấn nơi đại đạo Thánh huệ, vì họ mà luận nghĩa sâu xa vô thượng.

Bồ tát tồn lòng từ rộng vì chúng sanh mà giải bày đạo chí chơn, lần lượt vì họ mà ban tuyên chỉ dạy đạo nhờn vô thượng ấy, giải thích phân biệt chương cú. Bồ tát lấy một cú pháp mà diễn xướng bao nhiêu nghĩa. Với người ưa vắng lặng, Bồ tát vì họ phân biệt quán xét tất cả. Với người ác giác quán, Bồ tát đem quán giải thoát tam muội giảng thuyết cấm giới, lại vì họ mà tuyên giảng địa ngục, ngã quý, súc sanh. Do nghe pháp ấy mà

hiếu sự vô thường không cứu không hộ, khiến họ cầu đạo hộ. Nếu người có chánh định, Bồ tát vì họ mà luận Huệ ba la mật. Với người ham mộ ở rảnh rang, Bồ tát giáo hóa họ tịnh thân khẩu ý. Với người biết tri túc, Bồ tát vì họ mà hiển phát hạnh nghiệp công đức của Thánh hiền. Với người có quan niệm tự đại ngu tối, Bồ tát sẽ vì họ tuyên bố tinh tấn học rộng nghe nhiều. Với người tham dục, Bồ tát chỉ bảo cho họ biết họa hoạn bất tịnh vô ích. Với người hay giận thù, Bồ tát khuyên họ phát tâm từ chẳng cur lòng oán hại. Với người ngu lằm, Bồ tát dạy họ pháp thập nhị nhơn duyên phát khởi sanh tử. Với người đặng phần phiền não, Bồ tát vì họ diễn nói vô thường, khổ, Không, vô ngã. Với người ham mê sắc dục, Bồ tát giảng dạy sự bất tịnh. Với người nhờn từ đến nổi ngu tối không hiểu biết, Bồ tát vì họ chỉ bảo sự duyên khởi tội lỗi. Với người tà kiến, Bồ tát vì họ quyết rõ pháp Không, vô. Với người cur lòng hy vọng, Bồ tát diễn nói hạnh không vọng tưởng. Với người cố chấp nơi thệ nguyện, Bồ tát dạy họ không nguyện cầu. Với người ưa nơi ngũ cái, Bồ tát vì họ phân tích năm ám như huyễn, như hóa, hư ngụy không thật. Với người tham chấp các đại chủng, Bồ tát vì họ giải rõ bốn đại chủng mười tám giới như bóng, do hình chiếu mà hiện. Với

người dựa theo các nhập, Bồ tát giảng nói mười hai thứ nhập, trong sáu căn, ngoài sáu trần đều chẳng phải sở hữu của ta. Như cảnh chiêm bao lúc thức không còn có. Với người nương cõi Dục, Bồ tát vì họ giảng nói phân biệt tất cả vạn vật đều về nơi vô thường. Với người nắm lấy cõi Sắc, Bồ tát vì họ diễn nói tất cả hạnh nghiệp chúng sanh đều là gốc khổ não. Giả sử có người binh vực cõi Vô sắc, Bồ tát tuyên bố tất cả các pháp đều không có ngô ngã. Với người khó hóa độ, Bồ tát bảo họ siêng tu tập pháp Hiền Thánh. Với người dễ hóa độ, Bồ tát sẽ vì họ khai thị pháp Vô thượng chí chơn. Với người muốn sanh ở cõi trời cõi người, Bồ tát vì họ ca ngợi giới phẩm thanh tịnh. Với người thích Thanh văn thừa, Bồ tát chỉ thị tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Với người mộ Duyên giác thừa, Bồ tát khai thị mười hai nhơn duyên lấy vô minh làm gốc. Với người học hạnh Đại thừa, Bồ tát nhơn đó lưu bố sáu ba la mật, bốn đẳng, bốn ân để dắt dẫn họ. Với người mới phát tâm, Bồ tát xem xét chí tánh của họ mà dạy dỗ. Với người đủ các công hạnh chẳng nhằm sanh tử, Bồ tát chỉ dạy pháp không nạn để họ được chẳng thối chuyển. Với người bất thối chuyển, Bồ tát nhơn đó phân biệt nói Phật độ thanh tịnh. Với bậc Nhứt sanh bất tử Bồ tát đại nhơn, Bồ tát hiển thị đạo tràng Bồ

đề chí chơn.

Này thiện nam tử! Bồ tát được tự tại theo duyên giáo hóa tuyên bố đạo pháp không có sai lầm, dùng ngôn từ khéo léo làm vui đẹp lợi ích chúng sanh.

Lúc đức Thế Tôn nói lời trên đây, trong pháp hội có một vị người phát tâm Vô thượng Bồ đề, năm trăm Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn. Bấy giờ, trong chúng hội có các Bồ tát nghĩ rằng: Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ này bao giờ thành Phật? Lúc ông ấy thành Phật hiệu là gì? Quốc độ ấy tên gì? Công đức nghiêm tịnh thuộc về loại gì? Thành tựu chúng Bồ tát thế nào?

Đức Thế Tôn biết tâm niệm của chư Bồ tát liền mỉm cười. Vô số ức trăm ngàn tia sáng từ miệng đức Phật phóng ra chiếu thấu vô hạn thế giới mười phương che ánh sáng của mặt trời mặt trăng, trùm cung điện của ma. Những tia sáng ấy trở về nhiều vòng quanh đức Phật vô số vòng rồi từ đỉnh đầu đức Phật mà thâm vào.

Tịch Ý Bồ tát liền đứng dậy trích vai áo phía hữu chấp tay lễ Phật, nói kệ ca ngợi đề hỏi ý cười của đức Phật:

Cao vọi như núi vàng
Diệu quang sạch bụi trần

Tâm Phật vững vẳng lặng
Như mặt trời trên không
Tia sáng ấy rất sáng
Tiêu trừ các tối tăm
Cớ chi hiện như vậy
Xin Thế Tôn giải bày
Sạch sẽ như hoa sen
Mọc ở trong bùn sinh
Gốc cọng ở trong nước
Lớn lên không cấu nhơ
Công đức rất thơm tho
Ý niệm càng rộng xa
Chỉ nên an nhiên nói
Cớ chi lại vui cười
Tâm trí Phật an ổn
Vẳng lặng và nhu hòa
Lòng từ càng thêm lớn
Tiêu trừ những cấu uế
Dùng ánh sáng trí huệ
Trừ bỏ các tối tăm
An trụ như hoa sen
Vứt bỏ các hồ nghi
Thêm thương tu đạo tràng
Phụng hành được tự tại

Miệng Phật phóng quang minh

Khô cạn các ái dục

Khai hóa các chúng sanh

Cho mắt họ sáng sạch

An trụ tiêu nghịch tặc

Trừ bỏ những tội lỗi

Khắp tất cả chúng hội

Chư Thiên và mọi người

Ngưỡng nhìn tướng mạo Phật

Có chi Phật vui cười?

Đức Phật bảo ngài Tịch Ý Bồ tát:

Ông có thấy Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ ấy
chăng?

Ngài Tịch Ý Bồ tát thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi đã thấy ông ấy.

Đức Phật dạy:

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ sẽ cúng dường
chư Như Lai ở Hiền kiếp, hộ trì chánh pháp, khai
thị lợi ích vô lượng chúng sanh. Từ thân ấy chết,
ông ấy sẽ sanh về nước Diệu Lạc của đức Phật A
Súc. Từ đó về sau gặp vô số chư Phật, tịnh tu
Phạm hạnh. Qua khỏi số kiếp ấy, ông ấy chứa
nhóm công đức sẽ thành Phật hiệu Kim Cang Bộ
Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cõi

nước tên Phổ Tịnh. Kiếp hiệu Nghiêm Tịnh. Cõi nước Phổ Tịnh hiệp bảy báu làm thành, nhơn dân giàu vui đông đảo như cung trời Đâu Suất. Cõi nước ấy không có ba ác đạo và tám chỗ nạn, trời và người chẳng riêng biệt, tất cả đều mộ Phật đạo vi diệu. Cõi ấy không có hai thừa, không có tên Thanh văn, Duyên giác, thuần là Bồ tát.

Đức Kim Cang Bộ Như Lai tuyên thuyết pháp Đại thừa bất thối chuyển. Chúng Bồ tát ở cõi Phổ Tịnh đông chẳng thể tính đếm hạn lượng được. Cõi ấy không có người tánh ác ganh ghét phá giới tà kiến. Người cõi ấy mến thích Phật pháp, tâm tánh hiền hòa, đều đủ hai mươi tám tướng tốt trang nghiêm thân thể.

Đức Kim Cang Bộ Như Lai tại thế thọ tám tiểu kiếp, thường vì chúng hội trời người thuyết pháp, thân phóng quang minh chiếu khắp cõi nước. Các hàng trời người được quang minh Phật chiếu đến đều được giải quyết các điều nghi khen ngợi chánh pháp, về theo đức Phật. Mọi người nghĩ rằng: Tôi phải đến chỗ Phật để học hỏi kinh điển. Có người dùng thần thông của mình đi đến chỗ Phật. Có hàng Hữu học nương oai thần của Phật mà đến.

Đức Phật Kim Cang Bộ ở trên hư không cách mặt đất trăm ngàn nhẫn tuyên cáo pháp âm khắp

mười phương làm vui đẹp tất cả những người đến dự hội. Chỉ tuyên pháp Đại thừa vô thượng đại đạo cho chư Bồ tát.

Cõi nước Phổ Tịnh ấy không một ai chống báng lời giáo huấn của đức Phật. Cõi nước ấy không có vua chúa, chỉ có đức Phật Thế Tôn là vị Pháp Vương. Ở cõi nước ấy, tất cả nhơn dân đều có trí huệ, không chấp ngô ngã, không có ngã sở, chẳng làm chủ nhà ruộng riêng.

Do lòng từ xót thương của đức Phật, chiều tối người cõi nước ấy thấy đức Kim Cang Bộ Như Lai hiện thân tượng đấng y mang bát đứng trước nhà mình, liền tự nghĩ: Đức Như Lai thương tôi muốn đến nhà tôi thọ trai. Đêm ấy, họ sắm sửa thức ăn, trần thiết ghé bàn. Sáng hôm sau đến giờ thọ trai, đức Phật và Thánh chúng đến nhà họ thọ trai xong, sau khi rửa tay, đức Phật vì người nhà thí chủ mà thuyết kinh pháp. Thí chủ ấy được pháp bất thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác. Thuyết kinh xong, đức Phật trở về tịnh xá. Nếu lúc đức Phật ngồi yên nơi tịnh thất, chư Bồ tát cõi ấy đều theo pháp tam muội của mình đã được mà tu tập.

Này thiện nam tử! Cõi nước của đức Phật Kim Cang Bộ có công đức trang nghiêm thanh tịnh thù đặc dường ấy.

Lúc đức Thế Tôn nói lời thọ ký cho Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ, trong chúng hội có hai vạn người phát tâm Vô thượng Bồ đề phát nguyện sanh về cõi nước ấy. Đức Phật thọ ký rằng: Lúc đức Phật Kim Cang Bộ thành đạo, trong đại chúng đây ai nguyện được thấy thì đều sẽ được sanh về cõi Phổ Tịnh ấy và sẽ được đức Phật ấy thọ ký Vô thượng Bồ đề.

Nghe đức Phật thọ ký, Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ vui mừng hơn hờ dôi chày kim cang đang cầm lên hư không. Liên đó, khắp cõi Đại thiên chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu mười phương, hoa trời tuôn xuống như tuyết rơi, các thứ âm nhạc tự nhiên trỗi lên. Tay mặt của tất cả mọi người trong pháp hội tự nhiên có nhiều thứ hoa hương phan lọng xinh đẹp, đều cầm lấy mà đi. Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ cầm hoa hương phan lọng đi vòng quanh đức Phật nói kệ ca ngợi rằng:

Pháp rộng khắp tự tại
 Pháp tạng chẳng cùng tận
 Thuyết pháp rất rành rẽ
 Lợi ích cho chúng sanh.
 Phật trao phó cho tôi
 Thường thích dùng pháp khí
 Phụng hành đúng chánh pháp

Nguyện tự quy Phật đạo
Trí huệ hay thanh tịnh
Công hạnh đã sáng suốt
Danh hiệu thấu ba đời
Công đức trọn rớt ráo
Trí Phật suốt ba chỗ
Thánh đức không chấp trước
Tự tại độ chúng sanh
Giáo hóa khỏi khổ ách
Thanh tịnh như mặt nguyệt
Dung nhan rất sáng rõ
Chiếu đến chỗ rất xa
Dường như mặt trời sáng
Phật âm rất diệu hòa
Như tiếng trời Phạm Thiên
Từ bi tuyên lời dạy
Kính lễ đấng Chí Tôn
Tự hiển hiện thân hình
Thị hiện có thọ mạng
Xin Phật tuyên pháp âm
Diễn nói các văn tự
Dầu diễn nói kinh pháp
Nhưng không niệm có pháp
Dầu độ khắp chúng sanh

Nhưng không tưởng có non
 Thế Tôn thương giáo hóa
 Ai báo được ơn Phật
 Giả sử tất cả chúng
 Chứa đức vô lượng kiếp
 Chỉ thưa hỏi Phật pháp
 Chí chẳng ở nghiệp khác
 Mình phụng hành Phật hạnh
 Lại dạy bảo người khác.

Nhiều Phật và chúng hội đủ bảy vòng, Mật
 Tích Kim Cang Lực Sĩ cầm các thứ hoa và lọng
 báu tung lên cúng dường đức Phật. Vừa lúc tung
 hoa, khắp tứ thiên hạ tự nhiên hóa sanh bao nhiêu
 thứ hoa trang nghiêm tám lớp đường xá, những ao
 nước tám vị công đức, nương oai thần của Phật,
 không đâu là chẳng khắp.

Tịch Ý Bồ tát hỏi Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:
 Đức Như Lai đã thọ ký Phật đạo cho Ngài?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ đáp:

Ngài đã thấy đức Phật thọ ký. Sự thọ ký ấy tự
 nhiên như chiêm bao.

Hỏi: Ngài được thọ ký là đến chỗ nào?

Đáp: Chỗ được thọ ký ấy là không chỗ đến.

Hỏi: Chẳng đến chỗ nào?

Đáp: Chẳng đến ngô ngã, chẳng được nhơn và thọ mạng, chẳng được năm âm, sáu trần, bốn đại chủng, chẳng thấy công nghiệp độ đời hiện tại, chẳng đến các tội cùng chẳng tội, không có lậu và vô lậu, không có trần lao sân hận, không có hữu vi và vô vi, không có sanh tử và Niết bàn, tất cả đều chẳng đến mới gọi là thọ ký.

Hỏi: Nếu không chỗ đến thì ai được thọ ký?

Đáp: Không chỗ đến ấy mới gọi là đến.

Hỏi: Nếu không ngô ngã thì ai được thọ ký?

Đáp: Người thọ ký và người được thọ ký đều bình đẳng, bốn tế không có hai, không có khác.

Hỏi: Nếu không bốn tế, thì ai được thọ ký ấy?

Đáp: Bốn tế không sanh, cũng không diệt, không có hai. Do bốn tế ấy mà ngày nay được thọ ký.

Hỏi: An trụ bốn tế nào mà được thọ ký?

Đáp: An trụ nơi tự nhiên, bốn tế không hai, bốn tế không ngã, không nhơn, không thọ mạng, an trụ nơi tự nhiên mới gọi là được thọ ký.

Hỏi: Ngô ngã bốn tế an trụ chỗ nào?

Đáp: An trụ nơi đức Như Lai an trụ.

Hỏi: Không chỗ hay biết là biết chỗ nào?

Đáp: Chỗ hay biết ấy, là không chỗ biết.

Hỏi: Nếu không chỗ bảo nói là không chỗ nói, giả sử không chỗ nói thì dạy những gì?

Đáp: Dạy không chỗ dạy.

Hỏi: Thế nào là dạy không chỗ dạy?

Đáp: Tất cả các pháp đều không chỗ dạy.

Hỏi: Giả sử không chỗ dạy thì làm sao biết đó?

Đáp: Giả sử không chỗ dạy thì chỗ biết dường ấy.

Hỏi: Thế nào là dạy chỗ biết?

Đáp: Chẳng hỏi chỗ biết.

Hỏi: Thế nào là chẳng hỏi chỗ biết?

Đáp: Tâm không phóng dật.

Hỏi: Thế nào là tâm không phóng dật?

Đáp: Tự về nơi yếu nghĩa.

Hỏi: Thế nào là tự về nơi yếu nghĩa?

Đáp: Chẳng thấy vô nghĩa.

Hỏi: Sao gọi là chẳng thấy vô nghĩa?

Đáp: Chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa mới gọi là nghĩa.

Hỏi: Sao gọi là chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa mới gọi là nghĩa?

Đáp: Chẳng lấy nơi nghĩa cũng chẳng phải vô nghĩa ấy là đạo nghĩa.

Hỏi: Nếu lấy vô nghĩa thì chẳng thành pháp nghĩa ư?

Đáp: Pháp nghĩa ấy sao lại là nghĩa! Tại sao vậy? Người xu hướng nơi nghĩa thì là phi pháp, chẳng thành là pháp.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Pháp không âm hưởng mới gọi là pháp.

Hỏi: Pháp không âm hưởng sao gọi là pháp?

Đáp: Nơi pháp ấy không có văn tự mới gọi là pháp. Pháp ấy không chỗ được. Pháp ấy không âm thanh, không ngôn từ.

Hỏi: Sao gọi là chỗ đến?

Đáp: Như chỗ đến được, đây mới gọi là tất cả không đến. Rời lìa nơi có được, nên gọi là tôi đến được Như Lai. Tu tập các pháp mới có thể đến được. Có thể dứt bật tâm ngô ngã. Tất cả chỗ tuyên bày là ánh sáng của trí huệ. Nhon nơi văn tự ấy mà tuyên bày công nghiệp của Như Lai. Chẳng lấy không đến, chẳng lấy sẽ đến.

Hỏi: Chỗ đến ấy, chỗ nào chẳng được?

Đáp: Lời nói từ nơi miệng là chẳng được vậy. Lời nói từ nơi miệng, trong tâm dựa theo văn tự thì là chẳng được.

Hỏi: Thế nào gọi là được?

Đáp: Không chỗ đến ấy, không chỗ dạy ấy. Không chỗ dạy ấy, biết thì là chẳng biết tự chẳng biết tha. Chẳng biết tự chẳng biết tha mới gọi là được.

Hỏi: Chẳng được thì cái gì làm căn bản nó. Còn được thì cái gì làm căn bản nó?

Đáp: Sở thọ là căn bản.

Hỏi: Cái gì làm căn bản của sở thọ?

Đáp: Chỗ dựa nhờ làm căn bản.

Hỏi: Cái gì làm căn bản của chỗ dựa?

Đáp: Hư nguyện vọng tướng làm căn bản.

Hỏi: Cái gì làm căn bản của hư nguyện vọng tướng?

Đáp: Trần lao làm căn bản của hư nguyện vọng tướng.

Hỏi: Chỗ nào làm căn bản của hư nguyện vọng tướng trần lao?

Đáp: Luyện trước làm căn bản.

Hỏi: Những gì làm căn bản của luyện trước?

Đáp: Sắc, thanh, hương, vị, xúc làm căn bản.

Hỏi: Chỗ gì là cội gốc luyện trước?

Đáp: Ân ái kiết tập gọi là cội gốc luyện trước. Ở nơi những chỗ luyện trước ấy mà không luyện mộ thì gọi là không luyện trước.

Thưa ngài Tịch Ý! Ân ái kiết tập ấy, tìm cầu chỗ luyện trước thì vĩnh viễn không có chỗ luyện trước vậy.

Lúc đức Phật Thế Tôn thọ ký cho Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ và lại ban tuyên nói lại pháp ấy, trong chúng hội có năm trăm vị Tỳ kheo được lậu tận ý giải, hai trăm vị Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn.

* Bảy giờ, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ được đức Phật thọ ký cho, sở nguyện đã đủ, chỗ mong đã toại, vui mừng vòng tay thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Ngưỡng vọng đáng Đại Thánh quang lâm đến cõi Khoáng Dã quốc độ Quỷ Vương tại cung xá Mật Tích của tôi thọ trai bảy ngày. Tôi cũng kính thỉnh chư Bồ tát và chư đại Thanh văn cùng đến bữa ăn thọ bữa ăn mọn bảy ngày. Tại quốc độ Khoáng Dã Quỷ Vương, các chúng quỷ thần yêu my, Càn thất bà, Ma hầu la

* Hán bộ quyển thứ 13.

già và những chúng sanh khác được thấy đức Phật Thế Tôn và chư Hiền Thánh, được nghe kinh pháp tất sẽ được mãi mãi an vui không có các họa hoạn, bèn sẽ bỏ lòng sân hận độc hại trái nghịch. Tứ Thiên vương cùng quyến thuộc đến cõi Khoáng Dã Quỷ Vương nếu được thấy đức Như Lai, nghe thuyết pháp tất sẽ được an hòa chẳng bị ách nạn.

Vì lòng xót thương và muốn khai hóa vô số chúng sanh khiến họ vun trồng cội công đức nên đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh bầy ngày cúng dường của Mật Tích. Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ thấy đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh của mình, lòng vui mừng hơn hở cúi lạy chân Phật, đi nhiều bên hữu ba vòng rồi lui đi, bỗng nhiên ẩn mất trở về nước Khoáng Dã nơi cung xá của mình.

Sau khi về đến cung xá, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tự nghĩ rằng: Tôi nên vì đức Thế Tôn mà trang nghiêm cung điện cho hàng chư Thiên cõi Dục cõi Sắc được chưa từng có, chư Bồ tát ở các thế giới mười phương đều vui mừng. Tôi còn nhớ thưở trước một đêm ôm ấp chí nguyện tôn thờ đạo pháp chẳng thể nghĩ bàn, nay cũng sẽ như vậy. Phương Đông cách đây hằng hà sa quốc độ có thế giới tên là Vô Lượng Bửu Đức Tịnh. Đức Phật ở

cõi đó hiệu là Tịnh Vương. Tôi nên mượn tòa sư tử cao lớn trang nghiêm thanh tịnh ở cõi ấy.

Lúc ấy, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nhập Tịnh bửu vương tam muội. Liên đó, tòa sư tử cao lớn trang nghiêm tốt đẹp như ở quốc độ Vô Lượng Bửu Đức Tịnh bỗng nhiên hiện đến nước Khoáng Dã Quỷ Thần Vương. Từ Đông đến Tây hai ngàn bốn trăm tám mươi dặm, từ Nam đến Bắc một ngàn hai trăm tám mươi dặm dùng lưu ly, thủy tinh và xa cừ làm đất. Vô lượng hương thơm rải khắp nơi. Có vô số lò hương báu đốt hương thù diệu. Rải các hoa trời. Trần thiết bao nhiêu là phẩm vật cực hảo, màu sắc đẹp sáng làm vui đẹp lòng người, làm thư thối thân người.

Bốn bên tòa sư tử cao quý trang nghiêm ấy lại tự nhiên có ức trăm ngàn triệu vô số những tòa sư tử: các báu làm chân làm bao lơn, vô số thiên y trải lên trên, những hoa sen báu, những trân châu thanh tịnh và các thứ báu đặt khắp trên đất.

Trần thiết vô lượng tòa sư tử cao lớn trang nghiêm thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn như thế xong, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ từ tam muội an tường xuất định, liền trong đêm ấy sắm sửa những thức ăn uống lành ngon. Trần thiết sắm sửa đã xong tất cả, đêm còn chưa sáng, Lực Sĩ cáo với Tứ Thiên vương rằng:

Các Ngài nên biết ngày hôm nay đức Thế Tôn sẽ đến cung xá tôi thọ trai thỉnh bảy ngày. Chư Bồ tát và hàng Thanh văn cũng cùng đến. Các Ngài chớ nên phóng dật. Phật rất khó gặp, ức đời mới có. Đều phải nhứt tâm nhằm tục mộ đạo cung kính phụng Phật, để được khỏi sanh tử đến nơi chí đạo, chánh pháp khó được nghe, thời cơ cũng khó được gặp. Ba cõi không cậy được, chỉ có đạo được nhờ như hư không khắp nơi không chướng ngại. Chớ để loạn tâm phóng dật. Nên cùng quyên thuộc cúng dường đức Phật bảy ngày. Chớ dựa nơi thân tâm, nên lấy đạo làm gốc. Chớ theo việc khác mà tôn trái đạo giáo, nên chuyên tinh nhứt tâm cúng dường đức Như Lai. Khiến cho cõi nước của vương, chư thổ địa, quỷ thần, Càn thất bà v.v... đều quy y Phật kính nghe đạo pháp. Các Ngài nên rõ, đã thỉnh đức Thế Tôn cúng dường quy mạng rồi siêng nghe đức Thế Tôn thuyết pháp để tuyên bố khắp nơi cho tất cả đều được lợi ích. Như vậy mới gọi là báo đáp ân đức Phật.

Mật Tích Lực Sĩ có hai người con trai tên là Mật Bình và Thiện Phần. Lực Sĩ bảo con trưởng Mật Bình rằng:

Người đi bố cáo khắp cả địa thần, hư không thần, trời Tứ Thiên vương, trời Đạo Lợi, trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, trời Tha Hóa Tự

Tại, lên đến trời Thiên Ma, cho tất cả đồng hay rằng ngày hôm nay đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn sẽ đến cõi nước Khoáng Dã Quỷ Vương tại cung xá Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ thọ thỉnh cúng dường. Chư Bồ tát và hàng Thanh văn cũng đồng đến. Ai muốn thấy Phật nghe pháp thì đến dự hội.

Thái tử Mật Bình lãnh lệnh, giấy lát đã truyền rao khắp nơi.

Lục Sĩ lại sai con thứ Thiện Phần dùng thần thông đi bố cáo các cõi trời Sắc giới, từ trời Sơ thiên Phạm Chúng Thiên đến trời Tứ thiên Sắc Cứu Cánh Thiên, rằng ngày hôm nay đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ đến thọ cúng dường tại cung xá của Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ ở nước Khoáng Dã Quỷ Vương. Ai muốn thấy Phật nghe pháp thì đến dự hội.

Thiện Phần lãnh lệnh, giấy lát đã truyền rao khắp trời cõi Sắc.

Trong khoảnh khắc sau, chư Thiên cõi Dục và chư Thiên cõi Sắc đồng đến dự hội dừng ở hư không ngồi theo thứ tự khắp một khoảng ngang rộng trên dưới đều bốn muôn dặm. Hội trường đã trần thiết trang nghiêm sắm dọn xong, Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ vòng tay hướng về phía đức

Phật đang ngự mà bạch vói rằng:

Giờ thọ trai đã đến, xin đức Phật Thế Tôn cùng chư Hiền Thánh chúng quang lâm.

Lục Sĩ tiếp nói kệ rằng:

Đại Thánh Lương Túc Tôn

Trên hết trong trời người

Nay trai thời đã đến

Thỉnh đức Phật quang lâm.

Giới đức như sen nở

Tinh tấn càng tăng trưởng

Tâm quý trên chớ che

Đấng Tôi Thẳng đoái thương

Kiến lập nơi Thánh đế

Từ bi ban ơn lớn

Không ngã, không ngã sở

Đấng Sư Tử đoái thương

Giới hạnh học nghe rộng

Hoa giác ý xinh tươi

Trái giải thoát đầy đủ

Cây thù thắng quang lâm

Công đức lớn hơn biển

Ý Phật sâu lại rộng

Định trong sạch là ý

Hạnh tinh tấn vững mạnh

Từ bi làm đạo tràng
 Chuỗi trí huệ trang nghiêm
 Bồn huệ sáng mở tỏ
 Xin Đại Thánh từ cố
 Trí vô động đệ nhưt
 Dùng dược thọ chữa bệnh
 Học, Vô học thạnh sáng
 Đấng Tối Thắng quang lâm.

Đức Thế Tôn thấy Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ
 bạch đã đến giờ liền bảo Đại chúng nên sớm
 chuẩn bị đắp y cầm bát đến chỗ Mật Tích Kim
 Cang Lực Sĩ bảy ngày thọ thỉnh. Trong hàng
 Thanh văn và chư Bồ tát, những vị có thần thông
 thì tự dùng thần lực đi theo đức Phật, những vị
 không có thần thông thì đứng vào trong ánh sáng
 của đức Phật, nương oai thần của đức Phật đều
 được đi cả.

Lúc đức Phật lên đường, chư Bồ tát đi trước
 dẫn đường, chư Thanh văn đi hầu phía sau, chư
 Thiên Long thần cầm hoa hương kỹ nhạc châu
 chực trên không, chư Thiên nữ nói kệ ca ngợi đức
 Phật rằng:

Vui mừng phát quang minh
 Âm nhạc tự nhiên vang
 Trời mưa các thứ hoa

Chấn động cả thế giới
 Phật oai đức rất lớn
 Thần thông ba la mật
 Phật biến hóa vô hạn
 Rất mừng được thấy Phật
 Phật cát tường vô lượng
 Phật thân thánh vô biên
 Phật oai nghi vô cùng
 Phật công đức vô hạn
 Đi đến Linh Thứu sơn
 Tại trong tám núi lớn
 Bay lên giữa hư không
 Vô ngại như Nhạn vương.

Chư Thiên cõi Dục và chư Thiên cõi Sắc thấy đức Phật Thế Tôn từ hư không mà đến dường như mặt trời sáng hiện trong nước, như mặt trăng tròn đứng giữa các vì sao, như Thiên Đế tôn quý trong hàng chư Thiên, như Phạm Vương chói che chúng hội, tất cả đều rất vui mừng liền rải bao nhiêu thứ hoa trời xanh, vàng, đỏ, trắng cúng dường đức Phật. Những là ý hoa, đại ý hoa, nhu nhuyến hoa, đại nhu nhuyến hoa, trú dạ thọ hoa, ly cấu hoa, những thứ hoa trăm cánh, ngàn cánh đến trăm ngàn cánh. Chư Thiên cũng nổi mây rải các thứ hương trời: thiện diệu hương, thường

huân hương, ô diên hương, thường hữu hương. Đồng thời cũng trôi âm nhạc trời. Giây lát, đức Phật cùng chư Bồ tát và chúng Thanh văn đến nước Khoáng Dã Quý Vương thuộc cõi của Tứ Thiên vương dừng lại tại cung điện của họ.

Lúc đức Phật vừa dừng bước thì cả đại địa chấn động có ánh sáng chiếu khắp mười phương. Tứ Thiên vương thấy đức Phật đến, vội vàng cùng quyến thuộc mang hoa hương phan lọng trôi nhạc đờn ca đến trước đức Phật đánh lễ đi vòng bên hữu ba vòng rồi rải hương hoa cúng dường, xong rồi đồng đứng qua một phía. Đức Thế Tôn vì Tứ Thiên vương mà ban tuyên kinh pháp. Một vạn ba ngàn quý thần yêu mị phát tâm Vô thượng Bồ đề. Một vạn ngọc nữ cũng phát tâm như vậy.

Bấy giờ, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ cùng các con, cung như thể nữ và quyến thuộc cầm hoa hương phan lọng trôi nhạc đến chỗ đức Phật đánh lễ đi nhiều bên hữu bảy vòng, rồi rải hoa rải hương cúng dường, tất cả đều theo thứ tự mà ngồi. Tòa sư tử của đức Phật ngự cao lớn trang nghiêm hơn cả. Chư Bồ tát và hàng Thanh văn vẫn ngồi nơi chỗ của mình. Chư Thiên cõi Dục và chư Thiên cõi Sắc thấy những tòa sư tử được trang thiết ấy rất cao lớn trang nghiêm thì lấy làm lạ nghĩ rằng: Sao Mật Tích Lực Sĩ tìm đâu được

những tòa sư tử báu đẹp trang nghiêm huyền diệu thù thắng thế này?

Thừa oai thần của đức Phật, ở trên không tự nhiên có tiếng bảo:

Các Ngài muốn biết ư! Phương Đông cách đây quá hằng hà sa quốc độ có thế giới tên là Vô Lượng Tịnh, Phật hiệu là Tịnh Vương Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Mật Tích Lực Sĩ đã từng thấy cõi vi diệu trang nghiêm thanh tịnh ấy. Nay vì pháp mà trung vờ những tòa cao vợi rất vi diệu ấy.

Lúc đức Thích Ca Mâu Ni Phật vừa ngồi lên tòa sư tử cao rộng xong, trong nước Khoáng Dã Quỷ Vương chúng quỷ thần yêu mị, Càn thất bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già đồng đến lễ Phật rồi đứng qua một phía vòng tay cung kính. Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với Tứ Thiên vương và những chúng đến dự hội rằng:

Thưa các Ngài! Nay những thứ ăn uống đã sẵn sàng, các Ngài nên cùng tự tay cần mẫn dâng cúng lên đức Phật và chư Bồ tát Thánh chúng. Tại sao vậy? Vì như lời đức Phật đã dạy, nếu ai có thể hoan hỷ tá trợ hưng công cúng dường thì được vô lượng phước. Đối với thí chủ, phước cũng chẳng giảm.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ cùng các con và cung nơn quyền thuộc tự tay sốt thức ăn lành ngon nhứt tâm cung kính dâng cúng đức Phật và Thánh chúng. Đức Phật và chư Bồ tát Thánh chúng đều được sung mãn. Ăn uống xong, dâng nước rửa. Sau đó Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ kê chiếc ghế nhỏ ngồi ở trước đức Phật bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Mong đấng Từ Bi phải thời thuyết pháp cho các loài chúng sanh rõ được đạo vô sanh. Người chưa phát tâm được phát đạo tâm. Người đã phát đạo tâm được lên bậc Bất thối chuyển. Cũng làm cho chúng quý thần yêu mị Càn thát bà đây mãi mãi được an ổn không họa hoạn vui hòa nơn từ. Chư Thiên, người đời cùng chúng sanh trong ba cõi được tâm nguyện thù tuyệt siêu việt thế gian.

Đức Phật bảo Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ và toàn thể đại chúng:

Lắng nghe! Lắng nghe! Phải khéo suy ngẫm. Nếu thiện nam thiện nữ nhập được pháp môn an trụ bền vững, thì được tâm nguyện thù đặc không chỗ phân biệt sai thất.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ cùng đại chúng vâng dạ lắng nghe. Đức Phật phán dạy:

Nếu thiện nam thiện nữ dốc lòng ngưỡng tín khéo theo đạo pháp nhiều sự thuận nghi muốn thấy các bực Hiền Thánh để được nghe pháp, lòng chẳng ghét ganh, chẳng lẫn tiếc, giơ tay bố thí, bỏ thói quen thích theo thế tục, chỗ phước bố thí chẳng mong báo đáp, chẳng cur lòng nảo hại, ý chí trong sạch chuyên tinh nhứt tâm chẳng hề bạo dữ, tin như quả báo ứng, ưa thích nghiệp lành chẳng có hồ nghi dọ dọ, thấy rõ lý thanh bạch biết quả chẳng mất. Thà bỏ thân mạng chớ chẳng phạm tội ác. Luôn như từ không giết hại, không trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng phạm vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu và ỷ ngữ, chẳng ghen ghét, giận thù và si mê. Chẳng phạm mười ác mà hành mười lành, cũng khuyên người khác làm như vậy.

Thường bình đẳng thành tín, thấy hàng Sa môn phụng trì giới hạnh tinh tấn tu hành tư duy tu tập, đứng nghĩa tiết, vắng lặng đạu bạc, chẳng luyến trước, chẳng tà ngữ, chí tánh như từ, rời bỏ pháp ác sôt bạo, chói sáng như ngọn đuốc, tâm tánh bình hòa, không nói lời khinh hủy, bỏ tuyệt ngữ nghề, dứt rời tâm đường đột phiền nảo, luôn luôn huệ thí. Thường cung kính tôn trọng các bực Sa môn thanh tịnh ấy đồng như Phật và đệ tử

Phật. Thường theo hầu cận khiêm hạ đánh lễ chẳng làm trái ý.

Thường phụng sự các thiện tri thức ấy. Do vì mến pháp nên dùng pháp thí cứu tế nguy ách, ban tuyên chánh pháp để giáo hóa người: Bồ thí được giàu, trì giới sanh Thiên, nghe rộng thêm trí, tu hành hiệp đạo, bồ thí thì của nhiều, xan tham thành ngạ quỷ, trì giới nhân nhục tinh tấn nhứt tâm và trí huệ thì lần nhập đạo pháp, phạm giới thì đọa địa ngục, giận hờn thì xấu xí, lười biếng thì bỏ đạo, loạn tâm thì sanh tội, ngu si thì tối tăm. Đó là do nơi thân nơi khẩu nơi ý mà có quả báo.

Ba nghiệp phạm ác thì mãi mãi chẳng an, sa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Giữ gìn ba nghiệp chẳng phạm thì sanh lên trời sanh trong người, ở chỗ chư Phật, mãi mãi an vui không có họa hoạn.

Phải vì mọi người mà khai thị quả báo tội phước, chỗ kết quả của điều thiện ác. Nếu thấy người có thiện căn pháp khí, thì vì họ mà giảng pháp sâu xa, những pháp Không, vô tướng, vô nguyện, đi không chỗ đi, đến không chỗ đến, không ngã, không nhờn, không thọ, không mạng. Vì họ mà phân biệt pháp áo diệu mười hai nhờn duyên: Do dựa vào sự này nên có sự kia sanh, nếu

chẳng dựa vào sự này thì sự kia chẳng sanh, do đây mà thành kia, chẳng do thì chẳng thành.

Do vô minh mà thành hành, do hành mà thành thức, do thức mà thành danh sắc, do danh sắc mà thành lục nhập, do lục nhập mà thành xúc, do xúc mà thành thọ, do thọ mà thành ái, do ái mà thành thủ, do thủ mà thành hữu, do hữu mà thành sanh, do sanh mà thành lão tử thân tứ đại ngũ ấm rất khổ.

Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì không có lão tử khổ lụy vì ngũ ấm tứ đại, mà mãi mãi an vui không còn họa hoạn. Bởi diệt dứt hết thì không còn có. Tại sao vậy? Vì khởi cái này thì sanh cái kia, không khởi cái này thì không có cái kia.

Cũng như trồng cây mới sanh chồi rễ cội nhánh lá bông trái. Nhổ cây không chồi thì đâu còn nhánh lá bông trái nữa. Tỏ ngộ đế lý không có vô minh không còn chấp trước thì chẳng còn gì kéo níu sanh khởi mười hai chi. Tất cả đều do duyên mà đối sanh. Không có duyên thì không có

đôi sanh. Cả ba cõi đều vốn không, đều từ không mà sanh, đều từ có mà tử. Vì chẳng thấu đạt không vô mà cho rằng từ nơi có mà thành ra sanh, chẳng biết có ấy rỗng không, do chấp lấy có ngã mà thành ra tử vậy. Biết không thì chẳng sanh. Rõ có thì chẳng tử. Vì tội nó theo, trần lao nó đến nên điên đảo khổ não si tối chẳng thật.

Vì họ mà tuyên chơn để ứng theo nghi tiết quán sát đúng pháp, mà ở nơi pháp không có tạo tác! Chẳng có chỗ tạo thì không có thối chuyển cũng không chẳng thối chuyển. Chẳng có nạn qua lại xoay quanh.

Giả sử phân biệt nơi pháp mà phân biệt không chấp trước, nhận biết là vốn Không, tất cả các pháp đều đạm bạc vắng lặng. Gầy dựng cho người ấy, hoặc Bồ tát ấy thường được thấy Phật, chẳng rời bên Phật, chẳng mất sự nghe pháp, chẳng trái Thánh chúng. Sanh về nơi nào đều thấy chư Phật. Dầu có thác sanh mà chẳng sanh về chỗ không có Phật. Vì sanh ra được thấy Phật nên không phóng dật, mộ cầu pháp chơn chánh tinh tấn. Siêng tu tập theo đây nên chẳng màng gia nghiệp mà hay gìn tịnh hạnh, chẳng luyến vợ con tôi tớ giữ gìn nhà cửa mà siêng gắng thọ trì chánh pháp, không chơi bời phóng túng ái dục.

Chư Phật Thế Tôn thuyết giáo. Vì dốc lòng tin mà xuất gia tu hành. Sau khi tin pháp Phật xuất gia thì làm bạn lữ chơn chánh với thiện tri thức đê thọ nghiệp chơn chánh, tánh hạnh vi diệu, nghe pháp huyền diệu, lấy sự hành đạo làm trọng yếu mà chẳng chung diện, giác ý đê nhứt mà chẳng nhàm đủ, thường cầu học rộng. Như pháp đợc nghe vì người khác mà giảng rộng. Tâm không mong lợi dưỡng cung kính mà giảng thuyết kinh điển. Từ nơi trí huệ đã đợc học hỏi, nhưn lúc đi đưng mà vì người giảng thuyết, làm cho người nghe pháp thêm lớn lòng đại từ, mà đỏi với chúng sanh phát tâm đại bi, đên đợc học rộng, không lẫn tiếc, chẳng tham thân mạng, ít muốn ít cầu mà biết vừa đủ, trọng nghiệp lành, vui cúng dường, thích rảnh rang vắng vẻ chuyên rờng giữ tiết. Theo nơi pháp đợc học mà suy ngẫm nghĩa thú, về nơi chánh nghĩa suy xét phụng hành chớ chẳng thiên về văn sức. Chẳng riêng vì mình mà vì chúng sanh cầu Đại thừa tối thượng, chí mộ Phật thừa thành không phóng dật.

Thế nào là không phóng dật?

Do vì đã thấu đạt cảnh giới nên nhãn chẳng thấy sắc, chẳng thọ vọng tưởng, chẳng trước văn sức, rõ sắc là nạn, dầu có mộ thích liền bỏ nó qua, biết nó vốn là không. Nếu tai nghe tiếng, mũi

ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân chạm xúc, ý biết pháp cũng như vậy, chẳng biết pháp, chẳng vọng tưởng, chẳng trước pháp rõ pháp là nạn, dầu có mộ thích liền rời bỏ biết rõ pháp là không.

Nói rằng không phóng dật đó, tâm mình không sanh cũng hộ trợ tâm người khác. Bỏ vui ái dục vào nơi pháp lạc. Chẳng tưởng tham dục, không tưởng giận hờn, không tưởng nguy hại. Không có nghiệp hành tham dục, giận thù, ngu si. Không có những căn bản ác ấy. Thân chẳng làm điều ác, miệng chẳng nói quấy, tâm chẳng nghĩ bần. Chẳng làm trái với tâm niệm. Chẳng phạm tất cả những pháp bất thiện.

Như trên đây gọi là không phóng dật. Do vì không phóng dật mà thường đứng tiết hạnh, biết rõ có, biết rõ không, biết rõ không không có.

Sao gọi là có, gì gọi là không?

Người tu hạnh bình đẳng thì có Hiền Thánh giải thoát. Người tu hạnh tà ngoại thì không có Hiền Thánh giải thoát. Lại cũng có quả báo tội phước, hoặc có quả báo không tội phước. Hoặc có nhãn, hoặc không nhãn. Nhãn đến hoặc có ý hoặc không ý. Lại có thể biết rõ sắc là pháp vô thường, khổ, Không, biệt ly thì gọi là có chí học đạo. Còn chấp sắc là pháp có thường còn mãi không biệt ly,

bởi không có huệ bình đẳng mà có niệm chấp ấy nên có tướng hành thức khổ, có trọn pháp vô thường, khổ, Không, biệt ly.

Lại từ vô minh làm duyên mà sanh ra nghiệp bất thiện. Nếu không có vô minh thì không có hành. Từ sanh làm duyên mà có già bệnh chết. Nếu không có sanh thì không có già bệnh chết.

Bồ thí thì nên phước lớn. Nghèo thiếu do không thí xả. Cùng khổ thì do tham ganh. Bỏn xén thì không có của nhiều. Phụng pháp thì đến đạo. Chẳng thuận nghi tắc thì chẳng thành đạo nghiệp. Bồ tát tinh tấn thì được trí huệ lớn. Bồ tát giải đãi thì chẳng được đạo. Người chẳng tự tôn tự đại là thật được bí quyết lạ. Người cống cao thì chẳng đến Niết bàn. Nếu khắp vắng bật thì đến Niết bàn. Người chấp ngô ngã tham thân thọ mạng thì chẳng đến đạo huệ. Vì thế nên làm người phải thuận theo thời nghi.

Đức Phật lại dạy:

Nếu thiện nam thiện nữ tu phổ minh trí, hoặc có chỗ biết, hoặc không chỗ biết, hoặc ở nơi đời, hoặc không ở nơi đời, hoặc có Thiên thực, hoặc không Thiên thực, đều không chấp trước.

Đức Như Lai minh chứng tất cả pháp dạy bốn pháp thí: Một là tất cả vạn vật đều về nơi vô

thường. Hai là tất cả chỗ có đều là khổ độc. Ba là tất cả các pháp đều không có ngã. Bốn là tất cả hữu tình đều đến nơi không, vô vi Niết bàn tịch diệt. Vì thế nên nói rằng: Tất cả vạn vật đều về nơi vô thường.

Chúng sanh ngu tối mê lầm tự nghĩ là có thường. Đức Như Lai thuyết pháp dứt trừ sự chấp có thường ấy.

Tất cả chỗ có đều là khổ độc. Chúng sanh mê tối cho là có vui. Đức Như Lai thuyết pháp dứt trừ quan niệm có vui của họ.

Tất cả các pháp đều không có ngã. Chúng sanh chấp là có ngã. Đức Như Lai thuyết pháp dứt trừ ý tưởng có ngã ấy.

Tất cả hữu hình đều về nơi rỗng không. Chúng sanh mê muội lại tưởng đều là có. Đức Như Lai vì họ nên thuyết pháp dứt trừ tưởng chấp là có ấy, để được Niết bàn vắng lặng.

Tất cả chúng sanh quan niệm tự đại. Đức Như Lai thuyết pháp khiến người tự đại chẳng còn cống cao, vất bỏ chấp trước. Vì được nghe vô thường mà họ hiểu đều rỗng không, đây mới hiểu rõ nghĩa vô thường.

Nghĩa ấy là thế nào?

Tất cả vạn vật đều chẳng sanh, chẳng tăng, chẳng khởi, chẳng diệt. Đây mới gọi là ngộ nhập vĩnh viễn vô thường. Vì được nghe nói là khổ mà họ trừ được lòng cầu mong, năm ấm rỗng không, không có sanh khởi. Đây gọi là nghĩa của khổ. Vì nghe nói tất cả pháp đều không có ngã mà phụng trì môn Không giải thoát, với ngã và vô ngã không thấy có hai tướng sai khác. Đây là nghĩa vô ngã. Vì được nghe Niết bàn tịch diệt nên quyết chí đến vô tướng chẳng sanh chẳng diệt là đều diệt định, không có chung thi. Đây mới gọi là hiểu rõ nghĩa Không. Chẳng lấy vô tướng mà làm chỗ chứng. Nếu có Bồ tát hay thực hành như vậy thì chưa từng trái mất tất cả những công hạnh đạo phẩm. Do vô tướng hành mà khắp đầy đủ đạo pháp của chư Phật ba mươi bảy phẩm.

Lúc đức Thế Tôn ở tại cung điện của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, theo bệnh mà thuyết pháp, trong chúng hội liền có hai vạn Thiên Nhơn phát tâm Vô thượng Bồ đề, vô số người thọ ngũ giới.

Bấy giờ, Tứ Thiên vương tiến lên thưa:

Bạch đức Thế tôn! Xin thương chỉ dạy chúng tôi phải hộ trì thế gian như thế nào?

Đức Phật phán:

Các Ngài nên đem mười pháp hạnh hộ trì thế gian chúng sanh. Những gì là gọi mười pháp hạnh?

Một là chẳng sát hại sanh mạng của tất cả loài hữu tình. Hai là chẳng trộm lấy tài vật của kẻ khác. Ba là chẳng phạm đến vợ của người khác. Bốn là chẳng lường thiết làm tranh cãi cho người. Năm là chẳng vọng ngôn khi dối người. Sáu là chẳng ác khẩu dùng lời làm thương tổn người. Bảy là chẳng ý ngữ, tất cả lời nói ra đều không thù dật trau chuốt. Tám là chẳng có lòng ganh ghét đay kia. Chín là ở nơi những sự lành dữ chẳng nổi giận nóng. Mười là thường tu học chánh kiến chẳng theo tà kiến nghi ngờ.

Này các Ngài! Các Ngài đem mười điều này hộ trì thế gian mới là đúng với giáo pháp.

Lại có tám pháp hộ trì thiên hạ:

Một là hành động đúng với chánh pháp không hề trái. Hai là thờ kính các bậc tôn trưởng chẳng có lòng khinh mạn. Ba là nói lời dịu mềm, không nói lời cộc cằn. Bốn là khiêm nhượng từ tốn cung kính thuận thảo. Năm là luôn luôn thành thật chất phác, chẳng làm sự gian xảo. Sáu là thường tu nhơn hòa mà không nịnh bợ. Bảy là với tất cả

điều ác đều không phạm. Tám là đem các công đức lành lợi ích cho thế gian.

Lại có sáu việc hộ trì thiên hạ: Một là thân thường thực hành nhưn từ chẳng tổn hại chúng sanh. Hai là miệng nói lời nhưn từ chẳng thốt ra lời hung ác. Ba là ý niệm nhưn từ chẳng hung bạo. Bốn là khắp cai quản sự nghiệp để được lợi dưỡng. Năm là khắp hộ trì cấm giới mà không để sai phạm. Sáu là khắp đem chánh kiến để khai đạo kẻ tà vạy.

Lại có bốn sự việc thường là những sự đứng đầu để hộ trì thế gian: Một là phạm có lập công hạnh gì không bao giờ tham lam ganh ghét. Hai là chẳng có lòng giận thù hại người. Ba là chẳng vì ngu dốt, mà che đậy để thêm chỗ chẳng biết. Bốn là đi đến chỗ nào chẳng có lòng sợ sệt.

Lại có hai sự dùng để hộ trì thế gian nhưn dân: Một là tự hổ thẹn từ vô số kiếp chẳng theo đúng đạo pháp. Hai là xấu hổ với người, tự trách mình chẳng thâm nhập đạo pháp cứu hộ tất cả chúng sanh.

Đức Phật phán với Tứ Thiên vương:

Các Ngài nên thi hành các pháp ấy để hộ trì thế gian thiên hạ. Vì kiến lập được các pháp hạnh như vậy mới hộ trì thế gian được.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tiến lên lễ Phật rồi bạch đức Phật:

Thế nào thực hành pháp không giận nóng đến đạo Vô thượng Bồ đề?

Đức Phật phán:

Này thiện nam tử! Bồ tát có mười sự thực hành không giận nóng đến đạo Vô thượng Bồ đề. Những gì là mười pháp?

Một là thường thi hành lòng nhơn từ chẳng phạm tổn hại. Hai là chẳng chán nhàm các tai nạn, thường tu tập lòng đại bi. Ba là sự nghiệp được làm đều siêng năng tinh tấn mà có thù đặc. Bốn là thường phụng hành môn Không giải thoát đến được tam muội. Năm là từ nhơn duyên phát khởi nhập vào trí huệ. Sáu là dùng quyền phương tiện vào khắp tất cả. Bảy là thông đạt tam thế: quá khứ, vị lai và hiện tại. Tám là dùng chơn đế quán thấy khắp không chỗ chướng ngại. Chín là tuân phụng đạo pháp nhập vào tất cả pháp. Mười là tất cả các pháp đều về rỗng không.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát có bao nhiêu pháp để được không khiếp sợ khi nghe pháp bất tư nghị của đức Phật?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Bồ tát có tám pháp, khi nghe pháp bất tư nghị của đức Phật thì không khiếp sợ: Một là công đức được tạo ra thường có thể đạt đến rốt ráo. Hai là nhứt tâm thiền quán tư duy thông đạt chẳng tán loạn. Ba là vì làm thiện hữu mà được thuận tòng. Bốn là tâm thường dốc lòng tin thích pháp vi diệu. Năm là vì hiểu các pháp đều như huyền hóa. Sáu là hiểu rõ tất cả pháp chẳng thể nghĩ bàn. Bảy là rõ tất cả pháp bất khả đắc như hư không. Tám là thông suốt tất cả pháp là tướng hư dối. Đó là tám pháp vậy.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi rằng Bồ tát được tự tại nơi pháp Bồ tát?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Vì có bốn pháp mà Bồ tát được tự tại nơi pháp Bồ tát: Một là tuân hành Như huyền tam muội thông suốt tất cả pháp nhập vào năm thứ thần thông mà đặc biệt siêu việt. Hai là vì ba giải thoát môn hơn cả tứ thiền. Ba là dùng Trí ba la mật để tu bốn Phạm hạnh. Bốn là hành quyền phương tiện đủ sáu ba la mật.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát có bao nhiêu pháp nhập vào pháp môn?

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Có bốn pháp Bồ tát nhập vào pháp môn: Một là nhập vào môn thiền quán biết rõ đầy đủ căn bản tất cả chúng sanh. Hai là nhập vào môn trí huệ biết rành tất cả chương cú nghĩa lý và vì chúng sanh mà diễn thuyết. Ba là nhập vào môn tổng trì, tất cả chỗ được thọ trì đều nhớ luôn chẳng quên. Bốn là nhập vào môn biện tài do đó mà có thể làm vui đẹp lòng tất cả chúng sanh.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Vì có bao nhiêu đạo lực mà Bồ tát gây dựng nên hạnh Bồ tát? Lại những đạo lực ấy không ai đương cự được, do đó mà hàng phục chúng ma.

Đức Phật dạy:

Này thiện nam tử! Bồ tát có tám đạo lực hàng phục chúng ma không ai đương cự được: Một là sức mạnh đạo tâm tánh hạnh thanh tịnh. Hai là sức mạnh tinh tấn chẳng thối chuyển. Ba là sức mạnh nghe rộng phụng hành Bát nhã ba la mật. Bốn là sức mạnh nhẫn nhục hộ trì các chúng sanh. Năm là sức mạnh vô sanh chẳng cấu lòng sân

hận. Sáu là sức mạnh chẳng hư vọng đầy đủ giải thoát. Bảy là sức mạnh tu đạo hạnh đầy đủ trí huệ. Tám là dùng sức đại bi khai hóa chúng sanh. Đó là tám đạo lực vậy.

Lúc đức Phật nói những pháp ấy, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ và năm trăm người con trai được Vô sanh pháp nhẫn. Vì được pháp nhẫn nên đồng tiến lên bạch rằng:

Bạch đức Thế tôn! Ngưỡng mong đức Thế Tôn đem tám pháp yếu ấy lưu bố thiên hạ. Vì thương chúng tôi nên làm cho cung điện Mật Tích này tự nhiên rộng rãi. Khi đức Phật diệt độ rồi, do căn bản công đức này quang minh chiếu khắp làm cho lưu bố khắp nơi mà chẳng mất.

Đức Phật thấy biết tâm niệm hộ pháp của các người con trai của Mật Tích, bèn bảo Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ rằng:

Mật Tích kham nhiệm được chương cú pháp yếu này. Lúc Ta đến ngôi dưới cội Bồ đề, Ma vương đem binh đến, ông cùng chư Bồ tát đến dùng oai thế ủng hộ Ta nên hàng phục được ma binh. Nay ông lại phải ủng hộ mật thế sau này làm cho pháp yếu được lưu bố khắp Diêm Phù Đề đến tận mười phương, làm cho chánh pháp được còn lâu, chế ngự tất cả dị học ngoại đạo.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ được đức Phật khuyên bảo liền rời chỗ ngồi quỳ lạy chấp tay tuyên thần chú rằng:

Hê lê, hru lru hru lru, kỳ cường tiêu tụ, các la nhân động diêu quy cứu, nhẫn lực lực tận, tịch phạ tác giác chí y lê khur khuru, khur lê, khur lê. Hộ vô trạch. Trụ thẳng sanh vãng hoàn vô khúc dĩ từ thọ chi điều hòa thành thí trì dĩ chư Thiên long cáo quý thần Kiên thát bà yêu mị nhược như phi như, thường cát an ôn, động ư sơn vương, diệt chân đại địa. Dụng thuyết thử chú cố, nhiếp phục ngoại đạo, pháp quân sở cứu, quảng diệu pháp viên, độc tín thị cú.

Nghe thần chú này rồi, các Thiên chúng đồng cất tiếng khen rằng:

Chánh pháp trụ rất lâu
 Động Đại thiên thế giới
 Tất cả đại chúng đồng
 Tự đến trước Pháp Vương
 Quy mạng cho hết tội
 Ban cho không nạn sợ
 Ai trì ngôn giáo này
 Khiến chánh pháp còn mãi.

Đức Thế Tôn ở cung điện Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tại nước Khoáng Dã Quý Vương thọ cúng

dường bảy ngày khai thị giáo hóa vô số chúng sanh. Giữa ngày thứ bảy, đức Phật bỗng rời cung điện Quý Vương Khoáng Dã, cùng chư Bồ tát và hàng Thanh văn bay vọt lên hư không. Tất cả chư Thiên ở trên ấy đồng cúng dường đức Phật và khắp Thánh chúng.

Chư Thiên nữ đều đồng ca ngợi phóng quang minh lớn. Trăm thứ Thiên nhạc, như nhạc tự hòa tấu. Trên hư không mưa các loại hoa thơm đẹp. Khắp Phật độ chấn động. Như vua phụng hoàng, đức Phật trở về núi Linh Thứu.

Tại núi Linh Thứu, đức Phật cùng chúng Tỳ kheo và chư Bồ tát quyền thuộc vây quanh đều tư duy đạo giáo. Bảy giờ, vua A Xà Thế ra khỏi thành La Duệ Kỳ cùng với hàng trưởng giả Phạm chí kính tin Tam Bảo đến núi Linh Thứu. Như dân khắp nước nghe đức Phật hoàn quốc đều vân tập xé trưa xuất thành đến núi Linh Thứu. Mọi người đánh lễ chân Phật đi quanh bên hữu bảy vòng rồi ở qua một bên. Vua A Xà Thế tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Hôm trước tôi từng họp quần thần tham nghị. Lúc ấy có các Tỳ kheo đến chỗ thái tử tuyên bố rằng: Hôm nay đức Thế Tôn qua đến nước Khoáng Dã Quý Vương tại cung điện Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ thọ trai.

Bạch đức Thế Tôn! Nghe được lời tuyên bố ấy, tôi cho là rất lạ lùng chưa từng có. Chư Phật Thế Tôn thật chẳng thể nghĩ bàn mới có thể ban đức đại bi thương xót cứu vớt khắp cả chúng sanh dường như hư không, nên mới ngự đến cung điện Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tại nước Khoáng Dã Quỷ Vương. Đại nguyện của đức Phật không thể ví dụ được, không có lời nói hết được. Nếu có ai được đức Như Lai giảng dạy, không ai là chẳng được an vui lợi ích.

Bạch đức Thế Tôn! Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ vun trồng cội công đức thế nào mà được biện tài to lớn ấy?

Đức Phật dạy:

Này Đại vương! Giả sử mười phương đều như số cát sông Hằng, mỗi mỗi hột cát còn có số hạn, chư Phật được Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ gần gũi cúng dường không thể tính đếm được, do đó mà Lực Sĩ ấy được đại biện tài như vậy.

Này Đại vương! Vô ương số kiếp quá khứ có đức Phật hiệu là Túc Ý Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, thế giới tên là Tuyên Chủ, kiếp hiệu là Bất Di. Đức Phật Túc Ý ấy thuần giáo hóa chúng Bồ tát đều làm cho tinh tấn cả.

Lúc ấy, có Bồ tát hiệu là Dũng Lực lễ Phật Túc Ý mà bạch rằng:

Như chỗ tôi lãnh hội ý nghĩa của đức Phật đã dạy, nếu có Bồ tát nào nghĩ rằng tôi sẽ chóng đến đạo vô thượng thành tối Chánh giác. Bồ tát nào nghĩ như vậy thì gọi là giải đãi. Tại sao? Bồ tát ấy chẳng tinh tấn nhằm sợ sanh tử. Nếu có Bồ tát thấy sanh tử hoạn nạn thì thấy được kiết sử triền phược, chẳng nhập Niết bàn chỉ hóa độ chúng sanh, thì mới thành tối Chánh giác.

Tại sao vậy?

Bạch đức Thế Tôn! Pháp của Bồ tát là siêng tu tập đạo hạnh khắp trong sanh tử khai đạo lợi ích vô lượng chúng sanh cho họ nhập Vô dư Niết bàn, mà cũng không chỗ được giáo hóa. Vì thế nên, bạch đức Thế Tôn! Bồ tát hạnh phải trọng sanh tử, chẳng kính nhập Niết bàn. Bồ tát hạnh trọng sanh tử rồi phụng thờ vô lượng chư Phật, khai đạo lợi ích vô lượng chúng sanh, nghe học vô số pháp, nhập vào tâm niệm của chúng sanh, chí nguyện sở hành kính hạnh Niết bàn, trọng các quán hạnh.

Nếu thấy có Bồ tát sợ sanh tử khổ hoạn thích hạnh Niết bàn, thì nên quan niệm rằng: Bồ tát này chắc là đọa lạc, vì bỏ mất hạnh Như Lai, có lỗi

với chúng sanh. Sao gọi là Bồ tát mà chẳng thuận theo hạnh Bồ tát lại thích Thanh văn địa, Duyên giác địa, đây đáng gọi là không có hạnh Bồ tát, là hạnh Thanh văn. Tại sao vậy? Hạnh của hàng Thanh văn sợ khổ hoạn sanh tử. Còn Bồ tát đi trong vô lượng sanh tử mà chẳng bị ràng buộc.

Đức Túc Ý Như Lai khen Dũng Lực Bồ tát rằng:

Lành thay! Lành thay! Lời nói ấy rất hay, ngôn giáo thuần thực. Bồ tát hành đạo bỏ sự an vui của chính mình mà chẳng bỏ người khác, thường xét lỗi mình mà chẳng tìm lỗi người.

Dũng Lực Bồ tát lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ tát hạnh?

Đức Phật Túc Ý dạy:

Này thiện nam tử! Tự chánh lấy việc làm của mình mà vì chúng sanh tuyên nói sự thành bại khổ nạn sanh tử. Chịu lấy vô lượng khổ hoạn của sanh tử mà không khiếp sợ. Chẳng thích bực Thanh văn và bực Duyên giác mà chuyên tu tập việc làm của Bồ tát. Chẳng luyến thiên định, ở trong Tam giới biết rõ thiên định. Biết rành các ác đạo, tu tập các môn phương tiện. Biết hết cả công đức thiên định trí huệ giải thoát chẳng cùng tận.

Phát trí huệ vô sanh, vì người mà ban tuyên tất cả pháp môn lai không có, trí cũng vô sở đắc. Biết các chúng sanh mà không có ngô ngã. Dùng trí huệ khai hóa tất cả chúng sanh cho họ hiểu các pháp tịch diệt. Thọ trì các pháp, thông các Phật độ. Biết tất cả như hư không, Phật quốc thanh tịnh, trí huệ sáng sủa. Do trí huệ thấu suốt tất cả pháp không tăng không giảm, mà dùng tướng hảo trang nghiêm trí huệ vô sở đắc. Như đó mà tuân thờ tất cả cõi công đức chẳng quên bỏ, ít nào bớt việc. Với các chúng sanh, thường làm việc cứu vớt hoạn nạn. Thân tâm đấm bạc chứa công bồi đức chẳng chán nhàm. Phát khởi thiên quán thấu rõ chánh định nhứt tâm. Phương tiện thấu suốt các pháp thâm diệu. Nếu đem tuyên bố bao nhiêu giáo pháp, phân biệt quán hạnh thành tựu quả đức. Khai hóa luật Thanh văn, Duyên giác. Mến thích công hạnh giải thoát của đức Như Lai, thực hành Bồ tát hạnh, thị hiện công việc của đức Như Lai làm. Đó là Bồ tát hạnh vậy.

Đức Phật phán tiếp:

Này Đại vương! Bây giờ, Dũng Lực Bồ tát nghe đức Tứ Ý Như Lai dạy pháp ấy, lại bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Thật rất khó chưa từng có,

nay đức Thế Tôn tuyên dạy công hạnh mà chư Bồ tát phải thực hành. Bạch đức Thế Tôn! Cứ theo chỗ tôi hiểu ở nơi lời đức Phật dạy thì thiện quyền phương tiện là pháp của Bồ tát thực hành.

Bạch đức Thế Tôn! Như hư không chứa đựng tất cả vạn vật mười phương, vì tất cả hình sắc mà hiển hiện thể của nó chẳng thể tính lường, hiện bao trùm tất cả những loại có hình, với hư không vẫn không chướng ngại. Bạch đức Thế Tôn! Cũng vậy, do thiện quyền phương tiện mà chư Bồ tát được tự tại ở nơi tất cả pháp. Những pháp đã được học và pháp chưa được học, pháp phạm phu và pháp Phật đều do nơi đó.

Lại như luồng lửa lớn đi đến đâu, cỏ cây đều bị cháy. Cũng vậy, Bồ tát tự tại đi trong các pháp. Dùng lửa trí huệ đốt cháy ngu si của Tam giới tối tăm.

Lại như kẻ trượng phu nổi giận hung làm tổn hại người khác chẳng kẻ khốn nạn. Cũng vậy, Bồ tát dùng thiện quyền phương tiện Bát nhã ba la mật tự tại dứt trừ trần lao của tất cả chúng sanh.

Lại như thủy thanh châu được để vào nước đục thì nước liền trong suốt. Cũng vậy, Bồ tát dùng thiện quyền phương tiện làm tiêu tan tất cả trần lao ba thứ cấu trược.

Lại như thuốc giải độc tên là Tiêu trừ, nếu đem đổ vào tất cả chất độc, thì tất cả chất độc đều tiêu tan hẳn. Cũng vậy, Bồ tát dùng thiện quyền phương tiện dạo đi khắp chỗ họa nạn Tam giới, cầm trí quyền xảo dứt trừ trần lao ái dục của chúng sanh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên biết rằng thiện quyền phương tiện là hạnh tự tại nơi tất cả pháp của Bồ tát.

Này Đại vương! Lúc Dũng Lực Bồ tát nói pháp ấy, có vô số người phát tâm Vô thượng Bồ đề. Đại vương muốn biết Dũng Lực Bồ tát thuở xa xưa ấy là ai chăng? Chính là Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ ngày nay vậy. Bồ tát này vững mạnh tinh tấn, mặc áo giáp hoàng thệ vôi vọi như vậy, cúng dường vô số chư Phật rõ rõ dường ấy chẳng gì ví dụ được.

Khi ấy vua A Xà Thế nghĩ rằng: Chày kim Cang của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nặng bao nhiêu? Ta có sức rất khỏe chẳng biết có cầm được chăng?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ biết tâm niệm của nhà vua bèn để chày kim Cang xuống đất. Vừa lúc Lực Sĩ để chày xuống đất, cả cõi Đại thiên chấn

động sáu cách. Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với vua A Xà Thế:

Nhà vua thử cầm lên xem.

Vua A Xà Thế có sức mạnh lực sĩ, liền tận lực đỡ lên, nhưng vẫn chẳng lay động được chày kim cang mảy may. Nhà vua lấy làm lạ chưa từng có, tiến lên bạch đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Thân tôi có sức khỏe đại lực sĩ lại mặc áo giáp rất quý lạ. Tôi có thể bắt voi lớn nắm vòi ném thân voi đến đâu cũng được. Sao hôm nay đỡ chày kim cang nhỏ này lại chẳng nhúc nhích chừng lông tóc. Sao lại có sự lạ như vậy?

Đức Phật dạy:

Này Đại vương! Chày kim cang này trọng ở nơi đức, chẳng thể dùng sức mạnh mặc áo giáp và sức mạnh ném voi lớn mà đỡ lên được.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với Thiên Đế Thích:

Thưa ngài Kiều Thi Ca! Ngài có danh hiệu là Chấp Trì Kim Cang. Ngài thử cầm chày kim cang này lên xem sao.

Lúc ấy, Thiên Đế dùng thần lực vô hạn, hiển tột thần thông muốn cầm chày kim cang ấy lên

mà vẫn chẳng cầm lên được. Thiên Đế tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi cùng chư Thiên đánh nhau với A tu la. Tôi dùng một ngón tay ném A tu la Duy Chất như ném một viên đạn nhỏ, làm cho A tu la phải bỏ chạy. Nay chày kim cang này nhỏ xíu như vậy sao tôi lại cầm lên không nổi?

Đức Phật dạy:

Này Kiều Thi Ca! Chày kim cang này trọng nơi đức. Chẳng nên đem so sánh với thân lớn ba trăm ba mươi sáu muôn dặm của A tu la. Này Kiều Thi Ca! Ý Ngài nghĩ sao. Núi Tu Di có nặng chẳng?

Thiên Đế thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Núi Tu di rất nặng.

Đức Phật nói:

Này Kiều Thi Ca! Giả sử có đại lực sĩ thần lực vô lượng tay mặt cầm chày kim cang này để bên núi Tu Di. Lực sĩ ấy đứng vào giữa cát hai thứ lên, núi Tu Di vẫn còn hơi nhẹ chẳng bằng trọng lượng của chày kim cang này.

Này Kiều Thi Ca! Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nếu dùng chày kim cang này có thể đập núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi và núi Kim Cang làm cho nát

ra như bụi. Dầu như vậy, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ còn chưa hiện hết thần lực.

* Bấy giờ, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói với ngài Đại Mục Kiền Liên:

Thưa ngài Đại Mục Kiền Liên! Đức Thế Tôn khen Ngài thần thông đệ nhất. Nay Ngài thử cầm chày kim cang này lên xem sao?

Ngài Đại Mục Kiền Liên có đại thần lực dời được bốn biển lớn. Ngài phẫn khởi thần thông muốn cầm chày kim cang lên làm rung động cả cõi Đại thiên nhưng vẫn không lay động được chày kim cang ấy chừng lông tóc. Rất lấy làm lạ, ngài Đại Mục Kiền Liên đến bên chân Phật bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật từng khen thần thông của tôi. Tôi từng thử thần thông của mình làm rung động cả cõi Đại thiên như khều cái bát nhỏ ném qua cõi nước khác. Tôi từng hàng phục khai hóa Nan Đầu Hòa Nan Long vương. Tôi còn có thể nuốt khúc gỗ lớn bằng núi Tu Di. Vừa tác ý là tôi có thể nắm kéo mặt trời mặt trăng đứng lại, lấy tay rờ mó. Như vậy mà nay tôi không thể lay động được chày kim cang nhỏ xíu này chừng lông tóc! Phải chăng tôi đã mất thần thông rồi?

* Hán bộ quyển thứ 14.

Đức Phật dạy:

Ông chẳng mất thần thông. Nay Đại Mục Kiền Liên! Thần thông của Bồ tát có oai thế rất lớn. Thần thông của Thanh văn và Duyên giác chẳng bằng được. Giả sử, những núi Tu Di của hằng hà sa thế giới hiệp lại làm một núi Tu Di còn có thể lay động được, chớ chẳng thể lay nổi chày kim cang này. Bồ tát lập hạnh, oai lực chẳng thể nghĩ bàn vọi vọi như vậy.

Ngài Đại Mục Kiền Liên được chưa từng có, bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát Đại Sĩ có được oai lực lớn, như Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ đây cầm chày kim cang. Bạch đức Thế Tôn! Sức lực của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ đây là do cha mẹ sanh, hay là do thần thông?

Đức Phật dạy:

Đó là sức mạnh do cha mẹ sanh. Nếu Bồ tát mà dùng sức mạnh thần thông thì có thể thị hiện thấu khắp trên trời và thế gian.

Đức Phật bảo Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Ông nên cầm chày kim cang lên.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ bước động cõi Đại thiên, dùng tay mặt cầm chày kim cang lên ném

thăng vào hư không. Chày ấy ở trên hư không lộn quanh bảy vòng rồi rơi trở lại dừng ở trên tay hữu của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ. Tất cả chúng hội đều được chưa từng có, đồng vòng tay lễ chân đức Phật, đồng xướng lên rằng:

Khó kíp, khó kíp. Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ có sức lực rất vi diệu. Cầu mong các chúng sanh đều được thể lực vô cùng như vậy.

Vua A Xà Thế tiến lên bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát có bao nhiêu công hạnh mà được sức lực như vậy?

Đức Phật dạy:

Bồ tát có mười hạnh lớn được oai lực ấy: Một là siêng thọ trì chánh pháp thà bỏ thân mạng. Hai là chưa từng tự cao tự đại, luôn khiêm hạ lễ kính chúng sanh. Ba là gặp chúng sanh càng càng khó dạy bảo thì nhẫn nhục chịu đựng. Bốn là thấy người đói khát thì đem món ăn ngon để bố thí cho họ được no đủ. Năm là thấy kẻ sợ sệt thì an ủi cho họ được an. Sáu là nếu có chúng sanh bị bệnh nặng thì lo thuốc men chạy chữa. Bảy là nếu có ai yếu đuối bị người khinh mạn thì kính thương che chở. Tám là lấy nước hồ sạch trét vách điện miếu thờ Phật vá chỗ nứt bể. Chín là thấy người cô cút nghèo khổ thiếu thốn thường mang vác nặng nhọc,

thì giúp đỡ cho họ được khỏi sự nặng nhọc khổ sở. Mười là nếu có người không chỗ nương nhờ thì thường giúp đỡ họ, nói ra giữ đúng lời không hề quên bỏ. Đó là mười hạnh lớn của Bồ tát.

Vua lại bạch hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát nhơn hòa là có bao nhiêu pháp mà Bồ tát tới lui đó đây luôn luôn hòa nhã chẳng hề nóng giận?

Đức Phật dạy:

Bồ tát nhơn hòa có tám pháp: Một là chí tánh chất trực không có dua gièm. Hai là tánh nết hòa nhã thường không dối nịnh. Ba là tâm ý thuần thực trọn không hy vọng. Bốn là tâm hành kiên quyết không hề kém yếu. Năm là lòng không mê lầm luôn luôn nhơn hòa. Sáu là làm chỗ nhờ cậy cho người đời được đức hạnh lạ. Bảy là tâm trí tỏ thấu mà không chấp trước. Tám là tư duy tội phước mà tâm không tưởng niệm. Đó là tám pháp nhơn hòa của Bồ tát.

Đức Phật phán tiếp:

Bồ tát lại có bốn pháp chí tánh thuần thực đi khắp đó đây mọi nơi: Một là ở nhơn gian làm Chuyển Luân Thánh Vương được thấy chư Phật hưng khởi đạo tâm bất thối. Hai là ở trên trời làm Thiên Đế Thích, vua của chư Thiên, thường thấy

chư Phật chẳng trái đạo pháp. Ba là nếu ở trên Phạm Thiên thì được tự tại vun trồng đạo nghiệp, chẳng hư đạo tâm. Bốn là mặc dầu ở nhơn gian thiên thượng như vậy nhưng thường sanh về Phật độ thanh tịnh, diện kiến chư Phật, nghe đức Thế Tôn thuyết pháp. Đó là bốn pháp.

Vua A Xà Thế lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Gì gọi là ngôi nơi đáng tin cậy?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Là chỗ ngôi của thiện hữu.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Bồ thí thì ngôi ở đâu?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Bồ thí thì ở chỗ giàu lớn lắm của nhiều báu. Người trì giới thì được sanh lên cõi trời. Người nhẫn nhục thì sắc mặt vui vẻ thường được xinh đẹp. Người tinh tấn thì siêng tu thông suốt vượt hơn mọi người. Người thiền quán thì thường được chánh định vắng lặng, các căn chẳng loạn động. Người trí huệ thì dứt các trần lao họa hoạn cấu nhiễm. Người nghe rộng thì được có đại trí, giải quyết sự nghi ngờ của mọi người nếu được hỏi, làm cho không còn thắc mắc.

Người siêng học thì nhóm họp nhập vào đạo Vô thượng chánh chơn. Người suy xét vô thường vô ngã vắng lặng thì ở tại chỗ nào đều tiêu trừ điên đảo. Đó là ngôi nơi đáng tin cậy.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Tâm niệm thuận thời thì được ngôi chỗ nào?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Quán vô thường, khổ, Không tịch thì ngôi ở chánh kiến chẳng sa vào tà nghiệp. Thân tâm thanh tịnh thì ngôi tại thiên định phát khởi thần thông.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Đạo ở chỗ nào?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Ngôi vững không thối thoát thì thành tựu đạo quả không còn nạn khổ của ba cõi.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Không thối thoát thì ngôi tại chỗ nào?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Người không thối thoát thì

ngồi tại nơi giải thoát họa hoạn sanh tử.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Phật ngồi tại đâu?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Ngồi tại ba mươi bảy pháp đạo phẩm đã được tu tập không có phá hoại, chuyển pháp luân mãi mãi không bao giờ đoạn tuyệt giáo pháp Tam Bảo.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai hưng khởi Phật?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Chính là người hay phát lòng tin chí quyết tử thâu bốn lai Không vô.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai phát khởi lòng tin chí quyết?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Nếu là người hay phát Bồ tát tâm.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai phát Bồ tát tâm?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Người có chí tánh định chẳng tán loạn.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai có chí tánh định chẳng tán loạn?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Người thi hành đại bi chưa bao giờ dứt.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai chẳng dứt lòng đại bi?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Người chẳng rời bỏ tất cả chúng sanh.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai chẳng rời bỏ chúng sanh?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Người làm mình an vui và làm an vui tất cả chúng sanh.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai làm mình an vui và làm an vui đến chúng sanh?

Đức Phật dạy:

Này Đại vương! Người hung long đạo pháp chẳng dứt tuyệt Tam Bảo.

Vua lại hỏi:

Bạch đức Thế Tôn! Ai chẳng dứt Tam Bảo?

Đức Phật phán:

Này Đại vương! Vất bỏ trần lao là chẳng dứt Tam Bảo.

Vua A Xà Thế lễ Phật, bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn thật là chưa từng có. Đức Như Lai phán dạy vào đúng pháp luật. Đức Như Lai ban dạy, pháp được nói ra tốt đến nhu thuận rời lìa nghiệp đoạn diệt và hữu thường mà chẳng quên mất quả báo ứng. Vào chỗ gây dựng, làm không loạn động, không có những nghiệp thiện, ác, tịnh, bất tịnh. Siêng tu đạo hạnh không trái không mất.

Bạch đức Thế Tôn! Người nào nhập vào hạnh nguyện ấy thì giải quyết mọi điều nghi ngờ thuận theo giáo pháp chánh chơn của đức Như Lai. Người nào nghe pháp ấy mà sanh lòng ngờ vực, đó là vì đời trước chẳng vun trồng cội đức, theo bạn ác, chẳng tin và hủy báng chánh pháp.

Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đời trước có trồng cội đức, chẳng phải là không công đức. Nay tôi được nghe chánh pháp, muốn báo ân sâu của đức Phật mà chí ý chẳng thể báo được trọn vẹn. Văn Thù Sư Lợi Bồ tát từ mẫn vì chúng tôi mà giải quyết nghi ngờ hiển hiện đại quang minh. Đức Thế Tôn khéo phán dạy đầy đủ Phạm hạnh, là bậc thân hữu chí thiện được đại nhơn từ là hàng thiện hữu vậy.

Bấy giờ, Tịch Ý Bồ tát hỏi Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Ngài kiến lập kinh pháp này phải chăng là để lưu bố cho tất cả tương lai?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Kiến lập Kinh pháp này để lưu bố khắp thiên hạ ở Diêm Phù Đề sau khi đức Như Lai diệt độ thời kỳ mạt thế sau cùng, làm cho các pháp sư, chư vị chánh sĩ đều được soi sáng.

Thưa ngài Tịch Ý! Đức Phật kiến lập Kinh điển quan yếu này, được chư Phật đều hộ trì. Ai thọ trì được Kinh này thì là khéo học chánh pháp, chẳng chấp văn tự, ngôn từ chẳng cùng tận, không ai dứt ngang được.

Thưa ngài Tịch Ý! Đức Như Lai Chí Chơn chẳng bỏ các pháp. Tại sao vậy? Kia không chỗ

sanh. Đã không chỗ sanh thì không chỗ diệt. Vì thế nên đức Như lai nói: “Đức Như Lai xuất thế là không chỗ sanh. Chỗ đứng của Như Lai là đứng tại pháp giới. Pháp trụ như pháp, có Phật hay không Phật, Phật pháp vẫn thường trụ. Bởi trụ như vậy nên mười hai duyên khởi được chẳng sai trái, duyên khởi chẳng rối loạn, chẳng loạn chánh pháp. Lại xét pháp ấy thường không có ngôn thuyết nên được gọi là chánh pháp, vì không có ngôn thuyết”.

Tịch Ý Bồ tát hỏi:

Thưa ngài Mật Tích! Ngài hộ trì chánh pháp mặc áo giáp hoàng thế. Vì vậy mà Ngài mặc áo giáp ư?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Mặc áo giáp hoàng thế hộ trì chánh pháp, chẳng làm loạn các pháp, chẳng nắm lấy pháp ấy. Tại sao vậy? Chánh pháp ấy, tất cả các pháp đều không chỗ loạn. Đó là hộ trì chánh pháp.

Tịch Ý Bồ tát hỏi:

Sao gọi rằng làm loạn chánh pháp?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Nương dựa nơi hãi sợ là thành mê loạn. Thưa

ngài Tịch Ý! Rốt ráo không loạn, nghĩa là ý nghĩa không loạn, mới được gọi là hộ trì chánh pháp.

Tịch Ý Bồ tát hỏi:

Thưa ngài Mật Tích! Chừng có phương tiện nào, lúc tất cả thế gian rối loạn, như đó mà hộ trì chánh pháp chăng?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Như vì loạn mà hộ trì vậy.

Tại sao vậy? Như vì thế gian dựa theo tà nghi sáu mươi hai kiến chấp. Chỗ làm của Bồ tát lấy rộng không làm căn bản. Vì thế nên cùng tất cả thế gian làm loạn nhau. Lại vì thế tục kia quan niệm có thường còn, nên họ lập có ngô ngã cho là sạch là an.

Bồ tát luôn tỏ thấu các pháp vô thường, khổ, Không, chẳng phải thân, không có ngô ngã. Thế nên gọi là cùng tranh biện với thế gian. Tùy theo thế gian chìm trong dòng nước sanh tử, Bồ tát phương tiện ngược dòng tận nguồn trái lại dòng sanh tử, chứa công tích đức. Vì thế nên gọi là cùng thế gian tranh loạn nhau.

Người đời dựa nương năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Người làm hạnh Bồ tát, nơi tâm

không dính mắc một pháp nào cả. Vì thế nên gọi là cùng thể gian tranh loạn. Tại sao vậy? Vì chẳng đồng với trần lao vậy.

Thưa ngài Tịch Ý! Vì thế nên hộ trì chánh pháp là cùng thể gian tranh loạn nhau.

Tịch Ý Bồ tát hỏi:

Thưa ngài Mật Tích! Hành giả làm thế nào hộ trì chánh pháp?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Vì thọ trì chánh pháp mà hộ trì thân mình cũng hộ trì thân chúng sanh, hộ trì tất cả pháp, nhưng vẫn không có chỗ hộ trì.

Tịch Ý Bồ tát lại hỏi:

Thưa ngài Mật Tích! Thọ trì thế nào?

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Bặt dứt ngô ngã, chúng sanh vắng lặng. Chúng sanh đã vắng lặng thì ba đời vắng lặng. Ba đời vắng lặng thì Phật pháp vắng lặng. Phật pháp đã vắng lặng thì Phật độ vắng lặng, Phật độ vắng lặng thì các pháp vắng lặng. Ở nơi các pháp mà không có chỗ về đến thì gọi là hộ trì chánh pháp vậy.

Bấy giờ, đức Thế Tôn khen Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ:

Lành thay! Lành thay! Đó gọi là hộ trì chánh pháp. Hộ trì chánh pháp ấy, là không chỗ hộ trì, không chỗ quên mất. Lại người hộ trì chánh pháp là thọ trì tất cả, nơi tất cả tướng mà không vọng tướng. Đã không có tướng thì ở nơi các vọng tướng không để phóng túng. Đây gọi là ở trong tất cả pháp mà không phóng dật, mới gọi là đạo pháp.

Lúc ấy, trong pháp hội có một Thiên tử tên là Hiền Vương tiến lên bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Ngôn từ của chư Phật rất là vắng bật. Người được nghe thấy, thế nào là phải?

Đức Phật phán:

Này Hiền Vương! Nghĩa vắng bật của ngôn từ chánh giáo, tất cả chỗ lãnh hội cùng công hạnh đều vắng bật vậy. Người ấy nhận thọ được chánh giáo. Vì đã hay nhận thọ được nên hay phùng cháy. Vì đã hay phùng cháy nên hay chói sáng. Vì đã hay chói sáng nên vắng bật thành là lặng lẽ. Đây là hộ trì chánh pháp của Như Lai. Mới gọi là chúng của chư Như Lai tổng trì Phật đạo. Chỗ trì như vậy: chẳng trì pháp lại chẳng xả pháp.

Lúc đức Phật đáp lời Thiên tử Hiền Vương, có một ngàn Tỷ kheo được lậu tận ý giải thành A la

hán. Một ngàn Thiên tử xa trần lìa cấu được pháp nhân thanh tịnh.

Tịch Ý Bồ tát hỏi Thiên tử Hiền Vương:

Ngài từ đâu được biện tài ấy?

Thiên tử Hiền Vương nói:

Thưa ngài Tịch Ý! Nếu ai có thể dứt trừ tất cả chương ngại đều vô sở đắc, được đệ nhưt nghĩa, không nương gá vào đâu thì gọi là biện tài. Tự mình hiểu rõ, thần thức chẳng chuyển đổi, chẳng do người mà biết, cũng không chỗ lập, đây mới gọi là biện tài. Tâm ý chẳng thả theo chỗ chấp trước, nếu có thể phụng hành pháp không chỗ chấp trước mới được biện tài này. Nếu do suy gẫm tất cả các pháp qua lại hiển bày đều phải biết rõ nhận biết tin chắc mới được biện tài.

Thưa ngài Tịch Ý! Hành giả như vậy được biện tài này, họ không chỗ trụ, không chỗ hành, vượt qua khỏi dòng sóng bốn nạn sanh lão bệnh tử. Họ không chỗ sanh, không chỗ khởi cũng không chỗ diệt. Không bị ai diệt được mới gọi là vượt qua khỏi, là được biện tài vậy.

Tịch Ý Bồ tát tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Hiền Vương Bồ tát này từ cõi nào đến cõi này mà có biện tài như vậy?

Đức Phật phán:

Này Tịch Ý! Hiền Vương Thiên tử từ nước của đức Phật A Súc mà đến, chết kia sanh về đây, vì muốn được nghe kinh điển bí yếu của Như lai. Tịch Ý nên biết rằng Hiền Vương Thiên tử được chúng nhập nhà pháp tổng trì. Giả sử một kiếp hoặc hơn một kiếp tuyên nói công đức của ông ấy cũng chẳng hết được ngần mé biện tài.

Tịch Ý Bồ tát lại bạch:

Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là nhà pháp tổng trì?

Đức Phật phán:

Này Tịch Ý! Trước kia nói “được nhập nhà pháp tổng trì” đó là nhập nơi trí huệ văn tự vô tận, tất cả pháp đều vào trong nhà này. Ở nơi tất cả pháp đều không chỗ làm, hiểu rõ nhà pháp phụng hành nhà pháp. Với các văn tự dùng âm thanh để tuyên bày. Những lời từ miệng thốt ra làm thành sự pháp, chẳng nghĩ niệm sự pháp, cũng chẳng phân biệt đó mà tuyên bố tất cả sự âm thanh. Đây gọi là nhập vào công hạnh nhà pháp tổng trì vậy.

Lại này Tịch Ý! Pháp mà nhập vào được đó lại là pháp vô sở đắc. Chỗ được gọi là nhập. Phát ra trí huệ. Văn tự kia không từ đâu đến nhập vào trong nhà. Lại văn tự ấy chẳng hiện trong nhà

cũng chẳng hiện ra ngoài. Lại không chỗ hướng đến cũng không có phương diện. Lại văn tự ấy xoay vần trình bày cũng chẳng tướng niệm. Văn tự chẳng thuận với pháp cũng chẳng trái với pháp, không có tướng niệm. Văn tự ấy đều không có ngôn thuyết cũng không chẳng ngôn thuyết, cũng không tăng không tồn. Lại văn tự ấy chẳng thấy có khởi, không chỗ hoại diệt, không làm văn tự cũng không chỗ mất.

Lại này Tịch Ý! Như số văn tự, tâm số cũng vậy. Tất cả đều như vậy. Số của các pháp có chỗ quy thú. Nếu là số của các pháp thì kia là vô số. Tại sao vậy? Chẳng về nơi pháp số, không có số mới gọi là pháp số vậy. Tùy thuận pháp số như vậy mới gọi là nhập vào nhà pháp. Chẳng nhập vào quá khứ, nhập vào pháp vô sanh không chỗ đến.

Kia không chỗ sanh bởi không chỗ đến thì nhập vào chỗ nào. Do vô sở nhập mà nhập vào các số như vậy mới đến được pháp môn. Tự thấy bản lai không có thì được an trụ nhập vào hạnh nghiệp nhà pháp tổng trì. Nhập vào tâm chúng sanh. Do nhập vào tâm chúng sanh mà tùy theo tâm chúng sanh chỗ đáng được độ mà vì họ thuyết pháp. Nếu lãnh thọ tổng trì mới gọi là ý vắng lặng.

Thưa ngài Tịch Ý! Do tâm ly cấu nên tâm được thanh tịnh nghiêm trang hòa nhã sáng suốt, tánh ấy siêu việt, đi đứng an tường, trí huệ không mất, chí nguyện kiên cố, chỗ nên độ ấy ma chẳng phá hoại được, các tà ngoại khác không ai chẳng bị dẹp phục, tiêu trừ trần lao, diệt các oán tặc, thân lực rất mạnh, tâm không khiếp nhược, biện tài vô tận, chỗ nói vô lượng, chỗ quy vô hạn, trí huệ vô ngại nhập vào giác ý rất sáng suốt, ban tuyên lời chánh chơn thâm diệu. Chỗ được nghe rộng như sông như biển. Tam muội chánh định vững như núi Tu Di ở tại giữa biển lớn. Ở trong đại chúng như vua sư tử. Chẳng nhiễm thế tục như hoa sen chẳng dính bùn nước. Chẳng có ghét thương, lòng mở rộng như mặt đại địa, lúa đậu cỏ cây nhen nơi đó mà sanh trưởng, muôn dân được an vui. Rửa sạch bụi dơ như nước trong, khai hóa chúng sanh. Đốt các nạn độc như ngọn lửa hùng đốt cháy cỏ rác. Dạy dỗ khắp chúng sanh như luồng gió lớn thổi không sót chỗ. Tâm hành bình đẳng như mặt trăng tròn chiếu các tinh tú. Tiêu trừ tham sân si như ánh nắng soi bóng tối. Phục tâm ý thức như dũng tướng đè bẹp cường địch. Điều hòa tâm mình như Long vương thuận thực theo đúng thời tiết.

Như trời âm u sấm nổ rồi mới mưa. Cũng vậy, Bồ tát điều hòa tâm mình, diễn bày pháp vũ nhuần thấm ba cõi. Rời nước pháp cam lộ trừ sạch tâm như uế, như trời mưa rửa sạch bụi trần. Chữa lành các bệnh tật tham sân si, như lương y trị bệnh mọi người. Chí gìn vô vi phụng hành chánh pháp, đây là Pháp vương trị dạy mười phương. Cũng như quốc vương cai trị muôn dân, bảo hộ khai hóa tất cả sanh già bệnh chết. Như Tứ Thiên Vương trị tứ thiên hạ, cũng như Thiên Đế Thích vua trời Đạo Lợi dạy dỗ chư Thiên. Cũng vậy, Bồ tát ở tại cõi Dục giáo hóa chúng sanh, với sắc thanh hương vị xúc pháp, sạch như minh châu. Điều phục tâm ý luôn được tự tại, như Phạm Thiên Vương chúa tể trời người.

Tâm Bồ tát thanh tịnh không hề dính mắc, như chim bay trong hư không không bị chạm đụng. Hành động đúng pháp an tường, như Lộc vương đi theo bày nai, kính vâng pháp giáo mến các chơn hạnh. Như mẹ thương con làm cho được an ổn. Dạy chúng sanh các kỹ thuật như nghiêm phụ dạy bảo con cháu.

Đức lớn tự trang nghiêm dùng ba mươi hai tướng đại nhơn, phước tướng xen đẹp có tám mươi tùy hình hảo và bao nhiêu vẻ tốt. Được tất cả thế gian cùng kính ngưỡng, chẳng bị tà kiến

ràng buộc. Có đủ bảy Thánh tài chẳng bị nghèo thiếu. Được mười phương chư Phật hộ niệm. Được bậc minh trí ngợi khen, được hàng thông đạt ca tụng và chư Thiên đều thủ hộ cúng dường. Được các thiện hữu luôn tiếp trợ. Là tối thượng trong hàng thuyết pháp, đủ sáu thần thông tự tại. Lại thấu nhập tánh hạnh và căn trí của tất cả chúng sanh để ban tuyên kinh pháp chưa hề lười mỏi. Không bao giờ mong mỏi lợi dưỡng. Chỉ thích đem chánh pháp ban bố chẳng hề lần tiếc. Trong lòng thanh tịnh không có sai phạm, nhân nhục sáng suốt không có làm lỗi. Sự nghiệp được làm đều có thể đến trọn vẹn cả.

Thanh tịnh tinh tấn tâm tánh an hòa, nhưt tâm thanh tịnh trừ bỏ tội cấu, giác ý thản nhiên trí huệ thanh tịnh, tu bốn Phạm hạnh không hề buông lung để thành tựu công nghiệp độ thế. Thiên định tam muội được nên chánh thọ đến Bồ tát đạo và Phật đạo vô thượng. Có thể thành tựu được khắp những hành nghiệp được làm, chẳng giữa chừng biếng nghĩ, đến bậc Bất thối chuyển.

Này Tịch Ý! Bồ tát đại sĩ nhập vào nhà pháp tổng trì công đức vô lượng vôi vọi như vậy. Giả sử có vị Bồ tát ở thế gian trăm ngàn năm chẳng làm việc gì khác, chỉ chuyên ngợi khen tổng trì ấy cũng chẳng thể tuyên nói hết được.

Bấy giờ, Tịch Ý Bồ tát nói với Hiền Vương Thiên tử:

Ngài được lợi lành rất lớn vô cùng. Hôm nay đức Như Lai khen ngợi công đức của Ngài rõ ràng như vậy.

Hiền Vương Thiên tử nói với Tịch Ý Bồ tát:

Thưa ngài Tịch Ý! Ở nơi các pháp ấy thật ra không thể được công đức để ngợi khen. Lại các pháp ấy không có sắc, không có tượng, không có hình mạo, công hạnh như vậy không thể tuyên xưng ngợi khen hết được.

Hiền Vương Thiên tử tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả các pháp chẳng nhận lấy được, không có ngô ngã cũng không ngã sở. Vì thế nên chẳng thể truyền thọ cho người cũng chẳng thể tập hợp lại được.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người thích tu hành pháp này thì nên hành bình đẳng, hoặc siêng phụng hành tu pháp bình đẳng thì đến được pháp môn này. Như đại địa đây, đất ở trên nước, nước ở trên gió. Khắp trong thiên hạ trên mặt đất này, giả sử có người đào đất ra công gắng sức thì được có nước để uống dùng không cần phải tìm ở phương xa. Trí huệ Như Lai vào khắp trong tánh hạnh của tất cả chúng sanh. Như Lai giải thoát,

tùy theo pháp môn mà tu tinh tấn, do phương tiện này thành đại huệ quang minh.

Bạch đức Thế Tôn! Vì thế nên thiện nam thiện nữ muốn cầu Phật đạo phải thường tu hành tinh tấn. Lấy gì để tinh tấn? Phải dùng các pháp môn ấy.

Bạch đức Thế Tôn! Như kẻ sanh manh không thấy được màu sắc bao giờ. Giả sử có người chẳng tu hành tinh tấn thì gọi là kẻ ngu tối manh minh chẳng thấy các pháp hoặc gốc hoặc ngọn.

Bạch đức Thế Tôn! Như người mắt sáng nhờ ánh sáng mà được thấy. Chẳng có ánh sáng thì tăm tối không thấy, ngoại trừ tiên nhãn thiên nhãn. Cũng vậy, người rời xa bạn lành không được khai hóa chẳng hiểu được các pháp quán để thấy những pháp được thọ. Như thiên nhãn thấy chẳng cần ánh sáng, nếu có thiện nam được trí huệ tự nhiên thành đại trí đức.

Bạch đức Thế Tôn! Như chim bay trong đồng trống ngang qua đầm rộng chẳng thấy hư không cùng đồng ruộng có thêm có bớt. Cũng vậy, tất cả Bồ tát tinh tấn tu hành nhập vào đạo phẩm chẳng thấy Phật đạo có tăng có giảm.

Bạch đức Thế Tôn! Như núi Tuyết kia, mưa tuyết rơi sương sanh trưởng cây cối, chẳng bị các

cơn gió làm tai hại. Cũng vậy, Bồ tát theo đúng thời tu hành phát sanh trí huệ sáng soi thấu cả chúng sanh không có số lượng, đi ở chỗ nào không có quên mất.

Bạch đức Thế Tôn! Như Chuyển Luân Thánh Vương sanh trong dòng quý tộc đủ bảy báu xuất hiện. Những gì là bảy báu? Một là xe tử kim có ngàn cãm. Hai là voi trắng có sáu ngà. Ba là ngựa thần nhiều màu: đầu đen bờm đỏ. Bốn là châu minh nguyệt có tám cạnh. Năm là vợ ngọc nữ miệng thơm hoa sen thân thơm chiên đàn. Sáu là đại thần chủ tạng linh như Thánh. Bảy là chủ binh đại tướng coi binh bốn cõi.

Cũng vậy, Bồ tát đại sĩ lúc bảy báu xuất hiện thì tự nhiên đạo bửu xuất hiện thế gian. Những gì là bảy báu? Đó là báu Bồ thí ba la mật, Trì giới ba la mật, Nhẫn nhục ba la mật, Tinh tấn ba la mật, Thiền định ba la mật, Bát nhã ba la mật và báu Thiện quyền phương tiện ba la mật xuất hiện thế gian cứu độ tất cả.

Như vua Chuyển Luân đi khắp bốn cõi nước chẳng tính đếm được hơn dân có bao nhiêu tâm niệm. Cũng vậy, Bồ tát đại sĩ dùng pháp tứ ân nhiếp cứu chúng sanh, chẳng tưởng chúng sanh có bao nhiêu phẩm loại hiểu nó là bốn lai không có.

Như vua Chuyển Luân cai trị bốn cõi, ngồi yên trên ngai, không người đấu tranh, không xử phải quấy, mà dân chúng tự nhiên thuận theo mạng lệnh của nhà vua. Cũng vậy, Bồ tát ngồi tòa Phật pháp không kẻ đấu tranh, các bè đảng ma đầu curu lòng ác mà tự nhiên đến hàng phục.

Bạch đức Thế Tôn! Như cõi Đại thiên này trước nhưt thiết lập núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di. Cũng vậy, Bồ tát trước nhưt gây dựng Đại thừa, kế lập đại bi, chí tánh nhưn hòa là vô thượng hơn cả.

Như mặt nhưt mới mọc, trước tiên chiếu ánh sáng đến núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Tu Di rồi sau đó mới chiếu đến các chỗ khác. Cũng vậy, Bồ tát phóng sáng trí huệ chiếu khắp ba cõi, dùng tâm nhưn hòa trước soi đến chúng sanh, ánh sáng Đại thừa trừ tối ba độc đều được thần thông.

Bạch đức Thế Tôn! Tất cả cây cối quận huyện thôn ấp đều y cứ trên đất liền. Trăm giống cỏ cây đều nhờ nương nơi đất mà sanh trưởng. Từ mặt đất, muôn vật sanh ra mà được tự tại. Cũng vậy, tất cả cõi công đức của Bồ tát đều nhưn nơi đạo tâm nuôi lớn thánh huệ mà thành Chánh giác vậy.

Đức Phật khen Hiền Vương Thiên tử:

Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử khéo dẫn ví dụ để nói lên công hạnh của Bồ tát.

Lại này thiện nam tử! Như chúng sanh giới cùng với pháp giới được đến tổng trì. Trí huệ của Bồ tát cũng như vậy, được biện tài vô ngại lời nói không cùng tận không bị ngăn che không ngớt không nghỉ. Với kinh pháp của chư Phật tuyên thuyết chẳng khiếm chẳng sợ. Vì Bồ tát đã được môn tổng trì nên chỗ nói ra chẳng có lòng khiếm sợ.

Bồ tát như vậy được ba vô ngại: Một là tổng trì vô ngại. Hai là biện tài vô ngại. Ba là đạo pháp vô ngại.

Bồ tát lại có ba sự được vào hạnh nghiệp thanh tịnh: Một là tự nhiên thanh tịnh. Hai là bản vô thanh tịnh. Ba là bản tế thanh tịnh.

Lại có ba sự Bồ tát được vào vô tận: Một là kinh pháp không cùng tận. Hai là nghĩa văn tự không cùng tận. Ba là tuyên lời dạy bảo không cùng tận.

Bồ tát lại được vào ba chỗ vô trụ xứ: Một là Thánh huệ vô trụ xứ. Hai là ngôn từ văn nghĩa vô trụ xứ. Ba là chỗ tu kiến lập cũng vô trụ xứ.

Bồ tát lại có ba quyết định: Một là ứng theo cơ

mà tuyên bày. Hai là liền phát biện tài. Ba là trí huệ đúng thời.

Bồ tát lại được có ba trí huệ giải quyết nhanh: Một là giải quyết nghi ngờ khiến không còn thắc mắc. Hai là dứt hẳn dụ dụ khiến không còn trầm ngâm. Ba là làm vui đẹp lòng tất cả chúng sanh.

Lúc đức Phật nói lời trên đây, trong đại hội có tám ngàn Bồ tát được môn tổng trì.

Bấy giờ, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ tiến lên bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Cúi mong đức Thế Tôn kiến lập pháp điện, sau khi đức Thế Tôn diệt độ, trong thời mạt thế sau cùng, chánh pháp lưu bố khắp Diêm Phù Đề được còn lâu chẳng dứt mất.

Đức Thế Tôn quan sát khắp bốn phương xong, nói kệ rằng:

Nhiếp căn thì được thắng
 Dứt căn không bị hại
 Không vốn đã dứt không
 Phục bè đảng binh ma.
 Giải thoát biết thanh tịnh
 Vô úy biết chỗ sợ
 Vứt bỏ cả gánh nặng
 Là thần chú y sư.

Hàng phục ngoại dị học
Dùng pháp để cứu nhiếp
Hộ trì người hành pháp
Thần chú của Phật nói.
Vô ngã để trừ ngã
Nghĩa ấy phải vượt qua
Đối với Tứ Thiên Vương
Nói câu không nhuần thấm.
Mạnh siêng giữ chương cú
Tịnh lại tịnh Chánh Giác
Phạm Thiên, Thiên Đế Thích
Làm nên thừa như đây.
Từ thị thông nhận kia
Bởi quán sát đại bi
Được Phạm Thiên ái kính
Người ấy không chỗ phạm.
Khoảng Dã rời không trông
Không cần gọi là tịnh
Hàng phục binh tướng ma
Nên nói thần chú này.
Đấng Thế Tôn kiến lập
Kinh lời nghĩa hay này
Bảy giờ lưu bố khắp
Tùy cơ hay lãnh thọ.

Bởi nói chú thuật này
 Trời đất đều chấn động
 Chư ma quỷ đều đến
 Đề tuyên nói như vậy:
 Dùng lời giữ đầu cổ
 Đây gọi là pháp sư
 Nếu tay được Kinh này
 Về đến chỗ Phật nói.

Lúc ấy, đức Phật bảo Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ:

Đã kiến lập Kinh điển này rồi, nay kiến lập không ai làm loạn động được. Tại sao vậy? Ta nhớ lại thuở quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Bửu Nguyệt Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới ấy tên là Vô Duyệt.

Trong đời đức Phật Bửu Nguyệt ấy có hai Tỳ kheo làm pháp sư. Một vị tên là Trí Tịch, một vị tên là Trì Chí Thành. Hai vị đều có oai thần biến hóa đức cao vòi vọi. Hai vị lãnh thọ chương cú thần chú này nơi Phật Bửu Nguyệt mà phụng trì. Sau khi Phật Bửu Nguyệt diệt độ, hai vị ấy trì pháp nửa kiếp. Sau đó trăm ngàn ức loài ma trong

cõi Đại thiên đều được khai hóa tuân theo đạo Vô thượng chánh chơn.

Này Mật Tích! Ông muốn biết hai vị Tỳ kheo pháp sư thuở xưa ấy là ai chẳng? Trí Tịch pháp sư là tiền thân của Ta, Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Còn Trì Chí Thành pháp sư là tiền thân của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ vậy.

Các chương cú ấy làm cho kinh pháp này được nhiều sự lợi ích hộ trì thành tựu chánh pháp.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn xem tất cả chúng hội bốn phía mà tuyên bố rằng:

Chư vị Chánh sĩ! Ai là người có thể gánh vác được đạo tổng trì Vô thượng chánh chơn mà đức Như Lai đã từ trăm ngàn ức triệu vô số kiếp chứa công tích đức, tất cả chúng sanh nhờ đây mà được tế độ, chư Phật quá khứ vị lai hiện tại đều do đây mà sanh.

Trong chúng hội có ba vạn hai ngàn vị Bồ tát rời chỗ ngồi đứng dậy vòng tay cúi đầu lễ Phật rồi nói kệ rằng:

Xả bỏ thân mạng mình
Tư duy khéo vắng lặng
Thọ trì kinh pháp này
Được chư Phật khen ngợi.

Kinh điển này như thuốc
 Chữa trị tất cả bệnh
 Thọ trì ngôn giáo này
 Phát sanh tâm ý Phật.

Liền đó, Hiền Vương Thiên tử cùng năm trăm
 Thiên tử nói kệ rằng:

Tất cả các chúng sanh
 Siêng quán tưởng chứa đức
 Thọ trì kinh điển này
 Được tối thắng thâm diệu.

Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ cũng nói kệ rằng:

Nghĩa ấy không vãn tự
 Mà lại tuyên vãn tự
 Đức Thế Tôn ban tuyên
 Tôi nay phải phụng trì.

Lúc bấy giờ, đức Như Lai bảo Phạm Thiên và
 Thiên Đế Thích:

Như Lai có ba điều chẳng thể hạn lượng được,
 nên thành bậc cúng dường vô thượng công đức
 vô cùng cực. Những gì là ba?

Một là chí tâm nhơn hòa phát đạo tâm mình.
 Hai là đem đạo tâm đã được phát mà hộ trì chánh
 pháp. Ba là đúng như pháp được nghe mà giảng
 giải cho mọi người.

Đích thân thực hành ba điều như vậy nên được đến công đức chẳng thể tính lường được. Phạm Thiên nên biết do ba sự ấy mà chứa công tích đức, dầu cho Ta ở đời một kiếp phân biệt rộng nói cũng chẳng thể nói hết được.

Này Phạm Thiên! Thế nên phải tùy thuận cung kính phụng sự ba điều của Như Lai. Phạm Thiên cúng dường Như Lai lãnh thọ bốn câu kệ tụng mà ba đời chư Phật đã tuyên nói, lãnh thọ rồi ủng hộ. Tại sao vậy?

Chư Phật Thế Tôn đều từ pháp này mà sanh. Vì thế nên cúng dường Pháp. Cúng dường Pháp chẳng cần đến áo cơm. Bởi pháp cúng dường là hơn hết trong những sự cúng dường. Vì thế nên Phạm Thiên phải đem chánh pháp để cúng dường nhau, là cúng dường chơn đế, không dùng áo cơm.

Đức Phật tự nhớ Phạm Thiên Vương thuở quá khứ từng sanh làm vương thái tử tên là Ý Hành, mến ưa đạo pháp. Một hôm nằm mơ nghe bốn câu kệ tụng này:

Nếu mãi buông lung, không đường thoát
Vì chúng sanh nên phát đạo tâm
Ở rảnh rang tùy thuận siêng tu
Xả thí không tham mình người an.

Vương thái tử nghe dạy bài kệ tụng ấy, sau khi tỉnh giấc suy gẫm rành rẽ, trong lòng rất vui mừng, liền nói kệ ca ngợi lời kệ tụng ấy:

Mừng thay rất an vui
 Được pháp tạng vô tận
 Nên thí cho kẻ nghèo
 Khiến mọi người no đủ.

Này Phạm Thiên! Khi ấy vương thái tử được tặng an lập đế, hiểu văn tự vốn không, tự nghĩ rằng: Dem nghĩa bài kệ ấy làm cho chúng sanh nghèo thiếu được no đủ. Vương thái tử đến thưa vương phụ và vương mẫu:

Chùng có kho báu báu: vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, xa cừ, mã não, san hô chẳng? Con rất vui mừng nếu được đem bố thí cho người nghèo khó. Phụ mẫu nên biết rằng tất cả của cải chẳng phải là vật báu bền chắc, thường bị nước lụt, hỏa hoạn, trộm cướp, oan gia trái chủ, quan quyền, con bất hiếu làm tiêu tan. Trí huệ nghe rộng học nhiều không cần áo cơm rất là khó được.

Vương phụ, vương mẫu nói: “Hay lắm, cho phép con lấy của kho bố thí, như lòng con muốn”. Vương thái tử liền bố thí khắp các người nghèo thiếu. Rõ biết ba cõi rộng không làm cho họ được trí huệ vô tận khó được.

Vương thái tử nghe một bài kệ bốn câu mà giáo hóa được tám ngàn người khuyên phát đạo tâm Vô thượng Bồ đề, vô số chúng sanh được sanh cõi trời. Thế nên, này Phạm Thiên! Người nào lãnh thọ pháp thâm diệu này, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói, nghe đó vui mừng, thì được công đức vô lượng, được tặng vô thượng.

Này Phạm Thiên! Hành pháp Đại thừa có ba sự pháp lợi ích rất nhiều cho Bồ tát: Một là giải và hạnh được lập nhân thọ không nhầm. Hai là lấy giải để kiến lập, lấy hạnh làm trọng yếu, giữ gìn lời nói là thứ nhứt, chẳng móng tâm tổn hại chúng sanh. Ba là chẳng rời bỏ đại bi.

Đó là ba sự. Vì thế nên, Phạm Thiên này! Muốn làm lợi ích cho chúng sanh thì phải siêng khuyến trợ kinh điển này.

Lại có hai sự mà hạnh nguyện được lập ra chẳng bị quên mất: Một là lúc Phật mới thành đạo, đến thỉnh cầu đức Phật chuyển chánh pháp luân. Hai là Phạm Thiên phải thỉnh cầu, trong hiện kiếp này, một ngàn vị Phật đương lai chuyển chánh pháp luân giáo hóa những chúng xuất gia làm hạnh Bồ tát, như đức Phật Thế Tôn làm Pháp Vương tự tại khéo giáo hóa dạy dỗ ít ai bằng được.

Này Phạm Thiên! Vì lẽ ấy nên đức Phật làm cho tất cả mọi người trừ bỏ già bệnh chết đến quả vô vi, với sắc chẳng chấp trước. Vì hiểu lẽ ấy nên chịu được các sự khổ, không vọng mong cầu, làm chúa tể trời người, tạo lập ba pháp nhãn, chấp trì chánh pháp thọ trì đọc tụng. Lãnh thọ kinh này là rất khó.

Phải quan niệm rằng: Bồ tát trong trăm ngàn ức triệu kiếp tu hạnh thanh tịnh, trang nghiêm thanh tịnh Phật độ, ủng hộ chánh pháp, mau được thành bực Chánh giác.

Lúc bảy giờ, đức Phật phán bảo ngài A Nan:

Này A Nan! Ông phải lãnh thọ kinh điển này, thọ trì, đọc tụng, giảng nói cho mọi người.

Ngài A Nan bạch đức Phật:

Thưa vâng. Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ thọ trì làm cho được kiên cố.

Đức Phật dạy:

Này A Nan! Chớ đem pháp này truyền cho kẻ chẳng phải pháp khí, chớ trao cho ác tri thức. Nên truyền cho thiện hữu, những người mộ đạo thích học, những người này sẽ phụng trì thủ hộ.

Này A Nan! Kinh điển này chẳng về nơi phi pháp mà sẽ về nơi người hợp căn khí, họ có thể

phụng hành pháp này và thương cứu chúng sanh. Lại kinh này không có vọng tưởng. Tinh tấn hành trì thì có thoại ứng hiện tiền. Người hành trì kinh này thì được nhiều phước báo.

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ thọ trì kinh này, nương oai thần của đức Phật, con sẽ làm cho thường được lưu bố khắp nơi. Nếu ai lãnh thọ pháp này, thừa oai thần của đức Phật, quang minh chiếu xa. Những người ấy chẳng còn theo nghiệp hạnh sai quấy.

Bạch đức Thế Tôn! Kinh này danh hiệu là gì, phụng hành thế nào?

Đức Phật phán dạy:

Kinh này tên là Lời Dạy Của Đức Phật. Lại có tên là Pháp Nghĩa Của Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ Tuyên Bố. Lại tên là Công Huân Báo Ứng Của Như Lai. Lại có tên là Phẩm Pháp Bí Yếu của Như Lai.

Này A Nan! Ông phải phụng trì như vậy. Vì người khác phân biệt giảng nói chớ có mong cầu lợi dưỡng. Chỉ vì vô lượng công đức mà thuận theo pháp luật nên phụng trì vậy. Tại sao? Giả sử dùng Phật nhãn thấy khắp Phật độ và cõi nước mười phương, từ mặt đất lên cao đến trời Đao

Lợi, trong đó đầy những bảy thứ châu báu và trăm thứ uống ăn đem cúng dường đức Như Lai, nếu có người lãnh thọ kinh này, thọ trì đọc tụng phụng hành, vì người mà giảng nói không có lòng cầu lợi dưỡng thì được công đức nhiều hơn. Và có người nào đem y thực vật dùng cúng dường kinh yếu này, tuyên công đức của Như Lai thì được phước vô lượng, không gì để ví dụ được.

Lúc đức Phật nói kinh này, có vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Vô số Bồ tát được Vô sanh pháp nhẫn. Vô ương Bồ tát đến bực Nhứt sanh bất xứ.

Ngài A Nan, Mật Tích Kim Cang Lực Sĩ, Tịch Ý Bồ tát và chư đại Thanh văn, chư Thiên, chúng nơn cùng hàng A tu la, Càn thất bà, tất cả chúng hội nghe lời đức Phật phán dạy không ai chẳng vui mừng, cúi đầu đánh lễ rồi lui ra.

*



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

Hán dịch: Nguyệt Thị Pháp sư Trúc Pháp Hộ

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

PHÁP HỘI TỊNH CƯ THIÊN TỬ THỨ TƯ

* Tôi nghe như vậy: Một thời kỳ đức Phật ở thành Vương Xá trong núi Kỳ Xà Quạt cùng câu hội với chư đại Bồ tát và chúng Tỳ kheo sáu vạn người, thấy đều an trụ nơi Vô thượng Bồ đề, hàng Thanh văn mọi người đều quen biết.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, sau giờ ngọ trai, nhập tam muội. Vì oai thần lực của tam muội ấy nên cõi Đại thiên chấn động. Chư Phạm Thiên,

* Hán bộ quyển thứ 15.

Đế Thích, Hộ Thế Tứ Thiên Vương đồng đến chỗ đức Phật, đầu mặt lạy chân đức Phật rồi đứng qua một bên. Tịnh Cư Thiên tử, Hoan Hỷ Thiên tử, Thiện Hoan Hỷ Thiên tử, Đại Hoan Hỷ Thiên tử, Hiền Hoan Hỷ thiên tử, Thiện Ái thiên tử, cùng với trời Đâu Suất, trời Tự Tại, trời Đại Tự Tại, tất cả chư Thiên đại chúng đều đến chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt lạy chân rồi nhứt tâm đứng qua một bên.

Lúc ấy, Tịnh Cư Thiên chúng bạch đức Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Các pháp của Bồ tát nhiếp thọ tu hành mà chư Phật quá khứ đã nói, xin đức Thế Tôn diễn nói phân biệt chỉ dạy cho. Cũng để làm lợi ích an lạc nhiều chúng sanh, thương xót thế gian lợi an cho hàng trời người. Sau khi đức Như Lai diệt độ, chư Bồ tát đời sau nghe được pháp này sanh lòng ưa thích, đối với Vô thượng Bồ đề biết đúng như thật chẳng có lòng nghi, rất ráo an trụ hạnh bất phóng dật, được khỏi các sự khổ, chẳng còn thối chuyển đạo Vô thượng Bồ đề.

Bạch xong, Tịnh Cư Thiên chúng và Đâu Suất Thiên chúng yên lặng đứng một bên. Lúc ấy, có Thiên tử tên là Kim Cang Tồi vì chư Thiên chúng nói kệ cầu thỉnh đức Thế Tôn:

Trăm phước đức mãi nên thừa hỏi
Trời người kính ái nên thừa hỏi
Trụ bất phóng dật nên thừa hỏi
Y Vương của chúng nên thừa hỏi.
Pháp cú không lỗi xin diễn nói
Âm thanh tối thắng huệ sáng suốt
Hay dứt trăm ngàn những nghi hối
Hay phóng quang minh nên thừa hỏi.
Như mặt nhật hay trừ tối tăm
Như mặt nguyệt hay trừ nóng bức
Vớ oán vớ thân hay bình đẳng
Nhận điều khó nhận như đại địa.
Cũng như nước sạch rửa bụi dơ
Như lửa đốt cháy lưới phiền não
Tâm ý thanh tịnh nên thừa hỏi
Vô ngại biện tài xin diễn nói.
Như y sĩ chữa bệnh chúng sanh
Như Tỳ sa môn nhiều của báu
Cung cấp cho những kẻ nghèo khổ
Như mây trừ được ba thứ nóng.
Câu ấy tối thắng mong được nói
Như phá gãy tên độc phiền não
Phiền não uest như gian dối trá
Khéo hay điều phục cho an vui.

Nhớ thương chúng sanh nên thưa hỏi
 Tâm quý huệ sáng niệm vững chắc
 Không gian, không tham rời dua vạy
 Khôi đức vô tướng nên thưa hỏi.
 Giận hờn oán ghét đã dứt hẳn
 Với các chúng sanh vui nhẫn chịu
 Sắc mặt vui vẻ nhìn chúng sanh
 Thường hay vui vẻ hỏi han trước.
 Với các chúng sanh tưởng bạn thân
 Độ các chúng sanh đến bỉ ngạn
 Chắp tay cung kính như tâm thỉnh
 Đấng Thập Lực Thiện Thệ Phật Bửu.
 Mong phải giờ dạy dứt lòng nghi
 Trời người nghe được đạo hạnh này
 Thấy được các tướng mạo đệ nhưt
 Khiến họ biết được đại Trượng Phu.
 Đức Phật phán dạy:

Này Kim Cang Tồi! Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ nhớ lấy, sẽ vì ông mà nói.

Này Kim Cang Tồi! Có một trăm lẻ tám tướng trong chiêm bao được thấy, hành giả cần nên biết. Những gì là một trăm lẻ tám tướng?

Trong chiêm bao được thấy đức Như Lai cùng mình nói chuyện. Thấy thân Như Lai tốt đẹp. Lại

thấy đức Như Lai yên lặng. Lại thấy đức Như Lai che đầu mà ngồi. Lại thấy đức Như Lai ngồi day lưng lại. Lại chiêm bao thấy thân Như Lai màu hồng. Lại thấy thân Như Lai như hình vẽ nhiều màu. Lại thấy đức Như Lai đi. Lại thấy đức Như Lai vì người khác thuyết pháp. Lại thấy đức Như Lai dùng thần thông đi trong hư không. Lại thấy đức Như Lai nhập Niết bàn. Lại thấy trà tỳ thân Như Lai. Lại chiêm bao thấy được xá lợi của đức Như Lai. Lại thấy được tóc của Như Lai. Lại chiêm bao thấy tháp báu chưa từng có của Như Lai. Lại thấy tháp báu trang nghiêm của Như Lai. Lại thấy tháp thần thông của Như Lai. Lại chiêm bao thấy quang minh của Như Lai. Lại nghe tiếng của Như Lai mà chẳng thấy thân. Lại chiêm bao thấy thân Như Lai. Lại thấy vòng hoa và hương thoa choàng vào Như Lai. Lại chiêm bao thấy đức Như Lai mặc y dơ bẩn. Lại chiêm bao nghe pháp chưa từng được nghe. Lại chiêm bao thấy mình vì người khác nói pháp chưa từng được nghe, khi thức giấc không có nói nhần đến chẳng nhớ. Lại thấy vị pháp sư chưa từng thấy. Lại thấy mình ngồi pháp tòa vì người khác nói pháp. Lại chiêm bao thấy được vô úy. Lại thấy đạo tràng. Lại thấy đức Như Lai kinh hành. Lại thấy đức Như Lai chuyển pháp luân. Lại thấy tháp đức Như Lai

nhập Niết bàn. Lại chiêm bao thấy được cái y của Như Lai. Lại thấy được cái bát của Như Lai. Lại chiêm bao thấy một mình Như Lai. Lại thấy đức Như Lai có đông người vây quanh. Lại thấy cái lọng của Như Lai. Lại thấy đôi giày của đức Như Lai. Lại thấy đức Như Lai ngồi. Lại thấy mình dâng thức ăn cho đức Như Lai. Lại chiêm bao thấy mình dâng y cho Như Lai. Lại thấy mình dâng hoa cho Như Lai. Lại chiêm bao thấy mình đi vào núi. Lại thấy mình lỏa thể. Lại thấy mình đi bốn hướng. Lại thấy phương chưa từng có. Lại thấy mình đi trong nước đục. Lại chiêm bao thấy trời kéo mây tuôn mưa. Lại thấy đại địa xoay. Lại chiêm bao thấy mình đi giữa đàn lang sói chồn cheo. Lại thấy mình có bệnh. Lại thấy mình té núi không chỗ vịn níu. Lại chiêm bao thấy mình bị trời đem giết. Lại thấy đi trong dao gươm. Lại thấy mình đi trong hư không. Lại thấy mình cầm đuốc cháy. Lại chiêm bao thấy Bồ Tát ra khỏi cung vượt thành. Lại chiêm bao thấy được kinh. Lại chiêm bao nghe tiếng đà la ni. Lại nghe tiếng tam muội. Lại chiêm bao nghe tiếng kinh Phương quảng. Lại chiêm bao nghe tiếng pháp sư ấy. Lại chiêm bao thấy trong chiêm bao được bài kệ. Lại thấy trong chiêm bao được kinh pháp. Lại thấy được nghe tiếng pháp tạng. Lại thấy được nghe

tên Phật ở thế giới khác. Lại thấy được nghe tên Bồ tát ở cõi khác. Lại thấy mình vào đi trong biển. Lại thấy mình gom góp châu báu. Lại thấy mình ở đỉnh núi Tu Di. Lại thấy mình lên núi. Lại thấy mình lên đến đỉnh núi. Lại thấy mình lên trên cây. Lại thấy rồng voi. Lại thấy mình cỡi voi. Lại thấy mình cỡi ngựa. Lại thấy mình phát thệ nguyện chơn thật. Lại chiêm bao thấy cây có trái. Lại chiêm bao thấy cây có hoa. Lại chiêm bao thấy tòa thành chưa từng thấy. Lại chiêm bao thấy ao A Nậu. Lại chiêm bao thấy chư Thiên. Lại chiêm bao thấy rồng. Lại thấy mình đi ở Diêm Phù Đề khác. Lại tự thấy mặc bạch y. Lại thấy đầu mình đội tràng báu. Lại thấy vòng hoa ở trên đầu mình. Lại thấy mình lấy hoa để rải. Lại thấy mình đánh trống và người khác thổi nhạc. Lại chiêm bao thấy nhứt thực nguyệt thực. Lại thấy mình lấy đồ bất tịnh tự thoa vào thân mình. Lại thấy mình làm vua. Lại thấy mình làm phụ tướng của vua đi trong đại chúng. Lại thấy mình ngồi xe đi vào vườn rừng. Lại thấy địa phương, tụ lạc, Tăng phường, nhà phòng đại chúng chưa từng thấy. Lại thấy được lọng. Lại thấy mình vì nhiều người mà thuyết pháp. Lại thấy mình vào tụ lạc. Lại thấy mình xây cầu. Lại thấy mình tập họp ghe thuyền. Lại thấy mây sấm chớp. Lại thấy được

đạo và mặc giáp. Lại thấy được đồ khí cụ. Lại thấy mình dạy đạo cho chúng sanh. Lại tự thấy vào trong vườn rừng. Lại thấy những đồng lúa. Lại thấy mình trị bệnh cho chúng sanh. Lại thấy được nghe tiếng thọ ký. Lại chiêm bao thấy mình giác ngộ đạo lý. Lại thấy được bình đầy. Đó gọi là một trăm lẻ tám tướng.

Này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy đức Như Lai che đầu mà ngồi, người này trước kia thấy thiện tri thức tu tập nghiệp lành thuyết pháp lại gây ra những sự lưu nạn cho thiện tri thức ấy. Người này nay cần phải dùng tâm vô ngại tu tập những sự kiện cần cho công việc thuyết pháp.

Nếu chiêm bao thấy đức Như Lai ngồi xây lưng lại, người này ngày trước làm lưu nạn với người xuất gia, gây lưu nạn cho người nghe pháp. Nay người này cần phải siêng sắp đặt chỗ ngồi thuyết pháp, khuyến khích nhiều người nghe pháp, thì trừ được nghiệp chướng ấy. Đó là tướng ban đầu của bực Thất địa, cũng là tướng của các bực từ Sơ địa đến Thất địa.

Nếu chiêm bao thấy tượng Phật bằng đất hồ, đây là tướng Sơ địa của hàng Bồ tát. Người này trước kia có lúc chê bai pháp sư thuyết pháp. Người này nay phải ở trước kinh và tượng Phật,

hoặc tháp Phật, dùng tâm vô ngại đầu đội đèn cúng dường để trừ sạch nghiệp chướng.

Nếu thấy tượng Phật vẽ, đây là thấy tướng trong các bức Ngũ địa Bồ tát. Người này nên đem hương hoa cúng dường tượng Phật. Nếu thấy cúng dường Phật tượng đó là thấy tướng của các bức Lục địa Bồ tát.

Nếu chiêm bao thấy đức Như Lai đi, người này phải siêng tu tinh tấn, học tập đọc tụng. Đây là tướng của bức Tam địa Bồ tát. Người này phải thường làm pháp thí, lại phải quét tháp Phật phá trừ kiêu mạn, dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng.

Chiêm bao thấy các vị Bồ tát đến chỗ đức Phật, đó là tướng gì?

Thấy đức Như Lai hướng đến chỗ ăn, đây là tướng Sơ địa. Thấy đức Như Lai hướng đến chỗ kinh hành, đây là tướng Nhị địa. Thấy đức Như Lai hướng đến chỗ thuyết pháp, đây là tướng Tam địa. Thấy đức Như Lai ngồi yên lặng, đây là tướng Tứ địa. Thấy đức Như Lai ngồi chỗ vắng vẻ, đây là tướng Ngũ địa. Thấy đức Như Lai ngâm vịnh, đây là tướng Lục địa. Thấy đức Như Lai chạy mau, đây là tướng Thất địa. Thấy đức Như Lai hiện thân thông, đây là tướng Bát địa. Thấy đức Như Lai biến hóa, biến hóa đi, đây là

tướng Cửu địa. Thấy đức Như Lai đang đi ngoài ngõ lại cùng nói pháp Không, đây là tướng bực Thập địa Bồ tát.

Này Kim Cang Tôi! Nếu chiêm bao tự biết mình vì chúng sanh thuyết pháp mà chẳng biết pháp được thuyết, đây là tướng Nhị địa. Người này sau lúc đức Như Lai nhập Niết bàn, chê bai pháp sư thuyết pháp mà chẳng tự biết lỗi. Người này nên tìm thiện trí thức để cúng dường lắng nghe pháp lành chẳng tìm lỗi của pháp sư, dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng.

Nếu chiêm bao nghe Phật nói về bố thí, đây là tướng Sơ địa. Nghe Phật nói trì giới, đây là tướng Nhị địa. Nghe Phật nói nhẫn nhục, đây là tướng Tam địa. Nghe Phật nói tinh tấn, đây là tướng Tứ địa. Nghe Phật nói thiền, đây là tướng Ngũ địa. Nghe Phật nói bát nhã, đây là tướng Lục địa. Nghe Phật nói đại bi, đây là tướng Thất địa. Nghe Phật nói vô ngại, đây là tướng Bát địa. Nghe Phật nói tam muội, đây là tướng Cửu địa. Nghe Phật nói thành tựu trí lực, đây là tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tôi! Trong chiêm bao thấy đức Phật dùng thân thông đi trong hư không, đây là tướng Thất địa. Nghe Phật thọ ký, người này phải thường tôn trọng tu tập yên lặng thành tựu

pháp nhãn thậm thâm, được như vậy thì mau thành Chánh giác.

Thấy đức Như Lai ở trong hư không, đây là tướng Sơ địa. Thấy Như Lai ăn, đây là tướng Nhị địa. Thấy quang minh của Phật, đây là tướng Tam địa. Thấy Phật thuyết pháp, đây là tướng Tứ địa. Thấy Phật hiện thân thông, đây là tướng Ngũ địa. Thấy Phật nhập tam muội, đây là tướng Lục địa. Thấy Phật phóng quang đi lại trong hư không, đây là tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy đức Phật nhập Niết bàn, người này đời trước hủy báng chánh pháp, xuất gia cầu lợi dua dối. Nay người này phải siêng cúng dường Tam Bảo, phụng thí người thuyết pháp. Ngày ba thời nhứt tâm tinh tấn như vậy để trừ sạch nghiệp chướng thấy những tướng của các bậc Ngũ địa trước.

Nếu chiêm bao thấy trà tỳ thân Như Lai, đây là tướng Sơ địa, người này đời trước là ác khẩu tri thức thấy người hủy báng chánh pháp mà tùy hỷ, người này phát tâm Bồ đề chẳng được lâu, người này phải cầm đèn ở trước người thuyết pháp hoặc ở trước tháp Phật nhứt tâm sám hối trong bảy ngày bảy đêm. Mỗi ngày ba thời khuyên mọi người nghe pháp, dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được xá lợi của Như Lai, đây là tướng Tam địa Bồ tát. Chiêm bao thấy gân gủi đức Như Lai nghe thọ ký được độ, đây là tướng những địa khác.

Chiêm bao thấy được tóc của Như Lai, đây là tướng Sơ địa. Thấy được móng của Như Lai, đây là tướng Nhị địa. Thấy được xá lợi của Phật, đây là tướng Tam địa. Thấy được răng của Phật, đây là tướng Tứ địa. Thấy được răng nanh của Phật, đây là tướng Ngũ địa. Thấy được bạch hào của Phật, đây là tướng Lục địa. Thấy được tay của Phật, đây là tướng Thất địa. Thấy được mào của Phật, đây là tướng Bát địa. Thấy trà tỳ thân Như Lai mà toàn thân chẳng tan rã, đây là tướng Cửu địa. Thấy toàn thân của Như Lai, đây là tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được tóc của Như Lai chẳng tan rời, đây là tướng Cửu địa Bồ tát. Chiêm bao thấy ở trước Phật thọ Bồ đề ký thì trừ được nghiệp chướng sanh tử.

Thấy được tóc của Phật lúc còn tại gia, đây là tướng Sơ địa. Thấy được tóc của Phật lúc đã xuất gia, đây là tướng Nhị địa. Thấy ở trong chợ được tóc của Phật, đây là tướng Tam địa. Thấy ở trong thành được tóc của Phật, đây là tướng Tứ địa.

Thấy ở thành nội được tóc của Phật, đây là tướng Ngũ địa. Thấy ở thành ngoại được tóc của Phật, đây là tướng Lục địa. Thấy ở trong vườn nhà được tóc của Phật, đây là tướng Thất địa. Thấy ở trên xe được tóc của Phật, đây là tướng Bát địa. Thấy ở hư không được tóc của Phật, đây là tướng Cửu địa. Thấy ở trong tam muội được tóc của Phật, đây là tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy tháp Phật, đây là tướng nghiệp chướng ít, có chút ít ma nghiệp, nếu gần gũi thiện hữu khéo hiểu pháp nhãn được đà la ni. Đây là tướng của tất cả mười địa.

Thấy tháp Phật bằng đất, đây là tướng Sơ địa. Thấy tháp Phật bằng đá, đây là tướng Nhị địa. Thấy tượng Phật bằng đất bằng đá, đây là tướng Tam địa. Thấy tháp Phật có lan can, đây là tướng Tứ địa. Thấy tháp Phật có cột đá bao quanh, đây là tướng Ngũ địa. Thấy tháp Phật lợp bằng vàng, đây là tướng Lục địa. Thấy tháp Phật bằng bảy báu, đây là tướng Thất địa. Thấy lưới linh báu che trùm trên tháp Phật, đây là tướng Bát địa. Tướng thấy này nếu mới lên Thất địa mà thấy thì là nghiệp ma của chánh giác. Còn nếu Cửu địa và Thập địa mà thấy thì là thấy chẳng điên đảo.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy tháp Phật trang nghiêm, chẳng bao lâu giác ngộ đạo Bồ đề, được chư Thiên nhớ tưởng. Đây là tướng của Bồ tát đệ Bát địa. Chiêm bao thấy tháp thần thông của Như Lai, đời này sẽ sạch hết nghiệp chướng. Đây là tướng của Bồ tát đệ Bát địa.

Nếu Bồ tát tưởng nhớ: Đây nên rời ác tri thức, nên Sơ trụ thì tu tập tín tâm, Nhị trụ thì tu tập trí, Tam trụ địa thì tu tập nhiều về tín giải, Tứ trụ địa đã lâu tu hành, Ngũ trụ địa tu tịnh tín giải, Lục trụ địa tu tập tâm bình đẳng, Thất trụ địa hiểu đệ nhất nghĩa, đệ Bát địa tu tập trang nghiêm Phật độ, Cửu địa thì thọ trì, Thập địa thì chẳng điên đảo.

Nếu an trụ các trụ địa khác, thì nên biết đó là ma nghiệp. Nếu là người đệ Thất trụ địa thì chẳng thể khi dối được, nhưng không có thiện xảo phương tiện.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao nghe tiếng nói của Như Lai mà chẳng thấy thân hình, đây là tướng Tứ địa Bồ tát. Bởi an trụ bực tự tại địa phá hoại chúng sanh thấy Phật địa, xuất gia mà dua dối thuyết pháp. Người này phải ngày ba thời, đêm ba thời tu tập tâm thanh tịnh để trừ sạch nghiệp chướng.

Nếu chiêm bao thấy cúng dường đức Như Lai, đây là tướng Sơ địa nhân đến Cửu địa Bồ tát. Bồ

tát như vậy có thể thành tựu đà la ni, được chư Phật hộ niệm. Bồ tát này nên tu tập tâm bình đẳng, được như vậy sẽ mau thành đạo quả vô thượng.

Nếu chiêm bao thấy đứng cúng dường đức Như Lai, đây là tướng của Sơ địa Bồ tát. Nếu thấy ngồi cúng dường Phật, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy trang nghiêm cúng dường Phật, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy cùng quyến thuộc đồng cúng dường Phật, đây là tướng Tứ địa. Thấy cùng chúng đồng đồng cúng dường Phật, đây là tướng Ngũ địa. Thấy cùng quyến thuộc và chúng đồng đồng cúng dường Phật, đây là tướng Lục địa. Thấy tất cả trang nghiêm thành tựu cúng dường Phật, đây là tướng Thất địa Thấy ca ngợi cúng dường Phật, đây là tướng Bát địa. Thấy hiện thân thông cúng dường Phật, đây là tướng Cửu địa. Biết rõ tất cả ma sự.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy mình đem vòng hoa và bột hương chiên đàn cúng dường tháp Phật, đây là thấy tướng của Sơ địa đến Ngũ địa. Đây là lúc trước ít thực hành Bồ thí ba la mật. Sau khi thức giấc nhớ lấy tướng ấy sanh trưởng tâm Bồ thí, đây là tướng Sơ địa. Sanh trưởng tâm trì giới, đây là tướng Nhị địa. Sanh trưởng tâm nhẫn nhục, đây là tướng Tam địa. Sanh trưởng tâm tinh tấn, đây là tướng Tứ địa.

Sanh trưởng tâm thiên, đây là tướng Ngũ địa. Sanh trưởng tâm vô ngại mau khắp đến tất cả bậc Bất thối chuyển địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy đức Như Lai mặc y dơ bẩn, người này có nhiều pháp chương. Nếu là Bồ tát đến bậc thành tựu thì trong chiêm bao ít khi mộng thấy thọ báo.

Chiêm bao thấy nghe pháp chưa từng được nghe, người này từng cúng dường nhiều đức Phật, nhiều đời làm thầy thuyết pháp. Đây là nói thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Đây là tu hành đúng như lời Phật dạy. Đây là mau giác ngộ đạo Bồ đề.

Nếu nghe đức Phật nói nhiều pháp, đây là tướng Sơ địa. Nếu nghe rồi có quan niệm thắc mắc còn muốn được nghe đức Phật nói lại, đây là tướng Nhị địa. Nếu nghe rồi dứt hết lòng nghi, đây là tướng Tam địa. Nếu nghe đức Phật nói đà la ni, đây là tướng Tứ địa. Nếu nghe nói tướng hảo của Phật, đây là tướng Ngũ địa. Nếu nghe Phật nói đệ Nhứt nghĩa đế, đây là tướng Lục địa. Nếu nghe Phật nói tất cả pháp, đây là tướng Thất địa. Tướng các địa như vậy nên biết.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy được pháp chưa từng học, học xong chẳng quên chẳng mất, chẳng thấy hoặc quên mất. Người này

đời trước vì tâm lợi dưỡng chẳng thanh tịnh mà thuyết pháp. Nay phải dùng tâm thanh tịnh cung cấp nhiếp thủ người học đạo, dùng tâm chẳng dua vạy tìm cầu tất cả vật dụng cung cấp cho người thuyết pháp người học đạo, dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng. Nếu chiêm bao nghe pháp chẳng quên, đây là tướng Sơ địa. Nếu thức dậy quên mất, đây là tướng Nhị địa. Do đây mà biết nghiệp ma nghiệp chướng.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy vị pháp sư chưa từng thấy. Người này được chư Bồ tát nhớ tưởng, ít nghiệp chướng. Cứ theo chỗ được thấy mà biết là thấy tướng từ Sơ địa đến Lục địa Bồ tát.

Nếu thấy pháp sư ấy nói kệ chẳng nói kinh, đây là tướng Sơ địa. Nếu thấy nói kinh, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy nói kinh và nói kệ, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy nói các thứ pháp, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy nói pháp thậm thâm, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy nói pháp vô ngại, đây là tướng Lục địa.

Này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy mình ngồi pháp tòa thuyết pháp, người này đời trước đã từng vì đức Phật mà trải dọn pháp tòa, người này là pháp khí pháp nhẫn thậm thâm. Đây là tướng các địa từ Sơ địa đến Bát địa:

Nếu chiêm bao thấy mình ngồi pháp tòa thích thuyết pháp, đây là tướng Sơ địa. Nếu thấy chẳng phải thích thuyết pháp, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy nhân thích thuyết pháp, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy không biện thuyết, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy thuyết phạm phu giới, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy thuyết Thanh văn giới, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy thuyết Bồ tát giới, đây là tướng Thất địa. Nếu thấy thuyết Phật giới, đây là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu trong chiêm bao tự thấy biết mình được vô úy, Bồ tát này đã qua khỏi tất cả nghiệp chướng, đã quá Bát địa thấy các chỗ của Cửu địa:

Nếu chiêm bao thấy mình được vô sở úy, có nói ra được mọi người thích nghe, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu chiêm bao thấy được vô sở úy thuyết pháp được tài vật, đây là thấy tướng Nhị địa. Nếu thấy được pháp lợi vô sở úy, đây là thấy tướng Tam địa. Nếu thấy thiện tri thức vô úy, đây là tướng đệ Tứ địa. Nếu thấy tư duy thiện tâm vô úy, đây là thấy tướng Ngũ địa. Nếu thấy được thân an lạc vô úy, đây là thấy tướng Lục địa. Nếu thấy tâm an lạc vô úy, đây là thấy tướng Thất địa. Nếu thấy được thần thông vô úy, đây là thấy

tướng Bát địa. Nếu thấy được thọ ký vô úy, đây là thấy tướng Cửu địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy đạo tràng, Bồ tát này thuần thiện tâm hướng đạo bất thôi chuyển. Đây là thấy các tướng của Thập địa:

Nếu chiêm bao thấy đạo tràng chẳng thấy cây, đây là tướng Sơ địa. Nếu chiêm bao thấy cây đạo tràng chẳng thấy Bồ tát, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy nhiều cây bao quanh, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy lá cây đầy đủ tròn vẹn, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy tất cả lá cây đều đầy đủ, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy trái cây tròn vẹn, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy trái pháp tòa, đây là tướng Thất địa. Nếu thấy người vây quanh, đây là tướng Bát địa. Nếu thấy rồng vây quanh, đây là tướng Cửu địa. Nếu thấy chư Thiên vây quanh tán hoa nghe tiếng hoan hỷ, đây là tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy đức Như Lai kinh hành, Bồ tát này phải siêng tu tinh tấn: siêng bố thí, an ủi quyển thuộc chẳng tìm lỗi của họ. Người này chiêm bao thấy các tướng của Thất địa Bồ tát:

Nếu chiêm bao thấy Phật kinh hành chỗ đất chẳng sạch, đây là tướng Sơ địa. Nếu thấy Phật

kinh hành chỗ đất sạch sẽ, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy đức Phật trải tòa kinh hành, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy đức Phật ngồi lại, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy có cây bao quanh, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy có tán hoa, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy có che trên pháp tòa cao, đây là tướng đệ Thất địa Bồ tát.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy đức Như Lai chuyển pháp luân, đây là người ở bậc Bất thối chuyển thấy các tướng của Thất địa Bồ tát, đã sạch các nghiệp chướng:

Nếu chiêm bao thấy đức Phật ngồi, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu thấy đức Phật trải pháp tòa, đây là thấy tướng Nhị địa. Nếu thấy trải pháp tòa nhiều màu, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy tán hoa trên pháp tòa, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy các châu báu che lợp trên pháp tòa cao, đây là tướng Ngũ địa. Nếu nghe tiếng ca ngâm khen ngợi trong hư không, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy lọng trắng và lưới châu báu che phía trên, đây là thấy tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy tháp Phật nhập Niết bàn, Bồ tát này thấy các tướng Bát địa, gần đạo quả vô thượng nghiệp chướng ít:

Nếu thấy bụi đất bám vào tháp, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu thấy tháp sạch sẽ không bụi, đây là thấy tướng Nhị địa. Nếu trên tháp có mọc cỏ, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy cỏ xanh trùm trên tháp, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy các cây hoa bao quanh tháp, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy các cây hoa cây quả bao quanh tháp, đây là tướng Lục địa. Nếu nhiều hạng chúng sanh vây quanh, đây là tướng Thất địa. Nếu thấy phan lọng trang nghiêm tháp Phật, đây là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy được y của Như Lai, Bồ tát này thấy các tướng từ Sơ địa đến Bát địa, nghiệp chướng ít. Bồ tát này phải siêng tu để thành tựu trí niệm Phật:

Nếu thấy được y dơ bẩn của Như Lai, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu thấy được y sạch sẽ của Như Lai, đây là thấy tướng Nhị địa. Nếu thấy được y của Như Lai nhuộm xong, đây là thấy tướng Tam địa. Nếu thấy được y của Như Lai đập nện xong, đây là thấy tướng Tứ địa. Nếu thấy được y phóng quang của Như Lai, đây là thấy tướng Ngũ địa. Nếu thấy được một cái y của Như Lai, đây là thấy tướng Lục địa. Nếu thấy được ba cái y của Như Lai, đây là thấy tướng Thất địa, tướng tinh tấn, tướng chẳng tinh tấn. Bồ tát này trừ ma nghiệp mà có còn chỗ nghỉ.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được bát của Như Lai, Bồ tát này được Phật hộ niệm. Đây là thấy tướng từ Sơ địa đến Bát địa Bồ tát. Bồ tát này là pháp khí văn huệ tu trí nhẫn, không nghiệp chướng, như vậy là thẳng đến đạo vô thượng:

Nếu thấy được Phật bát dơ không sạch, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu thấy được Phật bát không và sạch sẽ, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy được Phật bát đầy thức ăn, đây là thấy tướng Tam địa. Nếu thấy được bát Phật đầy hoa, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy được bát Phật đầy quả, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy được bát Phật đầy cơm, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy được bát Phật đầy hương, đây là thấy tướng Thất địa. Nếu thấy được bát Phật đầy vòng hoa và hương, đây là thấy tướng Bát địa. Nếu thấy được y và bát của Phật, đây là thấy tướng Cửu địa. Nếu thấy ở trên hư không được bát Phật, đây là thấy tướng Thập địa. Bồ tát này phải biết rõ ma nghiệp để trừ nghiệp chướng lúc ban sơ phát tâm chẳng siêng tu.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy một đức Như Lai, người này phải ở yên tĩnh chuyên tu Không tam muội. Người này có nghiệp chướng tạp của Bát địa, phải siêng tu tâm thanh tịnh.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy thân Như Lai ở trong chúng đông, Bồ tát này phải ưa thích nhiếp thủ nhiều người. Bồ tát của các địa thấy tướng này phải siêng tinh tấn hành đạo:

Nếu thấy các hàng cư sĩ vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Sơ địa. Nếu thấy quan liêu quyền thuộc của vua vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Nhị địa. Nếu thấy hàng Bà la môn vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Tam địa. Nếu thấy vua vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Tứ địa. Nếu thấy rồng vây quanh Như Lai, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy Tứ Đại Thiên Vương vây quanh Như Lai, đây là tướng Lục địa. Nếu thấy Thiên Đế Thích vây quanh Như Lai, đây là tướng Thất địa. Nếu thấy Phạm Thiên vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Bát địa. Nếu thấy Tịnh Cư Thiên vây quanh Như Lai, đây là tướng Cửu địa. Nếu thấy chư Bồ tát vây quanh Như Lai, đây là thấy tướng Thập địa. Bồ tát này trừ được ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được lọng của Như Lai, Bồ tát này ở bậc tối hậu thấy các tướng của các địa Bồ tát, hiểu ma nghiệp và tạp nghiệp, cầu lợi dưỡng mau xu hướng đạo vô thượng:

Nếu thấy được lọng bằng lá cây bằng cỏ, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy lọng bằng trúc, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy lọng bằng vỏ cây hoa, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy lọng lớn, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy lọng bằng sắt lá, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy lọng bằng đồng, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy lọng bằng vàng, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy lọng bằng bảy báu, đây là thấy tướng Bát địa. Thấy lọng có lưới linh rủ thòng xuống, đây là thấy tướng Cửu địa. Bồ tát này nên biết ma nghiệp thuộc Lục địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy giày da của Như Lai là thấy tất cả tướng của Thập địa. Bồ tát này phải siêng tinh tấn tu tập xu hướng đạo Bồ đề. Bồ tát này thuộc về hàng được thọ ký:

Nếu đến trong thôn xóm thấy giày Phật, đây là thấy tướng Sơ địa. Trong Tăng phòng thấy giày Phật, đây là tướng Nhị địa. Trong vườn nhà thấy giày Phật, đây là tướng Tam địa. Chỗ kinh hành thấy giày Phật, đây là thấy tướng Tứ địa. Trong phòng thấy giày Phật, đây là thấy tướng Ngũ địa. Trong chỗ tọa thiền thấy giày Phật, đây là thấy tướng Lục địa. Trong nước sông thấy giày Phật, đây là thấy tướng Thất địa. Trong núi thấy giày Phật, đây là thấy tướng Bát địa. Trên hư không thấy giày Phật, đây là thấy tướng Cửu địa. Nếu

chiêm bao thấy thần thông biến hóa thấy giày Phật, đây là tướng Thập địa. Bồ tát này trừ được ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy Phật ngồi, Bồ tát này thấy các tướng từ Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này phải thích tu hạnh tịch tịnh, ít nghiệp chướng chưa thành tựu công hạnh:

Chiêm bao thấy Phật không trải chỗ ngồi, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy Phật trải chỗ ngồi, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy Phật hiển hiện trải chỗ ngồi, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy Phật trải các pháp tòa để ngồi, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy Phật trải pháp tòa xong xuôi, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy Phật trải pháp tòa tốt, đây là tướng Lục địa. Bồ tát này phải biết rõ ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy dâng thức ăn cho Như Lai, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này phải siêng tinh tấn tu tập xu hướng đạo Bồ đề. Bồ tát này ít nghiệp chướng:

Thấy Phật vào nhà đứng mà dâng ăn, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy Phật ngồi trong nhà mà dâng ăn, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy Phật đứng ngoài ngõ mà dâng ăn, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy Phật ở trong chợ mà dâng ăn, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy Phật ở tại cửa thành

mà dăng ăn, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy Phật ở trong tầng phòng mà dăng ăn, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy Phật ở trong phòng mình mà dăng ăn, đây là thấy tướng Thất địa. Trừ ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình dăng y cho Như Lai, đây là thấy tướng từ Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này phải siêng tu Vô tướng tam muội xu hướng Bồ đề:

Thấy lòng cung kính dăng y cho Phật, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy dăng y trắng cho Phật, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy dăng y nhuộm rồi cho Phật, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy dăng y nhiều màu cho Phật, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy dăng y màu hoàng kim cho Phật, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy dăng y thất bửu cho Phật, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy dăng y màu thất bửu cho Phật, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy dăng thiên y cho Phật, đây là thấy tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình dăng hoa cho Như Lai, đây là thấy các tướng từ Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này nhiều nghiệp chướng, thiện căn khó sanh:

Nếu chiêm bao thấy dăng hoa Mạn đà la cho Phật, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy tán hoa dăng Phật, đây là tướng Nhị địa. Thấy đem các thứ hoa

nhieu màu dâng Phật, đây là tướng Tam địa. Thấy đem hoa đặt trên mình Phật, đây là tướng Tứ địa. Thấy mình cầm hoa đặt vào tay Phật, đây là tướng Ngũ địa. Thấy đem Thiên hoa dâng Phật, đây là tướng Lục địa. Trừ ma nghiệp, trừ hai thứ nghi hời của người mới hành đạo.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy vào núi, trong lòng sanh nghi ngờ, sanh hủy báng, phải biết người này nhiều nghiệp chướng, nhiều bệnh đau đớn, ít trí huệ. Người này phải phát khởi lòng không nghi ngờ đối với tất cả chúng sanh, dùng tâm này xu hướng Bồ đề.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình lỏa thể, phải biết mình không nghiệp chướng, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ở trong thành, tự thấy mình lỏa thể, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ở nơi a lan nhã, tự thấy mình lỏa thể, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy ở trong núi, tự thấy mình lỏa thể, đây là thấy tướng Tứ địa. Phải biết ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy mình đi qua bốn hướng đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, đây là thấy tướng Sơ địa. Người này bỏ thiện tri thức, ít trí huệ, giải đãi, nhiều lo, nhiều nã, bị nhiều người cười, nhiều bệnh đau đớn, tâm nhiều cuồng điên. Vì tu thiện căn mà

cầu xuất gia rồi trở lại hoàn tục, nghèo khổ không có của cải, nhiều bệnh, vì lợi dưỡng mà chê bai pháp sư, hủy báng chánh pháp chẳng tin chẳng hiểu. Người này phải phát khởi tâm chánh trực trở lại, gần gũi kính mến pháp sư, siêng tu tất cả tâm xả thí vô ngại, xu hướng Bồ đề. Người này nhận đến hiệu bực Lục địa, dùng tâm nhu nhuyễn trung thượng để tiêu trừ tội lỗi.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy đi qua phương chưa từng thấy, đây là thấy các tướng Tam địa. Người này có nghiệp chướng ma nghiệp, phải siêng tu căn thanh tịnh, cúng dường Tam Bảo, thấy tướng Sơ địa. Nếu siêng tu Không, thấy tướng Nhị địa. Nếu tu pháp nhẫn, thấy tướng Tam địa. Nhận đến an trụ Lục địa. Tự biết Bồ tát này là người từ Sơ địa ra, có nhiều thiện căn cũng có nhiều bất thiện căn. Người này xả mạng chẳng sanh lòng sầu não, bỏ ác tri thức, gần gũi người tin hiểu biết chánh pháp, không gian nguy. Như vậy thì trừ sạch được nghiệp chướng. Nếu là người vì lòng gian trá mà trộm pháp, thì phải thường gần gũi thiện tri thức.

Người này chiêm bao thấy mình đi trong nước đục, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy mình đi trong bọt nước đục, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy mình ở trong nước sâu mà đi, đây là thấy tướng

Tam địa. Thấy mình đi trong nước cạn, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy mình đi trong nước trong, đây là thấy tướng Ngũ địa.

Lại này Kim Cang Tôi! Chiêm bao thấy nổi mây tuôn mưa, đây là thấy tướng từ Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này nhiều ma nghiệp vì dùng sức tự tại mà khuấy phá pháp sư. Đòi trước xuất gia, vì lợi dưỡng mà quở rầy pháp sư. Nếu pháp sư theo pháp khuyên sám hối, lại thường chống trái lời dạy bảo. Người này phải siêng tu hạnh nhẫn nhục, sanh lòng tín giải, rời lìa lợi dưỡng, chuyên làm lợi cho người khác. Dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng.

Nếu chiêm bao thấy bụi đất mây mưa, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy mây đen, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy mây cuồn cuộn, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy mây sấm nổ, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy mây chớp kinh sợ, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy mưa đá, đây là thấy tướng Lục địa. Ma nghiệp thuộc mỗi mỗi địa nên biết.

Lại này Kim Cang Tôi! Nếu chiêm bao thấy đất lay động, đây là thấy tướng Sơ địa. Người này từ lâu thực hành sơ nghiệp, nhiều sơ nghiệp, nhiều chướng sơ nghiệp làm khủng bố chúng sanh. Người này phải tu hạnh vô úy ban bố cho

chúng sanh, giữ gìn ba nghiệp thân khẩu ý. Dùng đây để trừ sạch nghiệp chướng.

Nếu chiêm bao thường thấy đất lay động, đây là thấy tướng Sơ địa sơ nghiệp. Thấy đất lay phá thành trì đốt cháy nhưn chúng, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy đất lay động thật lâu, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy mình phát thệ nguyện chơn thật, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy ma nghiệp là tướng Ngũ địa, Lục địa. Thấy siêng tu tổng trì, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy chư Thiên đại oai đức đều đến hội họp, đây là tướng Bát địa. Thấy các rồng đến tăng thêm khí lực, đây là thấy tướng Cửu địa. Thấy Phạm Thiên đến, đây là thấy tướng Thập địa. Chiêm bao nghe lời nói bí mật của Như Lai cõi đất lay động, thuộc về tướng các địa nên biết.

Lại này Kim Cang Tò! Nếu chiêm bao thấy mình ở trong nhóm tranh cãi kiện cáo, đây là thấy tướng nghiệp chướng của Tứ địa trở lại. Hoặc thấy tướng ma nghiệp của các địa trên hẳn đến Thất địa. Người này chẳng siêng tu tập nhiếp thủ hàng phục người phi pháp. Đòi trước vì lợi dưỡng mà chống trái người thuyết pháp, lại gian trá thuyết pháp để tự sanh sống. Người này phải học phương tiện, phải khéo tu sáu ba la mật để trừ sạch nghiệp chướng:

Nếu thấy ở trong nhóm tranh cãi kiện cáo, bị giận quả rồi có lòng kinh sợ, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy bị dao chém, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy bị ném đất gậy đánh, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy bị mắng nhiếc, đây là thấy tướng nghiệp chướng ma nghiệp của Tứ địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao tự thấy mình bệnh, đây là thấy tướng nghiệp chướng của Sơ địa, Nhị địa. Người này trước kia làm nhiều sự gian nan cho thế gian và xuất thế gian. Muốn pháp thí nhiều nhưng lại đoạn tuyệt. Muốn tài thí nhiều nhưng rồi cũng lại đoạn tuyệt. Người này phải nên cung cấp cho người tu hành chánh pháp, phải tu tâm vô ngại, tâm chẳng phóng dật, tâm chẳng kiêu mạn, để tiêu trừ nghiệp chướng. Nếu thấy bệnh thuộc về tướng các địa khác, phải biết tướng ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy rơi xuống núi không nơi nương dựa. Người này đời trước ở nơi tâm lạnh lại chuyên gian trá, nhiều chẳng tin hiểu, nhiều nghiệp chướng, ma nghiệp tăng thịnh thân tâm kém yếu, thọ pháp mau được nhưng lại quên mất, sanh tâm dục lạc giữa chừng buông bỏ. Hoặc thấy của nhiều mà bỏ lìa. Hoặc thấy Phật pháp mà bỏ lìa. Bỏ lìa nhẫn nhục. Gắn gũi ác hạnh, chẳng gần pháp lành. Ở bên người

sâu tín giải mà chẳng sanh tín giải. Người này thấy tướng nghiệp chướng của Sơ địa, Nhị địa.

Nếu chiêm bao thấy mình đi trong núi đao, đây là thấy tướng nghiệp chướng Sơ địa. Thấy mình té trong núi đá, đây là thấy tướng Nhị địa. Ở địa khác không nghiệp chướng, không ma nghiệp, phải sanh lòng tin, trong thời gian ba tháng, ngày ba thời, đêm ba thời luôn sám hối. Phải quán pháp như duyên của thế gian, phải tu hạnh cúng dường. Dùng đây để tiêu trừ nghiệp chướng.

* Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình bị trời đem giết, người này ma nghiệp quá thanh, chẳng phải nghiệp chướng. Người này phải tu vô ngại định và tu từ tâm để trừ chướng ấy. Người này thấy tướng nghiệp chướng của Sơ địa đến Lục địa:

Nếu chiêm bao thấy bị trời tại trong rừng tử thi, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy bị trời có hàng xóm vây quanh, đây là thấy tướng Lục địa. Ma nghiệp này do vì chẳng siêng tu, phải vì đạo vô thượng mà tán tu tăng thượng.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao tự biết mình ở trong chỗ có đao, đây là thấy tướng nghiệp chướng của Sơ địa đến Ngũ địa. Người

* Hán bộ quyển thứ 16.

này nhiều ác tri thức, nhiều gian nan, đời trước từng ở bực trên làm khổ người trì giới. Người này phải tu yên tĩnh, không giận hờn, không lòng chướng ngại, chuyên siêng làm lợi cho người, để tiêu trừ nghiệp chướng.

Chiêm bao thấy người cầm các thứ dao, tự thấy mình ở trong đó, đây là thấy tướng nghiệp chướng của Sơ địa. Thấy người cầm một con dao, thấy mình ở trong đó, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy người cầm gậy gộc, thấy mình ở trong đó, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy người cầm đá, thấy mình ở trong đó, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy đứng trong nhóm người tay không, đây là thấy tướng Ngũ địa. Tiêu trừ ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy mình ở trong hư không, người này ở bực Tín địa được Vô sanh pháp nhẫn. Người này được chư Thiên hộ niệm. Người này phải tu oai nghi tốt, phải thường tu tinh tấn, khuyên chúng sanh phát tâm cầu đạo vô thượng. Người này thấy các tướng từ Sơ địa đến Thất địa:

Nếu chiêm bao thấy mình ở trong hư không đi đứng, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ở trong hư không thấy tiên nhọn, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy Sa môn, đây là thấy tướng Tam địa.

Thấy rồng, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy chur Thiên, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy Phạm Thiên, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy Bồ tát hoặc thấy Như Lai, đây là thấy tướng Thất địa. Tiêu trừ ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy mình cầm đuốc, đây là thấy tướng Sơ địa đến Ngũ địa. Bồ tát này phải siêng tu minh huệ, chẳng kể thân mạng, chẳng màng uống ăn, phải hành thiền, chẳng sanh nghi hối, phải tinh tấn như vậy.

Nếu trụ Sơ địa, phải tu đôi trị. Nếu trụ Nhị địa, phải tu thiên. Nếu trụ Tam địa, phải tu từ. Nếu trụ Tứ địa, phải tu bi. Nếu trụ Ngũ địa, phải tu xả.

Lại nếu trụ Sơ địa, phải tu niệm Phật để thấy sáng. Nếu trụ Nhị địa, phải tu phóng giải. Nếu trụ Tam địa, phải tu văn huệ. Nếu trụ Tứ địa, phải tu thọ trì. Nếu trụ Ngũ địa, phải tu Không. Như vậy thì được trí huệ sáng.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy Bồ tát rời cung vượt thành, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Người này tăng gia tinh tấn được bất thối chuyển ở tại hàng được thọ ký Vô thượng Bồ đề, mau gần đạo vô thượng.

Nếu chiêm bao thấy Bò tát đi bộ ra khỏi cung thành, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ngòai xe bò đi ra, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ngòai xe ngựa đi ra, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy ngòai xe voi đi ra, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy ngòai xe người kéo mà ra khỏi cung thành, đây là tướng Ngũ địa. Thấy ngòai xe đi trong hư không mà ra, đây là thấy tướng Lục địa. Tiêu trừ ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy được kinh, đây là thấy các tướng Sơ địa đến Tam địa. Người này nhiều nhơn duyên hay hủy hay báng, nhiều gian nan. Người này phải nhứt tâm tu sám hối tội lỗi, thường tinh tấn tu hành.

Nếu chiêm bao thấy được kinh điển thế tục và kinh pháp Thanh văn, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy được kinh tương ưng với Đàn na ba la mật, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy được kinh tương ưng với pháp Đại thừa thậm thâm, đây là thấy tướng Tam địa, nhĩn đến Thất địa. Hoặc thấy chư Thiên trao cho, hoặc thấy Bò tát trao cho, hoặc thấy Như Lai trao cho.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao nghe tiếng công đức của chánh pháp, đây là thấy các tướng của Sơ địa đến Lục địa. Người này hiện tiền được tổng trì. Người này nghiệp chướng ít,

ma nghiệp thêm thanh. Người này phải bỏ thí pháp, chẳng tìm lỗi của người khác thì được thanh tịnh:

Chiêm bao nghe phát ra tiếng hương đà la ni, đây là tướng Sơ địa. Nghe văn tự đà la ni, đây là tướng Nhị địa. Nghe thơ tả đà la ni, đây là tướng Tam địa đến Lục địa. Người này chẳng nên tham luyến ba cõi, phải siêng tu ở riêng một mình. Người này nghiệp chướng ít, ma nghiệp ít, mà phiền não thêm thanh, phải nghe học nhiều pháp môn, phải tu thiên quán:

Nếu tương ưng Hữu giác hữu quán tam muội, đây là sơ trụ địa. Nếu tương ưng Vô giác thiếu quán tam muội, đây là tam trụ địa. Nếu tương ưng Vô giác vô quán tam muội, đây là tứ trụ địa. Tương ưng với Phạm xứ Không xứ tam muội, đây là ngũ trụ địa. Tương ưng với Hiện nhứt thân tam muội, đây là lục trụ địa. Tương ưng với Đại thân thông tam muội, đây là thất trụ địa. Tương ưng với Xuất sanh Phật trang nghiêm tam muội, đây là đệ bát trụ địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao nghe tiếng kinh Đại Phương quảng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này ít chướng mà chậm xu hướng đạo vô thượng. Bồ tát này phải tu pháp tín giải, quyết định nhẫn, siêng học hỏi tướng trì

giới, tôn trọng các bậc sư trưởng. Như vậy thì xu hướng Vô thượng Bồ đề:

Nếu chiêm bao nghe tiếng kinh Đán na ba la mật, đây là tướng Sơ địa. Nghe tiếng giới kinh, đây là tướng Nhị địa. Nghe tiếng nhân kinh, đây là tướng Tam địa. Nghe tiếng kinh tinh tấn, đây là tướng Tứ địa. Nghe tiếng kinh thiên, đây là tướng Ngũ địa. Nghe tiếng kinh Bát nhã ba la mật, đây là tướng Lục địa. Trừ người chẳng siêng tu tập và người được Phật hộ trì thiện tâm thành tựu.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao nghe tiếng nói tên Tỳ kheo thuyết pháp, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tứ địa. Bồ tát này nhiều gian nan, nhiều nghi hối, ít trí huệ. Người này phải y chỉ thiện tri thức, phải tu tâm vô ngại, phải phương tiện khuyên tất cả chúng sanh tu tâm không nghi hối. Như vậy thì được thanh tịnh.

Nếu chiêm bao thấy mình nghe tên pháp sư trước đã được nghe, đây là tướng Sơ địa. Nghe tên pháp sư chưa được thấy, đây là tướng Nhị địa. Nghe tên pháp sư ở thế giới khác, đây là tướng Tam địa. Nghe tên của Bồ tát Nhứt sanh bất tử, hoặc nghe tên của bậc ưa thích bậc địa trên, đây là tướng Tứ địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy mình được biện tài, đây là tướng Sơ địa đến Tam

địa. Bồ tát này là căn khí biện tài. Nếu xa lìa ba pháp sau đây thì mau được trí huệ sáng suốt. Một là thấy người được lợi mà ganh ghét, hai là vì lợi dưỡng mà gian trá, ba là vì lợi dưỡng mà gàn gũi. Phải xa lìa ba pháp ấy mới được lợi ích trí huệ biện tài:

Chiêm bao thấy mình nói ít kệ tụng, đây là tướng Sơ địa. Thấy hay nói các thứ kệ tụng, đây là tướng Nhị địa. Thấy nói kệ nghĩa thậm thâm, đây là tướng Tam địa, hay nói nhiều kệ về bực địa trên.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình được biện tài thuyết kinh, đây là tướng Sơ địa đến Bát địa. Người thấy tướng này là có nhiều công đức nhưn duyên, phải siêng tu giới đức, phải tu cúng dường thù thắng, cúng dường người giữ hạnh thanh tịnh, chẳng nên khinh mạn. Như vậy thì trong chiêm bao sẽ chịu nghiệp chướng, ít bị khổ báo. Người này phát sanh tứ biện tài của bực Sơ địa.

Chiêm bao thấy nói kinh Phương đẳng, đây là tướng Nhị địa. Thấy nói các thứ kinh, đây là tướng Tam địa. Thấy nói Nhưn duyên trước, đây là tướng Tứ địa. Thấy nói ba đời, đây là tướng Ngũ địa. Thấy nói ba la mật, đây là thấy tướng

Lục địa. Thấy nói kinh thậm thâm, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy nói tất cả quyết định, đây là thấy tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu trong chiêm bao nghe tiếng đà la ni, đây là thấy tướng từ Sơ địa đến Thất địa. Người này ít nghiệp chướng, bị các phiền não, phải hỏi bực trí giả pháp tu tịnh mặc được giải thoát:

Chiêm bao thấy ở trong thôn xóm nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Sơ địa. Thấy ở trong phòng nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Nhị địa. Thấy ở trong Tăng phòng nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Tam địa. Thấy ngồi ở a lan nhã nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Tứ địa. Thấy ngồi nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Ngũ địa. Thấy ở trong vườn nhà nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Lục địa. Thấy ở đỉnh núi nghe tiếng đà la ni, đây là tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu trong chiêm bao nghe danh hiệu của Như Lai ở thế giới phương khác từ nào chưa từng được nghe. Người này thấy tướng thọ ký của Sơ địa đến Bát địa. Vì kiêu mạn tự tại nên chẳng xu hướng đạo vô thượng, nhiều ma nghiệp, vì lợi dưỡng mà tu oai nghi bất tịnh, sau đó mới xu hướng đạo:

Chiêm bao thấy được nghe danh Phật phương khác, thấy tu rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy trì giới rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy nghe học rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy được phương tiện rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy nghi rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy được trí rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy thuyết pháp rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy thọ trì rồi kiêu mạn, đây là thấy tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu trong chiêm bao được nghe tiếng của Bồ tát nào đó ở thế giới nào đó, đây là thấy tướng Sơ địa đến Ngũ địa. Người này được Bồ tát ức niệm, ít phiền não, phải rời lìa kiêu mạn và khuyên nhiều người tu trí, như vậy thì được tương ưng.

Chiêm bao thấy được nghe tiếng Bồ tát nào đó ở thế giới nào đó, được đà la ni, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy xuất gia, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy khổ hạnh, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy đạo tràng hàng ma, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy đại giác ngộ, đây là thấy tướng Ngũ địa.

Nếu chiêm bao thấy được nghe tiếng Bồ tát nào đó ở thế giới nào đó, nghe nhiều, nghe thấy

bất định, thiện tâm yếu kém, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy trụ tại tâm nghi, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy thối tâm phóng dật, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy tăng thượng phóng dật, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy nhiều định, đây là thấy tướng Ngũ địa.

Lại này Kim Cang Tòì! Chiêm bao thấy ở trong biển, Bồ tát này tinh tấn. Đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này phải tu đa văn tinh tấn huệ giải.

Chiêm bao thấy ở trong biển không chỗ y chỉ, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ở bờ biển, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ngồi thuyền, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy đi qua, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy lên thuyền, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy ngồi trong nước, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy ngồi trong giữa thuyền, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy trong thuyền đầy châu báu mình ngồi trên đó muốn ra khỏi biển, đây là thấy tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tòì! Chiêm bao thấy chứa nhóm châu báu, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tam địa. Người này gặp nhiều khổ não. Phải thích tu tịnh nghiệp, chẳng tìm chỗ đỡ của người, biết ơn người thuyết pháp. Phải xu hướng như vậy.

Chiêm bao thấy đào đất được châu báu, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy được châu báu lộn trong đất, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy được châu báu lộn trong cỏ, đây là thấy tướng Tam địa. Đây là tướng ma nghiệp chẳng siêng tinh tấn, hoặc là tướng ma nghiệp chướng chẳng siêng tu phương tiện của Tứ địa đến Lục địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy có đánh núi Tu Di, người này bất thối chuyển. Đây là thấy tướng Sơ địa đến Ngũ địa. Người ấy có chút công đức, vì gần ác hữu gian trá không có tín tâm. Phải gần thiện tri thức tu chẳng gian trá, tu nhiều về tín giải. Phải xu hướng như vậy:

Chiêm bao thấy ở tại núi Tu Di, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Thấy ở tại đánh núi Tu Di, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy mình trông ra bốn phía, đây là thấy tướng Bát địa. Thấy mình ngồi trên đánh Tu Di, đây là thấy tướng Cửu địa. Thấy núi Tu Di lay động, đây là thấy tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy đi lên núi, đây là thấy tướng Sơ địa đến Ngũ địa, trừ hại tất cả phiền não nghiệp chướng, với người thuyết pháp chẳng có tâm cung kính. Người này phải tu chẳng siêng khức để trừ nghiệp chướng. Như vậy

thì xu hướng Bồ đề, thấy tướng Sơ địa thì ngày ba thời siêng tu tinh tấn. Thấy tướng Nhị địa thì siêng tu niệm Phật. Thấy tướng Tam địa thì tu Không tam muội. Thấy tướng Tứ địa thì tu đại bi. Thấy tướng Ngũ địa thì tu huệ.

Chiêm bao thấy đi lên núi, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ở giữa núi, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ở trên núi, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy đứng trên núi nhìn xem, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy ngồi trên núi, đây là thấy tướng Ngũ địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy đi lên núi, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này ít nghiệp chướng, mà ma nghiệp tăng thanh. Bồ tát này phải xả bỏ tất cả vật sở ái, cúng dường người có trí huệ. Ở bên người trí huệ phải đê đẹp kiêu mạn. Chiêm bao thấy đi lên bảy núi lớn nhần đến đi lên núi Tu Di, đây là thấy tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy trèo lên cây, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tứ địa, phải hiểu biết nghiệp chướng và ma nghiệp. Người này phải gần gũi y chỉ thiện tri thức, được trí huệ sáng suốt, luôn luôn phải quyết rõ pháp nghĩa. Như vậy thì xu hướng Vô thượng Bồ đề.

Chiêm bao thấy mình trèo lên cây đầy đủ nhánh lá râm mát, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy leo lên cây hương thọ, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy leo lên cây hoa thọ, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy leo lên cây quả thọ, đây là thấy tướng Tứ địa. Đây là thấy tướng siêng tinh tấn. Nếu chẳng siêng tinh tấn thì là ma nghiệp. Nếu thấy cây trên chỗ cao đầy đủ nhánh lá bông trái thì trừ được nghiệp chướng.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy long tượng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này thực hành bố thí mà chẳng thực hành huệ, thiếu kém thiện căn, cần phải tu tín căn, phải tu thiện niệm. Như vậy thì tương ứng với Sơ địa kia.

Chiêm bao thấy long tượng chẳng được sạch sẽ, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy bạch long tượng, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy bạch long tượng sáu ngà, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy trang nghiêm long tượng, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy long tượng cầm phan lọng, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy long tượng vui giỡn múa, đây là thấy tướng Thất địa.

Chiêm bao thấy mình trèo lên lưng long tượng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa, một đời sẽ được bực Như Lai Ứng Cúng, nhiều hy

vọng được nhập pháp trí. Bồ tát này phải siêng tu tinh tấn, khuyên người xa rời lừa dối gian trá, phải luôn tri túc và thích bố thí. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy trèo lên lưng voi, đây là tướng Sơ địa. Thấy mặc y trắng leo lên lưng voi, đây là tướng Nhị địa. Thấy mặc y nhuộm leo lên lưng voi, đây là tướng Tam địa. Thấy mặc y các thứ màu lên lưng voi, đây là tướng Tứ địa. Thấy mặc y nhuộm trang nghiêm đầy đủ lên lưng voi, đây là tướng Ngũ địa. Thấy đội mũ lên lưng voi, đây là tướng Lục địa. Thấy cầm lọng trang nghiêm lên lưng voi, đây là tướng Thất địa. Trừ được ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy leo lên lưng ngựa, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tứ địa. Bồ tát này phải y chí và tu Giới ba la mật. Người này ít nghiệp chướng mà nhiều ma nghiệp, phải siêng tu Không huệ, tu tín căn thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mình leo lên lưng ngựa đứng, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy lên lưng ngựa đi, đây là tướng Nhị địa. Thấy lên lưng ngựa chạy, đây là tướng Tam địa. Thấy lên lưng ngựa trang nghiêm, đây là tướng Tứ địa. Trừ được tăng thượng mạn ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mình phát thệ nguyện thành thật. Đây là tướng của tất cả địa, Sơ địa đến Thập địa. Người này nhiều nghiệp chướng, nhiều ma nghiệp. Bồ tát này phải làm việc thiện, tu tập Xuất sanh tam muội, phải chánh tu oai nghi, chẳng chứa nhóm nhiều thì trừ được nghiệp chướng.

Chiêm bao thấy mình phát thệ bồ thí thành thật, đây là tướng Sơ địa. Thấy phát thệ vì giải trừ hệ phược, đây là tướng Nhị địa. Thấy phát thệ vì giải trừ bệnh, đây là tướng Tam địa. Thấy phát thệ vì bồ thí, giải trừ hệ phược và giải trừ bệnh cho người trong thành trì, đây là tướng Tứ địa. Thấy phát thệ vì quốc vương, đây là tướng Ngũ địa. Thấy phát thệ vì Diêm Phù Đề, đây là tướng Lục địa. Thấy phát thệ vì bốn châu thiên hạ, đây là tướng Thất địa. Thấy phát thệ vì Tiểu thiên thế giới, đây là tướng Bát địa. Thấy phát thệ vì Đại thiên thế giới, đây là tướng Cửu địa. Chiêm bao thấy phát thệ, lúc mặt nhật mọc, đi dưới đất trời mưa thiên hoa, đây là thấy tướng Thập địa. Trừ được ma nghiệp từ Sơ địa đến Lục địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy cây có trái, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa, thành tựu đầy đủ pháp thọ ký. Bồ tát này phải tu

hạnh bố thí chẳng cầu báo, chánh trực chẳng tìm lỗi người khác. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy cây có ít quả, đây là tướng Sơ địa. Thấy cây có nhiều trái, đây là tướng Nhị địa. Thấy cây có trái đắng, đây là thấy tướng Tam địa, Tứ địa. Thấy dục thọ, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy Thiên thọ, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy cây có trái ngọt, đây là thấy tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tòì! Chiêm bao thấy cây có hoa, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này nên tu tập các thiện căn, chẳng gần gũi tứ chúng. Như vậy thì được xu hướng đạo vô thượng.

Chiêm bao thấy cây nhiều hoa không hương thơm, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy cây có hoa thơm, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy cây có nhiều hoa thơm, đây là tướng Tam địa. Thấy cây có hoa có trái xen tạp, đây là tướng Tứ địa. Thấy cây có hoa không có lá, đây là tướng Ngũ địa. Thấy Thiên hoa thọ, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy Bồ đề thọ, đây là thấy tướng Thất địa. Ngoại trừ người ở tại tay ác tri thức, giải đãi chẳng tinh tấn, có ma nghiệp của địa trên, đầy đủ tất cả kiến chấp.

Lại này Kim Cang Tòì! Chiêm bao thấy tòa thành chưa từng thấy, đây là thấy tướng Sơ địa

đến Lục địa. Bồ tát này có nghiệp chướng Vô sanh pháp nhẫn, phải trước tu tập kiên cố tam muội, Không tam muội, vô ngại tâm, tu khổ hạnh. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy thành trì mới xây cất, đây là tướng Sơ địa. Thấy tòa thành xây cất xong, đây là tướng Nhị địa. Thấy trong thành đường xá chợ búa đã hoàn thành, đây là tướng Tam địa. Thấy chỗ du hý đã hoàn thành, đây là tướng Tứ địa. Thấy ao nước đã hoàn thành, đây là tướng Ngũ địa và Lục địa. Ngoại trừ người ở tại tay của ác tri thức, giải đãi chẳng tinh tấn, có ma nghiệp địa trên và đầy đủ kiến chấp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy ao A Nậu Đạt, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này ít phiền não, mau xuất sanh huệ sáng. Nếu không gian trá, siêng tu tinh tấn chẳng đoái thân mạng, đem tất cả đồ cần dùng làm vừa ý người khác. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy bờ ao A Nậu Đạt, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy trong ao, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ao toàn diện, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy tay mình chạm mặt nước, đây là tướng Tứ địa. Thấy rửa tay, đây là tướng Ngũ địa. Thấy ngồi bên bờ ao, đây là tướng Lục địa. Thấy

A Nậu Long vương, đây là tướng Thất địa. Thấy vào long cung cho thêm khí lực, đây là tướng Bát địa. Trừ được ma nghiệp Cửu địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy Thiên tử, đây là thấy tướng các địa trên Ngũ địa. Bồ tát này ít nghiệp chướng, ít ma nghiệp như giọt nước rất nhỏ. Phải trong thời gian ba tháng siêng tu tịch tịnh trừ nghiệp chướng được sáng sạch. Như vậy, Bồ tát này phải niệm Phật mười phương, phải tu chẳng sâu nào.

Chiêm bao thấy Tứ Đại Thiên vương, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy Đạo Lợi Thiên tử, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy Đâu Suất Thiên tử, đây là thấy tướng Bát địa. Thấy Phạm Thiên Thiên tử, đây là thấy tướng Cửu địa. Thấy Tịnh Cư Thiên tử, đây là thấy tướng Thập địa. Sơ địa thì tương ưng tất cả, thấy ma nghiệp, thành tựu thiện tâm thấy tất cả Thập địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy rồng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa, sẽ thành tựu, thuận nhẫn. Bồ tát này dầu siêng tu tinh tấn, nhưng luôn luôn ngừng nghỉ, dầu siêng tu phương tiện nhưng lại hay buông bỏ. Bồ tát này có nhiều của cải phải đem cung cấp cho pháp sư, nhẫn đến vật sở ái cũng đem cho, sau đó mới xu hướng được đạo vô thượng.

Chiêm bao thấy ở trên núi thấy rỗng, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy ở đồng trống thấy rỗng, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy ở trên bờ ao thấy rỗng, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy ở trong rừng thấy rỗng, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy ở trong chỗ đông người thấy rỗng, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy ở trong thành vua thấy rỗng, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy có đông người vây quanh mà thấy rỗng, đây là tướng Thất địa. Thấy ở trong hư không thấy rỗng, đây là thấy tướng Bát địa. Trừ ma nghiệp, nghiệp chướng Sơ địa đến Lục địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy đi đến Diêm Phù Đề phương khác, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này nếu được pháp nhẫn thì ít có chướng, nếu chẳng siêng tu thì chẳng được nhẫn. Nếu giải đãi gian trá, nếu sanh tín căn thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mình đến Diêm Phù Đề phương khác, nếu chẳng thích thấy Diêm Phù Đề, đây là tướng Sơ địa. Nếu thích thấy, đây là tướng Nhị địa. Nếu thấy làng chợ thành ấp, đây là tướng Tam địa. Nếu thấy vườn nhà nhiều hoa, đây là tướng Tứ địa. Nếu thấy đại chúng vui mừng, đây là tướng Ngũ địa. Nếu thấy cùng nhau vui chơi, đây là tướng Lục địa. Trừ được ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mặc bạch y, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này nghiệp chướng thanh tịnh, ma nghiệp tăng thanh. Bồ tát này sanh tâm mến ưa chánh pháp, lại hay thôi giảm công đức, nhiều những gian nan. Bồ tát này chẳng nên lẫn tiếc tất cả vật, như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mặc y cũ tốt, đây là tướng Sơ địa. Thấy mặc y mới vạt dài, đây là tướng Nhị địa. Thấy y dài, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy y đã đập nện, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy y đã đập nện ủi, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy y đã được nhuộm, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy y màu voi trắng, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy thiên y, đây là thấy tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được vòng chuỗi báu choàng đầu, đây là thấy tướng Sơ địa đến Cửu địa. Bồ tát này không nghiệp chướng, không ma nghiệp, phải tự trách lỗi mình chẳng trách người, cầu pháp tu văn huệ, chẳng gây đấu tụng. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy được vòng chuỗi choàng đầu bằng một thứ báu, đây là tướng Sơ địa. Hai thứ báu đến bảy thứ báu, là tướng Nhị địa đến Thất địa. Thấy được vòng chuỗi báu ngọc ma ni

choàng đầu của Chuyển Luân Thánh Vương, đây là Bát địa. Thấy được vòng chuỗi choàng đầu cõi trời, đây là tướng Cửu địa. Trừ được ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy đầu mình đội vòng hoa, đây là tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này thật có nghiệp chướng. Nếu sơ trung hậu sanh tâm định thiện, xả thí tất cả vật chẳng sâu não thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy được vòng hoa một màu, là tướng Sơ địa. Thấy được vòng hoa màu xấu, là tướng Nhị địa. Thấy được vòng hoa nhiều màu, là tướng Tam địa. Thấy được vòng hoa tất cả thứ hoa, đây là tướng Tứ địa. Thấy được vòng hoa Long hoa, đây là tướng Ngũ địa. Thấy được vòng hoa Thiên hoa, đây là tướng Lục địa. Thấy được vòng hoa các thứ Thiên hoa, đây là tướng Thất địa. Thấy được vòng hoa đủ các thứ Thiên hoa đẹp, đây là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy lượm được các thứ hoa, đây là tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ Tát này phải khuyến hóa người tu tinh tấn. Nếu có thể lượm chẳng nên lấn hiếp người khác.

Chiêm bao thấy lượm được hoa có sắc không hương, đây là tướng Sơ địa. Thấy được hoa có sắc có hương, là tướng Nhị địa. Thấy được hoa màu

hoàng kim, là tướng Tam địa. Thấy được hoa nhiều loại màu, là tướng Tứ địa. Thấy được hoa thủy lục, là tướng Ngũ địa. Thấy được các loại hoa thủy lục, là tướng Lục địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy đánh trống là tướng Sơ địa đến Cửu địa. Bồ tát này nghiệp chướng ma chướng tăng thịnh, phải siêng tu đa văn tinh tấn, với tất cả chúng sanh có tâm bình đẳng. Như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy ở hư không đánh trống, là tướng Sơ địa. Thấy ở đất bằng đánh trống, là tướng Nhị địa. Thấy ở trong thôn xóm đánh trống, là tướng Tam địa. Thấy ở trong thành lớn đánh trống, là tướng Tứ địa. Thấy ở trong đại chúng đánh trống, là tướng Ngũ địa. Thấy ở trên nhà đánh trống, là tướng Lục địa. Thấy ở trong núi đánh trống, là tướng Thất địa. Thấy ở đỉnh núi Tu Di đánh trống, là tướng Bát địa. Thấy trong không gian phía trên núi Tu Di đánh trống, là tướng Cửu địa. Trừ được ma nghiệp siêng tu trí huệ.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy nhứt thực nguyệt thực, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này trước kia hủy diệt thiện pháp, nhiều phiền não gây ác nghiệp. Phải đem tất cả

vật sở hữu bố thí chẳng mong báo đền thì sẽ được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mặt nhụt mặt nguyệt mới mọc, đây là thấy tướng Sơ địa và Nhị địa. Thấy mây, là tướng Tam địa. Thấy mây nhóm lại, đây là tướng Tứ địa. Thấy mây tan, là tướng Ngũ địa. Thấy không có bụi mù, đây là tướng Lục địa. Thấy giờ mặt nhụt mặt nguyệt đứng ngay giữa trời, thì trừ được ma nghiệp nghiệp chướng.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy lấy vật dơ bẩn thoa trên mình, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tam địa. Bồ tát này đời trước mắng nhiếc Hiền Thánh, tập hạnh ác. Bồ tát này phải ở trong khoảng thời gian ba năm, ngày đêm sáu thời siêng tu tập sám hối, tự hậu chẳng có lòng khinh mạn người khác, phải tu tín giải nhiều, như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy lấy bùn xanh tự thoa vào thân, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy thoa nửa thân mình, là tướng Nhị địa. Thấy thoa khắp cả thân mình, là tướng Tam địa. Nhân đến Lục địa phải xét biết ma nghiệp.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy mình làm vua, đây là tướng Sơ địa đến Thập địa. Bồ tát này có thiện căn dày mà cũng nhiều gian nan,

chẳng nên trông người khác cúng dường, chẳng sanh lòng gian trá đối với người, tu tập hạnh chất trực bổ thí, mình có tri giới thì cùng người chung, chẳng tự khen, chẳng chê người, như vậy để xu hướng đạo Bồ đề.

Chiêm bao thấy mình làm vua, nếu thấy ở trong thôn xóm chỗ khùng bố, là người Sơ địa. Thấy ở trong tầng phòng, là tướng Nhị địa. Thấy ở trong vườn nhà, là tướng Tam địa. Thấy ở trong miếu thờ trời, là tướng Tứ địa. Thấy ở trong đại thành, là tướng Ngũ địa. Thấy ở trong núi, là tướng Lục địa. Thấy làm vua Diêm Phù Đề, là tướng Thất địa. Thấy làm Chuyển Luân Vương, là tướng Bát địa. Thấy ở trong biển, là tướng Cửu địa. Thấy ở tại đỉnh núi Tu Di, là tướng Thập địa. Trừ được ma nghiệp chẳng siêng tinh tấn. Phải thường niệm Phật và Bồ tát.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy ở trước vua, hoặc ở trước quan phụ tướng, hoặc ở trong đại chúng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa, những thứ phiền não. Bồ tát này phải giáo hóa chúng sanh, phải làm việc cúng dường, siêng tu tập thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy ở trước vua, hoặc quan, hoặc ở giữa đại chúng bổ thí, là tướng Sơ địa.

Thấy trì giới, là tướng Nhị địa. Thấy nghe pháp, là tướng Tam địa. Thấy thiên định, là tướng Tứ địa. Thấy thọ trì, là tướng Ngũ địa. Thấy thần thông, là tướng Lục địa. Thấy thuyết pháp, là tướng Thất địa. Thấy quyên thuộc thành tựu, là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy ngồi xe tại vườn tại rừng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Cửu địa. Bồ tát này chẳng biết là thế gian lợi dưỡng uống ăn, bị ma kéo trôi, ít nghiệp chướng. Phải cung cấp đồ cần dùng cho pháp sư. Phải tu tập tịch mặc. Như vậy mà xu hướng đạo Bồ đề.

Bồ tát này thấy tướng Sơ địa thì không trí, thấy tướng Nhị địa thì không huệ, thấy tướng Tam địa thì không trí quyết định, thấy tướng Tứ địa thì không trí thiên, thấy tướng Ngũ địa thì không trí vô ngại, thấy tướng Lục địa thì không trí xuất sanh, thấy tướng Bát địa thì không trí trang nghiêm, thấy tướng Cửu địa thì không nguyện trí.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy thôn xóm Tăng phòng như chúng chưa từng thấy, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này nhiều gian nan, phải thường niệm Phật thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy thôn xóm Tăng phòng như chúng, thấy mình ở trong đó tu tín tâm Bồ thí, tu tất cả tín giải, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy có việc làm, là tướng Nhị địa. Thấy trang nghiêm, là tướng Tam địa. Thấy trang nghiêm xong, là tướng Tứ địa. Thấy tứ chúng tụ hội, là tướng Ngũ địa. Thấy Thiên chúng, là tướng Lục địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy được lọng là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa, được Phật hộ trì. Bồ tát này nhiều gian nan, chẳng bị khuất phục, chẳng nên có ác ý với người thuyết pháp thì được thanh tịnh.

Thấy được lọng bông đẹp, là tướng Sơ địa. Thấy được lọng lưu ly, là tướng Nhị địa. Thấy được lọng và được hoa, là tướng Tam địa. Thấy được lọng cứng chắc, là tướng Tứ địa. Thấy được lọng cán có vôi vôi, là tướng Ngũ địa. Thấy được lọng có lưới linh, là tướng Lục địa. Thấy được lọng có lưới báu trùm rủ, là tướng Thất địa. Trừ được ma nghiệp chẳng siêng tinh tấn.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy thuyết pháp cho nhiều người, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thập địa. Bồ tát này phải biết ma nghiệp nghiệp chướng. Muốn được biện tài quyết định, phải đi ra tìm cầu, với tất cả đồ vật chẳng

nên mền luyện, với người cầu pháp thì sanh lòng tin thanh tịnh, tu giới lục hòa kính, như vậy thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy thuyết pháp về vấn đề “Thế nào tu hành bồ thí”, đây là thấy tướng Sơ địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào là mười pháp lành”, đây là thấy tướng Nhị địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào là nghe học”, đây là thấy tướng Tam địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào là hạnh đầu đà”, đây là thấy tướng Tứ địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về pháp Không”, đây là thấy tướng Ngũ địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về quả trách tập quán”, đây là thấy tướng Lục địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về không nhiễm trước”, đây là thấy tướng Thất địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về trang nghiêm định”, đây là thấy tướng Bát địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về trang nghiêm Phật”, đây là thấy tướng Cửu địa. Thấy nói về vấn đề “Thế nào nói về thời gian vi diệu”, đây là thấy tướng Thập địa.

Thấy tướng Sơ địa thì được thí tài, thấy tướng Nhị địa thì được giới tài, thấy tướng Tam địa thì được phương tiện tài, thấy tướng Tứ địa thì được đủ thất Thánh tài, thấy tướng Ngũ địa thì được phụng cấp tài, thấy tướng Lục địa thì được quyết đoán tài, thấy tướng Thất địa thì được quyết định

tài, thấy tướng Bát địa thì được thông vô ngại tài, thấy tướng Cửu địa thì được hành tài, thấy tướng Thập địa thì được đắc tài.

Sơ địa thì thiện căn tăng thượng, Nhị địa thì giới tăng thượng, Tam địa thì phương tiện tăng thượng, Tứ địa thì sở tác tăng thượng, Ngũ địa thì thập nhị môn duyên tăng thượng, Lục địa thì thậm thâm nhân tăng thượng, Thất địa thì hoại tướng trí tăng thượng, Bát địa thì hoại tướng giáo hóa chúng sanh tăng thượng, Cửu địa thì điều phục tăng thượng, Thập địa thì hoại tướng tịnh Phật quốc độ tăng thượng.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy thành quách mới lập, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa, thọ ký Bát thôi chuyển. Bồ tát này phải gần gũi cúng dường người thậm thâm tín giải nhiều quyết định. Bồ tát này nghi hỏi chứng pháp, phải cúng dường pháp sư để trừ nghi hỏi thì được thanh tịnh.

Trụ trong đó là tướng Sơ địa. Nghi đạo là được thành Phật hay chẳng được thành Phật, là tướng Nhị địa. Nghi trí giáo hóa chúng sanh, là tướng Tam địa. Nghi xuất sanh định, là tướng Tứ địa. Nghi trí ưng tác, là tướng Ngũ địa. Nghi đạo quả, là tướng Lục địa. Nghi xuất sanh, là tướng Thất địa. Nghi du hý, là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy cột bè đẽ qua dòng nước đục, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này nghiệp chướng và ma nghiệp tăng thạnh. Phải phát khởi tâm nguyện tăng thượng kiên cố chẳng hư hoại, hòa hiệp tương ưng vô sanh sáng sạch.

Nếu trí phương tiện gian nan, là tướng Sơ địa. Nếu muốn tu chánh cần mà thân giải đãi, là tướng Nhị địa. Nếu tâm phi thời, là tướng Tam địa. Hoặc trí phải thời, là tướng Tứ địa. Hoặc ít vô úy, là tướng Ngũ địa. Nếu giáo hóa gian nan, là tướng Lục địa. Nếu Phật pháp gian nan, là tướng Thất địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy ngồi thuyền, đây là thấy tướng Sơ địa đến Lục địa. Bồ tát này nếu bình đẳng hành sáu ba la mật có gian nan, thì nên hành sáu ba la mật vô y chỉ thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy làm thuyền chưa xong, là tướng Sơ địa. Thấy làm thuyền xong, là tướng Nhị địa. Thấy hai thuyền chung chỗ, là tướng Tam địa. Thấy cột hai thuyền lại, là tướng Tứ địa. Thấy đại chúng ngồi thuyền, là tướng Ngũ địa. Thấy vào trong thuyền rồi đi, là tướng Lục địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy mây sấm phóng chớp sáng, đây là tướng Sơ địa đến

Ngũ địa. Bồ tát này ít nghiệp chướng mà ma nghiệp tăng thạnh. Phải tu niệm lành, tu đà la ni, xả bỏ vật sở ái thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mây mưa sấm chớp mà kinh sợ, là tướng Sơ địa. Nếu chẳng kinh sợ, là tướng Nhị địa. Nếu ghi nhớ pháp, là tướng Tam địa. Nếu trụ đỉnh núi ghi nhớ là tướng Tứ địa. Nếu ở hư không ghi nhớ, là tướng Ngũ địa. Trừ được ma nghiệp. Nếu là các địa trên thì thấy rỗng đến tụ hội phụng sự việc làm mà chẳng kinh sợ.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy được dao trang nghiêm, đây là thấy tướng Sơ địa đến Tam địa. Bồ tát này nghiệp chướng và ma nghiệp tăng thạnh. Phải gạn gửi Nhẫn ba la mật, Tinh tấn ba la mật và Bát nhã ba la mật thì được thanh tịnh.

Chiêm bao được dao dơ bẩn, là tướng Sơ địa. Được dao không dơ bẩn, là tướng Nhị địa. Được dao bén, là tướng Tam địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy được khí vật, đây là thấy tướng Sơ địa đến Thất địa. Bồ tát này chẳng nứt định có ma nghiệp và nghiệp chướng, phải siêng thực hành tứ nhiếp pháp thì được thanh tịnh. Phải trừ sự thối thất của Lục địa để được tăng lên Thất địa.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy chỉ đường sá cho chúng sanh, đây là tướng của cả Thập địa. Tướng ấy hiện ra phải biết rõ nghiệp chướng và phiền não chướng. Phải gần gũi cúng dường pháp sư, xả bỏ tất cả vật, siêng tu tinh tấn xu hướng đạo vô thượng.

Chiêm bao thấy ngồi xe chuyển động trên đường, là tướng Sơ địa. Chỉ cho chúng sanh con đường đến vườn nhà, là tướng Nhị địa. Chỉ đường đến thành, là tướng Tam địa. Chỉ đường đến a lan nhã, là tướng Tứ địa. Chỉ đường vào núi, là tướng Ngũ địa. Chỉ đường đến biển, là tướng Lục địa. Chỉ đường lên trời, là tướng Thất địa. Chỉ đường Thanh văn, là tướng Bát địa. Chỉ đường Bồ tát, là tướng Cửu địa. Chỉ đường Phật, là tướng Thập địa. Rõ biết ma nghiệp, rõ biết phiền não nghiệp đây thì sáu địa trước không có lỗi vậy.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao thấy vào trong vườn vào trong rừng, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này trong chiêm bao bị ma nghiệp về phiền não nghiệp, trong chiêm bao thì kinh sợ, thức dậy thì sâu khổ. Phải tu pháp Không, nghe pháp thậm thâm, phải nín lặng rời lìa ngủ nghỉ. Phải gần gũi người quyết định nói đạo pháp thì được thanh tịnh.

Chiêm bao thấy mình thối thất ngôi vua mà sanh kinh sợ, đây là tướng Sơ địa. Thấy phá giới nên kinh sợ, là tướng Nhị địa. Thấy chánh pháp mất hết nên kinh sợ, là tướng Tam địa. Thấy pháp sư chết nên kinh sợ, là tướng Tứ địa. Thấy bị lửa đốt cháy nên kinh sợ, là tướng Ngũ địa. Thấy bị kinh sợ, là tướng Lục địa. Thấy rớt xuống núi kinh sợ, là tướng Thất địa. Thấy đức Phật nhập Niết bàn nên kinh sợ, là tướng Bát địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy đồng ngũ cốc, đây là thấy tướng Thất địa trở lên. Bồ tát này đời trước từng cúng dường chư Phật, nhiều gian nan, chẳng theo tất cả thế gian, chẳng nhìn chẳng bỏ, giữ gìn ba nghiệp.

Chiêm bao thấy mình gom lúa, là tướng Thất địa. Thấy mình gom lúa khắp Đại thiên, đây là tướng Bát địa. Thấy đồng ngũ cốc chín, là tướng Cửu địa. Thấy cắt lúa, là tướng Thập địa.

Lại này Kim Cang Tội! Chiêm bao thấy trị bệnh chúng sanh, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này ít nghiệp chướng, ma nghiệp tăng thạnh, phải tu đại bi, siêng khuyến hóa, chẳng sanh nghi hối thì được tương ưng.

Chiêm bao thấy trị bệnh trẻ con, là tướng Sơ địa. Thấy trị bệnh phụ nữ, là tướng Nhị địa. Thấy

trị bình người lớn, là tướng Tam địa. Thấy trị bình nhiệt, là tướng Tứ địa. Thấy trị bình bạch lại, là tướng Ngũ địa. Thấy trị bình tàn phế, là tướng Lục địa. Thấy trị bình càn tiêu, là tướng Thất địa. Thấy trị bình quý, là tướng Bát địa. Trừ được ma nghiệp. Phải tu tập hạnh nhân nhục, thành tựu tâm đại bi của Bồ tát.

Lại này Kim Cang Tồi! Chiêm bao nghe mình được thọ ký Bồ đề, đây là tướng của cả Thập địa, phải biết rõ ma nghiệp và nghiệp chướng.

Chiêm bao tự nghe được thọ ký đạo, là tướng Sơ địa. Thọ ký Bồ tát hạnh, là tướng Nhị địa. Thọ ký nhân, là tướng Tam địa. Thọ ký nguyện, là tướng Tứ địa. Thọ ký tam muội, là tướng Ngũ địa. Thọ ký huệ, là tướng Lục địa. Thọ ký phương tiện, là tướng Thất địa. Thọ ký Nhứt thiết trí vượt hơn bực Thanh văn, bực Bích chi Phật, là tướng Bát địa. Thọ ký Nhứt sanh bổ xứ, là tướng Cửu địa. Chiêm bao tự nghe được thọ ký Phật quán đảnh, là tướng Thập địa. Bồ tát này phải tu đại bi, Bát nhã ba la mật và thiện quyền phương tiện. Như vậy thì xu hướng đạo.

Lại này Kim Cang Tồi! Nếu chiêm bao thấy giác ngộ đạo Bồ đề, đây là thấy tướng Sơ địa đến Bát địa. Bồ tát này phải cảnh giác đại bi, phải

siêng tu tinh tấn tín tâm thiện tâm.

Thấy chân động Đại thiên thế giới, là tướng Cửu địa. Thấy phóng quang, chư Thiên to tiếng ca ngợi vui cười, là tướng Thập địa. Tướng ma nghiệp chẳng siêng tu tinh tấn từ Sơ địa đến Thập địa như vậy.

Lại này Kim Cang Tội! Nếu chiêm bao thấy được bình đây, đây là thấy tướng tất cả Thập địa, phải biết như thế này:

Nếu thấy ở trong xóm mà được, là tướng Sơ địa. Nếu thấy ở trong cửa mà được, là tướng Nhị địa. Nếu thấy ở trong đường mà được, là tướng Tam địa. Nếu thấy ở dưới cây mà được, là tướng Tứ địa. Nếu thấy đứng mà được, là tướng Ngũ địa. Nếu thấy ngồi mà được, là tướng Lục địa. Nếu thấy ở đầu đỉnh núi mà được, là tướng Thất địa. Nếu thấy ở hư không mà được, là tướng Bát địa. Nếu thấy lúc ăn mà được, là tướng Cửu địa. Nếu thấy trang nghiêm xe cộ, hoặc trong vườn nhà mà được, là tướng Thập địa. Đây là tướng ma nghiệp nghiệp chương của các địa, phải cảnh giác biết rõ, như vậy thì thanh tịnh xu hướng đạo Vô thượng Bồ đề.

Đức Thế Tôn nói kệ rằng:

Thấy được tướng như vậy

Quyết định không có nghi
Đại sĩ phải như vậy
Chớ thấy lỗi của người.
Đức của người khó lường
Biển lớn đốt cháy được
Trong lửa sanh nước được
Có được những tướng ấy
Nếu thôi thất Bồ đề
Không hề có việc ấy.
Nếu dùng cả hai vai
Vác gánh núi Tu Di
Đi đến khắp mười phương
Hằng hà sa thế giới
Những công việc như vậy
Còn có thể làm được
Tâm Bồ đề như đây
Không bao giờ thôi chuyển
Đại địa lật úp được
Không bao giờ có sự
Thôi chuyển tâm Bồ đề
Chút công đức trong ấy.
Nếu người có tâm lành
Xu hướng đạo vô thượng
Có bốn pháp vô lượng

Thế gian không biết được
Hư không giới khó biết
Chúng sanh giới cũng vậy
Phật biết tâm Bồ đề
Ai gặp phải nên biết
Việc làm của Bồ tát
Chẳng nên khinh hủy báng.
Lấy một cọng cỏ nhỏ
Lường được nước biển lớn
Việc làm của chúng sanh
Chẳng thể nghĩ bàn được.
Giả sử nước biển lớn
Nấu sôi như đồng sôi
Vì thân mạng của mình
Còn có thể uống hết.
Với công hạnh Bồ tát
Trọn chẳng nên khinh hủy
Sự khổ uống đồng sôi
Khổ ấy chẳng tính được.
Hoặc có nghiệp chướng ngại
Hoặc bị ma làm loạn
Chỗ người ấy thọ sanh
Trọn không có ưu hối.
Nếu người vì vui say

Nơi vật chất ngu si
Phá giới đáng chán ghét
Chẳng đáng được cung kính.
Với những kẻ như vậy
Chẳng nên khinh mạn họ
Việc làm của chúng sanh
Rất khó biết rõ được.
Như ông Xá Lợi Phất
Yên lặng nhập thiền định
Ở nơi trong nhứt tâm
Chỉ biết năm mươi tâm.
Cũng như các Thế Tôn
Một niệm biết vô lượng
Chẳng nên với chư Phật
Mà sanh lòng nghi ngờ.
Cũng như A la hán
Chẳng biết cảnh giới mình
Huống là có thể biết
Cảnh giới của chúng sanh.
Vì thế nên mọi người
Chẳng nên nói như vậy:
“Tôi có thể biết được
Tâm niệm của chúng sanh”.
Ta thấy người nhuộm áo

Chốc lát mặc áo trắng
Khoảng niệm niệm cũng vậy
Niệm niệm có đôi khác.
Huống ai lại biết được
Kẻ chơn thật ngu khỗ
Như vua A Xà Thế
Giết hại cha ruột mình.
Lại đối với Như Lai
Vua sanh lòng ác nghịch
Rồi ở trong một niệm
Rất ăn năn tội lỗi.
Liên trừ được tội báo
Thoát khỏi khổ ác đạo
Huống là người sanh được
Tâm lành thanh tịnh tốt.
Tâm ấy có lúc buộc
Tâm ấy có lúc mở
Thân này là vô ký
Cũng không có sở tri.
Làm sao khiến thân này
Mà có những lỗi ác
Thân này cũng chẳng nên
Gần gũi với thân sắc.
Và lại cũng chẳng nên

Giết hại thân người khác.
Ví như khối vàng ròng
Rớt vào trong phân nhơ
Chất vàng luôn sạch sẽ
Phân nhơ chẳng nhơ được
Người ấy dầu tham vui
Say mê pháp thế gian
Công đức thật của họ
Tâm lành không tổn giảm.
Vương tử, trưởng giả tử
Cười đùa trong đại chúng
Tất cả các đại vương
Nhìn thấy đều vui mừng
Trong hàng chúng sanh đây
Hoặc trong người trên trời
Hoặc ăn độc chẳng chết
Hoặc vào lửa chẳng cháy
Huống là bực Trí giác
Mà có sự tổn giảm.
Người ngu si thế gian
Cúng Duyên giác, Thanh văn
Chẳng bằng cúng Bồ tát
Phước điền tâm thanh tịnh
Bình đẳng dường như Phật

Bồ tát đồng như Phật
Thấy tâm lành rất sâu
Chẳng thể suy lường được.
Như bồ thí bảy báu
Đầy hằng sa thế giới
Nếu biên chép kinh này
Cùng công đức thọ trì
Đem sánh phước bồ thí
Hơn gấp bội khó sánh
Khéo được lợi ích lớn
Tâm Bồ đề chẳng mất.
Nếu người vì của cải
Mà vào trong biển lớn
Tất sẽ được châu báu
Của cải giàu có lớn.
Nếu thọ trì tất cả kinh
Có thể dạy nhiều người
Mà chẳng nghe kinh này
Chẳng biết hạnh chúng sanh.
Do nhơn duyên như vậy
Phải biết chơn như thắng
Chẳng tự khen đức mình
Chẳng hủy báng người khác
Tâm lành hành tịnh hạnh

Tinh tấn chẳng thối chuyển.
 Nếu muốn mau giác ngộ
 Đạo Bồ đề đệ nhất
 Thích ở a lan nhĩ
 Luôn gìn giữ sáu căn
 Xa lìa các xóm làng
 Tu đức từ đệ nhất
 Như vậy sẽ mau chóng
 Chứng được đạo Bồ đề.

Lúc đức Thế Tôn nói kinh này, sáu vạn Thiên nhơn được bắt thối chuyển Vô thượng Bồ đề. Mười tám na do tha Thiên nhơn khác, những Thiên nhơn chưa phát tâm, nay phát tâm Bồ đề, vì được nghe kinh này nên được trừ diệt tội sanh tử trong tám mươi kiếp.

Đức Phật phán tiếp:

Vì những sự lợi ích lớn như vậy, nếu ai muốn chẳng mất Bồ đề, phải thọ trì đọc tụng thông thuộc khéo nhớ suy kinh điển này, siêng tu phương tiện, nhân thọ hoan hỷ phụng hành.

Lúc ấy, trong chúng có mười ngàn Bồ tát sanh lòng nghi hối muốn thối thất tâm Bồ đề muốn trở về nhà, chẳng biết lỗi nghiệp chướng và ma nghiệp, nay nhờ nghe kinh này, tội lỗi tiêu trừ, ở trước đức Thế Tôn sanh chút lòng tin, trừ sạch hai

mười kiếp ma nghiệp, chẳng rời khỏi chỗ ngồi được đến bực Nhứt sanh bổ xứ, sẽ sanh về thế giới phương khác. Lúc Di Lạc Bồ tát thành Phật ở thế giới này, mười ngàn Bồ tát ấy sẽ thành Phật đồng thời với Di Lạc Bồ tát, vì chư Bồ tát ấy nhờ nghe kinh này mà trừ sạch được ma nghiệp và phiền não trong hai mươi kiếp.

Đức Phật phán tiếp:

Bồ tát chỉ nghe kinh này còn được nhiều lợi ích, huống là thọ trì, đọc tụng, giảng thuyết kinh này.

Đức Phật nói kinh này rồi, chư Thiên, Nhơn, A tu la cùng toàn thể chúng hội hoan hỷ phụng hành.

*



KINH ĐẠI BỬU TÍCH

Hán dịch: Pháp sư Khương Tăng Khải

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

PHÁP HỘI VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI THỨ NĂM

* Tôi nghe như vậy: Một lúc đức Phật ở thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, cùng chúng đại Tỳ kheo một vạn hai ngàn người câu hội. Các Ngài này đều là bậc đại Thanh văn mà mọi người quen biết. Đó là Tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, Tôn giả Mã Thắng, Tôn giả Đại Danh, Tôn giả Hữu Hiền, Tôn giả Vô Cầu, Tôn giả Danh Văn, Tôn giả Thiện Xung, Tôn giả Viên Mãn, Tôn giả

* Hán bộ quyển thứ 17.

Kiều Phạm Ba Đề, Tôn giả Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Tôn giả Già Gia Ca Diếp, Tôn giả Na Đề Ca Diếp, Tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Tôn giả Xá Lợi Phất, Tôn giả Đại Mục Kiền Liên, Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Ma Ha Kiếp Tân Na, Tôn giả Ma Ha Châu Na, Tôn giả Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tôn giả A Nâu Lô Đa, Tôn giả Ly Bà Đa, Tôn giả Nan Đà, Tôn giả La Hầu La, Tôn giả A Nan Đà v.v... các Tôn giả này làm thượng thủ.

Lại có chúng đại Bồ tát, các ngài Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Di Lặc Bồ tát và chư đại Bồ tát trong kiếp hiện sau trước vây quanh.

Lại cùng Hiền Hộ v.v... mười sáu vị Chánh sĩ câu hội. Đó là các ngài Thiện Tư Duy Nghĩa Bồ tát, Huệ Biện Tài Bồ tát, Quán Vô Trụ Bồ tát, Thiện Hoa Thần Thông Bồ tát, Quang Tràng Bồ tát, Trí Thượng Bồ tát, Tịch Căn Bồ tát, Huệ Nguyên Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát, Bửu Tràng Bồ tát v.v... làm thượng thủ.

Chư đại Bồ tát này đều tuân tu hạnh Phổ Hiền, đầy đủ tất cả hạnh nguyện Bồ tát, an trụ trong tất cả công đức, đến bờ Phật pháp rốt ráo kia, nguyện ở trong tất cả thế giới thành Đẳng chánh giác. Lại nguyện sanh cung trời Đâu Suất, ở đó thọ chung giảng sanh ở hông bên hữu, hiện đi bảy bước

phóng ánh sáng lớn chấn động khắp thế giới mà xưng lên rằng: “Nơi tất cả thế gian, Ta là tôn quý hơn cả”. Đế Thích và Phạm Thiên đều đến thân cận cúng dường.

Lại hiện học tập lục nghệ hơn người, ở vương cung nhằm chán ngũ dục, thấy người già bệnh chết liền biết đời là vô thường, rời bỏ ngôi vua vượt thành học đạo, cõi lỵ là chuỗi ngọc mặc y hoại sắc, khổ hạnh sáu năm. Ở cõi ngũ trược này có thể thị hiện như vậy. Vì thuận theo thế gian, đến tắm tại sông Ni Liên rồi đi tới đạo tràng. Long vương ca tụng nghinh tiếp. Chư Bồ tát đi nhiều bên hữu ngợi khen. Nhận lấy cỏ tự tay trái dưới cội cây Bồ đề rồi ngôi kiết già. Lại hiện quân ma bao vây làm hại. Dùng sức định huệ hàng phục ma oán. Thành bực Vô thượng Chánh giác. Phạm Vương thỉnh chuyển pháp luân dừng mãnh vô úy. Âm thanh của Phật vang rền, đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng tràng pháp, thấp đuốc pháp, nhiếp chánh pháp và các thiên định, mưa pháp vũ nhuần thấm quần sanh, chấn sấm pháp khai ngộ tất cả quốc độ, quang minh chiếu khắp thế giới, mặt đất rung động, cung ma sụp đổ, Ma vương Ba Tuần kinh sợ, phá giặc phiền não, xé lưới tà kiến, xa rời ác pháp, sanh lớn thiện pháp, với món ăn của tín thí có thể ăn có thể tiêu,

vì điều phục chúng sanh mà tuyên dương diệu lý. Hoặc hiện mỉm cười phóng trăm ngàn tia sáng lên bực quán đánh thọ ký Bồ đề. Hoặc thành Phật đạo, hiện nhập Niết bàn, khiến vô lượng hữu tình đều được quả vô lậu, thành thực thiện căn cho vô biên Bồ tát. Trong tất cả cõi Phật đều có thể thị hiện như vậy.

Ví như nhà ảo thuật biết rõ ảo thuật có thể hiện ra những tướng nam nữ v.v... ở trong các tướng ấy thật không có được.

Cũng vậy, chư Bồ tát khéo học vô biên ảo thuật công đức nên hay thị hiện biến hóa, hay khéo biết rõ đạo biến hóa, nên ở các quốc độ hiện đại từ bi đều có thể lợi ích tất cả quần sanh. Thành tựu vô biên hạnh nguyện Bồ tát. Thông đạt bình đẳng vô lượng nghĩa môn. Tu thành đầy đủ tất cả pháp lành. Bình đẳng thẳng vào trong các cõi Phật. Thường được chư Phật khuyến tấn và gia hộ oai thần. Được tất cả Như Lai rõ biết ẩn khả. Vì giáo hóa chư Bồ tát mà làm A xà lê. Thường tu tập thành tựu vô biên công hạnh. Thông đạt tất cả pháp giới hạnh. Hay biết rành rẽ hữu tình và quốc độ. Cũng thường đi đến cúng dường chư Phật. Hiện các thứ thân hình như là ảnh tượng. Khéo học pháp vô úy, phá lưới ma, trừ tà kiến, qua khỏi quyền thuộc phiền não và bạn

ma dân ma. Hơn hẳn bực Thanh văn và Bích chi Phật. Nhập môn Không, vô tướng và vô nguyện, mà hay an trụ phương tiện thiện xảo. Chẳng hề thích Niết bàn của Nhị thừa. Được các tam muội vô sanh vô diệt và các môn đà la ni. Các căn quảng đại, biện tài quyết định. Nơi tạng pháp Bồ tát hay biết rõ Phật hoa tam muội, tùy thời ngộ nhập. Đủ tất cả thứ thậm thâm thiên định. Tất cả chư Phật đều hiện ra trước. Trong khoảng một niệm đi khắp cõi Phật, quanh vòng qua lại vẫn chẳng khác thời gian, cứu vớt nạn khổ. Phân biệt hiển bày chơn thật bốn tế. Được Phật biện tài, trụ hạnh Phổ Hiền. Hay phân biệt rõ ngôn ngữ của chúng sanh. Vượt hơn tất cả pháp thế gian. Biết rành tất cả pháp xuất thế. Nơi tất cả vạn vật tùy ý tự tại. Với tất cả hữu tình làm bạn chẳng chờ thỉnh. Có thể chấp trì pháp tạng của tất cả Như Lai. An trụ chẳng dứt chủng tánh tất cả Phật. Thương mến hữu tình mở bày pháp nhãn cho họ. Bít cửa ác đạo, mở cửa thiện đạo. Với tất cả hữu tình xem như cha mẹ anh em. Lại xem chúng sanh không khác thân mình. Tất cả pháp lành đều được rớt ráo. Vô lượng công đức của chư Phật đều đã được. Trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng đại Bồ tát vô lượng vô biên như vậy đồng đến pháp hội.

Lúc bảy giờ, sắc diện của đức Thế Tôn vui vẻ sáng rõ. Thừa oai thần của đức Phật, Tôn giả A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy chỉnh lý y phục, trích vai hữu, gối hữu chầm đật chấp tay hướng lên đức Phật bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay sắc diện của đức Thế Tôn vui vẻ sáng rõ, trong sạch như gương sáng, từ nào chưa từng được thấy.

Bạch đức Thế Tôn! Tôi tự nghĩ rằng hôm nay đức Thế Tôn an trụ chỗ an trụ của chư Phật. Hôm nay, đức Thế Nhân an trụ nơi hạnh của bậc Đạo sư. Hôm nay, đức Thế Anh an trụ nơi đạo tối thắng. Hôm nay đức Thế Hùng hành công đức của Như Lai. Phải chăng hôm nay, đức Thế Tôn nghĩ nhớ đến chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đức Phật phán dạy:

Này A Nan! Sao ông biết được việc ấy, chư Thiên bảo ông, hay là ông tự thấy biết?

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi thấy sắc diện của đức Thế Tôn rạng rỡ ít khi có, nên mới bạch hỏi như vậy, chẳng phải là do chư Thiên mách bảo.

Đức Phật phán dạy:

Lành thay! Lành thay! Này A Nan! Ông phát trí huệ biện tài hỏi được Như Lai việc ấy. Ông là

Đại sĩ hy hữu như hoa ưu đàm xuất hiện thế gian, có lòng đại bi lợi ích chúng sanh, nên thưa hỏi việc ấy.

Này A Nan! Đức Như Lai Chánh đẳng Chánh giác hay khai thị được vô lượng tri kiến. Tại sao? Vì Như Lai tri kiến vô chướng vô ngại.

Này A Nan! Như Lai Chánh đẳng Chánh giác, nếu muốn ở thế gian, có thể ở đến vô lượng vô số trăm ngàn ức na do tha kiếp, hoặc là tăng hơn số lượng trên, mà thân thể của Như Lai và các căn vẫn không tổn giảm. Tại sao vậy? Vì Như Lai được tam muội tự tại rốt ráo. Nơi tất cả pháp là tự tại hơn hết.

Này A Nan! Ông phải lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy. Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

Ngài A Nan thưa:

Vâng! Bạch đức Thế Tôn! Tôi mong muốn được nghe đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

Thuở xưa quá a tăng kỳ vô số đại kiếp có Phật xuất thế hiệu là Nhiên Đăng Như Lai giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh. Sau đó có Quang Viễn Phật, Nguyệt Quang Phật, Chiên Đàn Hương Phật, Thiện Sơn Vương Phật, Tu Di Thiên

Quan Phật, Tu Di Đẳng Diệu Phật, Nguyệt Sắc Phật, Chánh Niệm Phật, Ly Cấu Phật, Vô Trước Phật, Long Thiên Phật, Dạ Quang Phật, An Minh Đảnh Phật, Bất Động Địa Phật, Lưu Ly Diệu Hoa Phật, Lưu Ly Kim Sắc Phật, Kim Tạng Phật, Viêm Quang Phật, Viêm Căn Phật, Địa Chủng Phật, Nguyệt Tượng Phật, Nhứt Âm Phật, Giải Thoát Hoa Phật, Trang Nghiêm Quang Minh Phật, Hải Giác Thần Thông Phật, Thủy Quang Phật, Đại Hương Phật, Ly Trần Cấu Phật, Xả Yểm Ý Phật, Bửu Viêm Phật, Diệu Đảnh Phật, Dũng Lập Phật, Công Đức Trì Huệ Phật, Tỳ Nhứt Nguyệt Quang Phật, Nhứt Nguyệt Lưu Ly Quang Phật, Vô Thượng Lưu Ly Quang Phật, Tối Thượng Thủ Phật, Bồ Đề Hoa Phật, Nguyệt Minh Phật, Nhứt Quang Phật, Hoa Sắc Hương Phật, Thủy Nguyệt Quang Phật, Trừ Si Minh Phật, Độ Cái Hạnh Phật, Tịnh Tín Phật, Thiện Tú Phật, Oai Thần Phật, Pháp Huệ Phật, Loan Âm Phật, Sư Tử Âm Phật, Long Âm Phật, Xử Thế Phật. Chư Phật như vậy kế tiếp nhau xuất hiện ra đời.

Kể đó, có đức Phật hiệu là Thế TỰ Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Lúc đó, có quốc vương nghe đức Phật thuyết pháp lòng rất vui đẹp phát tâm Vô thượng Bồ đề, từ bỏ ngôi vua xuất gia làm Tỳ kheo hiệu là Pháp Tạng, đến chỗ đức Phật Thế Tụ Tại Vương, cúi lạy chân đức Phật, đi quanh bên hữu ba vòng, quỳ dài chấp tay nói kệ tụng khen rằng:

Sắc diện Phật rực rỡ
Oai thần Phật vô cực
Ánh sáng chói như vậy
Không ai sánh bằng Phật.
Mặt nhật và mặt nguyệt
Cùng ma ni bửu châu
Ánh sáng bị che lấp
Chẳng khác gì đồng mực.
Dung nhan của Như Lai
Thế gian không ai sánh
Viên âm của Như Lai
Vang khắp đến mười phương.
Giới, đa văn, tinh tấn
Tam muội và trí huệ
Oai đức không ai sánh
Rất thù thắng hy hữu.
Đế lý sâu, niệm lành
Pháp hải của chư Phật

Đã cùng tận thâm áo
Tột bờ và suốt đáy.
Vô minh và tham sân
Thế Tôn đã không hấn
Đấng Nhơn Hùng Sư Tử
Thần đức không thể lường.
Công huân Phật rộng lớn
Trí huệ sâu vi diệu
Quang minh tướng oai nghi
Chấn động cõi Đại thiên.
Nguyện tôi lúc làm Phật
Bằng với đấng Pháp Vương
Vượt khỏi dòng sanh tử
Không gì chẳng giải thoát.
Bồ thí và trì giới
Nhẫn nhục và tinh tấn
Thiền định các tam muội
Trí huệ là trên hết.
Tôi thề được làm Phật
Làm khắp hết nguyện này
Tất cả sự khủng bố
Tôi sẽ làm an ổn.
Giả sử có chư Phật
Số trăm ngàn muôn ức

Vô lượng đấng Đại Thánh
Như số cát sông Hằng.
Dầu cúng dường tất cả
Chư Phật Thế Tôn ấy
Vẫn chẳng bằng cầu đạo
Tâm vững chắc chẳng bỏ.
Thí như hằng hà sa
Thế giới của chư Phật
Lại có bất khả kể
Vô số những quốc độ.
Quang minh đều chiếu đến
Khắp hết những cõi ấy
Siêng tinh tấn như vậy
Sức oai thần khó lường.
Nếu lúc tôi làm Phật
Cõi nước tôi đệ nhất
Rất nhiều thứ kỳ diệu
Đạo tràng rất siêu tuyệt.
Cõi nước như Niết bàn
Không cõi nào sánh bằng
Tôi sẽ luôn thương nhớ
Độ tất cả chúng sanh.
Người mười phương sanh về
Lòng vui mừng thanh tịnh

Đã về đến nước tôi
 Đều sung sướng an ổn
 Trông mong Phật chứng minh
 Cho tôi được thành tựu
 Do sức muốn tinh tấn
 Tôi phát nguyện như trên.
 Mười phương chư Thế Tôn
 Trí huệ lớn vô ngại
 Khiến cho Thế Tôn này
 Biết tâm niệm của tôi.
 Giả sử thân tôi ở
 Trong những chỗ khôn khổ
 Tôi tinh tấn hành đạo
 Chịu đựng chẳng hối tiếc.

Này A Nan! Tỳ kheo Pháp Tạng nói kệ tụng xong bạch đức Phật Thế Tụ Tại Vương rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi đã phát tâm Vô thượng Chánh giác, xin đức Thế Tôn rộng tuyên kinh pháp cho. Tôi sẽ tu hành nhiếp lấy Phật quốc thanh tịnh vô lượng trang nghiêm. Khiến tôi mau thành bực Chánh giác nhổ hết gốc rễ sanh tử khổ lụy.

Thế Tụ Tại Vương Như Lai nói với Pháp Tạng Tỳ kheo rằng:

Công hạnh tu hành trang nghiêm Phật độ, ông tự biết lấy.

Tỳ kheo Pháp Tạng thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Nghĩa ấy sâu rộng chẳng phải cảnh giới của tôi. Ngưỡng mong đức Thế Tôn chỉ dạy công hạnh Tịnh độ của chư Phật Như Lai. Tôi được nghe rồi sẽ y theo tu hành để hoàn thành sở nguyện.

Lúc ấy đức Phật Thế Tự Tại Vương biết Tỳ kheo Pháp Tạng cao minh chí nguyện sâu rộng liền giảng dạy rằng:

Ví như biển cả kia, có một người lấy đầu múc nước trải qua kiếp số còn có thể cạn đến đáy, được châu báu vi diệu. Có người chí tâm tinh tấn cầu đạo chẳng thôi, tất sẽ kết quả, có nguyện gì mà chẳng được thành.

Rồi đức Thế Tự Tại Vương Phật nói rộng hai trăm mười ức quốc độ chư Phật, những là sự thiện ác của hàng Thiên nhơn, những sự xấu tốt của cõi nước và ứng theo tâm nguyện của Tỳ kheo Pháp Tạng mà hiện rõ ra cho thấy cả.

Nghe và thấy các quốc độ nghiêm tịnh, Tỳ kheo Pháp Tạng phát khởi thệ nguyện thù thắng vô thượng, tâm Ngài tịch tịnh, trí Ngài rộng rang, tất cả thế gian không có ai bằng. Trọn đủ năm

kiếp, Ngài suy xét nhiếp lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh nước Phật.

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Người cõi Phật xưa ấy thọ mạng bao lâu?

Đức Phật nói:

Này A Nan! Đức Phật Thế Tụ Tại Vương thọ mạng bốn mươi hai kiếp. Thuở ấy, Tỳ kheo Pháp Tạng nhiếp lấy công hạnh thanh tịnh trang nghiêm hai trăm mười ức nước Phật và tu tập xong, Ngài đến trước đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai cúi lạy chân Phật, đi quanh bên hữu ba vòng chấp tay đứng lại bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi đã nhiếp lấy công hạnh trang nghiêm thanh tịnh nước Phật.

Đức Thế Tụ Tại Vương Như Lai nói:

Nay ông nên trình bày, phải biết là đúng lúc, để phát khởi và làm vui đẹp tất cả đại chúng. Bồ tát tu hành pháp ấy thì sẽ đầy đủ vô lượng đại nguyện.

Tỳ kheo Pháp Tạng thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Mong được xét soi, tôi sẽ trình rõ những điều nguyện mà tôi đã phát.

1. Giả sử khi tôi thành Phật, nước tôi còn có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

2. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi sau khi mạng chung còn trở lại ba ác đạo thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

3. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng đều thân màu vàng ròng thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

4. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi sắc thân chẳng đồng có kẻ xấu người đẹp thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

5. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng biết túc mạng, tối thiểu là biết sự việc trong trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

6. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng được thiên nhãn, tối thiểu là thấy trăm ngàn ức na do tha cõi nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

7. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng được thiên nhĩ, tối thiểu là nghe lời thuyết pháp của trăm ngàn ức na do tha chư Phật và chẳng thọ trì hết, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

8. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng được tha tâm trí, tối thiểu là biết tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na do tha cõi nước, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

9. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng được thần túc, tối thiểu là khoảng một niệm qua đến trăm ngàn ức na do tha nước Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

10. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi nếu sanh lòng tưởng nghĩ tham chấp thân thể thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

11. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng an trụ định tụ quyết đến diệt độ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

12. Giả sử khi tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tối thiểu chẳng chiếu đến trăm ngàn ức na do tha cõi nước chư Phật thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

13. Giả sử khi tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tối thiểu là trăm ngàn ức na do tha kiếp thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

14. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thanh Văn trong nước tôi mà có người tính đếm được, dẫn đến chúng sanh trong cõi Đại thiên đều thành bực

Duyên giác cùng nhau chung tính đếm suốt trăm ngàn kiếp mà biết được số lượng ấy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

15. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi thọ mạng không ai hạn lượng được, trừ họ có bốn nguyện dài ngắn tự tại. Nếu chẳng như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

16. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi mà còn nghe danh từ bất thiện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

17. Giả sử khi tôi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật chẳng đều ngợi khen xưng tụng danh hiệu của tôi thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

18. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương chí tâm tin ưa muốn sanh về nước tôi nhân đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

19. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ đề tâm, tu các công đức chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước tôi. Lúc họ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt họ. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

20. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu của tôi, chuyên nhớ nước tôi, trông những cội công đức, chí tâm hồi hướng muốn sanh về nước tôi mà chẳng được toại nguyện thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

21. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên Nhơn nước tôi chẳng đều đầy đủ ba mươi hai tướng đại Nhơn thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

22. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở cõi nước khác sanh về nước tôi rớt rảo tất đến bực Nhứt sanh bổ xứ. Trừ người có bốn nguyện tự tại hóa độ, vì chúng sanh mà mặc giáp hoàng thệ chứa công đức độ tất cả, đi qua các nước Phật tu hạnh Bồ tát, cúng dường chư Phật mười phương, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh khiến họ đứng nơi đạo Chánh chơn vô thượng, vượt hơn công hạnh của hạng tầm thường, hiện tiền tu công đức Phổ Hiền. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

23. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi thừa thần lực Phật đi cúng dường chư Phật, khoảng bữa ăn nếu không đến khắp vô số vô lượng ức na do tha cõi nước thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

24. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi ở trước chư Phật hiện công đức mình,

nếu những thứ dùng để cúng dường không có đủ theo ý muốn thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

25. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi chẳng thể diễn nói Nhứt thiết trí thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

26. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi chẳng được thân kim cang Na la diên thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

27. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên nhơn và tất cả vạn vật trong nước tôi trang nghiêm thanh tịnh sáng rõ hình sắc đặc biệt lạ cùng vi tốt diệu không ai lường biết được, dầu là có thiên nhãn mà biện biệt được danh số ấy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

28. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi, nhân đến người công đức ít nhứt mà chẳng thấy biết đạo tràng thọ màu sáng vô lượng cao bốn trăm muôn dặm thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

29. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát trong nước tôi nếu đọc tụng thọ trì diễn thuyết kinh pháp mà chẳng được trí huệ biện tài thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

30. Giả sử khi tôi thành Phật, trí huệ biện tài

của Bồ tát trong nước tôi mà có hạn lượng thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

31. Giả sử khi tôi thành Phật, nước tôi thanh tịnh soi thấy tất cả vô lượng vô số bất khả tư nghị thế giới chư Phật mười phương, như gương sáng soi hiện hình gương mặt, nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

32. Giả sử khi tôi thành Phật, từ mặt đất lên đến hư không, những cung điện, lầu đài, ao nước, cây hoa, tất cả vạn vật trong nước tôi đều dùng vô lượng châu báu, trăm ngàn thứ hương hiệp lại làm thành xinh đẹp kỳ lạ hơn hàng Thiên nhơn. Hương ấy xông khắp vô lượng thế giới mười phương. Bồ tát nghe mùi hương ấy đều tu hạnh Phật. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

33. Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương, được quang minh tôi chiếu đến thân, thân họ nhu nhuyễn hơn hẳn hàng Thiên nhơn. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

34. Giả sử khi tôi thành Phật, những loài chúng sanh của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi mà chẳng được

Bồ tát Vô sanh pháp nhẫn các thâm tổng trì thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

35. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng nữ nhơn của vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi vui mừng tin ưa, phát tâm Bồ đề nhằm ghét thân người nữ, nếu sau khi chết mà họ còn sanh thân người nữ lại thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

36. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi sau khi thọ chung thường tu Phạm hạnh đến thành Phật đạo. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

37. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên nhơn trong vô lượng bất tư nghị thế giới mười phương nghe danh hiệu tôi rồi năm vóc gieo xuống đất, cúi đầu vái lạy, vui mừng tin ưa, tu hạnh Bồ tát thì được chư Thiên và người đời đều kính trọng. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

38. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên nhơn nước tôi muốn được y phục liền tùy nguyện hiện đến, y phục đẹp đúng pháp như Phật khen ngợi tự nhiên mặc trên thân. Nếu còn phải may cắt nhuộm giặt thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

39. Giả sử khi tôi thành Phật, hàng Thiên nhơn nước tôi hưởng thọ khoái lạc chẳng như bực lậu tận Tỳ kheo thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

40. Giả sử khi tôi thành Phật, Bồ tát nước tôi tùy ý muốn thấy vô lượng nước Phật trang nghiêm thanh tịnh mười phương thì liền được toại nguyện, đều được soi thấy ở trong những cây báu, như thấy mặt mình hiện rõ trong gương sáng. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

41. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi, từ đó đến lúc thành Phật nếu các căn thân còn thiếu xấu chẳng được đầy đủ thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

42. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi thấy đều chúng được thanh tịnh giải thoát tam muội, khoảng một lúc phát ý cúng dường vô lượng bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn, mà không mất tâm chánh định. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

43. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi, sau lúc thọ chung sanh nhà tôn quý. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

44. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi vui mừng hơn hở, tu hạnh Bồ tát đầy đủ cội công đức. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

45. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi thấy đều chúng được Phổ đẳng tam muội, an trụ trong tam muội này đến lúc thành Phật thường thấy vô lượng bất khả tư nghị tất cả chư Phật. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

46. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát trong nước tôi tùy chí nguyện mỗi người muốn được nghe pháp liền tự nhiên được nghe. Nếu không như vậy thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

47. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đến bực Bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

48. Giả sử khi tôi thành Phật, chúng Bồ tát ở quốc độ phương khác nghe danh hiệu tôi mà chẳng liền được đệ Nhứt nhãn, đệ Nhị nhãn và đệ Tam pháp nhãn, nơi các Phật pháp chẳng liền được bực Bất thối chuyển thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.

Tuyên bốn mươi tám đại nguyện ấy xong, Tỳ kheo Pháp Tạng nói kệ tụng rằng:

Tôi lập nguyện hơn đời
 Tất đến đạo vô thượng
 Nguyện này chẳng đầy đủ
 Thề chẳng thành Chánh giác.
 Tôi ở vô lượng kiếp
 Chẳng làm đại thí chủ
 Cứu khắp kẻ nghèo khổ
 Thề chẳng thành Chánh giác.
 Tôi đến lúc thành Phật
 Danh tiếng siêu mười phương
 Trọn có người chẳng nghe
 Thề chẳng thành Chánh giác.
 Ly dục, chánh niệm sâu
 Tịnh huệ, tu Phạm hạnh
 Chí cầu đạo vô thượng
 Làm thầy hàng trời người.
 Thần lực phóng quang minh
 Chiếu khắp vô biên cõi
 Tiêu trừ tối phiền não
 Cứu thoát những ách nạn.
 Khai mắt trí huệ kia
 Trừ tối mù lòa này

Đóng bít các ác đạo
Thông đạt cửa thiện đạo.
Công đức thành đầy đủ
Oai sáng chói mười phương
Sáng hơn mặt nhật nguyệt
Thiên quang bị khuất lấp.
Vì chúng khai pháp tạng
Rộng ban báu công đức
Thường ở trong đại chúng
Thuyết pháp sư tử rống.
Cúng dường tất cả Phật
Đầy đủ những công đức
Nguyện, huệ đều viên mãn
Được làm bực Thế Tôn.
Như Phật vô ngại trí
Thông đạt chiếu tất cả
Nguyện công đức của tôi
Bằng Tối Thắng Tôn này.
Nguyện đây nếu quả toại
Đại thiên nên cảm động
Chư thiên thần trên không
Sẽ mưa hoa báu đẹp.

Tỳ kheo Pháp Tạng nói kệ xong, khắp mặt đất liền chấn động sáu cách. Trời mưa hoa đẹp rải

trên mình Ngài. Âm nhạc tự nhiên trên hư không khen rằng: “Quyết định chắc thành Vô thượng Chánh giác”. Từ đó Tỳ kheo Pháp Tạng tu tập đầy đủ những đại nguyện ấy chắc thật chẳng luống vượt khỏi thế gian.

Này A Nan! Tỳ kheo Pháp Tạng ở chỗ đức Phật Thế Tụ Tại Vương và giữa đại chúng, chư Thiên, ma, Phạm, long, thần, bát bộ phát hoàng thế ấy. Sau khi lập thế rồi, Ngài chuyên chí trang nghiêm Tịnh độ tốt đẹp rộng lớn thù thắng hơn cả, không suy không biến đổi. Trong thời gian bất khả tư nghị triệu tải kiếp lâu xa, Ngài tích chứa vô lượng đức hạnh Bồ tát, chẳng sanh dục giác sân giác hại giác, chẳng khởi dục tướng sân tướng hại tướng, chẳng trước sắc thanh hương vị xúc pháp, thành tựu nhẫn lực chẳng kể những sự khổ, thiếu dục tri túc không có tham sân si, chánh định thường vắng lặng, trí huệ vô ngại, không có tâm hư ngụy siểm khúc, hòa nham ái ngữ hỏi thăm trước, dũng mãnh tinh tấn chí nguyện không mỗi nhàm chuyên cầu lấy pháp thanh bạch, đem ân huệ ban cho quần sanh được lợi ích, cung kính Tam Bảo, thờ phụng sư trưởng, dùng đại trang nghiêm đầy đủ những công hạnh, khiến các chúng sanh thành tựu công đức, an trụ nơi pháp Không vô tướng vô nguyện vô tác vô khởi, quán các

pháp như huyễn như hóa, rời xa lời thô ác hại mình, hại người, mình người đồng hại, tu tập lời lành lợi mình, lợi người, mình người đồng lợi, bỏ nước thối vua, dứt bỏ tài sắc, tự làm sáu môn ba la mật cũng dạy người cùng làm, trong vô ương số kiếp tích công chứa đức, tùy sanh ở chỗ nào theo ý muốn, có vô lượng kho báu tự nhiên phát hiện, giáo hóa an lập vô số chúng sanh an trụ nơi đạo Vô thượng Chánh giác, hoặc làm trưởng giả cư sĩ họ quý dòng sang, hoặc làm quốc vương, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc làm Thiên vương ở sáu cõi trời Dục giới nhân đến làm Phạm Vương, thường đem tứ sự cúng dường cung kính tất cả chư Phật. Tỳ kheo Pháp Tạng có những công đức như vậy chẳng thể kể hết.

Miệng Ngài hơi thơm như hoa sen xanh, lông lông trên thân tiết hơi thơm chiên đàn, hơi thơm này xông khắp vô lượng thế giới. Dung sắc Ngài đoan chánh đủ những tướng tốt. Tay Ngài thường xuất sanh những châu báu vô tận, những là y phục, thức ăn uống, hoa báu đẹp, hương quý thơm, bửu cái, tràng phan những đồ trang nghiêm. Những sự như vậy hơn hẳn hàng Thiên nhơn, với tất cả pháp đều được tự tại.

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Pháp Tạng Bồ tát đã thành Phật và nhập diệt rồi hay hiện nay vẫn còn, hay là Ngài chưa thành Phật?

Đức Phật phán:

Này A Nan! Pháp Tạng Bồ tát đã thành Phật, nay hiện ở tại Tây phương cách đây mười muôn ức cõi, hiệu là Vô Lượng Thọ. Thế giới của Ngài tên là An Lạc.

Ngài A Nan lại thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Đức Phật ấy thành đạo đến nay đã được bao lâu?

Đức Phật phán:

Này A Nan! Ngài thành Phật đến nay được mười kiếp. Cõi nước của đức Phật ấy, tự nhiên thất bửu: vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não hiệp làm thành đất rộng lớn vô hạn. Bảy báu ấy xen lẫn nhau chói sáng đẹp lạ trang nghiêm thanh tịnh hơn cả những tinh tú châu bửu của tất cả thế giới. Thất bửu ấy như thất bửu của cung trời thứ sáu.

Lại quốc độ ấy không có núi Tu Di, núi Kim Cang, núi Thiết Vi, tất cả các núi, cũng không có biển lớn, biển nhỏ, sông ngòi, hang giếng. Do thần lực của Phật, ai muốn thấy thì được thấy,

quốc độ ấy cũng không có địa ngục, naga quý, súc sanh, không có bốn mùa xuân hạ thu đông. Chẳng lạnh chẳng nóng, thường ôn hòa điều thích.

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Nếu quốc độ ấy không có núi Tu Di, thì trời Tứ Thiên vương và trời Đao Lợi ở nơi đâu?

Đức Phật phán:

Này A Nan! Trời Dạ Ma thứ ba lên đến trời Sắc Cứu Cánh đều nương ở đâu?

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Hành nghiệp và quả báo chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật phán:

Này A Nan! Hành nghiệp và quả báo chẳng thể nghĩ bàn, thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Sức lành công đức của chúng sanh ấy ở đất hành nghiệp nên được như vậy.

Ngài A Nan thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Tôi vốn chẳng nghi pháp ấy, chỉ vì chúng sanh đời sau, muốn trừ lòng nghi ngờ của họ nên tôi hỏi đức Phật về nghĩa ấy.

Đức Phật phán:

Này A Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ oai thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật chẳng bằng. Quang minh của Ngài hoặc chiếu trăm thế giới, ngàn thế giới, nhẫn đến chiếu suốt hằng sa thế giới chư Phật ở phương Đông, chín phương kia cũng vậy. Còn chư Phật khác, hoặc có Phật quang chiếu bảy thước, hoặc chiếu một do tuần, hai ba bốn năm do tuần, gấp bội như vậy cho đến hoặc có Phật quang chiếu một cõi nước Phật.

Vì thế nên đức Phật Vô Lượng Thọ hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Diệm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xưng Quang Phật, và Siêu Nhứt Nguyệt Quang Phật.

Có chúng sanh nào gặp được quang minh ấy thì tiêu trừ tham sân si, thân ý nhu nhuyễn, hớn hở vui mừng tâm lành phát sanh. Nếu là kẻ ở tam đồ chỗ rất khổ thấy được quang minh ấy thì khổ sở thôi dứt không còn, sau khi mạng chung đều được thoát khỏi.

Quang minh của đức Phật Vô Lượng Thọ sáng rõ chiếu đến quốc độ của chư Phật mười

phương, không cõi nước nào chẳng chiếu thấu. Chẳng riêng gì ta hôm nay khen quang minh của Ngài, mà tất cả chư Phật, chúng Bồ tát, Thanh văn và Duyên giác đều cũng ca ngợi như vậy.

Nếu có chúng sanh nào nghe oai thần công đức của quang minh Phật Vô Lượng Thọ rồi ngày đêm khen nói chí tâm chẳng ngớt, thì tùy ý họ muốn được sanh về quốc độ của đức Phật ấy, được chúng Bồ tát, Thanh văn đồng khen ngợi công đức của họ, đến lúc tối hậu, khi họ thành Phật, được khắp mười phương chư Phật, Bồ tát khen quang minh của họ cũng như vậy.

Đức Phật phán tiếp:

Ta nói oai thần quang minh vòi vọi kỳ diệu của đức Phật Vô Lượng Thọ cả ngày đêm suốt một kiếp cũng chưa hết được.

Lại này A Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ thọ mạng dài lâu chẳng nói kể được. Ông biết không, giả sử vô lượng chúng sanh ở trong thế giới mười phương đều được thân người và đều làm cho thành tựu bậc Thanh văn, Duyên giác đồng hội họp thiên định nhứt tâm hết sức trí huệ của họ trải trăm ngàn muôn kiếp cùng suy tính số năm kiếp thọ mạng dài lâu của đức Phật ấy cũng chẳng biết cùng tận được.

Chúng Bồ tát, Thanh văn và hàng Thiên nhơn ở quốc độ An Lạc ấy thọ mạng dài lâu cũng như vậy, chẳng phải tính đếm hay dùng thí dụ mà biết được. Chúng Thanh văn và Bồ tát ở cõi ấy số đông vô lượng chẳng thể kể nói được. Chúng Thánh ấy có trí huệ thông đạt oai lực tự tại, có thể trong bàn tay cầm lấy tất cả thế giới.

Này A Nan! Pháp hội ban sơ của đức Vô Lượng Thọ Phật, chúng Thanh văn số đông chẳng nói kể được, chúng Bồ tát cũng vậy. Như ông Đại Mục Kiền Liên, trăm ngàn muôn ức vô lượng vô số người, trong thời gian vô số na do tha kiếp mãi đến diệt độ, cùng nhau đồng tính kể, vẫn chẳng thể biết rõ số ấy nhiều ít.

Ví như biển lớn sâu rộng vô lượng, giả sử có người chia một sợi lông ra làm trăm phần, lấy một phần lông ấy chấm lấy một giọt nước. Này A Nan! Ý ông nghĩ sao? Giọt nước được chấm lấy ấy sánh với biển lớn kia thì thế nào?

- Bạch đức Thế Tôn! Giọt nước được chấm lấy ấy đem sánh nhiều ít với dung lượng của biển lớn kia, thì chẳng phải tính đếm ngôn từ hay thí dụ mà biết được.

- Này A Nan! Như số người Đại Mục Kiền Liên, trong trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp

tính đếm chúng Bồ tát và Thanh văn ở pháp hội ban sơ kia, số được biết như giọt nước, còn số chẳng biết như nước biển lớn.

Lại này A Nan! Trong cõi nước An Lạc, những cây bảy báu đầy khắp cả nước: những cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xa cừ. Hoặc có những cây hai thứ báu, ba thứ báu, nhẫn đến bảy thứ báu hiệp chung làm thành.

Hoặc có cây vàng, lá bông và trái bạc. Hoặc có cây bạc, lá bông và trái vàng. Hoặc có cây lưu ly, lá bông và trái pha lê. Hoặc có cây thủy tinh, lá bông và trái lưu ly. Hoặc có cây san hô, lá bông và trái mã não. Hoặc có cây mã não, lá bông và trái lưu ly. Hoặc có cây xa cừ, lá bông và trái bằng các báu khác.

Hoặc có cây báu: gốc tử kim, thân bạch ngân, nhánh lưu ly, cành thủy tinh, lá san hô, bông mã não, trái xa cừ. Hoặc có cây báu: gốc bạch ngân, thân lưu ly, nhánh thủy tinh, cành san hô, lá mã não, bông xa cừ, trái tử kim. Hoặc có cây báu: gốc lưu ly, thân thủy tinh, nhánh san hô, cành mã não, lá xa cừ, bông tử kim, trái bạch ngân. Hoặc có cây báu: gốc thủy tinh, thân san hô, nhánh mã não, cành xa cừ, lá tử kim, bông bạch ngân, trái

lưu ly. Hoặc có cây báu: gốc san hô, thân mã não, nhánh xa cừ, cành tử kim, lá bạch ngân, bông lưu ly, trái thủy tinh. Hoặc có cây báu: gốc mã não, thân xa cừ, nhánh tử kim, cành bạch ngân, lá lưu ly, bông thủy tinh, trái san hô. Hoặc có cây báu: gốc xa cừ, thân tử kim, nhánh bạch ngân, cành lưu ly, lá thủy tinh, bông san hô, trái mã não.

Những cây báu ấy, hàng hàng gặp nhau, thân thân trông nhau, nhánh nhánh chuân nhau, lá lá hướng nhau, bông bông thuận nhau, trái trái tương đương, màu sắc xinh đẹp chói sáng chẳng thể nhìn thấy xiết hết được. Gió mát luôn thổi đến phát ra năm âm thanh cung thương vi diệu tự nhiên hòa nhau.

Lại còn cây đạo tràng của đức Vô Lượng Thọ Phật cao bốn trăm vạn dặm. Gốc cây đạo tràng ấy chu vi năm ngàn do tuần, nhánh lá rợp bốn phía hai mươi vạn dặm. Cây ấy do tất cả những thứ báu tự nhiên hiệp thành, trang nghiêm với vua châu báu, nguyệt quang ma ni trì hải luân bửu. Quanh khắp trong các cành cây, thông rử những chuỗi ngọc trăm ngàn muôn màu biến dị nhiều cách, vô lượng quang minh chiếu sáng vô lượng. Lưới báu trân diệu giăng che trên cây. Tất cả sự trang nghiêm theo đúng lúc mà hiện.

Gió nhẹ hơi động thổi qua các cây báu diễn xuất vô lượng âm thanh nói pháp vi diệu, âm thanh ấy vang đến khắp quốc độ của chư Phật. Ai tai nghe âm thanh ấy thì được thâm pháp nhãn, trụ bực Bất thối chuyển đến thành Phật đạo, nhĩ căn trong suốt chẳng bị bệnh khổ. Ai mắt thấy, mũi biết, lưỡi hay, thân chạm, tâm rõ âm thanh quang minh ấy thì đều được thâm pháp nhãn, trụ bực Bất thối chuyển đến thành Phật đạo, sáu căn trong suốt không có những bệnh khổ.

Này A Nan! Nếu hàng Thiên Nhơn ở nước An Lạc thấy cây đạo tràng ấy thì được ba pháp nhãn: một là Âm hưởng nhãn, hai là Nhu thuận nhãn, ba là Vô sanh pháp nhãn. Những sự ấy đều là do sức oai thần của đức Vô Lượng Thọ Phật, cũng là do sức bốn nguyện, sức nguyện đầy đủ, sức nguyện sáng tỏ, sức nguyện kiên cố, sức nguyện rốt ráo của đức Vô Lượng Thọ Phật vậy.

Này A Nan! Đế Vương trong đời có trăm ngàn âm nhạc, từ Chuyển Luân Thánh Vương nhãn đến cõi trời thứ sáu Đại Tự Tại thiên, âm nhạc tuần tự hơn nhau ngàn ức muôn lần. Muôn thứ âm nhạc trên trời Đại Tự Tại chẳng bằng một thứ âm thanh nơi những cây báu ở nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật, âm thanh này còn hơn ngàn ức lần.

Cõi nước An Lạc cũng có muôn thứ tự nhiên âm nhạc. Tiếng nhạc ấy không tiếng nào chẳng phải là tiếng pháp trong trẻo rõ ràng vi diệu hòa nhã, là đệ nhất trong những âm thanh ở các thế giới mười phương.

Ở nước An Lạc, những giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu đài đều toàn bảy báu trang nghiêm tự nhiên hóa thành. Lại còn có chơn châu, minh nguyệt châu, châu ma ni và các châu báu làm thành dây hoa giảng che phía trên nhà.

Bốn phía nhà có những ao tắm bằng bảy báu hoặc rộng mười do tuần hoặc rộng hai mươi, ba mươi, nhân đến hoặc rộng trăm ngàn do tuần, ngang rộng sâu cạn đều riêng một thứ. Trong ao, nước bát công đức lặn đầy trong thơm, mùi vị như cam lộ. Ao hoàng kim thì đáy trải cát bạch ngân. Ao bạch ngân thì đáy trải cát hoàng kim. Ao thủy tinh thì đáy trải cát lưu ly. Ao lưu ly thì đáy trải cát thủy tinh. Ao san hô thì đáy trải cát hổ phách. Ao hổ phách thì đáy trải cát san hô. Ao xa cừ thì đáy trải cát mã não. Ao mã não thì đáy trải cát xa cừ. Ao bạch ngọc thì đáy trải cát tử kim. Ao tử kim thì đáy trải cát bạch ngọc.

Hoặc có ao hai báu, ba báu, nhân đến hoặc có ao bảy báu chuyên đổi hiệp thành. Trên bờ những

ao tắm ấy, có cây chiên đàn, hoa lá rủ rọp mùi thơm khắp nơi. Những hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, màu nào ánh sáng màu ấy, đẹp sáng che trên mặt nước.

Chúng Bồ tát, Thanh văn và trời, người nước ấy lúc vào ao báu, nếu ý muốn nước ngập bàn chân thì nước ngập bàn chân, ý muốn nước ngập gối thì nước ngập gối, ý muốn nước đến lưng thì nước đến lưng, ý muốn nước đến cổ thì nước đến cổ, ý muốn nước xối trên thân thì nước liền tự nhiên xối trên thân, ý muốn nước trở lại như cũ thì nước trở lại như cũ, điều hòa ấm mát tự nhiên theo đúng ý muốn của người tắm. Tắm xong, thân thể thư thối, tinh thần cởi mở, phiền não tiêu trừ, trong sạch sáng suốt nhẹ nhàng như là không có thân.

Các báu ở đáy ao chói suốt sâu bao nhiêu cũng chiếu thấu lên trên. Sóng gợn lăn tăn an tường lan đi chậm rãi không mau không chậm, tự nhiên vang lên vô lượng âm thanh vi diệu, tùy theo người đáng nên nghe thế nào thì đều được nghe:

Hoặc nghe tiếng niệm Phật, hoặc nghe tiếng diệu pháp, hoặc nghe tiếng ca ngợi Bồ tát Tỳ kheo Tăng, hoặc nghe tiếng tịch tịnh, hoặc nghe tiếng Không vô ngã, hoặc nghe tiếng đại từ bi,

hoặc nghe tiếng ba la mật, tiếng thập lực, tiếng vô úy, tiếng pháp bất cộng, tiếng thần thông, tiếng trí huệ, tiếng vô sở tác, tiếng bất sanh bất diệt, tiếng Vô sanh nhẫn, cho đến tiếng cam lộ quán đánh và những tiếng diệu pháp khác.

Những âm thanh như vậy đến xướng theo ý người nghe làm cho vui mừng vô lượng, thuận theo nghĩa ly dục thanh tịnh chơn thật tịch diệt, thuận theo Tam Bảo, lực, vô úy, pháp bất cộng, thuận theo đạo sở hành của các bậc Bồ tát, Thanh văn.

Nước An Lạc ấy không có tên tam đồ khổ nạn, chỉ có âm thanh vui thích tự nhiên, vì thế nên nước ấy được tên là An Lạc.

Này A Nan! Nơi quốc độ An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật, những người sanh về đó có đủ sắc thân thanh tịnh, các âm thanh vi diệu, thần thông công đức như vậy. Cung điện của họ ở, những thứ y phục, uống ăn, hoa hương và đồ trang nghiêm đều như là những vật ở cung trời Đại Tự Tại thứ sáu.

Người nước ấy lúc muốn ăn, chén bát bày báu tự nhiên hiện ra, những là chén bát bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chơn châu đều theo đúng ý muốn mà hiện

đến, thức uống ăn trăm vị thơm ngon tự nhiên đầy trong chén bát ấy. Dầu có những thức uống ăn như vậy mà không có ai ăn. Chỉ thấy sắc người mùi ý cho là ăn thì liền tự nhiên no đủ, thân tâm nhu nhuyễn không hề tham luyến. Xong rồi tất cả biến mất, đến giờ lại hiện ra.

Này A Nan! Cõi nước của đức Phật ấy thanh tịnh an ổn khoái lạc vi diệu kế đạo vô vi Niết bàn. Trời, người, Thanh văn và Bồ tát ở nước ấy trí huệ cao minh, thần thông tự tại, đều đồng một thân hình như nhau không có tướng khác lạ, chỉ vì thuận theo các nước phương khác mà có tên là trời, người. Dung mạo của người nước ấy đoan chánh hơn hẳn thế gian, nhan sắc vi diệu chẳng phải trời, chẳng phải người, đều bảm thọ thân hình tự nhiên hư vô tột bực.

Này A Nan! Như ở thế gian này, người ăn mày nghèo cùng tật nguyên đứng cạnh đế vương, hình trạng dung mạo của họ có giống nhau không?

- Bạch đức Thế Tôn! Người ăn mày ấy đứng bên đế vương thì xấu xí trăm ngàn muôn ức lần không gì ví dụ được. Tại sao vậy? Vì người ăn mày nghèo cùng rất ty tiện, áo chẳng được che thân, ăn chẳng no được bụng, đói lạnh khốn khổ mất cả sanh lý. Đó là do đời trước họ chẳng trồng cội đức, giữ của chẳng bố thí, càng giàu càng bòn

xén, chỉ muốn được không, tham cầu không chán, chẳng tin làm lành, phạm nhiều sự ác chứa bằng núi. Sau khi chết, tài sản tiêu tán. Cả đời khổ thân chứa nhóm rồi vì của mà rầu lo. Với mình vô ích, luống làm sở hữu cho kẻ khác. Không điều lành để nhờ, không phước đức để nương. Vì thế nên sau khi chết đọa vào ác đạo mãi mãi chịu khổ. Hết tội được sanh ra làm người hạ tiện ngu si xấu xí.

Còn đế vương tôn quý trong loài người là do đời trước làm phước đức mà được: thương người bố thí, nhen ái giúp đỡ, chánh tín làm lành không gây tội làm hại. Vì thế nên sau khi chết, do phước đức mà họ được sanh lên trời hưởng nhiều vui sướng. Nay họ sanh làm người ở ngôi vua chúa tôn quý, nghi dung đoan chánh được mọi người kính trọng, mặc đẹp ăn ngon, tùy ý hưởng thọ. Vì phước đức mà được như vậy.

- Nay A Nan! Ông nói rất phải. Đế vương ấy dầu tôn quý xinh đẹp nhưng sánh với Chuyển Luân Thánh Vương thì lại xấu xí không khác gì người ăn mày kia ở cạnh đế vương.

Chuyển Luân Thánh Vương nghi dung rất đẹp đệ nhất ở nhen gian đem sánh với Đạo Lợi Thiên vương thì lại kém hơn trăm ngàn vạn ức lần. Đem thân Thiên Đế sánh với thân đệ Lục Thiên vương cũng lại thua cả vạn ức lần. Đem thân đệ Lục

Thiên vương sánh với thân hình xinh đẹp của người nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật cũng lại không bằng, trăm ngàn muôn ức chẳng thể tính kể được.

Này A Nan! Ở nước An Lạc, trời người có những y phục, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc, phan, lọng, âm thanh vi diệu, cung điện, nhà cửa, lầu đài đều cân xứng theo thân hình cao thấp lớn nhỏ của họ. Hoặc một báu, hai báu, nhẫn đến vô lượng thứ báu tùy theo ý họ muốn mà hiện đến.

Nước ấy lại có gấm lụa vi diệu trải trên đất báu, trời người nước ấy đi trên đó. Nước An Lạc ấy được giăng che với vô lượng màn lưới báu bằng chỉ vàng xỏ chơn châu và trăm ngàn thứ châu báu trân diệu đẹp lạ xen lẫn trang nghiêm. Bốn phía thông rủ những cái linh báu. Màu sắc ánh sáng rất mực nghiêm lệ.

Gió công đức tự nhiên thổi động nhẹ. Gió đó điều hòa, chẳng lạnh chẳng nóng, ấm mát dịu dàng thổi đến màn lưới báu và những cây báu phát ra vô lượng pháp âm vi diệu, thoảng phát muôn thứ hương thơm công đức ấm áp. Ai được nghe thì phiền não trần lao tự nhiên chẳng phát khởi. Gió chạm đến thân thì đều được khoái lạc như Tỳ kheo nhập diệt tận định.

Lại gió thổi hoa rơi khắp mọi nơi trong nước ấy, theo màu hoa có thứ lớp chẳng tạp loạn. Những hoa ấy mềm dịu chói sáng hơi thơm ngào ngạt. Chân đi dẫm lên hoa lún xuống bốn tấc, vừa dỡ chân hoa trở lại như cũ. Việc dùng của hoa đã xong, đất tự nứt ra, hoa theo đó ẩn mất sạch hết không còn sót. Tùy theo thời tiết, gió thổi rải hoa rơi trải mặt đất báu ngày đêm sáu lần như vậy.

Lại có những hoa sen báu khắp cả nước ấy. Mỗi đóa hoa sen báu có trăm ngàn ức cánh, vô lượng màu sắc chói sáng. Hoa sắc xanh ánh sáng xanh, hoa sắc trắng ánh sáng trắng, vàng đỏ tím huyền, màu nào sáng ấy rực rỡ hơn cả mặt trời mặt trăng. Trong mỗi đóa hoa sen phát ra ba mươi sáu trăm ngàn ức tia sáng, trong mỗi tia sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật thân màu vàng tử kim đủ những tướng tốt. Mỗi đức Phật lại phóng trăm ngàn ánh sáng khắp vì mười phương mà nói pháp vi diệu. Chư Phật ấy đều gây dựng vô lượng chúng sanh ở nơi chánh đạo.

* Này A Nan! Có chúng sanh nào, sanh về cõi nước An Lạc ấy thì đều ở bậc chánh định tụ cả. Tại sao vậy?

* Hán bộ quyển thứ 18.

Vì nước ấy không có hạng tà tỵ và bất định tỵ. Hằng sa chư Phật Như Lai mười phương đồng khen ngợi oai thần công đức bất khả tư nghị của đức Vô Lượng Thọ Phật. Có những chúng sanh nghe danh hiệu đức Phật ấy, lòng tin vui mừng nhân đến phát một niệm chí tâm hồi hướng nguyện cầu sanh về nước ấy, thì liền được vãng sanh ở bực Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.

Này A Nan! Chúng sanh ở mười phương, những người và chư Thiên nguyện cầu sanh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật có ba hạng:

Hạng Thượng phẩm là những người bỏ nhà lìa ái dục mà làm Sa môn, phát tâm Bồ đề, chuyên một mặt niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu các công đức, nguyện sanh về nước ấy. Lúc chúng sanh này lâm chung, đức Vô Lượng Thọ Phật cùng hàng Thánh chúng hiện ra trước người ấy, liền theo đức Phật sanh về nước An Lạc, tự nhiên hóa sanh từ trong hoa sen thất bửu, ở bực Bất thối chuyển, trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Vì thế nên, này A Nan! Có ai muốn hiện đời được thấy đức Vô Lượng Thọ Phật thì phải phát tâm Vô thượng Bồ đề, tu những công đức nguyện sanh về nước An Lạc.

Này A Nan! Hạng Trung phẩm là những người và chư Thiên ở các thế giới mười phương có ai chí tâm nguyện sanh về nước ấy, dầu chẳng làm Sa môn tu công đức lớn được, nhưng phải phát tâm Vô thượng Bồ đề chuyên một mặt niệm Vô Lượng Thọ Phật, làm lành hoặc ít hoặc nhiều, giữ gìn giới Bát quan trai, xây dựng tháp tượng, trai tăng, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương, dùng dây để hồi hướng nguyện sanh về nước An Lạc. Lúc người này lâm chung, đức Vô Lượng Thọ Phật hóa hiện thân ra đủ tướng tốt và quang minh như chơn Phật cùng với Thánh chúng đến trước người ấy, liền theo đức hóa Phật sanh về nước An Lạc ở bậc Bất thối chuyển. Công đức trí huệ kế bậc Thượng phẩm.

Này A Nan! Hạng Hạ phẩm là có những người và chư Thiên ở các thế giới mười phương chí tâm muốn sanh về nước An Lạc, giả sử chẳng làm được các công đức, họ phải phát tâm Vô thượng Bồ đề, một mặt chuyên tâm niệm Vô Lượng Thọ Phật cho đến mười niệm, nguyện sanh nước An Lạc, hoặc nghe pháp Đại thừa vui mừng tin ưa chẳng sanh nghi hoặc, niệm Vô Lượng Thọ Phật cho đến một niệm, dùng tâm chí thành nguyện sanh nước An Lạc. Người ấy lúc lâm chung chiêm bao thấy đức Vô Lượng Thọ Phật

cũng được vãng sanh, công đức trí huệ kể bực Trung phẩm.

Này A Nan! Đức Vô Lượng Thọ Phật oai thần vô cực. Vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật Như Lai ở các thế giới mười phương, không đức Phật nào chẳng khen ngợi Vô Lượng Thọ Phật. Hằng hà sa Phật quốc ở phương Đông kia có vô lượng vô biên chúng Bồ tát thấy đều đến chỗ đức Vô Lượng Thọ Phật để cung kính cúng dường đức Phật ấy và chúng Bồ tát, Thanh văn, rồi nghe thọ kinh pháp tuyên bá giáo hóa. Chín phương khác cũng như vậy.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ tụng rằng:

Phương Đông các Phật quốc

Số nhiều như hằng sa

Chúng Bồ tát nước ấy

Đến lạy Vô Lượng Phật.

Ba phương và bốn hướng

Thượng hạ cũng như vậy

Chúng Bồ tát nước ấy

Đến lạy Vô Lượng Phật.

Tất cả chúng Bồ tát

Đều mang hoa trời đẹp

Hương trời, y vô giá

Cúng dường Vô Lượng Phật.
Đều cùng tấu nhạc trời
Phát ra tiếng hòa nhã
Ca ngợi đáng Tồi Thắng
Cúng dường Vô Lượng Phật.
Thấu suốt thần thông huệ
Chứng nhập thâm pháp môn
Đầy đủ tạng công đức
Diệu trí chẳng ai bằng.
Huệ nhật soi thế gian
Tiêu trừ mây sanh tử
Cung kính nhiễu ba vòng
Cúi lạy đáng Vô Thượng.
Thấy nước ấy nghiêm tịnh
Vi diệu khó nghĩ bàn
Nên phát tâm vô lượng
Nguyện nước tôi cũng vậy.
Liên đó Vô Lượng Phật
Hoan hỷ mỉm miệng cười
Miệng phóng vô số quang
Chiếu khắp mười phương cõi.
Quay về vòng quanh thân
Ba vòng vào đánh Phật
Tất cả chúng trời, người

Đều vui mừng hơn hở.
Quan Thế Âm Bồ tát
Chỉnh y cúi đầu hỏi
Có sao đức Phật cười
Ngưỡng mong Phật nói ý?
Tiếng Phật như sấm động
Bát âm vang tiếng diệu
Sẽ thọ ký Bồ tát
Ông lắng nghe Ta nói.
Bồ tát mười phương đến
Ta đều biết họ muốn
Nguyện cầu nước nghiêm tịnh
Thọ ký sẽ thành Phật.
Giác ngộ tất cả pháp
Dường như mộng, ảo, vang
Đầy đủ những diệu nguyện
Tất thành nước như vậy.
Biết pháp như điện, ảnh
Trọn vẹn đạo Bồ tát
Đủ các cội công đức
Thọ ký sẽ thành Phật.
Thông đạt các pháp tánh
Tất cả Không, vô ngã
Chuyên cầu nước Phật tịnh

Tất thành nước như vậy.
Chư Phật bảo Bồ tát
Phải đến Phật Vô Lượng
Nghe pháp thích vãng làm
Mau được chỗ thanh tịnh.
Đến nước nghiêm tịnh ấy
Thì mau được thần thông
Ở chỗ Phật Vô Lượng
Thọ ký thành Chánh giác.
Phật ấy có bốn nguyện
Nghe danh muốn vãng sanh
Đều được sanh nước ấy
Ở bậc Bất thối chuyển.
Bồ tát phát chí nguyện
Muốn nước tôi không khác
Nhớ độ khắp tất cả
Danh vang khắp mười phương.
Phụng sự ức Như Lai.
Biến hóa đến các nước
Cung kính cúng dường Phật
Trở về nước An Dưỡng.
Người nào không tâm lành
Chẳng được nghe kinh này
Người có giới thanh tịnh

Mới được nghe chánh pháp.
Đã từng thấy chư Phật
Thì tin được việc này
Cung kính nghe phụng hành
Hớn hở rất vui mừng.
Kiêu mạn, ngu, giải đãi
Khó tin được pháp này
Đời trước thấy chư Phật
Thích nghe giáo pháp này.
Thanh văn hoặc Bồ tát
Chẳng biết được tâm Phật
Ví như người sanh manh
Muốn dẫn đường người khác.
Biên trí huệ của Phật
Sâu rộng không bờ đáy
Nhị thừa chẳng lường được
Chỉ riêng Phật sáng tỏ.
Giả sử tất cả người
Đều đắc đạo cả thầy
Huệ nhãn biết bốn không
Ức kiếp suy Phật trí.
Tận lực cố giảng nói
Vẫn chẳng biết được rõ
Trí Phật không ngăn mé

Tột thanh tịnh như vậy.
 Thọ mạng rất khó được
 Đời Phật cũng khó gặp
 Có tín huệ cũng khó
 Nếu nghe siêng năng cầu.
 Nghe pháp được chẳng quên
 Cung kính rất vui mừng
 Là bạn lành của ta
 Vì vậy phải phát tâm.
 Dầu lửa khắp thế giới
 Quyết vượt qua nghe pháp
 Để được thành Phật đạo
 Rộng độ dòng sanh tử.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

Bồ tát ở nước An Lạc rất ráo đều sẽ đến bực
 Nhứt sanh bổ xứ. Trừ những vị có bốn nguyện vì
 chúng sanh mà lập nguyện công đức lớn để tự
 trang nghiêm, muốn độ thoát khắp cả chúng sanh.

Nay A Nan! Hàng Thanh văn ở nước An Lạc
 thân chiếu ánh sáng một tầm, thân Bồ tát chiếu ánh
 sáng trăm do tuần. Có hai Bồ tát tối tôn đệ nhứt
 oai thần quang minh chiếu khắp cõi Đại thiên.

- Bạch đức Thế Tôn! Hai Bồ tát ấy danh hiệu là gì?

- Nay A Nan! Bồ tát thứ nhất hiệu là Quán Thế Âm, Bồ tát thứ hai hiệu là Đại Thế Chí. Hai Bồ tát ấy ở cõi nước Ta Bà này tu Bồ tát hạnh, lúc mạng chung chuyển sanh về nước An Lạc.

Nay A Nan! Có chúng sanh nào sanh về nước An Lạc, thân của họ đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, thành mãn trí huệ thâm nhập diệu pháp, thần thông vô ngại, các căn sáng suốt mau lẹ. Người căn trí chậm lụt nhất thì thành tựu hai pháp nhẫn. Người căn trí lanh lợi thì được vô lượng Vô sanh pháp nhẫn.

Lại chư Bồ tát ở nước ấy mãi đến thành Phật chẳng sanh vào ác đạo, thần thông tự tại thường biết túc mạng. Trừ người sanh về đời ác ngũ trược ở phương khác như quốc độ Ta Bà của ta đây.

Nay A Nan! Bồ tát nước An Lạc thừa oai thần của đức Vô Lượng Thọ Phật, khoảng thời gian một bữa ăn, đi đến vô lượng thế giới mười phương cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, theo ý nghĩ của họ, những món cúng dường như hoa, hương, kỹ nhạc, y phục, phan, lọng, vô số vô lượng thứ tự nhiên hóa hiện ra, tất cả đều trân quý vi diệu thế gian chẳng có được. Chư Bồ tát ấy liền đem rải lên cúng dường chư Phật và chư Bồ tát, Thanh văn. Những thứ ấy ở trên không hóa thành

lọng hoa xinh đẹp sáng chói tỏa hương thơm khắp nơi. Lọng hoa ấy chu vi bốn trăm dặm, rồi lần lần lớn gấp bội cho đến trùm khắp cõi Đại thiên, sau đó tuần tự ẩn mất.

Chư Bồ tát ấy đều vui mừng thăng lên hư không đồng tấu thiên nhạc, dùng âm thanh vi diệu ca ngợi công đức của chư Phật, lắng nghe kinh pháp vui mừng vô lượng. Cúng dường chư Phật xong, bỗng nhiên nhẹ nhàng bay về bốn quốc An Lạc vẫn còn trước giờ ăn.

Này A Nan! Lúc đức Vô Lượng Thọ Phật ban pháp ngữ cho hàng trời, người, Thanh văn, Bồ tát thì đều vân tập tại thất bửu giảng đường. Thính chúng được nghe diệu pháp không ai là chẳng khai ngộ vui mừng. Liền đó bốn phương tự nhiên gió nhẹ thổi động những cây thất bửu phát ra ngũ âm. Vô lượng hoa đẹp theo gió bay tứ tán để cúng dường bất tuyệt.

Tất cả hàng chư Thiên đều mang trăm ngàn thứ hoa hương cõi trời, và muôn thứ kỹ nhạc trời cúng dường đức Phật ấy cùng Bồ tát, Thanh văn. Rải hoa hương khắp nơi, hòa tấu âm nhạc, chư Thiên hàng hàng lớp lớp trước sau qua lại, vệt tránh lẫn nhau. Trong lúc ấy, tất cả đều sung sướng khoái lạc chẳng thể nói được.

Này A Nan! Chư Bồ tát sanh về nước An Lạc có giảng thuyết được thì thường tuyên chánh pháp thuận theo trí huệ chẳng hề sai thất.

Trong nước An Lạc, chư Bồ tát đối với vạn vật không có tâm ngã sở, không có tâm nhiệm trước, qua lại đi đứng tâm không hề lụy tùy ý tự tại, không khen lầy hay chê bỏ, không quan niệm bỉ ngã, không ý nghĩ tranh giành. Đối với mọi người có tâm đại từ đại bi, chỉ nghĩ đến việc làm lợi ích, lòng luôn nhu thuận điều phục không hề giận hờn, không lười biếng chán nản, lìa cái triền được thanh tịnh, có những tâm bình đẳng, tâm thù thắng, thâm tâm, định tâm, tâm yêu pháp, thích pháp và mừng được pháp, diệt trừ phiền não, rời tâm ác đạo, trọn vẹn công hạnh của Bồ tát, thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, được thâm thiền định, thần thông và trí huệ, chỉ ở bảy phần Bồ đề, tu tâm Phật thừa, nhục nhãn trong sáng không gì chẳng thấy biết rõ, thiên nhãn thông đạt vô hạn vô lượng, huệ nhãn thấy chơn đế đến được bờ kia, pháp nhãn quan sát rõ ràng các đạo, Phật nhãn đầy đủ chiếu rõ pháp tánh, dùng trí vô ngại giảng thuyết cho người, xem khắp ba cõi trống rỗng không chỗ có, chí cầu Phật thừa đủ các biện tài, trừ diệt khổ họa phiền não của chúng sanh, từ Như Lai sanh ra hiệu pháp như như, biết rành tập

diệt âm thanh phương tiện, chẳng thích thể tục ngữ ngôn, ưa mến đàm luận chánh pháp, tu tập những gốc lành chí tôn sùng Phật đạo, biết tất cả pháp thấy đều tịch diệt, hai thứ còn thừa là sanh thân và phiền não đều hết, nghe nói pháp thậm thâm lòng chẳng nghi chẳng sợ, thường hay tu hành đức tánh đại bi sâu xa vi diệu chở che cho tất cả, rốt ráo nhứt thừa đến bờ kia, quyết đoán lưới nghi trí huệ từ tâm phát ra, gồm bao Phật pháp không để sót, trí huệ rộng sâu như đại hải, tam muội vững chắc như sơn vương, trí huệ chiếu sáng trong sạch hơn hẵn mặt nhứt mặt nguyệt, pháp thanh bạch đều đã đầy đủ, soi các công đức đồng một trong sạch như núi Tuyết, tâm không phân biệt như mặt đất không nghĩ sạch dơ tốt xấu sai khác, rửa sạch những cấu nhiễm trần lao như tịnh thủy, cháy hết tất cả củi phiền não như lửa hồng, đi qua các thế giới không chướng ngại như gió lớn, với tất cả không dính mắc như hư không, nơi tất cả thế gian không bị nhiễm ô như hoa sen, chuyên chở chúng sanh ra khỏi sanh tử như cỗ xe lớn, chấn đại pháp lôi cảnh giác kẻ chưa thức tỉnh như mây dầy mưa pháp cam lộ nhuần ướt chúng sanh như mưa lớn, loài ma ngoại đạo chẳng động đến được như núi Kim Cang, nơi các pháp lành là bực tối thượng thủ như Phạm Thiên vương, che

mát tất cả như cây ni câu luật, rất là ít có khó gặp như hoa ưu đàm bát, oai phục ngoại đạo như kim sí điều, không có chứa đê như loài du cầm, không ai thắng được như ngư vương, khéo điều phục thuần thực như tượng vương, được vô sở úy như sư tử vương, đại từ bình đẳng như hư không rỗng rang, dứt lòng ganh ghét vì chẳng đố kỵ người hơn mình, chuyên ưa cầu pháp lòng chẳng chán đủ, thường muốn giảng dạy chí nguyện chẳng mỗi mết, đánh pháp cổ, dựng pháp tràng, chiếu huệ như trừ si ám, tu lục hòa kính, thường hành pháp thí, chí dũng mãnh tinh tấn, lòng không khiếm nhược thối chuyển, là đèn sáng cho đời, là ruộng phước thù thắng, thường làm thầy dìu dắt bình đẳng không thương ghét, chỉ thích chánh đạo không ưa muốn gì khác, nhổ gai ái dục để an ổn quần sanh, công đức trí huệ đều thù thắng không ai là chẳng tôn kính, diệt ba chương du hí thần thông, đầy đủ tất cả những lực như: nhơn lực, duyên lực, ý lực, nguyên lực, phương tiện lực, thường lực, thiện lực, định lực, huệ lực, đa văn lực, thí lực, giới lực, nhẫn lực, tinh tấn lực, thiên định lực, trí huệ lực, chánh niệm lực, chỉ quán lực, thần thông lực, và năng lực điều phục các chúng sanh đúng pháp, sắc thân tướng hảo công đức biện tài đều đầy đủ trang nghiêm không ai

bằng, cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật đồng khen ngợi, đã rớt ráo các môn ba la mật của Bồ tát, tu các môn Không, vô tướng, vô nguyện tam muội và các môn tam muội bất sanh bất diệt, rời xa địa vị Thanh văn và Duyên giác.

Này A Nan! Chư Bồ tát nước An Lạc thành tựu vô lượng công đức như vậy. Ta chỉ nói lược cho ông đó thôi. Nếu nói rộng thì nói suốt trăm ngàn muôn kiếp cũng chẳng hết được.

Đức Phật gọi ngài Di Lạc Bồ tát mà bảo rằng:

Này A Dật Đa! Công đức và trí huệ của hàng Thanh văn và Bồ tát nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật chẳng thể kể nói được.

Lại quốc độ ấy, vi diệu an lạc thanh tịnh dường ấy, sao chư Thiên và mọi người chẳng gắng sức làm lành, phải đều siêng năng tinh tấn nỗ lực tự cầu tất được siêu tuyệt vãng sanh nước An Lạc, dứt ngang năm ác đạo, ác đạo tự nhiên đóng bít, con đường đạo tiến lên không cùng tột dễ đến mà không có người, nước ấy chẳng trái bỏ một ai lại có sức kéo dặt tự nhiên. Sao mọi người chẳng vứt bỏ việc đời để chuyên cần tu hành cầu nên đạo đức để được tốt sự trường sanh, hưởng vui không cùng cực.

Nhưng người đời phần đông phước mỏng, cùng tranh nhau những sự chẳng cần kíp, ở tại trong chỗ kịch ác tội khổ mà nhọc nhằn kinh doanh chật vật để tự cung cấp. Không luận là người tôn kẻ ti, người nghèo kẻ giàu, trẻ già nam nữ đều lo nghĩ về tiền tài, vất vả sầu khổ mãi nghĩ mãi lo không lúc nào yên. Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà, có trâu ngựa lục súc nô tỳ tiền của y thực trăm ngàn thứ lại lo trăm ngàn thứ. Toan tính cầu lợi lo nghĩ buồn sợ bỗng chốc bị trộm cướp, nước cuốn, lửa cháy, sung công, tài sản tiêu tan thân mang tai họa, lại sầu khổ phần uất. Nếu tài sản không bị tiêu tan, thân không bị tai họa, nhưng cuối cùng vô thường bỗng đến, thân chết mạng chung, tay không mà đi không mang món gì theo được.

Đức Phật bảo ngài Di Lạc Bồ tát và hàng chư Thiên nhưn chúng rằng:

Nay Ta nói với các người, thế nhưn do những sự việc ấy nên chẳng đắc đạo. Phải suy nghĩ chín chắn, nên xa lìa những điều ác, chọn những điều lành rồi siêng năng thực hành. Ái dục vinh hoa là những thứ chẳng thể bảo tồn mãi mãi, rồi đều sẽ phải ly tan không có gì đáng vui đáng thích. May mắn gặp đức Phật tại thế phải kíp chuyên cần tu tập, người nào có chí nguyện sanh về nước An

Lạc thì được trí huệ sáng suốt, công đức thù thắng. Chẳng nên buông lung theo lòng dục vọng mà phụ rầy lời dạy trong kinh pháp giới luật đề rồi phải rơi ở sau người. Nếu có ai còn thắc mắc hay chẳng hiểu kinh pháp nên đem hỏi Phật. Ta sẽ giải thuyết cho.

Bấy giờ ngài Di Lạc Bồ tát tiến ra quỳ dài bạch đức Phật:

Đức Thế Tôn oai thần tôn trọng giảng nói rất hay. Tôi lắng nghe kinh ngữ mà đức Phật vừa nói, suy gẫm kỹ lại thì người đời thật đúng như lời đức Phật đã phán dạy. Nay đức Phật thương xót hiển thị đại đạo, tất cả đều sáng mắt ra được lợi ích lành rất lớn, không ai là chẳng vui mừng. Chư Thiên, nhơn dân cho đến các loài nhuyên động đều nhờ từ ân của đức Phật mà thoát khỏi ưu khổ.

Đức Phật dạy bảo rất sâu rất lành. Phật trí thấy suốt mười phương ba đời, chẳng sự gì là chẳng rành rẽ. Ngày nay, chúng tôi được giải thoát đây, đều là nhờ đời trước đức Phật đã từng khổ nhọc cầu đạo vậy. Ân đức của Phật trùm khắp, phước lớn vòi vọi quang minh chiếu suốt, đạt thấu pháp Không, khai nhập tịch diệt, cảm động mười phương vô cùng vô cực.

Đức Phật là đấng Pháp Vương, là thầy của tất cả trời người, tùy theo sở nguyện của họ đều làm

cho họ đắc đạo. Nay được gặp đức Phật lại được nghe về đức Vô Lượng Thọ Phật không ai là chẳng vui mừng tâm được khai ngộ.

Đức Phật bảo ngài Di Lặc Bồ tát:

Ông nói rất phải. Nếu ai mến kính đức Phật thì thật là sự đại thiện. Trong thiên hạ lâu lâu mới có Phật ra đời. Nay Ta ở đời này làm Phật diễn nói kinh pháp tuyên bố đạo giáo dứt các lưới nghi, nhổ gốc ái dục, ngăn nguồn xấu ác, đi khắp ba cõi không bị chướng ngại, khai thị ngũ đạo độ kẻ chưa được độ, quyết chánh con đường sanh tử và Niết bàn.

Này A Dật Đa! Từ vô số kiếp đến nay, ông tu Bồ tát hạnh để độ chúng sanh. Những người nhờ ông mà được đắc đạo cho đến chứng Niết bàn chẳng thể đếm nói. Chư Thiên và nhơn dân tứ chúng từ nhiều kiếp đến nay xoay lăn trong ngũ đạo, lo sợ khốn khổ chẳng nói hết được. Mãi đến đời nay vẫn chưa dứt sanh tử. Gặp được đức Phật, nghe thọ kinh pháp và được nghe về đức Vô Lượng Thọ Phật, thật là được lợi lành rất lớn. Ta mừng cho đó.

Các người ngày nay cũng nên tự nhàm chán sanh lão bệnh tử thống khổ, thân ngũ ấm hôi nhơ vô thường không có gì đáng vui thích. Phải tự

quyết đoán đọan thân chánh hạnh làm nhiều việc lành, trừ sạch tâm nơ bản, ngôn hạnh trung tín trong ngoài tương ưng, tự độ mình mà cũng cứu giúp người khác, thành tâm cầu nguyện chừa nhóm đức lành.

Dầu phải cần khổ tu hành nhưng chỉ là một đời ngắn ngủi, về sau được sanh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật hưởng sự khoái lạc vô cực, mãi mãi hiệp với đạo, khỏi hẳn sanh tử, không còn họa hoạn tham sân ngu si, muốn thọ một kiếp hay trăm ngàn muôn ức kiếp đều tùy ý tự tại, tất cả đều vô vi tự nhiên kế đạo tịch diệt. Các người phải đều tinh tấn phát nguyện tu hành, không được nghi ngờ chần chờ tự gây lấy tội vạ mà phải sanh về cung điện bảy báu ở biên địa của nước ấy, chịu lấy tai ách trong năm trăm năm.

Ngài Di Lạc Bồ tát bạch đức Phật:

Chúng tôi nhận lãnh lời răn dạy của đức Phật, chuyên cần tu học y giáo phụng hành, chẳng dám có lòng nghi ngờ.

Đức Phật lại bảo ngài Di Lạc Bồ tát rằng:

Các người có thể ở đời này đọan tâm chánh ý chẳng làm những điều ác đó là chí đức, mười phương thế giới không đâu sánh bằng. Tại sao vậy? Ở quốc độ của chư Phật, hàng chư Thiên và

nhơn dân tự nhiên làm điều lành, chẳng phạm nhiều điều ác, họ rất dễ khai hóa. Hiện nay Ta làm Phật ở thế gian này, ở trong ngũ ác ngũ thông ngũ thiêu, chỗ quá khổ lụy, giáo hóa chúng sanh khiến họ trừ ngũ ác, bỏ ngũ thông, rời ngũ thiêu, điều phục ý họ khiến họ trì ngũ thiện, cho họ được phước đức thoát khỏi thế gian chứng nhập đạo Niết bàn trường thọ.

Này A Dật Đa! Những gì là ngũ ác, ngũ thông và ngũ thiêu? Thế nào là tiêu hóa ngũ ác, khiến trì ngũ thiện được phước đức thoát khỏi thế gian chứng nhập đạo Niết bàn trường thọ?

- Điều ác thứ nhất - Chư Thiên và nhơn dân cho đến loài nhuyển động, phần đông muốn làm các điều ác đều như thế này: Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, giành giật tàn hại sát lụy cho đến ăn thịt lẫn nhau. Họ chẳng biết làm lành, ác nghịch vô đạo. Có nghiệp nhơn tất chịu quả báo, nên có những sự nghèo cùng hạ tiện cô độc, đui điếc câm ngọng tệ ác ngu si, thậm chí có hạng cuồng điên chẳng nên hình. Còn những người tôn quý hào phú cao tài minh đạt, đó là do đời trước họ nhơn từ hiếu đễ, tích đức làm lành. Thông thường thế gian có phép nước, ngục tù. Kẻ chẳng kiêng sợ giữ gìn làm ác bị tội phải xử phạt cầu thoát khó được. Thế gian có những sự hiện tiền trước mắt như vậy.

Khi chết đời sau càng sâu càng khổ vào chỗ u minh thọ lấy thân hình, nên có tự nhiên tam đồ vô lượng khổ não, chuyển đổi thân hình, thọ mạng hoặc dài hoặc ngắn, thần thức tự nhiên đến đó theo nhau cùng sanh, báo đền lẫn nhau không có lúc nào thôi dứt, tội ác chưa hết thì chẳng thể thoát lìa, đau khổ chẳng nói được. Con đường thiện ác như quả đương nhiên như vậy. Đây là một đại ác một thống một thiêu, như lửa lớn đốt cháy thân người.

Có ai ở trong ấy nhứt tâm nhiếp ý đoan thân chánh hạnh chuyên làm điều lành chẳng phạm tội ác thì được độ thoát, có phước đức lớn, sanh lên cõi trời, hoặc chứng nhập Niết bàn. Đây là một đại thiện vậy.

- Điều ác thứ hai - Người thế gian, cha con anh em chồng vợ vô nghĩa vô đạo, chẳng thuận pháp độ, xa xí hoang dâm kiêu mạn phóng túng, đều riêng muốn khoái ý nên buông lung theo lòng họ, khi dôi lẫn nhau, tâm khẩu mâu thuẫn, lời cùng ý không thành thật, siểm nịnh chẳng trung, xảo ngôn dua mị, ghét người hiền, chê người lành. Làm vua bất minh, làm quan lạm quyền, tại vị chẳng chánh khi dôi lẫn nhau, hãm hại trung cang, dung dưỡng gian nịnh. Tôi khi chúa, con khi cha, anh em chồng vợ bè bạn lường gạt nhau. Ai ai cũng cưu

lòng tham dục, sân hận, ngu si, muốn mình được nhiều mặc người tổn hại. Chẳng nghĩ nhà phá thân vong, chẳng quản tội trước họa sau, cho đến thân thuộc nội ngoại liên lụy diệt tộc.

Có khi gia đình bè bạn xóm làng chợ búa, dân ngu tranh giành lợi hại, do giận hờn mà kết oán thù. Kẻ giàu dư dả lại bòn xẻn chẳng chịu thí cho, tham ái quá nặng tâm nhọc thân khổ. Cuối cùng rồi không chỗ cậy nhờ đến đi một mình không ai theo giúp. Thiện và ác, họa và phước theo người mà sanh, hoặc ở chỗ vui hoặc vào chốn khổ, sau đó mới hối hận thì đâu còn kịp.

Người đời vì tâm khờ ít trí, thấy người làm lành thì chê ghét chẳng chịu ngưỡng mộ để được bằng. Chỉ muốn làm ác, làm điều phi pháp. Thường có tâm trộm cắp trông đoạt được của người. Phá của tiêu tan rồi đi tìm cầu. Tâm tà chẳng chánh, sợ người hơn mình. Chẳng lo tính trước, việc đến mới ăn năn. Hiện đời bị phép nước tù phạt trị tội. Sau khi chết đọa vào ác đạo, nên có tự nhiên tam đồ chịu khổ vô lượng. Xoay vần trong đó nhiều đời nhiều kiếp không có lúc ra khỏi, khó được giải thoát, đau khổ chẳng nói được. Đây là hai đại ác, hai thống, hai thiêu, như lửa lớn đốt cháy thân người.

Có người nào ở trong ấy mà nhứt tâm chế ý, đoan thân chánh hạnh chuyên làm điều lành, chẳng phạm điều ác thì được độ thoát có nhiều phước đức, hoặc sanh lên cõi trời, hoặc chứng nhập Niết bàn. Đây là hai đại thiện vậy.

- Điều ác thứ ba - Người đời nương nhờ nhau mà sống còn ở trong trời đất, tuổi thọ không được bao nhiêu. Trên có các nhà hiền minh trưởng giả tôn quý hào phú, dưới có những kẻ nghèo cùng ty tiện yếu kém ngu phu. Trong đó có những người bất thiện thường curu lòng tà ác, chỉ nghĩ nhớ dâm dật ái dục, phiền não đầy bụng, ngồi đứng chẳng an, tham lam muốn lấy không của người, chán ghét vợ nhà lén lút ra vào, hao tổn gia tài làm điều phi pháp. Tụ hội bè đảng, đem quân xâm lăng, đánh cướp giết hại, cưỡng đoạt vô đạo, ra ngoài làm ác chẳng tự làm ăn, trộm cắp bức hiếp buông lung hưởng lạc, hoặc với người trong thân thuộc cũng chẳng kể tôn ty. Gia tộc nội ngoại đều lo lắng khổ sở vì họ. Cho đến cũng chẳng kiêng sợ phép nước. Ác nghiệp chiêu báo, sau khi chết đọa vào tam đồ chịu vô lượng khổ não, xoay vần trong đó nhiều đời nhiều kiếp không có thời gian ra khỏi, khó được giải thoát, đau đớn chẳng nói được. Đây là ba đại ác, ba thống, ba thiêu, như lửa lớn đốt cháy thân người.

Có ai ở trong ấy nhứt tâm chế ý đoan thân chánh hạnh chuyên làm điều lành, chẳng phạm điều ác, thì được độ thoát, có nhiều phước đức, hoặc sanh lên trời hay chứng nhập Niết bàn. Đây là ba đại thiện vậy.

- Điều ác thứ bốn - Người đời chẳng nghĩ làm lành để dạy bảo lẫn nhau, lại cùng làm những điều ác, những là lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ. Cãi vả chê bai, ganh ghét người lành, hãm hại người hiền rồi đứng bên vui thích. Bất hiếu với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng. Vô tín với bằng hữu, tự tôn tự đại, cho mình là hay là phải, cậy quyền ý thế áp bức người, làm ác không biết hổ thẹn, chẳng tự biết mình. Tự cho mình là khỏe, muốn mọi người kính nể. Chẳng sợ trời đất thần minh nhứt nguyệt, chẳng chịu làm lành, khó giáo hóa. Không kiêng sợ ai luôn luôn kiêu mạn. Cậy có chút ít phước đức do đời trước làm được điều lành nhỏ, đời nay làm ác, phước đức tiêu diệt, sau khi chết, tội báo tự nhiên chẳng hề rời lìa, đọa vào tam đồ chịu vô lượng khổ thống, đến lúc này ăn năn đâu còn kịp. Xoay vần trong ấy nhiều đời nhiều kiếp không có thời kỳ ra khỏi, khó được giải thoát, đau khổ chẳng nói được. Đây là bốn đại ác, bốn thống, bốn thiêu, như lửa lớn đốt cháy thân người.

- Điều ác thứ năm - Người đời ỷ lại lười biếng chẳng chịu làm điều lành sửa mình tu nghiệp. Gia đình quyền thuộc đói rét khôn khổ. Cha mẹ có dạy răn thì giận dỗi chống trái, bất hiếu bất mục, phụ ân vô nghĩa, không có lòng báo đáp. Nghèo cùng khôn thiếu, sang đoạt phóng dăng, lấy ngang của người đê tỵ cung cấp. Thích ngon ưa rượu, ăn uống vô độ, gây gỗ xung đột chẳng biết nhơn tình. Thấy người hay tốt thì ganh ghét. Vô nghĩa vô lễ không hề kiêng kỵ. Phóng túng chơi bời không ai khuyên can được. Với lục thân quyền thuộc, thiếu đủ không hề đoái hoài. Chẳng nghĩ ơn cha mẹ, chẳng biết nghĩa thầy bạn. Tâm thường nghĩ ác, miệng thường nói ác, thân thường làm ác, không có được chút lành. Chẳng tin kinh pháp của chư Phật Hiền Thánh. Chẳng tin hành đạo sẽ được giải thoát. Chẳng tin sau khi chết thần thức đầu thai trở lại. Chẳng tin làm lành được lành, làm dữ được dữ. Muốn giết người chơn tu, phá rối chúng Tăng. Muốn hại cha mẹ anh em quyền thuộc. Tông tộc đều chán ghét muốn nó chết đi.

Người như vậy, tâm ý họ chầy phùng ngu si mê muội mà họ tự cho là sáng suốt. Chẳng biết sanh từ đâu đến, chết sẽ về đâu. Bất nhơn bất thuận ác nghịch trời đất, mà lại muốn cầu may

được trường thọ. Có ai thương dạy bảo điều lành lẽ phải, khai thị con đường sanh tử thiện ác, họ vẫn chẳng tin, khổ tâm cạn lời cũng thành vô ích. Lòng họ bít lấp, ý họ chẳng tỏ ngộ. Lúc sắp chết mới biết lo sợ ăn năn thì đâu còn kịp nữa.

Trong trời đất năm loài phân minh, rộng rãi mịt mờ mênh mênh mông mông. Báo ứng lành dữ, họa phước kéo dặt tự mình lãnh chịu, không ai thay thế được. Người lành làm lành thì từ vui vào vui, từ sáng vào sáng. Người dữ làm dữ thì từ khổ vào khổ, từ tối vào tối. Ai biết được đó? Chỉ một mình đức Phật biết rõ dạy bảo khai thị. Người tin làm theo rất ít. Vì thế nên sanh tử chẳng thôi, ác đạo chẳng tuyệt. Người đời tạo ác như vậy nên có tự nhiên tam đồ khổ sở vô lượng. Xoay vần trong ấy nhiều đời nhiều kiếp không có thời kỳ ra khỏi, khó được giải thoát đau đớn chẳng nói được. Đây là năm đại ác, năm thống, năm thiêu, như lửa lớn đốt cháy thân người.

Nếu có ai ở trong ấy nhứt tâm chế ý đoạn thân chánh niệm, ngôn hạnh tương ưng, việc làm chí thành, chuyên làm điều lành chẳng phạm điều ác thì được độ thoát, có nhiều phước đức được sanh lên cõi trời hay chứng nhập Niết bàn. Đây là năm đại thiện vậy.

Này A Dật Đa! Đó là năm điều ác trong đời khổ não như vậy. Năm thống, năm thiêu xoay vần sanh lẫn nhau. Chẳng tu đức lành mà chỉ làm những điều ác thì đều tự nhiên đọa vào ác đạo. Hoặc có kẻ hiện đời nay, trước hết bị bệnh hoạn cầu chết chẳng được, cầu sống chẳng được, cho mọi người thấy sự chiêu cảm của tội ác. Khi thân chết, thần thức theo ác nghiệp mà đi vào ba ác đạo chịu vô lượng thống khổ.

Tội ác từ mảy nhỏ lần thành to lớn, đều do tham lam tài sắc chẳng chịu ban bố. Chạy theo dục vọng si cuồng, phiền não buộc trói không tháo mở được. Tranh lợi về mình chẳng biết tự xét. Phú quý vinh hoa đương thì đắc ý, chẳng hay nhẫn nhục, chẳng biết làm lành. Không bao lâu oai thế tiêu diệt, thân bị khổ nhọc càng ngày càng nặng, như xấu quả khổ, như quả tự nhiên không hề sai sót, xưa nay đều như vậy thật rất đáng thương.

Này A Dật Đa! Người đời phần đông đều như vậy. Đức Phật xót thương dùng sức oai thần trừ diệt tội ác khiến họ về nẻo lành. Rời bỏ tư tưởng quấy ác mà phụng trì kinh giới, thực hành đạo pháp không trái không mất, thì trọn được chứng nhập đạo Niết bàn xuất thế.

Này A Dật Đa! Nay ông và chư Thiên cùng nhơn dân với người đời sau được kinh giáo của đức Phật phải suy gẫm chín chắn, có thể y theo trong ấy mà đoan thân chánh hạnh, người trên làm lành rồi đem cảm hóa người dưới, luân chuyển dạy bảo nhau đều giữ gìn thực hành, tôn bực Thánh, kính người lành, nhơn từ bác ái, chẳng dám trái lời Phật dạy. Phải cầu xuất thế, nhỏ dứt gốc sanh tử tội ác, rời hẳn con đường tam đồ vô lượng lo sợ khổ đau. Các người ở cõi này vun trồng cội công đức lớn rộng, ban ơn bố thí, chớ phạm cấm giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhứt tâm và trí huệ. Giáo hóa lẫn nhau, tu đức lập thiện, chánh tâm chánh ý, trai giới thanh tịnh một ngày một đêm còn hơn ở nước An Lạc làm lành cả trăm năm.

Tại sao vậy? Quốc độ An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật vô vi tự nhiên đều chứa những điều lành, không có tư hào việc ác. Ở cõi này làm lành mười ngày mười đêm hơn ở cõi khác làm lành ngàn năm. Tại sao vậy? Những cõi khác, người làm lành nhiều, người làm ác ít, phước đức tự nhiên không có chỗ để tạo ác. Chỉ ở thế gian này không có phước đức tự nhiên, nhiều người làm ác, cần khổ theo dục vọng, khi dôi lẫn nhau,

lao tâm khổ thân, uống đắng ăn độc, sự ác triền miên không bao giờ ngừng nghỉ.

Ta vì thương mọi người mà hết lời khuyên dạy hành đạo làm lành, tùy nghi dìu dắt, truyền kinh pháp của Phật, tất được thọ dụng, theo ý nguyện cầu đều làm cho đắc đạo cả. Chỗ nào đức Phật đi đến, hoặc quốc ấp, hoặc xóm làng, không đâu là chẳng nhờ giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt trong sáng, gió mưa phải thời, tai dịch chẳng khởi, nước thanh dân an, binh đao vô dụng, sùng đức trọng nhơn, chuyên làm lễ nghĩa.

Ta thương mọi người còn hơn cha mẹ thương con. Nay Ta ở đời này làm Phật cảm hóa năm ác, tiêu trừ năm thống, tuyệt diệt năm thiêu. Đem điều lành công phá tội ác, dứt khổ sanh tử, khiến được năm đức đến chỗ an ổn vô vi. Sau khi Ta nhập diệt rời bỏ thế gian này, kinh đạo diệt lần, nhơn dân siểm ngụy trở lại làm ác, năm thống năm thiêu hoàn lại như trước, về sau càng nặng chẳng nói hết được. Ta chỉ nói lược đó thôi.

Đức Phật bảo ngài Di Lặc Bồ tát:

Các người phải khéo suy gẫm dạy bảo lẫn nhau đúng theo kinh pháp của đức Phật, không được phạm ác.

Ngài Di Lặc Bồ tát chấp tay bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Lời đức Phật dạy rất hay. Người đời quả thật có như vậy. Đức Như Lai từ mẫn làm cho họ được độ thoát. Chúng tôi xin lãnh lời Phật cặn kẽ dạy bảo, chẳng dám sai thất.

Đức Phật bảo ngài A Nan:

Này A Nan! Ông đứng dậy chỉnh y phục chấp tay cung kính đánh lễ đức Vô Lượng Thọ Phật. Chư Phật Như Lai ở những quốc độ mười phương thường ca ngợi đức Vô Lượng Thọ Phật chẳng chướng ngại chẳng nhiễm trước.

Ngài A Nan đứng dậy chỉnh y phục, chánh thân hướng về phương Tây chấp tay cung kính năm vóc gieo xuống đất đánh lễ đức Vô Lượng Thọ Phật mà bạch rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi mong được thấy quốc độ An Lạc, đức Phật và chư Bồ tát cùng Thanh văn đại chúng.

Liền đó đức Vô Lượng Thọ Phật phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả thế giới của chư Phật mười phương. Những núi Kim Cang, núi Thiết Vi, núi Tu Di, các núi lớn nhỏ và tất cả vạn vật đều đồng một màu sắc. Như thời kỳ đại thủy tai, nước ngập tràn đầy tất cả, vạn vật đều chìm ngập chẳng còn, chỉ thấy mặt nước mênh mông. Quang minh của đức Vô Lượng Thọ Phật chiếu

khắp cũng như vậy. Quang minh của tất cả Bồ tát, Thanh văn đều bị che ản, chỉ thấy Phật quang sáng rõ.

Ngài A Nan thấy đức Vô Lượng Thọ Phật oai đức nguy nguy, tướng hảo đầy đủ, quang minh rực rỡ như núi Tu Di cao vượt trên tất cả thế giới. Tất cả hàng tứ chúng nơi đây cũng đồng thấy như vậy. Đại chúng ở nước An Lạc cũng nhìn thấy bên cõi Ta Bà này.

Đức Phật bảo ngài A Nan và ngài Di Lặc Bồ tát rằng:

Các ông có thấy ở nước An Lạc ấy, từ mặt đất báu lên đến không gian, tất cả vạn vật đều vi diệu thanh tịnh tự nhiên chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đều thấy.

- Các ông có nghe âm thanh to lớn của đức Vô Lượng Thọ Phật tuyên bố khắp tất cả thế giới giáo hóa chúng sanh chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi có nghe.

- Các ông có thấy người nước An Lạc ngồi cung điện thất bửu rộng lớn trăm ngàn do tuần, đến khắp những quốc độ mười phương cúng dường chư Phật không bị chướng ngại chẳng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đều thấy.

- Các ông có thấy trong nước An Lạc, những cây thất bửu, những ao thất bửu, những hoa trời đẹp thơm luôn luôn mưa rải khắp mặt đất thất bửu để làm trang nghiêm chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đều thấy.

- Các ông có thấy trong nước An Lạc, các loài chim đẹp lạ bay liệng trên không kêu hót hòa nhã không khác âm thanh của Phật, tiếng chim vang khắp thế giới. Các lời chim ấy đều do đức Phật Vô Lượng Thọ biến hóa ra, chẳng phải là thật súc sanh chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đều nghe thấy.

- Các ông có thấy chúng sanh ở nước An Lạc ngày đêm sáu thời tự nhiên niệm Phật tương tục chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi đều nghe thấy.

- Các ông thấy ở nước An Lạc, chư Thiên và Nhơn dân thọ dụng những thứ cần dùng có khác nhau chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi thấy trời và người ở nước An Lạc thọ dụng đồng nhau không có một chút sai khác.

- Các ông có thấy tại nước An Lạc, có người ở trong thai chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Chúng tôi thấy tại nước An Lạc, người ở trong thai cung điện bảy báu, như trời Đao Lợi ở trong cung điện thất bửu hoặc rộng lớn một trăm do tuần, hoặc năm trăm do tuần sung sướng, vui vẻ. Chúng tôi cũng thấy tại nước An Lạc, có người từ hoa sen thất bửu tự nhiên hóa sanh.

Lúc ấy Di Lặc Bồ tát bạch đức Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Duyên có gì mà người nước An Lạc có thai sanh và hóa sanh?

Đức Phật dạy:

Này A Dật Đa! Nếu có chúng sanh chẳng hiểu rõ Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng luân tối thượng thắng trí. Với những trí ấy nghi hoặc chẳng tin, nhưng lại tin như quả tội phước, tu tập hạnh lành, cầu nguyện sanh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật. Chúng sanh ấy sanh về nước An Lạc ở trong cung điện thất bửu năm trăm năm, chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ tát và chúng Thanh văn. Vì thế nên ở nước ấy gọi là thai sanh.

Nếu chúng sanh biết và tin Phật trí, cho đến biết và tin vô đẳng luân tối thượng thắng trí, tu các công đức, kính tin hồi hướng nguyện cầu

sinh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật. Các chúng sanh ấy sinh về nước An Lạc ở trong hoa sen thất bửu tự nhiên hóa sanh ngời kiết già, khoảnh khắc những thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức đều thành tựu đầy đủ như chư Bồ tát.

Lại này A Dật Đa! Chư đại Bồ tát ở cõi nước phương khác phát tâm muốn thấy đức Vô Lượng Thọ Phật để cung kính cúng dường và muốn thấy chúng Bồ tát, Thanh văn nước ấy. Chư đại Bồ tát ấy lúc mạng chung được sanh về nước An Lạc ở trong hoa sen thất bửu tự nhiên hóa sanh.

Này A Dật Đa! Tại nước An Lạc, những người hóa sanh vì có trí huệ thù thắng. Người thai sanh không có trí huệ, trong năm trăm năm thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Thánh chúng, Bồ tát và Thanh văn. Không do đâu để được cúng dường đức Phật, chẳng biết phép tắc của Bồ tát, chẳng tu tập được các công đức. Phải biết những người này lúc ở đời trước vì không có trí huệ, chẳng diệt nghi hoặc mà ra.

Này A Dật Đa! Thí như vua Chuyển Luân Thánh Vương có nhà ngục bảy báu trang nghiêm, trần thiết giường màn, treo phan kết tỵ. Nếu có

hàng tiểu vương tử mắc tội, bèn đem giam vào trong nhà ngục ấy trói bằng dây xích vàng, cấp dưỡng đầy đủ đồ uống ăn mềm nệm hoa hương kỹ nhạc, đồng như Chuyển Luân Thánh Vương không để thiếu thốn. Ý ông nghĩ sao, A Dật Đa! Các tiểu vương tử ấy có vui thích chăng?

- Bạch đức Thế Tôn! Không vui thích được. Họ chỉ mong có phương cách gì để ra khỏi ngục.

- Nay A Dật Đa! Cũng vậy. Các chúng sanh ấy vì nghi hoặc Phật trí mà sanh trong cung điện thất bửu không có hình phạt, cũng không có một niệm ác sự. Chỉ trong vòng năm trăm năm, chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, chẳng được tu các đức lành mà lấy đó làm khổ, dầu có những sự vui, nhưng vẫn chẳng thích chỗ ấy. Nếu các chúng sanh ấy biết tội đời trước rất ăn năn tự trách cầu rời chỗ ấy liền được toại ý qua đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật cung kính cúng dường, cũng được đến khắp vô lượng vô số chỗ chư Phật mười phương tu các công đức.

Nay A Dật Đa! Có Bồ tát nào sanh lòng nghi hoặc đối với Phật trí thì mất lợi lớn. Vì thế nên phải biết và tin trí huệ vô thượng của Phật.

Ngài Di Lặc Bồ tát thưa:

Bạch đức Thế Tôn! Ở cõi Ta Bà này có bao nhiêu Bồ tát bất thối sanh về nước An Lạc ấy?

- Nay A Dật Đa! Cõi Ta Bà này có sáu mươi bảy ức Bồ tát bất thối sanh về nước An Lạc ấy. Mỗi Bồ tát này đã từng cúng dường vô số chư Phật gần như Di Lạc vậy. Còn hàng tiểu Bồ tát và người tu tập công đức ít thì số đông chẳng thể kể nói, sẽ được sanh về nước ấy.

Nay A Dật Đa! Chẳng phải chỉ có các Bồ tát ở cõi này vãng sanh nước ấy mà quốc độ phương khác cũng như vậy.

Trong nước của đức Phật thứ nhất là đức Phật Viên Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật.

Đức Phật thứ hai là đức Bửu Tạng Phật có chín mươi ức Bồ tát đều sẽ vãng sanh.

Đức Phật thứ ba là đức Phật Vô Lượng Âm có hai trăm hai mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ bốn là đức Phật Cam Lộ Vị có hai trăm năm mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ năm là đức Phật Long Thắng có mười bốn ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ sáu là đức Phật Thắng Lực có một vạn bốn ngàn Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ bảy là đức Phật Su Tử có năm trăm ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ tám là đức Phật Ly Cầu Quang có tám mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ chín là đức Phật Đức Thủ có sáu mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ mười là đức Phật Diệu Đức Sơn có sáu mươi ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ mười một là đức Phật Nhơn Vương có mười ức Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ mười hai là đức Phật Vô Thượng Hoa có vô số bất khả xưng kể Bồ tát sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật thứ mười ba là đức Phật Vô Úy có bảy trăm chín mươi ức đại Bồ tát, chư Bồ tát nhỏ và chúng Tỳ kheo chẳng tính kể được, đều sẽ vãng sanh về nước An Lạc của đức Vô Lượng Thọ Phật.

Này A Dật Đa! Chẳng phải chỉ có chúng sanh trong mười bốn cõi nước trên đây sẽ vãng sanh về nước An Lạc, mà trong thế giới mười phương có vô lượng cõi nước, chúng sanh vãng sanh cũng

như vậy, rất đông rất nhiều, dầu Ta có kể nói luôn ngày đêm suốt một kiếp cũng chẳng hết được. Nay Ta chỉ nói lược đó thôi.

Này A Dật Đa! Có ai được nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ Phật mà hớn hở vui mừng cho đến chừng một niệm, phải biết người ấy đã được lợi ích rất lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng. Vì thế nên giả sử có lửa lớn đầy khắp cả Đại thiên thế giới vẫn cần phải lướt qua để nghe kinh pháp này rồi vui mừng tin ưa thọ trì đọc tụng tu hành đúng theo.

Tại sao vậy? Có rất nhiều Bồ tát muốn được nghe kinh này mà chẳng được. Nếu chúng sanh nào nghe kinh này thì không còn thối chuyển đạo Vô thượng Chánh giác. Vì lẽ ấy nên cần phải chuyên tâm tin ưa thọ trì đọc tụng giảng thuyết thực hành. Nay Ta vì các chúng sanh mà nói kinh pháp này, làm cho họ được thấy đức Vô Lượng Thọ Phật, tất cả vạn vật ở nước An Lạc và Thánh chúng Bồ tát, Thanh văn ở nước ấy. Chớ nên sau khi Ta diệt độ mà lại sanh lòng nghi hoặc.

Đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, Ta dùng oai lực từ bi đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm, có chúng sanh nào gặp kinh này thì tùy ý họ nguyện cầu đều được độ thoát.

Này A Dật Đa! Đức Như Lai ra đời khó gặp khó thấy, kinh pháp của Phật khó được khó nghe. Các môn ba la mật, các pháp thù thắng của Bồ tát được nghe cũng khó. Gặp thiện tri thức nghe pháp mà làm được cũng là khó. Nếu nghe kinh này mà tin ưa thọ trì là khó trong khó, không gì khó hơn. Vì thế nên pháp của Ta, làm như vậy, nói như vậy, dạy như vậy, phải nên tin thuận y theo tu hành.

Lúc đức Thế Tôn nói kinh này, có vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ đề. Một muôn hai ngàn na do tha người được pháp nhãn thanh tịnh. Hai mươi hai ức chư Thiên và Nhơn dân được quả A na hàm. Tám mươi vạn Tỳ kheo lậu tận ý giải thành A la hán. Bốn mươi ức Bồ tát được chẳng thối chuyển, dùng công đức hoằng thế để tự trang nghiêm, ở đời tương lai sẽ thành Chánh giác. Bảy giờ, Đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Quang minh lớn chiếu khắp cõi nước mười phương. Trăm ngàn âm nhạc tự nhiên hòa tấu. Vô lượng hoa đẹp thơm tho rưới xuống.

Đức Phật nói kinh này xong, Di Lặc Bồ tát và chúng Bồ tát từ mười phương đến, trưởng lão A Nan và chư đại Thanh văn, tất cả đại chúng nghe lời đức Phật dạy đều rất vui mừng tín thọ phụng hành.

MỤC LỤC

<i>Ban chứng minh</i>	5
<i>Ban cố vấn</i>	7
<i>Ban biên tập - Ban thực hiện</i>	9
<i>Tán dương công đức</i>	11
<i>Lời khai bạch</i>	13
<i>Tiểu sử Đại lão HT. Thích Trí Tịnh</i>	17
<i>Lời nói đầu của dịch giả</i>	35
<i>Phụ chú</i>	38
▪ PHÁP HỘI TAM TỤ LUẬT NGHI THỨ NHỨT	39
▪ PHÁP HỘI VÔ BIÊN TRANG NGHIÊM THỨ HAI	139
- PHẨM VÔ THƯỢNG ĐÀ LA NI THỨ NHỨT	139
- PHẨM XUẤT LY ĐÀ LA NI THỨ HAI	201
- PHẨM THANH TỊNH ĐÀ LA NI THỨ BA	215
▪ PHÁP HỘI MẬT TÍCH KIM CANG LỤC SĨ THỨ BA	263
▪ PHÁP HỘI TỊNH CƯ THIÊN TỬ THỨ TƯ	477
▪ PHÁP HỘI VÔ LƯỢNG THỌ NHƯ LAI THỨ NĂM	551

*



TRÍ TỊNH TOÀN TẬP

KINH ĐẠI BŪU TÍCH

Hán dịch: Pháp sư Bồ Đề Lưu Chi

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh

(Trọn bộ 9 quyển – Quyển 1)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập:

NGUYỄN THẾ VINH

Trình bày:

Ban Văn hóa chùa Hoằng Pháp

Đôi tác liên kết:

Chùa Vạn Đức

In 1000 quyển, khổ 19x26cm, tại Xí nghiệp in Fahasa, 774 Trường Chinh, Q. Tân Bình, Tp. HCM. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 2286-2014/CXB/20-64/HĐ, cấp ngày 31-10-2014. QĐXB số: 1865-2014/QĐ-NXBHĐ. Mã số ISBN: 978-604-86-3105-5. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2014.